BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI
----ꕥ📖ꕥ----

LƯỜNG THẾ ANH

TRUYỆN KỂ DÂN GIAN VỀ THẦN ĐỘC CƯỚC Ở BẮC BỘ VÀ BẮC TRUNG BỘ VIỆT NAM

***Chuyên ngành*: Văn học dân gian**

***Mã số*: 62.22.01.25**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ NGỮ VĂN

Người hướng dẫn khoa học: GS.TS. VŨ ANH TUẤN

HÀ NỘI - 2018

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các kết quả trong luận án là trung thực, đảm bảo độ chính xác cao nhất có thể. Các tài liệu tham khảo, trích dẫn có xuất xứ rõ ràng. Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về công trình nghiên cứu của mình.

Hà Nội, tháng 03 năm 2018
Tác giả

Lường Thế Anh

MỤC LỤC

Trang

LỜI CAM ĐOAN i

MỤC LỤC ii

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT v

MỞ ĐẦU 1

1. Lí do chọn đề tài 1

2. Mục đích và nhiệm vụ của đề tài 2

3. Đối tượng, phạm vi và tư liệu nghiên cứu 3

4. Phương pháp nghiên cứu 7

5. Đóng góp mới của luận án 8

6. Cấu trúc luận án 9

Chương 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VÀ CƠ SỞ LÝ THUYẾT CỦA LUẬN ÁN 10

1.**1. Tổng quan tình hình nghiên cứu** 10

1.1.1. Các nguồn tư liệu cổ về thần Độc Cước 10

1.1.2. Các nghiên cứu về thần Độc Cước sau năm 1945 14

1.1.3. Những vấn đề còn bỏ ngỏ 21

1.2. Cơ sở lý thuyết và một số khái niệm liên quan 22

1.2.1. Các lý thuyết sử dụng trong luận án 22

1.2.2. Một số khái niệm liên quan 28

1.2.3. Khái quát về vùng Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ 30

Tiểu kết chương 1 33

Chương 2. KHẢO SÁT TƯ LIỆU VÀ NHẬN DIỆN TRUYỆN KỂ DÂN GIAN VỀ THẦN ĐỘC CƯỚC 34

2.1. Khảo sát tư liệu 34

2.1.1. Lựa chọn hướng khảo sát 34

2.1.2. Khảo sát cốt truyện phổ biến 36

2.2. Nhận diện truyện kể về thần Độc Cước 43

2.2.1. Nhận diện thần Độc Cước trong đời sống văn hóa của cư dân Bắc Bộ và Bắc Trung bộ 43
2.2.2. Nhận diện thần Độc cước trong mối quan hệ đồng thời với quỷ biển, mưa giông 51
2.2.3. Nhận diện thần Độc Cước từ quan niệm lưỡng phân lưỡng hợp 57
Tiểu kết chương 2 63
Chương 3. CÁC MOTIF CƠ BẢN VÀ VAI TRÒ CỦA HÌNH TƯỢNG THẦN ĐỘC CƯỚC TRONG TRUYỆN KỂ DÂN GIAN 65
3.1. Các motif cơ bản trong truyện kể dân gian về thần Độc Cước 65
3.1.1. Motif về sự ra đời kỳ lạ 65
3.1.2. Motif chiến công phi thường 68
3.1.3. Motif xẻ thân 74
3.1.4. Motif thử tài 80
3.1.5. Motif tái sinh, bất tử 84
3.2. Vai trò của hình tượng thần Độc Cước 87
3.2.1. Thần Độc Cước trong vai trò người anh hùng văn hóa chinh phục tự nhiên 87
3.2.2. Thần Độc Cước trong vai trò bảo trợ nông nghiệp, ngư nghiệp 92
3.2.3. Thần Độc Cước trong vai trò của thủ lĩnh, bảo vệ địa bàn sinh sống 101
3.2.4. Thần Độc Cước trong vai trò là pháp sư trừ tà 107
Tiểu kết chương 3 111
Chương 4. CÁC DẠNG THỨC BIỂU HIỆN CỦA TÍN NGƯỠNG VÀ TÔN GIÁO TRONG TRUYỆN KỂ VỀ THẦN ĐỘC CƯỚC 113
4.1. Các dạng thức của tín ngưỡng dân gian trong truyện kể thần Độc Cước 113
4.1.1. Tín ngưỡng thờ đá 114
4.1.2. Tín ngưỡng thờ mặt trăng 116
4.2. Các dạng thức của tôn giáo trong truyện kể về thần Độc Cước 123
4.2.1. Dạng thức văn hóa Phật giáo 123
4.2.2. Dạng thức văn hóa Đạo giáo 136
Tiểu kết chương 4 141

KẾT LUẬN 142
DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN 146
TÀI LIỆU THAM KHẢO 147
PHỤ LỤC

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

1. BB&BTTB	:Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ
2. ĐBBB	:Đồng bằng Bắc Bộ
3. PL1	:Phụ lục 1
4. PL2	:Phụ lục 2
5. Truyện số...- PL2	:Truyện kể số...-Phụ lục 2
6. TĐC	:Thần Độc Cước
7. VHDG	:Văn học dân gian
8. LATS	:Luận án tiến sĩ
9. [...]	:Phần trích dẫn lược bỏ
10. In nghiêng	:Tên tác phẩm/báo/tạp chí/nhấn mạnh

MỞ ĐẦU

1. Lí do chọn đề tài

1.1. Thần Độc Cước được thờ ở nhiều nơi trên đất nước ta, đặc biệt là các vùng ven biển, ven sông kéo dài từ Hải Phòng đến Thanh Hóa. Theo thống kê, hiện có gần 300 điểm thờ, riêng ở Thanh Hóa có 52 điểm thờ. Không chỉ được thờ trong một không gian địa lí rộng lớn, thần Độc cước còn đi sâu, xuất hiện trong các sinh hoạt tín ngưỡng của người Kinh, trong các bài tế của thầy mo, thầy địa lí người dân tộc. Năm 2004, Ngô Đức Thịnh với bài viết *Then - Một hình thức Shaman của dân tộc Tày ở Việt Nam* cho rằng: trong danh sách các Thiên tướng của Then, đây đó còn thấy các vị thánh của Đạo giáo Việt Nam, như Độc Cước...Về Then cấp sắc trong nghi lễ có Tướng Ngụy Trưng Độc Cước [104; tr 445]. Năm 2006, Nguyễn Thị Yên trong cuốn *Then Tày* cho biết: có sự liên quan giữa các vị tướng chủ về phép thuật của Then có liên quan đến thần Độc Cước của các thầy Phù thuỷ miền xuôi [134; tr.186]. Điều đó cho thấy, sự ảnh hưởng của thần Độc Cước rất sâu đậm và lâu dài trong đời sống tín ngưỡng dân gian ở miền xuôi cũng như miền ngược.

1.2.Trong tiến trình dựng nước và giữ nước của dân tộc ta, nhân dân thường tôn vinh những người có công với đất nước, những người anh hùng giải phóng dân tộc, anh hùng văn hóa. Nhưng cũng có một loại anh hùng rất cần được lịch sử ghi nhận nhiều hơn, đó là những người có công đi mở cõi, khai phá đất đai mở rộng địa bàn, xây dựng và bảo vệ cuộc sống mới. Từ truyện kể dân gian về thần Độc Cước, có thể xem nhân vật này như hiện thân của người anh hùng đi mở cõi, người anh hùng văn hóa, khai phá những vùng đất mới, bảo vệ và truyền dạy nghề cho cư dân ngày một thịnh vượng.

1.3. Hình ảnh vết chân lạ xuất hiện trên đá, đất, trên cây ở nhiều nơi trên đất nước ta không phải là ít và không hẳn vết chân nào lưu lại cũng được dân gian lưu truyền, huyền thoại hóa về sự xuất hiện kì lạ đó. Nhưng với riêng vết chân khổng lồ xuất hiện ở trên dãy núi đá Sầm Sơn, Thanh Hoá được xem như khởi nguồn cho chuỗi truyện kể dân gian về vị thần Độc Cước, với nhiều câu chuyện hấp dẫn, đan xen giữa hiện thực và huyền thoại. Trên bước đường lưu chuyển truyện kể dân gian về thần Độc Cước đã có những ảnh hưởng nhất định đến các lớp văn hóa tôn giáo

và tín ngưỡng dân gian, tạo nên những diện mạo mới dấu chân thần, biểu tượng của người anh hùng thần Độc Cước.

1.4. Là một vị thần được sinh ra từ vùng biển xứ Thanh, vị thần ấy không phải của riêng Thanh Hoá mà đã gắn vào tâm thức cư dân biển đảo Việt Nam - những cư dân gốc nông nghiệp từ ngàn đời nay mang trong mình khát vọng vươn ra biển, khát vọng ấy ngày càng trở nên mãnh liệt hơn bao giờ hết. Nghiên cứu về thần Độc Cước như một sự tri ân của các thế hệ mai sau, luôn ghi nhớ công ơn của các vị tiên hiền, các bậc anh hùng đã có công trong việc khai thác và mở rộng địa bàn sinh tụ, dám hy sinh để bảo vệ vùng biển đảo và giữ vững độc lập chủ quyền cho dân tộc Việt ngày càng hùng mạnh, phát triển.

1.5. Thế kỷ 21, được xem là thế kỷ của "Biển và Đại dương", biển và kinh tế biển, biển và sức mạnh quốc phòng. Việt Nam có bờ biển dài hơn 3.200 km, trong 63 tỉnh có đến 28 tỉnh, thành phố giáp biển. Đối với Việt Nam, biển đóng vai trò quan trọng trong sự nghiệp xây dựng, phát triển kinh tế và bảo vệ tổ quốc trong lịch sử, hiện tại và cả tương lai. Cùng với biến đổi khí hậu thì vấn đề chiến lược biển, an ninh biển, vươn ra biển, phát triển kinh tế biển, vấn đề khai thác và bảo vệ nguồn nước (tài nguyên biển) đang là định hướng đúng đắn, có tính thời sự và cũng là cơ hội lớn cho sự phát triển của Việt Nam hiện nay. Ý thức được vấn đề đó, ngay từ xa xưa, hàng nghìn năm trước, cha ông ta đã gửi gắm khát vọng vươn khơi, vượt trùng dương, khai thác nguồn lợi từ biển, chinh phục và bảo vệ chủ quyền lãnh hải thông qua hình tượng người anh hùng thần Độc Cước, vị thần quyền năng ấy, theo thời gian đã lan tỏa vượt qua vùng Thanh Hóa, xâm nhập vào đời sống tinh thần của cư dân ven biển Việt Nam.

Với những đặc điểm riêng của truyện thần Độc Cước và ảnh hưởng sâu rộng của nó trong đời sống cộng đồng đã nêu trên, cho thấy việc nghiên cứu *truyện kể dân gian về thần Độc Cước ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ* là hết sức cần thiết, có ý nghĩa thực tiễn.

2. Mục đích và nhiệm vụ của đề tài

2.1. Mục đích nghiên cứu

- Hệ thống hóa các bản kể về truyện thần Độc Cước trong kho tàng văn học dân gian.

- Hệ thống hóa những vết chân khổng lồ trong truyện kể dân gian.

- Nghiên cứu các giá trị về nội dung, nghệ thuật của truyện kể dân gian về thần Độc Cước thông qua ý nghĩa cốt truyện, nghệ thuật xây dựng nhân vật và những biểu tượng có liên quan đến thần Độc Cước trong truyện kể dân gian.

- Nghiên cứu truyện kể dân gian về thần Độc Cước dưới góc nhìn văn học qua các motif, hình tượng, phác họa chân dung vị thần nổi bật với sự nghiệp công đức và các vai trò khác nhau của người anh hùng Độc Cước.

- Nghiên cứu truyện kể dân gian về thần Độc Cước dưới góc nhìn văn hóa thông qua các dạng thức văn hóa tôn giáo, lễ hội, tiếp biến văn hóa nhằm giải mã các lớp ý nghĩa biểu tượng về thần Độc Cước trong đời sống tín ngưỡng dân tộc.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Khảo sát những truyện kể dân gian về thần Độc Cước, về dấu chân lạ; tiến hành điền dã những điểm thờ, đền thờ thần Độc Cước còn lưu lại; tìm hiểu, quan sát trực tiếp lễ hội về thần Độc Cước.

- Tập hợp các tư liệu có liên quan đến cuộc đời nhân vật; lập bảng thống kê về truyện kể thần Độc Cước và dấu chân khổng lồ.

- Phân tích nhân vật, bóc tách thể loại, lớp văn hóa trầm tích trong truyện kể dân gian về thần Độc Cước ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ.

- So sánh truyện kể dân gian về thần Độc Cước với một số truyện kể dân gian khác, nhằm tìm những nét đặc sắc trong sự tương đồng giữa nhân vật thần Độc Cước với các nhân vật dân gian khác.

- Giải mã một số nét nghĩa biểu tượng, motif, ý nghĩa hình tượng về thần Độc Cước theo hướng nghiên cứu văn học dân gian từ mã văn hóa dân gian.

3. Đối tượng, phạm vi và tư liệu nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Nghiên cứu nhân vật thần Độc Cước trong truyện kể dân gian và nghiên cứu các lý thuyết, các giá trị văn học, văn hóa, vùng lưu truyền ảnh hưởng, tiếp biến văn hóa, vùng địa lí, đền thờ, điểm thờ, lễ hội, dấu chân Độc Cước và dấu chân khổng lồ có liên quan đến thần Độc Cước.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Luận án tập trung nghiên cứu truyện kể dân gian về thần Độc Cước ở một số tỉnh thuộc Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ Việt Nam.

***- Phạm vi không gian nghiên cứu*:**

Luận án nghiên cứu truyện kể dân gian về thần Độc Cước ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ Việt Nam, chúng tôi xin đưa ra vùng giới hạn của hai khu vực nghiên cứu.

+ Khu vực Bắc Trung Bộ: Trong quá trình khảo sát, chúng tôi nhận thấy ngoài tỉnh Thanh Hóa là nơi lưu truyền truyện kể dân gian về thần Độc Cước, còn lại đối với các tỉnh dọc ven biển Bắc Trung Bộ từ Nghệ An trở vào đến Thừa Thiên Huế theo vùng địa lý, chúng tôi chưa tìm thấy có vùng lưu truyền hiện tượng thờ thần Độc Cước ở khu vực này. Do đó, đối với khu vực Bắc Trung Bộ luận án chỉ giới hạn nghiên cứu đến Thanh Hóa, chủ yếu là vùng ven biển Thanh Hóa.

+ Khu vực Bắc Bộ: Hướng nghiên cứu chủ yếu ở các tỉnh Bắc Giang, Hưng Yên, Hà Nội, Hải Phòng, Bắc Ninh, Nam Định, Ninh Bình. Đây là những tỉnh có lưu truyền truyện kể về thần Độc Cước; còn đối với các địa phương khác thuộc Bắc Bộ, trong quá trình khảo sát chúng tôi chưa tìm thấy có hiện tượng thờ thần Độc Cước. Do đó, luận án chỉ tập trung nghiên cứu ở 07 địa phương trên là nơi có không gian lưu truyền về thần Độc Cước.

- Vấn đề sưu tầm và xử lí tư liệu

Về văn bản: Để phục vụ cho mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu, chúng tôi sưu tầm, điền dã, tuyển chọn và xử lí tư liệu truyện kể về thần Độc Cước được lưu truyền trong dân gian; nghiên cứu thần tích, thư tịch, địa chí ở các địa phương khác nhau. Ngoài ra cũng khảo sát, thống kê, sưu tầm những vết chân khổng lồ trong dân gian nhằm bổ sung kho tư liệu dân gian ngày một phong phú. Đồng thời tìm hiểu mối quan hệ ảnh hưởng tác động giữa nguồn gốc dấu chân thần Độc Cước với các dấu chân khổng lồ khác.

+ Luận án dựa vào các tài liệu đã được sưu tầm, công bố trên sách báo, chọn lựa những nguồn tư liệu đáng tin cậy để nghiên cứu về thần Độc Cước, cụ thể:

+Thần tích *"Bản sao về vị Bản Thục đại vương và Độc Cước thần linh ở Tiêu Sơn dưới triều Lý Cao Tông"* (theo chính bản của bộ Lễ triều Nguyễn, Thần thượng

đẳng thần, thất phẩm), biên soạn: Hàn lâm viện Đông các đại học sĩ, thần *Nguyễn Bính* phụng sao ngày mùng 10 tháng giêng, niên hiệu Hồng Đức năm (1572).

+ Cuốn *Danh thắng* còn gọi là *Quảng Xương Danh thắng* viết bằng chữ Nôm do Lê Đức Nhuận người xã Quảng Vinh, Sầm Sơn đậu cử nhân năm Canh Thân (1848) thời Tự Đức soạn và ghi chép lại.

+ Lê Xuân Kỳ -Hoàng Hùng –Thích Tâm Minh (2008) (Biên soạn) *Các vị thần thờ ở xứ Thanh (Thanh Hóa chư thần lục (1903))*, Nxb Văn học Hà Nội.

+ Hoàng Tuấn Phổ (1983), *Thắng cảnh Sầm Sơn*, Nxb Thanh Hóa.

+ Ninh Viết Giao (Chủ biên), Hoàng Tiến Tựu, Viên Ngọc Lưu (1995), *Địa chí văn hóa Hoằng Hóa*, Nxb Khoa học xã hội Hà Nội.

+ Lê Kim Lữ (1998), "*Đền Độc Cước*" Nxb Thanh Hóa.

+ Nguyễn Minh Ngọc (2000) (Biên soạn) *Bách thần Hà Nội*, Nxb Cà Mau.

+ Nguyễn Duy Hinh (2003), *Người Việt Nam với Đạo giáo*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

+ Vũ Thanh Sơn (2004), *Những vị thần được thờ ở Hà Nội*, Nxb Hà Nội.

+ Kiều Thu Hoạch (Chủ biên) (2004), "*Tổng tập Văn học dân gian người Việt, Tập 5, Truyền thuyết dân gian người Việt"*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr 720 -727.

+ Vũ Ngọc Khánh, Lê Sĩ Giáo, Phạm Văn Đấu (2004), *Địa chí Thanh Hoá, Tập 2*, Văn hoá xã hội, Nxb Khoa học xã hội Hà Nội.

+ Hoàng Minh Tường (2005), *Tục thờ thần Độc Cước ở làng Núi, Sầm Sơn, Thanh Hoá*, Nxb Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.

+ *Lễ hội 100 năm du lịch Sầm Sơn* (2007), (Tài liệu đánh máy, lưu tại Phòng Văn hóa Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa).

+ Hoàng Bá (Minh) Tường (2010), *Tục thờ thần Độc Cước ở một số làng ven sông biển tỉnh Thanh Hóa*, Luận án tiến sĩ Văn hóa học, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội.

+ Ngô Văn Trụ - Ngô Văn Thành (Chủ biên) (2008), *Di sản văn hóa Bắc Giang*, phần *Văn học dân gian, Tập 4*, Bảo tàng tỉnh Bắc Giang xuất bản...

Những cuốn tư liệu kể trên, trong phần tổng quan luận án và quá trình triển hai chúng tôi sẽ đề cập đến, đồng thời sẽ có trích dẫn những tư liệu này để làm cơ sở nghiên cứu của luận án.

- *Thần tích:*

+ Thần tích làng Phán Thủy, xã Song Mai, Kim Động, Hưng Yên.

+ Tài liệu của xã Hoằng Hải, Hoằng Hóa, Thanh Hóa.

+ Lí lịch Di tích đình Mỗ Xá, xã Phú Nam An, huyện Chương Mĩ, Hà Nội, Tài liệu đánh máy lưu trữ tại Bảo tàng Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thành phố Hà Nội.

+ Thần tích lưu giữ tại đền Cô Tiên, xã Quảng Vinh, Sầm Sơn, Thanh Hóa.

+ Tài liệu tại Nghè My Du, xã Hoàng Kim, huyện Hoằng Hoá, Thanh Hóa

+ Tài liệu tại đền thần Độc Cước ở Sầm Sơn (các sắc phong, bia đá...)

- Sắc phong thần Độc Cước

- *Tư liệu điền dã:*

+ Chúng tôi đã đi điền dã và ghi lại được 05 truyện kể (gồm ở khu vực: Sầm Sơn 02 truyện kể, Hậu Lộc 02 truyện, Hoằng Hóa 01 truyện kể). Những cụ Thủ từ kể chuyện về thần Độc Cước gồm có.

+ Cụ Phan Đình Bưng 81 tuổi, Thủ đền Độc Cước ở Sầm Sơn, Thanh Hóa

+ Bác Lê Văn Sĩ ở đền Độc Cước Sầm Sơn, Thanh Hóa

+ Cụ Tạ Văn Trọng 82 tuổi, Thủ đền Minh Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa

+ Cụ Nguyễn Văn Sinh 81 tuổi, Thủ đền Đình làng Phú Điền, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

+ Cụ từ Nguyễn Văn Tộ 84 tuổi, Thủ đền Thanh Nga, xã Hoằng Trinh huyện Hoằng Hoá, Thanh Hóa...

- Đối với một số nơi thờ thần Độc Cước là do rước chân nhang từ Sầm Sơn về thờ, chúng tôi đã được một số cụ Thủ từ cung cấp thông tin, tư liệu gồm:

+ Thủ từ đình làng Vẽ, Đông Ngạc, Từ Liêm, Hà Nội.

+ Thủ từ đền Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội.

+ Thủ từ đền My Du, Hoằng Hóa, Thanh Hóa.

+ Trụ trì Linh Tiên Quán, xã Đức Giang, Hoài Đức, Hà Nội; Chùa Nghè Hà Phú, huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng; Chùa Phúc Khánh, Đống Đa, Hà Nội.

+ Nhà nghiên cứu văn hóa dân gian Hoàng Tuấn Phổ, TP. Thanh Hóa.

+ Bác Trần Đình Thảo thầy cúng đền Bà triều, Sầm Sơn đã giúp đỡ tư liệu.

Trong quá trình khảo sát luận án, chúng tôi đã đi điền dã ở một số địa phương trong và ngoài tỉnh Thanh Hóa. Có một thực tế cho thấy, những nơi điền dã có được tư liệu là do trong đền thờ còn lưu giữ thần tích hoặc các cụ Thủ đền cung cấp thông tin và kể lại câu chuyện về thần Độc Cước. Tuy nhiên, cũng có một số nơi thờ thần Độc Cước là do người dân đến đền chính ở Sầm Sơn xin rước chân nhang, duệ hiệu của Thần về để thờ như: Đình Thanh Nga, My Du huyện Hoằng Hóa, Thanh Hóa; Đền Văn Quán, Hà Đông; Đình Vẽ Từ Liêm, Hà Nội. Cũng có khi, ở một số nơi có sự phối thờ với các vị thành hoàng làng, giữa vị thần Độc Cước với các vị thánh của Đạo giáo, của Phật giáo, trong Tam phủ, Tứ phủ như: Đền Hiển Linh Từ phường Khương Thượng; Chùa Phúc Khánh, Đống Đa, Hà Nội; Linh Tiên Quán, Hoài Đức, Hà Nội...

Như vậy, trong quá trình xử lí tư liệu phục vụ cho việc nghiên cứu luận án, chúng tôi sẽ trích dẫn nguồn tư liệu hiện có trong số 35 truyện kể và thần tích đã được thống kê, đồng thời sẽ có những so sánh, đối chiếu với những truyện kể dân gian khác.

4. Phương pháp nghiên cứu

Để nghiên cứu truyện kể dân gian về thần Độc Cước, luận án kết hợp sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau:

- *Phương pháp điền dã*: Chúng tôi tìm hiểu nhân vật thần Độc Cước trong truyện kể dân gian với mối liên hệ giữa tín ngưỡng, lễ hội, phong tục nơi thờ tự; chúng tôi tiến hành điền dã tại một số vùng lưu truyền truyện kể ở một số tỉnh thuộc Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ Việt Nam.

- *Phương pháp thống kê, khảo sát, so sánh*: Chúng tôi tập hợp những truyện kể dân gian về thần Độc Cước tồn tại trong các thư tịch, thần tích đã xuất bản trên cơ sở thống kê truyện kể, tần suất biểu hiện, đặc điểm, hành trạng của nhân vật. Trong quá trình nghiên cứu luận án sẽ dựa trên những đặc điểm giống nhau về loại hình, so sánh với những bản kể cùng loại truyện kể dân gian, nhằm tìm hiểu những giá trị đặc trưng trên các phương diện motif, cốt truyện, nhân vật, giá trị hình tượng và sức sống của nhân vật thần Độc Cước. Chúng tôi sử dụng phương pháp so sánh nhằm đặt truyện kể dân gian về thần Độc Cước ở vùng Sầm Sơn bên cạnh truyện kể dân gian các vùng văn hóa khác, để thấy rõ những điểm tương đồng và dị biệt về

nội dung và hình thức thể loại giữa chúng, từ đó làm nổi bật nét đặc sắc của truyện kể dân gian về thần Độc Cước.

- *Phương pháp phân tích tổng hợp*: Trong quá trình khảo sát, xử lí tư liệu sẽ có những nhận định, phân tích tư liệu, chọn những dẫn chứng tiêu biểu cho việc nghiên cứu luận án, rút ra nhận xét, đánh giá tổng hợp. Trên cơ sở khảo sát tư liệu, khảo sát vùng văn hóa, sự biến đổi văn hóa để xác định hướng nghiên cứu.

- *Phương pháp liên ngành*: Đặt truyện kể về thần Độc Cước trong mối quan hệ giữa môi trường sống tự nhiên với những mối liên kết các chuyên ngành khác như: Folklore với dân tộc học, văn hoá học, tôn giáo, lịch sử, địa lí học nhằm nghiên cứu một cách đầy đủ, khách quan trên tinh thần khoa học. Từ đó, có so sánh, đối chiếu, giải mã văn học, giải mã các biểu tượng về thần Độc Cước thông qua nghiên cứu liên ngành. Áp dụng phương pháp loại hình học nhằm tìm hiểu những nét tương đồng và khác biệt trong truyện kể về thần Độc Cước với các truyện kể dân gian khác.

5. Đóng góp mới của luận án

Sưu tập và hệ thống hóa truyện kể về thần Độc Cước trong các thư tịch và nguồn tài liệu điền dã (gồm 35 truyện kể dân gian đã được sưu tầm, trong đó có 05 truyện kể do tác giả đi điền dã sưu tầm được) chưa kể 07 dị bản truyện kể, 06 thần tích về thần Độc Cước.

Sưu tập và hệ thống hóa được 69 dấu chân khổng lồ; thống kê 25 điểm thờ Độc Cước ngoài Thanh Hóa và 52 điểm thờ Độc Cước ở Thanh Hóa.

Chỉ ra được những motif cơ bản trong truyện kể về thần Độc Cước gồm có 05 motif: "ra đời kì lạ", "lập chiến công", "xẻ thân", "thử tài", "tái sinh"; chỉ ra được vai trò của hình tượng thần Độc Cước trong công cuộc chinh phục thiên nhiên; bảo trợ nông ngư nghiệp; bảo vệ địa bàn sinh sống; diệt quỷ trừ tà.

Nhận diện truyện kể về thần Độc Cước trong đời sống tâm linh và trong mối quan hệ đồng thời với quỷ biển, giông tố, vòi rồng một hiện tượng của thiên tai.

Giải mã biểu tượng nhân vật thần Độc Cước dưới nhiều góc độ: từ loại hình, motif truyện, địa lý vùng chỉ ra các lớp tín ngưỡng dân gian (thờ đá, thờ mặt

trăng); ảnh hưởng của Phật giáo (phép tu một chân), Đạo phù thủy (vai trò của Pháp sư trừ tà).

Chỉ ra từ nguồn gốc phát sinh từ nhiên thần đến nhân thần, từ thần thoại đến truyền thuyết, cổ tích lan truyền ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ; bóc tách các lớp tín ngưỡng dân gian với lớp tôn giáo khác.

Khái quát hóa bức tranh của cư dân nông nghiệp trong quá trình vươn ra và thích ứng với biển khơi, trong công cuộc chinh phục vùng đất mới, khát vọng làm chủ biển cả.

Luận án là công trình nghiên cứu một cách hệ thống truyện kể dân gian về thần Độc Cước trong đời sống văn hóa của cộng đồng cư dân Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ Việt Nam. Phân tích, giải mã các biểu tượng văn học thông qua các lớp văn hóa tín ngưỡng dân gian, tôn giáo và lễ hội thờ thần Độc Cước.

6. Cấu trúc luận án

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Tài liệu tham khảo và Phụ lục; Nội dung luận án bao gồm 04 chương:

Chương 1: *Tổng quan về tình hình nghiên cứu và cơ sở lý thuyết của luận án*

Chương 2*: Khảo sát tư liệu và nhận diện truyện kể dân gian về thần Độc Cước*

Chương 3: *Các motif cơ bản và vai trò của hình tượng thần Độc Cước trong truyện kể dân gian*

Chương 4: *Các dạng thức biểu hiện của tín ngưỡng và tôn giáo trong truyện kể về thần Độc Cước*

Chương 1
TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VÀ CƠ SỞ LÝ THUYẾT CỦA LUẬN ÁN

1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Việc xác định được vấn đề nghiên cứu truyện kể dân gian về thần Độc Cước là một trong những bước quan trọng của luận án. Vì vậy, trong chương 1 chúng tôi tập trung xác định tổng quan lịch sử nghiên cứu, cơ sở lí thuyết và những khái niệm có liên quan đến luận án. Cùng với đó, sẽ có những kiến giải, bình luận về những công trình nghiên cứu trước đó.

1.1.1. Các nguồn tư liệu cổ về thần Độc Cước

Những tài liệu được ghi chép về thần Độc Cước sớm nhất phải kể đến: *Bản Thần tích thần Độc Cước* được lưu tại Đình Nội Đông, xã Yên Sơn, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang, do Hàn lâm viện Đông các đại học sĩ Nguyễn Bính phụng sao về vị Bản Thục đại vương và *Độc Cước thần linh ở Tiêu Sơn* dưới triều Lý Cao Tông (theo chính bản của bộ Lễ triều Nguyễn, Thượng đẳng thần, thất phẩm), niên hiệu Hồng Đức năm đầu (1572). Xét về chính sử bản thần tích này do Nguyễn Bính biên soạn, là bản đầu tiên kể về sự tích thần Độc Cước. Truyện kể số 15 -Phụ lục 2 (truyện số 15-PL2) [111; tr.784 – 793], đã nêu rõ nguồn gốc xuất thân và công trạng của thần Độc Cước như sau: Đến đời Cao Tông triều Lý, ở trại Đông Thắng huyện Phong Phú, phủ Từ Sơn, đạo Kinh Bắc có một gia đình họ Nguyễn, tên là Lễ, lấy người Phú Độ, tên là Đào Thị Khôi (Thái bà) [...] Thái Bà mơ thấy có thiên thần giáng xuống trần, cho vào làm con nhà họ Nguyễn, lúc mới sinh mình dài hơn 3 thước[...] Thần tướng đến thẳng biên cảnh của tặc quỷ, tám tướng quỷ và hơn 20 vạn tinh binh xin hàng. Như vậy, ngay từ thế kỷ XVI, các sử thần của triều đình phong kiến đã rất chú ý đến việc sưu tầm, biên soạn để xây nên một phả hệ về các vị thần linh Việt Nam, trong số đó có thần Độc Cước; vị thần uy linh, huyền thoại cùng với những sự tích ra đời thần kì, có sức khỏe phi thường, lập được chiến công hiển hách, giúp dân cứu khổ trừ tai.

Sắc phong từ thời Lê mang niên hiệu Cảnh Hưng năm thứ 44 ngày 26 tháng 7 (1783) có chép: Chu Văn Khoan (họ và tên của Ngài), là một vị thánh giúp các triều đại giữ gìn được đất nước một cách mạnh mẽ ngang với bậc đại vương. Thật là

một vị thần tướng do trời sinh ra. Hiệu là "đại pháp sư" có 7 phép để trị kẻ gian ác cùng với ma quỷ [...] nay thấy công lao của ngài lớn quá nên phong mấy chữ "Độc Cước Sơn Triều". Vị Thánh linh thiêng vào bậc nhất trong hàng thánh mà không vị nào bằng, ngài đem sự tài giỏi linh thiêng ấy để giữ gìn bờ cõi cho đất nước bảo vệ dân lành và muôn vật. Đối với kẻ ác, trừng trị thẳng tay thật là một vị thánh đầy đủ uy lực nhân hậu" [69; tr.24-26]. Đây là sắc phong sớm nhất của triều đình nhà lê phong cho thần Độc Cước, công nhận vai trò to lớn, khẳng định uy quyền, ca ngợi công lao to lớn của thần đối với đất nước, nhân dân.

Theo cuốn *Quảng Xương danh thắng* viết bằng chữ nôm do Lê Đức Nhuận người xã Quảng Vinh, Sầm Sơn đậu cử nhân năm Canh Thân thời Tự Đức (1848) soạn và ghi lại như sau: Đêm mùng 7 tháng giêng mưa to gió lớn, nước ngoài biển dâng lên ngập ngang núi, cây cối đổ rạp, dân trong vùng kinh hãi. *Sáng hôm sau dân làng trèo lên đỉnh núi thì thấy một bàn chân lớn, dài hơn một thước in trên hòn đá.* Cuốn sách bước đầu đã đề cập đến tín ngưỡng thờ đá và để tạo cho tính "thiêng của đá" họ đã hình dung là có một vị thần đã đến đây, ở chốn này đã để lại vết chân trên đá. Như vậy, tục thờ đá thiêng đã có từ xa xưa, còn tục thờ dấu chân thiêng, dấu chân trên đá thì cũng được dân gian chú ý và tôn thờ. Cũng theo sách *Quảng Xương danh thắng* có đề cập đến: *Thần Độc Cước rất uy linh là một vị cao tăng đứng một chân đọc kinh, giảng kệ. Một đêm hoá bay lên trời anh linh hiển hiện nhiều nơi phụng thờ, đền nào cũng có vết chân ngài hiện, mà đền Sầm Sơn lại chính là đền có vết chân ngài hiển hiện ra lần thứ nhất*. Sự hiện diện của Phật giáo đã có mặt ở Thanh Hóa từ thế kỉ thứ II, sau Công nguyên theo hướng đường biển. Thần Độc Cước được nhân hóa thành vị thần tăng đứng một chân để đọc kinh. Bước đầu cho thấy truyện kể Phật giáo đã có sự ảnh hưởng nhất định đến truyện kể về thần Độc Cước, trong hình ảnh một vị cao tăng đứng một chân.

Trong *Bài văn bia tại miếu Thổ thần* được dựng vào năm Canh Thân (1860) đặt trước đền Độc Cước ở Sầm Sơn, có đoạn như sau:[...] Tuy là đá nhưng không phải là đá, ở Việt Nam ai cũng biết đấy là vị thần linh thiêng. Đền Sầm Sơn là nơi thờ phụng linh thiêng nhất nên mọi người đều đến để cầu khấn. Đây cũng là một sự ghi nhận của nhân dân đối với công lao to lớn của thần, sự linh thiêng của ngôi đền Độc Cước [69; tr.27-28].

Bộ sử *Đại Nam nhất thống chí* ra đời khoảng 1875 thời vua Tự Đức, có nhắc đến một phần nơi thờ thần Độc Cước trong tổng thể khu di tích về đền Độc Cước có "*Đền Kỳ Phong ở chân núi xã Trường Lệ huyện Quảng Xương (Sầm Sơn) tỉnh Thanh Hoá"* [90; tr.286]. Tuy nhiên, đây là bộ sử đầu tiên giới thiệu về ngôi đền mà chưa có những bàn luận về thần Độc Cước.

Theo truyện kể dân gian ở vùng Sầm Sơn thì nguồn gốc ra đời của đền thần Độc Cước thì có từ thời Trần, khi vua Trần đi qua vùng biển Sầm Sơn, được thần báo mộng giúp vua đánh giặc; thắng lợi trở về nhà vua đã cho xây dựng đền Độc Cước từ thế kỉ XIII.

Theo cuốn sách *Thanh Hoá Chư thần lục* được biên soạn từ thời Thành Thái năm 1903. Sách được "Phụng biên" tức biên soạn theo lệnh Vua là loại sách được biên soạn cẩn thận và nghiêm túc nằm trong hệ thống "Quan bản" của Triều đình Huế. Trong sách ghi tất cả 943 thần vị trong đó có 770 Dương thần (thần nam) và 173 Âm vị (thần nữ). *Riêng ở Thanh Hoá có 52 điểm phụng thờ Độc Cước tôn thần*; được phân bố theo huyện: Nga Sơn 01, Hậu Lộc 06, Hoằng Hóa 09, Mỹ Hóa 08, Yên Định 04, Ngọc Sơn 14, Quảng Xương 03, Cẩm Thủy 03, Lôi Dương 02, Đông Sơn 01 và Thụy Nguyên 01 thần Độc Cước [63; tr.631- 635]. Đây là cuốn sách đã ghi chép một cách hệ thống những vị thần được thờ, những điểm thờ các vị thần ở Thanh Hóa, trong đó có ghi chép sự tích, thống kê những điểm thờ thần Độc Cước. Cuốn sách này rất quan trọng cho chúng tôi trong việc xác định thông tin về những điểm thờ và địa danh thờ thần Độc Cước, tiện lợi trong việc điền dã, tìm hiểu thông tin để đến một số điểm thờ ở Thanh Hóa. Phần này, chúng tôi đã lập bảng thống kê những địa danh thờ thần Độc Cước ở Phụ lục 4 của luận án.

Năm 1904, trong cuốn *Báo cực truyện* kể rằng: Có một vị thần tăng đứng một chân để tụng kinh, giảng đạo, qua một ngày một đêm thì siêu thăng. Sau đó rất anh linh, hễ cầu xin gì là ứng nghiệm liền, *có đến hơn một trăm nơi lập đền thờ, đều là những chỗ mà dấu chân thần Độc Cước đã đi qua* [7; tr. 36- 37]**.** Báo cực truyện được xem là một tập huyền thoại Phật giáo, văn bản này ra đời khoảng từ cuối thế kỉ XI. Từ "Báo" là một từ cực kì quan trọng đối với các nhà sư, người dùng nó để chỉ nghiệp báo hay sự báo ứng, cũng là câu chuyện về cực hạn của sự báo ứng. Những thông tin của nó được trích dẫn trong một nguồn tư liệu về sau của cuốn *Việt điện u linh tập* ở thế kỉ XIV. Như vậy, tác giả H.Le Breton đã dựa

vào cuốn sách *Báo cực truyện* để kể lại sự tích, theo đó thần Độc Cước với hình ảnh một vị thần tăng hay nói đúng hơn là thần Độc Cước đã được hòa quện trong tín ngưỡng Phật giáo.

Năm 1920, tác giả H.Le Breton trong cuốn *Những đình chùa và những nơi lịch sử trong tỉnh Thanh Hóa* do Xuân Lênh dịch từ nguyên bản tiếng Pháp. Ông đã ghi chép các di tích lịch sử, các đền chùa ở Thanh Hóa. Tác giả đề cập đến thần Độc Cước: Thân mình bị cắt làm hai, đứng một chân và một tay cầm búa, thần phù hộ cho mùa màng tươi tốt, người, vật thịnh vượng, nho sĩ đỗ đạt trong các kì thi. Cũng theo sách này cho biết ***Độc Cước còn thờ tại 300 nơi khác***, nhưng chính trên núi Sầm Sơn xuất hiện và đền thờ Độc Cước cũng được xây dựng đầu tiên. Ngoài ra, tác giả còn cho biết thêm làng Quang Bằng, tổng Quan Hoàng, gần Sông Mã có một ngôi đền thờ Độc Cước, thần một chân, một vị thần linh đạo giáo [7; tr. 40]. Theo chúng tôi, đây là cuốn sách duy nhất nhắc đến *300 điểm thờ thần Độc Cước*, tuy nhiên đây là sách dịch chưa được công bố rộng rãi, việc cung cấp thông tin mang tính tham khảo.

Trong lời giới thiệu sơ lược lịch sử ngôi đền Độc Cước treo tại đền chính ở Sầm Sơn có đoạn: Đền Độc Cước tọa lạc trên hòn Cổ Giải (cổ con rùa biển) còn gọi là hòn Miết Cảnh, thuộc Sầm Sơn, Thanh Hóa. Thần Độc Cước có nhiều phép biến hóa, thần đã trấn giữ, cai quản, diệt trừ quỷ dữ ngoài biển và tà ma, quỷ ác trong đất liền. Thần đã hiển thánh giúp vua Trần Nhân Tông dẹp giặc Chiêm thành.

Như vậy, những tài liệu nghiên cứu trước năm 1945 cho thấy, đa phần là những tư liệu có tính chất giới thiệu về ngôi đền, lễ hội, tục thờ thần Độc Cước hoặc sưu tầm những câu chuyện dân gian được ghi trong thần tích.

Chúng tôi nhận thấy có một số điểm lưu ý như sau:

Thứ nhất, đây là những cuốn sách có giá trị về mặt sử liệu, tư liệu; cung cấp thông tin về vị trí, địa điểm ngôi đền, sự tích ra đời của thần Độc Cước.

Thứ hai, các tác giả đang chú trọng đến hình thức kể chuyện, sự xuất thân, chiến công, hiển linh của nhân vật thần Độc Cước; với mục đích là đưa nhân vật từ nhiên thần gán cho những câu chuyện đời thường nhằm gần với đời thực hơn; những câu chuyện kể về thần Độc Cước trong sự ảnh hưởng của Phật giáo, Đạo giáo, Nho giáo vừa để nhân vật gần gũi với tín ngưỡng dân gian. Tuy nhiên, chưa có công trình nào nghiên cứu sâu về nội dung cốt truyện, cuộc đời nhân vật thần Độc Cước.

1.1.2. Các nghiên cứu về thần Độc Cước sau năm 1945

Từ những năm 80 của thế kỉ XX trở về sau, thần Độc Cước được chú ý nghiên cứu trên nhiều bình diện, dưới nhiều góc độ, nghiên cứu theo liên ngành, chuyên ngành vừa theo phương diện văn hóa học, tín ngưỡng, lễ hội, biểu tượng, tôn giáo; nghiên cứu trong không gian văn hóa rộng lớn có đủ cả ba vùng ven biển, đồng bằng, miền núi...Do sự nghiên cứu ngày càng đa dạng, phong phú về thần Độc Cước nên chúng tôi tạm chia việc nghiên cứu về thần Độc Cước của các tác giả đi trước dưới một số góc độ sau:

- *Các nghiên cứu dưới góc độ văn hóa học*

Năm 1983, Hoàng Tuấn Phổ trong cuốn *Thắng cảnh Sầm Sơn* đã dành một phần viết *Huyền tích và hiện thực về thần Độc Cước,* trong khi tìm hiểu về ngôi đền thờ, sưu tầm một số truyện kể về thần Độc Cước, tác giả cũng có những nhận xét về nhân vật thần Độc Cước là anh hùng chiến đấu chống kẻ thù bên ngoài, thần có những tài năng khác như thuần hoá trâu rừng giúp dân cày ruộng, tài năng đánh cá, kết bè...[86; tr.59-82]. Tuy nhiên, đây là một cuốn sách viết về lịch sử, địa lí, văn hoá và văn học dân gian vùng biển Sầm Sơn, chưa phải là công trình nghiên cứu riêng về thần Độc Cước.

Năm 1993, Hoàng Anh Nhân (Chủ biên) trong cuốn *Khảo sát văn hoá làng Xứ Thanh* cho rằng: một đặc điểm nổi bật của thần thoại Thanh Hoá là loại thần thoại về người anh hùng văn hoá khai sáng văn minh nông nghiệp, thần thoại về ông khổng lồ có công trong việc xây dựng nên làng mạc, ra sức chống biển tiêu biểu như thánh Độc Cước được thờ ở nhiều nơi trên đất Thanh Hoá [77; tr.16]. Dưới góc nhìn về lớp thần thoại, thông qua hình tượng người anh hùng văn hóa thần Độc Cước, phần này chúng tôi sẽ bàn luận ở chương 3, thần Độc Cước trong vai trò người anh hùng văn hóa chinh phục thiên nhiên, anh hùng văn hóa trong việc bảo trợ nông, ngư nghiệp.

Năm 2006, Nguyễn Thị Yên trong cuốn *Then Tày* cho biết, Độc Cước có phép thuật tróc quỷ, trừ tà được đưa vào thờ phụng trong cửa tĩnh. Trong Then, tuy không thấy nói đến lai lịch thần một chân nhưng vị tướng này có dị tật là câm, khi xuất hiện chỉ giao tiếp với mọi người bằng động tác [134; tr.187]. Như vậy, tín ngưỡng thờ thần Độc Cước đã vượt khỏi vùng biển Sầm Sơn để đến với những

vùng văn hóa khác nhau. Tuy chỉ nhắc đến thần Độc Cước trong các buổi lễ hát Then nhưng nhìn dưới góc độ tiếp biến văn hóa thì tín ngưỡng thờ thần Độc Cước đã có sự ảnh hưởng trong không gian văn hóa rộng lớn.

Năm 2011, trong bài viết *Tục thờ thần linh ở Thanh Hóa* Lê Văn Tạo đã nhắc đến các vị thần khổng lồ Thanh Hóa. Trong đó có nhắc đến hình tượng thần Độc Cước với vai trò là vị thần khai phá thiên nhiên, cùng dân làng chiến đấu, bảo vệ chinh phục vùng biển Sầm Sơn [94]. Tác giả bài viết đã chỉ ra những vấn đề về thần Độc Cước trong vai trò khai phá thiên nhiên, anh hùng chiến đấu giữ biển khơi. Ý kiến của tác giả cũng gợi mở cho chúng tôi khi nhận định thần Độc Cước trong vai trò người anh hùng chiến trận.

Năm 2013, Tạ Đức trong cuốn *Nguồn gốc người Việt - người Mường* đã nhắc tới nhân vật thần Độc Cước và coi thần Độc Cước là Thánh Gióng, là thần Rồng. Theo đó "Thánh Gióng rõ ràng là Thần Khổng lồ tương tự Thần Độc Cước, một hiện thân của thần Rồng, một chân Quỳ Long-Giao Long-Thần Trống" [21; tr.674]. Theo tác giả khi xét về loại hình thì thần Độc Cước và Thánh Gióng có những nét tương đồng, đều là thần mưa, thần rồng, thần sấm. Phần này, khi nhận định về sự tương đồng giữa thần Độc Cước với Thánh Gióng và nhận diện hình tượng thần Độc Cước xuất hiện cùng với quỷ biển và mưa giông, sẽ được bàn luận ở cuối chương 2. Cùng với việc tiến hành phương pháp nghiên cứu liên ngành về địa lý học, địa chất, khí tượng, thủy văn học, chúng tôi cũng nhận thấy vùng biển Sầm Sơn thường có hiện tượng mưa dông, lốc xoáy xảy ra với cường độ cao, tương ứng với sự hình thành nhân vật thần Độc Cước có nguồn gốc từ thủy thần, thần mưa và thần biển. Suy rộng ra, tục thờ thần Độc Cước chính là thờ thần mây, mưa, sấm, chớp có liên quan đến tục thờ Tứ Pháp.

Như vậy, việc nghiên cứu dưới góc nhìn văn hóa bước đầu cho thấy những ảnh hưởng của thần Độc Cước trong không gian rộng lớn, từ vị thần ở vùng biển thần Độc Cước đã hiện diện trong tín ngưỡng Then của người Tày với vai trò là trợ lực, thần lực mới trong mỗi giá Then. Trong quan niệm thần Độc Cước được nhìn nhận như thần mưa, thần rồng có liên quan đến việc thờ Tứ Pháp.

- *Các nghiên cứu dưới góc độ về tục thờ, tín ngưỡng và lễ hội*

+ Từ năm 2005 đến năm 2017, Hoàng Minh Tường có một loạt các bài viết, công trình nghiên cứu về thần Độc Cước cụ thể như sau:

Năm 2005, Hoàng Minh Tường trong cuốn sách: *Tục thờ thần Độc Cước ở làng Núi, Sầm Sơn, Thanh Hoá* bước đầu đã tập hợp những tư liệu về văn hóa tín

ngưỡng, lễ hội thần Độc Cước, đồng thời giới thiệu về những nét địa văn hoá với những tục lệ và những biến chuyển trong đời sống xã hội ở vùng Sầm Sơn nơi thờ thần Độc Cước. Tác giả cũng đã đưa ra những nhận định, phân tích theo tiêu chí đề tài, chủ đề, tín ngưỡng, tìm hiểu các lớp tôn giáo trong tục thờ thần Độc Cước ở làng Núi, Sầm Sơn [119; tr.35 -38]. Cuốn sách này giúp chúng tôi có thêm nhiều tư liệu quý khi nghiên cứu những vấn đề có liên quan đến thần Độc Cước.

Năm 2007, trong công trình *Văn hóa dân gian Thanh Hóa -Bước đầu tìm hiểu*, Hoàng Minh Tường có một số bài viết có liên quan đến thần Độc Cước: *Dấu chân khổng lồ và tục thờ dấu chân ở Thanh Hóa*; *Tính bản địa trong hình tượng và tục thờ thần Độc Cước*; *Tục kết Chạ giữa hai làng thờ thần Độc Cước*; *Qua tục thờ thần Độc Cước ở Xứ Thanh* [121]. Trong các bài viết trên, tác giả chủ yếu là khai thác ở những lĩnh vực địa văn hóa: như lí giải tục thờ dấu chân, nguồn gốc, tính bản địa trong tục thờ thần Độc Cước, tìm hiểu tục kết chạ giữa các làng nơi thờ thần, các yếu tố tâm linh liên quan tới tục thờ thủy thần và tục thờ thần Độc Cước.

Năm 2010, Hoàng Bá Tường (bút danh Hoàng Minh Tường) trong luận án tiến sĩ *Tục thờ thần Độc Cước ở một số làng ven sông, ven biển Thanh Hóa*, công trình gồm 183 trang, có 4 chương. Bao gồm: *Chương 1: Tổng quan các làng ven biển Thanh Hóa; Chương 2: Tục thờ thần Độc Cước qua truyền thuyết, thần tích, di tích và lễ hội; Chương 3: Nghiên cứu quá trình vận động và các lớp văn hóa tích hợp trong tục thờ thần Độc Cước; Chương 4: Tìm hiểu các giá trị và sự biến đổi của tục thờ thần Độc Cước ở Thanh Hóa hiện nay* [122]. Nhìn chung, luận án này đã cung cấp bức tranh khái quát và tương đối toàn diện về thần Độc Cước dưới góc độ văn hóa học. Đồng thời, cũng là công trình đầu tiên nghiên cứu về thần Độc Cước một cách quy mô, thông qua việc phân tích các lớp văn hóa từ tín ngưỡng bản địa đến ảnh hưởng của sự tiếp biến văn hóa, từ sự ảnh hưởng của các tôn giáo được tích hợp trong tục thờ thần Độc Cước. Tác giả đã thu thập được nhiều tư liệu từ việc điền dã, thống kê những điểm thờ, lễ hội về thần Độc Cước. Tuy nhiên, vì luận án này thuộc chuyên ngành văn hóa học nên việc nghiên cứu dưới góc độ văn học đặc biệt là dân gian còn chưa được chú ý sâu như: nghiên cứu các motif, hình tượng, biểu tượng về thần Độc Cước dưới góc độ giải mã văn học từ mã văn hóa. Phần này trong quá trình triển khai chúng tôi sẽ bàn ở chương 3 các motif cơ bản và vai

trò của hình tượng thần Độc Cước trong truyện kể dân gian và chương 4 các dạng thức biểu hiện của tín ngưỡng và tôn giáo trong truyện kể về thần Độc Cước.

Trong các năm tiếp theo từ năm 2011, Hoàng Minh Tường trong bài viết *Tín ngưỡng thờ thần Độc Cước - Sự tiếp biến giữa các yếu tố văn hóa bản địa và ngoại sinh* đã đề cập đến tục thờ thần Độc Cước và sự tiếp biến với các tôn giáo ngoại lai, tạo nên sự phong phú và hấp dẫn trong tục thờ thần Độc Cước cho đến ngày nay [120]. Đến năm 2017, trong bài viết *Tín ngưỡng và lễ hội thờ các vị thần biển*, Hoàng Minh Tường lí giải tín ngưỡng thờ thần Độc Cước có liên quan đến chọi trâu, đến Phật giáo, mối quan hệ giữa thủy triều mặt trăng...Độc Cước là vị thần sông biển để thuyền bè ra khơi vào lộng thuận buồm xuôi gió, biển khơi cho dân chài nhiều tôm cá như ước nguyện của họ trong lễ hội cầu ngư [157]. Tác giả Hoàng Minh Tường đều có chung những nhận định về các giá trị văn hóa trong tục thờ thần Độc Cước và những ảnh hưởng văn hóa ngoại lai với sự tương tác giữa tín ngưỡng dân gian với thờ thần Độc Cước. Tuy nhiên, các bài viết trên vẫn chủ yếu là xoay quanh vấn đề nghiên văn hóa, tục thờ thần Độc Cước, tín ngưỡng dân gian qua lễ hội thần Độc Cước.

Năm 2011, trong bài viết *Chùa Non Xuân và pho tượng thần Độc Cước ở Hiệp Hòa - Bắc Giang,* qua việc thờ thần Độc Cước ở chùa Non Xuân, tác giả Đồng Ngọc Dưỡng cung cấp thông tin: Tăng Già La Đồ Lê như một biểu tượng linh thiêng của phép tu đứng một chân, cho nên khi nói đến Độc Cước các nhà truyền giáo Ấn Độ đã mang trong hành trang của mình bàn chân đức Phật-một biểu tượng tâm linh Phật giáo lúc ấy vào Việt Nam trong đó có vùng đất Kinh Bắc-Bắc Giang [143]. Như vậy, ảnh hưởng của văn hóa Phật giáo trên đất Bắc Giang đã có sự tiếp xúc với tín ngưỡng thờ thần Độc Cước trong những ngôi chùa tại Bắc Giang.

Năm 2012, Võ Thị Hoàng Lan trong luận án tiến sĩ *Tục thờ nước của người Việt ở châu thổ sông Hồng*, bên cạnh việc đề cập đến một số vị thần biển, tác giả cho biết: thần Độc Cước được thờ ở vùng châu thổ ven sông Hồng là do chính các con thuyền buôn đã đưa thần Độc Cước đến các vùng trung du khi ngài trở thành thần phù hộ cho tầng lớp thương nhân [64]. Nhận xét của tác giả cũng trùng hợp với ý kiến của Đồng Ngọc Dưỡng, trong bài *Tín ngưỡng thờ thần Độc Cước ở Bắc Giang* [144] cho là có thể tín ngưỡng thờ thần Độc Cước đã theo các thương thuyền đi sâu

vào đất liền, men theo các dòng sông, dòng suối lan tỏa sâu vào nội địa. Chúng tôi cũng đồng ý với ý kiến của các tác giả là theo thời gian, theo dòng chảy lịch sử, sự di dân từ miền núi tiến xuống miền biển. Hàng bao đời nay, cha ông ta đã đi khai phá, giao lưu văn hóa ở các vùng miền của đất nước, cũng có thể dân từ miền biển, từ các thương thuyền (thuyền buôn, thuyền đánh cá...) dọc theo dòng sông tiến lên miền ngược; các nhà truyền giáo, các thầy mo, thầy địa lí cũng theo cư dân di cư từ miền ven biển đến vùng kinh tế mới, khi đi mang theo tín ngưỡng bản địa hoặc có thể rước chân nhang để sáng tạo thêm những nét mới trong không gian văn hóa thờ thần Độc Cước.

Năm 2014, Lê Huy Trâm và Hoàng Anh Nhân trong cuốn *Lễ tục lễ hội truyền thống xứ Thanh,* Quyển 2, đã đề cập tới thần tích và tế lễ, hội hè đền Độc Cước ở Sầm Sơn [109]. Tuy nhiên, cuốn sách này chủ yếu là tư liệu, điểm qua một số lễ hội truyền thống xứ Thanh trong đó có lễ hội thần Độc Cước.

Như vậy, dưới góc nhìn tín ngưỡng, lễ hội các tác giả đã cung cấp một bức tranh toàn vẹn về thần Độc Cước, với lễ hội quy mô, trang trọng thu hút một lượng lớn số người tham gia, cho thấy được những ảnh hưởng ngày càng sâu rộng trong văn hóa tâm linh, trong đời sống tín ngưỡng của người dân nơi đây.

- *Các nghiên cứu dưới góc độ về giải mã biểu tượng*

Năm 1988, Nguyễn Duy Hinh trong bài nghiên cứu *Đền Độc Cước dấu chân thần - biểu tượng Phật,* tác giả khẳng định hình ảnh những dấu chân lạ này xuất hiện không chỉ có ở Việt Nam mà còn có ở nhiều nơi trên thế giới như ở Ấn Độ (phát hiện có dấu chân Phật ở Bảo tàng BomBay được khắc chìm trên một phiến đá), dấu chân được thờ ở Sri Lanca trên tháp Ruanweli Daagaba có niên đại thế kỉ I sau Công nguyên, còn có cả dấu chân của Civapada ở Campuchia [37; tr.72-83]. Đây là bài nghiên cứu công phu có giá trị về khoa học, bài viết cũng đã thu thập được một tư liệu có tới 22 dấu chân thần từ Bắc vào Nam, với việc nhận định tín ngưỡng thờ dấu chân Độc Cước có liên quan đến dấu chân Phật. Chúng tôi cũng tán đồng với ý kiến của tác giả, cho rằng có sự ảnh hưởng của Phật giáo hòa trộn với tín ngưỡng dân gian trong việc thờ dấu chân thần Độc Cước và dấu chân Phật. Phần này chúng tôi sẽ phân tích rõ ở chương 4, lớp văn hóa Phật giáo.

Năm 1995, Nguyễn Mạnh Cường trong luận án Phó tiến sĩ *Chùa Dâu và hệ thống chùa Tứ pháp* đã nhận định: Trong quá trình thu thập các nguồn tài liệu đã

công bố về chùa Dâu và Tứ Pháp mở ra cho chúng tôi một hướng nghiên cứu mới mà ít người quan tâm, đó là sự biến thể của *Tứ Pháp sang thần Độc Cước* [12; tr. 59]. Cũng theo tác giả năm 2016, trong một bài nghiên cứu *Lịch sử hình thành và phát triển của chùa Dâu* ngoài việc tìm hiểu sự hình thành và ảnh hưởng của Phật giáo đối với chùa Dâu, có nhắc đến chi tiết "Tương truyền nhà sư Khâu- Đà- La là một vị tinh thông pháp thuật, tu luyện giỏi với phép tu đứng một chân, nên ai ai cũng kính nể, tôn thờ" [141]. Ý kiến của tác giả đã gợi mở cho chúng tôi khi nghiên cứu truyện kể thần Độc Cước trong sự ảnh hưởng của văn hóa Phật giáo với tín ngưỡng dân gian thờ thần Độc Cước. Phần này trong quá trình triển khai chúng tôi sẽ có những nhận định dưới góc nhìn về sự phân tâm trong Phật giáo và phân thân trong thần Độc Cước ở chương 4.

Năm 2003, Hoàng Minh Tường với bài viết *Thử giải mã chiếc bè mảng của ngư dân Sầm Sơn*, hình ảnh chiếc bè mảng của nhân dân Sầm Sơn trước kia để làm rõ các lớp văn hoá thông qua sự tiếp biến, giao thoa tục thờ thần Độc Cước [118; tr.82-84]. Từ những chiếc bè mảng đơn sơ nhưng đó là vật dụng, là phương tiện rất cần thiết của ngư dân trên vùng biển Sầm Sơn. Tác giả đã có những liên tưởng hình cong khum khum đầu của chiếc bè như hình mặt trăng, một hình tượng của thần Độc Cước. Phần này, chúng tôi sẽ bàn luận ở chương 3 về vai trò của thần Độc Cước trong ngư nghiệp, hình ảnh chiếc bè mảng Sầm Sơn một công cụ đắc lực của người đi biển.

Năm 2008, trong bài viết *Tản mạn về mặt trăng và thần Độc Cước qua tạo hình* hai tác giả Quốc Vụ - Minh Khang đã đề cập đến câu chuyện chọi trâu ở Hải Phòng có liên tưởng đến mặt trăng, việc sùng bái mặt trăng không chỉ gắn với cư dân ven biển mà còn gắn với cư dân nông nghiệp [...]. Ngoài ra còn cho biết: trong tạo hình, nhiều biểu tượng dưới dạng thiếu thốn của cơ thể đã được một số nhà nghiên cứu cho rằng, đó là biểu tượng của mặt trăng, (như Hổ phù là một trong những điển hình). Về hiện tượng nhân dạng thì nổi bật nhất là thần Độc Cước [132; tr.81-85]. Bài viết này của tác giả, cũng đồng quan điểm với Hoàng Minh Tường [131] và chúng tôi cũng thống nhất với nhận xét của các nhà nghiên cứu là tín ngưỡng thờ mặt trăng có ảnh hưởng mật thiết đối với cư dân nông nghiệp, nhất là ngư dân về thủy triều, con nước. Phần này, chúng tôi sẽ có bàn luận ở chương 4, tín ngưỡng thờ mặt trăng.

Năm 2014, Đồng Ngọc Dưỡng trong bài viết *Tín ngưỡng thờ thần Độc Cước ở Bắc Giang,* đã nêu những địa danh thờ thần Độc Cước ở tỉnh Bắc Giang như Lạng Giang, Yên Dũng, Hiệp Hòa, Việt Yên và sưu tầm một câu chuyện về thần Độc Cước. Tác giả cho rằng tín ngưỡng thờ thần Độc Cước ở Tiên Sơn- Việt Yên, cũng gắn với văn hoá vùng ven sông Cầu [144]. Tuy nhiên, đây bài viết dưới dạng tư liệu cung cấp những địa danh thờ thần Độc Cước trên vùng đất Bắc Giang.

Năm 2015, Tạ Đức với bài viết *Thánh Gióng nơi biển đảo* cho rằng: Thần Độc Cước là thần Trăng, nhưng nguồn gốc và bản chất của thần lại là thần Trống - thần Chiến tranh - thần Bảo hộ dân tộc. Ở vùng ven biển Thánh Gióng hóa thành thần Độc Cước; Thần Độc Cước chính là Thánh Gióng - thần Bảo vệ đất nước cho người Việt ở vùng ven biển [142]. Ý kiến của tác giả có một phần trùng với nhận định của tác giả Hỏa Diệu Thúy [159] khi nhận định thần Độc Cước người anh hùng bảo vệ vùng ven biển, anh hùng giữ biển đảo. Ý kiến này, chúng tôi bàn luận ở chương 3, thần Độc Cước trong vai trò của người anh hùng bảo vệ địa bàn sinh sống.

Năm 2015, Nguyễn Tiến Hữu trong bài viết *Dấu chân quyền lực,* có bàn đến vết chân khổng lồ mà mẹ các vị thần ướm chân mình vào và mang thai như mẹ Thánh Gióng và trong thần thoại Trung Quốc, bà Hoa Tư ướm vào vết chân khổng lồ sinh ra Phục Hy. Tác giả đã đưa ra những câu hỏi về sự hiện diện của thần linh hay tổ tiên, vết chân biểu hiện sự uy quyền của thần linh hay của nhà vua, dấu chân biểu tượng sự hợp thức hóa, một sự sở hữu, dấu chân biểu tượng của ảnh hưởng để lại, vết chân trong xã hội [51]. Đây là bài viết có giá trị trong việc nghiên cứu về dấu chân, thông qua dấu chân thần linh, dấu chân của tổ tiên. Những dấu chân này như muốn khẳng định sự có mặt của cha ông ta (dân tộc Việt), mỗi dấu chân là một bước xác lập chủ quyền lãnh thổ, khẳng định sự hiện hữu của dân tộc ta được ẩn tàng trong hình tượng dấu chân thần. Phần này, luận án sẽ bàn luận ở chương 3, thần Độc Cước trong vai trò của người anh hùng bảo vệ địa bàn sinh sống.

Năm 2017, Hỏa Diệu Thúy trong bài viết *Cảm thức của ông cha ta về biển và không gian biển,* ngoài việc nhận định Việt Nam có một nền văn hóa biển từ rất sớm, trong đó các nhân vật Lạc Long Quân, Mai An Tiêm những người đi đầu trong việc bám biển, chinh phục biển đảo. Tác giả còn cho rằng: hình tượng thần Độc Cước không chỉ mang ý nghĩa giải thích hiện tượng tự nhiên, thiên nhiên như Sơn Tinh, Thủy Tinh mà còn mang ý nghĩa biểu tượng cho việc trấn giữ, phòng thủ, trông chừng, cảnh giác hẳn hoi, đó là ý thức bảo vệ biển, bảo vệ

biên cương lãnh hải [159]. Bài viết này, chúng tôi sẽ bàn luận ở chương 3, vai trò của hình tượng thần Độc Cước: người anh hùng văn hóa, anh hùng chinh phục thiên nhiên, bảo vệ ngư dân, bảo trợ nông nghiệp, ngư nghiệp, cũng là bảo vệ địa bàn sinh sống, bảo vệ đất nước, quê hương yêu dấu của dân tộc Việt Nam.

Như vậy, dưới góc độ nghiên cứu biểu tượng của các tác giả đi trước muốn bóc tách các lớp văn hóa thấm sâu trong tục thờ, hình tượng thần Độc Cước. Tuy nhiên, việc nghiên cứu về Độc Cước sẽ có nhiều điểm còn là những mảng trống, hoặc người nghiên cứu trước đấy mới chỉ điểm qua nên vẫn còn nhiều chỗ trống trong nghiên cứu về thần Độc Cước dưới nhiều góc độ.

1.1.3. Những vấn đề còn bỏ ngỏ

Với các công trình khoa học cũng như các bài nghiên cứu về thần Độc Cước mà chúng tôi sưu tầm và công bố trên các sách báo ấn phẩm, thì đây là những tư liệu, tài liệu có giá trị ở lĩnh vực văn hóa, địa văn hóa, các lớp văn hóa tôn giáo, qua tín ngưỡng, tục thờ, lễ hội Độc Cước được lưu lại đến ngày nay. Tuy nhiên, các công trình này còn chưa đề cập nhiều dưới góc nhìn văn học. Do đó, trong quá trình khảo sát truyện kể dân gian về thần Độc Cước, có những vấn đề còn bỏ ngỏ như sau:

Thứ nhất: Chưa có công trình nào sưu tầm một cách hệ thống những tư liệu truyện kể dân gian về thần Độc Cước. Các nghiên cứu trước chỉ mới cung cấp một số mẩu truyện kể về Thần nhưng ở mức độ nhỏ lẻ.

Thứ hai: Chưa có công trình nào sưu tầm, hệ thống hóa dấu chân khổng lồ một cách toàn diện, cùng với đó là vấn đề thống kê phân tích một số đặc điểm nổi trội xung quanh dấu chân khổng lồ, đặc biệt là tín ngưỡng thờ dấu chân thiêng (dấu chân thần), dấu chân thần biểu tượng Phật.

Thứ ba: Các công trình trước đây, chưa chú ý đến phần nghiên cứu nội dung cốt truyện trong truyện kể dân gian về thần Độc Cước xuyên suốt từ BB&BTB; chưa nghiên cứu đến motif, hình tượng nhân vật, vai trò của nhân vật, giải mã các biểu tượng về Độc Cước...

Vì vậy, việc tiến hành nghiên cứu "***Truyện kể dân gian về thần Độc Cước ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ Việt Nam"*** là vấn đề hết sức cần thiết, có ý nghĩa khoa học và thực tiễn. Nghiên cứu những giá trị về nội dung cốt truyện, các motif,

vai trò, giải mã nhân vật thần Độc Cước, các dạng thức biểu hiện của văn hóa tín ngưỡng dân gian, văn hóa tôn giáo trong luận án sẽ tiếp tục đóng góp, bổ sung vào kho tàng văn học những tư liệu quý và gợi mở hướng nghiên cứu mới về văn học dân gian dưới góc nhìn văn hóa.

1.2. Cơ sở lý thuyết và một số khái niệm liên quan

1.2.1. Các lý thuyết sử dụng trong luận án

1.2.1.1. Lý thuyết về type và motif

Trên thế giới, lý thuyết về type và motif trong nghiên cứu folklore được sáng lập nên bởi trường phái Phần Lan còn gọi là trường phái địa lí - lịch sử vào cuối thế kỉ XIX, với tên tuổi như Antti Aarne và Stith Thompson người đã có công xây dựng và phát triển ứng dụng lý thuyết này vào nghiên cứu truyện kể dân gian. Sau đó, được phổ biến ở nhiều nơi trên thế giới như Nga, Mỹ...nhà nghiên cứu A.N.Veselovsky đại diện cho trường phái văn học lịch sử so sánh ở Nga vào cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX cho rằng "motif là đơn vị trần thuật đơn giản nhất không thể chia cắt được", trong khi đó Propp lại có cách quan niệm tương đối khác với những nhà nghiên cứu trước đó về motif, ông cho rằng: "Motif không phải là sơ đẳng và cũng không chỉ bao gồm một thành phần mà motif là một đơn vị còn có thể phân chia được nhỏ hơn" [22; tr.87].

Theo cách nhìn nhận mới về motif của Stith Thompson ông cho rằng: "Type là những cốt kể (narratives) có thể tồn tại độc lập trong kho truyền miệng. Dù đơn giản hay phức tạp, truyện nào được kể như một cốt kể độc lập đều được xem là một type" [17; tr 11]. Các nhà nghiên cứu đã tiến hành sưu tầm một khối lượng tư liệu khoảng 800 type truyện của châu Âu. Tác giả Antti Aarne (1910) đã hình thành *Bảng tra cứu truyện kể dân gian*, theo Stith Thompson, bảng tra type của Antti Aarne là rất cần thiết nên ông đã mở rộng bảng tra type của Antti Aarne và hoàn thiện một bảng tra mới (1932) *Bảng tra motif văn học dân gian* có sự bao quát truyện kể dân gian của thế giới. Stith Thompson đưa ra quan niệm về type và motif: "Sự tương đồng không phải lúc nào cũng thể hiện ở mức độ những câu chuyện hoàn chỉnh (type) mà chính là ở mức độ các motif đơn nhất" [1; tr 15].

Ở Việt Nam, từ giữa những năm 80 thế kỉ 20, nhiều học giả như Nguyễn Đổng Chi, Cao Huy Đỉnh, Đinh Gia Khánh, Nguyễn Tấn Đắc, Lê Chí Quế, Chu

Xuân Diên; sau này là các tác giả Vũ Anh Tuấn, Tăng Kim Ngân, Nguyễn Bích Hà, Nguyễn Thị Huế, Nguyễn Thị Hiền, Trần Thị An, Nguyễn Thị Nguyệt, La Mai Thi Gia…đã giới thiệu và ứng dụng các thành tựu nghiên cứu về motif của thế giới vào nghiên cứu văn học dân gian ở Việt Nam.

Trong đó, phải kể đến một số cuốn sách chuyên khảo của các tác giả đã dày công nghiên cứu như: năm 2001, Nguyễn Tấn Đắc với *Truyện kể dân gian đọc bằng type và motif* [17]; năm 2012, Nguyễn Thị Huế (Chủ biên) *Từ điển type truyện dân gian Việt Nam* [48]; năm 2015, La Mai Thi Gia với cuốn *Motif trong nghiên cứu truyện kể dân gian lý thuyết và ứng dụng* [22]. Các tác giả đã tổng thuật các trường phái nghiên cứu từ trường phái Phần Lan và sự ra đời của phương pháp địa lí lịch sử; từ trường phái Phần Lan đến Stith Thompson, trên cơ sở đó các tác giả đã tiến hành nghiên cứu vận dụng, ứng dụng type và motif trong truyện kể dân gian Việt Nam.

Nguyễn Thị Nguyệt (2000), trong luận án tiến sĩ *Khảo sát và so sánh một số típ và mô típ truyện cổ dân gian Nhật Bản* cho rằng: "Motif là những yếu tố hạt nhân cấu thành cốt truyện...Motif nó có thể là một đoạn kể ngắn, lặp đi lặp lại và có thể có tính chất khác thường, làm cho người ta nhớ hoặc có dấu hiệu đặc biệt" [84; tr.21]. Sự lắp ghép của các motif logic sẽ tạo nên cốt truyện, nhiều cốt truyện, có những motif tương tự nhau sẽ tạo nên những type truyện.

Nguyễn Tấn Đắc (2001), trong chuyên luận *Truyện kể dân gian bằng type và motif* đã đề cập vấn đề lập bảng thư mục truyện kể dân gian và cho rằng: "Việc lập bảng mục lục tra cứu type và motif chưa có ai làm. Cách nghiên cứu, quan sát truyện kể dân gian trên cơ sở phân tích type và motif cũng chưa được phổ biến" [17; tr.57]. Trong quá trình sử dụng những motif giống nhau ở các dân tộc khác nhau đã hình thành nên truyện kể dân gian, bao gồm nhiều truyện có chung motif cơ bản.

Đối với truyện kể dân gian, vấn đề quan trọng là motif, nội dung và nghệ thuật của truyện. Trên cơ sở liên kết motif, trong một truyện kể tự sự dân gian có khi chứa đựng nhiều motif khác nhau, nó có những đặc trưng riêng của loại hình đó và có chức năng khác nhau trong việc thể hiện chủ đề. Mức độ phổ biến của các motif này rộng hẹp khác nhau, tạo thành những motif đặc thù hay motif phổ biến. Motif có nhiều cấp độ như: hình ảnh, nhân vật, chi tiết và sự kiện.

Từ những quan niệm trên về motif, chúng tôi hiểu: Motif là những yếu tố quan trọng tạo nên cốt truyện, nó có tính lặp lại, định hình, ổn định và được sử

dụng trong nhiều truyện kể dân gian khác nhau. Motif được xem là những gì lặp lại, có sự tương đồng, xuất hiện với tần suất nhất định và tồn tại trong truyện kể tự sự dân gian ở những thể loại khác nhau. Thông thường thì type truyện gồm nhiều cốt truyện, còn motif được xem là những yếu tố hạt nhân có vai trò cấu thành cốt truyện.

Như vậy, với lí thuyết về type và motif được nghiên cứu rộng rãi trên thế giới và được ứng dụng ở Việt Nam, nó là một phần quan trọng trong nghiên cứu truyện kể dân gian. Việc sử dụng lí thuyết về motif, chúng tôi sẽ áp dụng motif được thể hiện trong chương 3 của luận án, các motif cơ bản như: Motif về sự ra đời kì lạ, motif lập chiến công, motif xẻ thân, motif thử tài, motif tái sinh trong luận án này.

1.2.1.2. Lí thuyết biểu tượng

Theo Jean Chevaler và Alain Gheerbrant trong *Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới* cho rằng: "Một biểu tượng chỉ tồn tại với một người nào đó hay đối với một tập thể mà các thành viên đã đồng nhất hóa, về phương diện nào đó, để làm thành một trung tâm duy nhất. Có những biểu tượng với người này là thiêng liêng nhất nhưng lại là phạm tục đối với người khác" [11; tr.XXVIII]. Như vậy, một biểu tượng chỉ tồn tại ở một người, một tập thể, một nền văn hóa nào đó, chứ không phải ở tất cả mọi người, mọi nền văn hóa. Mỗi biểu tượng đều có quá trình phát sinh, tồn tại và lụi tàn của nó. Biểu tượng ra đời, tồn tại trong đời sống văn hóa và có tác động đến đời sống văn hóa của con người, gần gũi với đời sống của con người.

Biểu tượng có thể coi là những hình ảnh tượng trưng do con người tạo ra, tồn tại trong đời sống, văn hóa của con người, của mỗi dân tộc. Biểu tượng có nguồn gốc từ trong hiện thực cuộc sống và có vai trò ngày càng quan trọng, nó có nhiều hơn một nét nghĩa nên không thể hiểu một lần là xong được. Tuy nhiên, biểu tượng đôi lúc rất cụ thể song cũng có thể là những thứ rất trừu tượng. Biểu tượng được hiểu như một sự quy ước, có ý nghĩa biểu trưng, có ảnh hưởng rộng lớn, từ những dấu hiệu, tín hiệu, kí hiệu... đến các biểu tượng của cộng đồng, dân tộc, quốc gia và cao hơn là các biểu tượng mang tính toàn cầu.

-Vận dụng lý thuyết biểu tượng trong nghiên cứu văn học dân gian ở Việt Nam

Nghiên cứu biểu tượng trong văn học nói chung và văn học dân gian nói riêng là xu hướng phê bình văn học phổ biến trên thế giới. Ở Việt Nam, mặc dù hướng nghiên cứu biểu tượng trong văn học dân gian xuất hiện từ khá sớm

nhưng phải đến những năm cuối thế kỷ XX, lý thuyết về biểu tượng và các phương pháp tiếp cận nghiên cứu biểu tượng mới thu hút được sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu văn học dân gian.

Ở nước ta, việc nghiên cứu biểu tượng cũng đã được một số nhà nghiên cứu đề cập tới, nhưng thường được lồng ghép trong các nghiên cứu văn hoá dân gian, lễ hội, tín ngưỡng, mỹ thuật dân gian…

Năm 1993, Nguyễn Xuân Kính trong công trình *Thi pháp ca dao* [60]. Tác giả đã thống kê một số biểu tượng ca dao Việt Nam: cây trúc, cây mai, con cò…ngoài ra, còn phân tích, giải mã những ý nghĩa của biểu tượng, chỉ ra sự giống và khác nhau của các lớp biểu tượng giữa văn học dân gian và văn học viết.

Năm 2006, Nguyễn Thị Bích Hà trong bài viết *Mã và mã văn hóa* cho rằng: Biểu tượng được hình thành trong một quá trình lâu dài, có tính ước lệ và bền vững...được lắng đọng, kết tinh, chắt lọc trải qua bao biến cố thăng trầm vẫn không bị phai mờ [28; tr.23]. Tác giả giới thiệu khái quát về biểu tượng văn hóa, mối quan hệ giữa biểu tượng và tín hiệu, đặc điểm, với các biểu tượng như nước, rồng, rắn để làm rõ phần nhận định lý thuyết. Năm 2014, Nguyễn Bích Hà *Nghiên cứu văn học dân gian từ mã văn hóa* trong công trình nghiên cứu đã nêu lên: phương pháp nghiên cứu văn học dân gian qua các mã văn hoá dân gian; quan niệm về văn hoá, mã văn hoá; mối quan hệ giữa văn hoá, văn hoá dân gian và văn học dân gian; các khái niệm: tín ngưỡng, mã tín ngưỡng, phong tục tập quán [29]. Đây là công trình nghiên cứu chuyên sâu văn học dân gian theo phương pháp nghiên cứu văn học dân gian qua các mã văn hoá dân gian.

+ Tác giả Đinh Hồng Hải đã có nhiều công trình nghiên cứu và dịch thuật giới thiệu phương pháp tiếp cận nghiên cứu biểu tượng, tiêu biểu như cuốn: Năm 2007, *Nghiên cứu biểu tượng và vấn đề tiếp cận nhân học biểu tượng ở Việt Nam;* (2014), *Nghiên cứu biểu tượng một số hướng tiếp cận lí thuyết* [31]; (2015), *Những biểu tượng đặc trưng trong văn hoá truyền thống Việt Nam, Các vị thần*, Tập 2 [32]; (2016), *Những biểu tượng đặc trưng trong văn hoá truyền thống Việt Nam, Các con vật linh,* Tập 3 [33]. Có thể xem đây là những công trình giới thiệu một cách hệ thống lý thuyết về biểu tượng ở Việt Nam và là những công trình nghiên cứu biểu tượng chuyên sâu của tác giả, qua quá trình giải mã, sự tích hợp đa văn hóa và

bản sắc dân tộc trong từng biểu tượng. Theo tác giả việc nghiên cứu biểu tượng phải là sự kết hợp đa ngành.

+ Một số luận án nghiên cứu chuyên sâu về biểu tượng, tiêu biểu như: Nguyễn Thị Ngân Hoa (2005) *Sự phát triển ý nghĩa trong hệ biểu tượng trang phục trong ngôn ngữ thơ ca Việt Nam*, tác giả quan niệm: Biểu tượng nghệ thuật là các biến thể loại hình của biểu tượng văn hóa trong những ngành nghệ thuật khác nhau như hội họa, âm nhạc, văn học [44; tr.13]. Biểu tượng được xem là phong phú và có nhiều tầng bậc, cảm nhận với mọi sắc thái đa dạng của nó.

Đặng Thị Oanh (2012) trong luận án *Biểu tượng nước từ văn hóa đến văn học dân gian của người Thái ở Tây Bắc Việt Nam*, tác giả quan niệm biểu tượng nước trong VHDG thái là một biểu tượng nghệ thuật ngôn từ. Nó là sự tín hiệu các hình thức vật chất cụ thể: nước, sông, suối, ao mương [...] các ý niệm trừu tượng trong đời sống tinh thần của người Thái thông qua hệ thống âm thanh ngôn ngữ [85]. Do biểu tượng có tính đa nghĩa, thường xuyên được bồi đắp thêm những ý nghĩa mới với những nét nghĩa ổn định, giá trị của biểu tượng cũng còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố: nền văn hóa sản sinh, thời điểm, bối cảnh biểu tượng ra đời và mục đích sử dụng.

Như vậy, khi nghiên cứu về biểu tượng, luận án hướng tới giải mã một số biểu tượng về thần Độc Cước trong truyện kể dân gian như: biểu tượng dấu chân, biểu tượng về người anh hùng chinh phục thiên nhiên, người anh hùng trị thủy, biểu tượng mặt trăng... Việc áp dụng lí thuyết biểu tượng vào nghiên cứu truyện kể dân gian về thần Độc Cước trong mối quan hệ cùng thời với mưa gió, quỷ biển ở phần cuối chương 2 và chương 3 phân tích các motif, nhất là motif xẻ thân, luận án cũng nhằm hướng tới giải mã ý nghĩa tầng bậc của biểu tượng thần Độc Cước.

1.2.1.3. Lý thuyết giao lưu và tiếp biến văn hóa

Theo nghiên cứu của các nhà Nhân học Mỹ thì giao lưu và tiếp biến văn hóa là quá trình một nền văn hóa thích nghi, ảnh hưởng từ một nền văn hóa khác bằng cách vay mượn nhiều nét đặc trưng của nền văn hóa ấy [...] sự trao đổi của những đặc tính văn hóa nảy sinh khi các cộng đồng tiếp xúc trực diện và liên tục [15; tr.107]. Sự tiếp xúc trực tiếp và lâu dài giữa hai nền văn hóa khác nhau sẽ

dẫn đến những thay đổi hay biến đổi của một số loại hình văn hóa của cả hai nền văn hóa đó.

+ *Giao lưu văn hóa* được xem như là sự gặp gỡ, đối thoại các nền văn hóa. Quá trình này đòi hỏi mỗi nền văn hóa phải biết dựa vào những vấn đề của nội lực, nội sinh để lựa chọn tiếp nhận cái mới, cái bên ngoài ngoại sinh tác động, giao lưu, để từng bước bản địa hóa nó để làm giàu, phát triển nền văn hóa dân tộc. Nó là màng lọc để đón nhận, tiếp nhận các yếu tố văn hóa của những dân tộc khác, trong đó cũng có những ưu điểm và hạn chế của sự giao lưu văn hóa mang lại. Đối với Việt Nam, trong quá trình giao tiếp của lịch sử dân tộc, văn hóa Việt đã có những cuộc tiếp xúc và giao lưu các nền văn hóa phương Đông và phương Tây, bằng những hình thức, phương thức và con đường khác nhau. Cùng với sự hình thành các yếu tố văn hóa bản địa, giao lưu và tiếp xúc với văn hóa bên ngoài đã trở thành động lực to lớn cho sự biến đổi, phát triển và làm giàu nên những sắc thái riêng của nền văn hóa Việt Nam.

Trong số những truyện kể dân gian về thần Độc Cước đã có sự giao lưu văn hóa, tín ngưỡng giữa dân tộc ta với các nền văn hóa lớn như Ấn Độ, Trung Quốc thông qua Phật giáo, Đạo giáo, Nho giáo. Ngoài ra, có sự giao lưu văn hóa của người Kinh với người Tày trong truyện kể về thần Độc Cước; sự giao lưu văn hóa giữa đền chính ở Sầm Sơn với những vùng miền khác, ở nhưng nơi có chung tín ngưỡng thờ Độc Cước, ở phần này chúng tôi sẽ làm rõ ở chương 4.

+ *Tiếp biến văn hóa (Acculturation):* Bao gồm các quá trình khác nhau như khuếch tán, thích nghi mang tính ứng phó, các hình thái tổ chức xã hội và văn hóa khác nhau sau tiếp xúc và giải văn hóa hay phân giải văn hóa [...] là sự đồng hóa của nhóm tiếp xúc yếu hơn bởi nhóm tiếp xúc mạnh hơn và sự hỗn dung văn hóa, nhờ đó hai văn hóa có thể trao đổi đủ các yếu tố để sau đó tạo ra một văn hóa riêng [30; tr.21]. Theo đó sự biến đổi văn hóa xảy ra khi các hình thái xã hội khác nhau với sự ảnh hưởng nhất định từ sự thống trị, áp đặt gây ra đối với các dân tộc khác nhau. Đó là việc một dân tộc hoặc cộng đồng tiếp nhận, đồng hóa văn hóa đối với một dân tộc hay cộng đồng người khác. Nguyễn Thừa Hỷ trong bài viết *Tiếp biến văn hóa Việt Nam dưới góc nhìn lý thuyết hệ thống* cho rằng: Tiếp biến văn hóa là tác động của những mối liên hệ hỗ tương diễn ra trong những hệ thống cấu trúc văn hóa vĩ mô và vi mô, cùng những kết quả đem lại cho những thành tố bởi những tác động ấy [52;

tr.93]. Tiếp biến văn hóa đó là một vấn đề giúp cho chúng ta tìm hiểu và tiếp nhận nền văn hóa đậm đà hơn trong các mối liên hệ tương tác hai chiều qua lại. Ông cha ta đã biết đón nhận, tiếp thu, sàng lọc những yếu tố văn hóa từ bên ngoài qua hình thức giao lưu, tiếp biến văn hóa để làm cho nó phong phú hơn.

Có thể hiểu tiếp biến văn hóa là một hình thức biến nhiều tiềm năng trong giao lưu văn hóa, những ảnh hưởng của văn hóa ngoại lai đã đem lại những kết quả nhất định, tùy vào sự tiếp nhận có chọn lựa. Khi áp dụng lý thuyết biến đổi văn hóa và tiếp biến văn hóa vào quá trình làm luận án, chúng tôi sẽ bàn luận sự hình thành và lưu truyền truyện kể dân gian về thần Độc Cước ở chương 2, chương 4 các dạng thức biểu hiện của tôn giáo trong luận án. Trong quá trình triển khai luận án chúng tôi nhận thấy: Sự tiếp biến được thể hiện trong không gian văn hóa thờ thần Độc Cước, thần Độc Cước vị thần xứ Thanh đã lan tỏa đến các vùng ven biển của nước ta, theo thương thuyền đi sâu vào nội địa, có trong tín ngưỡng của người Kinh và của các thầy mo, thầy cúng người dân tộc, vùng núi Cao Bằng.

Như vậy, vận dụng các lý thuyết có liên quan nêu trên sẽ giúp chúng tôi giải thích sự tương đồng văn hóa, biến đổi văn hóa trong truyện kể dân gian về thần Độc Cước ở từng khu vực theo không gian văn hóa phù hợp với hướng tiếp cận nghiên cứu của luận án. Việc áp dụng lý thuyết tiếp biến văn hóa giúp luận án xác định vùng trung tâm của truyện kể chủ yếu là khu vực Thanh Hóa, lấy hướng nghiên cứu chính là tìm hiểu vai trò của thần Độc Cước đối với cư dân vùng ven biển, trong quá trình diệt quỷ biển, chống lại kẻ, giúp dân xây dựng kinh tế mới, nguyện làm thần canh giữ biển khơi rồi lan ra một số khu vực ở Bắc Bộ ở một số tỉnh có lưu truyền thần Độc Cước...

Trên đây, là những lý thuyết mà trong quá trình triển khai, chúng tôi cố gắng vận dụng một cách hiệu quả vào từng chương mục của luận án, giúp việc xử lí tư liệu, triển khai luận án, kết cấu truyện kể dân gian về thần Độc Cước được hiệu quả.

1.2.2. Một số khái niệm liên quan

Trong quá trình triển khai luận án, chúng tôi thấy có một số khái niệm cần được làm sáng tỏ những vấn đề có liên quan, cụ thể như sau:

1.2.2.1. Khái niệm truyện kể dân gian

Truyện kể dân gian là khái niệm được dùng như một tên gọi chung cho loại hình tự sự dân gian với các thể loại như thần thoại, sử thi, truyền thuyết, truyện cổ tích, truyện ngụ ngôn, truyện cười, truyện thơ dân gian. Các nhân vật trong truyện

kể vừa là những nhân vật do nhân dân hư cấu tưởng tượng, vừa là những nhân vật lịch sử được dân gian hóa. Trong phạm vi của nghiên cứu, chúng tôi cũng chỉ sưu tầm và tập trung nghiên cứu chủ yếu ở thể loại thần thoại, truyền thuyết, cổ tích tiêu biểu trong truyện kể dân gian về thần Độc Cước. Trong quá trình triển khai, chúng tôi không nhìn nhận truyện kể dân gian như một đối tượng độc lập, cụ thể, không phân chia truyện kể thành các thể loại riêng biệt nào, mà chỉ xem mỗi một câu chuyện là một truyện kể. Đồng thời với đó là sự liên hệ, đối chiếu với các thể loại của truyện kể dân gian khác trong từng trường hợp cụ thể.

Ở nước ta, quá trình nghiên cứu truyện kể dân gian gắn với quá trình nhận thức về các thể loại truyện khác nhau. Trước đây, có thể hiểu những truyện đời xưa nhằm chỉ chung toàn bộ truyện kể dân gian. Khái niệm truyện kể dân gian cũng được hiểu một cách linh động hơn về mặt thể loại lẫn nội dung cốt truyện. Nhiều khi ranh giới giữa các thể loại truyện kể dân gian rất khó xác định, có truyện kể vừa có bóng dáng của thần thoại, vừa có trong truyền thuyết, thậm chí theo thời gian nhân vật đó còn có trong cổ tích.

Nghiên cứu truyện kể dân gian theo cách tiếp cận của luận án là xem các bản kể trong số những truyện đã được thống kê và xem đó là truyện kể dân gian, mỗi một bản kể là một truyện kể. Chúng tôi quan niệm truyện kể dân gian là những câu chuyện có chứa đựng yếu tố nội dung cốt truyện, truyện kể đó phải có liên quan đến nhân vật thần Độc Cước. Phần này chúng tôi sẽ bàn luận rõ ở chương 2 khi đặt ra vấn đề lựa chọn hướng khảo sát.

Như vậy, truyện kể dân gian về thần Độc Cước là những truyện kể có liên quan đến cuộc đời nhân vật, sự liên quan đó có thể trực tiếp hay gian tiếp; truyện kể dân gian đó gồm nhiều thể loại xoay quanh cuộc đời, hành trạng, chiến công của nhân vật. Phần này chúng tôi sẽ lần lượt phân tích làm rõ ở các chương về nhân vật thần Độc Cước.

1.2.2.2. Khái niệm về anh hùng văn hóa

Trong cuốn *Bách khoa tri thức phổ thông* trong Mục từ *Phân biệt các khái niệm anh hùng văn hóa, anh hùng dân tộc* là hình tượng nhân vật có chí lớn, có khí phách hiên ngang, có tính chất kỳ vĩ, có vai trò to lớn trong sáng tạo những thành tựu văn hóa thuở sơ khai (sinh ra con người, trời đất, chinh phục thiên nhiên, sáng tạo văn hóa vật chất, văn hóa tinh thần) [80; tr.1155]. Khái niệm nhân vật anh hùng

văn hóa được hiểu như là những người có công lao đối với cộng đồng như mở mang bờ cõi, khai sáng phát triển văn hóa, bảo vệ cộng đồng ở một hoặc một số lĩnh vực của đời sống. Họ có thể là những nhân vật được huyền thoại cũng có thể là một số nhân vật lịch sử được truyền thuyết hóa. Tuy nhiên, để hiểu rõ vai trò của các anh hùng văn hóa thì cần phải giải thích, đặt trong bối cảnh xã hội – lịch sử cụ thể. Theo nghiên cứu của E.M.Meletinsky: "Những huyền thoại về các anh hùng văn hóa cần phải giải thích được nguồn gốc vũ trụ và xã hội bởi vì những nhân vật này đã mô hình hóa công xã thị tộc hoặc xã hội loài người" [73; tr.304].

Như vậy, khái niệm anh hùng văn hóa trong luận án là muốn giải thích và xác định rõ hơn nhân vật thần Độc Cước. Các nhân vật anh hùng văn hóa thường là những người có sức khỏe phi thường, có tài năng, trí tuệ, có thể phát minh ra sản phẩm văn hóa, dạy nghề và truyền nghề, họ làm những việc có ích cho cộng đồng và hình tượng nhân vật thần Độc Cước cũng nằm trong số những nhân vật anh hùng văn hóa đó.

Trong một chuyên luận nghiên cứu khác, nhà khoa học Der Heilbringer Van Deursen chia thành bốn loại anh hùng văn hóa:

(1). Người tổ chức thế giới

(2). Anh hùng văn hóa đã sáng tạo hoặc thành lập nên các tổ chức

(3). Người đến từ thế giới trên cao để dạy mọi người về những điều siêu nhiên

(4). Người phân xử giữa các vị thần và con người [4; tr.57] .

Trong luận án tiến sĩ văn học dân gian về *Nhân vật anh hùng văn hóa trong truyện kể dân gian về thời kỳ Văn Lang - Âu Lạc,* tác giả Đặng Thị Lan Anh đã có những phát hiện mới cũng như có sự nghiên cứu chuyên sâu về nhân vật Anh hùng văn hóa. Tác giả luận án dựa vào lý thuyết về mô hình vòng đời của người anh hùng văn hóa trong folklore được đề xướng bởi Otto Rank, sau đó được phát triển và hoàn thiện bởi Lord Ragland, được gọi là *Rank-Raglan mythotype* (hay còn có tên gọi khác là *cổ mẫu anh hùng* để nghiên cứu). Phần này luận án sẽ vận dụng và trình bày rõ hơn ở chương 3, vai trò của hình tượng thần Độc Cước trong truyện kể dân gian.

1.2.3. Khái quát về vùng Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ

- Vài nét về vùng Bắc Bộ

Với cách phân chia hiện nay thì trong vùng Bắc Bộ có 03 tiểu vùng: vùng đồng bằng Sông Hồng, vùng Đông Bắc và vùng Tây Bắc. Còn theo nhà nghiên cứu

Ngô Đức Thịnh khi phân vùng văn hóa ở Việt Nam có 7 vùng văn hóa, trong mỗi vùng lại chia thành các tiểu vùng. Đối với vùng Bắc Bộ có: Đồng bằng Bắc Bộ (ĐBBBB), vùng văn hóa Việt Bắc, vùng văn hóa Tây Bắc và miền núi Bắc Trung Bộ [...] vùng văn hóa không hoàn toàn là vùng địa lí và càng không phải là vùng hành chính, bởi thế ranh giới của nó không trùng hợp với vùng hành chính [105; tr.73]. Điều đó cho thấy vùng văn hóa và vùng địa lí đôi khi không hoàn toàn trùng hợp, tác động qua lại giữa tự nhiên và con người mới là nhân tố tạo nên đặc trưng văn hóa.

Bắc Bộ được xem là cái nôi hình thành dân tộc Việt và cũng là nơi sinh ra các nền văn hoá lớn, phát triển nối tiếp lẫn nhau: Văn hoá Đông Sơn, văn hoá Đại Việt và văn hoá Việt Nam. Trên thực tế giữa vùng đồng bằng và trung du Bắc Bộ đã diễn ra quá trình giao lưu, tiếp biến văn hóa, theo nhà nghiên cứu Lê Bá Thảo: *"Về mặt tâm lý, vùng trung du không quá xa lạ với người quen sống ở đồng bằng và về mặt diện tích, đấy là một vùng còn đất có thể khai hoang và canh tác được"* [98; tr.128]. Nói cách khác, đồng bằng châu thổ Sông Hồng, Sông Thái Bình là kết quả của sự chinh phục thiên nhiên của người Việt. Đối với vùng Bắc Bộ, luận án tập trung nghiên cứu ở đồng bằng Bắc Bộ nơi có thờ thần Độc Cước.

Như vậy, luận án hướng đến Bắc Bộ nhất là vùng ĐBBB, nơi có không gian văn hóa thờ thần Độc Cước. Bởi thần Độc Cước không chỉ được thờ ở xứ Thanh mà đã đến với các tỉnh thuộc Bắc Bộ, lan tỏa theo các vị trí khác nhau; cách tiếp cận của những địa phương thờ thần khác nhau. Đối với các tỉnh như Bắc Giang thờ Độc Cước trong sự ảnh hưởng của Phật giáo, một phần của Đạo giáo; Khu vực Hà Nội thờ thần Độc Cước trong vai trò của Đạo giáo (Linh Tiên Quán); Hưng Yên thờ thần Độc Cước người anh hùng trừ nạn hỏa tai, hóa thành những cơn mưa, dập lửa, đem lại mùa màng tươi tốt. Cùng một thần Độc Cước, nhưng ở mỗi vùng văn hóa khác nhau sẽ có tục thờ thần theo cách riêng, phù hợp với tín ngưỡng ở địa phương.

- *Vùng Bắc Trung Bộ*

Đặc điểm về tự nhiên, lịch sử và cư dân: Vùng văn hóa duyên hải Bắc Trung Bộ là địa bàn thuộc đồng bằng và duyên hải các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, và Thừa Thiên Huế. Có thể phân vùng văn hóa này thành các tiểu vùng: tiểu vùng văn hóa xứ Thanh, tiểu vùng văn hóa Xứ Nghệ và tiểu vùng văn hóa Bình - Trị Thiên. Về mặt địa hình, đây là dải đồng bằng hẹp, nằm kẹp giữa Biển Đông ở phía Đông và dãy Trường Sơn ở phía Tây.

Đối với khu vực Bắc miền Trung, luận án tập trung nghiên cứu ở khu vực Thanh Hóa, nên chúng tôi giới thiệu sơ qua về khu vực này theo khu vực địa lí, việc nghiên cứu về xứ Thanh cụ thể như sau:

- *Vùng văn hóa Xứ Thanh nơi có đền thờ thần Độc Cước*

Nói xứ Thanh là nói cả một vùng riêng của quê hương Việt Nam, có tính cách như là một nước Việt Nam thu nhỏ lại. Hội tụ đủ các yếu tố tự nhiên của rừng núi, đồng bằng, biển cả. Có học giả nước ngoài đã nghiên cứu về lịch sử Việt Nam đã nói, muốn hiểu được lịch sử của đất nước này thì nghiên cứu nhất định phải hiểu về lịch sử Thanh Hóa hay có nhận xét về Thanh Hóa là sân khấu của những bản anh hùng ca của đất An Nam; Thanh Hóa luôn là mảnh đất thiêng để duy trì những hoài bão của giống nòi. Toàn Quyền Đông Dương Pierre Pasquier người Pháp cũng đã coi Thanh Hoá không chỉ là một tỉnh mà là một Xứ (pays).

Xứ Thanh được xem là một vùng đất trung chuyển về mặt địa lí, nhìn theo góc độ văn hóa xã hội: Có sự tiếp thu khá rộng rãi ở nhiều mặt, cho thấy Thanh Hóa rất có tính cách mở, mở mà vẫn giữ được bản sắc riêng [59; tr.1257]. Xét trên một nghĩa nào đó thì châu thổ Sông Mã chỉ là sự nối dài của châu thổ Bắc Bộ. Cũng như đồng bằng Bắc Bộ, Thanh Hóa là nơi con người tụ cư và khai phá từ rất sớm, được xem là cái nôi ra đời các làng xã cổ và nền văn hóa truyền thống, họ đã sinh sống ở triền sông dọc Sông Mã với các địa danh nổi tiếng Đông Sơn, Quỳ Chữ, Hoa Lộc. Phạm Văn Đấu cho rằng: cư dân văn hóa Hoa Lộc, Hậu Lộc Thanh Hóa đến định cư sau đợt biển tiến cuối cùng. Sự khai phá đồng bằng châu thổ Sông Mã trong điều kiện đang hình thành và chưa ổn định là một đặc điểm đáng lưu ý [16; tr.18]. Như vậy, đồng bằng châu thổ Sông Mã là đồng bằng lớn tiện lợi cho sự quy tụ và hình thành dân cư nguyên thủy. Đây được cho là đồng bằng có diện tích lớn nhất miền trung với gần 30 nghìn km2, hình thành do sự bồi đắp của phù sa Sông Mã trong một vụng biển hẹp. Phần này luận án sẽ trình bày rõ hơn ở chương 3 vai trò thần Độc Cước trong việc bảo trợ ngư nghiệp, nông nghiệp.

Trên đây là những nét khái quát về vùng và văn hóa vùng, thông qua việc tìm hiểu về khu vực địa lý, môi trường tự nhiên ở vùng Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ (BB & BTT), vùng ven biển Xứ Thanh sẽ giúp cho luận án định hình không gian nghiên cứu, cách thức sưu tầm tư liệu, điền dã cũng như nghiên cứu thần Độc Cước trong không gian lưu truyền văn hóa.

Tiểu kết chương 1

Để có một cái nhìn bao quát truyện kể dân gian về thần Độc Cước, trong chương này, luận án đã tập trung vào một số vấn đề cơ bản như tìm hiểu một số lí thuyết được vận dụng trong luận án, như lí thuyết type và motif, biểu tượng, giao lưu và tiếp biến văn hóa; làm rõ những những khái niệm có liên quan như truyện kể dân gian, anh hùng văn hóa; xác định vùng nghiên cứu ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ nơi thờ thần Độc Cước.

Qua việc tổng thuật tình hình nghiên cứu về thần Độc Cước, bước đầu cho thấy việc tiếp cận về các tài liệu viết về thần Độc Cước trước năm 1945 còn khiêm tốn, chủ yếu vẫn là lĩnh vực sưu tầm câu chuyện trong dân gian, những truyện kể được ghi trong thần tích, thống kê những điểm thờ. Nhưng từ sau 1945 trở về sau, đặc biệt là giai đoạn hiện nay, ngày càng có nhiều những công trình nghiên cứu tiếp cận thần Độc Cước dưới góc độ văn hóa học. Các tác giả đã chú ý khai thác thần Độc Cước dưới nhiều khía cạnh, cũng đã có những công trình nghiên cứu chuyên sâu tục thờ thần Độc Cước như in sách riêng, có cả luận án về thần. Điều đó cho thấy, những ảnh hưởng và sức sống của nhân vật thần Độc Cước ngày một sâu rộng, được lưu truyền trong không gian từ miền biển tới miền núi, trải dài ở các vùng ven biển Bắc Bộ và Thanh Hóa. Để hiểu rõ hơn về cuộc đời nhân vật, luận án sẽ tiến hành khảo sát, phân tích tổng thể trên nhiều bình diện ở các chương tiếp theo.

Chương 2
KHẢO SÁT TƯ LIỆU VÀ NHẬN DIỆN TRUYỆN KỂ DÂN GIAN VỀ THẦN ĐỘC CƯỚC

Ở chương này, chúng tôi sẽ tiến hành xác lập phạm vi khảo sát tư liệu, lựa chọn hướng khảo sát truyện kể; thống kê dấu chân khổng lồ, phân tích và lí giải nhận diện về nhân vật thần Độc Cước trong truyện kể dân gian.

2.1. Khảo sát tư liệu

2.1.1. Lựa chọn hướng khảo sát

Luận án dựa theo hai hướng: thứ nhất là thống kê những truyện kể dân gian về nhân vật thần Độc Cước và thứ hai là thống kê những dấu chân khổng lồ. Sau đó tiến hành phân tích tần suất xuất hiện, với những nhận định, đánh giá kết quả:

- *Khảo sát truyện kể trong dân gian về thần Độc Cước*

+ Chúng tôi khảo sát 35 truyện kể nhằm xác định số lượng truyện kể, tần suất xuất hiện nhân vật thần Độc Cước. Thông qua khảo sát sẽ thấy được motif nào xuất hiện nhiều nhất, hoàn cảnh xuất thân, nội dung câu chuyện và vùng lưu truyền truyện kể, vùng có số lượng nhiều nhất; đồng thời lí giải nguyên nhân hiện tượng đó.

+ Chọn những truyện kể trong dân gian có liên quan ít nhiều, trực tiếp hoặc gián tiếp đến nhân vật thần Độc Cước, chẳng hạn như: có truyện không kể về cuộc đời nhân vật, nhưng phần kết câu chuyện có nhắc đến tên nhân vật thần Độc Cước (truyện số 14 – PL2) và chúng tôi cũng đưa vào thống kê và xem như là một truyện kể về thần Độc Cước; những truyện kể tương đối trùng nội dung hoặc giống nhau, chúng tôi chọn một bản và bản còn lại xem là dị bản để tham khảo không đưa vào phân tích, nhận xét.

+ Trong quá trình khảo sát, chúng tôi không phân loại truyện kể thần Độc Cước theo thể loại riêng (thần thoại, truyền thuyết, cổ tích) mà xem mỗi câu chuyện là một truyện kể. Bởi vì, khi nghiên cứu thể loại về truyện kể thần Độc Cước thì thể loại nào chiếm số lượng nhiều nhất, coi đó là trung tâm để phân tích, nhận định. Tuy nhiên, thực tế thì truyện kể thần Độc Cước có cả trong thần thoại, truyền thuyết, cổ tích; hơn nữa nhân vật thần Độc Cước là một nhân vật anh hùng văn hóa, nhân vật đa diện, đa tài (tài

năng của thần sẽ lí giải ở phần sau), qua thời gian, qua không gian lưu chuyển nhân vật này đã được dân gian tô điểm thêm viền hào quang, xung quanh nó những yếu tố thơ và mộng, hiện thực và lãng mạn về vị thần của mình.

+ Khi xác định kiểu loại chúng tôi tạm thời xem toàn bộ mỗi một câu chuyện trong số câu chuyện về nhân vật thần Độc Cước là một truyện kể dân gian (như đã nêu ở phần khái niệm về truyện kể dân gian). Trong quá trình triển khai nội dung cốt truyện và phân tích, nhận xét, chúng tôi căn cứ vào câu chuyện dựa vào từng truyện kể ghi theo số thứ tự ở phần phụ lục 2 để thống kê, lí giải, nhận định...

+ Luận án tập trung hướng nghiên cứu, lí giải, bình luận chủ yếu là những câu chuyện ở vùng Sầm Sơn, Thanh Hóa. Bởi đây được xem là nơi khởi nguồn của truyện kể dân gian về thần Độc Cước. Từ truyện kể vùng trung tâm là Sầm Sơn sẽ so sánh đối chiếu với các truyện kể vùng khác thuộc Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ theo hướng tiếp biến văn hóa. So sánh những nét tương đồng, khác biệt trong truyện kể thần Độc Cước với một số truyện kể dân gian khác. So sánh vùng thờ chính ở Sầm Sơn với một số vùng trong và ngoài tỉnh nơi thờ vị thần Độc Cước.

- *Thứ nhất khảo sát truyện kể dân gian về thần Độc Cước:*

+ V*ùng lưu truyền*: Theo thống kê truyện kể ở vùng Sầm Sơn: có 17 truyện kể với những motif chung và tiêu biểu của truyện vùng này là: Sinh nở thần kì (con của thần núi, từ trong khe núi bước ra, con của bà mẹ hóa thành dãy núi Trường Lệ để chắn sóng dữ); lập chiến công (dạy dân đan kết bè mảng, thuần hóa trâu rừng; thiêng hóa (báo mộng giúp vua đi đánh giặc); xẻ thân (tự xẻ thân mình để diệt quỷ biển, tự xẻ thân để chứng tỏ tài năng với Ngọc Hoàng); thi tài (thi với Bà Triều về nghề nghiệp, nặn trâu chết sống lại); hóa thân (trên trời cử thần xuống cứu dân)...

+ Truyện thần Độc Cước ở ngoài khu vực Sầm Sơn (trong tỉnh Thanh Hóa): có 06 truyện với những motif chung: xẻ thân (xẻ thân đánh quỷ biển tấn công), sét đánh (một nửa lên trời, nửa ở lại hạ giới); chiến công trừ hỏa tai (hóa trận mưa để tiêu diệt Ma Lửa, Ma Nhung, Ma Khấu); có phép thuật (hóa ra con đỉa, con vắt đánh đuổi giặc cướp); lập chiến công (phong tước, dẹp giặc).

+ Thống kê truyện kể dân gian về thần Độc Cước ở ngoài tỉnh Thanh Hóa với một số nơi có tín ngưỡng thờ thần Độc Cước: Hải Phòng, Bắc Ninh, Bắc Giang, Hưng Yên, Hà Tây, Hà Nội, Nam Định: có 09 truyện với những motif

chung của truyện kể vùng này là: Sinh nở thần kì (đầu thai vào gia đình hiếm con, con của ông bà già nghèo, con của yêu tinh, có nửa người khi sinh); thân hình xấu xí (có nửa người, đầu có sừng, mặt đen, miệng rộng); xẻ thân (bị sét đánh xẻ thân làm đôi, một nửa đem về trời, nửa ở lại trần gian, bị xé xác do mẹ là yêu tinh xẻ đôi thân con làm hai nửa); chiến công (trừ quỷ dữ trong đất liền nổi lên, hóa ra những cơn mưa dập lửa...).

- *Thứ hai khảo sát những dấu chân khổng lồ:*

+ Tập hợp những dấu chân khổng lồ có trên thực tế và trong huyền thoại, những dấu chân này còn in trên đất, đá, cây, trong chùa, ngoài vườn...có in dấu một bàn chân trở lên do nhiên thần, nhân thần để lại.

+ Thống kê tần suất xuất hiện, lí giải và phân tích vết chân khổng lồ thường xuất hiện ở đâu, trên đất hay đá, dấu một bàn chân hay hai bàn chân là nhiều nhất.

+ Luận án đưa ra những nhận định, đánh giá bước đầu về những dấu chân có liên quan đến dấu chân thần Độc Cước. Ngoài ra, cũng có sự so sánh về sự xuất hiện những dấu chân khổng lồ trên khắp nước ta.

2.1.2. Khảo sát cốt truyện phổ biến

2.1.2.1. Khảo sát truyện kể dân gian về thần Độc Cước

Luận án thống kê 35 truyện kể về thần Độc Cước (*xem phần Phụ lục Tư liệu 2*)*;* tuy nhiên để tiện theo dõi chúng tôi đã lập *Bảng thống kê truyện kể* (bảng tóm tắt) nội dung thống kê là: Tên truyện, motif cơ bản, hoàn cảnh xuất thân, nội dung chính và vùng lưu truyền, số thứ tự tương ứng với số thứ tự trong 35 truyện kể, phần Phụ lục tư liệu 1-Bảng 1.2)

2.1.2.2. Nhận định nội dung cốt truyện thần Độc Cước (Phụ lục Tư liệu 2)

- *Số lượng bản kể*

Trong số 35 truyện kể dân gian về thần Độc Cước có 34 truyện liên quan ít nhiều đến cuộc đời, hành trạng, công đức, lai lịch của thần Độc Cước; duy nhất có 01 truyện không nhắc đến cuộc đời và hành trạng của thần.

- *Tên nhân vật*

Tên và hiệu của thần Độc Cước rất phong phú và đa dạng với nhiều tên gọi khác nhau: Có tới 22/35 truyện kể (chiếm 63%) có các tên gọi khác nhau về thần Độc Cước, cụ thể:

+ *Tên hiệu là Thần*: do dân gian đặt, do vua phong tặng, do cha mẹ đặt, do các thầy phù thủy, pháp sư đặt ...

+ *Tên là thần Độc Cước*: Chúng tôi xếp cùng một kiểu tên (Độc Cước, chú bé mồ côi, chàng khổng lồ, chàng trai, cậu bé) có đến 22/35 truyện kể được nhắc tới. Độc Cước: Độc = một; Cước = chân, Độc Cước nghĩa là một chân.

Cùng một kiểu tên với các cách gọi khác nhau như: (Chu Minh, Chu Văn Minh, Chu Văn Khoan) có 03/35 truyện kể nhắc đến.

+ *Tên gọi khác của Độc Cước* (Thần Tướng, Quỷ, Chúa Quỷ, Nguyên Độc, Tổ Sư của các thầy Pháp sư, Thiền sư, Tiên Thiên Thần Tướng, Đổng Nhung Nguyên Soái, Tiêu Sơn Độc Cước, Sơn Tiêu Độc Cước Tối Linh, Sơn Tiêu Độc Cước Thần Vương, Chúa Độc Cước Già Tăng, Thánh Độc, Độc Cước Chân Nhân, Độc Cước Sơn Triều, Trần Triều Đôi Nước, Tướng Ngụy Trưng Độc Cước, Cao Sơn Độc Cước, Độc Cước khang thụ trọc linh thiện đẳng tôn thần) có 22/35 (chiếm 65%) truyện kể được nhắc tới tên.

+ Tên gọi là Pháp Sư có 2/35 truyện kể.

+ Tên gọi là Thiền Sư có 01/35 truyện kể.

+ Tên gắn với họ (họ Cao tên Sơn, Nguyễn Văn Nóc, Chu Văn Khoan, Chu Văn Minh) có 4/35 truyện kể (chiếm 11%) được nhắc tới.

Như vậy, nhân vật thần Độc Cước có tới 22 tên gọi và tước hiệu khác nhau, nghĩa nguyên thuỷ tên gọi của thần Độc Cước xuất phát từ tín ngưỡng dân gian thờ thần tự nhiên, từ tín ngưỡng thờ đá qua hình ảnh một dấu chân in trên đá, sau trận mưa to gió lớn ở núi Sầm Sơn, Thanh Hoá. Người dân đã liên tưởng đến vị thần một chân, thần Độc Cước, từ đó xây dựng nên hệ biểu tượng thần Độc Cước, vị thần đã tồn tại trong tâm trí người dân từ bao đời nay và được cộng đồng chấp nhận là thần hộ mệnh cho cư dân vùng ven biển Việt Nam.

- *Nguồn gốc xuất thân của nhân vật*

Theo thống kê của luận án, hoàn cảnh hay lai lịch xuất thân của nhân vật thần Độc Cước có rất nhiều khác lạ: Là một nhiên thần, thần núi, thần biển, thần được trời cử xuống trần gian, con mồ côi, con người mẹ được đầu thai, thậm chí con của yêu tinh và người trần, con được sinh ra có cả bố mẹ, con một pháp sư. Sự khác lạ ngay từ trong hoàn cảnh xuất thân, như một sự báo hiệu cho một tương lai cũng

rất khác thường của nhân vật này. Thống kê số liệu về tần suất thần Độc Cước được sinh ra như sau:

+ Con mồ côi (nhiên thần): 4/35 truyện kể

+ Con chui từ trong bụng mẹ (từ trong nấm mộ người mẹ chui lên): 3/35 truyện kể

+ Con của hai ông bà nghèo: 7/35 truyện kể

+ Con của ông bố (Pháp sư): 2/35 truyện kể

+ Con của bà mẹ được thần nhân đầu thai: 7/35 truyện kể

+ Con của Yêu tinh (người mẹ là yêu tinh); 2/35 truyện kể

+ Con của thần núi: 01/35 truyện kể

Theo truyện kể thì thần Độc Cước được sinh ra một cách kì lạ như: Truyện số 01- PL2: Hồi bấy giờ, có một chú bé mồ côi, vừa chui ra khỏi bụng mẹ đã biết chạy nhảy và lớn nhanh như thổi; truyện số 5- PL2: Nơi người đàn bà có giấc ngủ ngàn thu, một cậu bé hiện ra, khôi ngô tuấn tú lạ thường; truyện số 15 –PL2: Khi mai táng lang tướng được 100 ngày thần tướng xuất hiện thân dài 10 trượng, nửa đầu, nửa thân, một mắt, một tai, một tay, một chân. Như vậy, thần Độc Cước được sinh ra là do thần thánh đầu thai, do linh khí của trời đất, núi sông tụ lại, từ trong khe núi, trong hốc đá, từ trong nấm mộ người mẹ, thần đầu thai, nương vào người phụ nữ để rồi sinh ra cậu bé với nhân tướng dị thường.

Sự ra đời của thần Độc Cước ở Sầm Sơn được chia thành ba giai đoạn:

Thứ nhất: Truyện thần Độc Cước kể về cậu bé sinh ra từ ngôi mộ của người mẹ và lớn lên được dân làng chăm sóc, nuôi dưỡng "*Hồi bấy giờ, có một chú bé mồ côi, vừa chui ra khỏi bụng mẹ đã biết chạy nhảy và lớn nhanh như thổi, được dân làng nuôi chú bé*" (truyện số 01- PL2). Đây là câu chuyện tương đối cổ, phản ánh về nhân vật thần Độc Cước được sinh ra từ đất mẹ, được lớn lên trong sự đùm bọc, chở che của dân làng, hàng ngày thần cũng như bao người con khác của làng ra khơi đánh bắt cá tôm, trồng trọt, chăn nuôi trong cộng đồng yên vui. Cuộc sống đã và đang dần đi vào thế ổn định trước khi có lũ quỷ biển xuất hiện tấn công dân làng.

Thứ hai: Thần Độc Cước xuất hiện khi quỷ biển tấn công vào đất liền, tàn sát dân lành, nhiệm vụ của thần với chức năng của anh hùng đánh giặc, hết giặc là hết nhiệm vụ: *"Chàng ung dung đi thẳng lên đỉnh núi, bóng chàng cao lồng lộng oai phong lẫm liệt vô cùng đánh tan lũ thủy quái, chàng giơ tay vẫy chào dân làng rồi đi vào khe núi"* (truyện số 06 – PL2). Truyện kể trên ra đời muộn hơn, vì truyện không hướng đến

vai trò của thần Độc Cước trong công cuộc xây dựng cuộc sống mới cùng nhân dân, mà chỉ nhấn mạnh sự xuất hiện của Độc Cước khi dân làng bị kẻ thù đe dọa, xâm chiếm, với nhiệm vụ đánh giặc quỷ biển cứu dân, sau đó lại quay về núi; thần cũng không ở lại cùng nhân dân và bảo vệ cuộc sống của người dân. Truyện kể nhằm ca ngợi vai trò của người anh hùng trận mạc, đánh giặc cứu dân lành, thoát nạn xâm lăng.

Thứ ba: Thần Độc Cước trở vào đất liền, thần được sinh ra từ gia đình nghèo có họ tên: có Cha là Chu Hưng mẹ là Võ Thị Hồng hoặc Cha họ Nguyễn, mẹ họ Đoàn hay là con của bà mẹ nghèo...Đây là những câu chuyện ra đời tương đối muộn mãi về sau này, có ảnh hưởng của yếu tôn giáo như Đạo giáo, Nho giáo, Phật giáo. Thần Độc Cước với vai trò mới là pháp sư, đứng đầu pháp môn, chưởng âm binh có tài trị quỷ, trừ tà trong đất liền.

- *Hình dạng của thần Độc Cước*

+ *Chàng khổng lồ:* Có 10/35 truyện kể về hình dạng của vị thần khổng lồ mang tầm vóc vũ trụ (truyện số: 01, 03, 04, 05, 06, 07, 09, 10, 27, 28- PL2). Những truyện này đều có motif chung miêu tả hình ảnh: chú bé lớn nhanh như thổi, trở thành chàng trai to lớn có sức khỏe phi thường, mọi người đều gọi là chàng khổng lồ (truyện số 04- PL2); được dân làng nuôi dưỡng, thương yêu, cậu lớn nhanh thành người khổng lồ (truyện số 5 –PL2); một chàng trai mặt mũi khôi ngô tuấn tú, thân hình vạm vỡ bóng chàng cao lồng lộng oai phong lẫm liệt vô cùng (truyện số 6-PL2)...

+ *Thần Độc Cước có hình dạng Kỳ tướng:* Có 14/35 truyện kể, thần có một sừng trên đầu, mình dài 3 thước: Có 3/35 truyện kể. Cũng như bao vị thần khác, thần Độc Cước trong hình ảnh vị thần khổng lồ, thân hình kì dị, có sức khỏe phi thường truyện số 12 – PL2: Vài tháng Võ Thị có mang, đủ ngày tháng đẻ ra cái đầu không chân tay, khóc vang như sấm. Vợ chồng sợ hãi cho là quái thai; truyện số 15 –PL2: Thần thân dài 10 trượng, nửa đầu, nửa thân, một mắt, một tai, một tay, một chân; truyện số 17 –PL2: Bà mẹ mang thai sinh ra người con trai chỉ có nửa người; truyện số 23- PL2: Khi mới ba tuổi đã đánh trống động tới trời. Điều đó cho thấy, trong số những truyện kể về thần Độc Cước có những truyện có motif sinh nở thần kì, motif hình dạng dị biệt, xấu xí, những truyện đó như hướng vào những tài năng siêu phàm của thần Độc Cước sau này.

Trong các truyện kể dân gian khác cũng có motif nhân vật xấu xí mà tài ba, thể hiện ở các hình thức: người mang lốt cục thịt, bọc thịt "một cục thịt tròn như

hình quả bầu" (truyện chàng Bầu), "một cục thịt tròn lông lốc như hình cái sọ, có mặt mũi mồm nhưng không có chân tay" (truyện Sọ Dừa). Những truyện này nằm trong motif nhân vật mang lốt xấu xí, dị tật khác thường, nhưng lại có một tài năng phi thường và một sức mạnh thần kỳ.

- *Pháp thuật của thần Độc Cước*

Là một vị thần có đầy đủ pháp thuật, quyền năng tối thượng thần Độc Cước có thể xuất quỷ nhập thần, xẻ thân vẫn như nguyên vẹn, đội đất sống lại, lên trời, có thể biến hóa ẩn tàng, hóa thân thành những con vật như con vắt, con đỉa. Ngoài ra, thần cũng có thể làm phép hô mưa, gọi gió, dập lửa, trừ tà. Truyện số 20 –PL2: Thần Độc Cước đã dùng phép thuật của mình, hóa thành một trận mưa; truyện số 31-PL2: Thần Độc Cước đã dùng phép thuật của mình, hóa phép và biến thành những con vắt, con đỉa chui và bám vào quân giặc; truyện số 33-PL2: Ngài hiệu là Đại pháp sư, có 7 phép màu để trị ma quỷ gian ác. Ngoài tài năng bẩm sinh và có phép thuật, thần Độc Cước còn được người cha là Pháp sư truyền phép thuật, truyện số 22 - PL2; đến năm 10 tuổi thần đã thống trị ngũ giới, vạn phép thần thông; truyện số 23-PL2: khi mới ba tuổi đã đánh trống động tới trời.

Là một vị thần toàn năng, thần Độc Cước nhìn từ hai góc độ: khi thần là một nhiên thần, có sức mạnh của một vị thần khổng lồ, có thể hàng yêu, diệt quỷ, hô mưa, gọi gió. Khi nhân vật là một nhân thần, một người bình thường, thì thần được cha truyền cho phép thuật có tài biến hóa, có thể diệt yêu quái, trị ma, quỷ. Dù ở góc độ nào, thần đều thể hiện tài năng, sức khỏe phi thường, lập được những chiến công hiển hách, cứu dân thoát khỏi hoạn nạn. Nhìn một cách khái quát, có thể thấy người dân đã sáng tạo ra hình tượng thần Độc Cước trên cơ sở tích hợp công trạng của thần từ nhiều góc độ khác nhau, thể hiện ước nguyện của họ trong quá trình chinh phục tự nhiên, giải quyết những vấn đề xã hội, ổn định cuộc sống.

2.2.1.3. Khảo sát dấu chân khổng lồ và dấu chân thần Độc Cước ở các địa phương

Luận án tiến hành khảo sát dấu chân khổng lồ tổng số (có 69 dấu chân khổng lồ), nội dung khảo sát theo hướng sau: thống kê trong số những thần tích, địa chí, truyện kể dân gian có nhắc đến dấu chân khổng lồ. Trong quá trình thống kê dấu chân, luận án đã sử dụng tư liệu của hai tác giả là Nguyễn Duy Hinh và Hoàng Minh Tường; ngoài ra, chúng tôi đã sưu tầm và bổ sung được 27 dấu chân khổng lồ theo số thứ tự 42 đến 69 phụ lục tư liệu 3 (PL3). Phần lập *Bảng thống kê những dấu*

chân khổng lồ (Bảng tóm tắt) nội dung thống kê: Số thứ tự thống kê theo số thứ tự từ 01- 69 với địa danh nơi phát hiện, vị trí nơi dấu chân còn lưu lại và dấu chân lạ do thần, người, vật để lại *(xem phần Phụ lục tư liệu 1- Bảng 2.2).*

- *Nhận xét về những dấu chân khổng lồ*

Thứ nhất: Trong số 69 dấu chân thì có 01 nơi có 02 dấu bàn chân khổng lồ còn lưu lại, như ở Đồng Tháp Mười số thứ tự (số TT 01- phụ lục tư liệu 3 (PL3)) phát hiện thấy có 02 dấu bàn chân do vị vua Bhagavati trị vì để lại. Có nơi có 03 dấu bàn chân khổng lồ còn lưu lại, như ở Sơn La (số TT 23 –PL3) phát hiện thấy có 03 dấu chân trên núi đá hay phát hiện có 03 dấu bàn chân lớn in vào thân cây trong di tích thờ Đế Thích (số TT 57 –PL3). Thống kê cho thấy ***dấu tích của một bàn chân*** để lại có đến 66/69 dấu chân (chiếm 96%), chiếm tỷ lệ lớn trong dấu chân khổng lồ.

Như vậy, theo thống kê thì đa phần là có dấu *một bàn chân khổng lồ* được phát hiện. Thiết nghĩ, đây là một mã văn hóa, cần được phân tích, lý giải xác đáng của nhiều ngành khoa học, nghiên cứu liên ngành để có những cơ sở nhìn nhận khách quan về dấu một bàn chân (dấu chân Độc Cước). Với riêng dấu chân thần Độc Cước, qua thời gian đã được người dân sáng tạo nên những câu chuyện li kỳ.

Thứ hai: Những dấu chân khổng lồ còn lưu lại thì có dấu chân lưu trên đất: có 16/69 dấu chân (chiếm 23%); dấu chân lưu trong Chùa: có 3/69 dấu chân (chiếm 5%); dấu chân do bà mẹ ướm thử hay giẫm vào: có 5/69 dấu chân (chiếm 7%); dấu chân ở trên cây, lá: có 4/69 dấu chân (chiếm 7%); ***dấu chân lưu lại trên đá***: có 48/69 dấu chân (chiếm 70%).

Như vậy, dấu chân lưu lại trên đá có số lượng lớn, bởi tín ngưỡng thờ đá được xem là tín ngưỡng nguyên thủy nó không chỉ có ở Việt Nam mà còn có ở nhiều nơi trên thế giới. Một phần, tín ngưỡng thờ đá là do xuất phát từ vạn vật hữu linh trong quan niệm của người nguyên thủy, phần này chúng tôi sẽ lí giải ở chương 4 về tín ngưỡng thờ đá.

Thứ ba: Trong số những dấu chân còn lưu lại, dấu chân do các con vật để lại có dấu chân voi: 1/69 dấu chân; dấu chân gấu: 1/69 dấu chân; dấu chân trâu 1/69 dấu chân; dấu chân do thiền sư còn lưu lại: 6/69 dấu chân (chiếm 10%); dấu chân

do nhân thần lưu lại: 7/69 dấu chân (chiếm 10%); dấu chân thần Độc Cước 4/69 dấu chân (chiếm 6%); ***dấu chân do nhiên thần để lại***: 61/69 dấu chân (chiếm 88%).

Như vậy, dấu chân do *nhiên thần* để lại chiếm tỷ lệ lớn, cũng như các tín ngưỡng khác như tín ngưỡng thờ đá có thể được xem là lớp tín ngưỡng ra đời sớm, rồi đến tín ngưỡng thờ dấu chân thiêng, dấu chân in trên đá và sau này ảnh hưởng của Phật giáo còn thờ dấu chân Phật. Những dấu chân do nhiên thần để lại thường được thần thoại hóa như là những vị thần khổng lồ, những nhiên thần có thể đi mây về gió, sáng tạo ra trời đất, sông núi...hoặc đã được hình tượng hóa thành những anh hùng văn hóa, anh hùng chiến trận như thần Độc Cước. Những vị thần này, họ đã đi vào trong tâm thức của dân gian, được dân gian tôn vinh. Nhân dân qua quá trình lao động, sản xuất đã sáng tạo ra vị thần linh thiêng của mình để che chở, giúp đỡ họ vượt qua cuộc sống khốn khó, hạnh phúc.

Một điều cũng nhận thấy là, sau khi Phật giáo du nhập và thịnh hành ở nước ta thì hình tượng những dấu chân của Phật để lại đã được chuyển hoá thành dấu chân của Khâu Đà La, Sư Không Lộ, Từ Đạo Hạnh, Dương Phu Nhân…nghĩa là những dấu chân do *nhân thần* để lại đã được tự nhiên hoá (phần này chúng tôi sẽ lí giải ở phần chương 4, sự ảnh hưởng của Phật giáo vào nước ta).

2.1.3.4. Thống kê dấu chân có nội dung cốt trong truyện kể về thần Độc Cước

(Xem Bảng thống kê dấu chân có nội dung cốt trong truyện kể về thần Độc Cước phần Bảng 2.3 Phụ Lục 1).

Trong số truyện kể dân gian về thần Độc Cước: Có 09 *dấu chân c*ó nội dung cốt truyện kể về thần Độc Cước và có 02 dấu chân có trong thần tích nhưng không có nội dung cốt truyện. Trong số 09 dấu chân gắn với nội dung truyện kể về Độc Cước thì tất cả có ở Sầm Sơn, Thanh Hóa và đều gắn với câu chuyện về cuộc đời, sự nghiệp của thần Độc Cước. Điều đó cho thấy, vùng Sầm Sơn chính là nơi khởi nguồn cho chuỗi câu chuyện về vị thần Độc Cước với những tài năng phi thường cũng như những công đức của vị thần đã để lại cho cư dân vùng ven biển Thanh Hóa. Thần Độc Cước được xem là vị thần hộ mệnh cho cả vùng Sầm Sơn, vị thần canh giữ biển khơi. Triều đình phong kiến đã ban tặng sắc phong, tước hiệu, cho xây đền có tên là đền Độc Cước, công nhận sự linh thiêng của ngôi đền và được nhân dân quanh

năm thờ phụng, hương khói, như một sự tri ân của thế hệ bao đời con cháu mai sau đối với các bậc tiên tổ, những anh hùng đã xả thân vì đất nước, bảo vệ cuộc sống của người dân trong vùng ngày một an cư, thịnh vượng.

Ở những nơi khác ngoài Thanh Hóa, qua thống kê truyện kể về thần Độc Cước, chúng tôi chưa thấy có dấu chân của thần Độc Cước hiện diện ở những nơi như Bắc Giang, Bắc Ninh, Ninh Bình, Hưng Yên, Hà Nội. Tuy nhiên, những nơi này cũng đã có những điểm thờ hoặc thờ vọng, phối thờ giữa thần Độc Cước với các vị thần khác trong đền, chùa.

2.2. Nhận diện truyện kể về thần Độc Cước

2.2.1. Nhận diện thần Độc Cước trong đời sống văn hóa của cư dân Bắc Bộ và Bắc Trung bộ

2.2.1.1. Nhận diện trong không gian văn hóa

- *Thần Độc Cước trong không gian thờ tự của người Việt*

+ Trong số 52 điểm thờ còn lưu lại ở xứ Thanh, phần lớn ở các làng xã ven sông biển đã tôn thần Độc Cước là Thành hoàng. Các làng thuộc "tam xã, bát thôn", làng Núi, làng Giữa, làng Trấp, làng Hới (Sầm Sơn); các làng khác như: Du Vịnh, Kẻ Trường (Quảng Xương); làng Hổ Cứ, Tuy Lộc (Hậu Lộc); My Du (Hoằng Hóa); Vân Trai, Phong Ý (Cẩm Thủy), làng Duy Tinh, Hậu Lộc...[122; tr.100].

+ Ở ngoài tỉnh Thanh Hóa, thần Độc Cước được thờ ở đình làng Vẽ, xã Đông Ngạc, Từ Liêm, Hà Nội được phối thờ với hai vị thần Lê Khôi và thần Thổ Địa; Đình Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội có phối thờ thần Độc Cước với Lê Thị Ngọc Bôi làm Thành hoàng và chính công chúa Ngọc Bôi đã rước thần Độc Cước từ xứ Thanh về Trang Văn Quán tôn làm Thành hoàng để bảo hộ cho dân làng. Ngoài ra, thần Độc Cước được thờ ở nhiều nơi như Đình làng Phán Thủy xã Song Mai, Kim Động, Hưng Yên được phối thờ với hai vị Thành hoàng làng là Nguyệt Lãng Đại vương và Trung Quốc Đại vương; Đình làng Mỗ Xá, xã Phú Nam An, huyện Chương Mỹ, Hà Nội phối thờ là thần Độc Cước chí thần đại vương (thiên thần) và hai vị nhân thần là Đỗ Lương và Tuấn Lương; thần Độc Cước được đưa vào phật điện phối thờ với tín ngưỡng thờ Mẫu như: chùa Kiên Lao ở Xuân Kiên, Xuân Trường, Nam Định; chùa Bổ Đà, Bắc Giang.

Do sự linh thiêng của thần Độc Cước thờ trong ngôi đền chính ở Sầm Sơn nên được người dân trong và ngoài tỉnh xin rước chân nhang về thờ làm Thành hoàng làng, hoặc phối thờ với các vị thần làng khác. Theo thời gian và sự chuyển di của người dân thì tín ngưỡng thờ thần Độc Cước cũng đã xâm nhập và lan tỏa theo nhiều con đường khác nhau, đã đến vùng như Bắc Giang như ở Tiên Sơn- Việt Yên, Lạng Giang, Lục Nam, Hiệp Hoà.

Cũng có ý kiến cho rằng: thờ thần Độc Cước ở Đình Vẽ, Từ Liêm Hà Nội, Hưng Yên, Bắc Giang có thể là một hiện tượng theo dòng di chuyển của các thương thuyền từ ngoài biển vào, các thuyền đi theo các dòng sông để buôn bán, trao đổi hàng hóa. Trong quá trình đó, đã có sự giao lưu tiếp biến văn hóa, cũng có người từ miền biển lên vùng trung du, vùng núi sinh sống và mang theo tín ngưỡng bản địa thờ thần Độc Cước ở ven biển lên đây. Để phù hợp với vùng đất mới họ đã sáng tạo ra Độc Cước theo nguyện vọng tín ngưỡng của người dân địa phương. Mặt khác, thì tín ngưỡng thờ thần Độc Cước ở Bắc Giang là được cư dân xin rước chân nhang từ Sầm Sơn, Thanh Hóa về thờ.

Tác giả Hoàng Minh Tường cũng đưa ra giả định: "Theo cuộc hành quân của chủ tướng Lam Sơn, Lê Lợi, tục thờ thần Độc Cước từ vùng biển đã lan tỏa ra nhiều địa phương trong cả nước và đọng lại ở vùng miền núi Bắc Giang" [122; tr.131]. Đây là một ý kiến rất đáng lưu tâm, khi tác giả đã gợi mở phần nào sự lan tỏa của tín ngưỡng thờ thần Độc Cước đi sâu vào nội địa như vùng đất Bắc Giang, Bắc Ninh. Bởi nơi đây từng ghi dấu chiến công của nghĩa quân Lam Sơn, theo lịch sử thì Lê Lợi cùng với các tướng đem 3 vạn quân tới vùng đất Bắc Giang, Bắc Ninh để đánh giặc, trong số đó có rất nhiều dân binh từ Thanh Hóa. Theo Diễn ca Sầm Sơn giáng tích viết: *"Lam Sơn khi mở nghĩa kì/ Vua Lê cầu đảo sơn khê bách thần*..." mỗi khi gặp khó khăn thì Lê Lợi cũng như nghĩa quân đã cầu cúng đến sự trợ giúp của Độc Cước, có lẽ vì thế mà tục thờ thần Độc Cước đã có sự lan tỏa trên miền đất này. Trong sách *Lam Sơn Thực Lục* chép việc: "Vợ Lê Lợi một sớm đi ra vườn thấy *một vết chân lớn in trên lá ở vườn cây* sau nhà, Lê Lợi đi ra bắt được bảo ấn, sau này ông còn bắt được một bảo ấn nữa". Do vậy, mối liên hệ giữa cư dân Thanh Hóa và dân binh trong nghĩa quân Lam Sơn khi đến Bắc Giang đánh xong giặc sẽ có người ở lại đây để làm ăn, sinh sống mang theo tín ngưỡng thờ thần Độc Cước

+ *Thần Độc Cước vào sâu trong vùng thiểu số:* Ảnh hưởng của tín ngưỡng thần Độc Cước không chỉ ở miền xuôi mà còn có ở miền núi, trong văn hóa Then Tày: Qua lời các thần chú của các thầy Phù thủy, thần Độc Cước với những tên gọi như tướng *Ngụy Chưng Tiêu Độc Cước* tức *Phya Đán* (có thầy gọi là *Nhuệ Sơn Tiêu Độc Cước*), xuất hiện qua hình dạng vị tướng có dị tật là câm, khi xuất hiện chỉ giao tiếp với mọi người bằng động tác [162]. Có thể nhận thấy một điều là với uy danh của Độc Cước vang khắp chốn, thần xuất hiện như một thần lực mới của đàn tràng Then, một sự trợ lực, giúp sức để xua đuổi tà ma, quỷ quái không dám đến quấy phá. Như vậy, tín ngưỡng Độc Cước trong Then của người Tày ít nhiều có liên quan đến thần Độc Cước của các thầy Phù thủy miền xuôi.

- *Lễ hội thần Độc Cước*: Lễ hội được tổ chức ở nhiều nơi trong và ngoài tỉnh Thanh Hóa, do khuôn khổ luận án, chúng tôi chỉ nêu khái quát về lễ hội thần Độc Cước ở Sầm Sơn mà chúng tôi có dịp tham dự. Lễ hội thần Độc Cước hay còn gọi là lễ hội (Hội đồng thần linh) được tổ chức trong ba ngày 12, 13, 14 tháng hai âm lịch, tại đền Thượng, làng Núi Sầm Sơn. Lễ hội thần Độc Cước là một lễ hội truyền thống, một lễ hội lớn được diễn ra trong năm, rất long trọng, quy mô, bài bản được người dân cả vùng tham gia, đón nhận hưởng ứng một cách nhiệt thành. Trong đó phải kể đến lễ hội rước kiệu hội đồng thần linh của Tổng cung Thượng, kiệu của các làng trên được rước đến dưới chân đền Độc Cước. Sau đó là tổ chức các trò chơi dân gian khác như: đi kheo, hát dân ca, đánh cờ người, múa binh khí, vật dân tộc, kéo co, đi cà kheo (xem Phụ lục Tư liệu ảnh). Ngoài ra, còn có các Lễ hội về thần Độc Cước ở ngoài Sầm Sơn, trong và ngoài tỉnh Thanh Hóa (xem Bảng 4, Phụ lục 4)

Ý nghĩa của lễ hội thần Độc Cước, trước đây lễ hội thần Độc Cước sau 4 năm mới được tổ chức một lần. Trong những năm gần đây, lễ hội này được dịch chuyển sang tháng năm gắn với mùa du lịch, kết hợp lễ hội với việc tổ chức khai trương "Hè Sầm Sơn" diễn ra trong 3 ngày 30 tháng 4 và 1, 2 tháng 5 dương lịch hàng năm. Lễ hội còn là cơ hội để quảng bá, thu hút khách du lịch trong và ngoài nước, với các hoạt động kinh doanh hoạt động dịch vụ du lịch, văn hoá, Sầm Sơn.

2.2.1.2. Nhận diện thần Độc Cước trong đời sống tâm linh

- *Thần Độc Cước trong nhận thức tâm linh:*

Với lai lịch là vị thần tự nhiên (con mồ côi cha mẹ, từ nấm mộ người mẹ chui lên, từ trong núi bước ra) thần Độc Cước có những hành tung bí ẩn, huyền thoại xen

lẫn cả đời thường, con của nhân thần (con của bà mẹ nghèo được thần nhân đầu thai, con của đôi vợ chồng nghèo, con của pháp sư, con của yêu tinh và người chồng trên trần gian). Thần Độc Cước từ một người khổng lồ trị thủy quái, chinh phục thiên nhiên trong thần thoại, nhân vật đã chuyển sang truyền thuyết với vai trò của người anh hùng chiến trận khi đất nước có giặc, tổ quốc lâm nguy, nguyện giúp vua đánh giặc. Như vậy, thần Độc Cước dù là con của nhiên thần hay con của một người dân thường, thì thần đều có đặc điểm chung là một người khổng lồ có sức mạnh phi thường, một thần tướng có pháp thuật. Dấu hiệu này cho thấy thần Độc Cước là một con người tài ba, có phép thuật, có dáng dấp của một vị thần, vừa là sơn thần cũng vừa là thủy thần, với hành trạng phi thường, những khả năng kì diệu đã chứng tỏ tầm vóc và ảnh hưởng to lớn của nhân vật này đối với cộng đồng.

Truyện kể thần Độc Cước có thể ban đầu là truyện kể của người con ở một làng ven biển hoặc cũng như bao người con làng khác, dám chống lại quỷ biển Đông. Sau này, lan ra cả một Tổng Sầm Sơn, theo thời gian nó là của cả một vùng ven biển. Truyện kể được phát triển theo thời gian, trong tâm thức của người dân thì nó lại là câu chuyện của cả một vùng rộng lớn, vùng Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ, được gói lại thông qua một vị thần, thần Độc Cước.

Truyện kể về thần Độc Cước chiến đấu quỷ dữ ở trong và ngoài biển khơi, nó đâu chỉ đơn giản là chiến thắng một kẻ thù mà hàm chứa trong đó là muôn vàn kẻ thù và quỷ biển Đông là một trong những kẻ thù tàn bạo và quỷ quyệt nhất. Một khi con người đã thắng được kẻ thù tàn bạo nhất, mạnh mẽ nhất, cũng là đồng nghĩa với việc con người mang trong mình khát vọng lớn lao là có thể chiến thắng và chế ngự được các trở lực khác của thiên nhiên hay của kẻ thù hai chân và bốn chân.

Truyện kể vùng Sầm Sơn, là những câu chuyện về thần Độc Cước cùng dân làng nghênh chiến, chủ động phòng bị và tìm cách tiêu diệt khi quỷ biển tấn công ở trong đất liền và ngoài biển khơi. Nó phản ánh một khí thế hào hùng của người dân đã đồng lòng đoàn kết, dám bền gan vững chí, không chịu khuất phục trước kẻ thù hùng mạnh, đứng lên tiêu diệt kẻ thù. Câu chuyện này gửi gắm trong đó một khí thế của thời đại, thời đại con người tiến xuống vùng biển trên một chặng đường gian nan, thử thách, được đánh đổi bằng máu xương của mình để giành giật lấy miếng cơm manh áo. Để tồn tại và bám đất, bám làng, bám biển, con người nơi đây cũng

đã phải đương đầu với bao khó khăn chồng chất, đòi hỏi sự kiên cường, tin tưởng vào sức mình, tin tưởng vào sự đoàn kết. Trong đó, có vai trò của thủ lĩnh người anh hùng đi mở cõi, khai phá và xây dựng làng ấp mới, mở rộng biên giới, cương vực, lãnh thổ quốc gia. Những người anh hùng văn hóa như thần Độc Cước đã có công lao giúp dân ổn định cuộc sống mới, kêu gọi người dân cùng đồng cam cộng khổ, nương tựa vào nhau mỗi khi có kẻ thù, khi bị thiên tai đe dọa cùng nhau vượt qua hoạn nạn, tiến tới cuộc sống an bình, thịnh vượng. Có thể nói, môi trường tự nhiên và xã hội là điều kiện để hình thành hiện tượng thần Độc Cước. Trước một vùng đất mới, đối diện với bão tố, lũ lụt, triều dâng nơi biển cả và để sinh tồn thì ngoài sự nỗ lực không ngừng, con người còn cầu mong sự trợ giúp từ thế lực siêu phàm và toàn năng.

Xuất phát từ môi trường tự nhiên gắn với điều kiện sông nước thì hình tượng thủy quái, quỷ biển, thuồng luồng, rắn đã được đồng hóa với thủy thần, đi vào tâm thức dân gian Việt Nam từ rất sớm và thường gắn với tục thờ các vị thần tự nhiên. Từ đời sống của cư dân nông nghiệp trồng lúa nước, phụ thuộc vào nguồn nước, môi trường tự nhiên và địa bàn cư trú, con người luôn phải đối mặt với thiên tai một trong những nỗi kinh hoàng nhất đến từ thiên nhiên đối với con người chính là lũ lụt, bão tố. Sự tàn phá kinh khủng của hiểm họa thiên nhiên này làm cho con người vừa muốn chế ngự vừa muốn sùng bái nó. Vì thế mà, tục thờ thủy thần ra đời trên cơ sở tâm lí tôn sùng thiên nhiên. Trong truyện "Sơn Tinh, Thủy Tinh", câu chuyện về một cuộc chiến dai dẳng của con người với thủy tai, cũng có thể còn là cuộc chiến giữa bộ tộc này với bộ tộc khác, giữa người từ vùng biển tiến lên vùng trung du, vùng cao, khi Thủy Tinh nhiều lần tìm cách chống lại bằng việc gây ra lũ lụt hàng năm.

Trong tâm thức của người dân, thần Độc Cước là một phúc thần có nhiều công lao với cộng đồng. Với trí tưởng tượng phong phú, qua nhiều thế hệ, người dân từng bước bồi đắp nên một hình tượng nhân vật lấp lánh ánh hào quang. Thần Độc Cước trở thành hiện thân của ý chí và nguyện vọng của người dân, cộng với những khả năng phi thường, giúp nhân dân định hình cuộc sống, bảo vệ sự bình an. Vì thế, sự tưởng tượng của người dân càng trở nên phong phú, sự linh thiêng của thần Độc Cước dường như ngày càng lớn dần lên và được bồi đắp theo tiến trình lịch sử.

Người Việt khi tràn xuống đồng bằng đã sáng tạo ra vị thần Sơn Tinh giúp dân chiến thắng bão lụt, bảo vệ tài sản, mùa màng. Giai đoạn tiếp theo trên con đường mở cõi chinh phục biển Đông, người Việt lại sáng tạo ra thần Độc Cước. Tuy nhiên, ở thời kì đầu chinh phục biển, con người vẫn bám nghề nông, vì thế thần Độc Cước không chỉ là vị thần cứu hộ ngư dân trên biển mà còn là vị thần cứu hộ những con người trên đất liền. Vì lẽ đó, truyện thần Độc Cước đã nhanh chóng lan truyền khắp cả vùng BB&BBTB, được sáng tạo lại nhiều lần, tạo nên nhiều dị bản. Bên cạnh vị thần Độc Cước - thần bảo hộ cũng trở thành biểu tượng tâm linh của không chỉ cư dân ĐBBB mà còn cả với nhiều dân tộc ít người ở vùng núi phía Bắc. Nếu so sánh truyện thần Độc Cước với các truyện Sơn Tinh - Thủy Tinh, sau này là truyện kể về Mai An Tiêm hay truyện Chử Đồng Tử thì chúng ta sẽ hình dung ra bước di chuyển từ rừng núi xuống đồng bằng, xuống biển của người Việt cổ. Trong đó thần Độc Cước nằm ở bước trung gian giữa đồng bằng - biển (nông nghiệp - ngư nghiệp).

- Sự tương đồng giữa Độc Cước với thần Điểm Tước trong truyện kể dân gian

Tục chọi trâu có nguồn gốc ban đầu là tục thờ dấu chân (dấu chân chim sẻ và tục tế chàm trâu trong ngày hội chọi trâu) và tục lệ này cũng đã có trong tục thờ thần Độc Cước Sầm Sơn, Thanh Hoá. Theo tác giả J.Ecarlat trong bài báo *Lễ hội và hành hương ở Bắc Kì* cho biết: Cách đây 18 thế kỉ, gió mùa Đông Nam đã đẩy những ngư dân Thanh Hóa đặt chân lên núi Tháp thuộc bán đảo Đồ Sơn, những người dân cầu xin các vị thần gây ra thiên tai mà họ chưa biết đến tên hiệu [107; tr.91-94]. Phải chăng, tục lệ này đã được những ngư dân Thanh Hoá khi gặp nạn trên biển đã trôi dạt vào vùng biển Đồ Sơn, họ đến mang theo tín ngưỡng quê hương, đó là tín ngưỡng thờ thần Độc Cước và để thích nghi với vùng đất mới, họ đã sáng tạo ra câu chuyện chọi trâu; tục thờ vết chân chim là để phù hợp với tín ngưỡng dân gian vùng đất mà họ sinh sống với quan niệm đất có thổ công, sông có hà bá.

Khi nghiên cứu về thần Độc Cước và trong những lần đi điền dã thực tế ở Đồ Sơn tác giả Hoàng Minh Tường đã cung cấp thông tin về người coi đền Điểm Tước Đại Vương ở Đồ Sơn, Hải Phòng là cụ Đinh Đắc Chinh năm nay đã 85 tuổi (2005). Cụ cho biết: gia đình có gốc là người vùng biển Ngọc Sơn (Quảng Xương thuộc đất Ngọc Sơn cũ) tỉnh Thanh Hóa đã đến đây sinh sống từ lâu rồi. Gia đình Cụ nhiều đời làm thủ đền, thế hệ này truyền thế hệ sau không nhớ rõ nữa [119; tr.112]. Nếu đúng như vậy thì những ngư dân Đồ Sơn, Ngọc Hải, Ngọc Xuyên, Hải Phòng có thể

đã có những mối liên hệ gần gũi, thân thiết với ngư dân Thanh Hóa, nhất là ngư dân vùng Quảng Xương.

Một điểm khác mà luận án muốn bàn đến và có tính chất suy luận thêm: Trong truyện thần Độc Cước ở Sầm Sơn, thần đã xẻ thân một nửa trong đất liền, một nửa ra khơi để bảo vệ ngư dân, bảo vệ ngư trường đánh bắt được an toàn; phải chăng nơi khơi xa ấy chính là Đồ Sơn, Hải Phòng. Bởi trong truyện kể về thần Điểm Tước ở Đồ Sơn, có kể về vị thần dẹp thủy quái, để lại vết chân, thần ngồi trông trâu chọi nhau trong đêm trăng, câu chuyện rất gần với truyện kể về thần Độc Cước. Đặc biệt là chi tiết chọi trâu, phải chăng đôi trâu chọi kia cũng chính là những con trâu mà thần Độc Cước xưa kia đã dày công thuần hóa trâu rừng thành trâu nhà. Khi thuần hóa trâu rừng thành công cũng là lúc vị thần có thời gian rảnh rỗi để ngồi ngắm những thành quả mà mình bao công sức để huấn luyện và rèn luyện.

Theo truyện kể vùng Đồ Sơn: Sau khi vị thần diệt thủy quái, cùng lúc này người ta thấy trên trời có đám mây trắng hình hai con trâu chọi húc đầu vào nhau. Cư dân Đồ Sơn cho đó là điềm trời, thành hoàng làng báo thần thích chọi trâu [115; tr.246]. Thần Điểm Tước ngồi xem trâu chọi nhau trong đêm trăng sáng, còn truyện kể thần Độc Cước ở Sầm Sơn có chi tiết thần thi tài cùng Bà Triều, nặn trâu sống lại khi đã xé trâu làm trăm mảnh. Thần Điểm Tước ngồi trong đêm trăng xem trâu chọi nhau, mà trâu được hiểu là nhân dạng hóa của mặt trăng, trâu là biểu tượng của mặt trăng. Nhận xét về mối liên quan giữa thần Độc Cước với mặt trăng nhà nghiên cứu Trần Lâm Biền đã có những lí giải: Hai con trâu chạy từ dưới biển lên và chọi nhau, tượng trưng cho thủy triều lên, chọi chán chúng chạy xuống biển thủy triều xuống. Cho nên, con trâu trong lễ hội chọi trâu đại diện cho thủy triều, liên quan đến mặt trăng.

Như vậy, hai vị thần Điểm Tước và thần Độc Cước đều có nét tương đồng như các thần có công chinh phục thủy quái, bảo vệ vùng biển, để lại dấu chân thần, xuất hiện trong mưa gió. Ngoài ra, còn có sự tương đồng về dân tộc học, cư dân bản địa Sầm Sơn đến vùng đất mới Đồ Sơn mang theo tín ngưỡng bản địa của quê hương, hòa nhập với môi trường nơi đây để sáng tạo nên tín ngưỡng thờ vết chân thần. Ở nước ta, hình ảnh những vết chân khổng lồ có ở nhiều nơi, phải chăng gắn với tục thờ đá, thờ dấu chân thiêng, một tín ngưỡng bản địa, kết hợp với yếu tố ngoại lai tạo nên tín ngưỡng thờ dấu chân phong phú và đa dạng trong đời sống của người dân Việt xưa kia

- Sự tương đồng giữa thần Độc Cước với Thánh Gióng trong truyện kể dân gian

Khi nghiên cứu về truyện Thánh Gióng nhà nghiên cứu Cao Huy Đỉnh đã có những nhận định như sau: Truyện Ông Gióng ban đầu là truyện Anh hùng bộ lạc. Do tính chất tượng trưng cho lý tưởng chung của bộ lạc mà những cốt truyện anh hùng bộ lạc theo một nguyên tắc giống nhau [18; tr.50]. Thần Độc Cước xét về loại hình, phải chăng là hình ảnh của Thánh Gióng (hình tượng Ông Đổng Cha khi bà mẹ giẫm phải dấu chân khổng lồ, dấu chân ông Đổng để lại sau trận mưa giông, bà về nhà có mang sinh ra Thánh Gióng). Theo nhà nghiên cứu Tạ Đức, khi nói về thần Độc Cước trong sự tương đồng với Thánh Gióng: *Thánh Gióng = Thần Rồng = Thần Độc Cước.* Thánh Gióng rõ ràng là Thần Khổng lồ tương tự Thần Độc Cước, một hiện thân của thần Rồng một chân - Quỳ Long - Giao Long - Thần Trống (Phụ lục 5C): *Thánh Gióng=Thần Trống Sấm= Thần Mưa Giông* [20; tr.673]. Bản chất của thần Sấm – thần Mưa của Thánh Gióng càng thể hiện rõ ở Hội Gióng.

Truyện kể dân gian về thần Độc Cước cũng như truyền thuyết Thánh Gióng, người anh hùng chống giặc ngoại xâm năm xưa và được nhân dân tôn thờ là "Tứ bất tử". Để có một pho truyền thuyết đẹp, kỳ vĩ như vậy thì câu chuyện có lẽ xuất phát từ thần thoại, từ một tín ngưỡng sơ khai; tục thờ thần Sấm, thần Rồng, thần Mưa rồi sau đó truyện mới được truyền thuyết hoá trong hình tượng người anh hùng chống giặc ngoại xâm. Hình tượng ông Đổng xét về mặt loại hình cũng là một dạng của thần Độc Cước, ông Đổng xuất hiện trong cơn giông, xoay theo bốn hướng, ông Đổng cũng có thể là hiện thân của vòi rồng, lốc xoáy và khi bão tan, mưa ngừng thì cũng để lại một dấu chân khổng lồ.

Trong truyện kể dân gian có truyện kể về việc Thánh Gióng trị thủy thần, giết "giải" cứu mẹ bảo vệ cuộc sống yên bình cho người dân. Theo Bùi Quang Thanh cho biết: Mẹ thánh Gióng bị hai con Giải quấn vào chân, bà cầu cứu thì bất ngờ, có một người là Đổng Sóc Xung Thiên Thần Vương cao lớn chọc trời giáng xuống, dùng chân giẫm chết đôi Giao Long [97; tr.3-10]. Ngoài ý nghĩa của người anh hùng đánh giặc cứu nước, hình tượng Thánh Gióng có thể là một sự nối dài của hình tượng Thần Độc Cước, vị anh hùng tiêu biểu cho người anh hùng chiến trận, anh hùng trị thủy, trị quỷ vùng ven biển, hình tượng người anh hùng này mang hơi thở và tầm vóc thời đại, họ đã vì cuộc sống của người dân mà ra tay cứu giúp và bảo vệ cuộc sống bình yên cho họ.

Từ một Cậu bé (thần Độc Cước) mới ngày hôm qua còn từ trong bụng mẹ (thần núi) chui ra và được người dân chăm sóc, nuôi dưỡng. Vậy mà hôm nay chàng đã lớn nhanh như thổi, thoắt trở thành một người khổng lồ, chàng dũng sĩ hùng mạnh. Hành động đầu tiên của chàng là hành động của người anh hùng, dám cùng ngư dân đương đầu chống lại bầy quỷ dữ, can đảm hơn chàng đã tự tay xẻ đôi tấm thân mình để giúp dân tiêu diệt loài quỷ biển. Chàng nguyện làm thần bảo vệ che chở cho ngư dân trong mỗi chuyến ra khơi, bảo đảm cuộc sống an bình cho những người dân sinh sống ổn định nơi cư trú. Hình tượng nhân vật Thánh Gióng cũng vậy, với trí tưởng tượng độc đáo và lòng yêu nước của người dân, mới hôm qua cậu bé (Thánh Gióng) còn nhỏ mà hôm nay khi đất nước lâm nguy đã vươn vai thành một người cao lớn giết giặc, cứu nước. Giết giặc xong, vị thần làng Phù Đổng cưỡi ngựa lên trời.

Như vậy, truyện kể về thần Độc Cước trong quan niệm dân gian hiện lên thật đẹp đẽ, kỳ vĩ và phi thường. Hành động nào của thần cũng chứa đựng những nét lãng mạn, tươi tắn. Người dân Sầm Sơn nói riêng và người dân ven biển Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ nói chung, từ bao đời nay bằng trí tưởng tượng phong phú đã trang hoàng, tô điểm cho vị thần của mình, có thể đằng vân giá vũ, với những yếu tố vừa thơ và mộng, hư mà thực đã ăn sâu vào tiềm thức người dân nơi đây về một vị thần linh thiêng, thần Độc Cước.

2.2.2. Nhận diện thần Độc cước trong mối quan hệ đồng thời với quỷ biển, mưa giông

Xuất phát từ việc lũ quỷ ở ngoài biển đông xuất hiện, tràn vào đất liền nhiều lần và hiện tượng thiên nhiên bất thường, mang tính lặp lại, liên tục xảy ra ở khu vực Sầm Sơn nói riêng, khu vực duyên hải ven biển Bắc bộ và Bắc Trung bộ nói chung. Người dân lo sợ trước những hiện tượng thiên nhiên khắc nghiệt, ập đến bất ngờ, cộng với bằng chứng là đã có vết tích từ hình một bàn chân lớn in trên đá. Vì vậy, trong niềm tin tín ngưỡng của người dân, tin là có một vị thần khổng lồ xuất hiện, hiện hữu nơi đây, vị thần ấy đã chiến đấu chống quỷ dữ cứu giúp dân lành trong cơn hoạn nạn và đã để lại dấu chân trên núi đá, sau một trận mưa to gió lớn.

2.2.2.1. Thống kê số lượng quỷ biển – mưa giông trong truyện thần Độc Cước

Luận án chọn trong số 35 truyện kể về thần Độc Cước để thống kê sự xuất hiện của quỷ biển, mưa giông và liệt kê những từ ngữ chỉ tần suất có liên quan đến mưa giông, gió lốc. Số thứ tự (STT) theo số truyện kể trong 35 truyện kể, Bảng 2.1:

Bảng 2.1. Thống kê tần suất xuất hiện quỷ biển -mưa giông trong truyện kể

STT Truyện	***Những từ ngữ chỉ tần suất xuất hiện của mưa giông, gió lốc***	***Sự xuất hiện***
01	Trời tối sầm lại. *Sóng cồn nổi lên, trong ánh chớp giật sáng lòe*…thế sóng gió gào thét, chen lẫn tiếng gầm rú của bọn quỷ càng làm cho mặt biển chao đảo dữ dội *(truyện số 01-Phụ lục 1 (PL1))*	Quỷ biển
02	Hàng năm Long vương làm *mưa to, lụt lớn, dâng nước lên tràn ngập làng mạc (truyện số 02-PL 1)*	Long Vương
04	Ngày xưa, có một năm loài người khốn khổ bởi *nạn hồng thủy*, mọi vật trên trái đất đều bị nước cuốn trôi.. (truyện số 04-PL1)	Người đàn bà chửa
05	Bỗng trời nổi giận, *một cơn đại hồng thủy* ập tới, hết đợt sóng này lại đến đợt sóng khác điên cuồng gầm thét cuốn đi nhà cửa, cây cối, ruộng vườn.. (truyện số 05-PL1)	Người đàn bà chửa
06	- Một hôm trời đang quang mây đen bỗng từ bốn phía ầm ầm kéo đến. - *Gió từ bốn phía từ từ thổi tới* mưa tuôn xối xả. Sóng biển dâng lên cuồn cuộn (truyện số 06-PL1)	Lũ quỷ
07	*Bỗng một cơn gió độc*; từ đáy biển cuồn lên; trời đất quay đảo điên (truyện số 07-PL1)	Hiện lên bầy quỷ dữ
08	*Bỗng trời biển tối tăm, không biết phương hướng nào nữa* (truyện số 08-PL1)	Vua đến vùng biển Sầm Sơn
11	Một ngày nọ biển đông *sóng to, gió lớn* khiến không một ai dám ra khỏi nhà (truyện số 11-PL1)	
12	Hôm đó *trời nổi cơn mưa gió*, sấm sét dữ dội truyện số 12-PL1)	Tiếng sét tách đôi thần
15	Bỗng thấy bốn phía cuồng phong, phía tây mây kéo đến vần vũ, trời đất tối tăm, *gió bụi nổi lên* (truyện 15-PL1)	Một tiếng sét tách đôi thần
20	Thần Độc Cước dùng phép thuật hóa *thành một trận mưa trị Ma Nhung, Ma Khấu, Ma Lửa*, (truyện số 20-PL1)	Thần Độc Cước
21	Bỗng thấy ở dưới đất *có tiếng như sấm liên tục* không ngừng, trời đất tối tăm, sấm chớp nổi lên (truyện số 21-PL1)	Thần 100 ngày đội đất lên
26	Lúc đó *trời đất gió mưa nổi lên hết đêm* mà không dừng (truyện số 26-PL1*)*	Xuất hiện một vết chân
35	Mưa to gió lớn, ***nước ngoài biển dâng lên ngập ngang núi***...gió rất lớn, mưa không dừng (truyện số 35-PL1)	

2.2.2.2. Tần suất xuất hiện thần Độc Cước cùng lúc với quỷ biển, mưa giông

Theo thống kê của chúng tôi, có 14/35 truyện chiếm 40% truyện kể có nhắc đến mưa gió, sấm chớp, vòi rồng. Trong đó, có 03 truyện nhắc đến trận Đại hồng thủy và có 01 truyện vùng Sầm Sơn nước ngập ngang núi. Trong truyện kể thần Độc Cước, chúng tôi đã phát hiện có rất nhiều động từ mạnh nói về mưa gió và được nhắc đến nhiều như: "sóng gió gào thét, dâng nước lên tràn ngập làng mạc; gió lớn, sấm sét dữ dội; bỗng thấy bốn phía cuồng phong, sấm chớp nổi lên*;* lúc đó trời đất *gió mưa* nổi lên..." . Từ truyện kể và dựa trên những nghiên cứu cho thấy:

- Hình tượng thần Độc Cước trong mối liên hệ với thiên nhiên (mưa gió, lốc xoáy vòi rồng).

Thứ nhất: Sự xuất hiện của thần Độc Cước

Mỗi khi thần Độc Cước xuất hiện thì thiên nhiên có những hiện tượng khác thường, bất ngờ tương tự có những trận mưa to gió lớn; truyện số 15-PL2: bỗng thấy bốn phía cuồng phong, phía tây mây kéo đến vần vũ, trời đất tối tăm, được 100 ngày sau khi chôn cất, đã đội đất đứng lên; truyện số 26-PL2: Lúc bấy giờ gió mưa nổi lên bốn năm canh giờ thì dừng, xuất hiện một vết chân; truyện số 6-PL2: Chàng tráng sĩ cất tiếng hô vang. Gió từ *bốn phía* từ từ thổi tới mưa tuôn xối xả. Thần Độc Cước là hiện thân của thiên nhiên khắc nghiệt, mưa to, gió lớn, mối liên hệ đồng thời, cùng lúc giữa *thần Độc Cước - Quỷ biển - Mưa lớn - Lốc xoáy*, những biểu hiện đó cũng là sự hình tượng hoá lực lượng tự nhiên - thần Sấm, thần mưa giông- vòi rồng - thần Độc Cước. Phải chăng thần Độc Cước một nửa thân ngài, chính là ông thần thiện tượng trưng cho người anh hùng ra tay cứu giúp dân lành thoát khỏi cơn hoạn nạn; còn một nửa thân vô hình kia của Độc Cước chính là hiện thân của thiên nhiên: bão biển, lốc xoáy, mưa gió vần vũ; nó như là ngoài khả năng, ngoài tầm với của con người.

Thứ hai: Thần Độc Cước xuất hiện trong cơn giông

Thống kê cho thấy có "*bốn người mơ thấy*" ; "*bốn mặt* cờ tướng đại khởi, tiếng hô như sấm*";* "Gió từ bốn phía từ từ thổi tới mưa tuôn xối xả*"*. Thông thường, một cơn bão mạnh ập đến và tan đi thì phải xoay đủ *bốn hướng*, đông, tây, nam, bắc rồi mới tan, lúc ấy trời mới quang, mây tạnh. Ở đây, thần Độc Cước xuất hiện trong cơn giông, người dân thấy để lại một dấu bàn chân khổng lồ. Phải chăng, thần chính là hiện thân của vòi rồng, lốc xoáy, chợt đến rồi chợt đi. Theo thống kê

có tới 07/ 35 truyện kể có sự xuất hiện của *cơn giông tố* hay *lũ quỷ* bắt đầu bằng từ "bỗng trời biển tối tăm; bỗng trời mưa to gió lớn như một sự bất ngờ; gió từ bốn phía từ từ thổi tới mưa tuôn xối xả" với cường độ xuất hiện nhanh, mạnh, phần khuất lấp của thần Độc Cước như chính là hiện thân của thiên nhiên, sức mạnh của thiên nhiên.

Thứ ba: Sự xuất hiện của quỷ dữ trong truyện kể

Khi lũ quỷ dữ xuất hiện ở ngoài khơi và trong đất liền đều có một điểm chung: Thế sóng gió gào thét, tiếng gầm rú của bọn quỷ càng làm cho mặt biển chao đảo dữ dội, quỷ biển xuất hiện; hay mây đen bỗng từ bốn phía ầm ầm kéo đến lũ quỹ xuất hiện và trời đất quay đảo điên lũ *quỹ xuất hiện*.

Sự xuất hiện của lũ quỷ dữ ngoài biển đông và quỷ nổi loạn trong đất liền cũng đồng nghĩa với sóng to, mây đen kéo đến, trời sập tối, hiện tượng thiên nhiên bất thường như báo hiện một trận mưa to gió lớn sắp xảy ra. Hình tượng quỷ biển phải chăng cũng là một dạng của sóng thần, của triều cường, của bão biển, một dạng của lốc xoáy, vòi rồng, đang chuẩn bị đổ bộ tới. Đó là sự tàn phá mạnh mẽ của thiên tai gây ra cho người dân vùng duyên hải ven biển.

2.2.2.3. Sự xuất hiện những hiện tượng thiên tai trên vùng ven biển BB&BTT

Qua việc quan sát bằng phương pháp khoa học địa chất, thủy văn, địa lí học.

Thứ nhất: Xét về địa lý thì khu vực ven biển Sầm Sơn nói riêng và vùng ven biển Thanh Hoá nói chung tiếp giáp với biển, là nơi đầu sóng ngọn gió, hàng năm phải hứng chịu những cơn bão lớn, trong đó có các hiện tượng vòi rồng, gió lốc. Các hiện tượng này cũng thường xuất hiện trên địa bàn dọc ven biển.

Thứ hai: Theo số liệu đã thống kê và ghi lại được hiện tượng thời tiết bất thường xảy ra ở vùng ven biển Hậu Lộc, Thanh Hóa trong khoảng 100 năm nay. Ở vùng biển Hậu Lộc này cùng nằm trên dọc đường thẳng, cách vùng biển Sầm Sơn khoảng 20 km theo đường chim bay. Có hiện tượng *Hối giông, sóng thần:* Đó là hiện tượng nước dâng trong giông bão, theo tác giả Hoàng Tiến Tựu: Ở *vùng biển Thanh Hóa ít nhất cũng đã có 4, 5 lần xảy ra nạn sóng thần.* Trận nước dâng xảy ra vào năm 1927 có cường độ lớn nhất. *Nước biển dâng cao hơn bình thường từ 4-5 mét*. Trận nước dâng ngày 7-7-1951 tương đương với trận nước dâng trong bão số 2 năm 1981, *nước biển dâng cao bình thường khoảng 02 mét đến 3,5 mét*. Cơn bão số

6 năm 1980 sức gió mạnh nhất trên cấp 12 đã gây ra nước dâng ở diện rộng, khu vực nước dâng cao nhất *là 2 đến 3 m* [124; tr.96].

Như vậy, với sự quan trắc bằng các phương tiện kĩ thuật cùng sự hỗ trợ của khoa học thì trong lịch sử gần một thế kỷ, ở vùng biển Thanh Hóa ít nhất cũng đã có 4 đến 5 lần xảy ra nạn nước biển dâng cao hơn bình thường từ 4 đến 5 mét. Đây là những cơn bão có cường độ mạnh, kết hợp với triều cường, sóng biển dâng cao tại vùng ven biển Hậu Lộc, Quảng Xương Thanh Hóa, khiến cho nước ngập đến mái nhà, nhà cửa, bè mảng bị cuốn trôi. Với việc nước biển dâng cao được đo bằng khoa học thì trong những truyện kể dân gian về thần Độc Cước ở vùng Sầm Sơn cũng đã phản ánh rất rõ tình trạng nước biển dâng cao, sóng to, gió lớn mà luận án đã thống kê ở phần trên.

Thứ ba: Vòi rồng là hiện tượng gió xoáy rất mạnh, phạm vi đường kính rất nhỏ, hút từ bề mặt đất lên đám mây, tạo thành hình như cái vòi di động nên gọi là "*vòi rồng*". Hậu quả do vòi rồng gây ra là rất nghiêm trọng cho những địa phương nơi nó đi qua, bởi nó có thể phá hủy kể cả các công trình kiên cố trên đường di chuyển. Từ một hiện tượng thiên nhiên có thật, *Vòi rồng* nhìn giống như hình một cái phễu luôn di động và có *một chân* từ trên trời bám xuống mặt đất, hút mọi vật cuốn đi đến một nơi khác. Có lẽ, vì ám ảnh bởi một hiện tượng thiên nhiên gây kinh sợ như vòi rồng (hình một chân) người dân nơi đây đã tưởng tượng và sáng tạo nên hình ảnh *vị thần một chân*, vị thần đã để lại dấu chân khổng lồ in trên đá trong một trận mưa lớn. Người dân ven biển đã xây nên một hệ biểu tượng về thần Độc Cước thần rồng, thần mưa gió, vòi rồng và đã ăn sâu vào tâm trí của người dân vùng ven biển hàng bao đời nay.

Hình ảnh vòi rồng một hiện tượng thiên nhiên bất thường, một thế lực rất mạnh của nước, của giông bão, tố lốc và sự tàn phá cho người dân nhất là những cư dân vùng ven biển. Các hiện tượng tự nhiên như sấm sét, mưa đó là những sức mạnh siêu nhiên thần bí mang năng lượng tàn phá và gây ra nỗi sợ hãi vô cùng cho con người. Trong tiềm thức của người dân khi không chống đỡ được thì cầu mong, nịnh bợ, tôn thờ thần tự nhiên, mong được sự giúp đỡ. Từ xa xưa, người nguyên thủy thường thần thánh hóa các hiện tượng siêu nhiên thần bí mà họ không thể hiểu,

lí giải cũng như chế ngự được. Cuộc chiến đấu chống lại thiên tai, quyết liệt nhiều khi bất lực nên người dân phải cầu đến sự viện trợ của một sức mạnh siêu nhiên thần bí. Đó là cơ sở của những thần thoại về thần mây, mưa, sấm, chớp ra đời. Trên thực tế cũng như trong quan niệm của người dân Sầm Sơn, họ lo sợ trước hiện tượng thiên tai có thể đến bất ngờ và sức tàn phá vô cùng khủng khiếp của nó, vì thế mà họ đã tưởng tượng ra một vị thần khổng lồ, thần Độc Cước với mục đích cầu mong được che chở, bảo vệ và đem lại những điều tốt lành cho người dân.

Bởi vậy, có thể xuất phát từ những dấu chân di động của vòi rồng, mỗi khi xuất hiện và thấy có nét tương đồng về một vết chân còn in trên đá, trên hòn Cổ Giải mà người dân đã thêu dệt nên truyền thuyết về hình tượng vị thần một chân. Phải chăng tục thờ cũng như tên gọi Độc Cước (thần một chân) ngoài ý nghĩa thờ thần mưa (vòi rồng) còn có những lớp tín ngưỡng nguyên thuỷ khác như: Tục thờ tảng đá thiêng nơi có dấu chân thần hiện còn lưu giữ được để trang trọng trong hậu cung tại đền Độc Cước ở Sầm Sơn; tục thờ dấu chân thiêng, tục thờ dấu chân Phật; tục thờ thần nước, thần biển, thần mặt trăng, thờ thần sấm có liên quan đến tín ngưỡng ngư nghiệp, nông nghiệp. Có thể suy rộng ra tục thờ thần Độc Cước còn liên quan đến tục thờ "Tứ Pháp" chùa Dâu (Bắc Ninh) là nơi thờ thần Pháp Lôi (thần sấm), Pháp Vũ (thần mưa), Pháp Vân (thần mây), Pháp Điện (thần chớp).

Trong truyện số 04-PL2: Ngày xưa, có một năm loài người bị khốn khổ bởi nạn hồng thuỷ, mọi vật trên trái đất đều bị nước cuốn trôi...có người đàn bà chửa, bà nguyện làm con đê chắn các làn sóng quái ác để chúng khỏi gây thêm tội ác. Từ câu chuyện trên, chúng ta nhận thấy nội dung của nó nhằm phản ánh hiện tượng lũ lụt, lốc tố xảy ra hằng năm ở lưu vực sông Mã và khu vực ven biển Sầm Sơn. Hiện tượng tự nhiên này không được lí giải bằng những tri thức của khoa học tự nhiên, mà bằng sự tưởng tượng thông qua câu chuyện cuộc chiến đấu giữa thần Độc Cước và những người dân ven biển BB&BTB với thiên tai, địch họa với quỷ dữ biển Đông.

Theo thần tích ở một số làng như My Du, Thanh Nga, An Lạc... huyện Hoằng Hóa, Thanh Hoá nơi thờ thần Độc Cước, những truyện này đều có chỗ giống nhau là trong những ngày mưa to gió lớn, một số người trong làng đều mộng thấy một vị thần kỳ dị, cao lớn khác thường và để lại dấu chân. Từ sự việc báo mộng trên, một thời gian sau dân làng xin duệ hiệu và rước chân nhang của thần Độc Cước từ đền thượng

làng Núi, Sầm Sơn về thờ. Xét về lai lịch của thần Độc Cước người đọc có thể nhận thấy, thần xuất hiện sau trận mưa giông; ở trong thần tích đền My Du, Hoằng Hoá thần còn báo mộng cho bốn người dân địa phương được biết có một thần nhân kì dị đã giáng linh. Điều này có thể hiểu rằng, thần Độc Cước phải chăng là hiện thân của những cơn bão hoặc lốc xoáy hay vòi rồng, nghĩa là một trận thiên tai vô cùng mạnh mẽ và tàn khốc, xoay theo bốn hướng đông, tây, nam, bắc. Cho đến khi bão tan, mưa ngừng thì cũng để lại một dấu chân khổng lồ.

Một điều nhận thấy, hiện tượng thiên nhiên như giông tố, bão gió, sóng thần, đang là nỗi ám ảnh ghê gớm đối với người dân vùng biển. Họ biết rằng thiên tai có sức tàn phá khủng khiếp đe dọa đến tính mạng, phá hủy tài sản vật chất, nhưng họ không dám lên án, kể tội phần vì sợ bị liên lụy, trả thù. Có lẽ vậy mà người dân vùng biển thay vì oán ghét thiên tai, họ đã hình dung ra kẻ thù số một và truyền kiếp đối với mình đó là "quỷ biển" và chính nó là thủ phạm từng gây nên những bất thường của thiên tai cần phải được chinh phục, lên án và bao nhiêu sự tức giận, căm phẫn đã đổ tội hết lên đầu quỷ biển. Họ đã gán ghép cho quỷ biển đã mang theo làn sóng dữ, bão tố đe dọa đến tính mạng của người dân. Trong những lúc khó khăn nhất, người dân cầu mong sự xuất hiện của vị thần nhằm che chở, bảo vệ người dân thoát khỏi cơn hoạn nạn và là chỗ dựa tinh thần cho người dân mỗi khi gặp chuyện bất trắc trong cuộc sống. Thần Độc Cước hình ảnh của người anh hùng dám đứng lên bảo vệ dân lành, dám đương đầu với kẻ thù, chống lại quỷ dữ, chống lại thiên tai, dám đi đầu trong việc kiến thiết quê hương, ổn định cuộc sống. Bởi thế, trong niềm tin, tín ngưỡng của người dân miền biển thì họ luôn có niềm tin tuyệt đối về vị thần của mình, tin là lúc nào cũng có thần bảo vệ, che chở, mỗi khi gặp bất trắc cầu khấn là nhận được sự giúp đỡ từ thần. Vì thế, thần Độc Cước trải qua bao năm tháng, nhưng Thần vẫn luôn chiếm được cảm tình, niềm tin, chỗ đứng trong lòng người dân miền biển BB&BTB. Thần Độc Cước luôn là biểu tượng sống động và là niềm tự hào của người dân vùng ven biển duyên hải.

2.2.3. Nhận diện thần Độc Cước từ quan niệm lưỡng phân lưỡng hợp

- *Quan niệm lưỡng phân lưỡng hợp*

Xuất phát từ quan niệm "lưỡng phân lưỡng hợp" của cư dân nông nghiệp, thời xa xưa người ta quan niệm rằng mọi thứ đều có hai mặt đối lập chuyển hóa cho

nhau để tạo ra sự sống, có dương thì có âm, có cao thì có thấp, có nam phải có nữ…Từ xa xưa, cư dân Việt với nền nông nghiệp lúa nước có liên quan ít nhiều đến triết lí âm dương, ngũ hành của phương Bắc. Mọi vật muốn sinh sôi nảy nở thì phải có sự giao hòa của âm dương như là sự tác động giữa hai thái cực trái ngược nhau trong vũ trụ, để tạo ra sự sinh sôi và phát triển. Đó cũng là những mơ ước của cư dân về một cuộc sống tốt đẹp, thanh bình, vật nuôi, cây trồng sinh trưởng tốt. Bởi thế, hai thái cực âm dương đã trở thành hồn thiêng trong văn hóa đời sống Việt, biểu hiện chủ yếu ở nhiều góc độ: Tự nhiên, xã hội lẫn tín ngưỡng. Nó góp phần tôn vinh giá trị truyền thống mà vẫn dung hòa với vẻ đẹp hiện đại trong mỗi nếp nhà người Việt, nó không đơn thuần chỉ là quan niệm mà cao hơn còn là triết lý của người Á Đông.

Một điều dễ nhận thấy trong truyện kể thần Độc Cước xuất phát từ quan niệm lưỡng phân lưỡng hợp, theo truyện kể dân gian thì thần là người con của thần núi, xuất hiện từ trong bụng mẹ (quả núi) chui ra, nơi mà người mẹ nằm xuống vì đã tự nguyện lấy tấm thân của mình làm đê chắn sóng, cứu dân thoát khỏi hiểm họa của nạn hồng thuỷ. Điều đó cho thấy, trong thời kì đầu của sự chuyển di, những cư dân từ miền núi tiến xuống đồng bằng, ven biển, họ phải đương đầu chống trả quyết liệt với thiên tai, địch họa, thú dữ, cũng có thể là sự xung đột của người miền cao với người miền biển, hay là những người ở ngoài biển tràn vào đất liền tấn công dân lành, tạo nên sự xung đột Núi - Nước.

Thần Độc Cước còn có tên gọi là "Sơn Tiêu Độc Cước" một hình tượng của núi, thần dùng đất, núi ngăn sóng biển, chống lại loài quỷ biển tượng trưng thế lực của nước; thế lực nước những ngày đầu rất mạnh, chúng (quỷ biển, gió lốc, vòi rồng) tấn công và tàn sát dân lành nhằm gây trở ngại cho việc kiến thiết cuộc sống mới ở nơi đầu sóng ngọn gió vùng ven biển. Để chứng tỏ khả năng sức mạnh của thế lực Núi và cũng là nhằm khẳng định vị thế của những người mới di cư đến, thần Độc Cước đã hú gọi dân làng, tập hợp họ ở các nơi trở về, một mặt đan kết bè mảng, chuẩn bị sắm vũ khí cùng với dân làng chống trả quyết liệt kẻ thù. Thần xẻ thân làm đôi, chủ động ra khơi bảo vệ ngư dân, bảo vệ canh giữ biển đảo, ngư trường, đánh đuổi loài quỷ quái ra khơi xa, đem lại hạnh phúc cho cư dân, phản ánh sự thắng thế của thế lực Núi.

Từ hệ thức hai nửa phân đôi, lúc tách làm "hai nửa", có lúc hợp lại là một thành hình tượng Độc Cước, đó cũng như là phương thức sản xuất đối với cư dân vùng ven sông, ven biển trong việc xác định nghề nghiệp, một nửa làm ngư nghiệp với nghề đánh bắt thủy sản và một nửa làm nông nghiệp. Tuy nhiên, có những thời kì, thời điểm sẽ coi trọng nghề ngư hơn nghề nông hoặc ngược lại, thể hiện Âm Dương hòa hợp.

Không phải ngẫu nhiên mà truyện kể thần Độc Cước được mô tả khi vị thần xuất hiện thường sau một trận mưa to, gió lớn hoặc sau một cơn hồng thuỷ, chứ không phải khi thần xuất hiện lúc trời quang mây tạnh. Qua quan sát về pho tượng của thần trong ngôi đền chính ở Sầm Sơn cho thấy: pho tượng bán thân (hình nửa người) được cách điệu một tay giơ lên cầm chiếc búa (tiếng búa là tiếng vang của sấm sét, biểu tượng của tiếng sấm, của lửa, thế lực của núi), một nửa khuôn mặt được chạm khắc hình sóng cuộn (sóng biển, quỷ biển Đông một thế lực của nước). Thần dùng búa trị quỷ biển cũng được hiểu như là dùng núi, đất trị nước, ngăn nước tấn công.

Những người ngư dân đã sáng tạo ra bè mảng một phương tiện đi biển gần bờ rất hữu hiệu, đây được xem là một sáng tạo rất phù hợp với thực tế của cư dân vùng biển, dùng bè mảng để chinh phục biển, chinh phục nước là một sự đối trọng với nước, với bão tố, vòi rồng trên biển. Khi sóng to bão lớn, di chuyển bằng thuyền thì thuyền rất dễ bị lật chìm, cơ hội sống là rất ít. Nhưng nếu là bè thì khó bị lật hơn, và nếu bè có bị lật thì nó sẽ nổi trên mặt nước, người đi biển coi đó là phao cứu sinh, có thể bấu víu để thoát khỏi cơn nguy kịch. Tạo nên xung đột âm (nước) với dương (bè).

Trong *Tân đính Lĩnh Nam chích quái* có viết: Huyền thoại Lạc Long Quân, vua xứ Lạc (Nác - Nước) hợp duyên- cùng Âu Cơ (Núi), sinh ra một trăm người con để rồi lại phân chia nửa theo Mẹ về Núi (Lục quốc) nửa theo Cha xuống Biển (Thuỷ quốc) [91; tr.47]. Quá trình hội cư, nhập cư giữa hai xu thế rừng, núi tràn xuống biển trong tâm thức dân tộc luôn thể hiện lối tư duy kép lưỡng phân và lưỡng hợp.

Theo Lê Việt Thường: Lưỡng hợp của biết bao truyền thuyết và huyền thoại thường đi cặp đôi đã trở thành Vật biểu của nước, của người dưới danh hiệu Tiên Rồng. Trên thế giới không thấy có vật biểu đi đôi như thế, mà tất cả chỉ là một: như

ở Ấn Độ là con Voi, ở Pháp là con Gà, ở Đức là Chim Ưng, ở Anh là Sư Tử và ở Trung Quốc trước Hổ sau Rồng [156].

Theo truyện kể thần Độc Cước có cuộc thi tài giữa Độc Cước và bà Triều, Thần có tài thuần hoá trâu rừng. Trâu là con vật có nguồn gốc ở nước, sau đó lên cạn ở. Do đó, trong tâm thức của dân gian trâu là biểu tượng lưỡng hợp, là cầu nối giữa Nước và Cạn (đất, núi). Cuộc thi kết thúc Bà Triều giành phần thắng, thể hiện sự lấn át của nước (ngư nghiệp chiếm thế ưu hơn nông nghiệp), quan hệ hoà hợp Miền núi - Ven biển. Theo Tạ Đức: trâu là một biểu tượng âm dương lớn về nhiều mặt. Đó là con vật ưa nước nhưng sống trên cạn, dữ tợn khi bị kích động nhưng lại thụ động, nhẫn nhục lúc thường ngày [20; tr.238].

Từ sự lý giải các cặp quan hệ lưỡng phân và lưỡng hợp ở trên, chúng tôi nhận thấy một điều rằng: Đây là một kiểu tư duy rất cổ, phản ánh được mối quan hệ hài hoà giữa con người với thiên nhiên cũng như những khó khăn trong buổi đầu xây dựng vùng đất mới. Thực tế cuộc sống cho thấy con người muốn tồn tại phải luôn đấu tranh, để chống lại các thế lực thù địch, nhất là thiên tai, với kẻ thù hai chân và bốn chân. Như vậy, quan niệm về lưỡng phân, lưỡng hợp trong truyện kể về thần Độc Cước là để tìm hiểu thêm những mã văn hóa vốn tiềm tàng, ẩn sâu trong những ý nghĩa biểu tượng, mà qua thời gian, cha ông ta muốn gửi gắm lớp văn hóa nông nghiệp và ngư nghiệp bản địa, kết hợp tín ngưỡng dân gian với những tôn giáo ngoại lai, qua sự giao lưu tiếp biến để xây dựng nên hệ biểu tượng thần Độc Cước là kết tinh qua thời gian và trường tồn cho đến ngày nay.

+ *Hình tượng chiếc búa, rìu trong truyện kể":* Theo thống kê có 10/35 truyện kể có nhắc đến việc thần dùng chiếc búa của mình để tiêu diệt quỷ biển (trong bức tượng thần Độc Cước ở Sầm Sơn có một tay cầm búa rìu) để đánh quỷ biển và xẻ dọc đôi thân mình. Tiếng búa rìu biểu tượng của quyền lực, sức mạnh, nó còn là tiếng vang của sấm sét, là biểu tượng của tiếng sấm, biểu tượng này có liên quan đến lai lịch hoàn cảnh xuất thân của thần Độc Cước. Nguyễn Xuân Quang trong bài viết: "*Hình dóng sấm hay búa thiên lôi trên trống đồng nòng nọc, âm dương Đông Nam Á*": Lưỡi tầm sét được sấm sét tạo ra, tức do lửa, nước vũ trụ, do âm dương, càn, khôn tôi luyện, rèn luyện tạo thành sự thiêng liêng, vì thế lưỡi tầm sét được dùng làm linh trượng, quyền trượng [151]. Như vậy, búa rìu của thần Độc Cước cũng tượng

trưng cho tiếng sấm, của mưa giông. Tạ Đức cho rằng: Trống đồng xưa được dùng trong lễ cầu mưa, tiếng trống đồng mô phỏng tiếng sấm, trống đồng được gọi là trống sấm. Thần Trống Đồng cũng chính là thần Rồng-thần Mưa Giông-Thần Sấm [20; tr.673]. Thần Độc Cước là một dạng của thần Sấm, mưa giông.

Trong số 35 truyện kể thì có 08 lần nhắc tới việc thiên lôi từ trên thiên đình xuống dùng "búa rìu thiên lôi" để xẻ đôi thân thần Độc Cước, một nửa đem về trời, một nửa để hạ giới. Búa thiên lôi được xem là *biểu tượng cho sấm sét*, sức mạnh, quyền năng. Sấm thường được biểu tượng bằng búa thiên lôi, bằng hình tia chớp trong mây hay hình móc, hình xoắn nước chuyển động, xung đột nước-lửa. Tạ Đức nêu nhận định: Trên trống đồng âm dương Đông Sơn những hình biểu tượng là những hình dóng sấm, búa thiên lôi [...] Trống rìu đều là biểu tượng của thần chiến tranh, thần bảo hộ tộc người [20; tr.100].

+ *Hình ảnh mưa giông:* Thần Độc Cước xuất hiện sau một trận đại hồng thuỷ hay trong những trận mưa to gió lớn, đã để lại dấu chân khổng lồ in trên đá. Đó có thể là hiện thân của hình ảnh của vòi rồng, mưa giông. Trong truyện kể về thần Độc Cước có 02 truyện thần đã hóa phép thành những trận mưa để dập lửa cho nhân dân vùng Cẩm Thủy Thanh Hóa và dân vùng Phán Thủy, Hưng Yên. Thần dùng mưa (tính âm) để dập ngọn lửa (tính dương). Âm - dương xung đột. Thần Độc Cước phải là nam thần (tính dương) đánh thủy quái, nước là tính âm, dùng dương đối trọng với âm, âm dương xung khắc. Lễ hội thần Độc Cước vào dịp mười hai tháng năm âm lịch, trong ngày lễ hội có tục đi thuyền ra sông lấy nước, đó cũng là tín ngưỡng cầu nước, lễ cầu mưa, cầu thần phù hộ cho mưa thuận gió hòa.

- *Ý nghĩa số 1 và những biểu hiện thờ thần một chân và một mắt*

Số 1 là gốc, lại là số Dương, là ngôi độc nhất trong vũ trụ, 1 là tất cả, tất cả là 1. Trong thần thoại Hy Lạp có người khổng lồ Cyclops có một mắt ở giữa trán làm ra sấm, chớp, tia sáng; trong thần thoại Trung Quốc có Nhị Lang thần có con mắt ở thứ ba (tuệ nhãn) ở giữa trán là cánh cửa trí tuệ, nhìn thấu tâm can; một số vị thần trong các ngôi chùa của Ấn Độ giáo, Phật giáo được điêu khắc trên trán con mắt thứ ba.

Ở Việt Nam, ngoài việc thờ Độc Cước, thần một chân, cũng có một tôn giáo bản địa là Đạo Cao Đài thờ thần "Thiên Nhãn" mắt trời, thờ một mắt trái của trời. Đạo Cao Đài là tôn giáo ra đời năm 1926 tại Tây Ninh, biểu tượng Thiên Nhãn Mắt Trời. Nghiên cứu về vấn đề này Đinh Quang Tiến cho biết: Thờ Thiên nhãn là thờ ngôi số một, ngoài phần Dương biểu thị cho Thượng Đế còn mang tính chân lý độc nhất, mọi sự vật, hiện tượng đều từ ngôi số một mà ra [155].

+ *Thần Độc Cước:* Độc = một; Cước = chân. Độc Cước nghĩa là một chân, là thần một chân. Đó chỉ là một tên gọi đã được dân gian đặt cho (khi đặt tên duệ hiệu của thần), ban đầu phát hiện thấy có dấu vết một bàn chân khổng lồ, in trên đá ở hòn Cổ Giải, Sầm Sơn, Thanh Hoá, sau này vết chân khổng lồ được tìm thấy ở nhiều nơi trên khắp nước ta.

Thực ra mẫu gốc hay nghĩa nguyên thuỷ của vấn đề này như chúng tôi đã lí giải ở phần trên đó là tục thờ đá, thờ tảng đá thiêng, sau thời gian bổ sung lớp nghĩa thờ dấu chân khổng lồ (dấu chân thiêng), rồi đến dấu chân Phật...Ngoài ý nghĩa đó, tục thờ dấu chân thần có thể xem là từ thiên nhiên: Xuất phát từ một hiện tượng thiên nhiên, hiện tượng vòi rồng (cũng có một chân) thường xuất hiện và di động trên mặt đất gây bao tai hoạ cho con người, không chỉ có hiện tượng vòi rồng, nơi đây còn có thiên tai khác như lốc xoáy, sóng thần, bão biển luôn là nỗi ám gây kinh hoàng đối với người dân sinh sống trên dải đất ven biển Miền trung. Từ một hiện tượng thiên nhiên bất thường, mang tính lặp lại và liên tục xảy ra ở khu vực Sầm Sơn, người dân lo sợ trước những hiện tượng này cùng với bằng chứng là đã có vết tích hình một bàn chân lớn in trên đá. Người dân tin tưởng có sự xuất hiện của vị thần khổng lồ linh thiêng có mặt tại đây, để cứu giúp dân chúng trong những cơn hoạn nạn và vị thần đã để lại dấu chân trên núi đá, sau một trận mưa to gió lớn (điều đó cũng phù hợp với tư duy của con người, tín ngưỡng luôn có trước tôn giáo). Họ như nâng đỡ, vỗ về, nịnh bợ và tỏ ra thân thiết với các hiện tượng thiên tai này, nhằm có được sự ủng hộ nào đấy để giúp người dân vượt qua những thiên tai, địch họa.

Qua thời gian cùng với niềm tin của mình, những người dân ven biển Sầm Sơn đã xây dựng nên hệ biểu tượng vị thần một chân, họ đã tôn thờ, xem thần Độc Cước như là một vị thần, vị thánh linh thiêng đã có công lớn giúp dân yên ổn làm

ăn. Vậy biểu tượng thần Độc Cước được hiểu như một hệ biểu tượng với các lớp ý nghĩa biểu trưng, biểu tượng này đã tồn tại trong tâm trí của người dân Sầm Sơn, được dân gian cũng như triều đình phong kiến chấp nhận, tin tưởng suy tôn là vị thần phù trợ cho cuộc sống của cư dân ven biển Xứ Thanh.

Tiểu kết chương 2

Ở chương này, với việc khảo sát truyện kể dân gian về thần Độc Cước, luận án đã dựa trên những hướng khảo sát, thống kê và nhận định. Thông qua đó thấy được sự phong phú trong thể loại truyện kể thần Độc Cước, đồng thời thấy được sự đa dạng trong hiện tượng Độc Cước. Những dấu ấn ban đầu mà thần để lại, bước đầu nhận thấy đây là một vị thần đa diện, đa tài đã lập được nhiều chiến công hiển hách. Bên cạnh đó, việc khảo sát những vết chân khổng lồ cho thấy sự phong phú với nhiều kiểu loại dấu chân thần, một trong số đó là dấu chân thần Độc Cước.

Từ dấu bàn chân thần Độc Cước, qua thời gian người dân đã sáng tạo và xây dựng nên biểu tượng về người anh hùng chống lại quỷ biển, bảo vệ dân lành và được người dân qua nhiều thế hệ rất tin tưởng vị thần của mình. Từ một tín ngưỡng thờ tảng đá thiêng, sau là thờ bàn chân thiêng; đến khi Phật giáo vào nước ta đã có ảnh hưởng sâu đậm trong tục thờ dấu chân thần, biểu tượng Phật, rồi đến thờ dấu chân Phật; khi Đạo giáo vào nước ta thần Độc Cước trở thành Pháp sư, Chúa quỷ; và đến khi Nho giáo vào nước ta, thần Độc Cước trở thành vị Phó Quốc Vương vâng lệnh triều đình cầm quân đánh giặc. Như vậy, với một vị thần tài năng đã chiếm một vị trí xứng đáng trong tâm thức người dân vùng biển và vượt qua nó để xâm nhập vào không gian văn hóa rộng lớn ở cả vùng núi, đồng bằng và ven biển của người kinh và người dân tộc.

Quan niệm dân gian về lưỡng phân lưỡng hợp, quan niệm về xẻ thân trong truyện kể về nhân vật thần Độc Cước, một lần nữa vừa khắc họa hình ảnh nhân vật kì vĩ, một mặt thể hiện được quan niệm của dân gian về vị thần mà họ tôn thờ, qua năm tháng đã xây nên biểu tượng về thần Độc Cước vị thần phù trợ cho cư dân nơi đây.

Thông qua lễ hội thần Độc Cước ở Sầm Sơn là dịp để người dân biểu hiện sự tôn kính thần Độc Cước. Ngày nay, nó càng trở nên quan trọng không thể thiếu được trong đời sống văn hóa tinh thần của người dân Sầm Sơn nói riêng và của người dân ven biển BB&BTB nói chung.

Để hiểu hơn về vai trò của nhân vật và những ảnh hưởng của nó, cũng như tìm hiểu về giá trị cốt truyện kể dân gian về thần Độc Cước, luận án sẽ lần lượt tìm hiểu thêm những motif về khả năng phi thường với những chiến công hiển hách của vị thần một chân ở chương tiếp theo.

Chương 3
CÁC MOTIF CƠ BẢN VÀ VAI TRÒ CỦA HÌNH TƯỢNG THẦN ĐỘC CƯỚC TRONG TRUYỆN KỂ DÂN GIAN

Ở chương này, luận án tập trung nghiên cứu về Độc Cước dưới góc độ nghiên cứu văn học, nhằm tìm hiểu ý nghĩa của truyện kể qua các motif, qua vai trò hình tượng của nhân vật thần Độc Cước.

3.1. Các motif cơ bản trong truyện kể dân gian về thần Độc Cước

3.1.1. Motif về sự ra đời kỳ lạ

Motif sinh nở thần kỳ là kết hợp của sự thụ thai thần kỳ và sự sinh nở thần kỳ. Với niềm tin nguyên thủy cho rằng, đứa trẻ ra đời không phải là kết quả trực tiếp của hành động giao phối nam nữ. Sự ra đời thần kỳ là một motif quan trọng, hứa hẹn một kỳ tích hoặc báo trước một biến cố đặc biệt nào đó trong cuộc đời nhân vật. Motif sinh nở thần kì có nguồn gốc từ thần thoại, những nhân vật anh hùng văn hóa, nhân vật có nguồn gốc thần linh, chàng trai khỏe...mang một ý nghĩa khẳng định tài năng, khả năng khác thường, dự cảm về một sức mạnh kì lạ, phi thường.

Trong thần thoại Hy Lạp, nhiều cô gái ở trần gian đã sinh con với thần Dớt. Trong thần thoại, truyền thuyết Trung Quốc cũng có không ít nhân vật được ra đời thần kỳ như Y Doãn, đại thần của Thương Lang được sinh ra từ bọng cây dâu; bà Khương, vợ của Đế Hạo giẫm chân lên dấu chân người khổng lồ mà sinh ra Hậu Tắc, người được vua Nghiêu phong làm tổ nghề nông.

Truyện số 21-PL2: Thái Bà thấy một người cao lớn nói rằng: Ta vâng lệnh thượng đế, vốn trưởng lĩnh Tiêu Sơn thần tướng, thiên đình biến truất xuống làm người nhân gian, nhập vào đầu thai ở Nguyễn Bà để làm con; truyện số 4-PL2: Không bao lâu từ trong nấm mộ người mẹ, một chú bé ra đời; truyện số 7-PL2: Thần Độc Cước được Ngọc Hoàng phái xuống trần gian dẹp giặc quỷ biển...

Như vậy, sự ra đời của thần Độc Cước có những điều khác thường: Thứ nhất, thần Độc Cước là con một thần tướng vâng lệnh thượng đế biến truất xuống làm người nhân gian, nhập vào đầu thai ở Nguyễn Bà để làm con. Thứ hai, thần Độc Cước chui ra từ trong nấm mộ người mẹ. Thứ ba, Thần là con ở thiên đình cử xuống trần gian...

Motif sự ra đời thần kỳ là motif khá phổ biến trong truyện kể dân gian Việt Nam từ thần thoại, truyền thuyết cho tới truyện cổ tích. Chẳng hạn như: Bà mẹ nhìn thấy con trâu thần chạy trên mặt nước, bà đuổi theo nắm được mấy cái lông đuôi của trâu rồi từ đó cảm động có thai (truyện Sát Hải đại vương); Bà mẹ hiếm muộn nằm mơ thấy một người to lớn khác thường cõng bà xuống âm ty đỡ đẻ cho Diêm Vương rồi từ đó có mang, sau sinh ra hai cái trứng, ba ngày sau nở ra hai con rắn (truyện Ông Cụt, ông Dài); Bà mẹ hiếm con do khát nước đã uống trong một chiếc sọ người (truyện Sọ Dừa); bà mẹ do ướm thử bàn chân mình và một bàn chân nhỏ in vết trước ngõ về mà có mang sinh ra nhân vật xấu xí đội lốt (truyện Chàng rể Cóc – dân tộc Vân Kiều). Như vậy, sự ra đời đặc biệt này không chỉ có còn có trong nhiều truyện cổ khác ở Việt Nam và thế giới, đây là một trong ba motif cơ bản của truyện kể dân gian gồm motif: sinh nở thần kì, hành trạng chiến công và hiển linh âm phù.

Khảo sát về motif sinh nở thần kì, Nguyễn Bích Hà đã chỉ ra tới 10 dạng khác nhau của motif này. Đặc biệt, đối với truyền thuyết, motif này được sử dụng phổ biến trong truyền thuyết anh hùng, các anh hùng văn hóa, báo hiệu những chiến công phi thường, những khả năng kỳ diệu của nhân vật [27].

- *Sự diễn hóa motif ra đời thần kì trong truyện thần Độc Cước*

+ *Đứa trẻ ra đời do thiên nhân cảm ứng:* Trong truyện số 15- PL2: Thái Bà tự nhiên thấy một đám mây ngũ sắc chói sáng bao quanh mình, sau đó thần nhân xuất hiện báo mộng và Bà có thai.

+ *Đứa trẻ ra đời do người mẹ kết hợp với thần linh:* Truyện số 21- PL2: Bỗng phía trước bà lại thấy một vết chân người, bà bèn bước chân vào và từ đó mang thai; truyện số 15 -PL2: Thần bị thiên đình biến truất, giáng xuống làm người nhân gian, nhập và đầu thai ở Thái Bà để làm con [...] Thái Bà nhìn về phía trước, trên mặt đất có một hòn đá giống như người cao 3 thước.

+ *Đứa trẻ ra đời đã có dị tật, kỳ hình dị tướng:* Truyện số 12-PL2: Bà mẹ (Võ Thị) có mang, đủ ngày tháng đẻ ra cái đầu không chân tay, khóc vang như sấm; truyện số 17 – PL2: Bà mẹ nằm mộng sau này sẽ sinh được người con trai có kỳ tướng, sau đó sinh ra người con trai chỉ ***có nửa người.***

Tương tự như truyện kể về đứa trẻ ra đời đã có dị tật, kỳ hình dị tướng ở Việt Nam thì ở Ấn Độ cũng có truyện kể như sau: Hoàng hậu Gandhari được đạo sĩ Dwaipayana ban ân huệ có một trăm đứa con trai nhưng khi mang thai hơn hai năm [...]đến ngày sinh ra một quả bóng thịt cứng như sắt. Hai năm sau, một trăm Kaura và người chị gái của họ được sinh ra [36; tr.44]. Motif sinh nở thần kỳ nhất là đứa trẻ ra đời đã bị dị tật cũng có trong nhiều truyện kể dân gian khác của thế giới.

+ *Đứa trẻ ra đời từ trong nấm mộ người mẹ, từ dưới đất chui lên:* Truyện số 01-PL2: Từ trong nấm mộ người mẹ, một chú bé vừa ra khỏi bụng mẹ; truyện kể của cư dân Nam Á lẫn cư dân Nam Đảo ở Tây Nguyên: Đối với dòng họ Phốc truyện kể về cuộc hành trình gian nan vất vả của ba bà để đội đất chui lên làm người. Khi sắp lên gần mặt đất ba bà này bị một con trâu hung dữ chặn lại, ngáng đường không cho họ thoát lên khỏi mặt đất [...] chỉ có bà Bun, nhanh nhẹn, trốn vào được một khe nước, dần dần lọt được ra ngoài, lên sống trên mặt đất, lập làng xóm mở đầu một dòng họ [41; tr.61-67].

Qua các dạng thức ra đời thần kỳ của nhân vật thần Độc Cước mà luận án thống kê có thể rút ra một số nhận xét như sau: Sự ra đời kỳ lạ của nhân vật thần Độc Cước là kết quả của nhiều yếu tố: do thiên nhân cảm ứng, ra đời đã là một dị tướng, từ trong nấm mộ người mẹ chui lên; Thần ra đời còn có vai trò của người mẹ nhưng không thấy sự có mặt của đối tượng thứ hai; không thấy có vai trò của cha, kể cả của người mẹ; người mẹ nằm mộng được báo mộng về sự đầu thai của lực lượng siêu nhiên...người xưa tin giấc mơ có thể giúp họ cách để con người liên lạc và nhận thông điệp từ lực lượng siêu nhiên.

Thần Độc Cước ra đời cũng là sự kết hợp của các dạng thức trên, từ việc ra đời là kết quả của bà mẹ nghèo và thần linh; bà mẹ và thiên nhân cảm ứng thấy có đám mây ngũ sắc quanh bụng, từ diện mạo đến hành động của thần đều thống nhất với nguồn gốc thần linh đó, kích thước thân thể khổng lồ, hành động kỳ vĩ, nhân vật sánh ngang với thần linh và trở thành thần thánh. Như vậy, motif sự ra đời thần kỳ của thần Độc Cước một mặt làm cho truyện kể thêm li kỳ, hấp dẫn và mang màu sắc đặc trưng của truyện dân gian, mặt khác nó báo hiệu những hành trạng phi thường, những khả năng kỳ diệu của nhân vật.

Motif sinh nở thần kì này đã trở nên quen thuộc với hầu hết truyện kể dân gian. Nguyễn Thị Huế đã có lí cho rằng: Sự mang thai và sự sinh nở thần kì ra nhân vật thật là đặc biệt, khác thường. Đây là một motif đã trở nên quen thuộc, tạo ra một kiểu ra đời của nhiều nhân vật của truyện kể dân gian từ trước tới nay [47; tr.47]. Với ý nghĩa ấy, motif sự ra đời thần kỳ của thần Độc Cước trong các dạng thức trên, cũng là những motif chung của truyện kể dân gian. Do đó, việc sử dụng công thức này là một cách để nhân dân dự báo về tương lai với những chiến công phi thường của nhân vật.

3.1.2. Motif chiến công phi thường

Chiến công phi thường là motif quan trọng của truyền thuyết anh hùng chống ngoại xâm, đối với chiến công của người anh hùng cũng là lí do tồn tại của truyền thuyết dân gian. Motif thường được biểu hiện ở khía cạnh: Sức mạnh phi thường trong nội tại của nhân vật và sự giúp sức, phù trợ những phép lạ, vật thiêng. Trong truyện kể dân gian về thần Độc Cước là những chiến công phi thường của người anh hùng cứu dân, cứu nước, lập nên chiến công kì tích trong công cuộc chinh phục thiên nhiên, chống thiên tai, địch họa, quỷ dữ, tà ma của Thần.

Trong số 35 truyện kể về thần Độc Cước thì có tới 29 truyện kể (chiếm 82%) gắn với chiến công của thần Độc Cước. Những chiến công được kể đến như: Chiến công đánh giặc, tiêu diệt quỷ biển Đông, trị quỷ trong đất liền nổi loạn, trừ ôn dịch, diệt ma lửa, diệt ma nước, hiển linh giúp vua đánh giặc, phong tước vương cầm quân đi đánh giặc; dạy dân, giúp dân nghề đi thuyền (bè), chài lưới, tổ chức thi tài để khẳng định vị thế của mình. Chúng tôi lần lượt tìm hiểu những chiến công cụ thể của thần Độc Cước, nhằm khẳng định vai trò và ý nghĩa to lớn của thần trong công cuộc khai phá thiên nhiên và đánh giặc giữ nước.

- *Chiến công tiêu diệt quỷ biển, quỷ dữ*

Theo *Từ điển Biểu tượng văn hóa thế giới:* Quỷ hút máu là con ma làm người sống khốn khổ vì sợ hãi, quỷ hút máu làm chết người sống bằng cách hút hết chất của nó, con ma này nhờ vào nạn nhân mà tồn tại. Quỷ Lùn: Theo học thuyết Kabbale, quỷ lùn là những thần có thân hình nhỏ bé, ở sâu dưới đất và canh giữ những kho đá quý và kim loại quý [11; tr.758]. Quỷ được xem là những con vật tưởng tượng ở dưới âm phủ, có hình thù kỳ dị và dữ tợn, hay hiện lên quấy nhiễu và làm hại người.

Theo thống kê có *19/35* truyện kể *(chiếm 54%)* về chiến công của thần Độc Cước trong việc tiêu diệt lũ quỷ (quỷ dữ ở trong đất liền nổi lên làm loạn và quỷ ở ngoài biển Đông tràn vào), cụ thể:

+ Diệt trừ quỷ dữ ở ngoài biển Đông: Có 09/35 truyện kể (chiếm 26%) thần Độc Cước chiến đấu trực tiếp với quỷ dữ biển Đông, tiêu biểu cho hình tượng người anh hùng này là cùng với cư dân chuẩn bị khí giới, đan kết bè mảng chủ động phòng bị, chủ động ra khơi tấn công quỷ biển tràn vào đất liền. Để bảo vệ cư dân cả ngoài khơi và trong đất liền, thần đã xẻ đôi thân mình, bảo vệ cuộc sống yên ổn cho người dân vùng ven biển. Phần này sẽ được bàn luận ở chương 3 thần Độc Cước trong vai trò chinh phục thiên nhiên và bảo vệ địa bàn sinh sống.

+ Diệt quỷ dữ, ôn dịch trong đất liền: Có 10/35 truyện kể (chiếm 29 %) thần Độc Cước trị quỷ ở dưới đất chui lên làm loạn trần gian, chủ yếu ở một số nơi thuộc vùng Bắc Bộ. Phần này sẽ bàn luận ở chương 3, thần Độc Cước trong vai trò là pháp sư, trừ tà.

- Chiến công diệt ma lửa: Có 2/35 truyện kể (chiếm 6%) về chiến công của thần Độc Cước trong việc dập tắt ngọn lửa. Truyện kể số 12 –PL2: Hồi đó ở Châu Xích Đằng, Hưng Yên bị nạn hoả tai nghiêm trọng, một vị thần cao 10 thước, nửa mặt, nửa thân, một chân, một tay đứng trên đàn. Hai ông cầm cờ lệnh đọc đạo thần chú, tự nhiên có rồng và kỳ lân đến phun nước vào lửa dập tắt ngay hỏa hoạn; truyện kể ở vùng núi Lê huyện Cẩm Thủy, Thanh Hóa, truyện số 20- PL2: Bỗng dưng liên tiếp đàn gia súc, trâu bò của người dân bỗng nhiên kêu rống lên và thân hình chỉ còn lại là một cái xác cháy đen và thần Độc Cước đã dùng phép thuật của mình hóa thành một trận mưa trị Ma Nhung, Ma Khấu, Ma Lửa. Đây là hai truyện kể có liên quan đến việc thần Độc Cước với tài năng phi thường, có phép thuật thần thông quảng đại, đã ra tay trị Ma lửa và dập tắt những đám hỏa tai, giúp dân trừ nạn, yên ổn làm ăn, uy danh của thần được dân trong vùng quanh năm hương khói phụng thờ.

Lửa là một trong những hiện tượng tự nhiên và có sức mạnh hủy hoại, thiêu cháy. Khi con người chưa thể lý giải và chinh phục tự nhiên, họ đã sợ hãi trước sức mạnh phá hủy của ngọn lửa tự nhiên, có thể thiêu cháy nhà cửa, tài sản. Nhưng khi con người đã khống chế và biết lợi dụng lửa, thì ngọn lửa trở thành một vật thiêng đem lại ánh sáng, nhờ lửa mà con người chuyển từ thời mông muội sang thời đại văn minh. Từ xa xưa, con người đã tôn thờ và thần thánh hóa ngọn lửa thành một vị thần: thần Lửa. Theo E.M.Meletinski: Các dấu vết motif tìm được lửa còn có ở các

truyền thuyết cổ của người Georgia, Abkhazia và Armenia kể về các tráng sĩ bị đóng đinh vào các ngọn núi Kavkaz và có thể có mối quan hệ tương đồng loại hình không chỉ với anh hùng văn hóa Prometheus của Hi Lạp cổ đại, người tìm ra lửa, đấng sáng tạo [73; tr.370].

Ở nước ta, những năm hạn hán, mùa màng thất bát, nhà vua đích thân lập đàn tế Nam giao để cầu mong cho mưa thuận gió hòa, vạn vật tốt tươi, mùa màng tốt tươi, đời sống đồng bào no đủ, mọi người được bình an, khỏe mạnh. Trong truyện kể dân gian xứ Nghệ, có hình tượng người anh hùng văn hóa "*Cố Bợ*", vị thần đã lấy trộm lửa từ mặt trời đem về giúp cho con người chấm dứt thời kỳ mông muội, mở ra một thời đại văn minh mới, thời đại văn hóa lửa. Sau này nhân vật Cố Bợ, được gắn với một hiện tượng thiên nhiên cụ thể ở Nghệ Tĩnh như: hiện tượng gió Nam Lào, gió khô nóng gọi là gió Lào, loại gió này có thể gây ra hiện tượng khô cháy, tự nhiên cháy nhà ở vùng Nghệ Tĩnh vào mùa hè. Nhân dân bằng trí tưởng tượng phong phú đã hình dung hình tượng Cố Bợ như là vị thần Lửa mang lửa nhà trời về giúp dân, do sự tinh nghịch hay trả thù nhà quan, kẻ giàu nên Cố Bợ cũng gây ra một số vụ cháy nhà cửa, xóm làng.

- *Chiến công tiêu diệt ma nước*: Có 1/35 truyện kể về thần Độc Cước dẹp được Ma nước, tiêu diệt Phạm Nhan, một dạng thủy thần núp bóng tà thần và nhân thần hóa thành. Truyện số 12 –PL2: Sau khi Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn phá tan quân Mông Cổ, bắt được Nguyễn Bá Linh (Phạm Nhan bị bắt đem chém cứ chém rụng đầu nọ lại mọc đầu kia). Khi lập đàn cúng Độc Cước Thần Vương giúp nhà vua chém Bá Linh, sau đó Bá Linh mới chết hẳn. Truyện kể cho thấy, với tài nghệ tróc quỷ, diệt tà, điều khiển âm binh thì thần Độc Cước đã ra tay giúp Nguyệt Lãng, Trung Quốc và Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn diệt trừ Phạm Nhan được coi là tà thần vùng sông nước, chuyên gây họa cho dân cư vùng ven sông Hồng. Diệt ma nước nhưng cũng có thể chính là tâm lý sùng bái nước, gán cho nước với những chức năng quan trọng có liên quan đến sự tồn sinh của con người, sống nhờ nước, dựa vào nước mà tồn tại. Do đặc điểm tự nhiên và trình độ sản xuất nên cư dân nông nghiệp các nước Đông Nam Á đã nảy sinh một tâm lý sợ hãi trước sức mạnh của nước (lũ lụt, sóng thần) và vì thế đã hình thành một thứ văn hóa sùng bái nước. Nhiều nơi ở Đông Nam Á có lễ hội té nước, hội nước; các lễ hội có liên quan đến tục thờ nước của họ thường mang ý nghĩa cầu nước, cầu mưa. Bên cạnh tâm lý sùng bái, nương tựa, con người còn có mong muốn chế ngự, điều khiển các

nguồn nước, chinh phục nước. Trên thực tế, trong các mùa vụ của cư dân nông nghiệp lượng nước thường không ổn định, do thời tiết có nhiều bất thường như lũ lụt, hạn hán khô cháy đã khiến người dân nảy sinh tâm lý cầu tạnh, cầu mưa.

Đối với các dân tộc khi còn phụ thuộc vào thiên nhiên, thì vẫn có tâm lí cầu cạnh thần linh với những hình thức nghi lễ khấn bái trong các lễ cầu mưa, cầu ngư, cầu mùa, khi nghiên cứu về vấn đề này La Mai Thi Gia đã tìm thấy sự tương đồng: Hình thức thực hành ma thuật cầu mưa này ở một số nơi trên thế giới và cả ở Việt Nam gần như tương đồng nhau ở việc thực hiện những hành động mô phỏng tiếng sấm của vũ trụ và những đám mây đen hứa hẹn mang mưa tới [22; tr.232]. Con người không chỉ cầu mưa khi mùa vụ hạn hán mà còn có khát vọng đoạt nước trong việc chế ngự dòng nước khi có bão tố, lũ lụt. Cùng với tín ngưỡng thờ mặt trời, từ lâu nước đã được thần thánh hoá thành những vị thủy thần ngự trị trên các dòng sông, con suối, vùng biển. Với người Việt Nam, nước cũng là đối tượng của sự sợ hãi, nước có thể là một vị thần phá hoại mùa màng, làng mạc. Nỗi sợ hãi nước đó đi đôi với niềm tôn kính ăn sâu vào tâm thức cộng đồng, tạo nên những vị thần sông được thờ cúng như thần Hà Bá.

- *Chiến công giúp vua đánh giặc: C*ó 4/35 truyện kể (chiếm 12%). Truyện số 8 –PL2: Khi đoàn thuyền của nhà vua đến vùng biển Sầm Sơn, vua mộng thấy một thần nhân bán thân xưng là *Độc Cước chân nhân được Ngọc Hoàng cử xuống cai quản dải biển này*. Nay thấy nhà vua đem quân đi trừ giặc ngoại xâm cứu dân, giữ gìn bờ cõi, tôi xin nguyện giúp một tay; truyện số 17-PL2: Thần Độc Cước chiến thắng giặc ở núi Tùng, dẹp yên giặc Nhung (truyền thuyết thôn Mỗ Xá, xã Phú Nam An, huyện Chương Mỹ, Hà Nội); truyện số 31- PL2: Thần Độc Cước đánh đuổi giặc cướp khi chúng tràn vào đất liền tấn công dân làng, thần đã dùng phép thuật biến hóa thành hàng vạn những con vắt, con đỉa bám vào lũ giặc, khiến chúng bỏ chạy, không dám quay lại; truyện số 32-PL2: Thần nhiều năm đi đánh giặc được phong Phó Quốc Vương. Với 04 truyện kể trên cho thấy, thần Độc Cước không chỉ là anh hùng văn hóa chống thiên nhiên, mà còn là người anh hùng chiến trận. Anh hùng chống giặc (chống lại kẻ thù hai chân vừa gián tiếp vừa trực tiếp). Điều đó nói lên rằng, việc chống giặc (giặc ngoại xâm, nội xâm, giặc cướp) là trách nhiệm, nghĩa vụ của người anh hùng, nó cũng là bổn phận và trách nhiệm của mỗi công dân Việt khi có họa xâm lăng.

Khi khảo sát motif chiến công phi thường trong truyền thuyết, tác giả Kiều Thu Hoạch viết: Không có truyền thuyết nào không miêu tả chiến công phi thường của người anh hùng và những motif khác nếu có thì cũng đóng vai trò là sự chuẩn bị (motif sinh đẻ thần kì) hoặc nhấn mạnh (hiển linh, âm phù) cho motif này mà thôi [46; tr.92]. Trong chiến công đánh giặc của thần Độc Cước cũng rất đa dạng, phong phú có khi thần hiển linh, báo mộng giúp vua đánh giặc và giành được thắng lợi, có khi thần được vua phong tước vương cầm quân đi đánh giặc, cũng có lúc thần một mình một ngựa xông thẳng vào quân giặc để tiêu diệt chúng hoặc có lần thần còn hóa thành con vật như đỉa, vắt để xua đuổi lũ giặc cướp tràn vào.

Một điều nữa là hình tượng thần Độc Cước đánh giặc không chỉ đơn thuần có một mình, một ngựa mà có cả sự giúp sức của nhân dân, những người nông dân theo thần đi đánh giặc, làm theo cách của thần như chuẩn bị khí giới, rèn búa đồng, dao, kết nối bè mảng để đánh quỷ biển, giặc cướp xấn lấn đất liền...Thần Độc Cước, một hình tượng oai phong, lẫm liệt dám xẻ thân mình để vượt trùng dương, dám đo gan cùng tuế nguyệt, ra tận khơi xa để đánh đuổi quỷ dữ xâm nhập vùng biển đảo, vùng tiền tiêu của tổ quốc và cũng là bảo vệ ngư trường biển rộng lớn, nguyện làm thần canh giữ biển đảo, biển trời của tổ quốc. Điều đó cho thấy, ngay từ thời xa xưa, trong tiềm thức cha ông ta đã có những giấc mơ chinh phục không gian biển, xa hơn là nhen nhóm ý thức bảo vệ không gian biển, đã biết định vị vùng biển tiền tiêu của tổ quốc thông qua hình tượng người anh hùng thần Độc Cước.

Đối với dân tộc Việt Nam từ khi dựng nước đi liền với giữ nước, đó là truyền thống của dân tộc trong suốt hàng nghìn năm qua. Khi nghiên cứu về vấn đề này Diệp Đình Hoa có những nhận định: Đối với một dân tộc luôn luôn bị bắt buộc phải chống ngoại xâm thì tính duy lí của các truyện chống giặc dù là huyền thoại vẫn được mọi người cảm nhận một cách dễ dàng [42; tr.3-11]. Cũng không thể khẳng định tất cả các loại giặc đã được nêu trong thời dựng nước ở vùng đồng bằng Bắc Bộ là những lực lượng đối kháng có thật. Song cũng không thể phủ định đó là những sản phẩm được tưởng tượng của dân gian nhào nặn lên. Khi bàn về đức tính của người dân Bách Việt (Yueh) mà Stan Steiner gọi là "dân biển cả", Ông đã ca ngợi: Những truyền thống hải hành tạo nên cho dân Việt tinh thần tự tin và độc lập. Họ chiến đấu chống ngoại xâm cùng với một xung lực (dũng mãnh) như họ đã dùng để chiến đấu chống bão tố ngoài biển khơi [154]. Tinh thần chống giặc cứu nước, như dòng chảy

bất tận ngàn đời của dân tộc, mạch ngầm xuyên suốt cho bao thế hệ nối tiếp, dựng nước đi đôi với giữ nước, nêu cao tinh thần cảnh giác và trách nhiệm giữ nước là bài học vô giá của ông cha ta truyền lại mãi mãi muôn đời đó cũng là đặc điểm quan trọng trong tính cách của một dân tộc không bao giờ chịu khuất phục và làm nô lệ cho giặc ngoại xâm của dân tộc Việt Nam. Cũng có thể cảm nhận được non sông kì vĩ vừa tạc nên chân dung to lớn của người anh hùng lao động đồng thời cũng khắc họa cả hình bóng cao lớn của người anh hùng giết giặc, chiến đấu cho quê hương đất nước được lưu truyền trong sử xanh. Cao Huy Đỉnh cho rằng: Trận chiến đấu quyết liệt chống giặc Ân thật như vũ bão của trời đất khổng lồ vậy. Hình tượng ông Gióng là kiệt tác của trí tưởng tượng dân gian theo mẫu đề khổng lồ chủ đạo toàn bộ cốt truyện sử thi anh hùng [19; tr.73]. Trong truyện kể dân gian có motif ông khổng lồ đánh giặc: như Thánh Gióng, Ông Đùng (Xứ Nghệ), Lý Ông Trọng (Hà Nội), Ông Bưng khổng lồ nhập thân thành nhân vật lịch sử Lê Phụng Hiểu (Thanh Hóa). Trong truyện kể của người Mường đất tổ, Sơn Tinh không chỉ là anh hùng văn hóa mà còn là anh hùng chiến trận, với những công trạng và chiến công kì vĩ của người anh hùng khi dẹp Thục và đánh giặc Tề Nguyên. Tác giả dân gian đã tạo nên những motif quen thuộc từ ông khổng lồ, anh hùng văn hóa nhập thân thành ông khổng lồ đánh giặc, phản ánh ước mơ và khát vọng của nhân dân được có sức mạnh phi thường để giữ nước. Bởi thế, nhân vật luôn mang vẻ đẹp lí tưởng, kì vĩ với những chiến thắng hào hùng và hóa thân bất diệt để bay về trời rất lãng mạn. E.M.Meletinski đã viết "nhân vật văn hóa là sự nhân cách hóa đối với cái tập thể bộ lạc thị tộc nói chung, là sức mạnh mang tính chất độc lập của tập thể đó. Tính chất điển hình trong hình tượng ấy là như vậy. Tính chất điển hình được coi là sự hiện thân của tập thể [73; tr.56].

- *Phong tước*: Xuất phát từ một nhiên thần, một vị thần khổng lồ, có thể đi mây về gió, hóa phép thuật, xẻ thân, lên trời, xuống hạ giới, hàng phục ma quỷ, giờ đây thần Độc Cước đã được nhân thần hóa, trở thành một con người bằng xương, bằng thịt có họ có tên. Thần trong hình ảnh của một nho sinh đỗ đạt cao, được vua ban tước Phó Quốc Vương, cầm quân đi đánh giặc lập nên công trạng. Trong truyện số 32-PL2: Thần họ Cao, tên Sơn, đỗ tiến sĩ thời nhà Tấn, nhiều năm vâng lệnh vua đi đánh giặc, có công được phong sắc làm Phó Quốc Vương. Khi mất hiển linh nên được dân lập đền thờ và vua phong bốn chữ "Độc Cước Sơn Triều". Truyện này ra

đời ở thời kỳ muộn, khi Nho giáo xâm nhập vào nước ta, cùng với những tác động và ảnh hưởng của nó, thần đã đại diện cho một lớp người nho nhã, có học thức, được phong tước hầu. Dù là xuất hiện trong từng thời kỳ hay trong những lĩnh vực, hoàn cảnh khác nhau, thì thần Độc Cước cũng đều lập những chiến công hiển hách, có công lớn với triều đình, với dân tộc và đã thể hiện được những phẩm chất đáng quý của một vị thần, một người anh hùng danh vang khắp chốn.

Là một vị thần có nhiều tài năng, đã lập được nhiều chiến công lừng lẫy, gắn với đó là những tước hiệu do vua ban, nhân dân tôn sùng, phong tặng. Thần Độc Cước từ vị nhiên thần đã hóa thân thành con người bình thường, gắn bó với cuộc sống của người dân. Theo đó, thần cũng chính là một phần sinh thể của những người lao động bình dân được hình tượng hóa, người dân đã gửi gắm vào vị thần của mình những khát vọng, tài năng, trí tuệ, sức khỏe phi thường để có thể lập thêm nhiều chiến công mới, trong công cuộc tái thiết cuộc sống.

3.1.3. Motif xẻ thân

3.1.3.1. Các cách thức xẻ thân của thần Độc Cước

+ Thứ nhất là thần tự xẻ thân khi đứng trước một hoàn cảnh vô cùng éo le của cư dân vùng biển đang bị quỷ biển tràn vào tấn công, sát hại;

+ Thứ hai là trước thách thức của Ngọc Hoàng về việc phong tước thánh, thần cũng đã tự xẻ thân làm đôi;

+ Thứ ba là thần Độc Cước bỗng dưng bị sét đánh xẻ thân làm đôi: có lúc thần đã làm kinh động đến trời và bị Ngọc Hoàng sai thiên lôi xuống xẻ thân; hoặc trước khi thần được phái xuống trần gian dẹp loạn quỷ dữ thì cũng bị thiên lôi xẻ một nửa thân để lại, một nửa thân được phái xuống hạ giới;

+ Thứ tư thần Độc Cước bị người mẹ (yêu tinh) xẻ thân người con làm đôi;

+ Thứ năm thần Độc Cước khi sinh ra chỉ có nửa người.

Luận án lần lượt tìm hiểu cách thức xẻ thân của thần Độc Cước như sau:

+ *Thần Độc Cước tự xẻ thân mình làm đôi*

Thứ nhất: Có 9/35 truyện kể (chiếm 26%) nhắc đến việc thần Độc Cước đã tự xẻ thân mình ra làm hai nửa. Trong đó, có 8/9 truyện là thần Độc Cước tự xẻ thân khi đứng trước một hoàn cảnh thương tâm của cư dân vùng biển (chủ yếu là vùng biển Sầm Sơn) đang bị các thế lực hắc ám (quỷ biển, thiên tai) tấn công trực diện, người dân bị tàn sát, đe dọa đến tính mạng.

Thứ hai: Có 1/9 truyện kể thần Độc Cước tự xẻ thân trong sự thách thức của Ngọc Hoàng, khi thần được mời lên thiên đình để bổ nhiệm phong tước, phong thánh cho thần. Ngọc Hoàng phán: Nếu nhà ngươi muốn làm cả thần cả thánh, phải xẻ người làm hai. Truyện số 02 – PL2: Không cần Ngọc Hoàng nói thêm sẵn có cái búa trong tay, chàng xẻ dọc người ra làm hai nửa.

+ *Thần Độc Cước bị sét đánh (Thiên lôi) xẻ thân làm đôi:* Có 11/35 truyện kể (chiếm 32%).

Thứ nhất: Truyện số 15-PL2: Thần Độc Cước vừa đến trước sân bệ rồng của nhà vua thì Thần đã bị sét đánh xẻ làm đôi thân; truyện số 29 – PL2: Bố mẹ đi vắng, một mình ở nhà, thần liền bị thiên lôi xuống trần xẻ thân thần làm đôi. Tuy nhiên, khi thần bị sét đánh xẻ làm đôi, nhưng thần vẫn bình an vô sự, mỗi nửa của tấm thân vẫn di chuyển hành động như người bình thường, điều đó minh chứng cho tài nghệ phi thường của thần Độc Cước.

Khảo sát những truyện kể về thần Độc Cước bị sét đánh xẻ làm đôi, là những câu chuyện không liên quan đến thần Độc Cước chống lại quỷ dữ biển Đông ở vùng Sầm Sơn hay ở các vùng ven biển mà đây là những câu chuyện đi sâu vào đất liền. Đó là những vùng đất Bắc Ninh, Bắc Giang, Ninh Bình, vùng Trung du Bắc Bộ thần Độc Cước nổi lên trong vai trò là Chúa Quỷ, tinh thông pháp thuật, tiếng tăm nổi tới trời, có tài hàng phục quỷ dữ dưới đất chui lên. Thần đã trở thành một đại phù thủy, pháp sư trong việc hàng yêu ma, trị quỷ làm ôn dịch, gây dịch bệnh tràn lan trên đất liền. Lúc này thần Độc Cước trong vai trò mới cứu khổ trừ tai, trấn áp ma quỷ, trừ ôn dịch (dịch bệnh) cứu dân độ thế.

Thứ hai: Thần Độc Cước bị Ngọc Hoàng trừng phạt, sai thiên lôi trực tiếp xuống trần gian vung lưỡi tầm sét xẻ thân thần làm đôi, có 5/35 truyện kể (chiếm 14%); truyện số 22 –PL2: Một ngày kia, cậu đánh trống và làm kinh động đến thiên đình và vang động khắp bốn phương, Ngọc Hoàng đã sai thiên lôi xuống xẻ đôi người, một nửa ở lại hạ giới, một nửa lên trời luận tội. Thần đã vi phạm điều cấm kị, dám đánh trống hò hét vang động tới trời, khiến Ngọc Hoàng phải ra lệnh trừng trị nghiêm khắc; truyện số 19 –PL2: pháp thuật và tài nghệ của thần Độc Cước rất cao cường, tướng nhà trời không dám manh động, phải hóa thành một vị Chu Tử và nhân lúc thần ngủ say mới dám đến gần cầm búa xẻ thân thần làm đôi.

Thứ ba: Ngọc Hoàng đã sai thiên lôi xẻ một nửa thân của thần Độc Cước, trước khi phái xuống hạ giới diệt trừ quỷ đông nổi loạn. Truyện số 22- PL2: Ngọc Hoàng sai thần Độc Cước xuống trần gian dẹp loạn, song trước khi đi, sai thiên lôi dùng lưỡi tầm sét xẻ thân thần ra làm đôi, một nửa ở lại thượng giới.

+ *Thần Độc Cước bị yêu tinh mẹ xé thân ra làm đôi*

Thống kê có 02/35 truyện kể, truyện số 13-PL2: Đứa trẻ ra đến sân thì con yêu cầm hai cổ chân đứa trẻ xé ngược lên và lè lưỡi ra như người ta dùng kiếm mà rọc đôi, đứa bé liền bị xé như chẻ làm hai. Một nửa theo yêu tinh mẹ, sau thành Chúa quỷ; truyện số 18-PL2: Yêu tinh mẹ bèn xé xác đứa bé làm hai, ném một nửa trả cho chồng, đem một nửa đến cho Bồ Tát Quan Âm nuôi dạy thành thần Độc Cước khi chỉ còn có nửa người.

+ *Thần Độc Cước sinh ra có nửa người*:

Có 1/35 truyện kể số 17-PL2: Người mẹ đêm ngủ bà nằm mộng sau này sẽ sinh được người con trai kỳ hình dị tướng. Sau đó, bà đã mang thai và sinh ra người con trai chỉ có nửa người, còn gọi là Độc Cước. Tuy chỉ có nửa người nhưng thần Độc Cước lại là người có tài thao lược, lớn lên cầm quân đánh giặc cứu nước, giúp dân. Thần đã đánh giặc ở Núi Tùng, dẹp yên giặc Nhung. Đây là truyện kể duy nhất mà chúng tôi sưu tầm được về thần Độc Cước sinh ra chỉ có một nửa người, truyện kể này có motif sinh ra đã dị dạng. Khác với những truyện kể về thần Độc Cước sinh ra đã là lành lặn đầy đủ thân thể, còn nguyên do thần xẻ thân là do ngoại cảnh đem lại.

Truyện kể về Độc Cước cũng tương tự gần với câu chuyện cổ tích *"Chàng Một Nửa"* truyện kể lại như sau: ngay từ lúc mới sinh ra chàng đã là một đứa bé dị dạng, lớn lên với cơ thể chỉ có một nửa. Cuối cùng trời cũng rủ lòng thương nên dùng phép thuật của mình để giúp chàng có được cơ thể của một người bình thường bằng cách dùng dao băm nát cơ thể của chàng trai thành những mảnh vụn, sau đó dùng lá gói lại nắn thành hình người và phù phép để chàng có thể sống lại trong một hình hài nguyên vẹn. Có thể thấy, trong motif xẻ thân của thần Độc Cước đã có nhiều sự ly kỳ, điều đó như để khẳng định thêm thần Độc Cước là vị thần toàn năng, đa tài, đa diện, hứa hẹn đem đến nhiều chiến công cho cư dân, đó cũng là một sự hy sinh vì đồng loại để cứu giúp người dân thoát khỏi hoạn nạn. Dù tự xẻ thân

hay bị xẻ thân, khi sinh ra chỉ có một nửa người thì ở lĩnh vực nào thần cũng xuất sắc vượt qua và lập chiến công, giúp dân, giúp nước.

3.1.3.2. Quan niệm xẻ thân trong truyện kể về thần Độc Cước

Motif xẻ thân, phân thân trong truyện kể thần Độc Cước có thể được xem từ tín ngưỡng bản địa và cũng là những ảnh hưởng của những yếu tố văn hoá ngoại lai. Sự giao lưu tiếp biến văn hóa, làm cho yếu tố bản địa phát triển mạnh mẽ hơn, tạo nên yếu tố ly kỳ, hấp dẫn cho câu chuyện về người anh hùng, vị thần một chân. Hình tượng thần Độc Cước như một mã văn hóa, mà thông qua mã văn hóa đó để chúng ta hiểu biết thêm những tín hiệu về cuộc sống của người dân vùng ven biển, ven sông, ven suối. Trước hết, có sự phân đôi tấm thân của thần Độc Cước là dựa trên quan niệm vũ trụ phân đôi, trong đó có: miền cao với miền thấp, núi và biển, sinh vật trên cạn và sinh vật dưới nước, chim với cá. Trong quan niệm xã hội thì sự phân đôi cũng có chia thành hai nửa: người miền núi và người miền biển, người miền bắc và người miền nam, người Thượng và người Kinh. Trong quan niệm lưỡng phân, lưỡng hợp cũng có cặp đôi như: đất với nước, lửa với mưa, ngày với đêm, cái với đực.

Hình tượng thần Độc Cước xẻ đôi thân mình, chính là thể hiện tư duy của người dân vùng ven biển, ven sông, ven suối, có thể họ muốn gửi gắm những ẩn ý sâu xa của mình trong việc lựa chọn phương thức sản xuất, vừa làm nông nghiệp lại vừa làm ngư nghiệp, tuy có thời điểm nghề ngư hay nghề nông được xem trọng hơn. Tuy nhiên, sẽ rất khó với người dân vùng ven biển, cửa sông ở đồng bằng Bắc Bộ lại chọn cho mình mỗi một nghề nông hay ngư được. Có thể nói hình tượng thần Độc Cước là mắt xích quan trọng, cầu nối giữa nông nghiệp và ngư nghiệp. Dưới góc độ nghề nghiệp, hay một phương thức sản xuất thì sự lựa chọn thần Độc Cước của người dân vùng duyên hải ven biển như là tiêu biểu cho một lựa chọn khôn ngoan của họ, lúc làm nông nghiệp, khi thì làm ngư nghiệp. Do đó, lựa chọn thờ thần Độc Cước chính là một cách lựa chọn khôn ngoan của người dân vùng sông nước, họ như muốn gửi gắm vào đó một triết lí sống, hay đúng hơn là một tập quán sống từ xa xưa của cha ông ta, đó là sự kết hợp giữa hai yếu tố ngư nghiệp và nông nghiệp trong một môi trường sống.

Truyện kể về thần Độc Cước tự xẻ đôi thân mình một nửa ở đất liền và một nửa ra khơi xa, ở ngoài biển cũng nằm trong tâm thức phân ly của dân tộc, từ truyền thống cha Rồng-mẹ Tiên. Theo truyền thuyết Hùng Vương, Bố Lạc Long Quân và Mẹ Âu Cơ ngay từ xa xưa cũng làm cuộc phân ly, đã phân làm hai nửa: 50 người con theo mẹ Âu Cơ lên núi, lập ra thời đại Hùng Vương thời đại lập quốc của dân tộc Việt. Còn 50 người con đi theo cha Lạc Long Quân xuống "thủy phủ", đó là xuống biển, xuống những vùng đồng bằng, vùng duyên hải, vùng hải đảo, ven biển. Đó cũng là xuất phát từ sự phân ly của dân tộc, tâm thức cha Rồng mẹ Tiên, chia các con thành đôi nửa để dễ bề cai trị và phát triển cuộc sống mới.

Thần Độc Cước xẻ thân làm đôi cũng là xuất phát từ tư duy lưỡng phân, lưỡng hợp, trong cặp đôi núi-nước, đực -cái. Ở các làng đôi bờ phía nam sông Cầu đều có thờ thành hoàng là Trương Hống - Trương Hát hay còn gọi là Ông Cộc - Ông Dài (thần nước). Về phía bắc của sông Cầu ở các làng lại thờ thành hoàng là Cao Sơn - Quí Minh chính là thần Núi. Nếu thần Núi là một cặp hai anh em thì thần Nước cũng là một cặp hai anh em. Những cấu trúc cặp đôi này thường thấy trong truyện thần thoại và huyền tích.

Hình tượng thần Độc Cước xẻ thân làm đôi còn dựa trên quan niệm tín ngưỡng dân gian thờ thần mưa, gió, sấm chớp được biến thể sang thành Tứ Pháp. Ảnh hưởng của Độc Cước và Tứ pháp, xét về góc độ loại hình là có mối liên hệ với nhau, sự phân đôi hay là một nửa của thần Độc Cước với một Pháp và bốn Pháp (Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi, Pháp Điện) đều nằm trong sự nhất thể hoặc đồng nhất trong mối tương quan. Sự tương đồng giữa hai tín ngưỡng này là: tín ngưỡng thờ thần Độc Cước phải chăng là thờ thần mưa, thần sấm, thần rồng; còn trong tín ngưỡng thờ Tứ Pháp chính là thờ thần mây, mưa, sấm, chớp. Theo Nguyễn Mạnh Cường, khi nghiên cứu về Chùa Dâu và Tứ Pháp cho rằng: sự biến thể của Tứ Pháp sang thần Độc Cước hay sự bóc tách từ một ngôi chùa và đền ở vào giai đoạn muộn [12; tr.59]. Với cách nhìn của tác giả thì hệ thống Tứ Pháp không phải lúc nào cũng phải đủ bốn chùa mà có thể là ba chùa, hai chùa, thậm chí chỉ có một chùa như tại Chùa Sét cũng được coi là một hệ thống Tứ Pháp.

Là một anh hùng văn hóa, thần Độc Cước hiểu rõ cuộc sống của người dân, hiểu rõ vùng đất dân sinh sống, địa bàn tụ cư hơn ai hết, do vậy thần đã định hướng

nghề nghiệp, hướng cả nghề nông và cả nghề ngư là sự kết hợp tốt nhất cho người dân vùng ven sông, ven suối, ven biển. Thông điệp của thần Độc Cước cũng chính là của người dân, sự lựa chọn nghề của thần cho dân cũng như người dân đã chọn thần làm biểu tượng cho công cuộc tái thiết vùng đất mới. Có lẽ cũng không ngoa khi nói rằng không ai có thể hiểu về thần Độc Cước hơn những người dân vùng duyên hải, ven sông, ven biển; họ là hai nhưng cũng là một, thần trong họ, họ trong thần. Trong quan niệm dân gian đã sáng tạo ra vị thần và chính thần đã đem lại cho người dân niềm động viên, an ủi, họ tin thần với vai trò của người anh hùng văn hóa, vị thần bảo trợ và sáng tạo của ngư nghiệp và nông nghiệp.

Sự xẻ thân của thần Độc Cước cũng có thể ảnh hưởng bởi tính chất địa lý khu vực của xứ Thanh. Có nhiều nhà nghiên cứu cho rằng, Thanh Hóa thuộc về Bắc Trung Bộ, nhưng cũng có nhiều nhà nghiên cứu khác lại xếp Thanh Hóa thuộc Bắc Bộ, hoặc xem Thanh Hóa là sự nối dài của Bắc Bộ. Khi nghiên cứu về vấn đề này Ngô Đức Thịnh có nhận xét: Tính trung gian chuyển tiếp không chỉ trên bình diện môi trường địa lí tự nhiên mà cả phương diện lịch sử và văn hóa, khiến người ta coi Thanh Hóa lúc thì nhập vào Bắc Bộ, lúc thì nhập vào Trung Bộ [105; tr.180]. Từ đặc điểm về khu vực liên hệ sự xẻ thân của thần Độc Cước thì có thể nhận thấy Thần lúc là vị sơn thần, khi thì là vị thủy thần; có lúc Thần là người dân chài đan kết bè ra khơi đánh cá, khi Thần lại trong vai người nông dân cày ruộng, thuần hóa trâu cày...

Ngoài ra, còn có những ảnh hưởng của Đạo giáo được thể hiện rõ nét trong tư tưởng, cũng như trong hành động của con người như khát vọng xung thiên (bay lên trời), phân thân (biến hóa), xẻ thân, đi mây về gió. Điều đó, thể hiện những ước mơ lớn của con người, muốn làm được nhiều điều lớn lao, bí ẩn và phi thường. Trong truyện số 5-PL2: Chàng đi về phía mộ mẹ, cầu xin mẹ cho sức mạnh để tiêu diệt loài thủy quái...lưỡi búa chia chàng làm đôi. Lạ kì thay hai nửa thân chàng vẫn khỏe mạnh, quắc thước, dũng khí lạ thường; do công lao to lớn của chàng nên được Ngọc Hoàng phong cho chàng một nửa làm thánh, một nửa làm thần.

Sự xẻ thân của thần Độc Cước có liên quan đến Phật giáo, phần này lận án sẽ bàn thêm ở chương 4 ảnh hưởng của Phật giáo trong motif xẻ thân

Có một thực tế là cách đây hàng vạn năm loài người phải hứng chịu nạn hồng thủy, nước biển dâng lên nhấn chìm hết khu vực BB&BTB, ven biển miền

Trung. Con người như phải căng mình, chống chọi thiên nhiên, vượt qua bao thiên tai địch họa khốc liệt. Con người mong muốn chiến thắng thiên tai địch họa, chinh phục thiên nhiên ở trong đất liền và ngoài khơi để tồn tại, dần hình dung ra một vị thần có thể giúp họ vượt qua khốn khó, nhất là vị thần ấy phải bảo vệ họ đồng thời vừa trong đất liền và ngoài khơi xa, từ trong ý nghĩ thực tế ấy thần Độc Cước ra đời với mong muốn thần có mặt để phù hộ, cứu giúp dân lành.

Quan niệm về xẻ thân trong truyện kể thần Độc Cước có thể là một mã văn hóa bắt nguồn từ tư duy của vũ trụ, thuyết âm dương ngũ hành, rồi đến triết lí âm dương, quan niệm lưỡng phân lưỡng hợp, quan niệm về địa lý, về phương thức sản xuất nửa làm nông, nửa làm ngư.

3.1.4. Motif thử tài

Trong các truyện kể dân gian về hình tượng người khổng lồ thường có motif thi tài, như truyện Ông Đùng bà Đà, Nữ Oa, Tứ Tượng, truyện Chàng khỏe, truyện Sơn Tinh Thủy Tinh. Ngoài ra, trong xã hội xưa cũng có nhiều truyện kể về cuộc tranh giành đánh nhau vì đàn bà như: Đam San (sử thi Đam San), cuộc chiến thành Troia (Tơ roa) đều có gốc gác của những cuộc đấu tranh để cướp đoạt, mà đàn bà trở thành mục tiêu thứ nhất.

Đối với motif thử tài này chúng tôi hướng đến hình tượng nhân vật thần Độc Cước trong cuộc thi tài, thử thách bởi ba đối tượng: Thứ nhất là thi tài với Bà Triều nữ thần nông, ngư nghiệp vùng Sầm Sơn; thứ hai là thử thách của Ngọc Hoàng về tài xẻ thân của thần Độc Cước; thứ ba thử thách của nhà vua khi yêu cầu Thần bắt quỷ dữ hiện hình.

+ Thần Độc Cước thử (thi)tài cùng Bà Triều

Theo truyện kể vùng Sầm Sơn thì thần Độc Cước muốn lấy Bà Triều một người con gái xinh đẹp (tiêu biểu cho nghề nông nghiệp, dệt cửi, ngư nghiệp, dệt lưới) về làm vợ. Bà đã đòi thần Độc Cước phải cùng mình thi thố tài năng; trong truyện số 2 – PL2, dị bản thần Độc Cước thi tài cùng Bà Triều cuộc đọ sức kéo dài tới hai ngày, ngày thứ nhất hai bên đều vận hết các phép màu nhiệm nhưng chẳng ai nhường ai, người nào cũng mong phần thắng. Đây là cuộc thi tài của hai vị thần có tài hóa phép, đấu bằng pháp thuật, hai người đã vận dụng hết khả năng về sức lực, trí tuệ, phép màu là ngang nhau, không ai kém ai.

Sang ngày thứ hai, Bà Triều mới nói với thần Độc Cước về thi tài nghề

nghiệp dệt lụa và nặn trâu sống lại. Trong khi Bà Triều làm cho tấm lụa đã bị xé tơi vụn trở lại nguyên thành như cũ thì thần Độc Cước phải làm sống lại một con trâu đã tung lên trời cao rơi xuống, xương thịt bị nát bét cả. Ai làm xong trước kẻ ấy thắng. Độc Cước thắng được lấy Bà Triều, nếu thua phải tôn Bà Triều làm chị (truyện số 02-PL2). Như vậy, đối tượng trong cuộc thử tài là giữa hai vị thần; người đưa ra thử thách là Bà Triều thuộc đối tượng thử tài; thời gian thi và kết thúc là tùy thuộc vào tài trí xem ai làm nhanh hơn; hành động trong cuộc thử tài lần này là so tài nghề nghiệp của từng người, thực chất là một cuộc thách đấu về những tài nghệ thuộc lĩnh vực chuyên môn, những sở trường trong công việc hàng ngày của từng vị thần; vật được chọn thi tài là "thần Độc Cước tung con trâu lên trời thành trăm mảnh và nặn lại thành trâu sống, vì thần vốn có tài thuần hoá trâu rừng thành trâu nhà", còn Bà Triều vốn có tài dệt lụa cũng phải thi tài như tung mảnh lụa lên trời xé nát làm trăm mảnh và dệt lại thành tấm lụa lớn; cuối cùng cuộc thi kết thúc và phần thắng nghiêng về Bà Triều, Bà được làm chị, thần Độc Cước thua chịu làm em như đã cam kết ban đầu. Truyện kể còn cho biết được sự tài hoa và khéo léo của Bà Triều: khi xé tơi vụn tấm lụa mới thành muôn ngàn mảnh, Bà Triều vo tròn vào lòng mình rồi tay trái giữ đống tơ nát, tay phải vung vẩy và tấm lụa cứ theo tay bà mở ra, mở ra thoăn thoắt. Hình ảnh bà Triều dệt lụa với đôi tay khéo léo cũng ngầm như hiểu rằng, đó chính là hình ảnh tượng trưng cho những cô thôn nữ nơi đây, chuyên nghề tằm tang, dệt lụa, đan lưới. Họ phải là những người đã có thâm niên trong nghề, từng có những đợt thi nghề nhằm vinh danh và chọn ra những người tiêu biểu để thi tài với đội bạn, với đôi bàn tay điêu luyện, nhanh gọn, kĩ năng tổ chức, sắp xếp và hình dung các công đoạn dệt đến mức thuần thục như vậy.

Câu chuyện cho thấy lúc này cuộc sống của người dân Sầm Sơn đã dần đi vào thế ổn định, hai vị anh hùng không chỉ dạy dân biết đến nghề nghiệp của mình về ngư nghiệp, nông nghiệp mà tổ chức cuộc thi tài chính vừa khẳng định tài năng trong lao động sản xuất, để kích thích sản xuất, thay đổi tư duy cải tiến nông cụ, thâm canh tăng năng xuất, sản lượng; vừa để lựa chọn nghề đại diện và cần hơn nữa là chọn nghề làm phương thức sản xuất chính. Đây cũng là định hướng xuyên suốt quá trình phát triển của vùng đất ven sông, ven biển. Vì vậy, trong cuộc thi lần này Bà Triều đã giành phần thắng, bởi lẽ Bà Triều lúc đầu Bà được mệnh danh là tổ sư của nghề dệt cửi tiêu biểu của nữ thần nông nghiệp, sau này có sự hợp nhất với Tứ Vị Thánh Nương để trở thành

vị thần ngư nghiệp, Bà được mệnh danh là tổ sư của nghề ngư nghiệp, nghề đan lưới, các công cụ hỗ trợ đi biển đắc lực cho ngư dân. Như vậy, nghề ngư đang lấn át nghề nông và đang lên ngôi ở mảnh đất ven biển Sầm Sơn.

Cuộc thi của hai vị thần kết thúc nhưng dư âm của nó còn đọng mãi trong tâm trí người dân và nó đã soi đường chỉ lối giúp người dân định hướng đúng nghề nghiệp của mình trên mảnh đất sát biển. Người dân nơi đây luôn ưu tiên, tập trung phát triển nghề ngư, coi ngư nghiệp là nghề then chốt. Bên cạnh đó vẫn sản xuất nông nghiệp nhằm hỗ trợ phần nào cuộc sống, mỗi khi có sóng to gió lớn, biển động không thể ra khơi đánh bắt tôm cá và nông nghiệp vẫn là hậu phương vững chắc cho người dân ven biển.

Thần Độc Cước có công bảo vệ cuộc sống, còn Bà Triều có công phát triển cuộc sống; một vị thần là anh hùng chiến đấu chống lại kẻ thù bên ngoài, bảo vệ nhân dân, một vị thần là tổ sư của nghề dệt, nghề đan lưới, là anh hùng trong việc dạy nghề và sản xuất. Do vậy, xét về tài năng từng lĩnh vực thì mỗi người có thế mạnh riêng, nhưng trong cuộc thi này thì nhân dân muốn có một vị thần, đó là vị thần sản xuất ra lúa gạo, làm ra phương tiện công cụ đánh bắt cá tôm, chăm sóc gia đình và truyền lại nghề, dạy nghề mới sẽ giành thắng lợi.

Vì lí do trên, mà cư dân ven biển trong quá trình tụ cư, mở rộng địa bàn, tăng gia sản xuất chưa thể nghiêng hẳn về bên nào được. Hay nói đúng hơn, người dân chưa thể một lúc chọn nghề trồng lúa nước làm nghề thích hợp; cũng như chọn nghề ngư nghiệp như nghề đánh bắt xa bờ làm phương thức chính. Bởi những lúc mưa bão, biển động, triều cường thì việc đánh bắt xa bờ rất khó khăn, cùng với đó là các phương tiện đi biển lạc hậu. Có lẽ, phương thức nửa làm nông nghiệp nửa làm ngư nghiệp của cư dân ven biển là một lựa chọn sáng suốt cho cuộc sống lúc này.

Việc lựa chọn nghề nghiệp ở vùng đất ven biển bám nông, bám ngư, người dân vùng sông nước rất cần một vị thần không chỉ giỏi ở dưới nước mà còn giỏi trên cạn. Thần Độc Cước có thể vừa là một thủy thần (thần biển) vừa là một sơn thần (thần núi), thần chính là sự phù hợp vừa được lòng thủy thần cũng như được lòng sơn thần nhất. Trong hình tượng thần Độc Cước có sự kết hợp cả hai, nửa cái này, nửa cái kia, hình ảnh vị thần có một nửa người như một minh chứng cho sự lựa chọn khôn ngoan của cư dân ven biển nói chung và cư dân Sầm Sơn nói riêng.

Trong truyện kể thần Độc Cước thi tài để lấy được Bà Triều còn cho ta thấy một điều rằng, khi cuộc sống của người dân đã có của ăn, của để thì con người có nhu cầu cao hơn, đó là khát vọng hạnh phúc gia đình, hạnh phúc lứa đôi. Vị thần Độc Cước cũng như bao con người bình thường khác, ước mơ xây dựng cuộc sống riêng cho bản thân, muốn có người nâng khăn sửa túi, hạnh phúc lứa đôi. Nhìn nhận về vấn đề chiếm lĩnh vùng đất ven biển xứ Thanh Trần Thị An: Việc thờ cúng các vị thần biển phổ biến ở Bắc Bộ và Trung Bộ cùng các vị thần riêng biệt của Thanh Hóa (Bà Triều) đã chứng tỏ sự chiếm lĩnh và thích ứng với biển từ rất sớm của người xứ Thanh mà còn các mối giao lưu sâu sắc và thường xuyên diễn ra trong lịch sử [3].

Trong nhiều truyện kể dân gian khác, có truyện kể về sự tích "Ao bà Om", câu chuyện kể về cuộc thi tài giữa một nhóm con trai và một nhóm con gái thi nhau đào ao, bên nào thua thì bên đó phải cưới bên kia và giao ước đến khi sao Mai mọc thì cuộc thi chấm dứt...bà Om lấy đèn cột trên ngọn cây giả làm sao Mai. Phái nam tưởng trời đã sáng bèn bỏ cuộc đành chịu thua. Câu chuyện phản ánh quan niệm của con người thời xưa về thế giới tự nhiên, xã hội, với mô típ "thi tài" và mô típ bên nam bị bên nữ đánh lừa trong việc thi tài đào ao và bên nữ lừa bên nam bằng cách treo đèn lên cao giả làm sao Mai. Đây chính là dấu ấn những ngày đầu khai khẩn đất đai, lập nghiệp, mở rộng địa bàn cư trú...

+ *Thử tài xẻ thân*: Truyện kể thần Độc Cước tự xẻ thân mình trong sự thách thức của Ngọc Hoàng, khi được mời lên thiên đình để được phong thánh. Ngọc Hoàng phán: Nếu nhà ngươi muốn làm cả thần cả thánh, phải xẻ người làm hai, không cần Ngọc Hoàng nói thêm sẵn có cái búa trong tay, chàng xẻ dọc người ra làm hai nửa (truyện số 02 - PL2). Motif thử thách tài năng kiên cường, dũng cảm là phẩm chất không thể thiếu của nhân vật anh hùng nói chung và của vị thần Độc Cước nói riêng. Ngọc Hoàng đưa ra thử thách như để kiểm định tính chính xác của lời đồn thổi về vị thần đa tài, nổi tiếng dưới trần gian, cũng là để tận mắt chứng kiến tài năng đặc biệt "xẻ thân" của người anh hùng thêm một lần nữa. Sự thử thách được đưa ra là điều kiện để người anh hùng thể hiện tài năng trước một vị thần tối cao, còn là cơ hội để người anh hùng nối dài chiến công trong những lần lập công trạng mới. Đó là những phẩm chất tuyệt vời của người anh hùng, khi cần là thể hiện

sức mạnh của mình. Xét về mặt ý nghĩa, thử thách cũng là một tình huống để nhân vật lập công, vượt qua những khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ, chứng tỏ tài năng, bản lĩnh phi thường của mình.

+ Nhà Vua thử tài Độc Cước khi cho quỷ hiện hình ra trước mặt

Theo truyện số 15 -PL2 kể rằng: Sau khi thần Độc Cước đã dẹp và quy phục được hàng vạn lũ quỷ, nhà Vua muốn muốn bọn quỷ phải hiện hình ra trước mắt, thần tướng hô lên một tiếng lấy tay chỉ xuống đất mà nói rằng: Truyền cho tà chúng hiện hình. Lúc ấy, trời đất quang thanh, sáng sủa, tà chúng ôn binh đều hiện hình ra. Nhà vua nhìn thấy khắp trong thành không biết bao nhiêu mà kể. Motif "thử tài" ở đây với chủ đề được đưa ra là "quỷ dữ", nhà vua yêu cầu thần Độc Cước có thể làm cho quỷ dữ được hiện hình, vừa để nhà vua muốn biết và tận mắt chứng kiến tài nghệ. Thần Độc Cước đã chứng minh tài năng chinh phục, thu phục và quy thuận được lũ quỷ dữ nổi lên trong đất liền, chúng không phải là số ít mà đông đến hàng vạn cùng với 08 tướng quỷ. Việc thần phục quỷ dữ là một việc làm đã khó, việc bắt chúng hiện hình trước mặt nhà vua xem và Thần đã làm được thì tài nghệ ấy mới thật sự nể trọng. Câu chuyện trên vừa nêu bật được vai trò to lớn của thần Độc Cước trong việc thu phục, làm quỷ hiện hình, xin hàng. Điều này, cũng ngầm nói lên công việc chiến đấu của người dân nơi đây, đang phải chống lại những khó khăn mà thiên tai, dịch bệnh, kẻ thù xâm lược, xâm lấn vùng đất mới.

Với motif thử tài trong truyện kể dân gian về thần Độc Cước một lần nữa cho chúng ta thấy những tài năng phi thường của Thần trong việc chinh phục thử thách, đồng thời cũng là dịp để người anh hùng chứng tỏ được khát vọng, quyết tâm, sức mạnh, tài năng, trí tuệ bản lĩnh của mình trong cuộc sống.

3.1.5. Motif tái sinh, bất tử

Motif này không chỉ phổ biến trong truyện kể dân gian mà còn phổ biến trong quan niệm tôn giáo, trong nghi lễ, trong tín ngưỡng và phong tục dân gian của các dân tộc Việt Nam. Theo *Đại Từ điển Tiếng Việt,* tái sinh tức là sinh lại một kiếp khác, theo thuyết luân hồi của đạo Phật" [133]. Tái sinh được hiểu như là tái thế, được trở lại sống ở cõi đời sau khi đã chết. Theo các nghiên cứu khoa học cho là trên thế giới này có hiện tượng trường vong.

Trong truyện kể về thần Độc Cước có nhắc đến motif tái sinh như: Truyện số 3-PL2: Không cần Ngọc Hoàng nói thêm sẵn có cái búa trong tay chàng xẻ dọc người ra làm hai nửa; truyện số 10-PL2: Chàng dùng búa tự xẻ đôi thân mình. Lưỡi búa chia chàng làm đôi nhưng lạ kỳ thay hai nửa chân của chàng vẫn khỏe mạnh; truyện số 15-PL2: Bỗng thấy ở dưới đất nơi đó có tiếng to như sấm liên tục không ngừng, vị thần thân dài 10 trượng, nửa đầu, nửa thân, một mắt, một tai, một tay, một chân. Những truyện kể về thần Độc Cước có liên quan đến motif tái sinh, bất tử có thể do ảnh hưởng của Đạo giáo nhất là đạo tu tiên, con người muốn được trường sinh và ảnh hưởng của đạo Phật con người muốn tái sinh sang thế giới khác. Như vậy, hiện tượng tái sinh, bất tử của thần Độc Cước là có cơ sở từ Đạo giáo, Phật giáo và chi tiết này là do người đời sau thêm thắt vào, khi mà Đạo giáo đã thịnh hành và ăn sâu vào tín ngưỡng bản địa.

Về nguồn gốc, quan niệm về sự tái sinh có mối quan hệ với tín ngưỡng tô tem của những người nguyên thủy, khi mới bắt đầu sống thời tiền nông nghiệp. Với Phật giáo, hiện tượng tái sinh trong thuyết luân hồi gắn liền với triết lí nhân duyên, nghiệp. Ở truyện dân gian Riêmkê của Cămpuchia có kể về: Pra Lăc bắn tên con Riếp, mũi tên cắt đứt đầu của hắn và nó rơi xuống đỏ rực như quả cầu lửa. Angad giơ đĩa ra hứng lấy đầu, cái đầu còn sống và cứ nghiến răng kèn kẹt hắn sống lên đến một triệu triệu năm [110; tr.132]. Trong truyền thuyết của Camphuchia có chi tiết tương tự về sự tái sinh của vị thần Brahma khi thần thua cuộc bị chém đầu, nhưng thần không chết vì thần Brahma có phép màu như vứt xuống biển, biển sẽ cạn, nếu ném xuống đất, đất sẽ nổ tung ngay trong phút chốc, cuối cùng, thần Indra giao đầu cho thần nát để họ luân phiên nhau bưng nó trên tay. Đối với những người anh hùng văn hóa trong quan niệm dân gian thường có cuộc sống vĩnh hằng, bất tử trong lòng dân, họ thường hiển linh để cứu dân độ thế. Nhà nghiên cứu E.M.Melentinsky cho rằng: "Cái chết của người anh hùng văn hóa được miêu tả thường mang ý nghĩa như một cái chết bất tử, vẫn còn hi vọng trở về từ âm phủ và sự hồi sinh trong tương lai" [73; tr.306].

Phật giáo quan niệm rằng con người có cả phần xác và phần hồn, khi chết chỉ có phần xác là thực sự mất đi còn phần hồn thì ở lại. Linh hồn sẽ lẩn quẩn ở đâu đó, nhập vào cây cối, động vật đợi đến ngày được đầu thai kiếp khác, trong một hình hài mới. Câu chuyện lấy chồng rắn kể về cô chị bị rắn ăn thịt, người chồng của cô

em đã giết chết con rắn ấy, mổ bụng và lôi thân thể đã bị tiêu hóa mất nhiều phần của chị ra [...] chàng lấy lá gói lại, để qua ngày hôm sau thì chị ấy sống lại như xưa; câu chuyện Tơ Rá Trang Lan kể về việc chặt thi thể người chết ra từng khúc, bỏ vào nồi bung cho thật kín, để qua một ngày một đêm. Xương người chết liền lại và nàng sống lại xinh đẹp hơn xưa [17; tr 266].

Trên đây là 05 motif cơ bản về truyện kể thần Độc Cước, ngoài ra cũng có những motif phụ khác như hiển linh âm phù, hôn nhân, thần mặt đen...chúng tôi chỉ đơn cử một motif phụ trong số nhiều motif phụ khác.

- *Motif phụ: Motif giấc mơ thần kỳ về vị thần mặt đen*

Giấc mơ là motif xuất hiện với tần suất thường xuyên trong truyền thuyết dân gian Việt Nam. Theo thống kê có 09/35 truyện kể (chiếm 26%) về giấc mơ thần kỳ. Việc sử dụng giấc mơ thần kỳ trong truyện kể dân gian nói chung và trong truyện thần Độc Cước nói riêng là nhằm tăng sự linh thiêng, huyền bí về lai lịch xuất thân, sự hóa thân của nhân vật. Trong truyện kể dân gian về thần Độc Cước chúng tôi nghiên cứu 05 motif cơ bản, ngoài ra còn có thêm những motif phụ khác như: hiển linh âm phù, hôn nhân, giấc mơ thần kì, thần mặt đen.. Phần này chúng tôi chỉ điểm qua chi tiết "*thần mặt đen*" trong số rất nhiều những motif phụ về thần Độc Cước trên.

Trong truyện 15-PL2 có chi tiết: Thái Bà thấy một người quần áo, mũ khăn chỉnh tề, thân hình cao to, mặt đen như mực, góc miệng có răng [...] Bị thiên đình biến truất, giáng xuống làm người nhân gian, nhập và đầu thai ở Thái Bà để làm con; trong *Bản văn thần Độc Cước* cũng miêu tả thần Độc Cước là vị thần mặt đen. Điều này khiến luận án liên tưởng tới một vị thần mặt đen cũng xuất hiện trong truyện kể về Thánh Tam Giang ở Bắc Giang kể rằng: Đêm ấy, nằm nghỉ ở đình Xà-Ngọt, đang lúc chập chờn nửa tỉnh, nửa mơ, Lý Thường Kiệt thấy hai vị Thần nhân, mũ áo chói lòa hiện ra. Lý Thường Kiệt vội đứng dậy bái chào. Hai vị Thần nhân cao lớn lẫm liệt khác thường: Một vị mặt đen, mắt xanh, mặc áo bào trắng; một vị mặt trắng, râu dài, mình khoác áo bào đỏ, bảo rằng: Mới tới thăm nhau buổi sáng mà đã vội quên! Lũ giặc Tống kia, chỉ cần làm bạt hồn vía chúng, thì chúng sẽ tan. Anh em chúng tôi xin mang thần binh đến giúp ngài quét sạch lũ giặc [145]. Giấc mơ của Thái Bà mẹ thần Độc Cước và giấc mộng của Lý Thường Kiệt đều thấy xuất hiện có một vị thần mặt đen. Hai vị thần mặt đen này đều có nét chung là đều là những vị thủy

thần, người thì được thờ ở vùng ven sông, người lại được thờ ở vùng ven biển, ven suối. Như vậy, xét về góc độ loại hình thần Độc Cước có thể là một dạng của thánh Tam Giang, đều là những thủy thần có công với đất nước, với dân tộc, là Thành Hoàng được người dân nhiều nơi vùng ven sông, ven suối, ven biển ở Đồng bằng Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ tôn thờ; tương tự giữa thần Độc Cước và Huyền Thiên Trấn Vũ hai vị thần này đều có nhiều điểm chung là hai vị thánh hiện thân của Đạo giáo, hai vị thần có tài trị thủy, diệt trừ thủy quái.

Ngoài ra, còn có nhân vật *Võ Thần Tài, tướng mặt đen,* uy nghiêm, mình khoác chiến bào, cưỡi trên lưng cọp. Dân gian còn gọi ông là Tài Bạch Tinh Quân hay Triệu Công Nguyên Soái thường trông coi việc đuổi trừ ôn dịch, cứu bệnh trừ tà. Tuy ngài không xuất hiện trong giấc mơ, nhưng trong truyền thuyết dân gian ngài lại có nét tương đồng cùng với thần Độc Cước, có tài trị quỷ dữ, trừ tà ma. Như vậy, giữa thần Độc Cước có mối liên hệ nào đó với các vị thần của Đạo giáo, ngoài hình tướng mặt đen thì họ có một số nét cơ bản như trị quỷ, trừ tà, trị thủy quái, thân hình khổng lồ, được thờ ở vùng sông nước. Xét thấy mỗi một motif đều gắn với những dấu mốc quan trọng về sự nghiệp cuộc đời thần Độc Cước như sinh nở thần kì, hành trạng chiến công, hiển linh âm phù, báo mộng giúp dân giúp nước. Ngoài ra, thần Độc Cước còn có những vai trò và công lao to lớn đối với cộng đồng dân cư.

3.2. Vai trò của hình tượng thần Độc Cước

3.2.1. Thần Độc Cước trong vai trò người anh hùng văn hóa chinh phục tự nhiên

Xu hướng người Việt cổ, từ rừng núi xuống đồng bằng rồi ra vùng ven biển, hải đảo và họ cũng đã gặp không biết bao khó khăn, gian khó. Một mặt họ lạ lẫm và ngỡ ngàng trước biển, mặt khác phải đương đầu với thiên nhiên, cũng như sự xâm lấn của biển cả và xa hơn nữa là những cư dân ven biển trong việc tìm nghề mới, nghề ngư cũng phải thường xuyên lênh đênh trên biển cả, đối mặt với biển to sóng lớn, vòi rồng, giông lốc hiểm nguy. Điều đó, khiến chúng ta hình dung cả xu thế và hào khí của người dân từ miền núi, đồng bằng đang dần tiến ra biển, chinh phục và làm chủ biển cả mênh mông. Tất cả như góp phần làm nên hệ tâm thức riêng cho người dân vùng biển. Biển với người Việt vùng duyên hải không chỉ là không gian sống mà còn là không gian của cuộc chinh phục, trong đó còn có tình người, tình kết chạ, cố kết cộng đồng. Biển là chiếc nôi hạnh phúc nhưng biển cũng lắm phen làm cho con người cũng khốn khổ lao đao.

Để sinh tồn, mưu sinh trước cuộc sống khó khăn, hiểm nguy, cư dân vùng biển Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ đã tìm đến một hình thức trấn an tinh thần của mình, đó là họ đã thần thánh hóa những thần tự nhiên, trở thành những vị thần thiện như: Lạc Long Quân, Tứ vị Thánh nương, thần Độc Cước và mong thần đứng ra che chở, bảo vệ người dân trước sức mạnh thiên tai, mùa biển động, khi không đánh bắt được thủy sản, khi bị kẻ thù tấn công xâm lược và mơ ước về một cuộc sống hạnh phúc hơn.

Bởi thế, trong ý thức người dân vùng biển, biển cả được chia làm hai xu hướng: hướng tiến ra biển và hướng chống biển. Hướng tiến ra biển thì người dân thuần phục, tôn thờ biển, họ khái quát biển thành hình tượng thần Biển như Đông Hải Đại Vương, Đại Hải Long Vương, Độc Cước Tôn Thần. Có lẽ một phần do ăn đời ở kiếp với biển, chứng kiến sự giận dữ của biển khơi đối với ngư dân những người ngày đêm lênh đênh trên sóng. Họ tin rằng trong thế giới bao la của biển cả, luôn có một vị thần biển giúp đỡ và che chở cho họ trong những chuyến ra khơi được may mắn. Vì thế trong tâm thức của người dân vùng biển đã sáng tạo cho mình hình ảnh một vị thần, thần Độc Cước người đã cùng dân chài đứng lên chống lại quỷ biển đã tràn vào đất liền quấy phá. Câu chuyện về thần Độc Cước diệt quỷ biển Đông còn phản ánh sức vóc vĩ đại của cha ông ta, nói lên ước mơ kỳ diệu của người xưa trong cuộc đấu tranh chống thiên tai ác liệt, đồng thời ca ngợi tấm gương chói lọi xả thân bảo vệ quê hương, đất nước biển trời.

+ Hình tượng thần Độc Cước người anh hùng văn hóa chinh phục quỷ biển

Thần Độc Cước hiện lên trong vai trò của người anh hùng khổng lồ, gan dạ, một mình cũng có thể đánh tan bầy quỷ biển Đông, thần có sức mạnh phi thường để dời non lấp biển bảo vệ nhân dân trước thiên tai, cường quyền, bạo lực, dám đứng lên bảo vệ và chống lại cái ác. Người dân sáng tạo ra vị thần Độc Cước người anh hùng bảo vệ dân chài, thể hiện sự nhận thức, sáng tạo nghệ thuật chứa đựng khát vọng hiểu biết, khát vọng chinh phục tự nhiên của cư dân nông nghiệp và bán nông nghiệp. Trong buổi bình minh lịch sử từ vùng cao xuống vùng thấp và vươn ra biển, trước một thực tế khách quan bí hiểm, đầy rẫy khó khăn như lụt lội, hạn hán, mưa gió, sấm sét, thú dữ mà con người chưa thể thích ứng ngay được, chưa lý giải được. Người dân cần có vị thần vị thần Độc Cước để giúp đỡ,

để chinh phục tự nhiên, mở mang địa bàn sinh tụ, đem lại cuộc sống yên vui cho cộng đồng, làng bản...

Vì thế mà hình ảnh Độc Cước đã đi vào trong cuộc sống của người dân vùng ven biển Bắc Bộ như một biểu tượng của người anh hùng văn hoá, anh hùng khai sáng, người anh hùng dám xả thân mình để cứu dân thoát khổ trừ tai ương. Đối tượng của Độc Cước lúc này đó là quỷ biển, đều là thần chủ của nước, của cả vùng biển ngoài khơi rộng lớn với hình dáng của chúng kì quái, ghê gớm, dữ tợn, nhưng chúng chính là lực lượng tự nhiên được nhân hóa, nhào nặn qua trí tưởng tượng bay bổng, phóng túng nhưng chất phác của người xưa. Thông qua vẻ bề ngoài kì quái của chúng, người ta vẫn phát hiện ra cốt lõi hiện thực được phản ánh. Những quỷ biển Đông ấy như là những khía cạnh hiện thực ở vùng biển, nơi đó là những gian truân, trắc trở đối với cư dân trong những ngày đầu thiên di, những thời điểm mà người dân phải đối diện với thực tế khó khăn, thiên tai, bão, lốc, kẻ thù hai chân và bốn chân cũng luôn rình rập, tấn công dân lành. Khi cuộc sống khó khăn, kẻ thù (quỷ biển) thường xuyên tấn công tàn sát dân làng cả trong đất liền và ngoài biển khơi, thần Độc Cước đã chủ động xẻ đôi thân mình một nửa thân ở đất liền và một nửa thân theo cư dân ra biển vừa đánh cá vừa bảo vệ họ khỏi lũ quỷ biển. Nhìn nhận vấn đề dưới góc độ văn hóa, tâm linh, thần Độc Cước xẻ đôi thân mình đã thể hiện một năng lực tư duy về biển, đồng thời là minh chứng về giấc mơ huyền nhiệm của người xưa về khả năng chinh phục tự nhiên cùng khát vọng làm chủ biển khơi của người Việt, điều đó cũng là sự làm chủ không gian biển cả, ngăn chặn từ xa.

Câu chuyện thần Độc Cước chống thủy quái cũng giống như truyện kể về Lạc Long Quân đánh bầy quỷ dữ trên biển, theo truyện kể *"Tân đính Lĩnh Nam chích quái"* vào thời Hùng Vương thứ hai, ở Biển Đông có những loài cá khổng lồ, khi thuyền buôn đi qua chúng thường quẫy đuôi nổi sóng khiến thuyền bị nạn [...] *Long Quân bèn hóa thân thành một chiếc thuyền buôn* có đủ chèo bơi, rồi điềm nhiên đến nơi Ngư Tinh, liền dùng thỏi sắt nung đỏ, nặng ngót trăm cân và gươm thần để tiêu diệt [91; tr.57]. Có thể nhận thấy, người anh hùng Lạc Long Quân bằng tài năng, sức khỏe phi thường của mình hóa phép để bảo vệ sự bình yên cho biển cả, cho các thuyền buôn qua lại. Thần đã nghĩ cách hóa thân thành một thương thuyền để dụ Ngư tinh tới và tiêu diệt. Cũng có thể xem Lạc Long Quân chính là một trong những vị Thần biển đầu tiên trong tâm thức của cư dân Việt cổ. Khi tách mình khỏi thiên nhiên hoang dã, con người phải đối diện với biết bao gian khó. Họ không có

một sức vóc mạnh mẽ nhưng họ phải đối diện với sự khắc nghiệt từ thiên nhiên, con người vừa phải gia tăng lao động để tồn tại, đến việc mưu sinh, làm chủ cuộc sống và rồi tiến tới chinh phục thiên nhiên.

Hình ảnh quỷ dữ biển Đông cũng có thể tượng trưng cho sức mạnh của thiên nhiên như sự tàn phá của thiên tai mà con người phải đương đầu, chiến đấu nhằm làm giảm thiểu tính mạng và con người, gia súc, cây cối. Đó cũng là phản ánh ước mơ chiến thắng của người xưa trước các trở lực của tự nhiên mà con người muốn chinh phục. Người xưa xem thủy tặc những yếu tố thuộc về nước là kẻ thù hàng đầu trong bốn kẻ thù đáng sợ nhất của họ (thủy, hỏa, đạo, tặc), khiến con người đã kinh sợ và đặt thuỷ nạn lên hạng đầu, cần phải thích ứng và chế ngự.

Công việc trị thủy, chống lũ lụt, bão tố không chỉ có ở Việt Nam mà các quốc gia trên thế giới, ngay từ xa xưa người dân đã phải chiến đấu chống lũ lụt để sinh tồn. Ở Trung Quốc, Hạ Vũ trị thủy trên sông Hoàng Hà để dựng nên địa bàn ban đầu lập quốc. Thời Hùng Vương có truyện Sơn Tinh trị thủy; trong thần tích Sơn Tinh ở đền Và: hình tượng Sơn Tinh gánh đất đắp núi, đan phên, gánh đất ngăn lũ, trị giặc nước, đánh nhau với Thủy Tinh [...] Sơn Tinh được hình dung như những người lao động chống thủy tai, ước mơ chinh phục thiên nhiên của con người muốn làm chủ sức nước, muốn đoạt sức nước.

Trong truyện kể về thần Độc Cước ở vùng Sầm Sơn truyện số 4- PL2: Ngày xưa, có một năm loài người bị khốn khổ bởi nạn hồng thuỷ. Bà nguyện làm con đê chắn các làn sóng quái ác để chúng khỏi gây thêm tội ác tấn công vào đất liền. Hình tượng bà mẹ thần Độc Cước đã dũng cảm vì cộng đồng mà bà sẵn sàng hy sinh tính mạng của mình để ngăn những đợt lũ lớn. Câu chuyện cũng phản ánh lịch sử đấu tranh chống lũ lụt, bão tố là một nét nổi bật của người dân vùng biển. Hình tượng người mẹ thần Độc Cước như là sự thần thánh hóa một hiện tượng thần núi, nguyện lấy thân hóa núi để ngăn bão lũ cũng là gắn với tục thờ núi, vừa là hình tượng hóa thành tích, ước mơ, khát vọng của người dân trong việc chống lụt bão của người Việt xưa kia. Như vậy, đối với những người anh hùng cái thế thường là người có hành tung kì bí, có sức khỏe và tài thao lược, họ mang tầm vóc vũ trụ sẵn sàng đảm trách những công việc lớn lao mà thế gian giao phó

Một điều nữa cho thấy, sự lo sợ của người dân trước các lực lượng tự nhiên to lớn, đầy bất trắc, họ có thể vừa không hiểu được vì sao có những hiện tượng trên, khiến cho con người nảy sinh tâm lý muốn cầu cạnh với thiên nhiên. Mặt khác, cũng có thể chứng kiến trước những sức mạnh ghê gớm của bão lũ đã từng gây bao tai họa cho con người, nên họ nghĩ ra những vị thần biển để rồi mong muốn, cầu xin thần ủng hộ, che chở, giúp đỡ cho họ. Con người thời cổ, không thắng ở đời thực trước thiên tai thì họ mơ ước chiến thắng thiên nhiên trong trí tưởng tượng và niềm mơ ước ấy sẽ là niềm động viên thôi thúc họ, tiếp tục giành giật với cuộc sống vốn không dễ dàng, quyết bám trụ trên mảnh đất yêu thương, bền gan vững chí trong công cuộc xây dựng cuộc sống của mình.

Trong cuộc sống mưu sinh con người vừa nương tựa thiên nhiên, cũng vừa chống lại thiên nhiên, chinh phạt thiên nhiên, họ đã có những thắng lợi trước thiên nhiên. Tuy nhiên cũng nhiều khi con người bị khốn khó bởi thiên nhiên nổi giận. Vì thế, dần theo thời gian họ nảy sinh tâm lí hai mặt với thiên nhiên vừa chống lại, nhưng cũng vừa nịnh bợ thiên nhiên. Nguyễn Bích Hà có lí cho rằng: "Tâm lí chống thủy tai làm nảy sinh hai cách đối phó. Một mặt, họ mơ ước từ trong cộng đồng có một người tài ba (do thần thánh hóa thân hoặc được thần thánh dạy phép)...mặt khác, họ lại ra sức lôi kéo ác vật, mong muốn nó đứng về phía mình hoặc chừa mình ra trong những nạn thủy tai" [27].

Trong những truyện kể về trị quỷ biển Đông cũng có tương tự ở vùng biển Quảng Xương, Thanh Hóa qua hình tượng nhân vật Cao Cát- Cao Sơn đại vương: thời xưa dân vùng biển Quảng Xương (Sầm Sơn xưa kia thuộc huyện Quảng Xương) khổ sở vì nạn cướp phá, giết hại dân lành của bọn quỷ Đông, chúng bất chợt gây bão tố, tràn vào làng cướp lương thực, bắt người ăn thịt, phá hoại mùa màng và nhà cửa, nhiều làng phải phiêu tán. Ngài Cao Sơn đã chặn đứng chúng lại, đưa dân lên núi cao để tránh bọn quỷ Đông, còn ngài Cao Cát đã dâng các cồn cát cao ngăn bọn quỷ biển Đông tràn vào làng. Hiện nay ngôi đền thờ Cao Sơn, Cao Cát đại vương vẫn còn ở vùng biển Quảng Xương [59; tr.745]. Có thể hình dung hình tượng Cao Cát, Cao Sơn đại vương cũng tương tự như thần Độc Cước trị quỷ biển đông, câu chuyện phản ánh ước mơ của người dân về vị thần khổng lồ đứng lên giúp dân giết quỷ biển, ổn định

tình hình sản xuất. Từ bao đời nay người dân đã tiến ra vùng ven biển, họ dựa vào vùng biển để gây dựng cơ nghiệp, cùng với thời gian họ đã bồi đắp cho nơi này những nét văn hóa, phong tụ tập quán độc đáo. Trong suốt thời gian dài người dân đã gửi gắm đức tin đối với vị Thần đã đồng cam cộng khổ cùng họ chống lại quỷ dữ, đấu tranh vật lộn với thiên nhiên khắc nghiệt. Thờ thần Độc Cước là thờ một vị tiền nhân dám quên mình xả thân vì cư dân, đó là sự tri ân của những thế hệ sau đối với những người đã có công với dân nước, là nét đẹp truyền thống của người dân Việt Nam. Tục thờ thần Độc Cước cũng là mơ ước chinh phục biển cả, khát vọng một cuộc sống bình yên của người dân vùng biển, với tín ngưỡng này con người cùng dung hòa hướng thiện vì một cuộc sống ấm no hạnh phúc.

3.2.2. Thần Độc Cước trong vai trò bảo trợ nông nghiệp, ngư nghiệp

3.2.2.1. Thần Độc Cước trong vai trò bảo ngư nghiệp

Trong cuộc trường chinh trên con đường đông tiến, chinh phục thiên nhiên và cải tạo tự nhiên, con người gặp không ít những trở ngại nhưng cũng tạo dựng được những thành tựu, đáng kể nhất là thành tựu trong quá trình khai thác đồng bằng, ven biển, xa hơn là làm chủ cả vùng biển, vùng thềm lục địa, vươn khơi, bám biển, giữ vững ngư trường đánh bắt thủy sản ổn định, khai phá và mở mang địa bàn sinh tụ.

- *Thần Độc Cước dạy dân chủ động đi biển, đan bè kết mảng*

Việc khai thác trên biển cũng có những hình thức đánh bắt thủy sản được ngư dân gọi là "ra khơi vào lộng". "Lộng" được hiểu là biển ven bờ, nếu biển sâu thì lộng có thể bao gồm vùng biển xa bờ khoảng 1-2 km, còn nếu biển nông hơn thì có thể ra xa hơn 4-5km; còn "khơi" là tầm biển ở phía bên ngoài lộng cách bờ biển khoảng độ từ 5 km trở ra. Ngư dân xưa kia, vì không có phương tiện và kĩ thuật hiện đại nên thường đánh bắt vùng ven biển, với các hình thức đánh bắt thủy sản truyền thống thường dùng như: săm, đáy, lưới, câu, te, rùng.

Câu chuyện thần Độc Cước cùng người dân đan kết bè mảng lại với nhau để ra khơi đánh bắt thủy sản, sáng tạo trong việc tìm ra các công cụ đi biển, tránh được lúc sóng to, gió lớn. Theo truyện kể về thần Độc Cước ở Sầm Sơn đã có 03 lần nhắc đến việc Thần dạy dân chài "*đan kết các bè lại với nhau*" như: Truyện số 1-PL2: Chàng ra hiệu cho hàng chục chiếc bè mảng chụm lại kết thành một khối và những người dân chài tựa lưng vào nhau, chĩa ra phía trước những cây sào

nhọn sẵn sàng đâm vào mồm bọn quỷ; truyện số 9-PL2: Thế rồi chàng bảo những người dân chài kết mảng bè lại đưa chàng ra khơi; truyện số 27-PL2: Chàng liền rèn một chiếc búa đồng khổng lồ và bảo những người dân chài kết một chiếc mảng bè lớn để chàng ra khơi.

Như vậy, việc kết bè để vừa có thể đi biển dài ngày, những lúc gặp thiên tai bất trắc có thể vượt qua, tránh được giông tố trên biển, khi nước thủy triều lên xuống thất thường, hay rơi vào vòng nước xoáy thì bè vẫn nguyên trạng, không bị lật úp. Với chiếc bè mảng đi lại trên biển dài ngày thì đó là một sáng tạo tuyệt vời của con người thời bấy giờ, những phương tiện hữu hiệu ấy rất quan trọng đối với ngư dân ra khơi xa đánh bắt tôm cá, cũng có thể chuyên chở được hàng hóa trên sông, trên biển. Khi bị kẻ thù tấn công thì có thể kết nối các bè lại với nhau thành những mảng bè lớn để chở nhiều người và chống lại được sự xâm lấn của kẻ thù.

Theo các nhà nghiên cứu về thuyền bè truyền thống Việt Nam thì bè mảng ra đời rất sớm, cùng với thuyền độc mộc trên sông và thậm chí bè còn xuất hiện sớm hơn thuyền độc mộc. Do đó, bè mảng Sầm Sơn là một loại phương tiện đi biển độc đáo của ngư dân có từ xa xưa mà cho đến ngày nay vẫn còn được duy trì, sử dụng. Mỗi chiếc bè ở Sầm Sơn thường được ghép lại từ 15 đến 18 cây luồng, hoặc bương được ghép nối với nhau thành từng khối, trên những cái ngàng từ 3 đến 4 cái, phân đều nằm ngang, trên các cây luồng buộc bằng dây mây, dây song, giữa bè người ra dựng các cột buồm. Khi nghiên cứu về bè mảng Sầm Sơn, Ngô Đức Thịnh cho rằng: bè Sầm Sơn còn được người Việt ở Vạn Vĩ (Đông Hưng –Trung Quốc) và Trà Cổ (Móng Cái –Quảng Ninh) chế tạo và sử dụng [101; tr 29]. Chứng tỏ bè mảng Sầm Sơn đã có bước phát triển mới khi những người ngư dân vùng biển phía Bắc đã sử dụng làm phương tiện đi biển, đặc biệt được người Việt ở vùng ven biển tiếp giáp Việt Nam với Trung Quốc sử dụng phát triển cao hơn.

Hình tượng những chiếc bè mảng gợi ta liên tưởng đến những con thuyền trên mặt trống đồng Đông Sơn, như một minh chứng về những chủ nhân vùng sông biển của người Việt cổ. Hỏa Diệu Thúy đã có những liên tưởng: Hình ảnh những chiếc thuyền trên trống đồng không phải là những thuyền câu, thuyền đánh cá thông thường mà thực sự là những thuyền lớn [...] đó là những chiếc thuyền và những mái chèo dành cho những chuyến khơi xa, những chuyến vượt biển hoặc cho những trận

thủy chiến hào hùng [159]. Với sáng tạo ban đầu từ bè mảng đã phát triển nâng lên một bước thành những con thuyền, nó không chỉ là phương tiện đi lại mà còn là phương tiện mưu sinh, tự vệ và chiến đấu của cư dân Việt cổ.

Từ câu chuyện về thần Độc Cước dạy dân đan bè, kết mảng để đi biển xưa kia, thì ngày nay vào đầu những 1993, nhà thám hiểm Tim Severin người Ireland đã đến Sầm Sơn, Thanh Hóa tìm hiểu về nghề đi biển bằng bè mảng, ông đã kết hợp với người dân nơi đây có kinh nghiệm đóng chiếc bè mảng lớn thực hiện chuyến hành trình vượt Thái Bình Dương có tổng chiều dài 5.500 hải lý [165]. Nhờ đó, nghề làm bè mảng ở Sầm Sơn đã được cả thế giới biết đến. Ngay từ thời xa xưa, cha ông ta đã biết sử dụng "bè mảng" để hỗ trợ đắc lực của những người đi biển, như một thứ vũ khí chuyên dụng, một sáng tạo đặc biệt trong công cuộc chinh phục vùng đất mới của những người đi biển, bám biển và đánh bắt thủy sản ngoài khơi được dài ngày nhất (xem bè mảng Sầm Sơn, phần phụ lục ảnh).

Như vậy, bè mảng vừa là phương tiện di chuyển trên biển vừa là công cụ chiến đấu quỷ biển, chống lại kẻ thù xâm lược một cách hiệu quả. Điều đó thể hiện khả năng đã chinh phục biển đảo từ rất sớm. Hơn nữa, những chiếc bè mảng cũng là khí cụ quan trọng giúp cho việc ra khơi vào lộng đánh bắt tôm cá, góp công đầu tiên mở mang bờ cõi ra biển đông và trở thành niềm tự hào của người dân xứ Thanh. Phần bàn luận này, chúng tôi sẽ có dịp trở lại ở chương 4 mục tín ngưỡng thờ mặt trăng của luận án.

Thần Độc Cước giúp dân cách tìm đến với tổ nghề dệt, chài lưới: Thống kê có 2/35 truyện, theo truyện số 11 –PL2 ở Sầm Sơn: Thần báo mộng cho dân làng đến gặp và nhờ Bà Triều tổ nghề nông Bà cụ mà các người đuổi đi mới là Thần giúp dân làm nghề sinh sống [...] Truyện kể cho thấy thần Độc Cước cũng rất khiêm tốn, không tự nhận mình là người tài giỏi ở tất cả các lĩnh vực, mà nhận rằng "ta chỉ là Thần giúp dân giữ yên bờ cõi". Trước đây, thần Độc Cước đã cùng cư dân Sầm Sơn đi biển, từng chỉ cho người dân cách làm bè mảng, đan kết bè nhỏ thành bè lớn để ra khơi xa đánh bắt tôm cá. Nhưng đó là thời điểm trước, khi mà cuộc sống còn bộn bề khó khăn, khiến con người buộc phải thích nghi với môi trường mới để tồn tại và phát triển, thì Thần đã lãnh trách nhiệm giúp dân đan bè ra khơi. Khi đã sáng tạo ra phương tiện đi biển thuận lợi thì cũng cần có những công cụ đánh bắt thủy sản quan

trọng như lưới, rùng, câu. Điều đó, cũng cần có những tổ nghề mới, những người có tài sáng tạo trong nghề nghiệp để dạy dân đan lát, đan lưới cụ đánh bắt thủy sản thì Độc Cước đã chọn và tiến cử Bà Triều tổ nghề nông, nghề ngư, để Bà dạy dân, giúp dân có thêm nghề mới, cũng như có những công cụ đi biển hỗ trợ ngư dân được tốt hơn.

Hình tượng Bà Triều cũng là hình tượng của người Việt cổ theo thời gian họ từ miền núi xuống khai phá đồng bằng sông Mã và tiến ra biển. Từ di duệ của những con người tối cổ như Hang con Moong (Thạch Thành), Đa Bút (Vĩnh Lộc) núi Đọ (Thiệu Hoá), Hoa Lộc (Hậu Lộc), văn hóa Đông Sơn...Từ những cư dân nông nghiệp theo dòng sông Mã họ đã làm quen với phương thức sản xuất mới đi biển đánh bắt thủy sản, quen dần với ngư nghiệp. Vì vậy, Bà Triều tổ nghề dệt của cư dân nông nghiệp, đã được xây dựng nên một biểu tượng mới của cư dân gắn giữa ngư nghiệp và nông nghiệp vùng duyên hải ven biển.

Có thể nói rộng ra, một số vùng dọc ven biển, ven sông nơi đây luôn bị nước phèn, nhiễm mặn vào đồng ruộng, vùng chiêm trũng, vùng gần sông, suối nơi từng là rốn nước, rốn lũ, rốn bão. Ở những nơi đó, nghề trồng lúa có nhiều bấp bênh, vì nạn thủy tai, xâm nhập mặn nên họ cũng đã chủ động tìm nghề mới, trong nỗ lực tìm kiếm nghề mới phối hợp với nghề ngư nghiệp mà điển hình là nghề chài lưới ven sông, ven biển đánh bắt cá, tôm. Có như vậy, cuộc sống mới được thịnh vượng, phát triển.

3.2.2.2. Thần Độc Cước trong vai trò bảo trợ nông nghiệp, ngư nghiệp

- *Thần Độc Cước dạy dân chủ động với nghề nông*

Người Việt đã tiếp xúc và tiến ra biển từ rất sớm, việc đắp đê lấn biển là cách ứng xử đầu tiên của người Việt. Tuy nhiên, khi tiếp xúc với biển khơi có nhiều mới mẻ và lạ lẫm, trước không gian bao la ẩn chứa nhiều đe dọa, vốn là nông dân khi ứng xử với môi trường mới này, họ vẫn mang trong mình các tố chất của một cư dân nông nghiệp, cần cù, chịu khó. Với cách ứng xử khôn khéo khi dựa vào điều kiện tự nhiên, khí hậu để áp dụng mô hình nông nghiệp vào vùng đất mới, họ cũng đã nhận ra giá trị của vùng đồng bằng ven biển nên đã dần mở rộng không gian của một làng nông nghiệp. Một mặt, họ tiếp tục đắp đê lấn biển, tiến tới công việc thau chua rửa mặn để mở rộng đồng ruộng, trồng hoa màu nhất là trồng khoai lang, cây ngô đối với vùng đất pha cát, trồng lúa nước, chăn nuôi gia súc cũng đặt ra yêu cầu

ngày càng bức thiết nhất là việc trị thủy và làm thủy lợi; mặt khác họ cũng hướng đến một không gian gồm nhiều làng có sự đan xen sản xuất nông nghiệp là sự phát triển nghề đánh bắt hải sản và nghề làm muối, nước mắm, họ bắt đầu có tư tưởng khai thác biển trong sinh kế của mình.

Trong truyện kể về thần Độc Cước ở vùng biển Sầm Sơn, hình ảnh nghề nông với những hạt lúa, quả cà, con trâu thể hiện rất rõ. Truyện số 1-PL2: Những bông lúa, trái cà cũng phải lớn lên vùn vụt: Hột lúa lớn bằng người ôm, trấy cà con bằng người gánh, mà vẫn không đủ nuôi chú bé...trong khi đàn bà ở nhà lo trồng trọt, cấy hái, đàn ông theo chàng khổng lồ đưa bè mảng ra khơi đánh cá; truyện số 4-PL2: Bà con trong vùng bèn bảo nhau, người đem khoai, sắn, kẻ đem lúa, ngô đến góp nuôi chú bé mồ côi [...] Hàng ngày chàng khổng lồ cùng nhân dân khai phá đất hoang để cấy lúa, khoai sắn, ra biển đánh bắt tôm cá. Truyện kể trên đã phản ánh hiện thực của cuộc sống người nông dân dù có di cư xuống vùng biển thì tập quán canh tác, trồng lúa nước, hoa màu vẫn được xem là hướng chủ đạo, họ khai thác, mở rộng diện tích trồng lúa, hoa màu trên vùng đất sinh sống. Không những vậy, trong nghề nông nghiệp họ còn có những mong ước là làm ra hạt lúa bằng người ôm, quả cà to, nặng bằng người gánh để nuôi chú bé (người khổng lồ), người anh hùng của mình. Có thể thấy hình ảnh thần Độc Cước đã lớn lên từ nhân dân, sống trong lòng nhân dân, được "Người mẹ lớn" là nhân dân cưu mang, che chở bằng tình yêu thương và lao động bằng đôi bàn tay, sức vóc và khối óc của mình.

Cho dù có tiến xuống vùng biển đẩy mạnh nghề ngư nghiệp, đánh bắt hải sản, nhưng với những khí cụ thô sơ, các ngư dân này, họ cũng chỉ đánh bắt những vùng nước nông, những hải sản ven bờ, chưa thể đóng thương thuyền để vươn ra khơi xa để vượt đại dương. Hơn nữa, do tập quán canh tác, những ngư dân xưa kia chưa hình thành nên các thương cảng buôn bán và khi mà những dịch vụ hậu cần trên biển chưa có thì cũng rất khó trong cách bảo quản, chế biến hải sản trên thuyền, trên bè được. Thành thử khi đánh bắt được những mẻ cá tôm ở biển thì đa phần cũng chỉ nhằm để đổi lấy gạo và giá trị về lợi nhuận không cao. Do đó, với người nông dân khi tiến sát biển, sống gần biển thì vẫn chọn hướng làm thêm nông nghiệp vừa phù hợp với tập quán canh tác, vừa phù hợp với sức khỏe, nhất là những gia đình neo người. Truyện kể về thần Độc Cước ngoài việc tôn vinh thần Độc Cước là người anh hùng cùng ngư dân ra biển đánh bắt thủy sản, thì cũng đề cao Thần trong

vai trò của một vị thần nông nghiệp. Sản xuất nông nghiệp luôn gắn bó với môi trường thiên nhiên và khi con người chưa có đủ khả năng để chế ngự, điều tiết nó thì người ta vẫn phải phục tùng, tuân theo và cầu nguyện thần linh phù hộ để mùa màng được tươi tốt.

- Một vài nét về Lễ hội thần Độc Cước với "Lễ hội bánh Dày:

Việc thông qua biện pháp cầu nguyện được hữu hiệu hơn đó là lễ hội, thông qua "Lễ hội thần Độc Cước",*"Lễ hội bánh Dày"* vào ngày 12 tháng 5 hàng năm. Đây vốn là lễ hội cầu mùa của cư dân trồng trọt, của nền văn minh nông nghiệp trồng lúa nước, đồng thời những ngư dân đi biển cũng cầu mong được bình yên. Lễ hội bánh Dày ở Sầm Sơn là một minh chứng cho văn hóa nông nghiệp đang hiện hữu từ xưa cho tới ngày nay, vừa chỉ ra cây trồng chính của người Việt cổ, vừa mang tính ngưỡng nghi lễ nông nghiệp. Trong lễ hội, dân làng dâng lên thần Độc Cước với những chiếc bánh dày khổng lồ (năm 2017 người dân Sầm Sơn đã làm chiếc bánh dày nặng 2 tấn, xem ảnh phần phụ lục). Trong lễ hội có tục thi nấu cơm còn duy trì đến ngày nay, trong lễ cơm mới là để tạ ơn thần Độc Cước cũng như các thần linh khác phù hộ cho họ được mùa màng vì lúa là kết quả giữa nước với đất và công sức lao động của con người. Không chỉ riêng nhà nông mà ai cũng phải quý trọng nó vì lúa gạo là sản phẩm cuối cùng, trực tiếp nuôi sống con người, cúng thủ trâu đó là những tiêu biểu cho lễ hội nông nghiệp ở Sầm Sơn. Lễ hội cũng có tục đua thuyền, có liên quan đến tục cầu nước, một dạng cầu mưa khá phổ biến ở các nước Đông Nam Á, một yếu tố cần thiết cho nông nghiệp, ngư nghiệp.

"Lễ hội bánh Dày" là lời cảm ơn, tri ân của người dân vùng biển đối với trời đất, cầu mong mưa thuận gió hòa, mùa màng bội thu, mọi vật bình an. Với người nông dân ở vùng BB&BTB làm ra hạt lúa gạo đã là một việc khó, nhưng với người dân vùng biển thì đó là việc khó hơn rất nhiều lần. Phần do khu vực ven biển có khí hậu mưa nắng thất thường, lúc thì hạn hán nghiêm trọng, khi thì bão tố xảy ra thường xuyên; phần nữa là thổ nhưỡng, nguồn nước bị nhiễm phèn, nhiễm mặn rất khó khăn cho việc trồng lúa nước, hoặc một số cây trồng, vật nuôi... Vì vậy, việc tổ chức "lễ hội bánh Dày" là để tạ ơn trời đất, tạ ơn thần phật phù hộ cũng là thông điệp của người dân nơi đây trong sự trân quý, nâng niu giữ gìn hạt gạo mà họ đã tốn bao mồ hôi, công sức lao động, để có được thành quả sau mỗi vụ mùa mà có. Đồng

thời với người đi biển để có được hạt gạo, giữ được nó là giữ cho cái bụng được no ấm; giữ được hạt gạo cũng đồng nghĩa với việc chuyến đi biển được bình an, thuyền câu đánh bắt được nhiều hải sản hơn. Do đó, bảo vệ gìn giữ hạt gạo là điều kiện tiên quyết của người đi biển. Như vậy, lễ hội bánh Dày của ngư dân vùng biển cũng là lễ tạ ơn thủy thần, cầu cho mưa thuận gió hòa, đi khơi về lộng được an toàn.

Việt Nam là đất nước có nền văn minh nông nghiệp từ rất sớm, những cư dân nông nghiệp có tập quán tôn sùng những sản vật trồng trọt, tôn vinh cách thức chế biến sản phẩm nông nghiệp và đặc biệt là tôn sùng lúa gạo. Phong tục gói bánh chưng, bánh dày ngày Tết là một minh chứng sống động, được truyền lại hàng bao đời nay. Điển hình của sự tôn sùng các sản vật của nghề nông, gắn với sự tích "bánh chưng bánh dày" của dân tộc Việt gắn với thời đại Hùng Vương. Sự tôn sùng lúa gạo, cảm tạ trời đất đã cho "ngọc thực" của cư dân nông nghiệp. Trong tâm thức dân gian, hạt gạo làm ra là của quý giá, món quà từ thiên nhiên ban tặng. Thi làm bánh dày, nấu cơm là một nét đẹp văn hóa, tôn vinh một sản phẩm nông nghiệp quan trọng bậc nhất do chính bàn tay con người làm ra.

Người Việt cổ từ rừng theo các dòng sông tràn xuống đồng bằng và chiếm lĩnh những cồn cát chạy ven bờ, chống chọi với thiên nhiên bão gió khốc liệt, từng bước họ đã chinh phục biển khơi để duy trì cuộc sống. Cửa Hới, nơi sông Mã đổ ra biển cung cấp lượng phù sa dồi dào khu vực nơi đây. Trong số các huyện duyên hải của tỉnh Thanh lại mang đậm chất núi và biển như ở Sầm Sơn, xét về địa lý thì Sầm Sơn có hiện tích khoảng 300 ha, nơi có đền Độc Cước nằm trên dãy núi Trường Lệ.

Người dân Sầm Sơn sở dĩ có được kết quả khai thác nông nghiệp tương đối thuận lợi cũng bởi những người sống nhờ vào phù sa bồi đắp ở 05 cửa sông Mã đổ ra biển: Lạch Sung, Lạch Trường (Linh Trường), Lạch Hới (Hội Triều); sông Yên; Lạch Ghép (Lạch Trào); sông Bạng: Lạch Bạng (Cửa Tấn). Nếu khu vực Sầm Sơn phía đông là giáp biển, thì phía tây, phía bắc bao bọc xung quanh Sầm Sơn là Sông Đơ thuộc một nhánh của sông Mã, có đồng bằng chạy sát biển rất thuận lợi cho thau chua rửa mặn, làm nông nghiệp trồng cấy lúa và hoa màu, chăn nuôi phát triển.

Trong truyện kể số 3-PL2 ở vùng Sầm Sơn: Thần Độc Cước đã chủ động thuần dưỡng vật nuôi, thuần hóa trâu rừng thành trâu nhà để giúp cho công việc

đồng áng một cách hiệu quả. Đối với ngư dân vùng ven biển không phải lúc nào cũng sống bằng nghề biển, nhất là khi mùa bão tố từ tháng 5 đến tháng 9, thời kì này liên tiếp có biển động, mùa mưa bão, giông lốc liên tục có thể xảy ra trên biển. Khi dân ta (dân ven biển) làm thêm nghề nông tuy có vất vả thêm đôi chút, nhưng bù lại thì trong mỗi hộ gia đình có thêm tạ thóc, tấn lúa, chăn nuôi gia súc, gia cầm, có lương thực đề phòng khi giáp hạt.

Do đó, dọc ven biển từ Thanh Hóa trở ra Bắc xưa kia, có rất ít những làng cá chuyên nghiệp, trong họ vẫn là những nông dân – ngư dân, ngư dân khoác áo nông dân, nền văn minh nông nghiệp trồng lúa nước hàng bao đời nay đã ăn sâu vào tiềm thức của họ. Có thể những đàn ông đi biển, còn những người vợ, người mẹ ở nhà đa phần là phụ giúp đan lưới cụ và vẫn làm ruộng, đảm bảo cuộc sống và khi mùa biển động đàn ông không đi biển đã ở nhà phụ vợ làm việc đồng áng. Xét về điệu kiện tự nhiên vùng ĐBBB và BBTB đồng bằng chạy sát ra biển, được bao bọc những dòng sông, chở phù sa, nước ngọt. Nên việc làm nông nghiệp, canh tác những nơi bãi bồi, nơi đất có thổ nhưỡng tốt, ít bị ngập, bị nhiễm chua phèn, việc cày cấy vẫn có những điều kiện nhất định, thuận lợi cho việc trồng lúa, hoa màu góp phần ổn định và thiết lập cuộc sống của người nông dân- ngư dân. Hơn nữa, cư dân Việt vốn là dân tộc với nền văn minh lúa nước "nông suy bách nghệ bại", có thêm một nghề mới nghề nông hay nghề ngư thì cuộc sống của người dân ngày một khấm khá, no đủ hơn "Có của rề rề không bằng có nghề trong tay".

Như vậy, nhìn tổng thể ở cư dân ven biển Sầm Sơn thì dấu vết của cư dân nông nghiệp lại khá rõ trong các sinh hoạt tín ngưỡng cũng như các phong tục lễ nghi của họ. Có thể do cội nguồn xa xưa của người dân biển là những người nông dân di cư xuống vùng đất mới, nên tâm thức nông nghiệp vẫn còn sâu nặng; hoặc có thể giải thích bằng sự giao lưu văn hóa; văn hóa nông nghiệp theo các nhánh sông từ phía bắc và phía nam chảy về 05 cửa sông Mã đổ ra biển làm nên văn hóa Sầm Sơn những sắc thái riêng, đặc sắc.

Chẳng hạn như truyện kể Mai An Tiêm và "sự tích quả dưa đỏ", được xem là một trong những truyền thuyết độc đáo về khả năng chinh phục đảo sớm nhất của người Việt. Vợ chồng An Tiêm không những tồn tại được nơi đảo hoang, mà còn có một cuộc sống thịnh vượng, họ đã biết trồng dưa, chăm sóc cây trồng tại nơi hoang

đảo, họ còn trao đổi sản vật lấy hàng hóa, nhu yếu phẩm khác với các thuyền buôn qua lại. Truyện kể là một minh chứng sống động, về việc con người từ vùng cao xuống vùng biển, ra hoang đảo, nhưng với sự kiên trì, tin tưởng vào đôi bàn tay lao động và khối óc của chính mình thì mọi việc sẽ thành công, họ đã biến đảo hoang thành không gian sinh tồn, không gian sống hạnh phúc. Câu chuyện là một thông điệp sống về khát vọng và khả năng làm chủ vùng đất, biến hoang đảo thành nơi sinh sống tốt đẹp, nơi khai phá và cũng là bảo vệ vùng biển của dân tộc.

Điều này, ta cũng bắt gặp hình ảnh người anh hùng văn hóa của các tộc người thời kỳ Văn Lang - Âu Lạc, là những vị thần bảo trợ cho cuộc sống của nhân dân, khai khẩn mùa màng, tạo ra lương thực, dạy dân cày cấy, thuần dưỡng vật nuôi, cây trồng, tìm nghề mới... Mẹ Âu Cơ dạy dân trồng lúa, dạy dân đào giếng, dệt vải, làm bánh; truyện bánh Chưng, bánh Dày của Lang Liêu là cả một bước tiến dài trong lịch sử dân tộc; truyện Sơn Tinh, vị anh hùng trị thủy không chỉ dạy dân tìm lửa mà còn có sức mạnh chống hạn hán, dạy dân đánh cá; truyện kể về Thánh Không Lộ trong nhiều di tích ở vùng duyên hải Bắc Bộ như Nam Định và Thái Bình, là hảnh ảnh của một vị thần nông nghiệp, vị thần bảo trợ cho người nông dân trong lao động sản xuất. Trong tâm thức của người dân, thánh Không Lộ góp nhiều công lao đối với cộng đồng, với những công việc đời thường như quai đê, lấn biển, cải tạo đất đai để thực hành sản xuất, đánh cá, trồng lúa, đúc đồng, trừ thủy quái. Điều đó phản ánh ước mơ của con người trong buổi đầu xây dựng vùng đất mới, mong thần phù hộ để có một vụ mùa bội thu.

Đứng trên quan điểm về địa lí học, dân tộc học và phương thức sản xuất, canh tác của cộng đồng dân cư vùng ven biển phía Bắc, nhà nghiên cứu Ngô Đức Thịnh cho rằng: Đối với bộ phận người Việt từ Móng Cái tới Nghệ Tĩnh, thì yếu tố biển trong văn hóa truyền thống không thật đậm nét. Việc khai thác tài nguyên biển chưa thật mạnh, đây đó đều thấy sự kết hợp khá chặt chẽ giữa nông nghiệp và ngư nghiệp trong từng cộng đồng dân cư [101; tr.23]. Có thể do vùng biển Bắc Bộ nông hơn các vùng biển khác ở Việt Nam và nơi đây cũng có ít dòng hải lưu lớn, do đó, kết cấu kinh tế theo hướng nông nghiệp là hàng đầu rồi mới đến khai thác biển (đánh bắt hải sản, chế biến thủy hải sản, làm muối..). Xét về dân tộc học thì những ngư dân ven biển từ Đà Nẵng trở ra Bắc, họ sinh sống định cư trên đất liền thành

các thôn làng, một hình thức tổ chức xã hội cơ bản như phần lớn cư dân nông nghiệp khác. Một điều nữa là trong tâm thức dân tộc, trong cội nguồn xa xưa, quan niệm phân lưỡng hợp trong định hướng khai thác tài nguyên của những cư dân tiền sử, khai thác nông nghiệp và ngư nghiệp luôn có sự kết hợp với nhau ở khu vực duyên hải ven biển. Hơn nữa, chủ nhân của nền văn hóa Đông Sơn ở khu vực sông Hồng, sông Mã vẫn cơ bản chủ yếu là những cư dân nông nghiệp, nguồn gốc cư dân ven biển nơi này là do sự di cư từ miền núi, trung du xuống đồng bằng và tiến ra biển, mang theo truyền thống của cư dân làm nông nghiệp để ra khai thác biển. Bởi thế yếu tố sông nước có ảnh hưởng lớn đối với khu vực này hơn là yếu tố biển, nó mang đận yếu tố văn hóa Đông Sơn của người Việt cổ.

3.2.3. Thần Độc Cước trong vai trò của thủ lĩnh, bảo vệ địa bàn sinh sống

Trong công cuộc khai thông lấn biển, từ vùng núi tiến xuống đồng bằng, ra biển, là một bước tiến lớn trong tư duy, nhận thức cũng như hành động của người xưa. Đây được xem như một cuộc trường chinh trong việc xây dựng, kiến thiết cuộc sống mới, một cuộc di cư vĩ đại của người Việt cổ. Trong môi trường vừa để tồn tại, đứng vững và phát triển, đặc biệt là tìm ra một phương thức sản xuất cho phù hợp vừa để làm chủ vùng đất mới. Người Việt cổ đã đã sớm thích nghi với môi trường biển từ việc khai thác đến sử dụng và chiếm lĩnh không gian biển, từ đó tạo nên không gian văn hóa rất đa dạng và đặc trưng của cộng đồng ven biển.

Tổ tiên của những cư dân ven biển, không chỉ sáng tạo hình tượng Độc Cước để giải thích một hiện tượng thiên nhiên, mà còn sáng tạo ra vị thần này để gửi gắm cho thế hệ mai sau về những chiến công trong công cuộc chinh phục ổn định vùng đất mới, với những thành quả đạt được và cũng nhiều gian lao. Họ mang trong mình lịch sử di dân hàng bao đời: từ rừng núi hướng ra đồng bằng, từ đồng bằng tiến ra biển cả của những ngư dân gốc gác nông nghiệp thuở xưa, vừa là hiện thân của khát vọng làm chủ biển cả, sâu xa hơn là khát vọng bình an và phát triển.

Hình ảnh của thần Độc Cước được nhân dân vùng sông nước, ven biển BB&BTB nhân hóa lên thành hình ảnh của những con người khổng lồ, người con của thần núi, của sinh linh trời đất kết tinh lại thành người phi thường. Thần có thể dời non lấp biển, bước một bước ra ngoài khơi, một bước vào trong đất liền, một nhiên thần từ dưới đất chui lên, từ trong khe núi đá bước ra, xuất quỷ nhập thần

nhằm bảo vệ nhân dân trước những "cơn thịnh nộ " của thiên nhiên vì thế mà hình ảnh thần Độc Cước đã đi vào trong cuộc sống của người dân như một vị anh hùng có công lớn trong việc trị thủy được người dân yêu mến và thờ phụng.

Trong truyện số 1-PL2: Chàng khổng lồ biết trước thế nào cũng phải đánh nhau với bọn quỷ biển, nên đã rèn trước và đem theo chiếc búa đồng to lớn. Chàng ra hiệu cho hàng chục chiếc bè mảng chụm lại kết thành một khối và những người dân chài tựa lưng vào nhau, chĩa ra phía trước những cây sào nhọn sẵn sàng đâm vào mồm bọn quỷ; truyện số 6-PL2: Trống đồng vang vang thúc giục mọi người vào cuộc chiến đấu giữ làng, dân làng ai lấy gươm giáo sẵn sàng chiến đấu; truyện số 15-PL2: Tiêu Sơn thần tướng tâu rằng: Thần xin bệ hạ truyền cho làm một chiếc búa sắt nghìn cân và một roi sắt dài 100 thước mang đến cho thần. Quả nhiên không quá ba ngày, tự nhiên 8 con quỷ tặc loạn đều tự yên.

Câu chuyện thần Độc Cước cùng nhân dân chuẩn bị kỹ lưỡng các phương tiện, công cụ để chống lại kẻ thù như rèn khí giới, rèn búa, gươm giáo, kết nối bè mảng thành mảng lớn, chuẩn bị nhu yếu phẩm, chằng chống nhà cửa lại. Phản ánh tinh thần đánh giặc cứu nước của dân tộc, người dân chung sức, đồng lòng góp sức, đoàn kết để bảo vệ lãnh thổ, vùng đất sinh sống. Điều đó cho thấy sức mạnh vĩ đại của tổ tiên ta, nói lên ước mơ kỳ diệu của người xưa trong công cuộc đấu tranh chống thiên tai ác liệt, đồng thời ca ngợi một tấm gương chói lọi xả thân bảo vệ nhân dân, bảo vệ quê hương đất nước, biển trời.

Có thể nói những dấu chân của thần Độc Cước có mặt ở đâu thì nơi đó chính là sự hiện diện của dân tộc Việt, dấu chân hiển hiện là đánh dấu vùng lãnh thổ, nơi ấy đã có người Việt đến sinh sống, đến đó để mở rộng vùng đất mới, mở rộng vùng biển, vùng trời của tổ quốc. Thần Độc Cước ra khơi đánh cá cùng ngư dân, ra đấy cũng là để xác định vùng chủ quyền, vùng toàn vẹn lãnh hải, lãnh thổ. Dấu chân thần lưu dấu ở tận khơi xa như một sự hợp thức hóa, một sự đảm bảo và xác nhận với thế giới bên ngoài rằng đây là trời của ta, đây là biển đảo của ta; đồng thời cũng là xác nhận quyền chủ quyền và quyền tài phán đối với những vùng biển đã in dấu chân của người Việt, nơi đó đã xác lập chủ quyền, nơi đó cần được bảo vệ.

Dấu chân của thần Độc Cước xét về ý nghĩa nào đó nó là bước tiến lớn của dân tộc Việt. Một dân tộc đã làm cuộc trường chinh vĩ đại đó là tiến hành cuộc di dân của những con người từ vùng cao, miền núi tiến xuống vùng đồng bằng ven

biển, rồi từ đó dần thích nghi với môi trường để vươn khơi xa chinh phục vùng biển đảo. Dấu chân Thần chính là dấu chân của muôn dân đất Việt, những con người tiên phong, mở đường khai phá đất đai, lãnh thổ, họ tiến xuống dọc theo các triền sông, ven biển bám trụ, sinh sống vừa để giảm sự phụ thuộc vào thiên nhiên vừa là để thực hiện ước mơ lớn, hoài bão của con người muốn chống lại, đối chọi với các lực lượng của thiên tai, của kẻ thù. Đúng như nhận xét Neil Armstrong khi bước chân lên mặt trăng đã phát biểu "Đây là bước đi nhỏ của một người, nhưng là bước tiến lớn của nhân loại"

Thần Độc Cước "nguyện" ở lại trần gian, xẻ thân để cứu lấy sự sống của cư dân, giành lại vùng đất nơi người dân có ý định bỏ đi, rồi ra khơi bảo vệ ngư dân, nguyện làm thần canh giữ vùng biển. Một vị thần mà trên hết là thiết tha được sống cùng dân chài, được bảo vệ cho cuộc sống của người dân. Sức ảnh hưởng của thần thật lớn lao đối với cộng đồng, người dân từ đời này sang đời khác cứ theo dấu chân của thần Độc Cước mà làm ăn, sinh sống và đi theo (theo thần ra khơi đánh cá, canh giữ, bảo vệ vùng biển đảo). Người dân bao thế hệ cũng nguyện đồng lòng không muốn xa rời vùng biển, nơi mà cha ông ta xưa kia đã in dấu chân, đã hi sinh cả xương máu, tính mạng, bao công vun đắp, hun đúc để gìn giữ, giữ vững từng tấc đất, tiền tiêu, lãnh hải và xa hơn là giữ vững lãnh thổ của tổ quốc.

Việc xác định dấu chân trong hình tượng thần Độc Cước là xác định những gì thuộc về quyền lực, chiến công, về sự có mặt, sự ý thức đánh dấu lãnh thổ, cảnh giác canh chừng. Ý thức về tầm nhìn thời đại có tính chiến lược của ông cha ta, giữ nước khi nước còn chưa nguy, giữ biển đảo khi còn chưa có sự tranh giành, cướp đoạt, khi chưa có ngoại bang xâm lấn. Tất cả như nói lên một điều rằng: Ý thức về sự chủ động, cảnh giác, trách nhiệm bảo vệ, luôn luôn sẵn sàng đối phó với mọi diễn biến và những tình huống xấu nhất có thể xảy ra. Người ta đã nhân cách hoá các lực lượng tự nhiên thành những vị thần đầu tiên, trong quá trình phát triển về sau của tôn giáo, ngày càng siêu tự nhiên.

Với sự xác lập dấu chân thần Độc Cước trên biển, người xưa đã có ý thức kể điều đó như một biểu tượng của những khát vọng hạnh phúc, hạnh phúc trọn vẹn. Người đi biển không gì vui hơn là sau một ngày lênh đênh trên biển, chiều về nhìn những người mẹ, người vợ, người thân, cả đàn con thơ lại ùa ra bãi biển, đứng trên bãi biển để trông ngóng, đón đợi; những niềm vui và tiếng cười càng được nhân lên

khi thuyền bè cập bến đầy ắp tôm cá, người người đi khơi về đầy đủ khỏe mạnh. Những người người thân của họ cũng vậy, mỗi bước chân của chồng, cha, anh theo những con thuyền ra biển khơi là biết bao con mắt, trái tim đang dõi theo, trong thâm tâm của họ đang cầu cạnh sự phù hộ được bình an, mong có sự trở về trọn vẹn. Người đi biển vẫn luôn tâm niệm và xác định một điều rằng: Sự sống nảy sinh từ cái chết, hạnh phúc hiện hình từ trong những hy sinh, gian khổ, ở đời này không có con đường cùng, chỉ có những ranh giới, điều cốt yếu là phải có sức mạnh để bước qua những ranh giới ấy và họ cũng nghĩ rằng: Cuộc sống có thể bị hủy diệt, chứ không thể bị khuất phục.

Cuộc sống trên biển là vậy, ngày qua ngày, người đi biển và người ở lại đều cầu mong ngày ngày tốt lành, không có biến cố, rủi ro nào xảy ra với họ, với bạn chài, bạn thuyền, sóng yên bể lặng mới yên tấm lòng. Do vậy, với người dân ven biển khi đã xây trong tâm thức một vị thần của mình, như là biểu tượng cho sự kính trọng, niềm tin đến linh thiêng, họ tin vị thần với quyền năng, pháp thuật của mình sẽ cứu họ lúc lâm nạn, tin vào sự phù hộ, sự có mặt của thần như sự trở về giữa thân và tâm. Giữa sóng biển trùng khơi, thiên tai bất ngờ ập đến, kẻ thù tấn công trực diện, người dân lúc này ngoài sự chủ động ứng phó, họ còn đặt tất cả đức tin vào vị thần của mình, vào thần biển, cầu mong mọi sự sẽ hanh thông, trời mỗi ngày lại bình yên trên biển cả.

Thực tế ngày nay, các quốc gia ven biển đã và đang tranh giành từng tấc đất, hòn đảo nhằm xác lập vùng chủ quyền, tranh giành nhau tại các vùng lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng chồng lấn, vùng đặc quyền kinh tế 200 hải lí, thậm chí còn thường xuyên thâm nhập sâu vào vùng nội thủy. Bởi vậy, việc ý thức bảo vệ biển đảo là nhiệm vụ có tính chiến lược lâu dài và cũng được ưu tiên đầu tư nhất. Cùng với nhiệm vụ cảnh giác bảo vệ vùng biển, vùng đất, vùng trời bất khả xâm phạm là nhiệm vụ thiêng liêng, có tính sống còn của mỗi quốc gia trong cuộc sống hôm nay.

Thần Độc Cước được người dân vùng biển chọn làm vị thần biểu tượng cho sự bất diệt của con người nơi đây, trước mọi biến động về thiên tai, thời tiết khắc nghiệt. Chọn vị thần một chân làm biểu tượng sống, hẳn người dân nơi đây đã chọn lựa cho mình một khát vọng lớn, khát vọng con người làm chủ thiên nhiên, làm chủ biển cả. Hình tượng thần Độc Cước chiến thắng thủy quái cũng là hình tượng của cả cư dân đồng tâm, hiệp lực đoàn kết để chống lại được bất cứ kẻ thù xâm lược nào "kẻ thù hai chân và kẻ thù bốn chân".

Đối với vùng ven biển BB&BTB, họ đã sớm có người anh hùng với khả năng đánh giặc xuất chúng, đặc biệt là khả năng đánh thủy, vươn ra biển khơi để tiêu diệt quỷ biển, từ ngoài biển khơi. Hình tượng thần Độc Cước còn mang ý nghĩa biểu tượng cho việc trấn giữ, phòng thủ, cảnh giác trước các thế lực đen tối, hắc ám, trước nạn ngoại xâm. Đó là ý thức bảo vệ biển, bảo vệ biên cương lãnh hải, là những bài học và thông điệp cho bài học dựng nước và giữ nước hôm nay: Dựng nước đi đôi với giữ nước, xây dựng gắn liền với bảo vệ Tổ quốc là quy luật tồn tại và phát triển của đất nước. Xây dựng tiềm lực, sức mạnh tổng hợp của đất nước ngay trong thời bình là kế sách "lo giữ nước từ lúc nước chưa nguy". Bài học mất cảnh giác của cha ông ta từ thời Hùng Vương với câu chuyện về chiếc nỏ thần của An Dương Vương, một minh chứng về sự thiếu cảnh giác nên để cơ đồ đắm biển sâu, đất nước rơi vào tay giặc, nhân dân nô lệ, lầm than, cũng bởi do chủ quan, lơ là, ỷ lại của người đứng đầu, người có trách nhiệm thì bỏ bê việc phòng thủ dẫn đến họa xâm lăng. Do đó, thông điệp mà thần Độc Cước đã không tiếc thân mình xẻ thân để bảo vệ vùng biển khơi, như muốn nhắn nhủ cho chính mỗi người dân trong nước, mỗi người hãy là một Độc Cước, nhiều người góp lại như một vị thần với sức mạnh đoàn kết, thuận tình, đồng lòng, hiệp lực giữ gìn, bảo vệ thì biển môi trường sinh sống, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng.

Khi người dân bị quỷ biển tấn công, tàn sát nhà cửa, làng mạc buộc họ phải dời nhà đi nơi khác. Khiến nhiều gia cảnh vợ chồng, con cái bồng bế nhau chạy trốn lên rừng, tha phương cầu thực ở khắp mọi nơi nên cuộc sống trên vùng ven biển vắng lặng, đặc biệt là vùng biển Sầm Sơn. Truyện số 1 –PL2: Chàng khổng lồ đứng ở cửa sông, hú gọi một tiếng vang đến ngọn nguồn. Dân chài phiêu bạt lục tục kéo nhau về. Trước cảnh khốn khó, tiêu điều, gia đình ly tán, thần Độc Cước xuất hiện, một mặt thần "hú gọi", chính là lời kêu gọi, hiệu triệu mọi người ở khắp nơi trên rừng dưới bể để quay về tụ cư, ổn định lại cuộc sống mới trên mảnh đất thân thương của mình xưa kia; một mặt thần dạy dân mở rộng diện tích, thần đã thuần hóa trâu rừng thành trâu nhà để thuần phục trong việc cày ải, phục vụ mùa màng.

Mặt khác, trong một số truyện kể dân gian về thần Độc Cước chúng ta thấy một việc hiển nhiên là quỷ biển chưa bị tiêu diệt hoàn toàn, chúng mới khiếp sợ và bỏ chạy, một số đầu hàng nhưng chỉ là tạm thời, khi chúng chưa có đủ lực lượng mạnh để chống lại vị thần Độc Cước và con người nơi đây. Bởi bản chất của quỷ dữ luôn

tàn bạo, tham lam, xảo quyệt, điều đó cũng đồng nghĩa với việc là cuộc chiến vẫn còn cam go, khốc liệt. Chừng nào mà quỷ biển vẫn còn, chừng ấy thần Độc Cước cùng cư dân vẫn tiếp tục một cuộc chiến đấu chống thủy tai, chống lại kẻ thù thiên nhiên lâu đời và truyền kiếp, luôn tồn tại song hành cùng con người.

Chẳng hạn như truyện kể về ông Bưng ở vùng Thanh Hóa, ngài là một người khỏe với tầm vóc cao to, bóng che cả mặt trời, là người dân dã ông sống bằng nghề hái củi, đối với những kẻ cậy khỏe, cậy mạnh thì sẵn sàng trừng phạt; đối với dân làng quê hương ông sẵn sàng giúp đỡ mọi người: đánh cọp, thuần phục trâu dữ, đào sông dẫn nước về làng, gánh núi nơi xa về. Hình tượng ông Bưng cũng như thần Độc Cước, họ đều là những vị thần khổng lồ, kì vĩ nhưng cũng mang bóng dáng của người lao động khai phá đồng ruộng, xây dựng quê hương, mong ước chinh phục và cải tạo tự nhiên.

Dưới góc độ của những vị thần linh cai quản vùng sông nước, có nhiệm vụ điều hòa nguồn nước. Võ Thị Hoàng Lan trong Luận án tiến sĩ "*Tục thờ nước của người Việt ở châu thổ sông Hồng"* đã đề cập đến những thần linh có liên quan đến nước: là những thần linh có nguồn gốc xuất thân trực tiếp hoặc gián tiếp từ thế giới nước, còn được gọi là thủy thần; những thần linh mà quyền năng thiêng của các ngài thể hiện trong việc điều hòa được nguồn nước [64]. Xét về yếu tố nước dước góc độ tâm linh thì hình tượng thần Độc Cước vẫn là sự tiếp nối của công việc trị thủy, chống thủy tai, thiên nhiên địch họa luôn rình rập con người, chống giặc ngoại xâm, chống sự xâm lấn lãnh thổ của dân tộc ta. Đó cũng là những câu chuyện vẫn đang tiếp tục diễn ra như cuộc sống của những người dân vừa tồn tại, vừa tiếp tục chiến đấu để ổn định và phát triển.

Một trong những nhà tiên tri về vận nước của dân tộc Việt, Ông đã để lại cho hậu thế những bài học về giữ nước, Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm (1491–1585), được tôn là "Tuyết Giang Phu Tử", một trong những nhân vật có ảnh hưởng nhất của lịch sử cũng như văn hóa Việt Nam trong thế kỷ 16. Trong Sấm Trạng Trình về "Biển Đông" ông đã có lời tiên tri: *"Biển Đông vạn dặm dang tay giữ/ Đất Việt muôn năm vững trị bình/ Chí những phù nguy xin gắng sức/ Cõi bờ xưa cũ tổ tiên mình"*. Trạng Trình với con mắt chiến lược, nhìn thấy đại cục thiên hạ ngàn năm, ông đã khuyên thế hệ sau phải nắm giữ được Biển Đông thì đất nước mới thái bình, thịnh trị muôn đời.

Khi nhắc đến hình ảnh những ngư dân sau một ngày mệt mỏi trên biển với sóng to gió lớn trở về đất liền, nhưng sau một đêm ngủ dậy họ lại trở lại biển với một tinh thần mới, sẵn sàng cho chuyến ra khơi. Điều đó khiến học giả người Pháp rất cảm phục. J. B. Piétri khi làm Thanh tra Ngư nghiệp ở Đông Dương nhận xét người Việt Nam với biển, trước sóng gió như sau: *"Trên một vùng biển mà giông bão bao trùm thường xuyên nhất trên thế giới, chúng ta bắt gặp nhiều cách thức hàng hải gan dạ nhất và đồng thời cũng cổ lỗ nhất. Một ngư phủ, xông ra khơi [...] mãi tối mịt mới trở về nhà, thân xác tơi tả nhưng lại sẵn sàng ra đi vào sáng hôm sau"* [154]. Để có được thân thể khỏe mạnh, một tinh thần dẻo dai, kiên trì bám biển, bền gan vững chí của người ngư phủ, đó là nét tính cách của dân tộc Việt được truyền lại cho bao thế hệ. Đó cũng là khát vọng hàng bao đời của người dân vùng biển trong công cuộc chinh phục thiên nhiên, làm chủ vùng đất, vùng biển để có cuộc sống ổn định, no ấm và bình yên.

3.2.4. Thần Độc Cước trong vai trò là pháp sư trừ tà

Ở vùng biển thì thần Độc Cước nổi trội trong vai trò của người anh hùng văn hóa như: trị thủy, bảo vệ nông, ngư nghiệp, bảo vệ cuộc sống mới, bảo vệ vùng biển, lãnh hải mà chúng tôi đã có dịp tìm hiểu ở phần trên. Tuy nhiên, khi đi vào trong đất liền, vào vùng miền núi, trung du thì thần Độc Cước đã có sự chuyển hóa vai trò sang một dạng khác nổi bật đó là một pháp sư, trừ tà, diệt quỷ.

Khác với trừ tà trong Đạo giáo là khi người vật bị bệnh, bị chết phải nhờ cậy đến pháp sư, thầy phù thủy cao tay về cúng, trấn yểm...thì trừ tà trong Phật giáo là thông qua việc tu tập, để chuyển hóa bản thân, tránh được dục vọng. Lý Cư Minh trong lời mở đầu phân biệt giữa "trừ tà" trong Phật giáo: "Trừ tà" trong Phật giáo tức là thông qua việc tu hành, tu chân, dùng chính để chuyển hóa tà, nhờ vào chính niệm của bản tâm để chuyển biến những bất chính bên ngoài, là một phương pháp tu trì theo hướng từ trong ra ngoài. Trừ tà không phải dùng bạo lực để chống bạo lực...Phật giáo coi trọng sự tự tu thông qua việc tu hành để đạt đến cảnh giới giải thoát [75]. Tuy nhiên, khi nghiên cứu về ma quỷ thì một số nhận xét cho rằng: Quỷ, đặc biệt là quỷ dữ biểu trưng cho cái ác, tượng trưng cho tất cả những sức mạnh gây rối loạn, làm mờ ám; Quỷ là trung tâm đen tối, là lực lượng gây tội ác, chết chóc, gieo bất hạnh cho con người [25; tr.24]. Như vậy, quỷ hiện thân là cái ác, cái xấu

cần được nghiêm trị, đối lập với thượng đế, với thánh thần, với những lực lượng bảo trợ và phù hộ cho con người.

+ *Độc Cước được tôn là Đại pháp sư:* Thống kê cho thấy, Độc Cước là Pháp sư: có 2/35 truyện kể; Chúa qủy: có 1/35 truyện kể; Quyền Chưởng Âm binh: có 1/35 truyện kể. Đệ tử của Quan âm Bồ tát: Có 3/35 truyện kể; Phụng mệnh Đức Phật tiêu diệt qủy dữ: Có 1/35 truyện kể; truyện số 19 -PL: Từ đó Thần được tôn vinh vừa là Tổ sư vừa là vị tổ bảo hộ cho tất cả các pháp sư; truyện số 33 –PL2: Ngài hiệu là Đại pháp sư, có 7 phép màu để trị ma quỷ gian ác và được vua phong mấy chữ: "Độc Cước Sơn Triều". Thần Độc Cước được tôn vinh là Đại pháp sư, có phép thần thông, có thể giết quỷ, nuốt tà, khi trần gian có loạn quỷ, thiên đình đã điều Thần xuống hạ giới, mới dẹp yên được lũ qủy, bảo vệ cuộc sống bình an cho người dân nơi hạ giới.

+ *Diệt trừ qủy, trừ tà, ôn dịch nổi lên ở trong đất liền, vùng trung du: Có 10/35 truyện kể (chiếm 29 %)* thần Độc Cước trị qủy ở dưới đất chui lên làm loạn trần gian. Một số truyện kể ở vùng ĐBBB, như truyện số (15, 16, 19, 21, 23, 33, 34-PL2) có nhắc đến lai lịch, chiến công của Thần: thần vâng lệnh Phật có thể giết quỷ, nuốt tà, được vua phong tước Đổng Nhung nguyên soái; thần dẹp được 20 vạn tinh binh là quỷ dữ, bắt 8 tướng quỷ xin hàng; có công dẹp Ngũ hổ phương Bắc, trấn áp ma quỷ phương Nam. Khi trần gian có loạn quỷ, thiên binh, thiên tướng không thắng được quỷ dữ dưới đất liền, Ngọc Hoàng sai thần xuống dẹp loạn.. thần đã dẹp yên được lũ quỷ, bảo vệ cuộc sống cho người dân nơi hạ giới; truyện 21-PL2: Ta đây là Tiêu Sơn Độc Cước thần tướng, quyền chưởng âm binh có thể nuốt chúng quỷ; truyện kể 26-PL2. Ta hiệu là Độc Cước, Thượng đế lệnh truyền cho cai quản hương ấp,nói xong bèn bay lên không trung biến mất.

Qua đây, ta thấy được vai trò hình tượng Độc Cước một lần nữa hiện lên thật đẹp đẽ và phi thường. Với tài năng của mình Thần đã chứng tỏ được khả năng của một vị anh hùng chiến trận, dẹp loạn quỷ dữ và thu phục được hàng vạn tinh binh, quy phục chúng đầu hàng. Thần Độc Cước đã thể hiện là vị thần có khả năng "trấn" áp tà ma, bảo vệ cư dân khỏi nạn quỷ hoành hành, đồng thời là Pháp sư có "phép" trừ yêu dẹp quỷ, thông thạo phong thủy địa lý, có khả năng trấn trạch, là thần bảo hộ cư dân vùng đồng bằng, trung du. Người Việt có một nỗi sợ hãi tâm linh, mà trong thế giới tâm linh thì đó phải là ma quỷ. Điều đó cho thấy việc tiêu diệt quỷ dữ

đem lại cuộc sống bình an cho cư dân là nhiệm vụ ưu tiên của người anh hùng. Quỷ dữ, thiên tai là những gì tượng trưng cho cuộc sống khó khăn, đe dọa thường xuyên khiến con người phải hứng chịu.

Trong quan niệm dân gian xưa kia, khi con người còn lệ thuộc vào thiên nhiên, con người bất lực trước thiên nhiên hung dữ, họ cầu cạnh thần linh đứng ra bảo vệ họ, giúp họ xua đuổi tà ma, quỷ quái đem lại cuộc sống ấm no. Nhìn nhận về vấn đề này E.M.Meletinski: Kẻ thù của người anh hùng trong sử thi cổ sơ thông thường là bọn quỷ sứ, lũ khổng lồ, lũ quái vật [...] những kẻ thù lịch sử của bộ lạc [73; tr.371]. Trong cõi vũ trụ mênh mông rộng lớn đó, con người nguyên thủy không thể lý giải được những nguyên nhân của thiên tai, thời tiết khắc nghiệt, đành gán ghép cho quỷ dữ, tà ma và họ tưởng tượng trong thế giới bao la đó là vị thần (có thể là thần thiện, thần ác) vừa để nịnh bợ, vừa cầu xin thần thánh giúp đỡ, che chở để vượt qua cơn bấn loạn.

- *Thần Độc Cước từ nhỏ đã nổi tiếng*

Ngay từ nhỏ thần Độc Cước đã tỏ ra là một vị thần có tài trấn át ma quỷ, giỏi võ nghệ, điều khiển âm binh. Truyện số 19-PL2: Năm 10 tuổi, cậu bé Độc đã biết thành thạo về nghệ thuật phù phép [...] nên từ đó cậu được tôn vinh là tổ sư vừa là vị tổ bảo hộ cho tất cả các pháp sư; truyện số 22 –PL2: Đến năm 10 tuổi đã thống trị ngũ giới, vạn phép thần thông, ấn quyết thông suốt việc trên trời dưới âm phủ ngài đều biết rõ [...] các thầy phù thủy thờ ngài làm thánh tổ; truyện số 23-PL2: Thần Độc Cước vốn là con một pháp sư nổi tiếng ở huyện Từ Sơn (Bắc Ninh), khi mới ba tuổi đã đánh trống động tới trời. Thống kê cho thấy thần Độc Cước ngay từ nhỏ đã tỏ ra là một thần chủ trong đạo pháp của mình, với uy danh, công đức trong việc trị quỷ mà thần được đề cao, được tôn trọng trong sự tín ngưỡng của dân gian, nhất là những thầy phù thủy xem Độc Cước là tổ sư pháp sư, mỗi khi thỉnh cầu đều linh nghiệm được thần báo ứng.

Đạo giáo Phù thủy đã tôn Độc Cước là Thánh Độc, Độc Cước Chân Nhân, có nhiều phép tróc quỷ, trừ tà được các thầy phù thủy lập điện, am, cửa tĩnh thờ phụng. Theo nghĩa đen, tĩnh là một bàn thờ nhỏ ở một nơi yên tĩnh. Các am thờ Độc Cước như ở Kẻ Mom (Quảng Xương), Quảng Cư (Sầm Sơn). Pháp sư Trương Như Danh, hiệu Pháp Xuyên ở thôn Thu Hải, xã Quảng Cư, Sầm Sơn trong khi làm phép và thỉnh thần Độc Cước tại lễ cầu ngư làng Diêm Phố đã đọc "trịch" và "sai" nhờ

pháp lực của thánh Độc Cước sai khiến các lực lượng siêu nhiên để sóng lặng biển yên, giúp cho ngư dân đánh cá trong lộng ngoài khơi được thuận lợi. Các Pháp sư sử dụng một số ngôn từ bí hiểm, tức là lời khấn, lời phán truyền để giao tiếp với thánh, thần để sai bảo âm binh, để răn đe trừng phạt quỉ tà, bắt quyết, pháp sư dùng hai bàn tay để tạo ra một số cử chỉ ra lệnh, bắt đối tượng phải thực hiện y lệnh, pháp sư dùng hình thức trấn yểm. Trong tâm trí dân gian, thánh bao giờ cũng là những nhân vật có tài năng đặc biệt, có thể đi mây về gió, bất tử, có phép thuật để có thể trừ quỷ, bắt tà, chữa bệnh cho dân như: Tản Viên, Trần Quốc Tuấn, Mẫu Liễu, Khổng Minh Không, Độc Cước [...] họ thường hiển linh âm phù, cứu dân độ thế, báo mộng cho dân tìm người giỏi cầu đảo.

Càng đi sâu vào đất liền thì truyện kể về người anh hùng thần Độc Cước trị quỷ dữ ở biển Đông ngày càng mờ nhạt dần đi. Hiện tượng thờ thần Độc Cước ở sâu trong nội địa, có thể là các con thuyền buôn đã đưa thần Độc Cước vào sâu trong châu thổ khi ngài trở thành thần phù hộ cho tầng lớp thương nhân. Tín ngưỡng thờ thần Độc Cước khi vào trong đất liền ngày càng nổi trội với tín ngưỡng của Đạo giáo, nhất là đạo Phù Thủy. Lúc này, thần Độc Cước mang dáng dấp mới với bóng dáng của những Pháp sư hành đạo, trong vai trò là trị ôn dịch, diệt trừ quỷ nổi lên, tiêu diệt giặc mũi đỏ, diệt giặc ngũ hồ, trấn áp ma quỷ phương Nam, giúp dân cầu mưa, trừ hỏa tai. Nhân dân nhiều nơi thờ Độc Cước, các thầy phù thủy tôn thờ Độc Cước làm thánh tổ, chúa quỷ; các thầy pháp sư tôn là Tổ sư pháp sư, Độc Cước Chân nhân. Vì lẽ đó thần Độc Cước xứng đáng được ca tụng và thờ phụng, người dân nơi đây luôn mến mộ và đề cao hình tượng người anh hùng của mình như một biểu tượng của sự bách chiến, bách thắng

Câu chuyện thần Độc Cước tiêu diệt quỷ dữ cũng giống như truyện kể về chàng Đe trong nguồn gốc Mo Mường, theo truyền thuyết kể rằng: Đầm Đe giáp giới huyện Kỳ Sơn tỉnh Hòa Bình, gọi là Đe vì ở đó có một bầy quỷ dữ luôn luôn luôn đe dọa, phá phách cuộc sống của người dân. Chúng phá nguồn nước, mùa màng, thả thuốc độc xuống suối để dân bị dịch bệnh, nhiều người chống lại đã bị giết trong tay quỷ dữ. Chàng Đe đã ra tay tiêu diệt lũ quỷ dữ, bảo vệ nguồn nước cho nhân dân [100; tr.38]. Câu chuyện chàng Đe vừa ca ngợi tài năng phi thường của người anh hùng, nhờ có pháp thuật cao tay, chàng đã đánh được bầy quỷ dữ ở Đầm Đe,

câu chuyện cũng phản ánh một thực tế khắc nghiệt của thiên nhiên vùng lòng hồ, con người đã phải hứng chịu những thiên tai, bão lũ, thú dữ, quỷ quái, yêu ma. Người dân, trong những lúc tuyệt vọng đã sáng tạo và cầu mong sự có mặt, sự xuất hiện của vị thần đánh đuổi cái ác, chống trả lại các lực lượng của tự nhiên để giúp dân thoát khỏi kiếp nạn. Tác giả Đỗ Trọng Vĩ khi nhận xét về vị thần một chân: hình dạng thường một tay, một chân cũng là loại ma rừng, một hình thể mà chia đôi, đã chôn lại dậy thật là rất lạ. Chưa thấy có nói đến, sự việc cũng là nghìn năm có một, thật khó mà giải thích [127; tr.215].

Thần Độc Cước một vị thần mà cũng có thể gọi là người dân chài bình thường như bao người dân chài khác, thần biết sống vì đồng loại, vì xóm làng quê hương đã tự xẻ thân thành hai nửa người để vừa chống được thiên tai bão tố, sóng dữ ngoài biển khơi, vừa có thể đánh đuổi được bọn giặc quỷ đỏ trên bờ bảo vệ cuộc sống yên lành cho dân làng. Nhận định về vấn đề này GS Hà Văn Tấn cho biết: Trong các tông phái Phật giáo Việt Nam chỉ có Mật tông mới có đủ những bài kinh, bài chú để cầu mưa, cầu tạnh, chữa bệnh, trừ tà [96; tr.293]. Có thể nói, từ trong tiềm thức, con người nguyên thủy đã từng chứng kiến những trận đại hồng thủy hãi hùng, cũng có thể hứng chịu những trận hạn hán kỉ lục, rồi băng tan, quỷ dữ, thiên tai hoành hoành. Con người đã trải qua những hoạn nạn của thiên tai, nên họ cảm thấy mình không những bé nhỏ, sợ sệt trước thiên nhiên, vũ trụ bao la, mà con người còn bé nhỏ trước suy nghĩ của mình. Con người lo sợ cả trong suy nghĩ liệu mình có chiến thắng được thiên nhiên hay không, liệu mình có chiến thắng nổi mình hay không, lo sợ trong tiềm thức, lo sợ trong suy nghĩ. Con người không chiến thắng nổi mình, không chiến thắng được thiên nhiên, họ cần có vị thần để giúp sức, ủng hộ mình để con người bấu víu, nương tựa. Bởi giới hạn duy nhất chính là những thứ mà con người tạo ra trong suy nghĩ của họ; phần này luận án sẽ bàn tiếp ở chương 4, ảnh hưởng của lớp văn hóa Đạo giáo.

Tiểu kết chương 3

Việc nghiên cứu truyện thần Độc Cước dưới góc độ văn học từ những đặc trưng cấu trúc cốt truyện, tìm hiểu qua 05 motif cơ bản của truyện kể, bước đầu cho thấy sự hình thành cốt truyện, với sự ra đời kì lạ của nhân vật đến hành trạng chiến công, qua motif xẻ thân, thử tài, hiển linh, tái sinh là những chặng đường công nghiệp của thần Độc Cước.

Thần Độc Cước trong vai trò to lớn của người anh hùng văn hóa, người anh hùng chinh phục thiên nhiên, hình ảnh của một vị thần đa diện, đa tài, đa nghề, vị thần bảo trợ cho người nông dân trong lao động sản xuất và trong cuộc sống. Qua đó, cho thấy công cuộc khai thông lấn biển của ông cha ta khi xưa, vừa phải đối diện với bao khó khăn trong việc gìn giữ vùng đất mới, vừa phải đấu tranh chống kẻ thù hai chân và bốn chân, chống lại thế lực hùng mạnh của quỷ biển. Người dân phải đối mặt với trăm nghìn khó khăn phức tạp, phải gánh chịu những tai ách từ thiên nhiên, tác động từ xã hội như bệnh tật, chiến tranh xâm lược để vượt qua khó khăn, họ cần có sức mạnh của mỗi cá nhân đó.

Có thể nói, bằng trí tưởng tượng của mình, người dân đã sáng tạo nên hình tượng thần Độc Cước, một nhân vật kỳ vĩ, một vị thần khổng lồ đã dùng lưỡi búa thần tự xẻ đôi mình. Câu chuyện phản ánh sức vóc vĩ đại của dân tộc Việt, nói lên ước mơ kì diệu của ngư dân biển trong cuộc đấu tranh chống những thế lực của nước, của thiên tai, lực lượng tàn bạo xâm lược vùng ven biển, đồng thời cũng tôn vinh vị anh hùng đã xả thân vì đồng loại, chiến thắng kẻ thù xâm lược.

Thần Độc Cước không những là một nhân vật có quyền lực siêu nhiên, nhân vật đó không chỉ thể hiện những phép mầu huyền diệu trong quá trình chinh phục thiên nhiên, bảo trợ cho cuộc sống của nhân dân, khai khẩn đất đai, tạo ra lương thực, dạy dân cày cấy, thuần dưỡng vật nuôi, tìm nghề mới, hóa mưa. Một điều dễ nhận thấy trong thực tế, việc trồng lúa, quai đê, lấn biển, vươn khơi bám biển, cứu hạn, trừ hỏa tai chính là kinh nghiệm của cư dân bản địa, cư dân nông nghiệp được đúc kết trong quá trình chinh phục tự nhiên, thực hành lao động sản xuất, đảm bảo đời sống được tích hợp lại thông qua một vị thần, thần Độc Cước và chính thần cũng đem lại nguồn động viên, an ủi, cho người dân những kinh nghiệm, trải nghiệm trong cuộc sống.

Để nhận diện một cách thấu đáo qua truyện kể về nhân vật thần Độc Cước, qua những lớp văn hóa, tín ngưỡng, quan niệm về nhân vật thần Độc Cước sẽ được nghiên cứu tiếp ở chương sau.

Chương 4
CÁC DẠNG THỨC BIỂU HIỆN CỦA TÍN NGƯỠNG VÀ TÔN GIÁO TRONG TRUYỆN KỂ VỀ THẦN ĐỘC CƯỚC

Ở chương này, luận án nghiên cứu tín ngưỡng dân gian qua tín ngưỡng thờ đá, thờ mặt trăng; đồng thời tìm hiểu các lớp văn hóa tôn giáo như Đạo Phật, Đạo giáo trong truyện kể về thần Độc Cước.

4.1. Các dạng thức của tín ngưỡng dân gian trong truyện kể thần Độc Cước

Là một quốc gia nằm ở ngã ba đường nơi giao lưu của nhiều dân tộc, của nhiều luồng văn minh, thiên nhiên tương đối phong phú, đa dạng và thời xưa người Việt sống chủ yếu dựa vào việc khai thác tự nhiên. Vì thế, việc thờ cúng các vị thần tự nhiên, nhiên thần đã sớm gần gũi với họ. Hơn nữa, việc sớm giao lưu với các nền văn minh lớn, Việt Nam cũng được tiếp xúc với các tôn giáo lớn như Phật giáo, Nho giáo, Đạo giáo. Bên cạnh việc tiếp xúc đó thì các tín ngưỡng dân gian vẫn giữ vai trò quan trọng trong đời sống tâm linh của người dân. Đa số người dân cũng có nhu cầu tôn giáo, với mục đích là để phục vụ nhu cầu cần thiết, trực tiếp của họ trong cuộc sống.

Tín ngưỡng là một phương diện quan trọng của đời sống tinh thần con người, phản ánh niềm tin, mơ ước, khát vọng của con người từ xưa cho đến nay. Tín ngưỡng được hiểu là niềm tin, sự ngưỡng mộ đối với một số đối tượng siêu nhiên nào đó như thần thánh, ma quỷ, có ảnh hưởng đến đời sống sinh hoạt nhất định của con người. Nhận định về tín ngưỡng dân gian Patrick.B.Mullen cho rằng: Tín ngưỡng dân gian là một thể loại lớn bao gồm sự biểu cảm và cách ứng xử mà ta gọi là mê tín, tín ngưỡng bình dân, làm phép, các hiện tượng siêu nhiên [...] những điềm tốt hay điềm xấu, các chuyện yêu ma và những điều cấm kị [106; tr.273]. Vì vậy, tín ngưỡng dân gian là hình thức tín ngưỡng quan trọng, phổ biến trong đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân bao đời nay, nó thường xuyên được các nhà nước phong kiến coi trọng, công nhận.

Tín ngưỡng chính của người Việt là tự nhiên thần với các thần mặt trời, mặt trăng, thần mây, mưa, sấm, chớp. Trong hoạt động lao động cuộc sống của con

người, có những nảy sinh sự sợ hãi, tâm lý sùng bái và từ đó con người nhìn nhận tự nhiên như những đấng thần thánh.

Tín ngưỡng dân gian về thần Độc Cước là một sáng tạo kỳ vĩ của người dân nơi vùng biển, vùng ven sông, suối, sự tự phân thân của thần Độc Cước là hình tượng rất đẹp của người Việt cổ đại. Sống trong sự khắc nghiệt của thiên nhiên, mưa gió, bão tố, hạn hán và kẻ thù bốn chân (thú dữ) kể cả của con người đến cướp phá, xâm lấn địa bàn lãnh thổ. Nên người dân chài mơ ước có một vị thần chống được bão tố, sóng dữ lại chống được kẻ thù bọn quỷ đỏ để bảo vệ được cuộc sống yên bình cho người dân. Họ cảm thấy mình quá nhỏ bé trước những tác động không mấy thuận lợi của tự nhiên, mong muốn có vị thần che chở, bảo vệ cũng là một trong những cách làm gây thiện cảm với thần linh; trái lại, bằng sức mạnh khổng lồ của mình, thần sẽ chống lại, bảo vệ cho con người.

Như vậy, tín ngưỡng Việt Nam vốn rất phong phú, đa dạng và thể hiện ở nhiều hình thức tín ngưỡng khác nhau, trong truyện kể về thần Độc Cước có một số tín ngưỡng tiêu biểu và liên quan đến truyện kể:

4.1.1. Tín ngưỡng thờ đá

Tín ngưỡng thờ đá là một trong những tín ngưỡng nguyên thủy phổ biến trên thế giới, người nguyên thủy tin rằng đá cũng có sự sống, cũng có phần hồn phần xác như con người. Đá gắn bó với tâm trí con người từ thuở sơ khai, những giá trị của đá đối với cuộc sống con người là rất quan trọng, họ gắn niềm tin sức mạnh của đá, với những câu chuyện về các vị thần có sức mạnh. Đá được xem là một biểu tượng đa nghĩa trong văn hoá nhân loại: "Đá tuy là thứ vật chất thô sơ, nhưng lại được xem như có linh hồn, là vật mang lại sự sống. Đá có những thông điệp riêng thể hiện được mối liên hệ giữa trời và đất" [11; tr.268-270]. Trong tâm thức cộng đồng thì thờ đá là cách làm gây thiện cảm với thần linh, bằng sức mạnh thần lực rắn chắc của mình, thần sẽ đè bẹp mọi thứ gây hại bảo vệ sự yên bình cho con người và cộng đồng.

Trong quan niệm và tín ngưỡng sơ khai của người Việt cổ, do sinh sống ở miền rừng núi, phụ thuộc phần lớn vào điều kiện tự nhiên, với quan niệm "vạn vật hữu linh" nên hòn đá, gốc cây, ngọn thác đều được họ coi có quyền năng và đó cũng chính là đối tượng để phụng thờ. Khi tìm hiểu về tín ngưỡng thờ đá của người

Việt, nhất là vai trò của đá thiêng với tư cách là một vị thần linh, nhà nghiên cứu Léopold Cadiere, trong công trình *Văn hóa, tín ngưỡng và thực hành tôn giáo người Việt,* cho rằng: Điều mà người Việt tôn thờ trong viên đá linh thiêng, không phải là một vị thần từ đâu xa đến ngự ở đó mà là chính viên đá, xem như có quyền lực siêu phàm y như chính vị thần" [9; tr.114].

Trong tín ngưỡng ban đầu thờ thần Độc Cước có thể là tín ngưỡng thờ đá. Thần Độc Cước giáng xuống Sầm Sơn và lưu lại vết chân thần trên đá, đó chính là tục thờ hòn đá thiêng, trong cung cấm đền Độc Cước ở Sầm Sơn hiện nay vẫn còn thờ hòn đá thiêng có dấu bàn chân thần. Duệ hiệu ban cho thần là "Độc Cước thạch linh thần tướng". Theo Hoàng Minh Tường, tại làng Phong Ý, xã Cẩm Phong, huyện Cẩm Thủy thần Độc Cước thờ ở hang Chẹ, hương án là một tảng đá lớn, lộ thiên ngay gần cửa hang [122].

Theo thống kê của luận án, hiện tại **dấu chân lưu lại trên đá**: có 48/69 dấu chân (chiếm 70%). Những dấu chân khổng lồ còn lưu trên đá vừa chiếm tỉ trọng lớn, được tìm thấy ở nhiều nơi trên núi, trên đá. Điều này, có thể nhận thấy lớp tín ngưỡng thờ đá, tục thờ đá ở nước ta là lớp tín ngưỡng ra đời sớm nhất, rồi sau đó, có thể mới đến tục thờ dấu chân thiêng.

Trong truyện kể cũng đã nhắc đến việc thần Độc Cước sinh ra từ núi đá, truyện số 01-PL2 và truyện số 04- PL2: Không bao lâu từ trong nấm mộ người mẹ, một chú bé ra đời, vừa ra khỏi bụng mẹ, chú bé cứ quanh quẩn bên nấm mộ; truyện kể 06 -PL2: Bỗng một tiếng nổ, một chàng trai mặt mũi khôi ngô tuấn tú, thân hình vạm vỡ, thân thắt dải lụa hồng, hai tay cầm hai thanh đoản kiếm từ trong khe núi bước ra; truyện số 9, số 10- PL2: Trên đỉnh hòn Cổ Giải, Sầm Sơn có một tảng đá mang một vết lõm tựa dấu bàn chân người kích thước to lớn; truyện số 15-PL: Thái Bà nhìn về phía trước, trên mặt đất có một hòn đá giống như người cao 3 thước.

Có thể hiểu rằng, thần Độc Cước được sinh ra là do linh khí của trời đất, núi sông tụ lại, từ trong khe núi, trong hốc đá, từ trong nấm mộ người mẹ, dấu chân in trên đá. Cách xuất thân của thần Độc Cước cũng tựa như cách xuất hiện của Tôn Ngộ Không trong truyện "Tây Du kí" xuất thân từ linh khí trời đất, từ trong năm quả núi Hoa Quả Sơn. Sự ra đời kỳ lạ của con khỉ đá: Bên trong tảng đá nuôi một bào thai tiên. Một hôm nứt đôi, sinh ra một quả trứng đá tròn, to bằng quả cầu. Do gặp gió, hóa thành một con khỉ đá. Để chứng minh cho sự phong phú trong tín

ngưỡng thờ đá, đặc biệt là quy tất cả những nam thần đều có mối liên hệ nào đó với tục thờ đá, tác giả Lê Như Hoa cho rằng: Hầu hết các nam thần nổi tiếng được thờ hiện nay đều có nguồn gốc dính tới núi- đá, nói một cách dân dã thì hầu hết các vị thần đều cầm tinh đá [43; tr.37].

Có thể kể đến những vị thần khác như: Sơn Tinh được thờ phổ biến ở các làng Ba Vì, Phú Thọ; Xung Thiên Thần Vương (ông Đống) thờ ở làng Phù Đổng; Thạch Linh thần tướng được thờ ở Bắc Giang. Đinh Gia Khánh cho rằng: Thần thoại Sơn Tinh vốn là sản phẩm của việc thờ núi. Lúc đầu người ta thờ bản thân quả núi Tản Viên [...] ngự trị trên quả núi ấy [55; tr.281]. Đồng quan điểm đó, nhà nghiên cứu Ngô Đức Thịnh cũng cho rằng: Tôi ngờ rằng, ban đầu, Tản Viên thần cũng giống như bao vị thần núi (Sơn Thần) khác nằm trong hệ thống tín ngưỡng phong thủy cổ sơ của người Việt và các tộc người khác ở nước ta [102; tr.61].

Tín ngưỡng thờ thần Độc Cước cũng không nằm ngoại lệ, xuất phát từ tín ngưỡng dân gian bản địa, thờ các hiện tượng tự nhiên "vật linh", thờ tảng đá thiêng, mỏm đá nhô ra biển với phương thức thờ lộ thiên (thần điện nguyên thủy của người Việt cổ). Thờ đá, dấu chân cũng là đá, đá chính là đất, là nước, thần Độc Cước dùng đá, đất để chặn nước, xét cho cùng dấu chân cũng là đá, đá mang hình dấu chân, thờ Núi – Sơn thần.

Xét bản chất sâu xa, tín ngưỡng thần Độc Cước bắt nguồn từ quan niệm vạn vật hữu linh. Đây là một quan niệm của con người nguyên thủy trong quá trình sống phải đối mặt với muôn vàn khó khăn do các trở lực của thiên nhiên đặt ra. Vị thần đó ra đời là để giải quyết những khó khăn đối với người dân khi họ phải đối diện, họ cầu xin sự giúp sức của vị thần. Sáng tạo ra vị thần Độc Cước bảo trợ ắt hẳn đã ăn sâu vào tâm thức người dân Việt từ xa xưa, trước khi Phật giáo đặt chân tới mảnh đất này. Phần tín ngưỡng thờ đá chúng tôi sẽ bàn luận tiếp ở phần sau văn hóa Phật giáo.

4.1.2. Tín ngưỡng thờ mặt trăng

4.1.2.1. Hình tượng Mặt trăng trong nhận thức của người dân ven biển Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ

Theo *Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới:* Trăng là một biểu tượng của các nhịp điệu sinh học; là thiên thể lớn lên, nhỏ đi, rồi biến mất, có cuộc sống tuân thủ qui luật của sự tiến triển, sự sinh thành và sự chết, trăng mang một số phận thống thiết cũng như số phận con người [...] nhưng cái chết của nó không bao giờ là chết

hẳn [11; tr.936]. Xét theo nguyên lý âm dương thì mặt trăng mang tính thuần âm, mang lại điềm lành, hạnh phúc. Đạo giáo cho rằng, mặt trăng là nơi cư trú của thỏ ngọc, đang nghiền thuốc trường sinh ở gốc đa, do đó mặt trăng là nơi chứa đựng nguồn sống bất tử.

Đối với người Việt ở đồng bằng ven biển BB&BTB từ xa xưa trong tín ngưỡng dân gian thờ thần tự nhiên thì mặt trăng có một ý nghĩa rất quan trọng. Thuỷ triều và mặt trăng có mối quan hệ qua lại tác động lẫn nhau, thông thường thì hiện tượng này có thể xảy ra đồng thời; trăng mọc nước lên (từ đầu năm đến giữa năm) cũng có thể là trăng lặn nước lên (từ giữa năm đến cuối năm). Cũng có thể phụ thuộc vào những vùng miền ở mỗi khu vực khác nhau, chẳng hạn: Đối với khu vực miền Bắc, miền Trung hiện tượng thủy triều lên xuống một ngày một lần còn gọi là Nhật triều; còn ở miền Nam trong một ngày thuỷ triều lên xuống hai lần, gọi là hiện tượng Bán Nhật triều. Trong dân gian có cách tính về ngày sinh của con nước dựa vào tuần trăng, với lịch con nước này, người ta lấy hai bán chu kỳ chồng lên nhau để tính nhân đôi số ngày con nước.

Theo cách tính dân gian về con nước: Tháng giêng, tháng 7 phân minh, mùng 5, 19 Thìn sinh, Tỵ hồi. Giờ "Thìn sinh" (từ 7- 9h) sáng ngày hôm trước là giờ nước lên; còn giờ "Tỵ hồi" là lúc nước xuống từ 9 - 11h từ ngày hôm sau hoặc tháng 8 trâu ra, tháng 3 trâu về (tháng 8 trâu ra, trâu đi ăn cỏ là lúc "nước lên" từ 7 - 8h sáng, tháng 3 trâu về khoảng 5 - 6 chiều cũng là lúc nước lên). Như vậy, mỗi tháng có hai con nước, hàng ngày nước lên hay nước xuống cũng là trùng khớp với trăng tròn hay trăng khuyết trên trời.

Từ đó, người dân ven biển đã dựa vào tuần trăng để tính hiện tượng thủy triều, sự lên xuống của con nước, nhằm tìm ra một quy luật của thiên nhiên, họ có thể đoán thời tiết, tính lịch thời vụ cho nuôi trồng, đánh bắt thủy sản và sản xuất nông nghiệp. Đối với người dân đi biển sự lên xuống của thuỷ triều có liên quan tới việc đánh bắt thuỷ hải sản, chính mặt trăng đã chi phối tới thủy triều, sự sinh trưởng và quy luật hoạt động của các loài hải sản. Khu vực ven biển BB&BTB, tiêu biểu như vùng Sầm Sơn, Thanh Hóa phía trước là biển, cũng là nơi bị chi phối mạnh mẽ bởi chế độ thuỷ triều. Có thể thuỷ triều đã tác động trực tiếp đến đời sống của cư dân trong vùng. Để chủ động trong các hoạt động sản xuất và sinh hoạt, người dân ven biển buộc phải nắm được quy luật thủy triều. Cơ sở để tính lịch con nước là dựa vào tuần trăng,

ngày nước sinh với các mốc chuẩn được tính. Theo đó thì lịch con nước là một tri thức vô cùng quan trọng, người dân dựa vào đó để biết được quy luật của nước.

Ngoài việc trông trăng, đoán định thời tiết thì cũng còn ý nghĩa khác với những cư dân khi mà lo sợ do mặt trăng mang lại (nguyệt thực toàn phần, trăng quầng trời hạn, trăng tán trời mưa) và còn rất nhiều những trở ngại rất lớn mà người dân phải đối mặt và vượt qua. Người nguyên thủy không thể lí giải hết được những hiện tượng thiên nhiên, họ không hiểu cũng không hết những kì bí của thiên nhiên, ngoài việc tạo dựng, trao gửi niềm tin vào sức mạnh thần thánh nói chung và mặt trăng nói riêng để vượt qua những giai đoạn khó khăn. Bởi thế, không chỉ có ngư nghiệp xem mặt trăng và thuỷ triều là quan trọng, mà ngay cả những cư dân sống bằng nghề nông, trong quá trình lao động, sản xuất, chủ yếu là dựa vào tự nhiên, họ luôn phải đối mặt với thiên tai, vì thế họ cũng rất tỏ tường về những quy luật, hiện tượng của thời tiết, đồng thời biết được để chế định sự ngự trị của thiên nhiên.

Đối với vùng ven biển BB&BTB nơi bị chi phối mạnh mẽ bởi chế độ thuỷ triều, cuộc sống nơi biển cả, giúp ngư dân biết được rằng sự vận động của mặt trăng có liên quan đến chu trình lên xuống của thủy triều. Và bắt đầu từ sự hiểu biết ấy đã dần hình thành trong thế giới tâm linh của họ, hình ảnh vị thần biển, vị thần sẽ che chở, bảo vệ cho cuộc sống của họ.

Đơn cử như đồng bào Khmer Nam bộ hàng năm có lễ hội Ok –Om-Bok, còn gọi là lễ cúng Trăng, được tổ chức vào ngày Rằm tháng 10 hàng năm. Theo quan niệm tín ngưỡng của người Khmer, Mặt Trăng là vị thần cai quản thời tiết và mùa màng trong năm, khi bị hạn hán họ thường tổ chức lễ cầu mưa, khi có vụ mùa bội thu, bà con làm lễ tạ ơn gọi là lễ đưa nước. Đồng bào Khmer cúng tạ ơn thần mặt Trăng, trong năm đã cho mưa thuận gió hòa, giúp mùa màng bội thu và cầu cho năm tới, thời tiết được thuận lợi, no đủ…

4.1.2.2. Mối liên hệ giữa Thần Độc Cước gắn với hình tượng mặt trăng

Như chúng tôi đã trình bày ở phần trên, đối với người đi biển thì trong nhận thức cũng như tín ngưỡng mặt trăng, có một vai trò vô cùng quan trọng trong đời sống của họ; mặt trăng không những liên quan đến thủy triều, lịch con nước, khí hậu, hướng gió, hướng di chuyển, xác định luồng đánh bắt cá. Do trước kia các cư

dân đi biển không có các phương tiện hiện đại, cho nên người ta phải đúc kết các kinh nghiệm, thông qua thiên nhiên thời tiết trên môi trường biển cả và điều đó chỉ có thể nhận biết được khi người đi biển nhìn trăng, sao đoán xem thời tiết. Mặt trăng như là một biểu tượng thiêng liêng trong hoạt động của người đi biển, nó liên quan đến sự an toàn của bản thân của những cư dân đánh bắt cá trên biển. Hình tượng mặt trăng vừa được nhìn nhận theo hướng tâm linh, vừa nhìn theo các yếu tố tri thức dân gian, với những quan niệm về vũ trụ quan và thế giới quan giúp con người có thể mưu sinh, thích nghi và hòa đồng với biển cả.

Trăng tròn lại vơi, vơi lại đầy, nhưng mặt trăng thường chỉ tròn có 2,3 ngày trong tháng, những ngày còn lại là trăng khuyết. Theo triết lý phương Đông mặt trời và con người là phần dương; mặt trăng, biển, thủy triều được coi là phần âm; âm dương tuy khác nhau nhưng hài hòa trong thái cực; trong dương có âm, trong âm có dương thể hiện trời biển hòa hợp. Mặt trăng rất quan trọng đối với người đi biển, nhất là trong đêm tối mịt mùng, trong cái mênh mông, sâu thẳm của biển khơi, họ thực sự cần đến mặt trăng, đến sự xuất hiện của mặt trăng trên bầu trời. Với họ vừa để nhận đường, tìm đường trở về đất liền, xác định hướng di chuyển, vừa là xua tan đi nỗi sợ hãi vây quanh mệt nhọc. Trong nỗi cô đơn bội phần của con người khi phải đối diện với màn đêm dày đặc vây quanh giữa chốn biển khơi. Một thực tế, khi mặt trăng xuất hiện thì cũng là lúc bầu trời được bình yên, bể lặng, gió êm; khi không có sự xuất hiện của mặt trăng thì cũng đồng nghĩa với việc những bất trắc có thể xảy ra. Những bất ngờ có thể ập đến bất cứ lúc nào đối với người đi biển, như thiên tai, ma quỷ, kẻ thù vây quanh, áp lực và nỗi sợ tăng lên. Bởi vậy, mặt trăng trong tâm trí của họ như là sự bấu víu, phao cứu sinh, chỗ dựa vững chắc về tinh thần và vật chất của cư dân trên biển. Trăng với người đi biển ngoài ý nghĩa là người bạn đường thân thuộc, còn được ví như ngôi nhà trên biển ấm áp hạnh phúc, giúp cho người đi biển có chỗ nương tựa trong những lúc xa khơi, chốn an lạc trong đời sống tinh thần của họ.

Trong những lúc éo le, màn đêm dày đặc vây quanh giữa không gian bao la của biển cả với bốn bề là nước, gió, khoảng không vô tận, mịt mù giữa chốn biển khơi; khi đó người đi biển cần trăng, trông trăng như những đấng linh thiêng thì trăng không xuất hiện. Một phần cũng bởi do quy luật của tự nhiên và có sự

khuyết thiếu, vơi, đầy, tuần hoàn của mặt trăng. Những lúc như vậy, hơn bao giờ hết con người cần được nương nhờ, sự nương tựa từ trăng. Trong các niềm tin của con người thì niềm tin vào thần thánh là sự mãnh liệt và sâu sắc nhất, mỗi khi con người gặp bất trắc, có hoàn cảnh éo le thì cũng là lúc trông mong có vị thần xuất hiện, phù hộ.

Để có chỗ dựa vững chắc về mặt tinh thần cho ngư dân, khỏa lấp chỗ trống về sự thiếu hụt, ít thường xuyên xuất hiện của mặt trăng, người dân vùng biển đã sáng tạo ra vị thần linh cho họ, tạo nên vị thần của riêng họ. Có thể xem thần Độc Cước xuất hiện là mảnh ghép hoàn hảo của mặt trăng, là vị thần biển trong tâm trí của ngư dân. Vị thần linh xuất hiện đúng lúc, kịp thời trên biển cũng như trên đất liền, thần Độc Cước là linh hồn, ngọn hải đăng chỗ dựa tin cậy của người đi biển.

Trong truyện kể vùng Sầm Sơn có đến 09 lần thần Độc Cước xuất hiện ngoài biển khơi và trong đất liền với bóng chàng khổng lồ cao lồng lộng. Truyện số 01-PL2: Bọn quỷ xuất hiện từ xa hễ thấy bóng chàng trai cao to sừng sững giữa đám dân chài, là tìm đường lẩn trốn...một nửa đứng trấn ngự trên hòn Cổ Giải. Truyện 06-PL2: Nửa thân của chàng bay lướt trên mặt biển, tay vung đoản kiếm chém thủy quái, nửa thân trên cạn chân trụ vững trên đất chém bọn yêu ma. Với bút pháp lãng mạn và nhân hóa, tác giả dân gian đã tô vẽ vị thần của mình với một chiều kích của vị thần khổng lồ, mang tầm vóc vũ trụ. Thần Độc Cước là sự sáng tạo tuyệt vời của người dân vùng biển, biểu tượng về mặt tâm linh của người đi biển: Thần Độc Cước –Mặt Trăng hay chính sự nhất thể hóa của mặt trăng, thần Độc Cước chính là nhân dạng hóa của mặt trăng.

Truyện 08-PL: khi đoàn thuyền của nhà vua đến vùng biển Sầm Sơn hiện nay, thần hiện ra nói: Tôi là Độc Cước chân nhân được Ngọc Hoàng cử xuống cai quản dải biển này. Thần Độc Cước xuất hiện giữa đêm tối trên biển cả để báo mộng cho nhà vua, nó như là sự xuất hiện của mặt trăng, soi đường chỉ lối cho thuyền của vua được an toàn khi đi vào vùng biển này. Có thể xem thần Độc Cước là vị thần hộ mệnh cho người dân vùng biển, là vị thần biển cả, bảo trợ cho người đi biển. Thần Độc Cước là sự hóa thân của mặt trăng, trở thành đấng tối cao và quyền uy.

Không phải ngẫu nhiên mà dân gian sáng tạo ra sự xẻ thân của thần Độc Cước, chính sự xẻ thân làm đôi của thần, một nửa thân thần như sự bù đắp, hòa

nhập vào sự khuyết thiếu của mặt trăng để tạo nên sự tròn đầy, viên mãn. Những khi mặt trăng không xuất hiện trên biển cả, thì đó là lúc thần Độc Cước dần dần hiện ra, lớn dần lên trong tâm thức của người đi trên biển, hơn bao giờ hết họ tin vào sự có mặt của vị thần phù hộ để vỗ về, an ủi. Dù đang ở ngoài khơi xa, thì họ vẫn tin là vị thần Độc Cước đâu đó vẫn đang ở bên cạnh và cùng đồng hành với họ trên mọi nẻo đường, là bạn đường tin cậy nhất lúc này. Trong tâm tưởng của họ thì thần Độc Cước hay mặt trăng, mặt trăng hay Độc Cước đều là một, là vị thần bảo trợ, canh giữ, phù hộ giúp cho việc đánh bắt được nhiều cá tôm, ra khơi vào lộng, đi về bình an.

Đối với người đi biển mỗi khi phải đối diện với màn đêm dày đặc bao quanh, đêm tối như ngàn lần xấu xa, bởi trong đêm tối với không gian rộng lớn như bủa vây con người với bốn bề là sóng nước thét gào; con người vốn đã bé nhỏ với thiên nhiên thì giờ đây sự như bé nhỏ, cô đơn đang hiện hữu và đó là sự thực. Lúc này họ chỉ trông mong có một đốm sáng xuất hiện trên bầu trời cũng đủ làm ấm lòng người đi biển, đốm sáng là bạn đường, là định vị hướng đi. Nhưng với người ngư dân quanh năm suốt tháng trên thuyền, lênh đênh trên biển trừ những lúc biển động họ mới lên bờ, còn lại là ăn sóng, nói gió, trong khi mặt trăng thì ít xuất hiện nhất là những tháng mùa đông, trời không trăng, biển không sao, đêm tối vẫn hoàn đêm tối. Những lúc ấy con người luôn cầu mong có vị thần ở bên cạnh phù hộ và vị thần Độc Cước xuất hiện trong không gian ấy đã thay trăng để làm ngọn hải đăng định vị hướng đi. Vì thế, thần Độc Cước đã đi vào tâm trí của người đi biển, thần là ánh trăng in mãi trên bầu trời, giúp cho việc soi đường chỉ lối để con thuyền cập bến bờ, là điểm nương tựa, chỗ trú ngụ trong tinh thần của người dân vùng biển và cũng song hành, là bè bạn của người đi biển.

- *Sự ám ảnh của mặt trăng trong tâm thức của người đi biển*

Với cư dân chài vùng duyên hải ven biển khu vực Bắc Trung Bộ thì hình ảnh những chiếc bè mảng cong cong hình trăng khuyết, đơn sơ, quen thuộc gắn bó thân thiết với ngư dân, vẫn được sử dụng cho đến ngày nay. Chiếc bè mảng không chỉ là phương tiện đi biển hữu hiệu, phương tiện kiếm sống của ngư dân miền biển xưa kia, mà bản thân trên chiếc bè còn chứa đựng những tín ngưỡng đơn sơ và thuần phát. Trên mỗi một chiếc bè thể hiện nhận thức về vũ trụ của những ngư dân

Việt cổ. Khi đóng những ngư cụ thuyền, bè mảng bao giờ họ cũng có những nghi lễ và một hệ thống các loại kiêng kị đi kèm mang tính bắt buộc. Bởi làm bè mảng cũng giống như làm ngôi nhà của cư dân trên đất liền, nó vừa là không gian linh thiêng gắn bó với gia đình, cuộc sống, sự ăn nên làm ra, hạnh phúc, vui buồn của họ. Lênh đênh trên biển với những ngư cụ bè mảng đặc biệt này đã theo người ngư dân vượt qua sóng gió hiểm nguy, mang theo ước vọng lớn lao, chinh phục biển cả trong mỗi chuyến ra khơi. Chiếc bè mảng là nguồn nuôi sống những gia đình ngư dân nơi sóng nước vùng duyên hải qua bao thế hệ, đồng thời chiếc bè mảng cong cong hình trăng khuyết cũng chất chứa biết bao ước vọng, trên hết đó là niềm tin về biển cả, tin về điều tốt đẹp. Đặt trong tổng thể thủy triều, con nước, mặt trăng nhà nghiên cứu Trần Lâm Biền đã có những nhận định: thần Độc Cước là linh hồn của mặt trăng, gắn với con nước. Bộ phận gác mái chèo mang hình trăng lưỡi liềm [...] bóng dáng của thần Độc Cước chỉ thường ở ven biển và ven sông lớn, khắp đồng bằng Bắc Bộ [5; tr.14].

Trong cuộc thi tài giữa thần Độc Cước và Bà Triều: Hình ảnh thần Độc Cước tung con trâu lên trời, hướng lên trên bầu trời cũng là hướng tới mặt trăng; kết quả cuộc thi thần chỉ mới nặn xong thủ trâu. Vì thế, trong lễ hội Sầm Sơn xưa kia người ta thường cúng thủ trâu, vừa để tạ ơn thủy thần, trời đất phù hộ cho mưa thuận gió hòa, cũng là dịp để tưởng nhớ đến anh linh của vị thần Độc Cước, nhớ đến cuộc thi tài này. Hơn nữa, trên đầu trâu có hai cái sừng khum khum mà ta liên tưởng tới hình mặt trăng khuyết. Nhà nghiên cứu Từ Chi có nói đại ý rằng: sừng trâu phải cân phân đều đặn như mặt trăng lưỡi liềm, thêm vào đó là tất cả những biểu hiện về sức mạnh, như ức, hông, bụng, đôi sừng của trâu phần nào được đồng nhất với mặt trăng. Khi tìm hiểu về tục chọi trâu Đồ Sơn, Bùi Lưu Phi Khanh cho rằng: Biểu tượng sừng trâu được cư dân lúa nước xưa quan niệm là phương tiện để *truyền dẫn linh hồn con người lên gặp mặt trăng* [53]. Do đó, các nhà nghiên cứu cũng có nhận định: Sừng trâu cong hai đầu chính là ám dụ chỉ mặt trăng, hình trăng khuyết lưỡi liềm.

Cuộc sống nơi biển cả giúp cư dân có tri thức và nhận biết được rằng, sự vận động của mặt trăng có liên quan trực tiếp đến thủy triều, từ đó qua thời gian với niềm tin của mình, con người đã tôn thờ mặt trăng như một vị thần; dần hình thành trong thế giới tâm linh của họ như một biểu tượng thần mặt trăng. Từ hình ảnh Mặt

trăng ít khi tròn đầy, thường thiếu khuyết, tròn rồi méo, tỏ rồi mờ dân gian dựa vào đấy để sáng tạo ra một vị thần Độc Cước, xem là vị thần mặt trăng, thần biển. Trong văn hóa và tạo hình, những linh vật có cơ thể thiếu thốn, được ví như biểu tượng của mặt trăng, hay ít nhiều có liên quan tới mặt trăng. Thần Độc Cước là biểu tượng được nhân hóa rõ rệt nhất của mặt trăng: thân hình chỉ có một nửa bổ dọc, nửa bên là sóng, mây phủ đầy bên kia, theo bức tượng của thần Độc Cước ở Sầm Sơn.

Như vậy, con người và biển cả hòa làm một với thiên nhiên, thiên nhiên sẽ mang lại nguồn lợi vô tận cho cuộc sống ấm no, tuy vậy thiên nhiên cũng đầy trắc trở, gây nhiều khó khăn cho cuộc sống của người dân. Từ hiện thực của thiên nhiên, con người cũng nảy sinh tâm lí sợ hãi hay e ngại, ngưỡng mộ hoặc sùng bái khiến con người có sự nhìn nhận tự nhiên như những thần thánh. Trong họ luôn có một niềm tin về những vị thần bảo vệ cho họ cho mỗi chuyến ra khơi. Vì thế, những ngư dân miền biển luôn biết ơn thiên nhiên, biết ơn thần Độc Cước và Mặt Trăng, đấng quyền năng, siêu nhiên đem lại sự yên bình, may mắn cho mỗi chuyến đi biển, ra khơi vào lộng, được thuận buồm xuôi gió, bảo toàn tính mạng trở về với gia đình bình an vô sự.

4.2. Các dạng thức của tôn giáo trong truyện kể về thần Độc Cước

4.2.1. Dạng thức văn hóa Phật giáo

4.2.1.1. Phật giáo du nhập vào Bắc Bộ và Thanh Hóa

- *Phật giáo du nhập vào Bắc Bộ:* Vào những năm cuối thế kỷ thứ I trước Công nguyên, đã có cuộc tiếp xúc giữa người bản địa vùng bắc, trung, nam nước ta với các thuyền buôn theo gió mùa Tây Nam từ Ấn Độ qua Phù Nam, Chiêm Thành và Giao Chỉ. Nhiều tu sĩ đã đến tu và truyền giáo ở nước ta hình thành nên văn minh Việt - Ấn. Khoảng cuối thế kỉ II sau công nguyên, vùng Luy Lâu, Hà Bắc đã trở thành trung tâm Phật giáo quan trọng với tên tuổi các vị sư như Khâu Đà La, sư Khương Tăng Hội, sư Mâu Bác. Đến năm 580 thiền sư Tỳ Ni Đa Lưu Chi từ Ấn Độ qua Trung Quốc tới Việt Nam lập dòng thiền ở Luy Lâu, Hà Bắc, nơi đây trở thành trung tâm của Phật giáo Việt Nam.

Như vậy, Phật giáo vào nước ta từ rất sớm, xâm nhập vào đời sống tín ngưỡng dân gian ở nước ta, hòa quện trong tín ngưỡng dân gian và rất ít gặp phản ứng trở ngại. Trái lại sự tiếp biến lan tỏa giữa tín ngưỡng dân tộc và đạo Phật tạo nên sự phong phú và đa dạng trong đời sống tinh thần của người dân.

- *Phật giáo du nhập vào Thanh Hóa:* Phật giáo vào nước ta theo đường biển khoảng thế kỉ thứ II Sau Công nguyên với năm đường vào Thanh Hóa, Nghệ Tĩnh ngày nay. Vùng đất Thanh Hóa đã có sự tiếp biến văn hoá hết sức uyển chuyển linh hoạt, giữa tôn giáo ngoại lai và tín ngưỡng bản địa, sự hỗn dung văn hoá giữa văn hoá Việt và văn hoá Ấn. Thích Nguyên Phong trong bài viết *Tìm hiểu về Phật giáo Thanh Hóa* cho biết: Phật giáo Thanh Hóa thời thuộc Tùy đã có những dấu ấn trong tấm bia Đại Tùy Cửu Chân Bảo An đạo tràng chi bi văn niên hiệu Đại Nghiệp thứ 14 (618) ở xã Đông Xuân, huyện Đông Sơn, Thanh Hóa, dấu ấn Phật giáo được thể hiện ở chỗ các tín đồ phật tử đã được tổ chức thành "hội, đạo tràng" các tổ chức mà ngày nay vẫn được các chùa thực hiện [87].

4.2.1.2. Mối tương đồng giữa Phật giáo với tín ngưỡng thờ thần Độc Cước

Qua quá trình tìm hiểu chúng tôi thấy có sự tương đồng, tiếp biến giữa tín ngưỡng sơ khai bản địa với tín ngưỡng ngoại lai tiêu biểu như sau:

- *Thứ nhất*: *Tín ngưỡng thờ đá trong mối quan hệ với Phật giáo:* Từ những quan niệm thuần phác buổi ban đầu, trong tín ngưỡng thờ thần Độc Cước cũng là tín ngưỡng thờ đá, khởi đầu của tục thờ này là thờ thần tự nhiên, vật linh, rồi sau đó được gắn với thờ dấu chân thiêng, dấu chân thần. Tên hiệu của thần là Độc Cước Sơn Tiêu tối linh thể hiện trong hình tượng Tiêu Sơn Độc Cước chính là mỏm núi nhô ra biển. Đó là một trong những tín ngưỡng nguyên thuỷ không chỉ có ở người Việt, mà còn được thờ nhiều nơi trên thế giới.

Nhận định về mối liên hệ giữa tín ngưỡng thờ đá phổ biến trên thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. Nhà nghiên cứu Phan Cẩm Thượng trong bài viết: *Luy Lâu và Tứ pháp (Mây - Mưa - Sấm - Chớp)* cho rằng: Việc thờ đá thiêng liên quan đến tục thờ Linga - Yoni trong Ấn Độ giáo và chúng ta không rõ có phải do nhà sư Khâu Đà La mang đến hay không. Nhưng nhà sư này khi cầu kinh thường đứng một chân, một nghi lễ quan trọng của phép hô phong hoán vũ của các thầy pháp cao tay xưa [158]. Khi Ấn Độ giáo ra đời, theo thần thoại về Siva, thì vị thần

này xuất hiện đầu tiên là một cột lửa hình dương vật. Sau này, con người đã biểu tượng hóa (Linga và Yoni) để thờ thần Siva, coi Linga là biểu hiện đặc tính dương, Yoni là biểu hiện đặc tính âm của thần. Dạng Linga kết hợp với Yoni hay còn gọi là Linga-Yoni được coi là biểu tượng sự sáng tạo của thần Siva.

+*Thần Độc Cước được coi là một Thiền sư:* Khi Phật giáo vào nước ta đã có những ảnh hưởng, tác động qua lại trong sự giao lưu tiếp biến văn hóa; không gian ảnh hưởng của thần Độc Cước trở nên đa dạng và phong phú. Truyện số 35-PL2: Thần Độc Cước rất uy linh là một vị cao tăng đứng một chân đọc kinh, giảng kệ. Không chỉ là một Thiền Sư, thần Độc Cước còn là đệ tử của Quan âm Bồ tát, phụng mệnh Phật đi trừ tà, dẹp qủy lập công trạng

- *Thứ hai*: *Tục thờ dấu chân thiêng*

Việc thờ dấu chân nằm trong tín ngưỡng dân gian bản địa, tục thờ dấu chân thần (nhiên thần) qua thời gian đã được dân gian sáng tạo nên những huyền thoại về vị thần đã để lại dấu chân thiêng ấy. Có thể trước khi có ảnh hưởng của tôn giáo ngoại lai thâm nhập đến Việt Nam thì tín ngưỡng dân gian đã tin thờ vào sự mầu nhiệm, tính linh thiêng của những dấu chân khổng lồ đã in trên đất đá với mong muốn được thần phù hộ, giúp đỡ.

Tuy nhiên, trong quá trình tiếp xúc với văn hoá bên ngoài, tục thờ ấy lại vừa tiếp nhận thêm những cái mới từ yếu tố ngoại sinh: Thờ vết chân thiêng, rồi đến thờ dấu chân Phật. Đây là một tín ngưỡng mới được hình thành trên cơ sở từ sự tiếp xúc, giao thoa văn hoá giữa yếu tố bản địa, với yếu tố ngoại lai Ấn Độ, tạo nên sự phong phú và đa dạng trong văn hoá tín ngưỡng người Việt.

+ *Thờ dấu chân Phật:* Trong bài nghiên cứu *Đền Độc Cước dấu chân Thần biểu tượng Phật,* nhà nghiên cứu Nguyễn Duy Hinh cho biết: Tục thờ dấu chân có từ rất xa xưa ở Ấn Độ và vào khoảng thế kỉ thứ 2 trước công nguyên đến thế kỉ thứ 7 sau công nguyên, đó là dấu chân Phật. Tục thờ dấu chân ở Bắc, Trung, Nam Ấn Độ và cả ở Sri Lanka. *Dấu chân là biểu tượng Mârga tức Đạo, tức con đường mà Phật đã đi* và các tín đồ phải đi theo để Bì Án tức cõi Đạo giáo. Tục thờ dấu chân biểu tượng Phật đó đã đến nước ta theo đường biển cho nên các dấu chân đa số đều ở gần biển [37; tr.79].

Theo truyền thuyết thì sau khi đạt chính quả, bước chân của Phật có in dấu rõ nét trên đá. Các dấu chân tượng trưng cho sự hiện hữu của Đức Phật trên địa cầu. Dấu chân Phật thường được biểu thị bằng bàn chân với các ngón dài bằng nhau, nơi lòng bàn chân có hình bánh xe pháp luân, có biểu tượng hoa sen, chữ vạn và tam tạng tức tam quy y (Phật, pháp, tăng) ở gót chân và trên đầu các ngón (xem ảnh phần PL).

+ *Dấu chân thần (Phật) xuất hiện tại Sầm Sơn, Thanh Hóa:* Trong cuốn "Danh thắng" có ghi: *"Đền Độc Cước rất uy linh thờ một vị cao tăng đứng một chân đọc kinh giảng kệ.* Một đêm hoá bay lên trời anh linh hiển hiện nhiều nơi phụng thờ, đền nào cũng có vết chân ngài hiện, mà đền Sầm Sơn lại chính là đền có vết chân ngài hiển hiện ra lần thứ nhất vậy" [69; tr.26].

+ *Phép tu đứng một chân:* Tương truyền: *Có người bà la môn tên Khâu-Đà-La (Ksudra), chuyên tu khổ hạnh, hành lối thiền độc cước (đứng một chân), đã đạt được nhiều phép thần thông biến hóa* [140]. "Pháp tu đứng một chân" là của Kỳ Na giáo (một tôn giáo của Ấn Độ), theo triết lí suy tưởng Kỳ Na giáo tìm cách thành tựu công cuộc cứu độ ấy bằng *việc chinh phục các giới hạn trần tục* và Jina - từ ngữ xuất phát của Kỳ Na giáo, có nghĩa là người chinh phục, hiểu theo khía cạnh tâm linh là người chiến thắng, thế nên Kỳ Na giáo còn được hiểu là "*tôn giáo của những người chiến thắng"*. Phương pháp tu tập của phái Kỳ Na giáo là tu tập khổ hạnh, lý do mà họ đưa ra quan điểm này, vì chỉ có tu tập khổ hạnh mới có thể làm tiêu mòn những nghiệp ác trong quá khứ, là điều kiện duy nhất để đạt được giải thoát giác ngộ. Theo Tạp A Hàm Kinh, quyển 35 ghi: *Pháp tu đứng thẳng một chân, thân xoay theo mặt trời, cứ thực hành các loại khổ hành như vậy một cách cần cù nhẫn nại* [...] đó cũng là trong số 22 điều khổ hạnh mà tu sĩ phải thực hành [162]. Vậy thông điệp của pháp tu này và giáo lí của Kì Na giáo có nghĩa là *Chinh phục được khát vọng, chinh phục những ràng buộc hay người chinh phục tất cả kẻ thù nội tại và bất tịnh của tinh thần*.

Với giáo lí của Kì Na giáo cũng như việc Thần tăng thường đứng tu một chân tại núi Sầm Sơn để diễn giáo thông kinh, sau này người ta gọi là Độc Cước, thần đứng một chân với mục đích là để chinh phục những khát vọng to lớn, chinh phục tất cả, vượt qua thách thức của thời gian, vượt lên chính mình, chiến thắng bản thân,

bất chấp sự đau đớn của thể xác nhằm đạt được sự an nhiên tự tại trong lòng. Từ hình ảnh vị thần tăng đứng tu một chân trên núi Sầm Sơn, như một biểu tượng về ý chí, tinh thần kiên cường, nghị lực kiên trì, chiến thắng tất cả, thì trong nhận thức và tưởng tượng của người dân ven biển nơi đây cũng đã sáng tạo ra một hình tượng kì vĩ về một vị thần một chân, thần Độc Cước tiêu biểu cho những khát vọng chinh phục tự nhiên của cư dân vùng ven biển. Vị thần một chân ấy biểu tượng cho chiến thắng chống lại kẻ thù, thiên tai, quỷ dữ, và hơn hết là cứu dân độ thế.

Khi Người Việt từ miền núi cao xuống miền đồng bằng, ven biển lập nghiệp, họ phải đối diện với những trở lực từ thiên nhiên và cho dù thiên tai biển to sóng lớn, cũng không làm người dân nơi đây nản chí. Câu chuyện về thần Độc Cước xẻ thân cùng với nhân dân chống quỷ biển Đông, phải chăng đã gợi lên hình ảnh cần cù, nhẫn nại của một cộng đồng cư dân, xa hơn là của một dân tộc Việt. Cộng đồng, dân tộc đó tuy là nhỏ bé nhưng không nản lòng trước những trở lực lớn lao của thiên nhiên, sự khắc nghiệt của biển cả. Dù cho quỷ biển có nhiều lần tấn công, đến cướp phá, gieo rắc cái chết cho người dân, ở trong đất liền và ngoài biển khơi. Sau những lần cướp phá của lũ quỷ dữ có thể là làng mạc, nhà cửa đều tan tành nhưng những người dân nơi đây vẫn quyết không bao giờ rời biển, rời bỏ làng mạc, mảnh đất mà mình đã sinh sống định cư. Đó chính là sự thủy chung với đất đai, với biển đảo và cũng là lời tuyên chiến của một cộng đồng dân cư, của cha ông ta xưa kia dám đối đầu với thiên tai, với kẻ thù để tồn tại và phát triển.

Lịch sử nhân loại đã có một dân tộc Việt, hiên ngang đứng trên bờ biển Đông bao la, một dân tộc dù trải qua bao nhiêu thiên tai, bao nhiêu địch họa vẫn bám giữ đất đai, bám biển, vẫn tiếp tục dựng lại ước mơ trên vùng đất sinh sống, tụ cư. Hình tượng thần Độc Cước xuất hiện đã kêu gọi, hiệu triệu dân làng từ mọi miền quê, quay trở về để xây dựng làng mới, những ngôi nhà ven biển lại mọc lên, ngôi làng đó vẫn từ từ xây dựng lại. Thần Độc Cước nguyện ở lại cùng dân chài là để bảo vệ sự bình an và giữ yên bờ cõi, là hành động chung thủy trước sau không bao giờ thay đổi, như một sự cam kết của một cộng đồng dân tộc không khuất phục, từ nan trước thiên tai địch họa.

Cũng có ý kiến cho rằng: Về pháp tu đứng một chân của Khâu Đà La, ta có thể xem đây chưa hẳn phải là một pháp tu đặc biệt của Phật giáo. Cho nên ta không

thể cả quyết pháp tu đứng một chân của Khâu Đà La là của Kỳ-Na-giáo, không phải là Phật giáo hoặc là Kỳ Na giáo truyền qua Việt Nam trước Phật giáo. Trương Sĩ Hùng trong bài viết *Phật giáo Việt Nam trong một số sách Hán Nôm* cho rằng: Một trong "tám vạn bốn ngàn" pháp môn của Phật giáo còn mang dấu ấn của Kỳ na giáo là quyết pháp tu đứng một chân, được hiện diện ở Khâu Đà La [...] về sau thần Độc Cước còn lại ở khá nhiều chùa thờ Phật từ miền trung trở ra Bắc Việt Nam [146].

Trong quá trình tiếp biến và giao thoa văn hóa với Phật giáo, ngoài tín ngưỡng thờ dấu chân thần Độc Cước còn có những dấu chân của Từ Đạo Hạnh, của Dương Phu Nhân, dấu chân nhà sư Không Lộ, *dấu chân Khâu Đà La với phép tu đứng một chân, dấu chân thần Độc Cước*. Như vậy, sức ảnh hưởng của Phật giáo đã lan tỏa và kết hợp với tín ngưỡng dân gian, tạo nên sự phong phú trong văn hóa Việt, thông qua hình tượng thờ dấu chân thiêng, thờ dấu chân Phật, dấu chân đó đã lưu lại cho đến ngày nay.

Như vậy, người Việt cố tìm thấy điểm tựa tâm linh ở Phật giáo. Ngược lại, Phật giáo vốn là tôn giáo ngoại nhập muốn truyền bá giáo lý rộng rãi ở xứ lạ, cũng phải tìm cách phù hợp với văn hóa bản địa, hoặc là tự nguyện Việt hóa. Cuộc tiếp xúc giữa văn hóa Ấn Độ và Việt Nam thông qua Phật giáo, được diễn ra trên sự tự nguyện và có sự tương tác từ hai phía.

- *Thứ ba: Hình tượng con trâu trong mối quan hệ với Phật giáo*

Trong truyện kể về thần Độc Cước có hai lần nhắc đến con trâu (thần Độc Cước thuần hóa trâu rừng thành trâu nhà và thần Độc Cước thi tài cùng Bà Triều qua việc xé trâu thành trăm mảnh tung lên trời và nặn trâu sống lại như cũ; trong lễ hội ở Sầm Sơn xưa kia thường dâng cúng lên đền Độc Cước bằng thủ trâu nhằm vừa để tưởng nhớ công lao của thần vừa để nhắc lại câu chuyện thi tài năm xưa).

+ *Con trâu trong lời dạy cuối của Đức Phật:* Ngay trong đêm nhập Niết Bàn tại rừng cây Sa La (Salavana) ở thành Câu Thi Na (Kushinagar), Đức Phật, trong lời dặn dò cuối cùng đối với chư vị Tỳ Kheo: *"Các Thầy Tỳ kheo, đã hay giữ tịnh giới; còn cần phải biết cách tự chế, không cho năm căn dông dỡ đuổi theo năm dục vọng. Cũng như người chăn trâu, cầm roi trông chừng, là cốt giữ trâu khỏi ăn lúa mạ nhà người ta*." [160].

Đem hành động cầm roi, trông chừng trâu để nó khỏi ăn mạ, so sánh để minh họa cho hành động tự chế không để năm căn chạy theo năm dục vọng *mà người tu hành không tự chế trong mỗi ý tưởng, lời nói và hành động thì năm dục sẽ có cơ hội thao tác.*Trong tâm mỗi người đều có một phần như con trâu. Con trâu thuần hậu hay hung hăng là tùy mỗi người. Để cho con trâu tâm thuần nó sẽ không ngừng gây phiền não và khổ đau cho mình và người. Biết cách chăn, điều phục và chuyển hóa thì nó sẽ được thuần hậu, bớt hung hăng.

Vậy qua thông điệp của trâu nhà Phật và con trâu trong truyện kể về thần Độc Cước chúng tôi thấy có mối liên hệ như sau:

Hình ảnh người chăn trâu trong truyện cổ Phật giáo đó là người chăn trâu phải luôn cầm roi và quan trọng không được lơi là kẻo trâu ăn mạ. Như một thông điệp muốn nhắc nhở với người dân vùng ven biển Sầm Sơn một điều rằng: Biển Đông rộng lớn, mênh mông, người dân chài có thể đi lại và đánh bắt nguồn lợi thủy hải sản trên biển thoải mái, nhưng cũng có một nhiệm vụ khác không kém phần quan trọng, đó là người dân không bao giờ được lơi là, mất cảnh giác trước những trở lực mới trên biển (thiên tai, địch họa có thể xảy đến bất cứ lúc nào), trước những kẻ thù hiểm nguy luôn rình rập, xâm lăng, xâm chiếm lãnh thổ, ngư trường biển. Người dân luôn chủ động trong cách ứng phó, đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau, chủ động, phòng thủ, cảnh giác cao độ như thần Độc Cước phải tự nguyện xẻ thân mình để ra khơi bảo vệ ngư trường, vùng biển thiêng liêng. Chủ động phòng bị, canh giữ ngư trường biển như người chăn trâu luôn chủ động, không mất cảnh giác kẻo trâu ăn mạ. Bài học ngàn đời của dân tộc ta về câu chuyện chiếc nỏ thần của An Dương Vương là một bài học xương máu cho các thế hệ mai sau về sự chủ động bảo vệ lãnh thổ toàn vẹn.

+ Trong truyện cổ khác con Trâu nhẫn nhục - Truyện tiền kiếp Đức Phật

Có một con Khỉ tuy nhỏ bé nhưng lại rất tinh ranh, nó biết được con Trâu có tâm hiền như Bồ Tát, con khỉ bèn nghĩ cách để trêu chọc và bắt nạt, hành hạ trâu đủ điều. Một người thấy thế hỏi vị Bồ Tát mang thân trâu vì sao con trâu to xác như vậy mà để con khỉ hành hạ trong suốt thời gian dài, Bồ Tát nói: *"Ta biết, con khỉ này là một đứa nhẹ dạ và thích ăn hiếp người khác*, nhưng thực ra đấy lại chính là

lý do mà ta chịu đựng nó. *Sự tấn công ngược đãi của kẻ yếu thế hơn mình là cơ hội tốt nhất để khai triển đạo hạnh* [139].

Như vậy, người có bản lĩnh có thể phải chịu đựng những lần tấn công của kẻ yếu hơn mình và cũng xem là cơ hội tốt nhất để triển khai đạo hạnh, để thực hành nhẫn nhịn. Cho dù bản thân có đầy đủ quyền năng để đáp trả, tấn công lại, cũng không cần bận tâm đến những chuyện vặt vãnh, những thị phi của người đời mà kiên trì tu tập. Có như vậy người tu hành mới xây dựng thêm công đức, thay vì làm cho công đức mất đi bằng những cách trả thù.

Từ câu chuyện con trâu bị hành hạ bởi con khỉ bé nhỏ kia, ta cũng hình dung về dân tộc Việt, thông qua hình tượng thần Độc Cước xẻ thân mình cứu dân lành là thông điệp cho tất cả người dân sống vùng ven sông ven suối, ven biển: ban đầu tuy cuộc sống có khốn khó, thiên tai, bệnh dịch, kẻ thù có hoành hoành. Người dân nơi đầu sóng ngọn gió cũng cứ kiên trì, bền gan vững chí bám đất bám biển, tin rằng mọi thứ rồi sẽ qua, sự sống nảy sinh từ cái chết, điều quan trọng là có sức mạnh để vượt qua, nơi nào có ý chí nơi ấy có con đường.

Con trâu chịu đựng con khỉ hành hạ, xem đấy là cơ hội để thực hành nhẫn nhục. Người tu hành đứng một chân trong khi thiền, để giảng đạo lí, thể hiện ý chí và nghị lực siêu phàm cũng như công phu tu tập của thiền sư Ấn Độ, để đạt được hạnh phúc. Đối với con trâu và người tu hành bị hành hạ về thể xác mà cứ thản nhiên như không, con trâu dường như quên luôn sự có mặt của con khỉ trên thân mình, người tu hành cũng quên luôn sự đau nhức của tấm thân, cái mỏi mệt, sưng tấy của pháp tu đứng một chân, quên đi sự đau để giảng kinh phật, trì tụng giới luật và cũng là làm gương răn mình, giáo hóa dân chúng.

Xây dựng nên hình tượng thần Độc Cước chính là biểu tượng cho một dân tộc kiên cường, bất khuất: Thiên tai sóng to gió lớn, nắng hạn, quỷ biển dù có phũ phàng như thế nào đi nữa, nhà cửa, làng mạc xây lên rồi bị cuốn đi ra biển, người đi biển dẫu gửi thân lại nơi đại dương bao la thì dân tộc ấy, họ vẫn tiếp tục bám đất, bám làng, vẫn nhẫn nại ở lại xây dựng quê hương. Điều đó, nói lên sự cần cù nhẫn nại, lòng trung thành với lí tưởng của nhân dân, khổ cực cũng không nản lòng, cũng cứ thản nhiên như không, như con trâu không hề xem con khỉ đang tồn tại trên lưng mình. Một dân tộc đã làm cuộc trường chinh từ miền núi tiến xuống vùng đồng

bằng, rồi tiến ra biển để chinh phục vùng đất, vùng biển mới thì với họ khó khăn, gian khổ tin vào tương lai tốt đẹp, kiên trì và nhẫn nại, không chịu lùi một phân, vật chất tuy đau khổ, không nao núng tinh thần. Đó chính là bản lĩnh ngoan cường của dân tộc Việt Nam.

Biển Đông khắc nghiệt thật đấy, nhưng biển cũng đem lại nhiều nguồn lợi lớn không chỉ là thủy hải sản, mà còn là nguồn lợi lớn về kinh tế, về giao thương trên biển, ngư trường khai thác rộng lớn với nhiều tài nguyên biển quý giá. Biển còn là không gian sống, môi trường lao động, sản xuất, nơi đó là tình người, tình biển, tình bạn chài trên những con thuyền, xóm làng tụ cư, được gói ghém lại trong dòng chảy văn hóa dân tộc.

+ *Câu chuyện về voi dữ được Đức Phật cảm hóa thời tiền kiếp*: Đề Bà Đạt Đa là người anh em họ đối địch của Đức Phật, hắn đã tìm cách sát hại bằng cách tìm con voi hung dữ nhất trong trại nuôi voi [...] Voi hung hăng đã phóng tới trước mặt Đức Phật, nhưng Ngài vẫn điềm nhiên đem tất cả lòng Từ bi vô lượng để đối lại với sự hung dữ của con voi. Voi như bị một sức thôi miên huyền bí, từ từ hạ vòi và quỳ ngay trước mặt Ngài. Đức Phật dịu dàng thoa vào đầu quy y cho voi để chứng tỏ nó đã biết ăn năn và xin phục thiện [161].

Nếu Đức Phật bằng lòng từ bi đã cảm hóa được voi hung dữ, khiến voi phục thiện, đã quỳ xuống trước mặt Đức Phật để người quy y, thì thần Độc Cước lại là thuần hóa trâu rừng, khi đứng trước khung cảnh đất đai rộng lớn, người dân không có các phương tiện và công cụ hỗ trợ cho công việc nghề nông. Thần Độc Cước đã lên rừng tìm bắt trâu rừng về nhà thuần hóa, thuần dưỡng, chăm sóc, dạy bảo để hướng trâu ngoan ngoãn trong việc cày bừa, giúp dân tăng năng suất, sản lượng và giảm sức người, mở rộng sản xuất, khai hoang phục hóa, giúp dân có cuộc sống ấm no.

Câu chuyện thần Độc Cước thuần hóa trâu rừng thành trâu nhà, nặn trâu chết thành trâu sống, đó là khát vọng làm chủ cuộc sống, khát vọng cho những giấc mơ chinh phục vùng đất mới của con người thời bấy giờ, cũng là thể hiện sự kiên trì, bền chí trong môi trường mới, trên vùng biển, vùng đất khai phá.

Việc thần Độc Cước thuần phục trâu rừng thành trâu nhà, còn một ý nghĩa khác, phải chăng đó là thuần phục những đối trọng, thế lực mới (thủy, hỏa đạo tặc,

thiên tai, thú dữ...), cũng có thể là xung đột giữa bộ tộc này với bộ tộc khác, người vùng cao với người vùng thấp. Điều đó, đòi hỏi sự tài năng, linh hoạt của thần Độc Cước cũng chính là những người dân nơi đây, trong công việc kiến thiết quê hương, nhằm xây dựng cuộc sống mới, trên mảnh đất duyên hải ven biển đầy nắng gió, khắc nghiệt.

- Thứ tư: Hình tượng xẻ thân (phân thân) trong mối quan hệ với Phật giáo

Như ở phần chương II, chúng tôi đã lần lượt phân tích motif xẻ thân. Phần này chúng tôi chỉ tập trung phân tích sự tương đồng và khác biệt trong truyện kể có liên quan đến Phật giáo.

Qua nghiên cứu truyện kể thì thần Độc Cước có 02 cách xẻ thân:

+ Thần Độc Cước tự xẻ thân mình làm đôi: có 9/35 truyện chiếm 26% truyện kể nhắc đến việc thần Độc Cước đã tự xẻ thân mình ra làm hai nửa.

+ Thần Độc Cước bị sét đánh xẻ thân làm đôi: có 11/35 truyện chiếm 32% truyện có liên quan đến việc thần Độc Cước bị sét đánh, xẻ thân làm đôi.

Câu chuyện thần Độc Cước xẻ thân khi đứng trước một hoàn cảnh vô cùng ngặt nghèo là cư dân vùng ven biển Sầm Sơn đang bị các thế lực tàn bạo (quỷ biển..) tấn công trực diện, người dân bị tàn sát đe dọa đến tính mạng.

+ Sự phân thân – phân tâm = Độc Cước: Dưới góc độ của Phật giáo thì trong việc tu tập thiền định, "Thiền", mục đích cao nhất của *thiền là giữ cho tâm của chúng ta được yên tịnh*, theo đạo Phật, tâm của chúng ta vận hành giống như một con khỉ, không lúc nào yên nghỉ và luôn chạy nhảy; cho nên nó được gọi là "vọng tâm". Thông qua thiền, chúng ta có thể giữ cho cái tâm được yên, được bình thản, an tâm và một điều quan trọng nhất trong việc thiền là phải giữ cho tâm luôn luôn ở trong tình trạng được kiểm soát, thì nó mới có thể trở về trạng thái trầm lắng và yên tịnh. Nói như vậy, có nghĩa là muốn thiền được tịnh, phải để *điều hòa tâm, phương pháp đầu tiên và hiệu quả nhất chính là ý thức về hơi thở*. Chỉ đếm hơi thở, luôn kiểm soát hơi thở, thiền sư khi thiền phải giữ được thân và tâm, nó tuy hai là một, thân tâm như hình với bóng, khi thiền không chấp ngã, lòng thản nhiên như không, có như vậy thì tâm mới an nhiên cảm nhận hạnh phúc trong từng hơi thở...

Người đi biển cũng vậy, muốn có được vùng biển đảo, ngư trường, không gian biển được thanh bình thì hơn bao giờ hết cũng luôn chủ động phòng thủ, chuẩn

bị tài lực, vật lực, nhân lực, công cụ, phương tiện một cách tốt nhất, để không bị động trước những tình huống bất ngờ xảy ra (thiên tai, kẻ thù), luôn chuẩn bị ứng phó, đối phó kịp thời, an toàn. Việc giữ cho không gian biển được yên bình, hay nói đúng hơn là người đi biển không phải sợ điều gì bất trắc, gìn giữ nó như gìn giữ con ngươi của mắt mình, như giữ tâm được an trong thân, như tu hành giữ giới luật, như "người chăn trâu luôn phải cầm roi trâu, trông chừng, để mắt kẻo trâu ăn mạ". Có như vậy, thì sự an nhiên, nụ cười, hạnh phúc mới được trọn vẹn.

Trong truyện cổ Phật giáo có câu chuyện về *Vua Đầu La Kiện Ninh hóa cá cứu chúa,* tại đất nước của Ngài cai trị bỗng nhiên có một đại họa về hạn hán và kéo dài mười hai năm, nhà Vua đã cùng quần thần tìm cách đối phó nhưng vì hạn kéo dài, nhà Vua đã khấn và nguyện cho thân mạng này hóa thành cá lớn, dùng thịt ở thân tôi để cứu dân qua cơn đói khát. Khi vua chết đi hóa thành cá lớn, chủ động bơi đến nói rằng: *Các ngươi ăn thịt của ta rồi, trở về phải cố gắng làm điều thiện lành, sau này sẽ được lợi lạc.* Người dân đã kéo đến cắt thịt cá đem về ăn, lạ lùng cắt hết thịt thì bên kia lại sinh ra thịt mới cho người cắt ăn. Nhân dân nhờ ăn cá mà qua được mười hai năm thiên tai, hạn hán [148]. Câu chuyện này ngoài việc vị vua nguyện hi sinh tính mạng của mình, xẻ thân mình để lấy thịt cá cứu dân trải quả hoạn nạn, còn có motif: hóa thân, tái sinh, thử thách, xẻ thân, cái chết...

- *Thứ năm: Về thần thông, biến hóa trong đạo Phật*

Trong Kinh điển Phật giáo thường nói đến sáu loại thần thông (lục thông): gồm: Thần túc thông, Thiên nhãn thông, Thiên nhĩ thông, Tha tâm thông, Túc mạng thông và Lậu tận thông. Do có thần thông nên có thể thực hiện các phép biến hóa, hóa thân khắp nơi, đi đứng, ngồi trên hư không, an tâm chúng sinh khiến tiêu trừ bệnh tật, tai họa. Theo truyện số 35 –PL2: Thờ Độc Cước rất uy linh thờ một vị cao tăng đứng một chân đọc kinh giảng kệ. Một đêm hoá bay lên trời anh linh hiển hiện nhiều nơi phụng thờ, đền nào cũng có vết chân ngài hiện. Tại ngôi đền thần Độc Cước ở Sầm Sơn đã có sự hiện diện của vị cao tăng giảng kinh kệ và rồi thăng thiên, nay đã để lại dấu chân.

Trong Phật giáo có truyện Đạt Ma qua sông bằng cây lau: Đạt Ma băng qua dòng Trường Giang lên phương Bắc giảng Phật pháp, *ông đứng trên cây lau vượt*

qua sông Trường Giang. Khi băng qua sông, Đạt Ma đến kinh đô Lạc Dương của Bắc Ngụy, sau đó lên Thiếu Lâm Tự trên núi Tung Sơn và sống suốt chín năm trong hang đá tu luyện khổ cực.

+ Câu chuyện liên quan đến Phật giáo: Qua hình tượng Thánh Không Lộ hay Dương Không Lộ

Nếu ở ngoài đời thực họ là hai người ở hai thời điểm khác nhau, nhưng trong dân gian sự trộn lẫn giữa Thánh Khổng Minh Không và Dương Không Lộ một cách khó tin, hai thiền sư ngoài đời là hai người khác nhau, thậm chí còn cách nhau đến mấy thế kỉ. Nhưng dân gian không biết vì vô tình hay cố ý mà để cho sự nhầm lẫn hai người mà như một, khó có sự phân biệt rạnh ròi giữa hai vị thiền sư này. Cả hai đều có công lao giúp vua chữa bệnh, có pháp thuật, hàng long phục hổ, trị thủy...Công lao của hai người là như nhau, hai người đều là thiền sư. Tại vùng đất duyên hải Bắc Bộ người dân tin rằng, với sự trợ giúp tích cực, hiệu quả của thánh Không Lộ đã tạo ra môi trường sống ổn định như: trồng lúa, đánh bắt cá, được chữa bệnh lúc ốm đau. Bên cạnh đó, những truyền thuyết về Thánh Không Lộ gắn với công lao xây chùa và truyền giảng đạo Phật ở khắp vùng duyên hải Bắc Bộ góp phần phản ánh sự phát triển của Phật giáo ở vùng đất này.

Phải chăng xét về loại hình giữa Thánh Không Lộ và Thiền sư Dương không lộ, cũng chính là một dạng Độc Cước, thần xẻ thân làm hai, nhưng hai đấy mà cũng như một, một vị thần Độc Cước nhưng thoắt ẩn, thoắt hiện, khi thì ở ngoài biển khơi, khi thì có mặt trong đất liền, khiến lũ quỷ nghi hoặc không biết hai vị thần Độc Cước hay một vị thần vậy. Sự "có mặt" đúng lúc của thần khi lũ quỷ xuất hiện như sự "có mặt" của thân và tâm cùng một thời điểm, cùng một nhịp thở vậy.

Qua những tư liệu phân tích trên, sự hiện diện của Phật giáo với tín ngưỡng dân gian nhiều khi có sự hòa đồng đến mức khăng khít. Có thể là sự ảnh hưởng, hiện diện của Phật giáo làm cho những tín ngưỡng dân gian xưa kia vốn đã linh thiêng, thì giờ đây sự linh thiêng đó nhiều lên gấp bội.

Câu chuyện cổ tích Việt Nam liên quan tới Phật giáo: truyện *Cây Nêu ngày tết*, kể về việc lũ quỷ chiếm toàn bộ đất nước, còn người chỉ làm thuê, và nộp phần lớn lúa thu hoạch cho quỷ. Con người cầu khấn Đức Phật, ngài đã dạy

cho con người cách đối phó với lũ quỷ, bày cách lập khế ước trị quỷ và đuổi quỷ ra xa ngoài tận biển đông. Cây "Nêu" trở thành biểu tượng của sự đấu tranh giữa cái thiện và ác, giữa thiên thần và quỷ dữ, được dựng lên với ý nghĩa trừ ma quỷ, cây Nêu được coi là cây vũ trụ nối liền đất với trời. Cây nêu còn hàm chứa ý nghĩa sâu xa hơn đó là ý thức về lãnh thổ, khẳng định chủ quyền của người Việt Nam. Nếu bóng cây Nêu được Phật hóa phép cao lớn đến trời, bóng cây gắn áo cà sa bao trùm đến đâu thì đánh dấu lãnh thổ, biên giới chủ quyền của người Việt tiến xa đến đấy.

Thần Độc Cước cũng vậy, bước chân của thần đi đến đâu, nơi đó đã được khẳng định chủ quyền, lãnh thổ của người Việt, thần đuổi lũ quỷ ra tận ngoài khơi xa, không muốn cho chúng quay trở lại cướp phá vùng biển tiền tiêu, thần đã xẻ thân nguyện ở lại khơi xa để canh giữ vùng đất thiêng liêng của tổ quốc.

Phải chăng, hình tượng thần Độc Cước đuổi quỷ biển ra tận ngoài khơi, nguyện làm thần canh giữ biển đảo, còn nhắn nhủ với lũ quỷ là thần đang có mặt ở đây, ở chốn này, ở vùng biển khơi đang đứng gác, canh giữ đất trời. Phảng phất như hình tượng Đức Phật đã dùng phép đuổi quỷ ra tận khơi xa, cây Nêu dựng ngày tết là vừa khẳng định lãnh thổ của người, vừa tuyên bố với lũ quỷ là sự có mặt của Đức Phật thường trực ở đây, lũ quỷ sẽ không dám tràn vào đất liền kể cả vùng ven biển khi chưa được sự đồng ý của Đức Phật.

Như vậy, câu chuyện thần Độc Cước và truyện kể Phật giáo có nhiều nét tương đồng đến khăng khít, câu chuyện thần Độc Cước bổ sung cho câu chuyện của Phật giáo và ngược lại thì truyện kể Phật giáo đã bổ sung, lan tỏa vào từng chi tiết trong truyện kể thần Độc Cước. Khi nghiên cứu về những nét tương đồng và ảnh hưởng của truyện kể thần Độc Cước với Phật giáo, chúng tôi nhận thấy một điều là sự có mặt của Phật giáo có trước khi Độc Cước xuất hiện, hay là Độc Cước có trước khi Phật giáo đến, hay cả hai cùng xảy ra đồng thời, hay tín ngưỡng dân gian về thờ đá, thờ dấu chân thiêng có trước khi Phật giáo có sự ảnh hưởng sâu sắc trong đời sống của nhân dân. Nếu kết hợp lại, tạo nên một không gian linh thiêng, không gian huyền thoại, nhuốm màu Phật giáo trong truyện kể về thần Độc Cước, hình tượng dấu chân thần biểu tượng Phật. Xét về quan điểm này, Triệu Thế Việt có lí cho rằng: Người Việt cố tìm thấy điểm tựa tâm linh ở Phật giáo. Ngược lại,

Phật giáo vốn là tôn giáo ngoại nhập muốn truyền bá giáo lý rộng rãi ở xứ lạ nên phải tìm cách phù hợp với văn hóa bản địa là tự nguyện Việt hóa. Cuộc tiếp xúc giữa văn hóa Ấn Độ và Đại Việt thông qua Phật giáo diễn ra tự nguyện từ hai phía [129; tr.40].

Như vậy, sự tương đồng giữa Phật giáo và tín ngưỡng thờ thần Độc Cước mà chúng tôi đã liệt kê, luận giải với mục đích tìm ra mối liên hệ và sự tương đồng giữa tín ngưỡng dân gian và Phật giáo. Từ một tảng đá thiêng có hình một vết chân khổng lồ hiện còn lưu giữ tại ngôi đền chính, qua việc bóc tác mã văn hóa để thấy được sự hòa hợp và ảnh hưởng giữa tín ngưỡng dân gian và Phật giáo có sự hòa trộn, tự nguyện.

4.2.2. Dạng thức văn hóa Đạo giáo

Cùng với Phật giáo và Nho giáo, Đạo giáo du nhập vào nước ta từ khá sớm vào khoảng cuối thế kỷ thứ II Sau Công nguyên. Đạo giáo được truyền vào Việt Nam đã có lúc trở thành một tôn giáo độc lập như triều đại Lý, Trần, đến thời Lê, Đạo giáo nhanh chóng kết hợp với Phật giáo, đa số Đạo Quán biến thành Phật tự hoặc bị mai một. Người Việt lúc bấy giờ ảnh hưởng của Đạo giáo phù thuỷ, vừa chịu ảnh hưởng của Đạo giáo thần tiên. Với tính chất ma thuật vốn có nguồn gốc từ những tín ngưỡng saman giáo và ma thuật ở Trung Quốc, trong đó Đạo giáo phù thủy có rất nhiều điểm tương đồng với tín ngưỡng người Việt nên đã ăn sâu vào đời sống tinh thần người Việt một cách dễ dàng.

Việc thờ thần trong Đạo giáo, bên cạnh việc thờ Ngọc Hoàng Thượng đế, Thái Thượng Lão quân, thần Trấn Vũ (Huyền Vũ), Quan thánh đế (Quan Công), thần điện của Đạo giáo phù thủy Việt Nam cũng thờ nhiều vị thần thánh khác do Việt Nam xây dựng. Liễu Hạnh có nhiều pháp thần thông luôn phù hộ cho dân được dân tôn là bà Chúa Liễu. Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn có tài trừ tà ma cứu nạn cho dân nên được tôn là Đức Thánh Trần. Ngoài ra, các Pháp sư còn thờ các thần: Tam Bành, Ông Năm Dinh, Độc Cước, Huyền Đàn, Quan Lớn Tuần Tranh.Trong tín ngưỡng truyền thống người Việt là khi có một tôn giáo khác du nhập vào nước ta, nó đều bị hòa trộn với tín ngưỡng dân gian truyền thống. Đồng thời, chính Đạo giáo còn hòa trộn với một số tôn giáo khác như Phật giáo, Nho giáo tạo nên bản sắc riêng của văn hoá Việt Nam.

Bàn về mối quan hệ giữa Phật giáo và Đạo giáo trong tín ngưỡng Việt Nam nhiều khi có mối quan hệ khăng khít, gắn bó được thờ trong cùng một ngôi đền đến mức cùng một ban thờ. Nhà nghiên Trần Văn Giàu cho rằng Đạo giáo và Phật giáo chung sống hòa bình lắm, ít có chùa hoàn toàn chỉ có tượng Phật; ít có quán hoàn toàn chỉ có tượng thánh. Lắm khi, dưới một mái nhà, vừa có bàn thờ Phật vừa có bàn thờ Đạo giáo, hai thần điện gần nhau, khi khác thì Phật và Thánh ngồi lẫn lộn một cách khá là huynh đệ. Đến mức có nơi tại chính điện trình bày tượng Phật ở giữa Lão và Khổng ở hai bên [26; tr.464]. Sở dĩ có Phật Đạo, Nho trong một ban thờ là do quan niệm của người Việt "tam giáo đồng nguyên", mặt khác người ta không quan tâm nhiều đến giáo lí, triết lí của các tôn giáo khác, mà quan tâm tới một số quan điểm thuộc về đạo đức, tập quán, phù hợp với nhân sinh thiết thực của dân tộc.

Đạo giáo xuất hiện trên đất Thanh Hóa từ rất sớm, vào thế kỉ XVII vua Lê Thần Tông đã ủng hộ Trần Toàn lập ra Nội Đạo tràng ở huyện Hoằng Hóa. Hiện nay vẫn có nhiều địa danh gắn với Đạo giáo đó là các "Quán" như Quán Lào, Quán Triều Thiên, Yên Định; Quán Giắt, Triệu Sơn, Quán Nam huyện Quảng Xương... Hiện tượng phân thân của thần Độc Cước là có cơ sở từ Đạo giáo nhất là đạo thần tiên khát vọng mong muốn được trường sinh, thần Độc Cước xẻ thân làm đôi nhưng vẫn bình thường, khỏe mạnh. Khi mà Đạo giáo đã thịnh hành và ăn sâu vào tín ngưỡng bản địa, trong truyện kể về thần Độc Cước ta thấy có các vị thần như Thiên Lôi, Chu Tử, các thiên binh, thiên tướng nhà trời là các vị thần của Đạo giáo được Ngọc Hoàng sai xuống xẻ thân thần Độc Cước. Truyện số 22-PL2: trước khi đi dẹp loạn quỷ, Ngọc Hoàng cho xẻ ngài ra làm đôi chỉ cho xuống trần một nửa, còn một nửa ở lại thượng giới. Những ảnh hưởng của Đạo giáo được thể hiện rõ nét trong tư tưởng cũng như trong hành động của con người, chẳng hạn như khát vọng xung thiên (bay lên trời), phân thân (biến hóa), đi mây về gió, thể hiện những ước mơ lớn của con người, muốn làm được nhiều điều lớn lao, bí ẩn và phi thường.

Thần Độc Cước có công dẹp quỷ biển Đông, khi vào đất liền Thần lại tiêu diệt nạn quỷ tặc hoành hành, trong khi các thiên binh thiên tướng nhà trời không hàng phục được ma quỷ, duy có Độc Cước là trừ được, từ khi ngài xuống trần

gian, nạn quỷ quái mới chấm dứt; thần Độc Cước còn thể hiện chiến công diệt Ma Nhung, Ma Khấu, Ma lửa (truyền thuyết làng Vân Trai, Cẩm Vân, Cẩm Thủy); khi người dân Hưng Yên gặp hạn hán nặng nề thì thần Độc Cước còn hóa mưa giải hạn.

Thần Độc Cước và Huyền Thiên Trấn Vũ trong sự tương đồng: Ở nghè Hạ làng Nhân Cao, Thiệu Hóa, Thanh Hóa có tượng thần Độc Cước cưỡi trên một con rắn lớn, tay cầm búa bắt nó phải khuất phục. Hình ảnh này chúng ta liên tưởng tới hình ảnh của Huyền Thiên Trấn Vũ với tài khiển rắn rùa. Huyền Thiên được biết đến là đạo sĩ, có phép trừ yêu diệt quỷ, ngài có tài trong việc trấn yêu ma, quỷ quái ở kinh thành, canh giữ toàn bộ phương Bắc (Đền Quán Thánh). Còn pho tượng đặt ở Ngọc Trì, Gia Lâm ven Sông Hồng có chức năng trị thủy, diệt thủy quái ở những khu vực thường bị nước lụt hoành hành. Thần Độc Cước được các thầy phù thủy tôn là pháp sư, chúa quỷ, chưởng âm binh, thống lĩnh pháp môn có thể trị quỷ, tà ma, thuần phục và bắt chúng hiện hình trong lòng bàn tay. Truyện số 15- PL2: Lúc đó nhà nước lại có 8 quỷ tặc nổi loạn ở đạo Đông Hải, binh lính đều có hình quỷ đông hơn đến 30 vạn [...] thống lĩnh pháp môn, thần dùng chiếc búa sắt nghìn cân và một roi sắt dài 100 thước và dẹp yên được lũ quỷ nổi loạn. Theo thần tích ở Đình Nội Đông thì nơi mà thần Độc Cước diệt quỷ là ở trại Bông Thắng, phường Phú Thứ, làng Yên Sơn, huyện Phong Phú (Yên Phong). Đây là khu vực gần núi Thất Diệu tại Yên Phong. Ở núi Sái khi thần Kim Quy dẫn An Dương Vương đi dẹp yêu quỷ, lúc về ngang qua thấy có một hốc đá lớn trên núi Sái, thần Kim Quy nói rằng đó là dấu chân của Huyền Thiên Trấn Vũ và sau lập đền thờ Huyền Thiên, dấu chân này tương tự như dấu chân của Độc Cước.

- *Ảnh hưởng của Đạo giáo trong truyện kể dân gian:*

Truyền thuyết dân gian Mã lai- Inđônêxia kể về Ông vua BaLi Beđanh không chỉ đơn thuần là một đấng Quân Vương, mà còn là một người có phép lạ. Ông Vua thích giải khuây không theo cách thông thường. Có lần ông ta bảo một trong số các cận thần chặt đầu mình rồi đưa cho vua, Vua cầm cái đầu trên tay rồi lại đặt vào cổ như cũ, cái đầu liền lại y như không có ai chặt vào cổ ấy [83; tr.364]. Trong truyền thuyết thần sóng Poryaka của người Chăm: Thần là một cậu bé

thông minh được đi theo học đạo ở thánh địa MecCa, học được vài năm vì nhớ quê hương thần đã xin thầy về quê. Khi thuyền lênh đênh trên mặt biển và sắp cập bến quê nhà đã bị cá Chúa đớp xẻ người ra làm hai nửa. Hồn nhập vào cá voi và nhờ có phép thuật chàng đã ghép thân làm một để sống lại, đồng thời chàng cũng mất hết phép thuật [56; tr.28-34].

Motif hôn nhân người lấy yêu tinh, motif này cũng được phổ biến trong truyện dân gian. Trong hai truyện kể số 13-PL2 và số 18-PL2 có motif chung là người chồng lấy phải yêu tinh và tình cờ người chồng được Đạo sĩ chỉ cho biết chàng đang lấy phải yêu tinh đội lốt người, để tránh hậu họa về sau, đạo sĩ đã cho bùa ngải để người chồng tự vệ, phòng bị cho bản thân và gia đình. Khi yêu tinh biết được mình bị lộ, không còn sự yêu thương của người chồng nữa, yêu tinh đã xé đôi đứa con chung của vợ chồng thành hai nửa. Hai truyện kể tuy có liên quan đến người mẹ là yêu tinh nhưng một truyện đề cập đến thần Độc Cước là Chúa quỷ, liên quan đến đạo giáo đặc biệt là đạo Phù thủy, còn một truyện thì nghiêng về vai trò của Phật giáo, thần Độc Cước là đệ tử của Quan Thế Âm Bồ Tát. Quan hệ của con người với quỷ có lẽ cũng do xuất phát từ quan niệm con người có thể giao cảm được với tự nhiên, với chim muông, cầm thú, với thần linh, ma quỷ.

Tín ngưỡng ma quỷ có nguồn gốc từ quan niệm vạn vật hữu linh. Motif hôn nhân trong nhóm cốt truyện người lấy quỷ hoặc lấy thú vật, quái vật: Theo truyện cổ của người Chăm, có câu chuyện người lấy quỷ (Sự tích trái Bí Đao). Đó là chuyện một chàng trai gặp cô giái giữa đường, sau đó thầy pháp sư đã phát hiện ra nàng chính là quỷ nhưng là quỷ hiền, kiếp sau có thể trở thành người. Cô gái trở về không thể nào vào được nhà vì nhà đã được thầy pháp sư yểm bùa trừ tà. Mối tình của cô vĩnh viễn bị chia lìa. Từ xa xưa tín ngưỡng ma thuật đã ăn sâu vào nếp nghĩ của người dân, xuất phát từ niềm tin về những bùa chú có thể trừ được tà ma, mỗi khi con người cầu cạnh thần linh, nó được các pháp sư sử dụng như một bí truyền để làm tăng sức mạnh, trợ lực sau mỗi lần hành lễ hoặc trấn yểm, trừ tà. Vì thế, có lẽ người Việt Nam từ miền núi đến miền xuôi luôn có sẵn tâm thức sùng bái ma thuật. Họ tin rằng những lá bùa, những câu thần chú có thể chữa bệnh, trị tà ma, có

thể làm tăng sức mạnh: gươm chém không đứt, các thầy tu trên núi biết phép tàng hình, có thể biến cỏ thành người, luyện đậu thành binh sĩ [125; tr.1183].

Trong quan niệm của nhân dân dùng "bùa chú" có thể giúp con người tránh va chạm với những linh hồn ác độc, những điều xấu xa, bất lợi. Trong dân gian có hai loại bùa ngải. Loại thứ nhất là loại ngăn cản quỷ đến quấy phá (bùa phù hộ), chẳng hạn như trường hợp này thì cô gái vốn là "quỷ hiền", cô đã bị gia đình và thầy pháp sư dán bùa không cho vào nhà. Loại thứ hai là loại có tác dụng chữa bệnh. Trong lời dẫn viết cuốn sách khảo cứu về Đạo Nội, Nguyễn Đăng Thục cho biết các thầy phù thủy ở Việt Nam thường dùng vỏ và thân cây núc nác "tức là cây Hoàng Bá, một vị thuốc Bắc", cây gỗ Đào, gỗ Dương Liễu để làm ấn. Trong khi người Việt chịu ảnh hưởng của Đạo giáo phù thủy vì nó phù hợp với tín ngưỡng dân gian và nó đã bổ sung những tín ngưỡng dân gian không có. Còn tin theo Đạo giáo thần tiên vì người họ vốn có tinh thần lãng mạn, muốn cuộc đời trường sinh, sống dài lâu tốt đẹp.

Theo truyện số 12, 15 –PL2: Thần Độc Cước là con một pháp sư nổi tiếng ở Từ Sơn (Bắc Ninh), ba tuổi đã đánh trống động tới trời, trời sai thiên tướng xuống lừa lúc nó ngủ chém xẻ đôi người. Sau đó đem chôn, tương truyền 100 ngày sau đứa bé sống lại, chỉ còn đầu mình với một tay một chân nên được gọi là Độc Cước có tương truyền thần bắt tà ma rất linh ứng, nhiều khi thần Độc Cước được hội vào với Đạo Phù Thủy để trở thành bộ ba, trong đó có vị thần tối thượng Độc Cước.

Như vậy, Đạo giáo đã có những ảnh hưởng nhất định trong hình tượng nhân vật thần Độc Cước, thần được mệnh danh là "chư vị thánh" người có thể trừ được ôn dịch, trừ tà, xứng danh là một pháp sư tài ba trong việc hàng yêu quái. Bởi vậy, thần Độc Cước càng đi sâu vào nội địa thì vai trò nổi trội nhất của thánh Độc là trừ yêu tà, quỷ quái, làm phép tạo mưa, diệt ma lửa, diệt ma nước Phạm Nhan. Thần Độc Cước được đưa vào thần điện Phật giáo được coi là đệ tử của Phật Quan Âm, là một vị thần trong thần điện. Đây xem như một hình thức tôn giáo được pha trộn giữa tín ngưỡng dân gian với Phật giáo và Đạo giáo. Có thể nhận thấy, Đạo giáo đã ăn sâu bám rễ trong dân gian và chiếm địa vị thống trị trong xã hội, nhất là Đạo giáo phù thủy thích dùng ma thuật để trừ ma quỷ và hòa nhập với tín ngưỡng dân gian, gắn chặt với việc trừ tà.

Tiểu kết chương 4

Tín ngưỡng và quan niệm về nhân vật thần Độc Cước cho ta thấy được những yếu tố mang đậm tính dân gian bản địa, còn lưu giữ được những nét nguyên sơ. Trong khi tiếp nhận những yếu tố du nhập từ bên ngoài, văn hoá tín ngưỡng dân gian bản địa không bị mất đi mà còn được bồi đắp thêm một sức sống mới, được hội tụ đầy đủ trong hình tượng thần Độc Cước.

Xuất phát từ một hiện tượng tự nhiên, từ tục thờ đá, thờ dấu chân trên đá, qua thời gian lưu chuyển, hiện tượng này được dân gian bằng trí tưởng tượng của mình, đã sáng tạo và khái quát nâng lên thành vị thần, người có tài hô phong hoán vũ, diệt quỷ, trừ tà phù trợ cho cả vùng.

Xét về nguồn gốc sâu xa, hình tượng thần Độc Cước bắt nguồn từ tín ngưỡng tôn thờ nhiên thần của con người. Tín ngưỡng thờ mặt trăng có từ thời nguyên thuỷ, khi con người gán cho tự nhiên những sức mạnh linh thiêng và sùng bái, tôn thờ nó. Đây là tín ngưỡng không chỉ có ở Việt Nam mà còn phổ biến trên phạm vi toàn thế giới.

Thông qua việc tiếp xúc tôn giáo giữa Phật giáo và Đạo giáo mà ta hình dung được sự ảnh hưởng, tác động, tiếp biến, qua lại và tự nguyện, nhằm làm phong phú, đa dạng nhiều tầng bậc trong tín ngưỡng thờ thần Độc Cước, sự phong phú và ẩn chứa các câu chuyện về tôn giáo có lồng ghép và ảnh hưởng trong từng nội dung truyện kể dân gian về thần Độc Cước.

Sức ảnh hưởng của tôn giáo đã thể hiện rất rõ trong truyện kể dân gian về thần Độc Cước, nhiều câu chuyện về thần Độc Cước rất đậm nét tính chất tôn giáo đó là Phật giáo, Đạo giáo, đặc biệt là Đạo Phù Thủy (thần Độc Cước vừa là đệ tử của Quan Thế Âm Bồ Tát, vừa là vị thiền sư đứng một chân với ý chí kiên cường, chinh phục tất cả; thần Độc Cước còn là Đại phù thủy, pháp sư có tài bắt quỷ, hàng phục yêu ma...). Sự lan tỏa và ảnh hưởng tác động qua lại giữa tín ngưỡng thờ thần Độc Cước và các tôn giáo khác thật sâu sắc, có sức sống lan truyền và lưu giữ đến ngày nay.

KẾT LUẬN

1. Sự phong phú về mặt thể loại trong truyện kể dân gian về thần Độc Cước, dưới góc nhìn đặc trưng thể loại bước đầu cho thấy truyện kể về Độc Cước gồm những truyện kết thành một chuỗi truyện kể nhất quán, hệ thống, kết dính văn hóa của nhiều thời đại khác nhau. Thông qua truyện kể dân gian về thần Độc Cước giúp ta thấy được những giá trị độc đáo, những đặc sắc nghệ thuật trong việc xây dựng hình tượng nhân vật, nội dung cốt truyện, các motif trong truyện kể dân gian về thần Độc Cước.

Có thể xem truyện kể thần Độc Cước ban đầu là câu chuyện thần thoại về vị thần khổng lồ diệt quỷ biển, đạp đất vá trời như bao vị thần khổng lồ khác trong thần thoại ở vùng biển Sầm Sơn. Nhưng do sức ảnh hưởng của vị thần Độc Cước đối với nhân dân ngày càng sâu đậm, câu chuyện về vị thần này đã dấn sang địa hạt của thể loại mới, truyền thuyết về người anh hùng đánh gặc, giúp dân xây dựng kinh tế mới ở vùng ven biển, trở thành vị thần biển, vị thần canh giữ biển khơi, vị thần trừ quỷ diệt tà. Sau này truyện còn mang bóng dáng của truyện cổ tích như cuộc thi tài của thần Độc Cước trong việc muốn cầu hôn với người con gái miền biển, thực chất là cuộc thi tài của những người nông dân về tài năng trong sản xuất nông, ngư nghiệp. Theo thời gian truyện kể về thần Độc Cước được tô vẽ, thêm thắt chi tiết để cho câu chuyện ngày một động sinh.

2. Ảnh hưởng của thần Độc Cước trong không gian văn hóa từ khu vực biển đến đồng bằng, trung du và miền núi, xuất hiện cả trong văn hóa Then Tày. Điều đó cho thấy thần Độc Cước có một vị trí xứng đáng trong đời sống tín ngưỡng dân gian ở miền xuôi cũng như miền ngược. Hiện tượng thờ thần Độc Cước có ở nhiều nơi, nhiều giai đoạn lịch sử. Sự ảnh hưởng của thần Độc Cước trong đời sống sinh hoạt tín ngưỡng của cư dân rất phong phú, đa dạng với nhiều sắc thái khác nhau, trải dài trên một địa bàn rộng lớn, hội tụ đủ vùng miền (miền núi, trung du, đồng bằng, ven biển); có ở người Kinh và đồng bào các dân tộc thiểu số.

Xuất phát từ một vết chân lạ còn lưu trên đá, bằng trí tưởng tượng phong phú, qua nhiều năm, nhân dân đã thêu dệt nên những câu chuyện về thần Độc Cước

còn in đậm trong lòng nhân dân, nhất là người dân B&BTB. Tục thờ vết chân trên đá có ở nhiều nơi trên khắp nước ta và không phải vết chân nào cũng để lại những dấu ấn, những câu chuyện li kỳ như truyện kể dân gian về thần Độc Cước. Bằng trí tưởng tượng của mình, người dân đã sáng tạo nên một nhân vật kì vĩ, một vị anh hùng có công lớn trong việc trị thủy, được người dân yêu mến và thờ phụng. Thần Độc Cước được nhân hóa lên thành một vị thần khổng lồ, trừ quỷ, diệt tà, bảo vệ nhân dân trước những trở lực từ thiên nhiên.

3. Có thể khẳng định thần Độc Cước là một biểu tượng mang tính đa nghĩa trong văn học, văn hóa Việt Nam với nhiều vai trò khác nhau, nhiều sự hóa thân và nhiều ý nghĩa khác nhau gắn với đời sống tâm linh của người Việt, gắn với ý chí, niềm tin và quá trình thích ứng với tự nhiên của người Việt. Xuất phát từ nhiên thần, vị thần khổng lồ trong thần thoại đã để lại dấu chân trên đá thần một chân. Thần Độc Cước còn thể hiện trong vai trò của nhân vật anh hùng đánh quỷ biển chinh phục thiên nhiên, vị anh hùng đã xả thân vì đồng loại; là vị thánh có thể hàng yêu diệt tà, quỷ trong đất liền, ngoài khơi xa; cũng là tướng được vua phong tước, cầm quân đi đánh giặc cứu nước, chống kẻ thù xâm lược, cũng có khi thần Độc Cước hóa thân thành chàng trai vùng biển với khát vọng làm chủ cuộc sống mới, hạnh phúc.

4. Gắn kết thần Độc Cước trong truyện kể dân gian với thực tế điều kiện tự nhiên, đời sống văn hóa, phong tục tập quán, những sự giao lưu tiếp biến văn hóa của các khu vực nơi truyện kể này lưu truyền. Khái quát hóa bức tranh của cư dân nông nghiệp trong quá trình vươn ra và thích ứng với biển khơi, trong công cuộc chinh phục vùng đất mới, khát vọng làm chủ biển cả.

Thông qua tín ngưỡng, lễ hội dân gian về thần Độc Cước cho thấy những nét tín ngưỡng mang đậm những yếu tố dân gian bản địa hòa trộn với yếu tố giao thoa văn hóa, các dấu ấn về tôn giáo có trong tín ngưỡng về Độc Cước. Qua đó, phản ánh một quá trình lâu dài, trong vấn đề nhận thức, quan niệm của người dân nơi đây. Hình tượng Độc Cước được hiểu như một biểu tượng, đã tồn tại trong tâm trí của người dân, được dân gian cũng như triều đình phong kiến chấp nhận, tin

tưởng suy tôn là vị thần phù trợ cho cuộc sống của cư dân ven biển Xứ Thanh nói riêng và cư dân vùng Bắc bộ và Bắc Trung bộ nói chung. Trong tâm thức của người dân Xứ Thanh "Độc Cước là Cha, Phủ Na là Mẹ" hoặc "Mẹ Phủ Na, Cha Độc Cước", người dân nơi đây hàng bao đời nay luôn có sự tôn vinh, coi thần Độc Cước là người "Cha" thân thương. Trong quá trình lưu chuyển vị thần biển này đã tồn tại trong đời sống dân gian hết sức phong phú, vừa là nhiên thần cũng vừa là nhân thần, ở địa hạt nào thần cũng lập nên những chiến công vang dội, giúp cho người dân ổn định cuộc sống.

5. Thần Độc Cước nhìn từ hai góc độ: Khi thần là một nhiên thần, người có sức mạnh của một vị thần khổng lồ, có thể hàng yêu, diệt quỷ, hô mưa gọi gió. Khi nhân vật là một nhân thần, thì thần cũng được cha truyền cho phép thuật có tài biến hóa, có thể diệt yêu quái, trị ma quỷ. Dù ở góc độ nào, thần đều thể hiện tài năng, sức khỏe phi thường, lập được những chiến công, cứu nhân độ thế. Nhìn một cách khái quát, có thể thấy người dân đã sáng tạo ra hình tượng thần Độc Cước trên cơ sở tích hợp công trạng của thần từ nhiều góc độ khác nhau, thể hiện được ước nguyện của họ trong quá trình chinh phục tự nhiên, giải quyết những vấn đề xã hội, ổn định cuộc sống.

6. Thần Độc Cước tự xẻ đôi thân mình đã thể hiện một năng lực tư duy về biển, đồng thời là minh chứng về những giấc mơ huyền nhiệm của người xưa về khả năng chinh phục tự nhiên cùng khát vọng làm chủ biển khơi của người Việt. Thông qua hình tượng nhân vật thần Độc Cước có thể khẳng định vị thế và chỗ đứng của con người thời bấy giờ từ vùng núi tiến xuống đồng bằng và từ đồng bằng tiến ra biển. Hình tượng thần Độc Cước không chỉ dừng lại ở việc giữ vững xóm làng, nguyện bảo vệ cuộc sống bình yên, mà hơn hết là sáng tạo ra những công cụ, ngư cụ, chỉ đường, chỉ lối, kiến tạo, tái thiết cuộc sống mới cho người dân, hướng đến sự phát triển thịnh vượng.

7. Có thể nói người dân ven biển nước ta đã xây cho mình một tượng đài về vị thần huyền thoại - thần Độc Cước, một biểu tượng cho sức mạnh chiến đấu chống kẻ thù, quỷ biển bên ngoài tràn vào (cũng không ngoại trừ là kẻ thù hai

chân); một biểu tượng cho tinh thần bất khuất không chỉ của người dân vùng biển, mà là của dân tộc Việt, không ngại gian khó, không từ nan, dù cuộc sống, kẻ thù, thiên tai có phũ phàng đi chăng nữa vẫn hiên ngang tại chốn này, vẫn bám trụ lập nghiệp sinh sống; thần Độc Cước một biểu tượng của thần linh, biểu tượng ấy muốn công khai với muôn dân đất Việt rằng, từ xa xưa thần linh đã chọn vùng ven biển, vùng biển khơi làm thế đứng, chỗ trú chân, chốn nương thân cho toàn thể người dân đất Việt, chỉ cho người dân con đường lập nghiệp, mở rộng lãnh thổ, địa bàn cư trú, vượt trùng dương, ra tận khơi xa quyết giữ biển đảo, bảo vệ biên giới lãnh hải quốc gia, khẳng định chủ quyền lãnh thổ quốc gia, ngay tại đây, tại chốn này (vùng biển khơi, vùng hải đảo, lãnh hải tiền tiêu của tổ quốc); thần Độc Cước một biểu tượng cho ý chí, giữ vững niềm tin sự thức tỉnh, sự sáng suốt, tầm nhìn vượt thời đại của cha ông ta xưa kia, biển dữ dội và gian khó thật đấy nhưng biển cũng sẽ mang lại nguồn lợi vô giá cho cư dân, cứ kiên trì bám đất, bám biển cuộc sống sẽ thịnh vượng, các thế hệ cứ chung tay khai thác, vươn khơi, chung tay gìn giữ bảo vệ lãnh thổ, lãnh hải quốc gia thì nền độc lập được giữ vững, cuộc sống bình yên, tốt đẹp sẽ là hiện thực mãi mãi.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Lường Thế Anh (2009), "*Thần Độc Cước – Một vị thần cần có vị trí xứng đáng trong chương trình tự chọn văn học dân gian địa phương ở trường phổ thông của tỉnh Thanh Hóa*", Tạp chí Giáo dục, Số 224, tr.32 -34.
2. Lường Thế Anh (2017), "*Hình ảnh vị thần bảo trợ cư dân biển qua truyền thuyết thần Độc Cước"*, Tạp chí Diễn đàn Văn nghệ Việt Nam, Số 263, Tr.13-17.
3. Lường Thế Anh (2017), "*Sự hình thành motif phân/xẻ thân trong truyện kể dân gian về thần Độc Cước*", Tạp chí Diễn đàn Văn nghệ Việt Nam, Số 269, Tr.13-18.
4. Lường Thế Anh (2017), "*Sự hình thành và lưu truyền truyện kể dân gian về thần Độc Cước*", Tạp chí Văn hóa dân gian, Số 4, Tr.70-76.
5. Lường Thế Anh (2018), *"Dấu ấn của Đạo giáo trong truyện kể dân gian về thần Độc Cước*", Tạp chí Diễn đàn Văn nghệ Việt Nam, Số 276, Tr.12-16.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

I. Tài liệu tiếng việt

1. Trần Thị An (2008), "Nghiên cứu văn học dân gian từ góc độ type và motif - Những khả thủ và bất cập", Tạp chí *Nghiên cứu Văn học,* số (3) tr 86.
2. Trần Thị An (2014), *Đặc trưng thể loại và việc văn bản hóa truyền thuyết dân gian Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. Trần Thị An (2016), "Bản sắc xứ Thanh – nhìn từ cội nguồn văn hóa truyền thống", Tạp chí *Khoa học xã hội Việt Nam*, số 4 (101), tr 84 -93.
4. Đặng Thị Lan Anh (2016), *Nhân vật anh hùng văn hóa trong truyện kể dân gian về thời kỳ Văn Lang - Âu Lạc*, Luận án tiến sĩ Ngữ Văn, trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
5. Trần Lâm Biền (2006), *Tìm hiểu dấu chân khổng lồ và tục thờ dấu chân ở Thanh Hóa*, Thông báo Văn hóa dân gian, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
6. Nguyễn Huy Bỉnh (2011), *Truyện kể dân gian trong không gian văn hóa xứ Bắc*, Luận án tiến sĩ Văn học, Học viện Khoa học xã hội.
7. H.Le.Breton (1920), *Những đình chùa và những nơi lịch sử trong tỉnh Thanh Hóa*, (Xuân Lênh dịch) bản đánh máy, tư liệu Thư viện Thanh Hóa.
8. Nguyễn Đình Bưu, Nguyễn Xuân Cần, Linh Chi (1982), *Địa chí Hà Bắc*, Thư viện tỉnh Hà Bắc xuất bản.
9. Léopold Cadiere (2010) *Văn hóa, tín ngưỡng và thực hành tôn giáo người Việt*, Tập II (Đỗ Trinh Huệ dịch), Nxb Thuận Hóa, Huế.
10. Nguyễn Thị Phương Châm (2009), *Biến đổi văn hóa ở các làng quê hiện nay (trường hợp làng Đồng Ky, Trang Liệt và Đình Bảng thuộc huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh),* Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
11. Jean Chevalier – Alain Gheebrant (1997), *Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới*, Nxb Đà Nẵng, Trường viết văn Nguyễn Du.
12. Nguyễn Mạnh Cường (1995), *Chùa Dâu và hệ thống chùa Tứ pháp*, Luận án PTS Khoa học lịch sử, Viện Khảo cổ học.
13. Nguyễn Mạnh Cường, Nguyễn Hồng Hà (2007), *Nho giáo – đạo giáo trên đất kinh kỳ Thăng Long Đông Đô – Hà Nội*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
14. Cao Xuân Dục (2003) *Đại Nam Dư địa chí ước biên*, Nxb Văn học.

15. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn (2006), *Một số vấn đề lý thuyết và phương pháp nghiên cứu nhân học*, Nxb Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
16. Phạn Văn Đấu (1995), *Văn hóa Hoa Lộc và vị trí của nó trong thời đại đồng thau Bắc Việt Nam,* Luận án PTS Khoa học Lịch sử, Viện Khảo cổ học.
17. Nguyễn Tấn Đắc (2001), *Truyện kể dân gian đọc bằng type và motif*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
18. Cao Huy Đỉnh (1969), *Người anh hùng làng Dóng*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
19. Cao Huy Đỉnh (1971), Hình tượng người khổng lồ và tập thể anh hùng dựng nước và giữ nước trong truyện cổ dân gian Việt Nam, in trong "Truyền thống anh hùng dân tộc trong loại hình tự sự dân gian Việt Nam", Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
20. Tạ Đức (1999*), Nguồn gốc và sự phát triển của Kiến trúc biểu tượng và ngôn ngữ Đông Sơn*, Hội Dân tộc học Việt Nam, xuất bản.
21. Tạ Đức (2013), *Nguồn gốc người Việt, người Mường*, Nxb Tri thức, Hà Nội.
22. La Mai Thi Gia (2015), *Motif trong nghiên cứu truyện kể dân gian lý thuyết và ứng dụng*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
23. Ninh Viết Giao (2012), *Văn hóa dân gian Xứ Nghệ, Tập 2, Truyện kể dân gian Xứ Nghệ,* Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
24. Ninh Viết Giao (Chủ biên) (1995), *Địa chí văn hóa Hoằng Hóa,* Huyện uỷ và UBND huyện Hoằng Hoá, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
25. Ninh Viết Giao (2015), *Tục thờ thần và thần tích Nghệ An*, Nxb Khoa học xã hội.
26. Trần Văn Giàu (1973), *Sự phát triển của tư tưởng ở Việt Nam từ thế kỉ XIX đến cách mạng tháng Tám*, Tập 1, Nxb Khoa học xã hội.
27. Nguyễn Bích Hà (1998), *Thạch Sanh và kiểu truyện dũng sĩ trong truyện cổ Việt Nam và Đông Nam Á*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
28. Nguyễn Bích Hà (2006), "Mã và mã văn hoá", Tạp chí *Văn hoá dân gian*, số 1, tr. 21-27.
29. Nguyễn Bích Hà (2014), *Nghiên cứu văn học dân gian từ mã văn hóa dân gian,* Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội.
30. Nguyễn Thị Song Hà (2011), *Nghi lễ trong chu kì đời người của người mường ở Hòa Bình*, Luận án Tiến sĩ Văn hóa học, Học viện Khoa học xã hội.
31. Đinh Hồng Hải (2014), *Nghiên cứu biểu tượng một số hướng tiếp cận lý thuyết,* Nxb Thế giới, Hà Nội.

32. Đinh Hồng Hải (2015), *Những biểu tượng đặc trưng trong văn hoá truyền thống Việt Nam, Các vị thần, Tập 2*, Nxb Thế giới, Hà Nội.
33. Đinh Hồng Hải (2016), *Những biểu tượng đặc trưng trong văn hoá truyền thống Việt Nam, Các con vật linh, Tập 3,* Nxb Thế giới, Hà Nội.
34. Lê Thị Hiền (2006), *Việc thờ phụng thờ Sơn Tinh ở Hà Tây – Bản chất và nguồn gốc*, Luận án Tiến sĩ Văn hóa học, Viện Nghiên cứu Văn Hóa, Hà Nội.
35. Nguyễn Thị Hiền (1996), "Nghiên cứu truyện cổ dân gian Việt Nam theo bản típ và mô típ của Anti Aarne-Stith Thompson", Tạp chí *Văn hoá dân gian*, số 2.
36. Phạm Thị Thu Hiền (1998), *Một số đặc trưng thi pháp của sử thi Mahabharata*, Luận án tiến sĩ Ngữ Văn, Đại học Sư phạm Hà Nội.
37. Nguyễn Duy Hinh (1988), "*Đền Độc Cước dấu chân Thần biểu tượng Phật*", Tạp chí *Khảo cổ học*, tr 82-83.
38. Nguyễn Duy Hinh (1996), *Tín ngưỡng thành hoàng làng Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
39. Nguyễn Duy Hinh (1999), *Tư tưởng Phật giáo Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội Hà Nội.
40. Nguyễn Duy Hinh (2003), *Người Việt Nam với Đạo giáo,* Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
41. Diệp Đình Hoa (1993), "Yao M'Nông Gar và vật trang sức hình hai đầu thú", Tạp chí *Văn hóa dân gian*, số 1 (41), tr 61-67.
42. Diệp Đình Hoa (1996), "Tính duy lí của truyền thuyết, huyền thoại người Việt cổ chiếm lĩnh đồng bằng Bắc Bộ", Tạp chí *Văn hóa dân gian,* số 4, tr 3-11.
43. Lê Như Hoa (Chủ biên) (2001) *Tín ngưỡng dân gian Việt Nam*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
44. Nguyễn Thị Ngân Hoa (2005), *Sự phát triển của hệ biểu tượng trang phục trong ngôn ngữ thơ ca Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ Ngữ văn, Viện Ngôn ngữ, Hà Nội.
45. Kiều Thu Hoạch (Chủ biên) (2004), *Tổng tập văn học dân gian người Việt, Tập 5, Truyền thuyết dân gian người Việt*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
46. Kiều Thu Hoạch (2006), *Văn học dân gian người Việt góc nhìn thể loại*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
47. Nguyễn Thị Huế (1996), *Nhân vật xấu xí mà tài ba trong truyện cổ tích các dân tộc Việt Nam*, Luận án PTS Khoa học, Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn.
48. Nguyễn Thị Huế (Chủ biên) (2012), *Từ điển type truyện dân gian Việt Nam*, Nxb Lao động Hà Nội .

49. Nguyễn Việt Hùng (2004), "Thờ đá trong tín ngưỡng dân gian Việt Nam", Tạp chí *Văn hóa dân gian*, số 1.
50. Nguyễn Việt Hùng (2011), *Sự tích vọng phu và tín ngưỡng thờ đá ở Việt Nam*, Nxb *Văn hóa Thông tin*, Hà Nội.
51. Nguyễn Tiến Hữu (2015), "Dấu chân quyền lực", Tạp chí *Xưa và Nay*.
52. Nguyễn Thừa Hỷ (2014), "Tiếp biến văn hóa Việt Nam dưới góc nhìn lý thuyết hệ thống", Tạp chí *Khoa học xã hội Việt Nam*, số 9.
53. Bùi Lưu Phi Khanh (2016), "Các biểu tượng tôn thờ mặt trăng trong lễ hội chọi trâu Đồ Sơn", Tạp chí *Văn hóa Nghệ thuật*, số 386.
54. Đinh Gia Khánh (1993*) Văn hóa dân gian Việt Nam trong bối cảnh văn hóa Đông Nam Á*, Nxb KHXH, HN.
55. Đinh Gia Khánh (Chủ biên) (2002), *Văn học dân gian Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
56. Vũ Ngọc Khánh (1987), "Văn hóa dân gian và việc tìm hiểu lịch sử tư tưởng Việt Nam", Tạp chí *Văn hóa dân gian*, số 4, tr 28-34.
57. Vũ Ngọc Khánh (Chủ biên) (2000), *Đền Miếu ở Việt Nam*, Nxb Thanh niên, Hà Nội.
58. Vũ Ngọc Khánh (2001), *Đạo Thánh ở Việt Nam*, Nxb *Văn hóa Thông tin,* Hà Nội.
59. Vũ Ngọc Khánh, Lê Sĩ Giáo, Phạm Văn Đấu (2004), *Địa chí Thanh Hoá, Tập 2, Văn hoá xã hội,* Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
60. Nguyễn Xuân Kính (1993), *Thi pháp ca dao,* Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
61. Đỗ Hồng Kỳ (1992), "Vũ trụ quan và người anh hùng trong sử thi Nrông của người Mnông", Tạp chí *Văn hóa dân gian*, số 2 (38), tr 41 - 45.
62. Vũ Tiến Kỳ (Sưu tầm, tuyển chọn, biên soạn và giới thiệu) (2008), *Truyện cổ dân gian Hưng Yên,* Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
63. Lê Xuân Kỳ -Hoàng Hùng –Thích Tâm Minh (2008) (Biên soạn) *Các vị thần thờ ở xứ Thanh (Thanh Hóa chư thần lục)*, Nxb Văn học Hà Nội.
64. Võ Thị Hoàng Lan (2012), *Tục thờ nước của người Việt ở châu thổ sông Hồng*, Luận án Tiến sĩ Văn hóa học, Viện Văn hóa Nghệ thuật Việt Nam.
65. Vũ Tự Lập (Chủ biên) (1991), V*ăn hóa và cư dân đồng bằng sông Hồng*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
66. Mạnh Lê (1984), *Truyện thần Độc Cước: Truyện cổ tích/ Thơ,* Nxb Thanh Hóa.
67. *Lễ hội 100 năm du lịch Sầm Sơn (2007),* (Tài liệu đánh máy, lưu tại Phòng Văn hóa Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa).

68. Ngô Đăng Lợi (2003), "Lễ hội chọi trâu Đồ Sơn - nguồn gốc, ý nghĩa", Tạp chí *Nguồn sáng dân gian*, số 1, tr 35 – 38.
69. Lê Kim Lữ (1998), *Đền Độc Cước*, Nxb Thanh Hóa.
70. Dương Lực (2002) *Kinh điển văn hóa 5000 năm Trung Hoa, Tập 1*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.
71. Nguyễn Thị Thanh Lưu (2012*), Khảo sát và nghiên cứu truyền thuyết dân gian xứ Nghệ*, Luận án Tiến sĩ Văn học dân gian, Hà Nội.
72. Bùi Thị Thanh Mai (2007), *Biểu tượng rồng trong mỹ thuật truyền thống của người Việt*, Luận án Tiến sĩ Nghệ thuật, Viện Văn hóa Thông tin.
73. E.M.Meletinski (Trần Nho Thìn và Song Mộc dịch) (2003), Thi pháp của huyền thoại, , Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
74. Nguyễn Ngọc Mên (1998), *Quá trình hình hành và phát triển châu thổ sông Mã,* Luận án PTS Khoa học địa chất, Học viện Khoa học và Công nghệ.
75. Lý Cư Minh (2012), *Trừ tà siêu độ*, Nxb Hồng Bàng.
76. Văn Minh–Anh Xuân (Biên soạn) (2005), *Huyền thoại thần Độc Cước*, Nxb. Thanh Hóa.
77. Hoàng Anh Nhân (Chủ biên) (1993), *Khảo sát Văn hóa làng Xứ Thanh*, Nxb Khoa học xã hội Hà Nội.
78. Hoàng Anh Nhân (2006), *Lễ tục lễ hội truyền thống Xứ Thanh, Tập 2*, Nxb Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.
79. Nguyễn Minh Ngọc (Biên soạn) (2000), Bách Thần Hà Nội, Nxb Cà Mau.
80. Nhiều tác giả (2005), *Bách khoa tri thức phổ thông*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
81. Nhiều tác giả (2006), *Di sản Văn hóa Bắc Giang về văn hóa phi vật thể, Tập 2,* Bảo tàng Bắc Giang, xuất bản.
82. Nhiều tác giả (2008), *Thương cảng Vân Đồn - Lịch sử, tiềm năng kinh tế và các mối giao lưu văn hóa*, Nxb Quảng Ninh.
83. Đức Ninh (2008), *Về một số vấn đề văn hóa dân gian Đông Nam Á*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
84. Nguyễn Thị Nguyệt (2000), *Khảo sát và so sánh một số típ và mô típ truyện cổ dân gian Nhật Bản*, Luận án Tiến sĩ Ngữ văn, Đại học khoa học Xã hội và nhân văn, Hà Nội.
85. Đặng Thị Oanh (2012), *Biểu tượng nước từ văn hóa đến văn hóa dân gian của người Thái ở Tây Bắc Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ, Đại học Sư phạm Hà Nội.
86. Hoàng Tuấn Phổ (1983), *Thắng cảnh Sầm Sơn*, Nxb Thanh Hóa.

87. Thích Nguyên Phong (2016) "Tìm hiểu về Phật giáo Thanh Hóa", Tạp chí *Nghiên cứu Phật học*, số 6.
88. Nguyễn Mạnh Phóng, Phượng Vũ, Hoàng Thiếu Sơn (1997), *Sơn Tinh và vùng văn hóa cổ Ba Vì,* Kỷ yếu khoa học, Sở Văn hóa Thông tin Hà Tây, xuất bản.
89. Phạm Quỳnh Phương (1999), "Truyện Phạm Nhan và đôi điều lý giải", Tạp chí *Văn hóa dân gian*, số 1 (65), tr 31-37.
90. Quốc sử quán Triều Nguyễn (1992), *Đại Nam nhất thống chí*, Quyển II, (Phan Trọng Điền phiên dịch. Đào Duy Anh hiệu đính), Nxb Thuận Hoá.
91. Vũ Quỳnh (1993), *Tân đính Lĩnh Nam Chích quái*, Nxb Khoa học Xã hội, H.
92. B.L. Riftin (Bùi Thiên Thai dịch) (2012) "Một số vấn đề lý thuyết về thần thoại từ trường hợp thần thoại của Thổ dân Đài Loan và thần thoại cổ đại của Trung Quốc đại lục", Tạp chí Nghiên cứu Văn học, số 11.
93. Vũ Thanh Sơn (2004), *Những vị thần được thờ ở Hà Nội*, Nxb Hà Nội.
94. Lê Văn Tạo (2011), "Tục thờ thần linh ở Thanh Hóa", Tạp chí *Văn hóa Nghệ thuật*, số 322.
95. Quách Tấn (2002), *Xứ Trầm Hương*, Nxb Hội Văn học Nghệ thuật Hoà.
96. Hà Văn Tấn (2005), *Đến với lịch sử văn hóa Việt Nam*, Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội.
97. Bùi Quang Thanh (2010), "Thánh Gióng – Thiên tráng ca về sức mạnh và nhân cách người Việt", Tạp chí *Văn hóa dân gian*, số 6 (132).
98. Lê Bá Thảo (2009), *Thiên nhiên Việt Nam* (tái bản lần thứ 6), Nxb Giáo dục, H.
99. Trần Ngọc Thêm (1999), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
100. Bùi Thiện - Đặng Văn Lung (1986), "Đôi điều về nguồn gốc Mo Mường", Tạp chí *Nghiên cứu Văn học, số 6*, tr 36 -39.
101. Ngô Đức Thịnh (Chủ biên) (2000), *Văn hóa dân gian làng ven biển*, Nxb Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.
102. Ngô Đức Thịnh (Chủ biên) (2001), *Tín ngưỡng và văn hóa tín ngưỡng ở Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
103. Ngô Đức Thịnh (2004), "Tiểu vùng văn hóa Xứ Thanh", Tạp chí *Văn hoá dân gian*, số 1(91).
104. Ngô Đức Thịnh (Chủ biên) (2004), *Đạo Mẫu và các hình thức shaman trong các tộc người ở Việt Nam và châu Á*. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
105. Ngô Đức Thịnh (2004), *Văn hóa vùng & phân vùng văn hóa ở Việt Nam*, Nxb Trẻ, TP.Hồ Chí Minh.

106. Ngô Đức Thịnh, Frank Proschan (Chủ biên) (2005), *Folklore - một số thuật ngữ đương đại*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
107. Trang Thu (2014) "Lễ hội chọi trâu Đồ Sơn", *Tạp chí Di sản Văn hóa*, Số 1 (46), tr 91-94.
108. Nguyễn Tài Thư (1993*), Lịch sử tư tưởng Việt Nam. Tập I.* Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
109. Lê Huy Trâm - Hoàng Anh Nhân (2014), *Lễ tục lễ hội truyền thống Xứ Thanh*, Nxb Văn hóa Thông tin Hà Nội.
110. Huỳnh Ngọc Trảng, Thạch Thai (Kể) (1988), *Riêmkê – Tình sử nàng Xêđa*, Nxb Trẻ, TP. Hồ Chí Minh.
111. Ngô Văn Trụ - Ngô Văn Thành (Chủ biên) (2008), *Di sản văn hóa Bắc Giang,* phần *Văn học dân gian,* Tập 4, Bảo tàng tỉnh Bắc Giang xuất bản.
112. Trung tâm khoa học xã hội và Nhân văn Quốc gia, Viện Văn học (2002), Tổng tập Văn học các dân tộc thiểu số Việt Nam, Tập 2, *Truyện cổ dân gian*, Nxb Đà Nẵng.
113. Hoàng Tiến Tựu (Chủ biên) (1990), *Địa chí Hậu Lộc*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
114. Tạ Chí Đại Trường (2006), *Thần người và đất Việt,* Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội
115. Trần Quốc Tuấn (2015), *Tín ngưỡng thờ thủy thần ở Hải Phòng,* Luận án Tiến sĩ Văn hóa học, Học viện Khoa học xã hội.
116. Vũ Anh Tuấn (1991) *Khảo sát cấu trúc và ý nghĩa một số type truyện kể dân gian ở vùng Đông Bắc Việt Nam*, Luận án Phó tiến sĩ Khoa học Ngữ văn, trường Đại học Tổng hợp Hà Nội.
117. Vũ Anh Tuấn (Chủ biên) (2012) *Giáo trình văn học văn gian*, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
118. Hoàng Minh Tường (2003), "Thử giải mã chiếc bè mảng của ngư dân Sầm Sơn", Tạp chí *Di sản Văn hóa, số 3, tr 82-84*.
119. Hoàng Minh Tường (2005), *Tục thờ thần Độc Cước ở làng Núi, Sầm Sơn, Thanh Hoá*, Nxb Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.
120. Hoàng Minh Tường (2005), "Tín ngưỡng thờ thần Độc Cước sự tiếp biến giữa các yếu tố văn hóa bản địa và văn hóa ngoại sinh", Tạp chí *Nguồn sáng Dân gian*.

121. Hoàng Minh Tường (2007), *Văn hóa dân gian Thanh Hóa - Bước đầu tìm hiểu,* Nxb Văn hóa dân tộc.
122. Hoàng Bá Tường (2010), *Tục thờ thần Độc Cước ở một số làng ven sông, ven biển tỉnh Thanh Hóa*, Luận án tiến sĩ Văn hóa học, Học viện Khoa học xã hội.
123. Hoàng Minh Tường (Chủ biên), Nguyễn Thị Ánh Tuyết, Nguyễn Mạnh Hà (2017), *Tín ngưỡng thờ các vị thần biển tỉnh Thanh Hóa,* Nxb Văn hóa Dân tộc.
124. Hoàng Tiến Tựu (Chủ biên) (1995), *Địa chí văn hóa Hậu Lộc,* Huyện ủy - HĐND- UBND huyện Hậu Lộc, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.
125. Tỉnh Ủy - Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình (2010), *Địa chí Thái Bình, Chương IV: Tín ngưỡng dân gian*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
126. Vũ Hồng Vận (2015), *Đạo giáo và những biểu hiện của nó trong tín ngưỡng dân gian Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Triết học, Học viện KHXH, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam.
127. Đỗ Trọng Vĩ (1997), *Bắc Ninh Địa Dư Chí,* Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
128. Phan Xuân Viện (2007), "Môtip đá thiêng/ hóa đá và tín ngưỡng thờ đá trong truyện kể dân gian Nam Đảo", *Truyện kể dân gian các tộc người Nam Đảo ở Việt Nam*, Nxb Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.
129. Triệu Thế Việt (2013), *Giá trị nghệ thuật tượng thờ thế kỉ XVII trong chùa Việt ở Bắc Bộ,* Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
130. Nguyễn Đăng Vũ (2003), Luận án tiến sĩ lịch sử, *Văn hóa dân gian của cư dân ven biển Quảng Ngãi*, Viện nghiên cứu Văn hóa nghệ thuật.
131. Lê Trung Vũ (1991), *Khảo sát về dạng truyện người mồ côi trong truyện cổ tích Hmông*, Luận án Phó Tiến sĩ Khoa học Ngữ văn, trường Đại học Tổng hợp Hà Nội.
132. Quốc Vụ - Minh Khang (2008), "Tản mạn về mặt trăng và thần Độc Cước (qua tạo hình)", Tạp chí *Di sản Văn hóa,* số 4 (25).
133. Nguyễn Như Ý (Chủ biên) (1999), *Đại từ điển tiếng Việt*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
134. Nguyễn Thị Yên (2006) *Then Tày*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.

135. Zheng Xiao Yun (2013) "Bảo vệ di sản văn hóa nước trước tác động của biến đổi khí hậu: trường hợp tỉnh Vân Nam, Trung Quốc" (*Kỷ yếu Hội thảo Quốc tế - Bảo tàng và Di sản văn hóa trong bối cảnh biến đổi khí hậu*, Nxb Khoa học Xã hội Hà Nội.

II. TÀI LIỆU TIẾNG ANH

136. Raglan F.R.S (1956), *The Hero: A Study in Tradition, Myth and Drama*, Westport, CT: Greenwood Press.
137. Thompson, Stith (1932–1936) *Motif -index of Folk -Literature, A Classification of Narrative Elements in Folk -Tale, Ballads, Myths, Fables, Medieval, Romances, Local Legends*. Bloomington, Indiana, USA.
138. Leeming, David Adams (1998), *Mythology - The Voyage of the Hero*, New York Oxford, Oxford University Press.

B. TÀI LIỆU TRÊN INTERNET

139. Ngọc Bảo (2009), *Con trâu nhẫn nhục – truyện tiền kiếp Đức Phật* http://www.ngocbao.org/D_4-394_1-2_2-76_5-20_6-1_17-31_14-2/ Phỏng theo Jataka, bản dịch của J.S.Speyer.
140. Huỳnh Trung Chánh (1996), *Cửa Thiền cửa tịnh* http://hocthuatphuongdong.vn/index.php?topic=5509.5;wap2.
141. Nguyễn Mạnh Cường (2016), *Lịch sử hình thành và phát triển của chùa Dâu*, http://thuanthanh.bacninh.gov.vn/news/-/details/22340/lich-su-hinh-thanh-va-phat-trien-cua-chua-dau-phan-1-.
142. Tạ Đức (2015), *Thánh Gióng nơi biển đảo*, http://www.baovanhoa.vn/Vanhoaxuanatmui2015/70681.vho.
143. Đồng Ngọc Dưỡng (2011), *Chùa Non Xuân và pho tượng thần Độc Cước ở Hiệp Hòa - Bắc Giang*, http://www.daophatngaynay.com/vn/phatgiao-vn/danh-lam/9098-Chua-Non-Xuan-va-pho-tuong-than-Doc-Cuoc-o-Hiep-Hoa-Bac-Giang.html.

144. Đồng Ngọc Dưỡng (2014), *Tín ngưỡng thờ thần Độc Cước ở Bắc Giang*, http://svhttdl.bacgiang.gov.vn/node/3740.
145. Thanh Huyền (2015), *Tục thờ Thánh Tam Giang ở Bắc Giang*, http://.vanhoabacgiang.vn/node/3914.
146. Trương Sĩ Hùng (2009) *Phật giáo Việt Nam trong một số sách Hán Nôm* http://www.hannom.org.vn/detail.asp?param=1478&Catid=486.
147. Trọng Miễn (2008), Đọc *Văn hóa dân gian Thanh Hóa - Bước đầu tìm hiểu* của Hoàng Minh Tường, http://vannghexuthanh.vnweblogs.com/a73610/tac-pham-va-du-luan.html.
148. Huệ Minh (2016) *Vua Đầu La Kiện Ninh hóa cá cứu chúa* https://botatquanam.com/vua-dau-la-kien-ninh-hoa-ca-cuu-chua/). Đã đăng: 12/09.
149. Đặng Thị Thanh Ngân (2013), *Nhân vật ma quái trong Thánh Tông Di Thảo và Truyền Kì Mạn Lục*, http://www.vanhoanghean.com.vn/chuyen-muc-goc-nhin-van-hoa/nhung-goc-nhin-van-hoa/nhan-vat-ma-quai-trong-thanh-tong-di-thao-va-truyen-ki-man-luc.
150. Nguyễn Quý Phong (1998), *Thần Cao Sơn Độc Cước thành hoàng làng Duy Tinh*. langduytinh.com/.../1998-than-cao-son-doc-cuoc-thanh-hoang-lang-duy...
151. Nguyễn Xuân Quang (2013), *Nhận diện danh tính và bản thể Cha Tổ Lạc Long Quân (phần 2,* https://bacsinguyenxuanquang.wordpress.com/.../nhan-dien-danh-tnh-v-.
152. Nguyễn Xuân Quang, *Hình dóng sấm hay búa thiên lôi trên trống đồng nồng nọc, âm dương Đông Nam Á,* https://nguyenxuanquangbacsi.wordpress.com.
153. Khánh Quỳnh (2005) http://vnthuquan.org/truyen/truyen.aspx?tid=2qtqv3m3237n3n3nvn1n31n343tq83a3q3m3237n3n&AspxAutoDetectCookieSupport=1. Đã đăng: 24 tháng 11 năm 2005.
154. Vũ Hữu San (2013) *Văn hóa nước và hàng hải thời cổ Việt Nam*, younganthropologists.com/wp-content/.../Van-Hoa-Nuoc-Jan7-2013.doc.
155. Đinh Quang Tiến (2014), *Thánh tượng thiên nhãn – biểu tượng tâm linh của đạo Cao Đài*, http://www.tapchiliengiaocaodai.org.vn/.
156. Lê Việt Thường (2013), *Kinh qua văn hóa Viễn Đông,* http://minhtrietviet.net/kinh-qua-van-hoa-vien-dong-i.
157. Hoàng Minh Tường (2017), *Tín ngưỡng và lễ hội thờ các vị thần biển*, http://vanhoadoisong.vn/web/trang-chu/van-hoa/tin-nguong-va-le-hoi-tho-cac-vi-than-bien.html.

158. Phan Cẩm Thượng (2014), *Luy Lâu và Tứ pháp (Mây - Mưa - Sấm - Chớp*)", http://tiasang.com.vn)", nguồn http://tiasang.com.vn.
159. Hỏa Diệu Thúy (2017) *Cảm thức của ông cha ta về biển và không gian biển*, http://vanhoadoisong.vn/web/trang-chu/van-hoa/van-nghe/cam-thuc-cua-ong-cha-ta-ve-bien-va-khong-gian-bien.html.
160. Huỳnh Kim Quang (2014) *Con trâu trong lời dạy cuối của Đức Phật*, http://www.hoituthienphohien.com/contraunhaPhat.html.
161. Dhammarakkhita Bhikkhu (2012) Nghiệp Tiền Kiếp Của Đức Phật, *Đức Phật bị voi Nāḷāgiri rượt đuổi*, https://hoavouu.com/a23226/14-nghiep-tien-kiep-cua-duc-phat.
162. Nguyễn Ước (2011); Triết Học Kỳ Na Giáo, *Lối sống tu sĩ khổ hạnh,* https://thuvienhoasen.org/a9716/triet-hoc-ky-na-giao-nguyen-uoc. Đăng ngày: 24/03/2011.
163. Nguyễn Thị Thanh Xuân (2010), *Phê bình cổ mẫu và cổ mẫu nước trong văn chương Việt Nam*, http://vanhoanghean.vn/goc-nhin-van-hoa/nhung-goc-nhinvan-hoa/1144-phe-binh-co-mau-va-co-mau-nuoc-trong-van-chuong-vietnam.html.
164. Nguyễn Thị Yên (2011), *Các yếu tố giao lưu ảnh hưởng của tín ngưỡng dân gian nam Trung Quốc và bắc Việt Nam vào trong Then của người Tày*, http://www.vanhoanghean.com.vn/chuyen-muc-goc-nhin-van-hoa/nhung-goc-nhin-van-hoa/cac-yeu-to-giao-luu-anh-huong-cua-tin-nguong-dan-gian-nam-trung-quoc-va-bac-viet-nam-vao-trong-then-cua-nguoi-tay.
165. Trịnh Sinh (2012), *Bè mảng Sầm Sơn vượt Thái Bình Dương, http://dantri.com.vn/xa-hoi/be-mang-sam-son-vuot-thai-binh-duong-1354829560.htm.*
166. Hoàng Quốc Huy (2016) *Thần Độc Cước-Tổ sư của đạo Phù thủy Việt Nam*, http://thienuy.org.vn/bvct/phong-thuy-bua-ngai-am-trach-duong-trach/53/than-doc-cuoc-to-su-cua-dao-phu-thuy-viet-nam.html .
167. Bùi Công Tự (2011) *Thần Độc Cước* https://omanizen.wordpress.com/category/phu-thuy).
168. Thiên Sơn (2012*) Bản văn sai luyện thần độc cước* http://hatvan.vn/forum/threads/xin-ban-van-sai-luyen-than-doc-cuoc.7395/.

PHỤ LỤC

MỤC LỤC PHỤ LỤC

Trang

I. Phụ lục 1. BẢNG THỐNG KÊ TRUYỆN KỂ VỀ THẦN ĐỘC CƯỚC 1PL
II. PHỤ LỤC 2. TƯ LIỆU TRUYỆN KỂ DÂN GIAN VỀ THẦN ĐỘC CƯỚC .....15 PL
1. Truyện kể về thần Độc Cước được lưu truyền ở vùng Sầm Sơn, Thanh Hóa ... 15PL
2. Truyện kể về thần Độc Cước thi tài cùng Bà Triều được lưu truyền ở vùng Sầm Sơn, Thanh Hóa 17PL
3. Truyện kể về thần Độc Cước lưu truyền ở vùng Sầm Sơn, Thanh Hóa ..... 19 PL
4. Truyện kể về thần Độc Cước được lưu truyền ở vùng Sầm Sơn, Thanh Hóa .. 20 PL
5. Truyện kể về thần Độc Cước được lưu truyền ở Sầm Sơn, Thanh Hóa ..... 21 PL
6. Truyện truyền thuyết về thần Độc Cước được lưu truyền ở vùng Sầm Sơn ..... 25 PL
7. Truyện kể về thần Độc Cước được lưu truyền ở vùng Sầm Sơn, Thanh Hóa .. 27 PL
8. Truyện kể về thần Độc Cước được lưu truyền ở vùng Sầm Sơn, Thanh Hóa .. 28 PL
9. Truyện kể về thần Độc Cước được lưu truyền ở xã Hoằng Hải, Hoằng Hóa, Thanh Hóa ..... 28 PL
10. Truyện kể về thần Độc Cước được lưu truyền ở vùng Sầm Sơn, Thanh Hóa 29 PL
11. Truyện kể về thần Độc Cước và Bà Triều được lưu truyền ở vùng Sầm Sơn ..... 31 PL
12. Truyện kể về thần Độc Cước – Nguyệt Lãng- Trung Quốc Đại Vương ..... 33 PL
13. Truyện kể về thần Độc Cước được lưu truyền bởi các thầy Phù Thủy ..... 36 PL
14. Truyện kể về thần Độc Cước được lưu truyền ở Hiệp Hòa Bắc Giang ..... 38 PL
15. Truyện kể về thần Độc Cước được lưu truyền ở Đình Nội Đông, xã Yên Sơn, Lục Nam, Bắc Giang ..... 38 PL
16. Truyện kể về thần Độc Cước được lưu truyền ở làng Vẽ xã Đông Ngạc, huyện Từ Liêm, Hà Nội ..... 50 PL
17. Truyện kể về thần Độc Cước được lưu truyền ở thôn Mỗ Xá xã Phú Nam An, Chương Mỹ, Hà Nội ..... 50 PL
18. Truyện kể về thần Độc Cước được lưu truyền ở núi Gôi tỉnh Ninh Bình ..... 51 PL
19. Truyện kể về thần Độc Cước được lưu truyền ở phủ Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh 51 PL
20. Truyện kể về thần Độc Cước được lưu truyền ở làng Vân Trai xã Cẩm Vân huyện Cẩm Thủy, Thanh Hóa ..... 52 PL
21. Truyện kể về thần Độc Cước được lưu truyền ở Đình Nội Đông, xã Yên Sơn, Lục Nam, Bắc Giang ..... 53 PL
22. Truyện kể về thần Độc Cước được lưu truyền trong các thầy Phù Thủy ..... 54 PL

23. Truyện kể về thần Độc Cước được lưu truyền phủ Từ Sơn, Bắc Ninh ..... 55 PL
24. Truyện kể về thần Độc Cước được lưu truyền ở xã Đại Đông, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên ..... 56 PL
25. Truyện kể về thần Độc Cước được lưu truyền ở Sầm Sơn, Thanh Hóa ..... 56 PL
26. Truyện kể về thần Độc Cước được lưu truyền ở thôn My Du, Hoằng Kim, Hoằng Hóa, Thanh Hóa ..... 56 PL
27. Truyện kể về thần Độc Cước được lưu truyền ở Sầm Sơn, Thanh Hóa ..... 58 PL
28. Truyện kể về thần Độc Cước được lưu truyền ở xã Hoằng Trinh, Hoằng Hóa, Thanh Hóa ..... 59 PL
29. Truyện kể về thần Độc Cước ở Sầm Sơn, Thanh Hóa ..... 59 PL
30. Truyện kể về thần Độc Cước ở xã Minh Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa ... 60 PL
31. Truyện kể về thần Độc Cước ở làng Phú Điền, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa . 60 PL
32. Thần Độc Cước trong cuốn "Thanh Hóa Chư thần Lục", Thanh Hóa ..... 61 PL
33. Truyện kể về thần Độc Cước ở Sầm Sơn, Thanh Hóa ..... 61 PL
34. Truyện kể về thần Độc Cước đền Cô Tiên xã Quảng Vinh, Sầm Sơn, Thanh Hóa .... 61 PL
35. Thần Độc Cước trong cuốn "Danh thắng", Thanh Hóa ..... 61 PL
III. Dị bản truyện kể dân gian về thần Độc Cước ..... 62 PL
1. Dị bản thần Độc Cước thi tài cùng Bà Triều được lưu truyền ở vùng Sầm Sơn ..... 62 PL
2. Dị bản truyện kể về thần Độc Cước được lưu truyền ở vùng Sầm Sơn ..... 63 PL
3. Dị bản truyện kể về thần Độc Cước được lưu truyền ở vùng Sầm Sơn ..... 63 PL
4. Dị bản truyện truyền thuyết về Độc Cước được lưu truyền ở vùng Sầm Sơn ..... 64 PL
5. Dị bản truyền kể về thần Độc Cước được lưu truyền ở vùng Sầm Sơn ..... 64 PL
6. Dị bản: Câu chuyện thần Độc Cước ..... 65 PL
7. Dị bản truyện kể dân gian về thần Độc Cước ở Bắc Ninh ..... 70 PL
8. Câu chuyện về thần Độc Cước do tác giả luận án ghi chép được khi đi điền dã ... 71 PL
IV. Thần tích ..... 73 PL
1. Thần tích về thần Độc Cước ..... 73 PL
2. Thần Độc Cước theo cuốn "*Thanh Hoá tỉnh chí*" ..... 74 PL
3. Thần Độc Cước tại Đền Thiên, Xã Lộc Sơn, Hậu Lộc, Thanh Hóa ..... 74 PL
4. Bản văn sai luyện thần Độc cước ..... 75 PL
5. Tác giả Đặng Huy Trứ làm bài thơ đề trên bia đá trước đền Thượng, Sầm Sơn, ca ngợi thần Độc Cước ..... 77 PL
6. Thần Độc Cước trong cuốn "Đạo Thánh ở Việt Nam" ..... 78 PL

V.Tư liệu Sắc phong, Văn Bia về thần Độc Cước Thanh Hóa ..... 78 PL
1. Sắc phong thần Độc Cước ở huyện Quảng Xương, Thanh Hóa ..... 78 PL
2. Tư liệu sắc phong về thần Độc Cước ở thôn My Du, xã Hoằng Kim, huyện Hoằng Hóa, Thanh Hóa ..... 80 PL
3. Tư liệu sắc phong về thần Độc Cước Ở Đình Thanh Nga, xã Hoằng Trinh, huyện Hoằng Hoá, Thanh Hóa ..... 83 PL
4. Văn bia đền Độc Cước thị xã Sầm Sơn tỉnh Thanh Hóa Phiên âm ..... 84 PL
5. Tế lễ thần Độc Cước và hội đồng thần linh tại đền Thượng ..... 94 PL
VI. Những truyện kể có chi tiết gần với truyện thần Độc Cước ..... 99 PL
1. Truyện kể về Núi Bần ở Hậu Lộc, Thanh Hóa (có chi tiết gần với thần Độc Cước) ..... 99 PL
2. Truyền thuyết về Thần Sóng Pôriyak của người Chăm tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận (có chi tiết gần với thần Độc Cước) ..... 100 PL
3. Truyện chàng trai khổng lồ núi thề ..... 100 PL
4. Truyện cổ về con người Xứ Thanh trong thần thoại, truyền thuyết ..... 100 PL
5. Truyện Ông Bưng và Ông Vồm ..... 101 PL
6. Chuyện chàng Go ..... 102 PL
VII. Phụ lục 3: THỐNG KÊ TƯ LIỆU VỀ DẤU CHÂN KHỔNG LỒ VÀ DẤU CHÂN THẦN ĐỘC CƯỚC Ở CÁC ĐỊA PHƯƠNG TRONG CẢ NƯỚC .... 104 PL
VIII. Phụ lục 4. ĐỊA DANH THỜ THẦN ĐỘC CƯỚC ..... 114 PL
IX. PHỤ LỤC TƯ LIỆU ẢNH ..... 120 PL
VIII. Phụ lục 4: ĐỊA DANH THỜ THẦN ĐỘC CƯỚC 114PL
VIII. PHỤ LỤC TƯ LIỆU ẢNH 120PL

I. Phụ lục 1. BẢNG THỐNG KÊ TRUYỆN KỂ VỀ THẦN ĐỘC CƯỚC

Bảng 2.1. Bảng thống kê truyện kể và motif cơ bản của truyện Độc Cước

STT	*Tên truyện*	*Motif cơ bản*	*Hoàn cảnh xuất thân*	*Nội dung chính*	*Vùng lưu truyền*
1	Thần Độc Cước ở Sầm Sơn	- Ra đời kì lạ - Lập chiến công; -Tự xẻ đôi thân mình	Mồ côi	- Được dân làng nuôi lớn; Giúp dân làng xây dựng cuộc sống; Cùng dân làng đánh lũ quỷ biển đông -Xẻ thân bảo vệ cư dân vùng biển.	Vùng Sầm Sơn
2	Thần Độc Cước thi tài	Thử tài	Trở thành vị thần nổi tiếng	-Thi tài cùng Bà Triều: một người có tài nghệ dệt lưới, dệt lụa; một người có tài nặn trâu từ chết thành sống - Kết quả Bà Triều giành phần thắng.	Vùng Sầm Sơn
3	Thần Độc Cước	- Thử tài -Tự xẻ đôi thân mình	Trở thành vị thần nổi tiếng	- Được Ngọc Hoàng biết đến uy danh mời Thần lên thưởng công, phong tước. Chàng lấy búa tự xẻ dọc mình ra làm hai.	Vùng Sầm Sơn
4	Thần Độc Cước ở Sầm Sơn	- Ra đời kì lạ - Lập chiến công; - Tự xẻ đôi thân mình	Sinh ra từ nấm mộ người mẹ	-Từ trong nấm mộ người mẹ, một chú bé ra đời; Được dân làng nuôi lớn, đánh nhau với quỷ biển - Tự xẻ đôi thân mình để bảo vệ dân làng.	Vùng Sầm Sơn
5	Thần Độc Cước	- Ra đời kì lạ -Tự xẻ làm đôi, - Thử tài, - Hiển linh, báo mộng	Xuất hiện từ nấm mộ người mẹ, sau khi có tiếng sét	- Được dân làng nuôi lớn, chống lại quỷ biển; thi tài với Bà Triều. - Báo mộng và xin theo giúp Vua Trần chiến thắng giặc. - Tự xẻ đôi thân mình, bảo vệ dân chài.	Vùng Sầm Sơn
6	Thần Độc Cước	- Ra đời kì lạ - Tự xẻ đôi thân mình; -Dấu bàn chân	Xuất hiện từ trong khe núi	- Thần Độc Cước xuất hiện, đánh nhau với lũ quỷ biển, chiến thắng lũ quỷ - Tự xẻ đôi thân mình, bảo vệ dân chài. - Để lại dấu tích một bàn chân.	Vùng Sầm Sơn

7	Thần Độc Cước	- Ra đời kì lạ; - Tự xẻ đôi thân mình.	Xuất hiện từ trên trời cử xuống cứu dân	- Thần ở trên thiên đình được đưa xuống hạ giới để cứu dân độ thế; Thần đánh nhau với quỷ biển - Tự xẻ đôi thân mình, bảo vệ dân chài.	Vùng Sầm Sơn
8	Thần Độc Cước	- Hiển linh, báo mộng - Dấu bàn chân	Thần biển cai quản vùng Sầm Sơn	- Vua Trần đi qua vùng biển Sầm Sơn, nằm mộng có vị thần bán thân đến gặp nhà vua, xin nguyện giúp vua đánh giặc - Để lại vết chân to hằn sâu xuống một tảng đá.	Vùng Sầm Sơn
9	Thần Độc Cước	- Ra đời kì lạ - Tự xẻ đôi thân mình;	Chú bé mồ côi, ra đời lớn nhanh như thổi	- Thần mồ côi cha, mẹ được dân làng nuôi lớn; -Thần kêu gọi mọi người tập hợp trở về làm ăn, cùng dân làng đoàn kết đánh quỷ biển. - Để lại dấu chân trên đá.	Vùng Sầm Sơn
10	Thần Độc Cước	- Con mồ côi; - Tự xẻ đôi thân mình; - Xung thiên.	Chú bé mồ côi, chui ra từ nấm mộ	- Được dân làng nuôi lớn - Cầu xin Mẹ Núi ban cho sức mạnh - Tự xẻ đôi thân mình, tiêu diệt quỷ biển. Được Ngọc Hoàng mời về trời phong thần cho chàng.	Vùng Sầm Sơn
11	Thần Độc Cước - Bà Triều	-Hiển linh, báo mộng	Là một vị thần ở Sầm Sơn	- Thần báo mộng cho dân làng, bày cho cách làm ăn. - Ta chỉ là thần giúp dân giữ yên bờ cõi, bà cụ (Bà Triều) mà các người đuổi đi chính là thần giúp dân làm nghề sinh sống.	Vùng Sầm Sơn
12	Thần Độc Cước	- Xẻ thân; - Hiển linh, báo mộng	- Sinh ra là quái thai - Hình dáng dữ tợn	- Dập hỏa tai tại làng Phán Thủy, xã Song Mai - Dẹp loạn ma quỷ, hiển linh giúp Vua Lý giết giặc, báo mộng và giúp Vua. - Giúp Trần Quốc Tuấn chém đầu được Phạm Nhan (Bá Linh).	Phán Thủy, Song Mai, Kim Động, Hưng Yên

13	Thần Độc Cước	Hôn nhân (người lấy quỷ)	Con của Yêu tinh và người trần	- Yêu tinh bị đạo sĩ và chồng phát hiện. - Yêu tinh đã xé con làm hai nửa. Một nửa ném cho bố một nửa theo yêu tinh đi vào núi là TĐC là chúa quỷ.	
14	Thần Độc Cước		Có mối đùn đất cao	- Anh thanh niên mồ côi, nuôi hổ bị vồ nhầm, hổ đem xác người chủ đi, có xương rơi xuống và đụn lên đất cao. Sau này dân tôn là thần Độc Cước.	Hiệp Hòa, Bắc Giang
15	Thần Độc Cước	- Sinh nở thần kì; - Xẻ làm đôi; - Tái sinh	- Mồ côi cha - Đầu thai vào gia đình họ Nguyễn	- Sinh ra là một thần tướng, dị tướng, vua triệu vào cung, phong tước. - Bị sét đánh, thân chia làm hai nửa, thần bị chôn và lại đội đất đứng dậy. - Thần dẹp giặc quỷ xong, bay lên trời.	Đình Nội Đông, xã Yên Sơn, Lục Nam, Bắc Giang.
16	Thần Độc Cước	- Xẻ thân làm đôi; - Chiến công phi thường	Cha là Chu Hưng mẹ là Võ Thị Hồng	- Sinh ra diện mạo khác thường - Sét đánh tách cậu ra làm hai nửa. - Thần tên Minh, có công dẹp Ngũ hổ phương Bắc, trấn áp ma quỷ phương nam. - Khi hóa được dân thờ phụng.	Làng Vẽ, Đông Ngạc, Từ Liêm, Hà Nội
17	Thần Độc Cước	- Nằm mộng; - Sinh nở thần kì; - Chiến công phi thường	Người làng Cực lạc y la. Có bố mẹ	- Mẹ nằm mộng được báo sẽ sinh con trai kì tướng. - Cầm quân đánh giặc cứu nước, dẹp yên giặc Nhung ở núi Tùng. - Khi hóa và được thờ phụng.	Mỗ Xá, xã Phú Nam An, Chương Mỹ, Hà Nội
18	Thần Độc Cước	Hôn nhân (người lấy quỷ)	Bố người trần, mẹ là yêu tinh	Con của Yêu tinh, bị yêu tinh mẹ xẻ đôi nửa người, một nửa đem đến cho Quan Âm Bồ Tát nuôi dạy thành thần Độc Cước.	Vùng Núi Gôi, Ninh Bình

19	Thần Độc Cước	Có pháp thuật; xẻ làm đôi; tái sinh	Cha một pháp sư, phái thần xuống hạ giới đầu thai	- 10 tuổi là một thần tướng tinh thạo bùa phép, bị xẻ đôi thân thể cậu bé làm hai nửa, nửa lên trời, nửa ở lại - Chôn đi sống lại, có quyền lực phi thường, được tôn là tổ sư pháp sư.	Chưa rõ
20	Thần Độc Cước	-Hiển linh, báo mộng, - Chiến công phi thường	Là Thần ở vùng núi Lê, Cẩm Thủy	- Ở vùng núi Lê, làng bị đốt cháy - Thần báo mộng và hóa phép diệt Ma Nhung, Ma Khấu, Ma Lửa cứu dân	Làng Vân Trai - Cẩm Thủy
21	Thần Độc Cước	- Sinh nở thần kì; - Có pháp thuật; - Tái sinh;	Bà mẹ giẫm vào vết chân có mang	Là một thần tướng, vua mời vào cung, bị sét đánh, có công dẹp 8 tướng quỷ, được vua phong tước.	Đình Nội Đông, Lục Nam, Bắc Giang
22	Thần Độc Cước	-Xẻ làm đôi; - Chiến công phi thường	Cha là pháp sư họ Chu, mẹ họ Đoàn	- Được cha truyền cho phép thuật từ nhỏ, 10 tuổi đã thống trị ngũ giới, bị triệu về trời, - Ngọc Hoàng sai thần xuống trần, thần dẹp yên lũ qủy, các thầy phù thủy thờ làn thánh tổ.	Vùng Sầm Sơn
23	Thần Độc Cước	Tái sinh	Con một pháp sư	Ba tuổi đánh trống động tới trời, bị thiên tướng xuống xẻ đứa bé làm đôi. Chôn nửa người, sau đó sống lại thành Độc Cước.	Vùng Từ Sơn – Kinh Bắc
24	Thần Độc Cước	- Lập chiến công -Đệ tử Phật	Có Cha mẹ	Ông tên là Chu Văn Minh theo Quan Thế Âm Bồ Tát, sắc phong là Sơn Tiêu Độc Cước thần vương	Chùa Nôm, xã Đại Đông, Văn Giang – Hưng Yên

25	Thần Độc Cước	- Lập chiến công -Dấu bàn chân	Thần họ Cao tự Độc Cước thiền sư	Ngài là một thiền sư đời Lý, chỉ đứng một chân đọc kinh giảng kệ, rồi siêu hóa, để lại dấu bàn chân.	Vùng Sầm Sơn
26	Thần Độc Cước	- Báo mộng; - Hiển linh	Thần giáng linh xuống thôn My Du	- Thần báo mộng giáng linh trong đêm mưa gió. - Thần được thượng đế truyền cho cai quản hương ấp. - Người vật được yên ổn, thần để lại dấu chân.	Thôn My Du, xã, Hoằng Kim, Hoằng Hóa
27	Thần Độc Cước	- Ra đời kì lạ; Mồ côi; - Chiến công phi thường. -Dấu bàn chân	Ra đời lớn nhanh như thổi	- Chàng hú gọi dân làng trở về làm ăn, chiến thắng quỷ biển, để lại dấu chân trên đá; - Chàng mất đi nhân dân lập đền thờ.	Vùng Sầm Sơn
28	Thần Độc Cước	-Xẻ đôi thân mình - Dẹp quỷ biển.	Quỷ biển xâm lấn, thần xuất hiện	- Bọn giặc thả quỷ vào hòm gỗ, lũ quỷ được thoát ra ngoài cướp bóc. - Thần Độc Cước xuất hiện tự xẻ đôi thân mình để bảo vệ dân làng.	Đền Thanh Nga, Hoằng Trinh, Hoằng Hóa
29	Thần Độc Cước	- Sinh nở thần kì; - Xung thiên	Con của vợ chồng phù thủy	Thần được đầu thai vào gia đình hiếm con, sinh ra lành lặn, bị thiên lôi xuống xẻ làm đôi, nửa bay về trời, nửa ở lại hạ giới.	Chưa rõ
30	Thần Độc Cước	-Sét đánh -Xung thiên	Sinh ra trong gia đình nghèo	Cha họ Nguyễn, mẹ họ Đoàn sinh ra lành lặn, Ngọc Hoàng sai thiên lôi xuống xẻ đôi thân hình, nửa bay về trời, nửa ở lại hạ giới.	Xã Minh Lộc, Hậu Lộc, T. Hóa

31	Thần Độc Cước	-.Có phép thuật; - Dẹp giặc	Từ trên trời xuống	Thần có tài biến hóa khôn lường, có phép thuật, khi thì hóa thành những con vắt, con đỉa bám vào lũ giặc, khiến bọn chúng bỏ chạy.	Đình làng Phú Điền, Hậu Lộc
32	Thần Độc Cước	- Phong tước - Hiển linh	Thần họ Cao tên Sơn	Đỗ tiến sĩ nhà Tấn, nhiều năm đi đánh giặc được phong Phó Quốc Vương đời nhà Tấn, khi mất hiển linh	Chư thần Lục, Thanh Hóa
33	Thần Độc Cước	- Lập chiến công - Trị ma quỷ	Là Đại Pháp sư, tên là Chu Văn Khoan	Có tài giúp vua dẹp giặc giữ yên bờ cõi, ngài hiệu là Đại pháp sư có 7 phép màu để trị ma quỷ, được vua phong tước.	Vùng Sầm Sơn
34	Thần Độc Cước	- Đầu thai - Có phép thuật - Sét đánh làm đôi	Đầu thai vào gia đình hiếm con	Lên 10 tuổi đã thần thông, sau trời xẻ làm đôi, nửa ở trên trời nửa ở hạ giới.	Thần tích, đền Cô Tiên, Sầm Sơn
35	Thần Độc Cước	- Lập chiến công -Dấu bàn chân	Giáng linh tại Sầm Sơn	Thần giáng linh lúc mưa to gió lớn, để lại vết chân lớn dài trên một thước in trên hòn đá.	Vùng Sầm Sơn

Ghi chú: Nguồn trích dẫn truyện kể dân gian về thần Độc Cước

(xếp theo số thứ tự từ 01-35 truyện, tương ứng với đó là nguồn trích dẫn truyện kể; cụ thể xem Tư liệu Phụ lục 2)

1. Hoàng Tuấn Phổ (1983), *Thắng cảnh Sầm Sơn*, Nxb Thanh Hóa, tr 63-77.
2. Hoàng Tuấn Phổ (1983) *Thắng cảnh Sầm Sơn* Nxb. Thanh Hóa, tr.77 - 81.
3. Lê Kim Lữ (1998) *Đền Độc Cước* Nxb. Thanh Hóa, tr.12-13.
4. Lê Kim Lữ (1998), *Đền Độc Cước*, Nxb Thanh Hóa, tr.11.
5. Văn Minh–Anh Xuân (Biên soạn) (2005), *Huyền thoại thần Độc Cước*, Nxb. Thanh Hóa.
6. Kiều Thu Hoạch (Chủ biên) (2004), Tổng tập văn học dân gian người Việt, Tập 5, *Truyền thuyết dân gian người Việt*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.720 – 727.
7. Theo Cụ Phan Đình Bưng 81 tuổi, cụ Từ Thủ đền thần Độc Cước ở Sầm Sơn, Tác giả luận án ghi lạ, khi đi điền dã.
8. Ninh Viết Giao (1995) (Chủ biên), Hoàng Tiến Tựu, Viên Ngọc Lưu, *Địa chí văn hóa Hoằng Hóa* Nxb. Khoa học Xã hội Hà Nội; tr. 590.
9. Theo tài liệu của xã Hoằng Hải- Hoằng Hóa - Thanh Hóa, trích "Địa chí văn hóa Hoằng Hóa", Ninh Viết Giao (1995) (Chủ biên), Hoàng Tiến Tựu, Viên Ngọc Lưu, *Địa chí văn hóa Hoằng Hóa* Nxb. Khoa học Xã hội Hà Nội; tr. 592.
10. *Lễ hội 100 năm du lịch Sầm Sơn* (2007), (Tài liệu đánh máy, lưu tại Phòng Văn hóa Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa).
11. *Lễ hội 100 năm du lịch Sầm Sơn* (2007), (Tài liệu đánh máy, lưu tại Phòng Văn hóa Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa).
12. Vũ Tiến Kỳ (2008) (sưu tầm, tuyển chọn, biên soạn và giới thiệu, *Truyện cổ dân gian Hưng Yên*, Nxb Văn hóa Thông tin Hà Nội, tr. 209 – 214. Sưu tầm ở *Thần tích làng Phán Thủy*, xã Song Mai, Kim Động, Hưng Yên).
13. Hoàng Quốc Huy (2016) *Thần Độc Cước-Tổ sư của đạo Phù thủy Việt Nam*, http://thienuy.org.vn/bvct/phong-thuy-bua-ngai-am-trach-duong-trach/53/than-doc-cuoc-to-su-cua-dao-phu-thuy-viet-nam.html.
14. Ngô Văn Trụ - Ngô Văn Thành chủ biên (2008), *Di sản văn hóa Bắc Giang, Văn học dân gian, tập 4*, Bảo tàng tỉnh Bắc Giang xuất bản, tr. 724.

15. Ngô Văn Trụ - Ngô Văn Thành chủ biên (2008), *Di sản văn hóa Bắc Giang, Văn học dân gian, Tập 4*, Bảo tàng tỉnh Bắc Giang xuất bản, tr. 784 – 793.
16. Vũ thanh Sơn (2004), *Những vị thần được thờ ở Hà Nội*, Nxb Hà Nội, tr .254-259.
17. Hoàng Minh Tường (2010), *Tục thờ thần Độc Cước ở làng Núi, Sầm Sơn, Thanh Hoá*, Nxb Thanh niên). (Theo Lí lịch Di tích đình Mỗ Xá, xã Phú Nam An, huyện Chương Mỹ, Hà Nội, Tài liệu đánh máy lưu trữ tại Bảo tàng Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thành phố Hà Nội.
18. Nguyễn Duy Hinh (2003), *Người Việt Nam với Đạo giáo*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 635-636.
19. Hoàng Quốc Huy (2016) *Thần Độc Cước-Tổ sư của đạo Phù thủy Việt Nam*, http://thienuy.org.vn/bvct/phong-thuy-bua-ngai-am-trach-duong-trach/53/than-doc-cuoc-to-su-cua-dao-phu-thuy-viet-nam.html.
20. Hoàng Bá Tường (2010), *Tục thờ thần Độc Cước ở một số làng ven sông biển tỉnh Thanh Hóa*, Luận án tiến sĩ Văn hóa học, Học viện Khoa học xã hội.
21. Nhiều tác giả (2006) "*Di sản Văn hóa Bắc Giang về văn hóa phi vật thể, Tập 2*, Bảo tàng Bắc Giang, xuất bản, tr. 237-240; theo bài viết của Đồng Ngọc Dưỡng.
22. Lê Kim Lữ (1998) (Biên soạn) *Đền Độc Cước*, Nxb Thanh Hóa tr.13- 15.
23. Nguyễn Duy Hinh (2003), *Người Việt Nam với Đạo giáo*, Nxb Khoa học xã hội.
24. Hoàng Minh Tường (2005), *Tục thờ thần Độc Cước ở làng Núi, Sầm Sơn, Thanh Hoá*, Nxb Văn hóa dân tộc.
25. Hoàng Minh Tường (2005), *Tục thờ thần Độc Cước ở làng Núi, Sầm Sơn, Thanh Hoá, Nxb Văn hóa dân tộc*).
26. (Theo *tài liệu tại Nghè My Du xã Hoằng Kim*, huyện Hoằng Hoá, Thanh Hóa).
27. Trần Văn Thịnh (2014*), Truyện cổ danh nhân hào kiệt Xứ Thanh, Nxb Chính trị Quốc gia*.
28. (Theo lời kể của cụ từ *Nguyễn Văn Tộ*, 81 tuổi, hiện trông coi đền Thanh Nga xã Hoằng Trinh huyện Hoằng Hoá (tác giả luận án đã ghi lại trong khi đi điền dã tại đền Thanh Nga nơi thờ thần Độc Cước).
29. Theo lời kể Bác *Lê Văn Sĩ* ở đền Độc Cước Sầm Sơn (tác giả ghi lại trong khi đi điền dã tại ở đền Độc Cước Sầm Sơn).

30. Cụ *Tạ Văn Trọng* 80 tuổi, thủ đền xã Minh Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa (tác giả ghi lại trong khi đi điền dã).
31. Theo Cụ *Nguyễn Văn Sinh* 80 tuổi, nguyên thủ đền Bà Triệu và Đình làng Phú Điền, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa (tác giả ghi lại trong khi đi điền dã).
32. Lê Kim Lữ (1998), *Đền Độc Cước*, Nxb Thanh Hóa.
33. *Lễ hội 100 năm du lịch Sầm Sơn* (2007), (Tài liệu đánh máy, lưu tại Phòng Văn hóa Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa).
34. Thần tích hiện còn lưu giữ tại đền Cô Tiên xã Quảng Vinh, Sầm Sơn.
35. Lê Kim Lữ (1998) *Đền Độc Cước*, Nxb Thanh Hóa, tr. 15.

Bảng 2.2. Bảng thống kê những dấu chân khổng lồ

STT	Địa danh phát hiện	Vị trí	Dấu chân
		Nơi lưu lại dấu bàn chân	***Do thần để lại***
1	Đồng Tháp Mười	Hai dấu bàn chân của Bhagavati (vua) trên đất	Giống vết chân người tự nhiên
2	Núi Tiên Cước Biên Hoà, Đồng Nai	Một dấu chân người thành ngấn trên đá	Dấu vết của tiên
3	Núi Hương Ấn, Hoà Đa, Bình Thuận	Có ngấn in lõm vào đá như hình bàn chân người	Dấu chân của Dương Phu Nhân
4	Núi Đại Điếm, huyện Phù Cát, Bình Định	Có dấu chân trên núi	Dấu chân của Thiền sư Không Lộ
5	Hòn San Hô, huyện Tuy Phước, Bình Định	Có dấu chân lớn trên đá	Dấu chân của Thiền sư Không Lộ
6	Núi Hà Thành, huyện Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh	Dấu chân trên núi đá	Dấu chân thần to lớn
7	Núi Nhược, huyện Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh	Dấu chân trên đá	Dấu chân tiên
8	Núi Phật Tích, huyện Thạch Thất, Hà Tây cũ	Có Dấu chân trên núi	Dấu chân người khổng lồ

9	Cồn Chân Tiên, huyện Đông Sơn, Thanh Hoá	Dấu chân in trên đá	Dấu chân tiên
10	Làng Băng Sơn, huyện Hoằng Hoá, Thanh Hoá	Dấu chân giữa đám bùn lầy	Bà mẹ giẫm vào Dấu chân khổng lồ
11	Chùa Đùng, núi Thanh Liêm, Hà Nam	Dấu chân trên núi đá	Dấu chân thần to lớn
12	Kinh đô Thăng Long, Hà Nội	Dấu chân trên đá	Dấu chân thần dài, rộng 3 thước, sâu 1 tấc
13	Kinh đô Thăng Long, Hà Nội	Dấu chân ở chùa Thắng Nghiêm	Dấu chân thần
14	Kinh đô Thăng Long, Hà Nội	Dấu chân ở lầu chuông	Dấu chân thần dài 9 tấc, rộng 5 tấc
15	Kinh đô Thăng Long, Hà Nội	Dấu chân chùa Đại Thắng	Dấu chân thần
16	Làng Phù Đổng, Quế Võ, Bắc Ninh	Dấu chân giẫm nát mấy luống cà trên đất	Dấu chân ông Đổng
17	Chùa Phúc Thắng, tại Luy Lâu, Hà Bắc	*Có phép đứng một chân*	*Vị sư từ phương Tây tới Già La Đô Lê*
18	Núi Thuỵ Lôi, huyện Yên Phong, Bắc Ninh	Dấu chân người to lớn trên núi đá	Huyền Thiên giáng thế
19	Núi Yên Phú, huyện Phụng Nhãn, Bắc Ninh	Dấu chân to lớn trên núi	Dấu chân người to lớn trên núi, bà mẹ giẫm vào
20	Núi Sài Sơn, huyện Yên Sơn, Hà Tây	Dấu chân trên đá	Dấu chân người to lớn, Thiền sư Từ Đạo Hạnh
21	Chùa giải Oan, trong chùa Hương Sơn, Hà Tây	Dấu chân trên đá	Dấu chân ở am Phật Tích bà chúa Ba
22	Chùa Hoa Long, thôn Việt Trì, Bạch Hạc, Vĩnh Phúc	Dấu chân trên đá	Dấu chân người khổng lồ
23	Đèo Gió Châu Chiêu Tấn, tỉnh Sơn La	Dấu chân trên đá	*Có ba Dấu chân đều dài một thước*
24	Cồn Chân Tiên, Núi Đọ, Thiệu Tân, Thiệu Hóa, Thanh Hóa	Có một dấu chân lớn trên đá	Dấu chân bà Tiên

25	Hòn Cổ Giải, núi Trường Lệ huyện Quảng Xương, Thanh Hoá	Dấu chân in trên đá	Dấu chân *thần Độc Cước* to lớn
26	Núi Nưa, Triệu Sơn, Nông Cống, Thanh Hóa	Lưu dấu chân Tu Nưa trên núi	Vị Đạo sĩ
27	Núi Chiếu Bạch, Bình Lâm, Hà Trung, Thanh Hóa	In dấu trên đá	Thờ dấu chân Ông Bưng
28	Núi Linh Trường, Hoằng Yên, Hoằng Hóa, Thanh Hóa	Có dấu chân trái in trên hòn đá lớn	Dấu chân *thần Độc Cước*
29	Núi Lâm Động, Trúc Lâm, Tĩnh Gia, Thanh Hóa	In dấu chân trên đá	Có dấu chân và bàn cờ tiên
30	Phiến đá ở Ngọc Phụng, Thường Xuân Thanh Hóa	In dấu trên phiến đá	Lưu dấu chân và hai hòn cà của Lê Lợi
31	Làng Hón Ói, Quang Hiển, Lang Chánh, Thanh Hóa	In hình bàn chân và vết ngồi lõm đá	Lam Sơn động chủ, chân người
32	Núi Đồng Phô, Đông Hòa, Đông Sơn, Thanh Hóa	Dấu chân in trên đá	Dấu chân thần Nưa, người mẹ ướm thử vào
33	Bản Hang Dấu, Phú Lệ, Quang Hóa, Thanh Hóa	In dấu chân trái rất lớn trên đá	Dấu chân của một thần nhân
34	Thôn Trì Trong, Hoằng Quỳ, Hoằng Hóa, Thanh Hóa	Dấu chân trên đất bùn lầy	Dấu chân khổng lồ, ông Bưng
35	Xã Bình Lâm, Hà Trung, Thanh Hóa	Dấu chân in trên đá	Dấu chân của một thần nhân, ông Bưng
36	Thôn My Du, Hoằng Kim, Hoằng Hóa, Thanh Hóa	Dấu chân in trên gò đât dài 1 thước 2 tấc	Dấu chân *thần Độc Cước*
37	Đồng bào Thái, huyện Thường Xuân, huyện Quan Hóa, Thanh Hóa	Những vết chân Voi khổng lồ trên đá (người mẹ uống nước vào có mang)	Sinh ra Chàng trai khổng lồ Lúc Chạn
38	Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hóa	Vết chân lớn in trên lá ở vườn cây	Chân thần
39	Xã Đông Hòa, Đông Sơn, Thanh Hóa	Dấu chân lún thành ao	Dấu chân thần Nưa

40	Làng Ích Hạ, Hoằng Quỳ, Hoằng Hóa, Thanh Hóa	Dấu chân biến thành hai dãy ao	Dấu chân ông Bưng đuổi theo ông Vồm
41	Giếng đền Mưng, làng Đông Cao, Trung Chinh, Nông Cống, Thanh Hóa	Dấu chân chỗ thành ao, chỗ thành giếng	Dấu chân thần khổng lồ
42	Lộc Sơn, Hậu Lộc, Thanh Hóa	Dấu bàn chân to in lõm xuống đất	Dấu *chân thần Độc Cước*
43	Suối Tiên, tỉnh Khánh Hoà	Dấu chân trên đá	Dấu chân Tiên
44	Làng Sơn Dương, huyện Lâm Thao, Phú Thọ	Dấu chân khổng lồ trên đá	Bà mẹ giẫm phải dấu chân khổng lồ
45	Đình Chèm, Từ Liêm, Hà Nội	Dấu chân trên đất, trong vườn hoa	Bà Kha Nương ướm thử vào vết chân to lớn
46	Ở chân núi Hòn Độc Sơn, xã Hưng Ninh, Khánh Hoà	Dấu chân trên đá	Dấu chân ông khổng lồ
47	Núi Bà Đen, tỉnh Tây Ninh	Sót lại trên vũng máu một vết chân (ở trên núi đá)	Dấu chân nàng Đênh
48	Thôn Đổng Duyên, xã Phù Đổng, huyện Gia Lâm, Hà Nội)	Dấu chân khổng lồ trên một tảng đá ở Dóng - Mốt	Dấu chân khổng lồ
49	Ở núi Sái Ở Yên Phụ (Yên Phong, Bắc Ninh	Dấu chân người to lớn trên núi đá	Huyền Thiên giáng lâm để trừ tà cho nước
50	Vùng Hồ Tây, Hà Nội	Dấu chân trâu giẫm đạp trên đất thành vùng hồ.	Dấu chân kim ngưu
51	Núi Thề ở xã Nguyên Bình, huyện Tĩnh Gia	Dấu chân trên núi đá	Dấu bàn chân ông khổng lồ
52	Thôn La Trì, Thanh Trì, Hà Nội	Dấu chân ở trên cây	Dấu chân thần
53	Đồ Sơn Hải Phòng	Dấu chân trên núi Tháp, trên xác thuỷ quái	Dấu chân (thần Điểm Tước), dấu chân chim sẻ lớn
54	Ở ghềnh đá cửa biển Sa Kỳ, Quảng Ngãi	Dấu chân khổng lồ trên đá	Dấu chân ông khổng lồ
55	Ở Gò Yàng, Quảng Ngãi	Dấu chân khổng lồ ở Gò núi	Dấu chân ông khổng lồ
56	Ở làng Bình - Tân (xã Thị Cầu, huyện Quế Võ như tỉnh Bắc Ninh)	Dấu chân khổng lồ trên đất	Dấu chân khổng lồ

57	Ở núi Long Phụng, Quảng Ngãi	Dấu chân thiêng của Cao Biền ở núi	Dấu chân thiêng của Cao Biền
58	Ở Sa Kỳ, Quảng Ngãi	Dấu chân thiêng ở núi	Dấu chân thiêng của Cao Biền
59	Ở đèo De, núi Hồng, Tuyên Quang	Dấu chân thần trên núi đá	Dấu chân ông Tài Ngào
60	Ở Kéo Bon, Định Hóa, Thái Nguyên	Dấu chân thần ở núi đá	Dấu chân ông Tài Ngào
61	Ở núi Cà Quẻ, giữa huyện Định Hóa, Thái Nguyên	Dấu chân ông thần trên ở núi đá	Dấu chân ông Tài Ngào
62	Tại An Tôn, Thành Nhà Hồ, Vĩnh Lộc, Thanh Hóa	Dấu vết đầu đập và vết tay vào đá	Dấu vết đầu đập vào và vết tay của Vợ Bình Khương vào Thành Nhà Hồ
63	Ở xã Vân Trai, huyện Cẩm Thủy, Thanh Hóa	Dấu chân thần trên đá	Dấu chân thần Độc Cước
64	Ở núi Tiên Tích, huyện Yên Thành, Nghệ An	Vết chân khổng lồ trên núi đá	Vết chân người khổng lồ
65	Ở núi Cảm Sơn xã Đại Nại, huyện Thạch Hà, Hà Tĩnh	Dấu vết chân khổng lồ ở núi đá	Dấu vết chân người khổng lồ
66	Ở Khe Cống Đá, huyện Mộ Đức, Quảng Ngãi	Dấu chân của khổng lồ ở trên đá	Dấu chân của Thiền Sư Không Lộ
67	Di tích thờ Đế Thích, đời Hùng Vương thứ mười, hiệu là Tạo Vương	*Dấu vết ba bàn chân lớn in vào thân cây*	Dấu chân thần
68	Mẹ họ Khương, tên là Hoa Tư, vào đời Toại nhân, thấy vết chân người khổng lồ ở Lôi Trạch, giẫm phải, có mang sinh ra Phục Hy	Bà Hoa Tư giẫm phải vết chân người khổng lồ trên đất	Vết chân người khổng lồ ở
69	Tổ tiên của triều đại Chu là do Khương Nguyên giẫm lên vết chân của thiên thần (vết chân gấu) đã sinh ra Hậu Tắc	Bà Khương Nguyên giẫm lên vết chân của thiên thần trên đất	Chu là do Khương Nguyên giẫm lên vết chân của thiên thần, vết chân gấu.

Ghi chú nguồn: Luận án đã sử dụng tư liệu thống kê về dấu chân của hai tác giả: Nguyễn Duy Hinh (theo số thứ tự từ 01 -22); Hoàng Minh Tường (theo số thứ tự từ 22-41); ngoài ra, tác giả luận án đã sưu tầm và bổ sung được 27 dấu chân khổng lồ (theo số thứ tự 42 đến 69).

Bảng 3.3. Thống kê dấu chân có nội dung cốt trong truyện kể về thần Độc Cước

STT *Truyện -PL*	***Dấu chân thần Độc Cước***	***Địa danh***	***Kích thước***	***Gắn với truyển kể***
I	**Truyện kể dân gian về thần Độc Cước**			
1	Dấu chân trên núi đá thuộc làng Núi (đỉnh hòn Cổ Giải)	Sầm Sơn	Kích thước to lớn	Có cốt truyện
3	Dấu chân còn lưu lại trên đá thuộc làng Núi	Sầm Sơn	Như trên (nt)	Có cốt truyện
5	Dấu chân trên đá thuộc làng Núi, dấu chân hằn sâu núi đá	Sầm Sơn	nt	Có cốt truyện
6	Dấu chân trên núi đá	Sầm Sơn	nt	Có cốt truyện
7	Dấu chân trên núi đá	Sầm Sơn	nt	Có cốt truyện
8	Dấu chân trên núi đá	Sầm Sơn	nt	Có cốt truyện
9	Dấu chân trên núi đá	Sầm Sơn	nt	Có cốt truyện
10	Dấu chân trên núi đá	Sầm Sơn	nt	Có cốt truyện
35	Dấu chân trên đá (dãy Trường Lệ, Sầm Sơn có vết chân khổng lồ)	Sầm Sơn	nt	Có cốt truyện
II. Thần tích				
2	Dấu chân in trên đá (chân trái)	Thôn My Du, Hoằng Hóa	Dài 1 trượng 5 thước	Không có cốt truyện
3	Dấu chân khổng lồ ở vườn cau	Cầu Lãi, Hậu Lộc	Dấu chân to	Không có cốt truyện

(Số thứ tự tương ứng với 35 truyện kể về thần Độc Cước, xem Tư liệu Phụ lục 2)

II. PHỤ LỤC 2. TƯ LIỆU TRUYỆN KỂ DÂN GIAN VỀ THẦN ĐỘC CƯỚC

1. Truyện kể về thần Độc Cước được lưu truyền ở vùng Sầm Sơn, Thanh Hóa

Tục truyền, thuở ấy, không ai biết rõ, chỉ nhớ là xưa lắm, cái thuở núi Trường Lệ còn vỗ vào tận xóm Kẻ Trường, ở ngoài khơi có loài quỷ Đỏ rất thích ăn thịt người. Loài quỷ Đỏ này mình tròn trùng trục, mõm dài vêu vao, răng nhọn hoắt chìa ra ngoài mép, miệng há to hơn miệng đấu và đỏ lòm những máu. Đặc biệt thân chúng bọc một lớp vảy cứng và sắc, chỉ cần chạm khẽ vào người nào là người ấy bị xây xát rồi da thịt loét thối dần ra rồi chết. Những người dân chài ra khơi đánh cá thường bị chúng ăn tươi nuốt sống. Họ không đi chài thì cả nhà đói khát, mà ra khơi thì khó thoát khỏi nanh vuốt của quỷ đỏ. Họ đành mò ngao, bắt tôm quanh quẩn ven bờ biển, cửa sông, sống lần hồi qua ngày đoạn tháng. Nhưng lũ quỷ cũng không để họ yên. Chúng khát mồi, mò tận vào đất liền hãm hại những người dân vô tội, chẳng kể đàn ông, đàn bà, cụ già, trẻ ...hễ tóm được ai là chúng ăn thị người ấy. Dân làng cả một miền quê biển này bị chúng giết hại vô kể. Những người sống sót chỉ còn một con đường bồng bế, dắt díu nhau đi tha phương cầu thực. Xóm làng vắng tanh, vắng ngắt. Nhà cửa, ruộng vườn xơ xác, hoang tàn.

Hồi bấy giờ, có một chú bé mồ côi, vừa chui ra khỏi bụng mẹ đã biết chạy nhảy và lớn nhanh như thổi: Những bông lúa, trái cà cũng phải lớn lên vùn vụt. *"Hột lúa lớn bằng người ôm, trấy cà con bằng người gánh",* mà vẫn không đủ nuôi chú bé. Khi chú bé thành chàng trai to lớn dị kì cũng là lúc loài quỷ biển tàn hại dân lành ghê gớm.

Chàng khổng lồ đứng ở cửa sông, hú gọi một tiếng vang đến ngọn nguồn. Dân chài phiêu bạt tận đầu sông, cuối rừng đều lục tục kéo nhau về. Họ dựng lại nhà cửa, sửa sang vườn tược. Rồi trong khi đàn bà ở nhà lo trồng trọt, cấy hái, đàn ông theo chàng khổng lồ đưa bè mảng ra khơi đánh cá. Cuộc sống của họ chẳng mấy chốc lại yên vui "no bằng cũ, đủ bằng xưa".

Lũ quỷ Đỏ sau một thời gian kiếm ăn ở tận phương Bắc xa vời, nhờ những cơn gió nồm đưa tới, chúng đánh hơi thấy mùi thịt người, liền trở về chốn cũ, cái nơi chúng đã một thời tác oai tác quái. Quen như mọi lần, bọn quỷ vây lấy bè mảng. Chúng vừa gầm gào, vừa nhảy múa. Trời tối sầm lại. Sóng cồn nổi lên. Trong ánh chớp giật sáng lòe người ta thấy những cái miệng há ra đỏ lòm, rớt dãi chảy ròng ròng đang nhằm phía những người dân chài chồm tới…

Chàng khổng lồ biết trước thế nào cũng phải đánh nhau với bọn quỷ biển,

nên đã rèn trước và đem theo chiếc búa đồng to lớn. Chàng ra hiệu cho hàng chục chiếc bè mảng chụm lại kết thành một khối và những người dân chài tựa lưng vào nhau, chĩa ra phía trước những cây sào nhọn sẵn sàng đâm vào mồm bọn quỷ. Thấy thân thể chàng Khổng lồ to lớn, lại lăm lăm trong tay cây búa đồng, lũ quỷ hơi e ngại, nhưng rồi ỷ vào số đông và cậy có giáp thần, chúng gầm lên như sấm, quyết không lùi bước. Chàng khổng lồ bất thình lình vung búa nhảy bổ vào giữa đám đông bọn quỷ. Thế sóng gió gào thét chen lẫn tiếng gầm rú của bọn quỷ càng làm cho mặt biển chao đảo dữ dội và bầu trời, tưởng chừng đang bị xé tung ra từng mảnh.

Chàng Khổng lồ đánh nhau với bọn quỷ từ sáng tới chiều. Khi mặt trời ló ra khỏi đám mây và mặt biển trở lại gợn sóng êm ả thì lũ quỷ đã biến mất tăm dạng còn chàng Khổng lồ người nhuộm đỏ như máu đứng bên cạnh những người dân chài bình yên vô sự.

Từ đó, ngày nào chàng khổng lồ cũng ra khơi đánh cá cùng những người dân chài. Bọn quỷ xuất hiện từ xa hễ thấy bóng chàng trai cao to sừng sững giữa đám dân chài, là tìm đường lẩn trốn, kiếm ăn ở vùng biển khác. Dân chài chẳng còn phải lo sợ gì nữa, cứ việc thả lưới, buông câu. Chiều chiều vợ con họ ra đón tận ngoài bến bãi, khiêng về những rổ đầy ắp tôm cá. Chẳng bao lâu làng chài quê biển lại phồn thịnh, đông vui có phần hơn trước.

Một hôm, chàng Khổng lồ và đoàn dân chài từ khơi trở về thấy bến bãi vắng tanh, xóm làng, vườn tược xơ xác như vừa qua một trận bão, trên lối đi, cả trong sân nhà, máu đọng lại từng đám thâm xì. Thì ra, nhân lúc chàng Khổng lồ mải mê đánh cá ngoài khơi, đã lẻn vào đất liền cướp phá. Hôm sau, chàng Khổng lồ ở nhà với những người già, trẻ em sống sót, để phòng bọn quỷ lẻn vào, thì ngoài khơi, các bạn chài lại bị chúng vây bắt. Thế là lũ quỷ tinh ranh, độc ác làm cho chàng Khổng lồ trở nên lúng túng, bị động: Ở trong đất liền thì mất ngoài khơi mà ở ngoài khơi thì bỏ đất liền! Chàng Khổng lồ nghĩ ra cách lấy búa tự xẻ đôi mình: một nửa đứng trấn ngự trên hòn Cổ Giải, một nửa đi theo những chiếc bè mảng ra khơi.

Hôm ấy, lũ quỹ thấy bóng chàng Khổng lồ đang cùng dân chài đánh cá, lập tức lẻn vào đất liền. Chúng rẽ sóng tiến ào ạt, gần bờ mới chợt ngửng nhìn lên nhận ra chàng Khổng lồ đang đứng sừng sững trên đỉnh núi liền hốt hoảng bỏ chạy tán loạn. Rồi chúng lại tập hợp rất nhanh chóng, kéo ập đến chỗ ngư dân đánh cá thì

vẫn thấy chàng Khổng lồ còn đứng nguyên trên mảng y như hồi nãy; chẳng còn hồn vía nào chúng vội tháo lui.

Lũ quỷ cãi nhau chí chóe. Đứa bảo chàng Khổng lồ biết phép thần thông có thể biến hóa thiên hình vạn trạng. Đứa nói mới có thêm một người khổng lồ nữa là hai. Cãi nhau chán, lũ quỷ tản đi các phương khác kiếm ăn vì chúng nghĩ cứ quanh quẩn ở đây dù không bị chết bởi lưỡi búa của chàng Khổng lồ cũng hết đường sống.

Từ đó vùng biển Sầm Sơn sóng lặng gió êm, người dân vui cảnh:

" Chồng chài, vợ lưới con câu
Chàng rể thả bống, con dâu mắc mồi".

Không còn phải lo nạn quỷ Đỏ tàn hại. Nửa thân chàng Khổng lồ còn đứng mãi trên đỉnh núi, bàn chân hằn sâu vào đá núi, lưu lại dấu tích đến muôn đời sau…

Trên đỉnh hòn Cổ Giải trước đây có một tảng đá mang một vết lõm tựa dấu bàn chân người kích thước to lớn, tục truyền là dấu chân chàng Khổng lồ từng đứng đó ngày đêm để giữ gìn quê biển thân yêu. Sau đó, nhân dân địa phương nhớ ơn, lập miếu thờ chàng Khổng lồ làm thần ngay bên cạnh tảng đá, vì chỉ có một chân nên gọi là thần Độc Cước [86; tr 63-77].

(Theo Hoàng Tuấn Phổ (1983), *Thắng cảnh Sầm Sơn*, Nxb Thanh Hóa, tr 63-77).

2. Truyện kể về thần Độc Cước thi tài cùng Bà Triều được lưu truyền ở vùng Sầm Sơn, Thanh Hóa

Nghe tin ở phía bắc cách làng Núi không xa, có người con gái xinh đẹp lại giỏi giang*, thần Độc Cước muốn lấy Bà Triều về làm vợ.*

"*Tục truyền Bà Triều là Tổ sư nghề dệt súc, dệt the, dệt lụa, nghề dệt lưới, đan lưới ..ở làng Triều Dương*". Bà vốn là con gái út Vua, mặt mày xinh đẹp, tay chân khéo léo. Thuở ấy Long Vương cai trị vùng biển Đông là một tên vua tham lam, dâm ô, tàn ác. Long Vương sống trong những cung điện, lầu các nguy nga tráng lệ, dài rộng vô tận, sống với những bà vợ đông không biết bao nhiêu mà kể. Tuy vậy, hàng năm Long Vương vẫn làm mưa to, lụt lớn, dâng nước lên tràn ngập làng mạc, đất đai để cướp gỗ quý về làm nhà và con gái đẹp về làm vợ. Nghe tin Nường út xinh đẹp và khéo tay. Long Vương sai bộ hạ lên gặp nhà vua, xin cưới công chúa về làm hoàng hậu. Long Vương hứa rằng nếu được toại nguyện, sẽ không bao giờ gây nạn mưa to lụt lớn nữa và muôn dân sẽ thoát được cảnh khổ sở về mưa gió, lụt lội chết người, hại của nên đã bằng lòng.

Đến ngày cưới, nhà vua y lời hẹn, đưa công chúa Út xuống thuyền, có thị nữ theo hầu. Mùa mưa mới bắt đầu, nước sông không to cũng không cạn. Con thuyền chở công chúa Út nhẹ lướt xuôi dòng sông. Hôm đó Long Vương vì quá vui mừng sắp được vợ trẻ, đẹp lại là con vua nên uống rượu say rồi lăn ra ngủ, quên cả việc rước dâu. Thuyền công chúa Út không chèo, không lái trôi xuôi xuống cửa bể. Nàng nhìn ra phía trước mặt, thấy mênh mang, trời nước thì vô cùng sợ hãi. Chợt thấy một đoàn mảng của ngư dân đánh cá từ ngoài khơi trở về. Nường Út cởi khăn cầm tay giơ lên vẫy vẫy, ra hiệu cầu cứu. Biết có người bị nạn, cả đoàn mảng chèo nhanh tới vây lấy con thuyền ghìm lại. họ đưa công chúa và thị nữ lên bờ về nhà ở một chỗ kín đáo.

Cảm ơn cứu mạng của những người dân chài nghèo khó và sự nuôi nấng che chở của dân làng. Nường Út ở lại sống với mọi người, đem nghề dệt truyền dạy. Từ đó, ngư dân, đàn ông ra khơi đánh cá, đàn bà ở nhà canh cửi. Có lưới súc, ngư dân đánh được một nguồn lợi lớn. Tục truyền moi là đội quân đông đảo nhất của Long Vương, công chúa Út nghĩ ra cách dệt súc, đánh moi vừa để cứu giúp dân bớt phân đói khổ, vừa tiêu hao lực lượng của Long Vương.

Long Vương không lấy được công chúa Út, nổi cơn giận dữ, hàng năm ngoài việc phun nước làm mưa, còn sai quân lính gồm hàng trăm loài cá, tôm dâng nước mặn tàn hại mùa màng, người vật. Song Long Vương chỉ gây được mưa, còn việc dâng nước mặn, không mấy khi gây nổi tác hại, vì hễ đội quân moi kéo vào lập tức bị lưới súc của ngư dân quét sạch cùng các loài tôm khác.

Làng Triều vốn là một xóm chài thưa thớt trên sông Mã. Từ khi có nàng công chúa Út mới dần dần trở nên phồn thịnh. Nường Út đặt tên là Triều Dương ý nói tuy mình không trở về quê cũ nhưng tấm lòng luôn luôn hướng về phía mặt trời. (1)

*** Thần Độc Cước trong cuộc thi tài với Bà Triều**

Bà Triều đòi thần Độc Cước phải cùng mình thi thố tài năng: *trong khi Bà Triều làm cho tấm lụa đã bị xé tơi vụn trở lại nguyên thành như cũ thì thần Độc Cước phải làm sống lại một con trâu đã tung lên trời cao rơi xuống, xương thịt bị nát bét cả*. Ai làm xong trước kẻ ấy thắng. Độc Cước thắng được lấy Bà Triều, nếu thua phải tôn Bà Triều làm chị.

Cuộc thi bắt đầu, khi mặt trời vừa mới nhô lên khỏi mặt biển. Sau khi xé tơi vụn tấm lụa mới thành muôn ngàn mảnh, Bà Triều vo tròn vào lòng mình rồi tay

trái giữ đống tơ nát, tay phải vung vẩy và tấm lụa cứ theo tay bà mở ra, mở ra thoăn thoắt. Trong lúc ấy, Độc Cước một tay nắm lấy cả hai chân sau con trâu tung lên trời. Con trâu bằng chú voi con bị tung lên cao tít nom chỉ nhỏ bằng con nhái từ từ rơi xuống đất và nát bét thành một đống xương thịt lùng nhùng trong túi da lông đen đúa. Độc Cước ngồi xuống bên cạnh đống xương thịt trâu, dùng bàn tay duy nhất nặn lại từng bộ phận con trâu. Vì Độc Cước chỉ làm có một tay nên khi Bà Triều vừa nối dệt xong tấm lụa, *thì con trâu còn nửa thân sau chưa nặn xong*. Thế là Độc Cước bị thua cuộc, chẳng những không được kết duyên với Bà Triều mà còn phải tôn bà làm đàn chị.

Do cuộc thi tài đó, trong các kì tế hội đồng thần linh trong vùng gồm tam xã bát thôn như tế đảo vũ (cầu mưa), tế kì phúc (cầu phúc)…kiệu Bà Triều đi trước tiên, kiệu Độc Cước thứ hai, rồi mới đến các vị khác theo thứ tự đẳng cấp ghi trong sắc phong của vua. Tại đàn tế, bát hương thờ Bà Triều cũng ở vị trí cao nhất. Về lễ vật, Bà Triều được dâng cúng nguyên cả tấm lụa, còn Độc Cước chỉ được tế cái thủ trâu sống, vì trong cuộc thi ông chỉ mới làm sống lại phần đầu con trâu thì đã hết thời hạn [86; tr.77-81].

(Theo Hoàng Tuấn Phổ (1983) *Thắng cảnh Sầm Sơn* Nxb. Thanh Hóa, , tr.77 - 81).

(1). Cách đây khoảng trên dưới 50 năm, một số ngư dân đánh cá trong biển Nghệ An thoát nạn giông tố cho là được đức thánh mẫu đền Cờn (Nghệ An) phù hộ nên bàn nhau rước bát hương từ đền Cờn thờ chung trong đền Bà Triều. Từ đó, Bà Cờn bỗng linh thiêng hơn Bà Triều và bà Cờn nghiễm nhiên thành vai trò "bà chủ" – chữ Triều Dương còn có nghĩa là chỗ nước biển lên xuống(dẫn theo Hoàng Tuấn Phổ).

3. Truyện kể về thần Độc Cước lưu truyền ở vùng Sầm Sơn, Thanh Hóa

Ngọc Hoàng biết được chiến công của chàng khổng lồ cho thiên sứ xuống gọi chàng trở về trời để nhận chức phong tước, nhưng chàng đã từ chối. Ý nguyện của chàng muốn ở lại nơi trần gian để sống cùng bà con, xóm làng.

Biết không giữ chàng ở chốn thiên đình, Ngọc Hoàng cho chàng một đặc ân là khi trở về dương thế sẽ phong tước cho chàng.

Ngọc Hoàng phán bảo:

- Nhà ngươi muốn về hạ giới ta không giữ nhưng về dưới đó muốn làm chức gì cứ nói, ta sẽ phong cho?

Thưa Ngọc Hoàng, chàng khổng lồ nói: Hạ thần không muốn làm một chức gì cả, mà chỉ muốn sống bình thường như mọi người hạ giới mà thôi.

- Ngươi có công nên ta thưởng phong, nhà ngươi có ưng chăng?

- Thưa Ngọc Hoàng ngài định phong chức gì cho hạ thần nơi trần thế?

- Ta phong cho nhà ngươi làm thần đất bốn mùa hương khói.

- Thần làm gì mà nhân dân phải cúng tế?

- Thần có bổn phận trừ ma tà để bảo vệ nhân dân, nên các ngày tuần tiết dân sẽ cúng xôi thịt.

- Vậy thần chỉ trừ ma tà. Còn bọn thủy quái thì ai trị ?

- Quỷ quái thì thánh mới trị nổi. Nhưng nếu ta phong cho nhà ngươi làm thánh thì dân chỉ cúng chuối oản mà thôi.

-*Tâu Ngọc Hoàng tôi trừ cả ma tà và quỷ quái được không*?

- *Nếu nhà ngươi muốn làm cả thần cả thánh, phải xẻ người làm hai.* ***Không cần Ngọc Hoàng nói thêm sẵn có cái búa trong tay chàng xẻ dọc người ra làm hai nửa*** *như những lần trước chàng đã làm để đuổi bọn thuỷ quái*.

Ngọc Hoàng thấy vậy đành chấp nhận và phong cho thần một nửa làm thánh, một nửa làm thần. Thánh được thờ ở đền Thượng *nơi có dấu vết bàn chân* thuộc địa phận làng Núi, còn nửa làm thần được thờ ở đền Hạ thuộc làng Trường Lệ. Từ đấy thánh Độc Cước được nhân dân làng Núi nói riêng và cả tám làng ba xã (tam xã bát thôn) vùng biển này thờ làm Thành Hoàng [69; tr.12-13].

(Theo Lê Kim Lữ (1998) *Đền Độc Cước* Nxb. Thanh Hóa, tr.12-13).

4. Truyện kể về thần Độc Cước được lưu truyền ở vùng Sầm Sơn, Thanh Hóa

Ngày Xưa, có một năm loài người bị khốn khổ bởi nạn hồng thuỷ, mọi vật trên trái đất đều bị nước cuốn trôi. Lúc bấy giờ có một người đàn bà bụng mang dạ chửa bị nước cuốn đi được sóng đẩy vào bờ, khi đến xóm Kẻ Trường thì nằm lại nơi đây. Bà vẫn nằm ngửa mặt lên trời như có ý nguyền rủa kẻ gây ra đau khổ cho loài người. Bà nguyện làm con đê chắn các làn sóng quái ác để chúng khỏi gây thêm tội ác. Để các bà mẹ khỏi chết thảm thương.

Nhân dân trong vùng cảm phục và thương xót người đàn bà bị nạn bèn rủ nhau đem đất đá đắp lên thi hài thành nấm mộ theo hình dáng người mẹ nằm với đứa con trong bụng, tồn tại cùng với núi, sông, trời, biển.

Không bao lâu từ trong nấm mộ người mẹ, một chú bé ra đời, vừa ra khỏi bụng mẹ, chú bé cứ quanh quẩn bên nấm mộ và cũng nhặt đất đá xếp vào, khiến mộ mẹ ngày một to thêm.

Bà con trong vùng bèn bảo nhau, người đem khoai, sắn, kẻ đem lúa, ngô đến góp nuôi chú bé mồ côi. Được sự chăm sóc của xóm làng, chú bé lớn nhanh như thổi. Chẳng bao lâu chú trở thành chàng trai to lớn có sức khỏe phi thường. Mọi người đều gọi là chàng khổng lồ.

Hàng ngày chàng khổng lồ cùng nhân dân khai phá đất hoang để cấy lúa, khoai sắn, ra biển đánh bắt tôm cá. Rồi bỗng một hôm ngoài biển xuất hiện một loài thủy quái. Những con quái vật này đầu người, tóc con nào cũng to và cứng như rễ tre gai, màu đỏ như lúa. Những chiếc răng nanh to bằng quả chuối tiêu vêu ra, mồm đỏ như chậu máu. Quái vật cổ dài như thân cây dừa, vây cứng và sắc như lưỡi hái. Ai đụng vào thân nó là bị đứt như lưỡi dao xém, hễ bắt được người là nó xé ra ăn tươi nuốt sống.

Một hôm, chàng khổng lồ và ngư dân đi từ ngoài khơi trở về, thấy bến vắng, bãi không một bóng người, xóm làng vườn tược xác xơ như vừa trải qua một trận bão lụt. Trên đường làng ngõ xóm, ngoài sân, trong nhà còn nhiều vũng máu đọng lại. Thì ra, nhân lúc chàng khổng lồ và trai tráng ra khơi bọn thủy quái đã lẻn vào cướp phá xóm làng.

Hôm sau chàng khổng lồ ở nhà, bọn thủy quái lại sát hại người đi biển. Bọn thủy quái quá tinh ranh và độc ác.

Nghĩ mãi, cuối cùng *chàng khổng lồ bèn xả thân mình* làm hai nửa, một nửa theo dân chài ra khơi đánh cá, một nửa ở trong bảo vệ xóm làng.

Như thường lệ, bọn thủy quái thấy chàng khổng lồ đứng lên là chúng lẻn vào bờ. Nhưng khi vào đến gần bờ lại thấy chàng đứng đấy. Chúng nghi nghi hoặc hoặc đã bị chàng khổng lồ vác búa xông vào khiến chúng không còn hồn vía, mạnh tên nào, tên ấy chạy trốn.

Từ đó, vùng biển Sầm Sơn không còn bị nạn thủy quái, phá phách quấy nhiễu, nhân dân lại vui vẻ làm ăn. Chẳng bao lâu lại trở thành vùng biển sầm uất [69; tr.11].

(Theo Lê Kim Lữ (1998), *Đền Độc Cướ*c, Nxb Thanh Hóa, tr.11).

5. Truyện kể về thần Độc Cước được lưu truyền ở Sầm Sơn, Thanh Hóa

Ngày xưa, xưa lắm, làng quê Sầm thôn rất thanh bình, đầm ấm yên vui, chiều chiều bè, mảng đầy ắp tôm cá trở về, người người đông vui như trẩy hội.

Bỗng trời nổi giận, một cơn đại hồng thủy ập tới, hết đợt sóng này lại đến đợt sóng khác điên cuồng gầm thét cuốn đi nhà cửa cây cối ruộng vườn, cứ thế mỗi đợt sóng là một lần cướp đi thành quả lao của người Sầm Thôn.

Chẳng biết từ đâu có một người đàn bà bụng mang dạ chửa nằm ngay ven biển Sầm Thôn, mặt ngửa lên trời, chắn những con sóng dữ, dân làng Sầm Thôn lấy đất đá nấm mộ cho bà, đắp đến đâu nước mắt chảy đến đó, qua năm tháng thành núi Trường Lệ.

Vào một ngày đẹp trời, một ánh sáng chớp lòa từ nơi người đàn bà có giấc ngủ ngàn thu, một cậu bé hiện ra khôi ngô tuấn tú lạ thường. Được dân làn nuôi dưỡng, thương yêu cậu lớn nhanh như Phù Đổng. Đáp lại công lao chăm sóc của dân làng, chàng trai nhanh chóng hòa nhập vào cuộc sống của người Sầm Thôn, ngày ngày lên rừng đốn gỗ làm nhà, chặt luồng bè mảng, chung sức khai phá đất hoang, gánh vác ruộng đồng, ra khơi đánh cá, xây dựng quê hương.

Cuộc sống của dân làng Sầm Thôn đang ấm yên vui thanh bình. Một hôm, khi dân chài Sầm Thôn ra khơi đánh cá thì bất ngờ sóng to gió lớn ập đến, biển gầm thét dữ dội, trên biển xuất hiện quỷ biển đầu rồng, mình cá. Lũ quỷ nhấn chìm tất cả bè mảng, còn người bị nó giết hại ăn thịt.

Sầm Thôn chiều hôm đó, bãi biển vắng tanh, bè mảng tan nát, đường đi lối lại không một bóng người, đây đó vọng lên những tiếng khóc than của những gia đình có ngườu thân bị quỷ biển giết hại.

Đêm đêm, chúng lại mò vào Sầm Thôn quấy phá dân làng, người già, trẻ em bị quỷ biển đuổi bắt ăn thịt, làng xóm trở nên hiu quạnh xơ xác, tiêu điều. Đứng trước thảm cảnh của quê hương, chàng trai căm phẫn uất hận, chàng quyết chí tập trung trai tráng trong làng hợp sức bảo vệ dân chài ra khơi đánh cá, giữ gìn sự bình yên của thôn xóm.

Chàng trai với thân hình vạm vỡ, ý chí kiên cường cùng thanh niên trai tráng Sầm Thôn ra khơi tiêu diệt loài thủy quái. Dưới lưỡi rìu của chàng và những lưỡi mác của trai làng lũ quỷ chết tan tác, nước biển nhuộm đỏ máu, con chết mất đầu, con mất đuôi, con ngắc ngoải, những con còn sống đều chạy biến mất, chúng thực sự sợ chàng.

Căm giận lũ quỷ đến tím ruột, yêu xóm chài thương dân lành vô tội, chàng quyết chí phải diệt loài quỷ dữ tận gốc. Chàng đi về phía mộ mẹ, cầu xin mẹ cho

sức mạnh để tiêu diệt loài thủy quái. Bỗng một tia sáng bùng lên xâm nhập vào tim chàng, cho chàng tự xẻ thân mình làm đôi, một nửa ra biển, một nửa ở trong làng.

Lưỡi búa chia chàng làm đôi. Lạ kì thay hai nửa thân chàng vẫn khỏe mạnh, quắc thước, dũng khí lạ thường. Từ đó một nửa thân chàng ngày ngày ra khơi bảo vệ cho dân chài đánh cá.

Còn một nửa thân đứng trên hòn Cổ giải nơi đầu núi, canh giữ không cho quỷ biển vào bờ.

Một hôm, khi thấy chàng cùng dân làng ra khơi đánh cá, lũ quỷ biển hí hửng bảo nhau: "Ra khơi rồi ta vào làng thôi", vào giữa làng mới biết bị lừa, chúng vô cùng kinh ngạc lại thấy chàng trai sừng sững cùng dân làng đang chờ chúng. Trận chiến quyết liệt xảy ra, quỷ biển hoảng sợ chạy bán sống bán chết và không bao giờ dám tới quậy phá Sầm Thôn nữa.

Ngọc Hoàng hay tin. Vào một ngày trời quang mây tạnh, Người phái thiên sứ cưỡi mây xuống núi đón chàng về trời.

Tại Thiên đình, Ngọc Hoàng mở yến tiệc đón long trọng, rồi phong Thần - Thánh cho tràng trai với tên gọi "Thần Độc Cước", và cho trở về hạ giới theo ý nguyện của chàng để bảo vệ dân làng.

Ngày ấy ở phía bắc Sầm Thôn có một làng biển nghèo, kiếm sống ngoài hai bàn tay mò cua bắt cá ra, họ chẳng có gì. Một hôm, bà già ăn mày xuất hiện đến xin cô gái mồ côi nghèo mấy củ khoai dây mà cô đang cầm trên tay. Cô gái rất thảo, mời bà ăn phần khoai của mình, bà cùng ăn với cô gái và ở lại với cô, thương yêu cô như hai mẹ con.Bà dạy cho cô nghề dệt súc, dệt lưới, giúp cho dân làng bắt được nhiều tôm cá hơn. Nhờ đó mà dân làng bớt được nghèo khó.

Thế rồi một ngày bà đã biến thành cô gái tuyệt sắc thì mới hay bà là người con gái thứ bảy của Ngọc Hoàng, trót làm vỡ chén ngọc nên bị đầy xuống trần gian làm người ăn xin. Do quá yêu xóm chài nên bà đã biến thành cô gái nhan sắc để được ở với trần gian.

Tiếng lành đồn xa. Trở về hạ giới, nghe tin về người con gái xinh đẹp, mắt liễu mày răm, nước da phấn hồng giỏi nghề dệt súc, được dân làng nơi đây quý mến, thần Độc Cước tìm đến ngỏ cầu hôn nàng.

Nàng rằng: "Từ lâu thiếp đã được nghe tin chàng, thiếp rất ngưỡng mộ. Nay được chàng ngỏ lời, thiếp nghĩ phải biết nhau kĩ càng thì việc trăm năm mới

vững bền, vậy thiếp muốn chúng ta cũng nên thử tài đã, nếu chàng thắng thiếp xin về hầu hạ, còn chàng thua thì phải gọi thiếp là chị". Thần Độc Cước đồng ý, rồi nàng thách:

Trong cùng một lúc chàng tung con trâu mộng lên trời cao, khi con trâu rơi xuống đất chàng phải nặn con trâu sống trở lại như trước, còn thiếp thì xé nhỏ tấm lụa rồi chắp lại nguyên lành. Ai xong trước là người thắng cuộc.

Lập tức cuộc thi bắt đầu trong sự chứng kiến của đông đảo người Sầm Thôn và Triều Dương, thần Độc Cước tung con trâu mộng lên trời chạm vào chín tầng mây nhẹ như tung một cục bông, rồi con trâu từ từ rơi xuống trở thành những hạt cát vàng rải khắp bãi biển Sầm Thôn.

Còn cô gái xé tấm lụa tung len thành đám mây ngũ sắc uốn lượn vòng quanh cô, nâng bổng cô lên. Chỉ chớp mắt, tất cả những mảnh lụa được cô chắp lại như tấm lụa cũ không một vết xước. trong lúc ấy thần Độc Cước mới nặn xong phần đầu và con trâu.

Thua cuộc, thần Độc Cước đi lại phía cô gái vui vẻ xin nhận cô làm chị.

Xúc động trước tấm lòng trong sáng của thần Độc Cước, nay cô lại càng ngưỡng mộ thần hơn, cô gấp lụa lại và nói:

Dạ, thiếp xin dâng chàng tấm lụa này do chính thiếp dệt, dây cũng là tấm lòng thiếp gửi trao, từ nay thiếp xin theo để nâng khăn sửa túi cho chàng.

Chưa cuộc vui nào bằng vui này: Thần Độc Cước với cô gái được người dân Sầm Thôn và Triều Dương hoan hỷ bằng những mâm bánh chưng, bánh dày, gõ chiêng, trống, múa hát mừng hạnh phúc, cầu mong thần và cô gái bảo hộ cho cuộc sống của mọi người được ấm no, hạnh phúc thanh bình.

Cuộc vui chưa tàn thì cô gái nhận được chiếu chỉ của Vua cha Ngọc Hoàng phải trở về tiên giới. Lòng dạ ngổn ngang, rối bời, cô nài xin ở lại trần gian, thế nhưng không được chấp nhận. Gạt nước mắt, chia tay với thần Độc Cước và dân làng cô đành trở về tiên giới.

Thần Độc Cước và dân làng ngậm ngùi, luyến tiếc nhìn theo cô gái mờ dần trong buổi triều lên. Để nhớ buổi chia tay, dân làng gọi bà là Bà Triều và lập đền thờ Bà.

Mãi về sau, một lần vua Trần cùng các tướng sĩ hành quân bằng các thuyền chiến lớn, đang đi bỗng dưng trời đất tối trăm không còn biết phương hướng nào

nữa, cho đến khi trời quang mây tạnh thì đoàn thuyền đã nằm trong vùng biển Sầm Thôn. Để dưỡng sức quân, chuẩn bị cho trấn chiến sắp tới, lại thấy người và cảnh nơi đây hữu tình Vua Trần lệnh cho đoàn thuyền cập bờ nghỉ lại.

Đêm ấy Nhà vua ngủ, nằm mộng thấy một vị thần xưng danh là thần Độc Cước, thần nói: "Được biết Vua đem quân đi đánh giặc, giữ gìn bờ cõi, thần nguyện được cùng nhà Vua chiến đấu bảo vệ đất nước". Nhà Vua cảm tạ thần và hứa sau khi thắng trận trở về sẽ lập đền để muôn dân thờ phụng.

Thắng trận trở về, nhà Vua cùng các binh sĩ đến Sầm Thôn, dân làng hân hoan ra đón mừng và dâng những đặc sản như bánh chưng, bánh dày, tôm, cua, cá… cho vua và các binh sĩ.

Ở Sầm Thôn, nhà Vua đi thưởng ngoạn phong cảnh sơn thủy hữu tình, non xanh nước biết nơi đây, khi lên hòn Cổ Giải nhìn thấy một hình bàn chân người in hằn sâu vào núi đá giống hệt trong mộn, lại có cả một cây gỗ Chò Chỉ to ở đâu trôi dạt vào. Thấy nơi đây là mảnh đất thiêng, nhà vua lệnh cho xây đền thờ trên dấu chân ấy.

Hôm sau Quan hướng đạo tập hợp bà con Sầm Thôn đọc chiếu chỉ của nhà Vua cho xây dựng đền thờ và đặt tên là " Đền Độc Cước".

Từ ấy, ngôi đền là nơi hương khói thờ phụng Thần Độc Cước [76].

(Theo Văn Minh–Anh Xuân (Biên soạn) (2005), *Huyền thoại thần Độc Cước*, Nxb. Thanh Hóa)

6. Truyện truyền thuyết về thần Độc Cước được lưu truyền ở vùng Sầm Sơn

Chúa biển phương Bắc khét tiếng tham lam độc ác. Hắn ôm mộng lớn muốn cai quản muôn loài. Vì vậy hắn thường xuyên sai bọn thuỷ quái yêu ma mò vào đánh phá vùng biển Sầm Sơn giầu có. Chúng đánh phá cả trên cạn lẫn dưới nước, gây nhiều tội ác với dân lành. Mỗi lần chúng đến là nhà cửa làng xóm bị tàn phá trơ trụi. Người già thì bị chúng chặt đầu, trẻ con thì bị chúng ăn thịt, của cải châu báu thì bị chúng cướp hết mang đi. Dân vùng biển Sầm Sơn đã anh dũng đánh bại chúng nhiều lần…

Một hôm trời đang quang mây đen bỗng từ bốn phía ầm ầm kéo đến. Quân giặc hung ác ầm ầm tiến đến, Trống đồng vang vang thúc giục mọi người vào cuộc chiến đấu giữ làng. Dân làng ai lấy gươm giáo sẵn sàng chiến đấu. Trời đen kịt gió thét mưa gào! Sóng biển cuồn cuộn đổ liên hồi vào chân núi. Bỗng một tiếng nổ

long trời lở đất, làm mọi người giật mình hồi hộp, núi Sầm Sơn nứt ra một khe lở lớn. Một luồng ánh sáng xanh khe núi phụt lên trời làm cho mây đen tan ra từng mảnh. Trời đất sáng bừng lên, gió ngừng thổi, mưa ngừng rơi, sóng biển ngừng vỗ.

Một chàng trai mặt mũi khôi ngô tuấn tú, thân hình vạm vỡ, thân thắt dải lụa hồng, hai tay cầm hai thanh đoản kiếm từ trong khe núi bước ra. Chàng ung dung đi thẳng lên đỉnh núi, bóng chàng cao lồng lộng oai phong lẫm liệt vô cùng. Mắt chàng rực lửa căm thù, đăm đăm nhìn về phía biển Đông chờ đợi. Lũ thủy quái yêu ma la hét ầm ĩ, mặt đầy sát khí ồ ạt tiến thẳng vào bờ. Đứa nhe nanh, đứa giơ vuốt. Chúng đông như kiến vỡ tổ đếm không thể hết.

Chàng vươn vai tay vung kiếm lao thẳng vào quân giặc mà đâm chém. Hai lưỡi đoản kiếm lướt nhanh trên mặt biển nhanh đến nỗi người ta chỉ nhìn thấy hai vệt sáng trên mặt nước. Lũ thuồng luồng, ba ba, cá mập, bạch tuộc đi đầu chết không kịp ngáp. Thân chúng bị chặt ra từng khúc trôi lềnh đềnh trên mặt biển. Bọn yêu ma vẫn liều chết xông lên.

Chàng càng đánh càng hăng. Chàng như một mãnh hổ xông xáo chém giết lũ giặc dữ. Chúng tiến đến đâu xác chồng chất lên nhau đến đó, máu chúng đỏ ngầu loang trên mặt nước, lũ sống xót xô đẩy, giẫm đạp lên nhau mà chạy. Chàng tráng sĩ cất tiếng hô vang. **Gió từ bốn phía từ từ thổi tới mưa tuôn xối xả.** *Sóng biển dâng lên cuồn cuộn cuốn phăng xác giặc ra biển tẩy sạch mùi tanh hôi. Trời sáng bừng lên*. Dân làng kéo ra đứng chật cả bãi cát hai bên sườn núi reo hò mừng chiến công của chàng tráng sĩ. Tráng sĩ giơ tay vẫy chào dân làng rồi đi thẳng vào khe núi. Cuộc sống dân làng vùng Sầm Sơn trở lại yên vui.

Thua đau chúa biển phương Bắc rất ấm ức. Hắn quyết định tiến đánh lần thứ hai. Lần này hắn đưa số quân đi đánh gấp 10 lần trước. Toàn là bọn yêu ma sừng sỏ, thuỷ quái gian ác nhất vùng. Chúng chia làm hai mũi: một tiến đánh trên cạn, một tiến đánh trên biển. Ở trên cạn bọn yêu ma đi đến đâu là ở đó dân làng đầu rơi máu chảy. Ở dưới nước bọn thuỷ quái quấy đảo tôm cá, lật thuyền, nhai nuốt thịt người. Tráng sĩ lại xuất hiện, chàng lại một phen nữa cứu giúp dân lành.

Để tiễu trừ tiệt nọc được cả bọn giặc trên cạn và ngoài biển, chàng liền xẻ thân làm đôi. Một nửa thân trấn giữ ngoài biển, một nửa thân giữ trong đất liền. Nửa thân của chàng bay lướt trên mặt biển, tay vung đoản kiếm chém bọn thuỷ

quái, đầu chúng rớt như sung rụng. Nửa thân trên cạn chân trụ vững trên đất chém bọn yêu ma. Lưỡi kiếm của chàng bay đến đâu thân yêu ma đổ vật ra đến đấy. Rút cuộc bọn ở trên cạn cũng như dưới nước không có đứa nào chạy thoát.

Chúa biển phương Bắc được tin bại trận chúng tức đến điên người. Hắn ôm đầu vật vã, hộc máu tươi mà chết.

Cũng như lần trước, dân lành lại kéo ra chật bãi biển và chân núi reo hò đón chào tráng sĩ. Lạ thay, không thấy tráng sĩ trở về, người ta chỉ thấy hai áng mây hồng, một từ mặt biển, một từ chân núi bay lên trời. Hai đám mây nhập lại thành một giống hình vị tướng đang bay. Đám mây lượn một vòng trên đầu mọi người rồi bay thẳng về phía mặt trời rực rỡ. Vết tích duy nhất tráng sĩ để lại là *dấu một bàn chân*.

Trống đồng lại vang lên hùng tráng mừng chiến thắng. Cuộc sống của dân lành trở lại bình yên, người người vui mừng khôn xiết. Dân lành lại ra khơi, họ đánh bắt được nhiều tôm cá hơn xưa. Để ghi nhớ công ơn chàng dân lành vùng Sầm Sơn đã lập đền thờ chàng trên đỉnh núi, đền thờ ấy gọi là đền Độc Cước. Câu chuyện về thánh Độc Cước ở vùng biển Sầm Sơn còn lưu truyền đến mãi ngày nay [45; tr.720-727].

(Nguồn: Kiều Thu Hoạch (Chủ biên) (2004), *Tổng tập văn học dân gian người Việt, Tập 5, Truyền thuyết dân gian người Việt*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.720 – 727).

7. Truyện kể về thần Độc Cước được lưu truyền ở vùng Sầm Sơn, Thanh Hóa

Ngày xưa, có một chàng trai, người ở trên thiên đình, sau khi được đưa xuống hạ giới để cứu dân độ thế, do trước dân chài ở đây (Sầm Sơn) đi biển rất khổ sở, sớm đi có chồng con nhưng chiều về thì không thấy người chồng đâu cả. Chàng trai này là người ở trên thiên đình được cử xuống để cứu dân. Chàng đi đánh cá cùng với dân chài, khi đó ngoài biển khơi có loài thủy quái, chàng đã đánh đuổi loài quỷ quái, nhưng chúng rất tinh ranh, khi lũ quỷ thấy chàng ở ngoài khơi, thì chúng lại lẻn vào bờ làm hại dân làng, nhà cửa tan nát.

Trước tình thế đó, chàng trai đứng trên núi Trường Lệ, Sầm Sơn, chàng dùng kiếm xẻ đôi thân người ra, một nửa ra khơi bảo vệ dân chài, diệt trừ ma quỷ trên biển; một nửa ở trong đất liền bảo vệ giúp dân, làm cho mưa thuận gió hòa. Từ đó, dân Sầm Sơn có cuộc sống bình yên, thịnh vượng, người dân yên tâm đánh cá, sản xuất, chàng

trai đó là *thần Độc Cước, chàng đã để lại dấu chân trên đá*, hiện đang thờ trong đền, trên hòn Cổ Giải, thuộc dãy núi Trường Lệ, Sầm Sơn là một minh chứng.

Theo Cụ Phan Đình Bưng 81 tuổi, cụ Từ Thủ đền thần Độc Cước ở Sầm Sơn

(Tác giả ghi lạ, khi đi điền dã tại đền Độc Cước ở Sầm Sơn, Thanh Hóa)

8. Truyện kể về thần Độc Cước được lưu truyền ở vùng Sầm Sơn, Thanh Hóa

Ngày ấy đoàn thuyền của nhà vua Trần đến vùng biển này bỗng nhiên trời biển tối tăm, không biết phương hướng nào nữa. Đến khi trời quang mây tạnh thì cả đoàn thuyền nằm trong vùng biển (Sầm Sơn hiện nay). Rồi đêm buông xuống, nhà Vua đành ngủ lại không đi tiếp nữa. Trong giấc ngủ, nhà vua mộng thấy một thần nhân bán thân đến trước vua thưa rằng "**tôi là Độc Cước chân nhân được Ngọc Hoàng cử xuống cai quản dải biển này**. Nay thấy nhà vua đem quân đi trừ giặc ngoại xâm cứu dân, giữ gìn bờ cõi, tôi xin nguyện giúp một tay" nhà Vua cảm tạ và hứa khi thắng giặc trở về sẽ lập đền thờ để bốn mùa hương khói.

Ngày khải hoàn trở lại vùng biển này, nhớ giấc mộng đêm nào nhà Vua ra lệnh dừng thuyền để đoàn quân nghỉ ngơi. Cảnh đẹp đã thôi thúc nhà Vua rảo gót dạo chơi khi lên đến đỉnh núi nhà *Vua thấy một vết chân to hằn sâu xuống một tảng đá. Vết bàn chân ấy giống hệt vết bàn chân người trong mộng.* Nhà Vua cho mời các bô lão trong làng đến cấp tiền và truyền lệnh dựng đền thờ ngay trên tảng đá có vết bàn chân ấy. Thời kỳ đầu ngôi đền lợp cỏ. Đến thời Hồng Đức có một cây gỗ Chò trôi dạt tới vùng biển này. Dân làng vớt gỗ ấy mà dựng lên ngôi đền nguy nga (*Theo lời kể của tác giả Phạm Thị Ưng)* [24; 590].

(Sơn tiêu Độc Cước – Thần được thờ ở các Nghè Đại An xã Hoằng Lương, Nghè An Lạc xã Hoằng Hải, Nghè Mi Du xã Hoằng Kim, Nghè Trổ Thanh Nga xã Hoằng Trinh thuộc huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa)

(Nguồn : Ninh Viết Giao (1995) (Chủ biên), Hoàng Tiến Tựu, Viên Ngọc Lưu, *Địa chí văn hóa Hoằng Hóa* Nxb. Khoa học Xã hội Hà Nội; tr. 590).

9. Truyện kể về thần Độc Cước được lưu truyền ở xã Hoằng Hải, Hoằng Hóa, Thanh Hóa

Thuở ấy những người dân chài ra khơi đánh cá thường bị lũ Quỉ Đỏ có hình thù dị kì hãm hại. Họ phải vào kiếm ăn trong bờ, song lũ Quỉ Đỏ tinh ranh vẫn mò vào. Bao người đã bị chúng ăn tươi nuốt sống. Họ đành phải dắt díu nhau đi phương khác kiếm ăn.

Bấy giờ ở một làng biển Thanh Hóa có một chú bé vừa ra đời đã lớn nhanh như thổi. Mồ côi cha, mồ côi mẹ, lúc chú bé trở thành một chàng trai to lớn thì làng xóm tan hoang. Chú bé - bấy giờ đã là chàng Khổng lồ - liền hú vang lên mấy tiếng, kêu gọi mọi người trở về làm ăn. Cuộc sống của họ chẳng mấy chốc đã đông vui.

Nhưng rồi bọn Quỉ Đỏ lại mò về. Biết trước thế nào cũng phải đánh nhau với bọn này, chàng đã rèn một chiếc búa đồng cực kì to lớn. Thế rồi chàng bảo những người dân chài kết mảng bè lại đưa chàng ra khơi. Bọn Quỉ Đỏ ùa tới, chàng vung búa, bao đứa bị chết tươi. Đứa còn sống ôm đầu chạy.

Từ đó, hôm nào chàng khổng lồ cũng cùng với những người dân chài ra khơi đánh cá. Nhưng bọn Quỉ Đỏ cũng láu cá, chúng thừa cơ lẻn vào cướp phá của cải và ăn thịt những người ở nhà.

Chàng không đi đánh cá nữa, ở nhà chiến đấu bảo vệ những người sống sót. Biết làm sao đây? Chàng liền lấy búa xẻ đôi mình; một nửa đứng ở mép biển, một nửa đi theo thuyền mảng ra khơi. Bọn Quỉ Đỏ đến đâu cũng bị chàng khổng lồ đánh cho thất điên bát đảo, bỏ chạy tán loạn. Nhưng chàng vẫn đứng đó, lâu ngày, *một bàn chân hằn sâu* xuống đá.

Lâu lắm rồi, vùng biển Xứ Thanh không bị bọn Quỉ Đỏ tàn hại, cuộc sống yên vui, dân nhớ ơn lập đền thờ tôn là "Độc Cước Sơn Tiêu", hay "Độc Cước Chân nhân". Đền thờ chính ở Sầm Sơn, các đền thờ ở các làng tại Hoằng Hóa chỉ là đền thờ vọng [24; tr.592].

(Theo tài liệu của xã Hoằng Hải- Hoằng Hóa - Thanh Hóa, trích "Địa chí văn hóa Hoằng Hóa", Ninh Viết Giao (1995) (Chủ biên), Hoàng Tiến Tựu, Viên Ngọc Lưu, *Địa chí văn hóa Hoằng Hóa* Nxb. Khoa học Xã hội Hà Nội; tr. 592).

10. Truyện kể về thần Độc Cước được lưu truyền ở vùng Sầm Sơn, Thanh Hóa

Từ Thuở xưa, ngoài biển khơi có loài Quỷ đỏ rất thích ăn thịt người; dân chúng kể rằng: Loài Quỷ này mình tròn trùng trục, mõm dài vêu vao, răng nhọn hoắt, miệng đỏ lòm; dân chài ra khơi đánh cá thường bị chúng ăn tươi nuốt sống... Không đi biển thì cả nhà đói khát, mà đi thì khó thoát khỏi nanh vuốt loài Quỷ hung ác, họ đành phải mò ngao, bắt con tôm, con ốc nơi cửa sông, ven bờ để sống cho qua ngày đoạn tháng.

Nhưng lũ Quỷ nào chịu để yên, chúng khát mồi, mò vào tận đất liền, tàn sát hàng loạt người dân vô tội. Không kể đàn ông, đàn bà, người già, người trẻ ... tóm

được người nào chúng ăn thịt ngay người đó. Xóm làng dần dần tan hoang nên vắng ngắt, ruộng vườn, nhà của xơ xác, tiêu điều.

Hồi bấy giờ, một chú bé mồ côi vừa chui ra khỏi bụng mẹ đã biết chạy nhảy và lớn nhanh như thổi (theo truyền thuyết thì đây là con của Mẹ núi); "Hột lúa lớn bằng người ôm, chấy cà to bằng người gánh" vẫn không đủ để nuôi chú bé. Nhưng đất trời phù hộ, chẳng bao lâu chú đã trở thành một chàng trai cao lớn lạ thường. ***Chàng trai đứng trên ngọn núi cất tiếng hú vang, dân làng lâu nay phiêu bạt tận đầu sông cuối rừng đều lục đục kéo nhau về. Họ cất lại nhà cửa, sửa sang vườn tược; đàn ông theo chàng khổng lồ ra khơi đánh cá, đàn bà ở nhà chăn nuôi, trồng trọt cuộc sống của họ chẳng mấy chốc lại no đủ, bình yên.***

Có chàng trai cùng dân làng ra khơi đánh cá loài Quỷ đỏ không làm gì được, hễ con nào lăm le thì lập tức bị băm vằm, xương tan thịt nát dưới lưỡi búa sắc như nước và sáng loáng của chàng.

Nhưng loài Quỷ biển tinh quái, thừa cơ hội chàng khổng lồ cùng thanh niên trai tráng trong lành ra khơi đánh cá, chúng lẻn vào bò cướp phá, nhiều người già, phụ nữ, trẻ em, bị chúng ăn thịt. Hôm sau chàng khổng lồ ở lại nhà với những người sống sót, thì ngoài khơi các bạn chài lại bị chúng lật thuyền vây bắt. Căm giận loài Quỷ biển đến mức tím ruột bầm gan, yêu xóm chài, thương dân lành vô tội. Chàng quyết chí phải diệt hết loài Quỷ để dân chúng được bình yên khi đi biển, lúc trên bờ.

Chàng cầu xin Mẹ Núi cho sức mạnh để tiêu diệt loài Quỷ quái rồi dùng búa tự xẻ đôi thân mình. Lưỡi búa chia chàng làm đôi nhưng lạ kỳ thay hai nửa chân của chàng vẫn khỏe mạnh, quắt thước, dũng khí lạ thường, một nửa thân chàng chèo theo dân chài ngày ngày ra khơi đánh cá, còn một nửa đứng trên đầu núi canh giữ cho xóm làng lúc nào cũng được bình yên.

Từ đó vùng biển Sầm thôn sóng lặng, gió yên, dân lành vui cảnh "Chồng chài, vợ lưới, con câu", không còn phải lo nạn Quỷ đỏ tàn hại nữa. Nửa thân chàng Khổng Lồ đứng mãi trên đầu núi, *bàn chân hằn sâu vào đá,* lưu lại dấu tích muôn đời. Về sau Ngọc Hoàng hay tin hạ giới có chàng trai dũng cảm xẻ đôi thân mình bảo vệ xóm làng cho dân chúng được hạnh phúc bình an. Vào một ngày trời quang mây tạnh, Ngọc Hoàng phái Thiên Sứ cưỡi mây xuống núi đòi chàng trai về trời. Người phong thần cho chàng với tên gọi là "Thần Độc Cước".

Đền Độc Cước ngày nay, do nhiều thế hệ cha ông chúng ta xây nên để thờ Thần Độc Cước và để nhân dân Sầm Sơn cùng du khách bốn phương quanh năm được khói hương, phụng thờ [67].

(Lễ hội 100 năm du lịch Sầm Sơn (2007), (Tài liệu đánh máy, lưu tại Phòng Văn hóa Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa)

11. Truyện kể về thần Độc Cước và Bà Triều được lưu truyền ở vùng Sầm Sơn

Đã lâu và lâu lắm ở Sầm Sơn chưa có nghề ngư. Người dân chỉ kiếm sống bằng cách đi ven biển tìm bắt những con còng, con trai chứ ít khi bắt được cá tôm rất nhiều ở dưới biển.

Một ngày nọ biển Đông sóng to, gió lớn khiến không một ai dám ra khỏi nhà. Thế nhưng trên bãi biển lại có một bà già đầu bạc, lưng còng đang lần bước cố chống chọi với bão tố phủ phàng. Bà cụ khó thoát khỏi cái lưỡi khổng lồ của sóng thần đang chuẩn bị ập tới. Khi chứng kiến cảnh tượng ấy một cô gái, đã liều mình lao tới cõng bà cụ vào nơi an toàn. Từ đó bà cụ sống với cô gái, hai người thương nhau như hai mẹ con vì cô gái cũng không còn ai nương tựa.

Một già, một trẻ dựa vào nhau kiếm ăn trên bãi biển ngày ngày. Có một điều thật lạ, từ ngày ở chung với nhau cuộc sống của họ khấm khá hẳn lên. Làng xóm đồn rằng cô gái được bà cụ trao cho một vật báu có thể đánh bắt được cá tôm theo ý muốn. Người làng dò hỏi, nhưng ai nấy đều ngạc nhiên khi thấy cô đưa ra một tấm lưới gai xe rất săn được đan thành những chét đều và dày. Không ai tin cái vật đơn sơ ấy đánh được tôm cá. Mọi người đều cho rằng mẹ con bà đã không thật bụng đã lừa dối dân làng, nên đã buộc họ phải dời đi nơi khác. Mẹ con người đàn bà nọ phải sang phía bắc Lạch Trào ở vì họ không thể nào sống xa biển được.

Ngày họ ra đi không có ai đưa tiễn, nhưng có nhiều chàng trai để thương để nhớ trong lòng. Họ thầm yêu cô gái nhưng không dám cưỡng lại lệ làng. Trong số những chai làng đem lòng cảm mến cô gái, có một chàng trai yêu mến cô tha thiết, anh dấu kín tình cảm không thổ lộ với ai, đêm đêm lẵng lặng vượt Lạch Trào đến với người thương. Cô gái cũng rất yêu anh nhưng cả hai đều khổ tâm một nỗi: Vì mỗi khi bàn tính chuyện trăm năm, cái điều mẹ cô gái không được dân làng chấp nhận cứ day dứt trong lòng.

Cuộc sống của họ cứ trôi đi trong nỗi buồn vời vợi, cô gái chỉ biết khuây khỏa với những chéo lưới mà bà mẹ nuôi bày cho xe đan hàng ngày. Còn chàng trai

làm bất cứ công việc gì để trái tim dịu bao nỗi đau. Những tấm lưới của mẹ con bà cụ được đem đổi cho bà con trong vùng. Nhờ có lưới của họ mà dần dần mạn bắc Lạch Trào đánh bắt cá dễ dàng hơn. Cuộc sống ở đó ngày càng giàu có, đông đúc...

Trong khi ấy, bên Sầm Sơn người dân vẫn sống vất vả. Cũng cái cảnh bắt ốc, nhặt trai, bắt sứa... qua ngày. Nhiều người cũng tìm cách bơi qua Lạch đi hôi cá vụn mỗi khi người ta giũ lưới. Nhưng mỗi lần đi hôi cá về thì mỗi lần họ cảm thấy xấu hổ, nặng nề. **Người Sầm Sơn bèn khấn cầu Thần Độc Cước, nhờ Thần bày cho cách làm ăn. Thần Độc Cước báo mộng cho dân làng "Ta chỉ là Thần giúp dân giữ yên bờ cõi, bà cụ mà các người đuổi đi mới là Thần giúp dân làm nghề sinh sống, các người đã nỡ xử sự sai với cụ thì phải biết tu sửa lấy mình".**

Cộng đồng Sầm Sơn định cử một số trai tráng vượt sông sang tạ lỗi và đón mẹ con bà về bên này. Nhưng đám trai làng đều tỏ ra ngần ngại. Họ ngượng và xấu hổ vì những ngày vừa qua không hề đoái hoài đến những người đã ra đi. Giữa lúc ấy chàng trai – người yêu của cô gái đã đứng ra xin cộng đồng đảm nhiệm công việc này. Bà cụ vẫn có ý giận... nhưng vì thương con gái nên cuối cùng cũng thuận tình trở lại Sầm Sơn khiến cho tất cả đều vui mừng. Nhưng khi mọi người đã đặt chân lên đất Sầm Sơn thì ai nấy đều ngơ ngác không thấy cụ già đâu. Nhìn ra khơi xa họ chỉ thấy thấp thoáng một mái tóc bạc trắng đang dập dềnh trên sóng biển. Bà cụ đã đến hạn về trời.

May thay cô gái đã được mẹ nuôi truyền nghề nên từ đó người Sầm Sơn mới học được cách đan lưới, đó là nghề dệt súc đánh moi. Từ ngày làm nghề lưới, làm chài, dân Sầm Sơn làm ăn phát đạt, thịnh vượng dần, cư dân ngày càng đông đúc.

Cộng đồng Sầm Sơn hình thành một nếp sống mới. Hàng ngày trong từng gia đình, người chồng đi biển thả lưới, quăng chài, người vợ ở nhà vá lưới, dệt súc, chế biến tôm cá. Biết ơn cụ già, dân làng lập một ngôi nghè ở ngay mảnh đất nơi bà cụ ra đi. Đó là nghè Triều Dương – nghĩa là thủy triều buổi sáng – ý muốn nói tới sự phong quang, tốt đẹp của vùng biển này.

Không ai biết tên bà cụ, người ta gọi cụ là Bà Triều. Những tấm lưới của Bà Triều dệt nên không chỉ đánh bắt tôm cá, mà nó còn dệt lên tình yêu, hành phúc của bao nhiêu chàng trai và cô gái. **Bà Triều chính là Tổ sư của nghề dệt súc đánh moi, nghề cổ truyền của dân biển Sầm Sơn** [67].

(Lễ hội 100 năm du lịch Sầm Sơn (2007), (Tài liệu đánh máy, lưu tại Phòng Văn hóa Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa).

12. Truyện kể về thần Độc Cước – Nguyệt Lãng- Trung Quốc Đại Vương

(Thần Độc Cước được lưu truyền ở làng Phán Thủy, xã Song Mai, Kim Động, Hưng Yên và ở Đông Ngạc, huyện Từ Liêm, Hà Nội).

Tương truyền ở xã Đông Ngạc, huyện Từ Liêm, phủ Quốc Oai, đạo Sơn Tây (nay thuộc huyện Từ Liêm, Hà nội), có người tên là Chu Hưng, vợ là Võ Thị Hồng gặp buổi khó khăn thóc cao gạo kém phải tha phương cầu thực. Họ đến trọ ở chùa Tiêu Sơn, xã Tiêu Sơn, huyện An Phú, phủ Từ Sơn. Hai người chăm chỉ đèn nhang, quét dọn chùa chỉ mong sao có mụn con trai nối dõi tông đường. ***Vài tháng Võ Thị có mang, đủ ngày tháng đẻ ra cái đầu không chân tay, khóc vang như sấm. Vợ chồng sợ hãi cho là quái thai đem bỏ đi.***

Một tháng sau lại có mang đến ngày đến tháng lại đẻ ra một cục thịt không có chân tay mặt mũi, họ lại đem bỏ đi. Sau đó lại có mang lần thứ ba và đến giờ Mão ngày mùng bốn tháng giêng năm Giáp Ngọ đẻ ra một đứa con trai dáng mạo dữ tợn, trên đầu có một cái sừng, trong mình có bẩy cái lông mọc dài. Vợ chồng sợ hãi đem bỏ đi.

Hôm đó trời nổi cơn mưa gió, sấm sét nổi dữ dội, cậu bé bỗng dài thành 10 trượng, một tiếng sét đánh tách cậu bé thành hai nửa, mỗi mảnh có nửa người, một tay một chân, một mắt. Một nửa người bay lên trời là đại tướng âm binh, một nửa tìm về sống với bố mẹ. **Lớn lên cậu được đặt tên là Văn Minh, có công dẹp loạn Ngũ Hồ ở phương Bắc, trấn áp ma quỉ ở phương Nam**, thường qua lại các vùng Ái châu, Kinh Bắc, Từ Liêm, khi hoá thì rất thiêng, các nơi đều lập đền thờ. Vùng Ái châu có nhiều đền thờ nhất, song đền thờ chính ở xã Đông Ngạc, huyện Từ Liêm. Đạo Sĩ, phủ thuỷ đều thờ Ngài, ma quỉ thì sợ oai Ngài. Triều Lý cầu đảo ở đền thờ Ngài rất linh ứng.

Vào đời Lý Thánh Tông, giặc Chiêm Thành vào quấy phá nước ta, Vua Lý Thánh Tông phải thân chinh dẹp giặc. Khi đi qua địa phận xã Tiên Sơn trời bỗng đổ mưa, bốn bề tối tăm mù mịt, nhà vua cho dừng quân ở chùa Trường Liên Tiêu sơn. ***Đến đêm vua nằm mơ thấy một vị thần hình dáng kì quái chỉ có nửa người một tay, một chân, chỉ huy âm binh tới quì trước mặt nhà vua tâu rằng:*** *"Thần là Độc Cước ở chùa Tiên Sơn quản lí tất cả âm binh ở thiên đình và âm phò tế độ". Nhà vua tỉnh dậy biết thần rất anh linh ra lệnh cho ba quân mật đảo. Sau khi đánh lui*

quân Chiêm Thành nhà vua sai dựng miếu thờ cúng, gia phong là Thượng đẳng phúc thần.

Đến thời Trần Thái Tông ở xã Tiêu Sơn, huyện An Phú, Phủ Từ Sơn, đạo Kinh Bắc có một người vốn dòng dõi thi thư là Lê Cự, vợ là Đặng Thị Cầu là người một lòng trung nghĩa, chất phác. Kể từ tam đại nhà ông chỉ làm điều phúc đức, chưa hề làm hại người và vật, lại rất chăm lo việc cúng tế rất là thành kính. Thấy ông là người có đức độ trung thực, dân địa phương bầu ông làm thủ từ giữ việc *đèn nhang ở chùa Trường Liên thờ Độc Cước.*

Hồi ấy vợ chồng ông đã ngoại tứ tuần mà không có con trai, một hôm ông nằm mơ thấy trong chùa hào quang sáng rực rỡ, một vị thần sáng láng như vàng ngự trên toà sen, hai bên tả hữu có nhiều người hầu. Có lệnh truyền cho một vị Long thần đem hai tiểu đồng xuống đầu thai là con họ Lê ở xã Tiêu Sơn, huyện An Phú. Long thần dạ ran rồi trao hai tiểu đồng cho ông, khi ông hỏi tên thì Long thần trả lời một người tên Nguyệt Lãng, một người là Trung Quốc rồi trao cho ông. Ông chợt tỉnh biết là chiêm bao. Từ đó Đặng Thị có mang, đến giờ Dần ngày mùng 7 tháng giêng đẻ ra một bọc có hai con trai. Khi đẻ hương thơm bay ngào ngạt, nhớ lời trong mộng ông đặt tên con là Nguyệt Lãng, Trung Quốc.

Nguyệt Lãng và Trung Quốc hay ăn chóng lớn, không bệnh tật, học hành thông minh tấn tới. Nghe tin quốc lão, pháp hiệu Tinh Quân tiên sinh Xích Đằng, phủ Khoái Châu, đạo Sơn Nam tinh thông về thiên văn địa lí, bói toán, và thuật phù thuỷ trong nước không ai sánh kịp, hai ông liền đến thụ giáo.

Do bẩm tính thông minh, hiếu học, hai anh em học vai năm đã học hết phép thuật của thầy. Hai ông xin phép thầy về thăm quê, chẳng may bố mẹ đều ốm nặng và quy tiên. Lo tang ma cho cha mẹ xong, **dân làng lại cử hai anh em ông giữ đền Độc Cước. Đêm đêm hai ông mơ thấy thần Độc Cước đến chơi kết nghĩa làm anh em. Hai ông đắc đạo được tôn là Thần sư.**

Hồi đó ở châu Xích Đằng bị nạn hoả tai nghiêm trọng, vua Trần Thái Tông phải thân chinh về lập đàn tế, nhưng không dập hẳn được, riêng xã Phán Thuỷ vẫn cháy dữ dội. Vua Thái Tông than: "Đời Hán Quan Vũ xưa ở Hoằng Nông cũng bị họa tai, Lưu Côn chỉ là một viên thái thú, mà còn làm cho trở gió dập tắt lửa huống chi ta là vua một nước thân hành đến trị lửa mà lửa không tắt, chả hoá ra đức độ của ta không bằng Lưu Côn ư?"

Nhà vua bèn dừng xe ở Phán Thuỷ yết bảng lên rằng: Ai có tai dập hỏa tai thi ta sẽ phong tước và ban cho cả xã này làm hương hoả mai sau. Bấy giờ, nhiều phù thuỷ cao tay đến mà không dập tắt nổi hỏa hoạn. Trung Quốc, Nguyệt Lãng nghe được tin này rất lấy làm lạ tự hỏi: "*Thầy của ta trừ muôn ngàn ma quỉ chẳng lẽ không trừ được hoả tai?"*

Hai ông đến yết kiến thầy thì hoá ra thầy đã tạ thế. Hai ông làm lễ cúng tế thầy xong liền đến yết kiến Trần Thánh Tông.

Đêm trước nhà vua và dân xã Phán Thuỷ đều mơ thấy có người xưng là sứ giả nhà trời báo rằng**:** "*Ngày mai có hai vị quan lớn đến, hai vị này phúc thần xã Phán Thuỷ, Hoàng thiên đã quyết định như vậy, hai vị này đến thì hoả tai sẽ bị dập tắt".*

Ngày hôm sau hai ông đến, Thái Tông và nhân dân Phán Thuỷ tiếp đãi rất hậu. **Hai ông bèn lập đàn cầu đảo Độc Cước thần vương. Đang hành lễ thì có một cơn gió thổi tới, một vị thần cao 10 thước, nửa mặt, nửa thân, một chân, một tay đứng trên đàn. Hai ông cầm cờ lệnh đọc đạo thần chú, tự nhiên có rồng và kì lân đến phun nước vào lửa dập tắt ngay hỏa hoạn.**

Từ đó dân không bị hoả tai và rất yên ổn làm ăn. Thấy Thần Độc Cước anh linh, vua bèn phán truyền cho dân Phán Thuỷ lập đền thờ ngài tại xã. Vua mời hai ông Nguyệt Lãng và Trung Quốc đến thử tai.

Hai ông tỏ ra là bậc văn võ toàn tài, thông minh xuất chúng. Vua truyền đón hai ông về Thăng Long, nhưng dân Phán Thủy kêu với vua để hai ông ở lại cho họ yên ổn làm ăn. Nhà vua bèn miễn thu phen tạp dịch cho xã Phán Thủy và cho ông anh Nguyệt Lãng ở lại với dân Phán Thủy, còn cho ông Trung Quốc về kinh ban cho quyền cao chức trọng. Nhân dân Phán Thủy cảm phục ân đức cao sâu trời bể, họ gọi ông Nguyệt Lãng là Đương Cảnh Thành Hoàng.

Hồi đó giặc Mông Cổ sang xâm lược, nhà vua phải tạm lánh ra Đông Bộ Đầu. Hai ông hiệp lực với Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn phá tan quân Mông Cổ, rước vua trở lại kinh thành. Vua phong hai ông là Đốc Lĩnh quản xuất các đạo binh mã. *Sau đó nhà Nguyên sai Ô Mã Nhi và Nguyễn Bá Linh (Phạm Nhan bị bắt đem chém cứ chém rụng đầu nọ lại mọc đầu kia) sang đánh nước ta. Nhà vua lấy làm lo.*

Hưng Đạo Vương cùng hai ông phụng mệnh đánh một trận lớn ở sông Lục Đầu bắt sông được Ô Mã Nhi. Hai ông tâu lập đàn cúng Độc Cước Thần

Vương giúp nhà vua chém Bá Linh, Bá Linh chết hẳn. Quân Nguyên bị thua kéo quân về nước, từ đó thiên hạ thái bình. Hai ông được phong tước Đại vương. Hai ông lạy tạ vua rước sắc về Phán Thủy mở tiệc mừng rất trọng thể. Từ đó hai ông cùng dân sống cuộc đời yên vui vô sự. Hai ông khuyên dân làm ruộng trồng dâu, làm việc thiện, trừ việc ác.

Trong 34 năm gắn bó với Phán Thủy hai ông rất nặng nghĩa, nặng tình có nhiều công đức lớn đối với dân. Một hôm đang ngồi hội họp với dân làng ở khu Cái Lạp, bỗng nhiên có dải lụa điều từ trên trời rủ xuống bàn tiệc của hai ông, hai ông cùng hoá, chỉ còn áo mũ để lại cõi trần mà thôi. Nhà vua sai quân về làng làm lễ tế bái, gia phong là Thượng Đẳng Phúc Thần.

* Những điều cần ghi nhớ:

- Dân xã phải kiêng huý 4 chữ Nguyệt Lãng, Trung Quốc, ngày hành lễ cấm dùng mầu hồng, mầu tía.

- Ngày 4 tháng giêng là ngày sinh của Độc Cước, ngày mùng 7 tháng giêng là ngày sinh của hai ông Nguyệt Lãng, Trung Quốc.

- Lễ vật dùng một mâm thịt sống, một mâm thịt chín. Hát và đánh cờ (1-10 tháng giêng).

- Mùng 3 tháng chạp là ngày hoá của hai ông, lễ vật dùng lợn gà rượu xôi bánh giầy, có một mâm thịt sống để dâng cúng Độc Cước Thần Vương [62; tr.209-214].

***(Theo Vũ Tiến Kỳ (2008) (sưu tầm, tuyển chọn, biên soạn và giới thiệu, Truyện cổ dân gian Hưng Yên, Nxb Văn hóa Thông tin Hà Nội, tr 209 – 214. Sưu tầm ở Thần tích làng Phán Thủy, xã Song Mai, Kim Động, Hưng Yên).*

** **Truyện kể trên (số 12) cũng tương tự giống như câu chuyện được tác giả Vũ Thanh Sơn, sưu tầm trong cuốn "Những vị thần được thờ ở Hà Nội", Nxb Hà Nội, 2004, Tr 254 – 259).***

13. Truyện kể về thần Độc Cước được lưu truyền bởi các thầy Phù Thủy

Người ta không rõ ông Độc Cước này ra đời từ bao giờ, chỉ thấy truyền thuyết nói rằng:

"Đời Thượng Cổ ở bên Tàu có một vị nho sinh, một hôm vào trong núi tìm Hoa Lan và thưởng cảnh. Khi trở về thì gặp một người con gái đang định nhẩy xuống vực sâu tự tử. Chàng nho sinh bèn giữ lại kịp và hỏi lý do thì cô gái cho biết là nàng bị cha mẹ ép gả cho một tên cường hào giàu có lớn hơn nàng tới 40 tuổi,

cho nên nàng phẩn chí muốn chết. Nàng định đến nhà cậu ở nhờ nhưng đi đến đây hết tiền, nên lên mõm núi này để tự vẫn.

Chàng nho sinh thấy nàng nói năng mềm mỏng và mặt lại rất đẹp, đời chàng chưa hề gặp. Hiện nay chàng đến đây theo học, tiền bạc có sẳn lại ở có một mình trong một căn nhà mà chàng thuê người dựng lên ở nơi vắng vẻ nay nếu nàng chịu lấy thì ta đưa nàng về ở chung để nàng lo việc cơm áo cho ta.

Nghĩ thế chàng liền ướm hỏi cô gái thì cô gái gật đầu. Chàng nho sinh đưa cô gái về nhà ở và sai nàng đi chợ mua sắm thức ăn, chàng ở nhà đọc sách. Một năm sau nàng sinh hạ được con trai đầu lòng rất ngộ nghĩnh. Vợ chồng ăn ở với nhau rất hạnh phúc cho tới năm đứa trẻ lên 4 tuổi thì một hôm gần tết chàng ra thị trấn mua bút giấy bỗng gặp vị đạo sĩ, vị đạo sĩ nhìn chàng rồi hoảng hốt than nhỏ:

Ôi! người sắp chết đến nơi rồi không biết. Tiếc thay!

Chàng lấy làm lạ, bèn vòng tay làm lể và xin vị đạo sĩ chỉ dạy cho. Vị đạo sĩ nói, chàng đã lấy phải một con yêu tinh nó đã thu hút tinh khí của mấy trăm người rồi, nay nó sắp thành một loài quỉ Tiên không ai trừ nổi. Vậy chàng phải tránh xa nó không thì chết.

Chàng nho sĩ cả sợ vội van xin vị đạo sĩ hãy cứu chàng và vì đời trừ hại giúp Vị đạo sĩ nói:

- Nó thụ hấp tinh khí của nhiều người rồi nên ta không đủ sức giết nó. Vậy ta cho ngươi một đạo phù này đem về dán ở cửa chính còn một đạo thì đeo vào người. Hễ khi nào nó đi chợ thì ngươi ở nhà hãy dán bùa và đeo bùa, rồi ở trong nhà, khi nó về nó sẽ không vào nhà được, dù cửa mở. Nó sẽ gọi ngươi mở cửa cho nó vào thì ngươi biết nó yêu tinh đuổi nó đi.

Chàng nho sinh nhận hai đạo phù đem về giấu kín trong quyển sách không cho vợ hay biết. Hôm sau chàng sai vợ đi chợ sắm tết. Khi người vợ đi khỏi chàng đem hai đạo bùa ra đeo và dán ở cửa. Đến quá trưa người vợ về đến sân bỏ thúng xuống và đứng ở sân gọi chồng mở cửa cho nàng vào.

Chàng nho sinh bèn đuổi nàng đi và cho biết nàng là yêu tinh. Người vợ thấy chồng đuổi bèn giơ tay vẫy, thì thằng bé đang chơi ở một góc nhà, thấy mẹ vẫy bèn chạy ra sân. Chàng nho sinh không kịp giữ lại. *Đứa trẻ ra đến sân thì con yêu cầm hai cổ chân đứa trẻ xé ngược lên và lè lưỡi ra như người ta dùng kiếm mà rọc,* ***đứa***

bé liền bị xé như chẻ làm hai*. Con yêu vứt hai nửa đứa trẻ xuống sân thì một nửa đứng lên còn một nửa té nằm trên đất. Con yêu gọi lớn:*

- Người không lấy ta nữa thì con đó, chia đôi mỗi người một nửa.

- Rồi nó chạy đi và cái nửa xác sống nhảy theo sau mà đi vào núi. **Cái nửa người đó là Thần Độc Cước là chúa Quỷ**[166].

*(*nguồn Hoàng Quốc Huy (2016) *Thần Độc Cước-Tổ sư của đạo Phù thủy Việt Nam*, http://thienuy.org.vn/bvct/phong-thuy-bua-ngai-am-trach-duong-trach/53/than-doc-cuoc-to-su-cua-dao-phu-thuy-viet-nam.html

14. Truyện kể về thần Độc Cước được lưu truyền ở Hiệp Hòa Bắc Giang

Ngày xưa có một anh thanh niên mồ côi cha mẹ, ngày ngày vẫn đơm đó ở trên con sông đào, một lần vào rừng đốn củi anh thấy một con hổ con bèn mang về nuôi, ngày ngày anh cùng con hổ ra bờ sông đơm đó.

Một hôm, anh có việc phải đi và dặn con hổ nằm ở đó trông cá, con hổ lâu không thấy chủ về nên ngủ thiếp đi, một lát sau anh thanh niên quay trở lại chỗ cũ thì con hổ đang ngủ, tưởng có người lạ đến lấy cá, bèn bật dậy quật chết ngay lập tức. Khi con hổ tỉnh hẳn, thì hóa ra đó là chủ của mình, con hổ thấy ân hận và cứ canh xác chủ không cho mọi người chôn. Sau đó nó càm xác chủ qua vùng Sóc sơn (Hà Nội) – Vĩnh Phúc và lại càm quay về, lúc này xác của chủ bị thối rữa và xương rơi ở khắp nơi, khi qua đất Sơn Giao thì một xương gióng chân rơi xuống.

Ngày hôm sau chỗ đó có mối đùn đất cao, *nhân dân trong vùng thất vậy bèn lập miếu thờ, sau này tôn làm thành hoàng*, **thờ tại đình làng và gọi là thần Độc Cước** [111; tr.724].

(Theo Ngô Văn Trụ - Ngô Văn Thành chủ biên (2008), *Di sản văn hóa Bắc Giang, Văn học dân gian, tập 4*, Bảo tàng tỉnh Bắc Giang xuất bản, tr 724*)*.

15. Truyện kể về thần Độc Cước được lưu truyền ở Đình Nội Đông, xã Yên Sơn, Lục Nam, Bắc Giang

(*Bản sao về vị Bản Thục đại vương và **Độc Cước thần linh ở Tiêu Sơn** dưới triều Lý Cao Tông (theo chính bản của bộ Lễ triều Nguyễn, Thần thượng đẳng thần, thất phẩm).*

Đến đời Cao Tông triều Lý, truyền rằng ở trại Đông Thắng huyện Phong Phú, phủ Từ Sơn, đạo Kinh Bắc có một gia đình họ Nguyễn, tên là Lễ, lấy người

Phú Độ, tên là Đào Thị Khôi, gia thế ông Lễ vốn là một người hào trưởng có tiếng giàu có, vợ chồng ông nghèo, nhưng nếu việc làm phúc dù bằng sợi tơ cũng làm. Những việc hành nhân tích đức, tạo tượng đúc chuông, làm cầu, dựng chùa, sửa điện, vợ chồng ông đều hết sức khắc ý ghi tâm.

Vợ chồng ông duy chỉ chuyên cần làm phúc. Khi tuổi đã cao, ông bà vẫn thờ ơ chuyện chăn gối. Khi ông tuổi đã cao và Thái bà đã ngoài tứ tuần vẫn ưng chuyện loan phượng. Trải đã 20 năm, vẫn chưa thấy tin vui từ nơi màn chướng, ông thầm niệm trong lòng: Ngày sau lấy ai mà hương khói! Than ôi! Than ôi!

Lòng trời thật bất công, năm 65 tuổi ông bỗng nhiên mất, Thái bà bèn làm lễ mai táng. Trong suốt 3 năm, Thái bà trông nom phần mồ mả như khi ông còn sống để trọn cái nghĩa vợ chồng. Sau 3 năm mãn tang, Thái bà giao gia tài, hương hỏa cho người cháu để cúng giỗ tiên tổ và phu nhân rồi đến trụ trì cảnh giới ở chùa Tiêu Sơn (chùa Tiêu Sơn cũng ở trong huyện).

Thời đó ở chùa Tiêu Sơn có một cây đại thụ không biết đã có từ mấy nghìn năm. Cành lá rậm rạp, xum xuê. Dưới gốc cây có một tòa thạch bàn ngũ sắc. Những đêm gió mát trăng trong, Thái bà thường ra đó tĩnh tọa để hóng mát ngắm trăng. Một ngày, Thái bà thắp hương lễ Phật, rồi ra nằm ở thạch bàn, rồi tự nhiên thấy một đám mây ngũ sắc chói sáng bao quanh Thái bà, trên bụng có một đám mây. *Rồi tự nhiên đám mây tan đi, lại thấy một người quần áo, mũ khăn chỉnh tề,* ***thân hình cao to, mặt đen như mực****, góc miệng có răng, hình thù quái dị, từ không trung bay xuống đứng ngay trước mặt, quát lên một tiếng và nói rằng:*

Vâng mệnh thượng đế, thần vốn là chưởng lĩnh các thần Tiêu Sơn, làm chúa tể, có quyền trấn trị ở chốn già lam. Bị thiên đình biến truất, giáng xuống làm người nhân gian, nhập và đầu thai ở Thái bà để làm con.

Đương nói chưa hết, bỗng nhiên nhập vào Thái bà

Thái bà bỗng nhiên tỉnh mộng, bàng hoàng kinh sợ, mồ hôi vã ra như tắm, toàn thân ướt đẫm như ở giữa trời mưa. Xa nhìn về phía trước, **trên mặt đất có một hòn đá giống như người cao 3 thước**. Thái bà lấy làm quái dị, bèn chạy về Thiên gia, ngầm tưởng đến một điều tốt lạ. Từ đó bèn trai khiết chí thành thắp hương cầu nguyện ở Tam bảo Phật điện để trừ quái sự. Thắp hương nguyện lễ xong, đêm đó Thái bà mộng thấy nữ nhân nhan sắc tuyệt đẹp, có vòng hào quang trên đầu, thân mặc áo vàng màu trắng, tay cầm đóa hoa sen vàng đứng ở trước án

Tam bảo. Cô gái liền triệu hô Thái bà đến án. Thái bà phụng mệnh đến trước án khấu đầu hành lễ. Nàng liền quỳ trên án nói rằng:

- Ta vốn là Bạch Y Bồ Tát phụng mệnh từ tôn thượng phát truyền báo cho được biết: Nay có Tiêu Sơn thần già làm chúa tể, tính cường thử bất pháp thượng tào tàn phá nhất tòa nhạc phủ quyết liệt đến một nửa Tiêu Sơn, *nghịch mệnh Thiên tào, vì vậy giáng xuống trần, cho vào làm con nhà họ Nguyễn.* Nhà bà phúc hậu, không có gì là quái dị cả. Nói chưa hết, Thái bà kinh sợ tự nhiên tỉnh giấc biết rằng mộng báo điềm tốt lành. Từ đó, Thái bà cảm thấy trong mình có thai. Từ khi biết mình có thai, đi trên đường thấy có đám mây họp lại hình người, đứng ở trên đầu, có người truyền hô rằng.

Thiên thượng thanh thanh
Địa thượng hoàng hoàng
Thiên thần giáng thế
Hiệu tương Tiêu Sơn

Dịch nghĩa:

Trời cao xanh xanh
Mặt đất vàng vàng
Thiên thần giáng thế
Xuống vùng Tiêu Sơn

Mấy ngày liền không ngừng. Người đời truyền rằng, Thái bà có thai được ba tháng, bụng cao tròn như cái trống to. Thời kì ấy, những người ở động Tiêu Sơn, từ già trẻ, gái trai đều phỉ báng, cho rằng *thiền ni* tư thông mà có chửa. Mọi người đều xỉ nhục thậm tệ Thái bà, Thái bà ngậm ngùi chịu đựng.

Trước đây Thái bà có một muội nương lấy chồng tại khu Nội Đông, động Yên Sơn, tổng Trí Yên, huyện Phượng Nhỡn, phủ Lạng Giang, đạo Kinh Bắc. Người em gái đó tên là Đoàn Thị Phương, lấy chồng tên là Hà Công Mật (gia đình Hà Công Mật, sau đó di cư đến khu Đông của trại Yên sơn, xã Phú Thử, huyện Thân Bản, phủ Nghĩa Hưng, Sơn Nam hạ, người di cư đến đây tròn một vòng đời).

Khi ông Mật 38 tuổi thì người em (Phương Nương) của Thái bà tròn 31 tuổi. Vợ chồng ông đều dốc lòng trợ giúp người nghèo, có tiếng là người tích thiện gia phúc. Vợ chồng ông mộng thấy đầu hổ, là điềm lành, rồi có thai. Đến ngày 12 tháng 11 năm Bính Dần sinh hạ được một con trai, thể mạo khôi kì, mắt phượng, mày

ngài, mũi hổ, tam đình đều nhau, hàm én triều thiên, tai trắng, mặt hồng, tay dài quá gối, cao lớn đường đường, khác hẳn là Thục Công. Năm 13 tuổi học thông tam tạng ngũ điển. Vĩ tần văn chương: Đi 7 bước làm xong một bài thơ. Vũ dũng như thần, có tài hiệp chúng siêu quần. Người nơi đó đều kính cẩn không dám đương đối.

Người đời truyền rằng: Thời kì đó, Thái bà tìm đến nhà em gái, nói rõ trước sau sự việc của mình cho em gái biết. Người em gái nghe lời kể của Thái bà, cho làm quái dị, trong lòng ngẫm cho rằng tự trước đến giờ chị bà là người không có lỗi. Nhưng mới nghe lời nói mà chưa biết sự việc thì chưa thể tin được.

Thái bà ở nhà người em gái được mấy ngày. Thời kì đó, người dân (tức khu Nội Đông, trại Yên Sơn) có các họ Nguyễn, Phạm, Đỗ, Vũ, Lê, Trần, Đào, Bùi, Dương, Mai, Đình, Triệu, Hoàng. *Sau đó mộng thấy quan quân, voi ngựa về ở.* Nhân dân tập trung bốn mặt (để đánh) nhưng không thắng. Trong số đó có một đạo binh của một quan nhân, y quan chỉnh tề dẫn vào khu Nội Quán (thời kì đó, ở khu Nội Đông, trại Yên Sơn có dựng một quán ở hướng Cấn nằm ở phía trước cửa quán có một khe nước nhỏ chảy quanh 7 con ốc dực tinh phong đôi ở sau, tam tinh ưng lập ở ngoài, phía trước có hình rồng, phụ bảng thổ cục, khai xả tâm, ất vi ngũ cục. Quán dựng tại long hình thổ cục, bên ngoài có ao ước chảy chầu vào dòng nước có tả hữu kim tinh. Xa ứng phù my, ngoại giới tiểu giang, mạch sơn phía trước bọc ra phía sau là hướng Cấn nước tụ ở phía Đông Nam chảy ngược lên phía Tây bắc thành một khối. Quay về ở đất khu giới, xa xa phái sau, có nhiều động ứng dựng ao hồ làm bảng, tả hữu loan hồi ở phía xa, cờ ngựa bốn mặt chầu về quán. Trong khoảng Đinh, Quý Khảm, Mão Dậu ba phần để làm quý cục. Bên ngoài phía trước có cửa ao làm minh đường mộc tinh kết làm án ở phía sau gối đầu ở bình động mộc ấn). Viên quan đó tức thì triệu nhân dân hội họp, nói rằng:

Tôi là Thần Kì quyền chưởng địa khu dân giã. Nay có chiến binh Thanh xứ chỉ dẫn vào khu nhân dân.

Sáng sớm hôm sau (tức ngày 12 – 5), Thái bà đến kì mãn nguyệt, giáng sinh thiên binh thần tướng, làm Bắc thiên binh hội giáng xuống khu dân, trợ giúp thần tướng giáng sinh. Nay dân chúng làm lễ mừng, không nên sợ hãi.

Nhân dân nghe ra và cùng Thái bà đều khấu đầu bái tạ. Thái bà hốt nhiên tỉnh mộng. Lúc đó đã là giữa canh ba, *Thái bà bỗng thấy trong trăng có một tiếng to phát ra như sấm.* ***Thiên địa trấn động, mưa to gió lớn,*** muội nương lấy làm kì dị, bàng

hoàng sợ hãi vô cùng, bàn cùng Thái bà đến nơi quán sở, Thái bà bèn ngồi ở đó (ngày 12-5). Lúc đó cả khu quán sở thiên địa hôn ám, ***giữa ban ngày mà tối tựa đêm***. Bên ngoài hổ, rắn, giao long đều nằm ở ngoài. Mọi người đều vào trong quán. Trong quán**, bốn mặt cờ tướng đại khởi tiếng hô như sấm**. Lúc đó nhân dân (tức khu Nội Đông, trại Yên Sơn) thấy thế rất sợ, bèn hội đàm với Thái bà. Mọi người thấy vậy đều vô cùng sợ hãi.

Được ba ngày trời đất trở lại quang sáng. Khi đó, nhân dân (tức khu Nội Đông, trại Yên Sơn) đều đem lễ vật đến nhà muội nương. Trước sau đều kêu xin muội nương. Trước sau đều kêu xin muội nương dẫn đến quán sở để hành lễ thần tướng. Được một lát, ***Thái bà sinh hạ được một con trai, thiên tư lẫm liệt, thể diện khôi kì quái dị****, trên đỉnh đầu có một sừng mọc lên, cao đến 7 tấc, mắt tròn như sao, sáng huy hoàng xán lạn, tóc đen như mực, mũi hổ, hai góc miệng có răng trắng như bạch ngọc, hai mắt triều thiên, hai tai sắc đỏ, thân thể đầy lông. Lúc mới sinh thân thể đã dài hơn 3 thước, đều đứng ngồi ngay ngắn, miệng nói tiếng to như sấm*. Nhân dân thấy vậy đều vô cùng sợ hãi.

Được ba ngày trời đất trở lại quang sáng. Khi đó, nhân dân (tức khu Nội Đông, trại Yên Sơn) đều đem lễ vật đến nhà muội nương. Trước sau đều kêu xin muội nương dẫn đến quán sở để hành lễ thần tướng. Muội nương cũng sợ, không dám dẫn nhân dân đến đó.

Con trai muội nương là Thục Công liền nói rằng:

Nếu có thánh thần Thạch Sùng thì là sự định của trời sinh. Bất quá cũng là anh ta vậy, làm sao mà sợ? Không bằng ta cũng dẫn mọi người đến làm lễ.

Nhân dân đều tự theo Thục Công đi đến quán sợ. **Ở đó thần tướng đương hò hét như sấm, mắt phóng hào quang xán lạn**. Nhân dân kinh khiếp không dám đứng. Mọi người đều quì ở xa quán. Duy chỉ có con muội nương là Thục Công một mình đi thẳng vào, đứng lại gần thần tướng, nói rằng:

Trời đã định thần tướng giáng thế, tất phải có vị thế nghiêm cẩn để bảo hộ dân quốc. Sao mà hò hét liên thanh làm chấn động trời đất khiến cho nhân dân sở tại kinh sợ. Làm cho mọi người khiếp sợ, không dám đến làm lễ. Nay dân chúng bị bệnh tật, tất do tướng giáng sinh trên đất của dân. Linh trướng từ khi xung thiên, binh hội giáng sứ đến người vật thảy đều mắc bệnh, nghĩ không đành. Nay để thần

dẫn nhân dân đến dự lễ, nghe thấy thần tướng hò hét, dân chúng khiếp sợ, không dám tự vào làm lễ. Dám xin giảm thanh im tiếng để dân chúng làm lễ.

Thục công nói xong, tự nhiên im tiếng không còn hò hét nữa. Thục Công bèn dẫn nhân dân vào làm lễ. Mọi người đều tình nguyện xin làm thần tử:

- *Thần tướng nghe nhân dân đều xin làm Thần tử, bèn nói rằng: Dân chúng có lễ làm Thần tử, ta ứng cho xin tự an tọa, không làm thanh động.*

Nhân dân thấy tướng hình kì dị, đều xin phương quan tâu với nhà vua. Nhà vua nghe tâu bày ngài là bậc kì dị, bèn lệnh cho quan binh sĩ loan giá về thăm. Đến xứ dân khu, truyền thế tử cùng hồi triều quốc. Về rồi, nhà vua hỏi quanh quẩn "thấy thế nào"?

Người đời truyền rằng: Nhân dân trại Đông Thắng cùng với họ Nguyễn cùng *mộng thấy quan quân* cùng thanh chấn rằng.

- ***Nay hoàng thiên giáng sinh thần tướng thụ nhập nhà Thái bà làm con***. Đến kì xuất thế, đảm sinh người họ Nguyễn, sao dám hoạt thiên không đến Yên Sơn để làm lễ mừng? Nhân dân bỗng tỉnh mộng.

Đến sáng hôm sau, nhân dân cùng họ Nguyễn đều đến hội đàm: Mộng triệu đều thấy báo như vậy. ***Mộng như thực,*** đương nói chưa xong, bỗng thấy có người đi trên đường ở khu Nội Đông, trại Yên Sơn có sinh hạ một thần tướng quái dị. Nhân dân cùng người họ Nguyễn đều nghe lời người nói hợp với mộng. Tức thì biện lễ vật. Nhân dân và họ Nguyễn cùng đến nơi đó để xem thực hư thế nào.

Ngày hôm đó đến Yên Sơn thấy quả đúng như vậy bèn làm lễ vậy lạy mừng và xin hai mẹ con trở về quán sở cùng kết thân thuộc với mọi người dân địa phương. Dân khu thỉnh mời, đều không ưng cho, đương do dự, bỗng thấy quan quân binh sĩ đến nơi, nói rằng:

- Khâm phụng hoàng đế, xin rước hai mẹ con hồi triều bệ kiến.

Thái bà nghe thấy vậy, bèn phụng mệnh cùng con trai hồi triều cùng loan giá.

Quan quân hồi triều quốc, nhà vua truyền cho vào long đình. Thần tướng bèn đứng chầu ở long đình chính ngự hướng tiên. Thái bà bèn khấu đầu hành lễ. Nhà vua ngự lãm thấy thần tướng quái dị, trong lòng cũng thấy kinh sợ.

Đương ngự lãm, ***bỗng thấy bốn phía cuồng phong, phía tây mây kéo đến vần vũ, trời đất tối tăm***. Bỗng một vật đen tối phóng thẳng xuống long đình. Nhà vua nghe thấy có tiếng nói rằng:

Nay Tiêu Sơn thần tướng được thiên đình chia cho một nửa quản chưởng. Ngự thiên tướng ***sắc phong Thiên Tiên Độc Cước hồ con chủ****, một nửa quản chưởng địa giới thống ngự thổ thuộc tướng soái phụng mệnh địa tiên Độc Cước gia tăng, chử Đô thiên lực sĩ mau mau phân chia không thể trì hoãn.*

Bỗng thấy một tiếng sấm động đất, thân người chia ra làm hai nửa, cao hơn mười trượng, bay lên trời biến mất. Còn một nửa người một tay, một chân thân hình tồn tại như cũ thì nằm liệt long sàng).

Nhà vua thấy kì dị, bèn triệu tập nhân dân khu Nội Đông, trại Yên Sơn vào thềm rồng chia tặng cho 3000 quan tiền để về lập sinh từ tại mảnh đất, nơi sinh ra ngài ở quán sở để phụng tự. Việc binh lương đều miễn, lại truyền cho nhân dân trại Đông Thắng mời quý phu gia Thái bà vào long điện để tiếp kiến nhà vua. Nhà vua cũng ban tặng cho 3000 quan tiền để về phụng dưỡng thần tướng thần và phong Thái bà làm phu nhân. Tôn công liền khấu đầu bái tạ nhà vua rồi đều ra về, Khi ấy nhà vua lại cùng quan quân loan giá đưa mẹ con Thái bà về nhà.

Người đời truyền rằng: Khi Thái bà cùng dân làng, họ hàng (tức gia tộc họ Nguyễn trại Đông Thắng) phụng mệnh nhà vua cùng về phụng dưỡng tướng thần. Từ đó, mỗi ngày thần tướng đều ăn hết 100 đấu gạo, 100 cân thịt sống. Thái bà và nhân dân, họ hàng thân thuộc đều lấy làm kinh sợ, bèn cùng nhau đàm đạo rằng: "Ăn uống như quỷ thế này thì không phải là thần tướng, vả lại có một nửa thân không đủ hình người để làm độ người ta được việc gì. Chẳng qua là họ Nguyễn mắc trọng tội, Thiên đình cho quỷ xuống thụ thai làm con để báo hại cơ nghiệp của họ. Không bằng chúng ta cùng đến miếu thần kì để một phen sinh tử".

Đến miếu, mọi người hỏi rằng:

Dân chúng tôi liều chết và bàn bạc là phải giết thần tướng. Thái bà và những người thân thuộc đều đồng lòng. Mai táng lang tướng được ba ngày, dân làng đều bị bệnh tật chạy chữa không khỏi.

Lúc đó nhà nước lại có 8 quỷ tặc nổi loạn ở đạo Đông Hải, binh lính đều có hình quỷ đông hơn đến 30 vạn. Chúng đến nơi nào là nhân dân ở đấy bị bệnh tật. Trong thiên hạ, số người sống sót chia 3 chỉ còn 2 phần. Nhà vua trong lòng vô cùng lo sợ, bèn cử tướng mang 10 vạn binh lính ra cự chiến cùng quỷ tặc. Chưa được một tháng, binh sĩ bị hại, không thắng nổi. Lúc ấy nhân dân cả nước đều bị bệnh tật.

Người đời truyền rằng: Khi mai táng lang tướng được 100 ngày, bỗng thấy ở dưới đất nơi đó có tiếng to như sấm to liên tục không ngừng. Nhân dân vô cùng kinh khiếp. hàng ngày hội họp nhau lại đứng xa nơi đó, không dám đến gần, thì thấy nơi đó, mây kéo đến vần vũ, tối tăm trời đất, sấm chớp liên hồi, thăng giáng khác thường. *Đến 100 ngày bỗng thấy ba tiếng hô to kinh thiên động địa, miếu thần từ đều tiêu tan xuống đất hoặc bay lên trời. Nhân dân trông thấy đều phục ở phía xa mà nhìn, thì thấy thần tướng xuống đất phá miếu địa**, thẳng bay lên**. **Thân dài 10 trượng, nửa đầu, nửa thân, một mắt, một tai, một tay, một chân.** Mắt tỏa hào quang xán lạn**, miệng phun ra lửa, tiếng nói như sấm, vang xa đến vạn dặm.** Đến gần lang tướng nói rằng:*

Ta đây chính là Sơn Tiêu Độc Cước thần tướng, có quyền cầm âm binh, có thể hô chúng quỷ, có thể ăn chúng sinh**.** Nay vâng mệnh Phật, **quyền chưởng Già Lam**, sắc mạnh hồ tôn sứ giả, thống lĩnh pháp môn.

- Khi ấy nhân dân nghe như vậy, bèn đến làm lễ cúng mừng. Quan quân nghe được chuyện đó, bèn làm biểu tấu về vua, Nhà Vua nghe lời tâu bèn lệnh cho đình thần quan quân loan giá về đến nơi đó hành đón thần tướng về triều đình để bệ kiến. Đình thần phụng mệnh về tại nơi đó hành lễ và thưa rằng:

- Nay bệ hạ có chiếu đón thần tướng hồi triều.

- Thần tướng bèn nói với đình thần rằng: Xin các ngươi hãy về trước, ta sẽ đến sau.

- Đình thần vâng mệnh bèn về trước. Được mấy nhân dân khu Nội Đông, trại Yên Sơn nghe tin đó bèn biện lễ vật đến nhà em gái Thái bà, Thái bà và Phương Nương bèn mời con trai Phương Nương là Thục Công dẫn dân làng đến làm lễ bái hạ thần tướng. Thần tướng thấy Thục Công cùng với nhân dân đến làm lễ. Thần tướng bèn nói rằng:

- *Ta và đệ cùng có thiên tử, thần cốt vả lại là con bác con dì trong nhà. Người khác phụng mệnh bệ hạ triệu ta hồi triều tất vì quốc gia hữu sự. Ta và đệ là chỗ tâm phúc, đệ cùng ta hồi triều quốc để có thân bao quyền chưởng dễ dàng vào công việc.*

Thục Công bèn vâng theo lời thần tướng, bèn đi bộ đến thẳng triều quốc, đứng ngay dưới bệ long đình. Hôm đó, đình thần cũng về đến nơi, đã thấy thần tướng đứng ở đó. *Hoàng đế ngự thấy thần tướng thân cao 10 trượng, cao lớn kinh*

thiên kì dị. Nhà vua truyền dựng một tòa lầu các ở phía tả long đình cao hơn 10 trượng và cho thần tướng tọa ở trong các. Nhà vua lại hỏi rằng: Nay nhân dân trong thiên hạ bị bệnh tật khắp cả. Ai cũng cho rằng do quỷ tặc (*một Sa bà quỷ, hai Bình nạn quỷ, ba là Lỗ gia quỷ, bốn là Lư la quỷ, năm là Đoạt tiến quỷ, sáu là Ngư đầu quỷ, bẩy là Ngưu y quỷ, tám là Dũng lợi quỷ, gọi là 8 quỷ tướng*). Họ có thể uống máu người làm loạn ở Đông Hải tinh binh có đến 10 vạn. *Triều đình đã đem binh ra cự chiến, trải qua một tháng, tướng sĩ bị hại gần một nửa,* Trẫm rất lo sợ. Nay may được gặp thần tướng giáng trần, tất thượng đế đã có mệnh để giúp Trẫm đức phụ quốc túy dân, thu trần trừ tặc, trẫm rất lấy làm cảm kích. Vì vậy mới triệu thần tướng hồi triều để hỏi về ngự chế như thế nào để thần tướng báo đáp được.

-**Tiêu Sơn thần tướng tâu rằng**:

- **Thần xin bệ hạ truyền cho làm một chiếc búa sắt nghìn cân và một roi sắt dài 100 thước mang đến cho thần.** Thần nguyện tự đem tài ra quét sạch bệnh tật trong thiên hạ. **Quả nhiên không quá ba ngày, tự nhiên 8 con quỷ tặc loạn đều tự yên**.

Hoàng đế nghe tin đó vô cùng vui mừng, tức thì truyền lệnh lấy 1000 cân sắt rèn thành chiếc búa và roi sắt mang đến cho Tiêu Sơn thần tướng. Tiêu Sơn thần tướng bèn truyền triệu người em là Thục Công đến. Thục Công đến long đình bái yết Hoàng đế, Hoàng đế thấy Thục Công thể diện cao lớn cũng là người dị thường: Thân cao 7 thước, Hoàng Đế bèn cho thi văn võ, Thục Công ứng đối lưu loát như nước chảy, sắc mặt không đổi, văn võ tinh thông hơn hết mọi người. Nhà vua lấy làm mừng lắm, bèn xuống chỉ cho làm Đô Thống Triều quốc.

- **Người đời truyền rằng**: khi đó Tiêu sơn thần tướng bèn cử Thục Công cầm roi sắt và nói rằng:

- Tiêu Sơn Độc Cước thần tướng có roi sắt cho các ma tinh ôn bộ khẩn cấp về chầu thần tướng. Trong khi về chầu không được sát hại sinh linh. Nếu không tuân cứ sẽ dùng roi sắt trị tội.

- Thục Công phụng mệnh, cầm roi sắt của nhà vua ban cho. Binh sĩ loan giá Thục Công bèn tiến hành đánh dẹp. Đến nơi nào quỷ tặc cũng kinh sợ kêu khóc. Sau ba ngày, việc bình thiên hạ đã xong. Thục Công cuốc bộ hồi triều quốc**. Lúc đó, đi trên đường mưa gió tối trời,** trên nghe có tiếng tà tinh, sau khi nghe có tiếng kêu khóc mà không thấy hình người.

-Mọi người hồi triều cùng nghe có tiếng nói, **ở bốn mặt thành có nhiều tiếng kêu khóc.** Nhà vua hỏi thần tướng tại sao lại có tiếng kêu khóc vang các thành mà không thấy hình người. Tiêu Sơn thần tướng thưa rằng: "Đó là bọn quỷ làm ra bệnh tật để hại nhân dân, nay em của thần đã đuổi chúng ra khỏi cảnh giới".

Nhà vua nghe ra bèn hỏi thần tướng rằng:

- *Nay Trẫm muốn bọn quỷ phải hiện hình ra, có được không*?

Thần tướng thưa "được" và hô lên một tiếng và lấy tay chỉ xuống đất mà nói rằng:

Truyền cho tà chúng hiện hình. Lúc ấy, trời đất quang thanh, sáng sủa, tà chúng ôn binh đều hiện hình ra. Nhà vua nhìn thấy khắp trong thành không biết bao nhiêu người. Thần tướng bèn bái tạ nhà vua, nói rằng:

- Bọn chúng theo thần thảo thức không được nên làm loạn thiên hạ, nay nhất loạt xin khấu đầu làm lễ bái tạ, tự biến đi. Nhà vua lấy làm mừng lắm, từ đó bệnh tật đều hết.

- Người đời truyền rằng: Lúc đó Tham Nghị Công truyền cho các gia thần thủ túc lấy 100 người theo Thục Công. Tham Nghị Công tham nghị với Thục Công rằng: Đệ theo ta dẹp giặc, khi đó nhà vua cấp cho binh sĩ, voi ngựa 3000 đều theo phụ tá thần tướng.

Tiêu Sơn thần tướng bèn nói rằng: Đã có âm binh hành thảo, không dùng đến dương binh mà giặc quỷ phải tan. Xin nhà vua cho 10 lực sĩ để cùng theo thần mệnh. Nhà vua bằng lòng, thần tướng bèn cầm búa sắt nghìn cân cùng với người em là Thục Công***. Nhà vua phong cho ngài làm Đổng Nhung nguyên soái, ban cho đao vàng. Thần tướng tay cầm roi sắt, mình cưỡi kị mã hùng dũng đi thẳng***.

- Thần tướng tiến đến phương nào, nhân dân phương đó đều khiếp phục, các cửa chầu đều đến xin thần hiệu để thờ ở phủ, viện. *Thần tướng bèn cho. Thần tướng hiệu truyền lấy cây cỏ và bột gạo kết thần cốt để phụng thờ. Các chư pháp môn đều phụng mệnh truyền khắp thiên hạ.*

- Người đời truyền rằng: *Thần tướng đến thẳng biên cảnh của tặc quỷ, tám tướng quỷ tặc đều lạy. Hơn 20 vạn tinh binh xin hàng và thu lượm khí giới, quỳ lạy thần tướng.* Thần tướng bèn truyền cho Thục Công lấy dây sắt trói 8 tướng quỷ tặc. Thần tướng cùng trở về. *Thần tướng đi một bước dài đến 10 dặm. Thần tướng về*

đến núi Tiêu Sơn, ***bỗng thấy trời đất tối tăm. Thần tướng bèn trói 8 tưởng quỷ tặc ở dưới chân, rồi bay lên trời biến mất, rồi hét lên một tiếng kinh động trời đất.*** Rắn, hổ đến chân, hào quang phóng ra bốn phía sáng chói. Thần tướng bèn cùng 8 tướng quỉ (ngày 16 tháng 5) bay thẳng lên trời biến mất không để lại dấu vết.

- **Người đời truyền rằng**: Thục Công nguyên soái cùng gia thần thủ túc (thời đó ở trại Đông Thắng, ba trại theo thần tướng cùng Đệ công nguyên soái cộng được 36 người. Khu Nội Đông, trại Yên Sơn, hai khu được 38 người theo phường Phú Độ được 36 người theo) binh sĩ theo Thần tướng. Nhưng không theo kịp được mấy ngày đến núi Phượng Hoàng, huyện Đông Hồ, phủ Kinh Môn (tại động Lạc Nộ, núi Phượng Hoàng). Hôm đó (ngày 18 tháng 5). Đệ Công tiến binh đến chân núi, truyền gia thần binh sĩ dừng lại ở đó. Đệ Công bèn trèo lên đỉnh núi xem, **bỗng thấy mây kéo đến vần vũ, gió bụi nổi lên, rồi thấy thân ông có một đám dây lửa bao quanh rồi bay thẳng lên trời biến mất**. Trời đất trở lại sáng sủa. Đệ Công hóa rồi, gia thần lực sĩ cùng nhân dân nơi đó đến cùng làm biểu tâu lên triều đình. Nhà vua nghe chuyện đó, bèn truyền cho đình thần tiến bằng hai đường đến thẳng nơi ngài hóa làm lễ, truyền cho nhân dân địa phương dựng lăng từ để phụng tự xuân thu nhị kì quốc tế. Lại gia phân cho mỗi nơi 5000 quan tiền và 10 mẫu tế điền để phụng thờ ngài.

- **Người đời truyền rằng**: Các đình thần các đạo phụng mệnh. Một đạo đến Tiêu Sơn, một đạo đến núi Phượng Hoàng truyền cho nhân dân địa phương làm lễ, tu dựng đền miếu. Khi công việc đã hoàn thành, các đình thần về triều tâu với Hoàng đế lại truyền Hương Quý, trại Đông Thắng và phường Phú Độ đều sinh ra thần, ở những nơi đó chia cho mỗi nơi 500 quan. Riêng khu Nội Đông trại Yên Sơn 1000 quan để tu dưỡng đền miếu để phụng tự. Còn các nơi khác làm thần và đệ tử cũng dựng đền miếu ở các nơi đã hoàn thành. Tất cả có 56 nơi. Đình thần mệnh hồi triều tâu với nhà vua. Nhà vua bèn bao phong mỹ tự Thượng đẳng phúc thần vạn cổ huyết thực, dữ quốc đồng hưu, vĩnh vi hoàng thế nay hãy tuân theo.

- **Phong Tiêu Sơn Độc Cước đại vương (gia phong uy dũng hùng lược Bảo quốc an dân anh linh hiển ứng, thông minh chính trực phù tác hung thần linh quý minh thượng đẳng tôn thần. Thời Đại Minh hoàng đế gia phong tiên văn minh chí thần).**

- Bản Thục Thành hoàng đế thống đại vương (gia phong chính trực anh linh hộ quốc phù văn an dân, hùng tài cương nghị thượng đẳng tôn thần. Chuẩn cho khu

Nội Đông, trại Yên Sơn phụng thờ).

- Người đời truyền rằng: Từ 8 đời triều Lý đến 12 đời triều Trân đến Lê Thái Tổ, trừ họ Hồ bình được người Minh, lên ngôi ở đất Lam Sơn, từ năm Thuận Thiên, với truyền ngôi đến Thái Tôn, Nhân Tôn, Thánh Tôn, Thần Tôn, Kính Tôn, Huệ Tôn, Ý Tôn, Chiêu Tôn. Đến Chiêu Tôn nhà Mạc cướp ngôi (tức Mạc Đăng Dung, Mạc Đăng Doanh tất cả 4 đời), cha truyền con, kế tiếp được bốn đời lam vua. Đến thời Lê Trung Tôn (là Thái tử của Chiêu Tô) cùng đại thân thái úy phục khởi nghĩa binh trừ nhà Mạc, bèn lên ngôi vua. Từ Lý, Trần, Tiền Lê, Hậu Lê thần đầu hộ quốc tý dân rất là anh linh, lẫm trứ hiển hiện vô cùng. Vì vậy các đời đế tướng đều bao phong mỹ tự Thượng đẳng tôn phúc thần, hương hỏa không dứt.

- Ngày sinh của thần đều cho gia lệ: Tên húy, sắc phục đều cấm.

Ngày sinh đệ nhất tôn thần: 12 – 5 chính lệ (trước đây có định lệ rước thần trên đường đến miếu điện, rước thần cáo tế thượng trai bàn: Hoa quả, lợn xôi, rượu. Ngày chính lệ cũng thượng trai bàn: Trâu, lợn cũng có thể xôi, rượu, ca xướng 10 ngày sau đó làm lễ tạ).

Ngày hóa của thần: 16 tháng 5 (trước đó một ngày trai bàn: Lợn, xôi, rượu, ngày chính lệ trai bàn: trâu, lợn cũng được).

Ngày sinh của thần: 12 tháng 11 chính lệ (hành lễ cũng giống như ngày sinh của thần 12 tháng 5, ca xướng tùy nghi).

- Ngày hóa của thần: 18 tháng 5 (lệ như ngày hóa của thần ngày 16 tháng 5).

- Khánh hạ ngày 10 tháng 02 (hành lễ trước một ngày, lễ cáo tế gồm: lợn, xôi cũng được. Ngày chính lệ: Lợn, xôi, rượu, đánh cờ 3 ngày).

- Khánh hạ ngày 12 tháng 8 cũng có thể như ngày khánh hạ mùng 10 tháng 02.

- Khánh hạ ngày 23 tháng 12 (cũng như ngày khánh hạ trước).

- Khánh hạ ngày 01 tháng 12 (cũng như những ngày khánh hạ trước).

- Húy Thục Công Tiên Sơn (tên húy, tên tự nhất thiết cấm, sắc phục màu vàng, màu tía nhất thiết cấm trong khi hành lễ).

- Ngày mùng 10 tháng giêng, niên hiệu Hồng Đức năm đầu (1572). **Hàn lâm viện Đông các đại học sĩ, thần Nguyễn Bính phụng sao.**

- Ngày tốt tháng 3, niên hiệu Vĩnh Hựu năm thứ 2 (1736). **Quản giám bách thần, Hùng Lĩnh thiếu khanh, thần là Nguyễn Hiền theo bản chính của tiên triều sao lại.**

- Sao vào ngày tốt, tháng 2 năm Tự Đức thứ 30 (1877) [111; tr *784 – 793*].

(Ngô Văn Trụ - Ngô Văn Thành chủ biên (2008), *Di sản văn hóa Bắc Giang, Văn học dân gian*, Tập 4, Bảo tàng tỉnh Bắc Giang xuất bản, [111; tr *784 – 793*]).

16. Truyện kể về thần Độc Cước được lưu truyền ở làng Vẽ xã Đông Ngạc, huyện Từ Liêm, Hà Nội

Tương truyền có người cha tên là Chu Hưng, vợ là Võ Thị Hồng đến trọ ở chùa Tiêu Sơn. Hai người chăm chỉ đèn nhang mong sao có đứa con trai nối dõi tông đường. Rồi bà cũng sinh được một bé trai dáng mạo khác thường. Vợ chồng sợ hãi đem bỏ đi. ***Sét đánh tách cậu bé thành hai nửa. Một nửa người bay lên trời, một nửa sống với bố mẹ***. Thần tên là Minh, có công dẹp loạn Ngũ Hổ ở phương Bắc, trấn át ma quỷ ở phương Nam, khi hóa rất thiêng, các nơi đều lập đền thờ. *Vùng Ái Châu có nhiều đền thờ nhất. Đạo sĩ, phù thủy đều thờ ngài, ma quỷ sợ oai ngài, cầu đảo rất linh ứng*. Ngày mùng 4 tháng giêng là ngày sinh của **Độc Cước** [93; tr.254-259].

(Theo Vũ thanh Sơn (2004), "Những vị thần được thờ ở Hà Nội", Nxb Hà Nội, tr 254-259).

- Theo Nguyễn Duy Hinh, thần tích xã Phán Thủy, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên *cũng có truyền thuyết tương tự như thế này*.

17. Truyện kể về thần Độc Cước được lưu truyền ở thôn Mỗ Xá xã Phú Nam An, Chương Mỹ, Hà Nội

Thần Độc Cước Đại vương vốn người làng Cực Lạc Y La, bố là Triệu Văn Đô, mẹ là Nguyễn Thị Hào. Đêm ngủ bà nằm mộng sau này sẽ sinh được người con trai có kỳ tướng. ***Sau đó bà mang thai sinh ra người con trai chỉ có nửa người***.

Tuy chỉ có nửa người nhưng ông lại là người có tài thao lược, lớn lên cầm quân đánh giặc cứa nước, giúp dân. Ông đã đánh giặc ở Núi Tùng, dẹp yên giặc Nhung (xưa gọi là giặc thảo khấu). Trên đường về An từ Sơn, ngày mùng 6 tháng giêng đi qua Mỗ Xá thấy đất tốt, dân lành, quang cảnh tươi đẹp ông hóa và nhân dân lập đình thờ cúng. Dân làng tôn Độc Cước, chi thần Đại vương là Thành Hoàng làng [122; 48].

(Theo Lí lịch Di tích đình Mỗ Xá, xã Phú Nam An, huyện Chương Mĩ, Hà Nội, Tài liệu đánh máy lưu trữ tại Bảo tàng Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thành phố Hà Nội; *dẫn theo Hoàng Minh Tường (*2010), *"Tục thờ thần Độc Cước ở làng Núi*, Sầm Sơn, Thanh Hoá, Nxb Thanh niên).

18. Truyện kể về thần Độc Cước được lưu truyền ở núi Gôi tỉnh Ninh Bình

Tương truyền có một hàn sĩ gặp một người con gái xinh đẹp cùng nhau kết duyên, sinh hạ được một cậu con trai. Một hôm người vợ đi chợ, chồng dẫn con ra cổng đứng trông. Bỗng có một thầy phù thủy đi qua, thấy chàng và đứa bé bèn nói là nhà chàng có yêu quái. Thầy cho một đạo bùa dán ở cổng. Cổng vẫn mở mà nếu vợ chàng không vào được thì đó là yêu quái. Cần giữ đứa bé không cho chạy ra với mẹ. Chàng trai làm theo. Quả nhiên khi người vợ đi chợ về, cổng vẫn mở mà không vào được, trách móc chồng sao mời thầy trấn yểm. Bất ngờ đứa con chạy vọt ra ôm lấy mẹ. ***Bà ta bèn xé xác đứa bé làm hai, ném một nửa trả cho chồng, đem một nửa đến cho bồ tát Quan Âm nuôi dạy thành thần Độc Cước vì chỉ có nửa người.*** Thần Độc Cước được thờ ở Ninh Bình, Hà Nội…hoặc thờ riêng rẽ hoặc thờ trên Phật điện. Đó cũng chính là một hiện tượng Đạo giáo kết hợp với Phật giáo cựa kì lâm ly linh dị giàu tính nhân bản [40; tr.635-636].

(Theo Nguyễn Duy Hinh (2003), *Người Việt Nam với Đạo giáo*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr 635-636).

19. Truyện kể về thần Độc Cước được lưu truyền ở phủ Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh

Thần Độc Cước nguyên người làng Toàn Đông, huyện Bảo An, phủ Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. *Cha ngài là Nguyên Lê vốn là một pháp sư lừng danh*, không có con trai nối dõi, ông cầu nguyện đức Phật và nhiều quyền lực tôn giáo khác để can thiệp với Ngọc Hoàng. Vị thần tối cao liền cho xuống trần một vị thần vào đầu thai trong nhà và làm con của Nguyên Lê.

Người ta đặt tên Ngài là Nguyên Độc, tới 10 tuổi, cậu bé Độc đã biết thành thạo về nghệ thuật phù phép và có thể thực hiện được những gì cậu muốn. Một ngày kia, cậu đánh trống và làm những động tác khiến động thấu đến thiên đình và vang động khắp bốn phương. Ngọc Hoàng không chịu nổi những trấn động quái gở như vậy, nên Ngài liền phái xuống trần một vị "Chu Tử" (mặc quần áo đỏ) thuộc dạng một sĩ quan tùy viên để đi lấy tin tức về sự náo động kia. Viên sĩ quan này, dõi theo các tiếng động, xuống tới nhà của Nguyên Lê và thay vì gặp ở đó như điều ông dự kiến là một đám đông ồn ào, hỗn độn dữ dội, ông lại chỉ thấy có một mình cậu bé Nguyên Độc ở đó, cậu lại đang bình thản ngủ vùi.

Lợi dụng dịp may hiếm có, **vị thần áo đỏ rút gươm ra, chém một nhát, chặt đôi thân thể cậu bé**, *ông mang một phần thân thể về trình Ngọc Hoàng.* Sau đó ông

Nguyên Lê vừa trở về nhà, nhìn thấy con bị chém đứt làm hai, vô cùng hoảng hốt, ông ôm chầm phần còn lại của đứa con mà đi chôn. Sau 100 ngày, ông lao vào đủ các cuộc cúng tế, nguyện cầu và sử dụng phù chú, ông gặp lại đứa con bị chém của mình. ***Cậu bé sống lại, lành hẳn các vết thương và còn khỏe mạnh hơn cả trước kia.*** Cậu bé tìm cho mình những kiếm, gươm, cờ và gậy phép và từ đó cậu có được các quyền lực phi thường. Danh tiếng của cậu liền được truyền rao xa xa, nên từ đó **cậu được tôn vinh là tổ sư vừa là vị tổ bảo hộ cho tất cả các pháp sư [166]**.

(theo Hoàng Quốc Huy (2016) *Thần Độc Cước-Tổ sư của đạo Phù thủy Việt Nam*, http://thienuy.org.vn/bvct/phong-thuy-bua-ngai-am-trach-duong-trach/53/than-doc-cuoc-to-su-cua-dao-phu-thuy-viet-nam.html).

20. Truyện kể về thần Độc Cước được lưu truyền ở làng Vân Trai xã Cẩm Vân huyện Cẩm Thủy, Thanh Hóa

Ở vùng núi Lê, từ bao đời dân các làng quanh vùng có cuộc sống yên lành. Ngày qua ngày họ cấy lúa, trồng ngô, lên núi hái củi, xuống sông Mã bủa lưới quăng chài, trâu bò béo tròn như những quả sim chín mọng. Chiều về tiếng sáo mục đồng, tiếng thuyền chài xua cá vang trên sông nước, tiếng mõ trâu lốc cốc rộn rã đường thôn, khói lam chiều bay lên từ mái rạ, mọi người vui thú điền viên với cảnh bản làng yên ấm.

Bỗng đâu có một chiều, bếp mọi nhà đã đỏ lửa mà không thấy trẻ mục đồng và bầy gia súc như mọi khi trở về, mọi người nháo nhác đốt đuốc đi tìm, suốt cả đêm và tận sáng hôm sau dân làng mới tìm thấy bầy trâu bò đã trở thành những đống tro, còn bọn trẻ mục đồng thì bị thiêu cháy không nhận ra là người hay là vật. Dân làng vô cùng đau xót và hoảng sợ. Họ bàn nhau tìm xem kẻ nào đã gây ra tai họa. Qua nhiều ngày lần theo dõi, những người đàn ông can đản trong vùng không tìm ra kẻ nào đã gây ra tai họa cho dân làng. Liên tiếp vào những ngày đó, đàn gia súc bỗng nhiên kêu rống lên và thân hình chỉ còn lại là một cái xác cháy đen.

Rất nhiều thầy pháp cao tay giúp dân làng trừ họa nhưng họ đều bất lực và sự tang thương cứ hàng ngày lại diễn ra. ***Cuối cùng dân trong vùng phải cầu đến thần Độc Cước.*** *Thần đã báo mộng cho dân làng biết Ma Nhung, Ma Khấu mà người thường không nhìn thấy chính là những kẻ gây ra tai họa.* ***Thần Độc Cước đã dùng phép thuật của mình, hóa thành một trận mưa trị Ma Nhung, Ma Khấu, Ma Lửa.*** Từ đó người và vật mới được bảo vệ, không bị Ma Nhung, Ma Khấu hãm

hại. Nhớ ơn công đức của thần đã giúp dân trừ nạn, dân trong vùng quanh năm hương khói phụng thờ. **Hiện trong đình làng Vân Trai vẫn còn đôi câu đối ghi ơn và công tích của thần Độc Cước**;

Tấn Lê, phù Lý, diệt Ma Nhung
Phụ chính ức tà thần thông diệu.

Dịch nghĩa: Tấn phong nhà Lê, giúp đỡ nhà Lý, diệt các loại giặc (Ma nhung). Trọng điều nghĩa, trừ phi ngĩa, là vị thần thông thái, linh nghiệm [122;46-47].

*(*Theo Hoàng Bá Tường (2010), *Tục thờ thần Độc Cước ở một số làng ven sông biển tỉnh Thanh Hóa,* Luận án tiến sĩ Văn hóa học, Học viện Khoa học xã hội).

21. Truyện kể về thần Độc Cước được lưu truyền ở Đình Nội Đông, xã Yên Sơn, Lục Nam, Bắc Giang

Đình Nội Đông, xã Yên Sơn (Lục Nam) là một trong số ít di tích lịch sử văn hoá ở Bắc Giang còn bảo lưu được tục thờ này.

Di tích hiện nay còn lưu giữ được bản thần tích về vị thần Độc Cước và được ghi chép lại như sau:

Xưa, ở trại Đông Thắng, Kinh Bắc có gia đình họ Nguyễn giàu có, thường làm việc thiện nhưng lại muộn con. Năm 60 tuổi, chồng qua đời, Thái Bà xin đến trụ trì ở chùa Tiêu Sơn. Một đêm bỗng có đám mây ngũ sắc từ trên trời xuống bao quanh Thái Bà và một người cao lớn nói rằng: Ta vâng lệnh thượng đế, vốn trưởng lĩnh Tiêu Sơn thần tướng, thiên đình biến truất xuống làm người nhân gian, nhập vào đầu thai ở Nguyễn Bà để làm con… ***Bỗng phía trước bà lại thấy một vết chân người, bà bèn bước chân vào và từ đó mang thai.***

Mọi người cười chê, phỉ báng nên bà chuyển đến nhà em gái ở khu Nội Đông, trại Yên Sơn, tổng Trí Yên, huyện Phượng Nhỡn, Phủ Lạng Giang, đạo Kinh Bắc để ở. *Sau bà sinh ra một người con trai thể diện khác thường, đỉnh đầu có một cái sừng thịt mọc lên cao đến bảy tấc, dài hơn ba thước, mắt tròn như sao sáng huy hoàng tỏ lạng, da đen như mực, mũi hổ, mi hổ, sừng thịt, có hai miệng đều có răng trắng như ngọc, thân thể đầy lông, miệng nói như sấm.*

Nhà vua biết ngài là bậc kỳ dị, bèn lệnh cho quan quân loan giá về truyền hai mẹ con cùng về triều để vua xem mặt. Nhà vua ngự lãm xem thể diện thần tướng, bỗng nghe thấy tiếng nói rằng: Nay Tiêu Sơn thần tướng Hoàng Thiên Định **chia làm hai**. ***Một nửa*** quản trưởng Thống Khước Thiên ôn tướng soái, sắc phong:

Thiên Tiêu Độc Cước Hồ Tôn chúa giả, một nửa quản trưởng địa giới Thống Khước Thổ Ôn tướng soái sắc mệnh địa, Tiêu Độc Cước gia tăng chúa giả. Đô Thiên lực sĩ mau phân chia không thể trì hoãn. Tiếng nói vừa dứt, ***bỗng một tiếng sấm động đất, thân người chia làm hai, một nửa bay lên trời, một nửa thân ở giữa long đình***.

Nhà vua thấy vậy bèn triệu nhân dân khu Nội Đông, trại Yên Sơn vào chia cho 3.000 quan tiền để lập Sinh Từ tại quán sở nơi sinh ra thần tướng để phụng sự. Và cũng chia cho 3.000 quan để phụng dưỡng thần tướng và phong cho Thái Bà là phu nhân. *Khi mai táng Long Tướng được 100 ngày bỗng thấy ở dưới đất có tiếng như tiếng sấm liên tục không ngừng, trời đất tối tăm, sấm chớp nổi lên, miếu sở bay tan ra mặt đất rồi bỗng thấy Thần Tướng hiện lên với một nửa thân mình và nói rằng:* **Ta đây là Tiêu Sơn Độc Cước thần tướng, quyền trưởng âm binh có thể nuốt chúng quỷ**. Nhà vua ngắm thấy thần tướng là người kỳ lạ, thân cao hơn mười trượng, bèn truyền dựng một toà lầu các cho thần tướng toạ trong các. Khi đó ở đạo Đông Hải có tám tướng quỷ nổi loạn đông đến hơn ba vạn, chúng đến nơi nào nhân dân ở đấy đều bệnh tật, chết chóc. Tiêu Sơn thần tướng xin bệ hạ truyền tạo một búa sắt nghìn cân và một dây sắt dài trăm thước đem đến để quét sạch tật bệnh trong thiên hạ và dẹp yên tám quỷ tặc.

Dẹp xong lũ quỷ, nhà vua phong thần tướng là Đổng Nhung Nguyên Soái, ban cho đao vàng. Khu Nội Đông, trại Yên Sơn cho 1.000 quan tiền để tu sửa đền miếu phụng sự và phong mỹ tự: Thượng đẳng phúc thần, vạn cổ huyết thực. Các đời vua sau đều có sắc phong ban tặng [81;tr.237-240].

(Nguồn: Nhiều tác giả (2006)*"Di sản Văn hóa Bắc Giang về văn hóa phi vật thể,* Tập 2, *Bảo tàng Bắc Giang, xuất bản,* tr 237-240; theo bài viết của Đồng Ngọc Dưỡng).

22. Truyện kể về thần Độc Cước được lưu truyền trong các thầy Phù Thủy

Thánh Độc Cước cha họ Chu, mẹ họ Đoàn người làng Núi. Cha là một Pháp Sư thần thông quảng đại. Ngài sinh ngày mùng một tháng chạp, khi ra đời đặt tên là Chu Minh hiệu Độc Cước, pháp danh là Pháp Duyên. Được cha truyền phép thuật *từ nhỏ nên đến năm 10 tuổi đã thống trị ngũ giới, vạn phép thần thông, ấn quyết thông suốt việc trên trời dưới âm phủ ngài đều biết rõ.* Ngọc Hoàng thấy để ngài dưới hạ giới không ai cai quản nổi, nên triệu về thượng giới. Khi ngài ở thiên đình thì ở dưới hạ giới bị loạn, ma tà quỷ quái hoành hoành, quấy phá sát hại dân lành.

Ngọc Hoàng phái các thiên tướng xuống dẹp loạn nhưng không ai trị nổi. Cuối cùng Ngọc Hoàng đành sai ngài xuống trần gian dẹp loạn. Song trước khi đi **Ngọc Hoàng cho xẻ ngài ra làm đôi chỉ cho xuống trần một nửa, còn một nửa ở lại thượng giới.** Từ khi ngài xuống trần gian, nạn quỷ quái mới chấm dứt. Từ đấy uy danh của ngài lừng lẫy mười phương, các làng lập đền thờ ngài làm thánh, làm thần mong được ngài che chở tránh khỏi nạn quỷ dữ quấy phá. Các thầy phù thủy thờ ngài làm thánh tổ với bức tranh có hình nửa thân tay cầm búa đồng trông rất oai vệ. Hành lễ các thầy có bài thỉnh thánh.

Hỡi ơi Chư thánh, Chư thần
Độc Cước Chân nhân
Xin mời giáng hạ
Đầu thai họ Chu
Mẹ là Đoàn Thị
Hiệu là Độc Cước
Pháp danh Pháp Duyên
Năm lên mười tuổi
Thống trị ngũ giới
Vạn phép thần thông
Ấn quyết làm lòng
Khởi chung (đánh chiêng) động lệnh
Kích cố (đánh trống) tam thông
Động đến thiên đình
Ngọc Hoàng giáng hạ
Tam phủ công đồng
Bắt về hạ giới…[69; tr.13-15]

(Theo Lê Kim Lữ (1998) (Biên soạn) *Đền Độc Cước*, Nxb Thanh Hóa, tr.13- 15).

23. Truyện kể về thần Độc Cước được lưu truyền phủ Từ Sơn, Bắc Ninh

Cách giải thích về đặc điểm "độc cước" (một chân) của thần mỗi nơi một khác. Có thuyết nói rằng **thần vốn là con một pháp sư** nổi tiếng ở Phủ Từ Sơn, Bắc Ninh, *khi mới ba tuổi đã đánh trống động tới trời*. Trời liền sai thiên tướng xuống lừa lúc nó ngủ mà **chém xẻ người làm đôi**. Người bố đem chôn nhưng sau này đứa trẻ sống lại chỉ có đầu mình và một tay, một chân nên gọi là **Độc Cước** [40; tr.637].

(theo Nguyễn Duy Hinh (2003), *Người Việt Nam với Đạo giáo*, Nxb Khoa học xã hội).

24. Truyện kể về thần Độc Cước được lưu truyền ở xã Đại Đông, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên

(ghi trong cuốn Diên Quang Tam Muội tạo tượng kinh)

Theo tác giả Nguyễn Duy Hinh cho biết Diên Quang Tam Muội tạo tượng kinh là một văn bản khắc in mà tác giả Nguyễn Duy Hinh đã thu được ở chùa Nôm xã Đại Đông, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên. Thần Độc Cước là vị cuối cùng với lai lịch như sau: Cha là Nguyễn Viên Lễ, mẹ là Đoàn Thị Khôi, sinh con ra là Chu Văn Minh húy Điền Lộc, theo Quan Âm Bồ Tát, sắc phong là Sơn Tiêu Độc Cước thần vương.

*(*Dẫn theo Hoàng Bá Tường (2010), *Tục thờ thần Độc Cước ở một số làng ven sông biển tỉnh Thanh Hóa,* Luận án tiến sĩ Văn hóa học, Học viện Khoa học xã hội).

25. Truyện kể về thần Độc Cước được lưu truyền ở Sầm Sơn, Thanh Hóa

Ở trên núi Sầm Sơn sát bờ biển thuộc xã Trường Lệ, huyện Quảng Xương, nay thuộc thị xã Sầm Sơn tỉnh Thanh Hóa. Tương truyền sau một đêm mưa to gió lớn, sáng ngày dân bản xã lên núi Sầm Sơn thấy một dấu chân người khổng lồ (dài 1 trượng 5 phân, rộng 5 tấc). Dân xã đã lập đền thờ.

Lại có thuyết nói thần họ Cao tên tự là Độc Cước *là một vị thiền sư đời Lý. Theo Báo Cực truyện các thiền tăng chỉ đứng một chân để giảng đạo, rồi siêu hóa. Dân lập đền thờ ở chỗ có vết chân để lại.*

Thanh Hóa kỉ thắng (VHv, 124,53); Các tỉnh địa dư chí (Vhv, 1716, 9b); Ngọc phả cổ lục (VHv, 1230, 3); Thanh Hóa tỉnh chí (VHv 1715, 57a) [119; tr48].

(Dẫn theo Hoàng Minh Tường (2005), *Tục thờ thần Độc Cước ở làng Núi, Sầm Sơn, Thanh Hoá,* Nxb Văn hóa dân tộc*).*

26. Truyện kể về thần Độc Cước được lưu truyền ở thôn My Du, Hoằng Kim, Hoằng Hóa, Thanh Hóa

Theo thần tích thần Độc Cước giáng linh vào nghè đất Thổ phụ thôn My Du, xã Sơn Trang, tổng Dương Sơn, huyện Mỹ Hoá, phủ Hà Trung (tức thôn My Du xã Hoằng Kim, huyện Hoằng Hoá ngày nay) như sau:

Bậc thiên thần giáng linh xuống khu đất thổ phụ nghè thôn Mi Du, xã Sơn Trang, tổng Dương Sơn, huyện Mỹ Hoá, phủ Hà Trung vào giờ tý, ngày 01 tháng

12. Lúc đó trời đất gió mưa nổi lên hết đêm mà không dừng. Sáng hôm sau dân thôn đến bờ sông, đi lên gò đồi đất thổ phụ nhìn thấy một dấu vết dài 1 thước, 2 tấc, rộng 7 thước. Mọi người đều cho là kỳ lạ nhưng không biết thực hư như thế nào.

Từ đấy trong thôn người, vật ít được yên ổn. Đến ngày mùng 8, cùng một đêm **trong thôn có bốn người đều mộng gặp một vị đại nhân**, áo mũ chỉnh tề, từ trên trời mà tới đứng ngay trên gò đất nói lớn ba tiếng: ***Ta hiệu là Độc Cước, Thượng đế lệnh truyền cho cai quản hương ấp.*** Nói xong bèn bay lên không trung biến mất.

Sáng hôm sau **bốn người ngồi đối thoại với nhau** cùng giống một mộng, rất mực sợ hãi bắt đầu biết được thần minh giáng linh bèn truyền cáo bày án cầu đảo, không lâu tự lập đền phụng thờ, người và vật trong làng dần dần được khang ninh. Đến tháng 2 cùng năm lập tượng người để phụng thờ thấy có linh thiêng ứng nghiệm.

Sau này truyền nghe sự tích duệ hiệu của thần cùng giống *Độc Cước ở Trường Lệ, bèn đến đền xin sao sự tích đem về bản miếu phụng thờ thấy có linh ứng.*

Nay thừa sao

Thiên thần giáng linh ở núi Trường Lệ, xã Lương Niệm, tổng Cung Thượng, huyện Quảng Xương, phủ Tĩnh Gia vào giờ Tý ngày 7 tháng giêng. *Lúc bấy giờ gió mưa nổi lên bốn, năm canh giờ thì dừng. Gió rất lớn, mưa không dừng*. Sáng hôm sau dưới núi có xác một cây gỗ trên mặt nước biển y như (ma), nhân dân kinh hoàng chạy hết lên núi thì thấy trên núi có một vết tích rõ ràng in trên tảng đá bèn cho là thần linh dị.

Đến ngày 17 tháng ba từ trong biển một lừng cây gỗ lớn hơn trăm cây từ ngoài theo thứ tự trôi vào núi. thời gian đó thấy có linh ứng, công việc trước là lập đền ở chỗ vết tích gọi là đền Thượng, giữa đỉnh núi gọi là đền Trung từ dưới núi là hạ đền. Duệ hiệu của thần Độc Cước Sơn Tiêu tối linh. Cho nên, nhận vết tích linh ứng ở núi rừng. Các bậc tăng sư trước kia trong xã có bằng chứng linh ứng cùng một duệ hiệu, nhiều lần khảo đính bậc tôn thần ở đền mà biết được sự thực như thế. Không riêng ở Lương Niệm có đền thờ mà từ đó về sau khảo theo tự điển có đến hơn trăm đền. Biết được việc thần hoá chẳng những xưa nay vẫn còn rõ như vậy.

(*Theo tài liệu tại Nghè My Du xã Hoằng Kim, huyện Hoằng Hoá, Thanh Hóa* (tác giả luận án đã được Bác Thủ đền Nghè My Du xã Hoằng Kim cung cấp tư liệu; Tuy nhiên, tài liệu này cũng được tác giả Hoàng Minh Tường (2005), *Tục thờ thần Độc Cước ở làng Núi, Sầm Sơn*, Thanh Hoá, Nxb. Văn hóa Dân tộc, trích dẫn).

27. Truyện kể về thần Độc Cước được lưu truyền ở Sầm Sơn, Thanh Hóa

Thần Độc Cước (trong truyền thuyết) còn gọi là Độc Cước Tôn Thần, Độc Cước Chân Nhân, Độc Cước Sơn Triều, được nhân dân vùng biển Thanh Hóa truyền tụng tài diệt trừ bọn Quỷ Đỏ ở biển Đông (Quỷ Đông). Vùng Sầm Sơn, Thanh Hóa – nơi xuất xứ của truyền thuyết về Độc Cước Chân Nhân- hằng năm tiến hành thờ phụng Ngài rất nghiêm cẩn.

Truyện kể rằng: Thuở ấy, những người dân chài ra khơi đánh cá thường bị lũ Quỷ Đỏ có hình kì dị hãm hại. Họ phải vào kiếm ăn trong bờ, song lũ Quỹ Đỏ tinh ranh vẫn mò và quấy phá. Bao người đã bị chúng ăn tươi nuốt sống, dân chài đành phải dắt díu nhau đi phương khác kiếm ăn.

Bấy giờ, ở một làng biển Sầm Sơn, Thanh Hóa có một chú bé vừa ra đời đã lớn nhanh như thổi. Chú mồ côi cả cha lẫn mẹ, khi chú bé trở thành một chàng trai cao lớn thì hàng xóm đã tan hoang. Chú bé – bấy giờ đã là chàng khổng lồ- liền hú vang lên mấy tiếng, kêu gọi mọi người trở về làm ăn. Cuộc sống của họ chẳng mấy chốc lại đông vui.

Nhưng rồi, bọn Quỷ Đỏ lại mò tới. Biết trước là sẽ phải đánh nhau, chàng liền rèn một chiếc búa đồng khổng lồ và bảo những người dân chài kết một chiếc mảng bè lớn để chàng ra khơi. Bọn Quỷ Đỏ ùa tới, chàng vung búa lên, tên thì bị chết, tên thì ôm đầu tháo chạy.

Từ đó, ngày nào chàng khổng lồ cũng cùng dân chài ra khơi đánh cá. Bọn Quỷ Đỏ rình lúc chàng khổng lồ ra khơi liền lẻn vào bờ, cướp phá của cải và ăn thịt những người ở nhà. Chàng không đi đánh cá nữa, ở nhà chiến đấu bảo vệ mọi người. Bọn Quỷ Đỏ đến đâu cũng bị chàng khổng lồ đánh cho thất điên bát đảo, bỏ chạy tán loạn, không dám quay lạy quấy nhiễu dân chài nữa. Cuộc sống của những dân chài nên yên vui. Chàng khổng lồ vẫn đứng đó canh gác, lâu ngày, **một bàn chân hằn sâu xuống đá,** người dân trìu mến gọi chàng là "Độc cước Chân Nhân".

***Khi chàng mất đi**, nhân dân nhớ ơn, lập đền thờ, đặt tên là "Độc Cước Sơn Triều"* hay "Độc Cước Chân Nhân". Đền thờ chính ở Sầm Sơn, tọa lạc trên hòn Cổ Giải, thuộc dãy Trường Lệ. Dãy núi này có hình một phụ nữ nằm ngửa, bộ ngực nở nang. Đền có ghi năm trùng tu vào niên hiệu Chính Hòa (1675-1705) là một ngôi đền bề thế, nổi tiếng.

(Theo Trần Văn Thịnh (2014), *Truyện cổ danh nhân hào kiệt Xứ Thanh,* Nxb Chính trị Quốc gia).

28. Truyện kể về thần Độc Cước được lưu truyền ở xã Hoằng Trinh, Hoằng Hóa, Thanh Hóa

*(Theo lời kể của cụ từ Nguyễn Văn Tộ, 81 tuổi, hiện trông coi đền Thanh Nga xã Hoằng Trinh huyện Hoằng Hoá (**tác giả luận án đã ghi lại trong khi đi điền dã tại đền Thanh Nga nơi thờ thần Độc Cước)***

Thời xưa, bọn giặc phương Bắc muốn xâm phạm bờ cõi nước ta, chúng đã đưa rất nhiều những chiếc hòm gỗ sang nước ta và thả trôi nổi suốt dọc bờ biển Miền trung, mỗi hòm gỗ chúng cho nhốt nhiều con quỷ trong đấy. Một hôm, có một người đi câu trông thấy những chiếc hòm gỗ trôi trước mặt, thấy lạ, ông tò mò, liền mở ra xem. Không ngờ, trong những chiếc hòm đó, có chứa rất nhiều lũ quỷ, chúng được thể, nhảy ra ngoài và thi nhau cướp bóc tàn hại dân lành. Một số lũ quỷ chúng ở dưới hạ giới tàn phá dân lành, còn một số khác thì phi lên trời để quấy nhiễu, sát hại sinh linh. Chứng kiến cảnh người dân chài bị quỷ dữ tấn công, thần Độc Cước xuất hiện, thần đã tự xẻ đôi thân mình để tiêu diệt lũ quỷ biển đông. Một nửa thần đứng ở đất liền và một nửa đứng ngoài biển khơi, để bảo vệ dân lành.

29. Truyện kể về thần Độc Cước ở Sầm Sơn, Thanh Hóa

Theo lời kể Bác Lê Văn Sĩ ở đền Độc Cước Sầm Sơn **(tác giả luận án ghi lại trong khi đi điền dã tại ở đền Độc Cước Sầm Sơn)**

Ngày xưa, có một cặp vợ chồng ông thầy phù thuỷ, mặc dù tuổi đã 50 mà ông bà vẫn chưa có mụn con nào. Xót thương những người dân nghèo khổ cực, có cuộc sống bất an, ông bà thường xuyên hành đạo giúp đỡ dân lành, cứu khổ, trừ tai. Khi đã ngoài ngũ tuần, ông bà mới sinh được một mụn con trai nối dõi tông đường, ông bà thường đi xa để cứu độ, giúp dân và mỗi lần đi xa, ông bà thường cho người con đi theo. Một hôm, ông bà có việc gấp ra ngoài, đành để con nằm ở nhà một mình. Đến buổi, khi quay về nhà, ông bà thấy con mình chỉ còn có một nửa người.

Hốt hoảng, ông bà làm lễ cầu khấn trời đất phù hộ độ trì cho đứa con được lành lặn, ông bà đã được thần báo mộng, người con trai của ông bà được sinh ra chính là người con ở trên thiên đình, đã được Ngọc Hoàng đầu thai vào nhà ông bà, hiện giờ một nửa đã bay trở về trời, còn một nửa ở lại hạ giới cùng với ông bà.

30. Truyện kể về thần Độc Cước ở xã Minh Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa

*Theo Cụ Tạ Văn Trọng 80 tuổi, thủ đền xã Minh Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa (***tác giả luận án ghi lại trong khi đi điền dã tại xã Minh Lộc)**

Thần Độc Cước có tên là Nguyễn Văn Nóc, ngài sinh ra trong một gia đình nông dân nghèo, cha họ Nguyễn, mẹ họ Đoàn, ông bà làm nghề hái củi nuôi thân, mãi ngoài 50 tuổi ông bà mới sinh được mụn con trai. Một hôm ông bà đi làm về thì phát hiện ra đứa con của mình chỉ còn một nửa người, ông bà được thần báo mộng cho biết ngài là con ở thiên đình phái xuống hạ giới và đầu thai tại gia đình ông bà. Nay đến hạn, Ngọc Hoàng sai thiên lôi xuống xẻ nửa người, một nửa để lại trần gian, một nửa đưa về trời.

31. Truyện kể về thần Độc Cước ở làng Phú Điền, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa

Theo Cụ Nguyễn Văn Sinh 80 tuổi, nguyên thủ đền Bà Triệu và Đình làng Phú Điền, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa **(tác giả luận án ghi lại trong khi đi điền dã).**

Thần Độc Cước có tên là Trần Triều đôi nước, tương truyền ngài có tài biến hóa. Một hôm, có bọn giặc cướp tràn vào làng, chúng chưa kịp hành động thì đã bị thần Độc Cước dùng phép thuật, hóa phép thành vạn những con vắt, chui, bám vào quân giặc, khiến quân giặc ôm đầu bỏ chạy tán loạn. Tuy chịu thua, nhưng giặc cướp, chúng vẫn chưa nguôi ý định tấn công dân làng, lần khác, chúng nghĩ ra một kế là tấn công người dân đang ở ngoài sông, ngoài biển khơi. Cũng như lần trước, chúng phải ôm đầu tháo chạy, thì ra khi chúng đang tấn công người dân ở dưới nước, thì ngài đã dùng phép thuật của mình, biến hóa thành vạn những con đỉa chui, bám vào người chúng, bọn giặc khiếp sợ, bỏ hẳn ý định tấn công dân làng. Từ đó, người dân được yên ổn làm ăn, dân làng cảm ơn ân đức của ngài và lập miếu thờ.

(Đền thần Độc Cước cách khu vực Đình làng Phú Điền chừng 500m và đã bị phá từ lâu, hiện nay tại khu vực Đình làng Phú Điền nơi thờ chính là Bà Triệu và các nữ tướng của Bà Triệu. Đây chỉ còn thờ vọng thần Độc Cước).

32. Thần Độc Cước trong cuốn "Thanh Hóa Chư thần Lục", Thanh Hóa

Cuốn sách được viết để trình lên vua ngày 15 tháng 10 vào đời vua Thành Thái, thứ 15 biên soạn thần hiệu các vị dương thần mà các làng trong Thanh Hóa thờ phụng (ký hiệu 11237) thư viện Hán Nôm bản dịch.

Thần Độc Cước lại là họ Cao, tên sơn Tự đỗ tiến sĩ nhà Tấn *(265*-316) *nhiều năm vâng lệnh vua đi đánh giặc có công được phong phó Quốc Vương* khi mất hiển linh, được dân xã lập đền thờ và các triều đại đã có sắc phong [69].

(Theo Lê Kim Lữ (1998*), Đền Độc Cước,* Nxb Thanh Hóa*)*

33. Truyện kể về thần Độc Cước ở Sầm Sơn, Thanh Hóa

Theo sắc phong còn giữ, vào năm Cảnh Hưng thứ 14 (1783), thì thần Độc Cước tên là Chu Văn Khoan, có tài giúp các đời vua dẹp yên giặc, giữ gìn bờ cõi. Ngài hiệu là Đại pháp sư, có 7 phép màu để trị ma quỷ gian ác…và được vua phong mấy chữ: "Độc Cước Sơn Triều" [67].

(Lễ hội 100 năm du lịch Sầm Sơn (2007), (Tài liệu đánh máy, lưu tại Phòng Văn hóa Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa).

34. Truyện kể về thần Độc Cước đền Cô Tiên xã Quảng Vinh, Sầm Sơn, Thanh Hóa

Độc Cước Sơn Tiêu theo thần tích hiện còn lưu giữ tại đền Cô Tiên xã Quảng Vinh, Sầm Sơn: Thần Độc Cước quê ở Lạng Sơn phủ, Bảo An huyện, Triều Đông thôn đầu thai vào một gia đình hiếm con, lúc lên mười đã lục tử thần thông, sau nhà trời sai sứ giả xuống xẻ làm đôi nửa thăng thiên vi Tướng, nửa tại hạ giới vị Thần. Thần Độc Cước giáng sinh tại làng Núi, xã Lương Niệm, Sầm Sơn mỗi khi dân bị tai nạn khấn cầu đã linh ứng nên dân hai thôn Nho Quan, Trường Lệ lập đền thờ thần Độc Cước trên ngọn núi Đầu Voi hướng Đông Nam có 3 lớp chỉ là thờ vọng. Tục gọi là đền Cô Tiên.

(Theo thần tích hiện còn lưu giữ tại đền Cô Tiên xã Quảng Vinh, Sầm Sơn).

35. Thần Độc Cước trong cuốn "Danh thắng", Thanh Hóa

- *Thần Độc Cước rất uy linh là một vị cao tăng đứng một chân đọc kinh, giảng kệ.* Một đêm hoá bay lên trời anh linh hiển hiện nhiều nơi phụng thờ, đền nào cũng có vết chân ngài hiện, mà đền Sầm Sơn lại chính là đền có *vết chân ngài* hiển hiện ra lần thứ nhất vậy [69; tr.15].

(dẫn theo Lê Kim Lữ (1998) Đền Độc Cước, Nxb Thanh Hóa, tr 15).

- Theo cuốn *Quảng Xương danh thắng* bằng chữ nôm do Lê Đức Nhuận người xã Quảng Vinh, Sầm Sơn đậu cử nhân năm Canh Thân thời Tự Đức soạn và ghi lại như sau: "Đêm mùng 7 tháng giêng mưa to gió lớn, nước ngoài biển dâng lên ngập ngang núi, cây cối đổ rạp, dân trong vùng kinh hãi. *Sáng hôm sau dân làng trèo lên đỉnh núi thì thấy một bàn chân lớn, dài hơn một thước in trên hòn đá.* Đến ngày 17 tháng 3 cũng năm ấy bỗng thấy một bè gỗ lớn trôi vào chân núi. Dân làng cho là gỗ của thần bèn lập 03 đền thờ đó là đền Thượng, đền Trung và đền Hạ ở đầu núi, lưng núi và chân núi" [119; tr 47].

(dẫn theo Hoàng Minh Tường (2005), *Tục thờ thần Độc Cước ở làng Núi, Sầm Sơn, Thanh Hoá,* Nxb. Văn hóa Dân tộc).

III. Dị bản truyện kể dân gian về thần Độc Cước

1. Dị bản thần Độc Cước thi tài cùng Bà Triều được lưu truyền ở vùng Sầm Sơn

Vùng Sầm Sơn có hai làng, làng Núi và Triều Dương, mỗi làng thờ một vị thần có tiếng là linh thiêng. Thần Độc Cước có nhiều phép lạ, có tài trừ tà quỷ dữ... Còn *Bà Triều có công dạy dân dệt súc, đánh cá, dệt vải lụa để mặc*, nên mới có cuộc thử tài giữa hai vị.

Cuộc đọ sức kéo dài tới hai ngày, ngày thứ nhất hai bên đều vận hết các phép màu nhiệm để đấu trí. Cuộc đọ sức nảy lửa chẳng ai nhường ai, người nào cũng mong phần thắng.

Sang ngày thứ hai, Bà Triều nói với thần Độc Cước!

- Ngày hôm qua đã thử phép, cứ đem phép màu nhiệm để thử tài thì khó phân thắng bại. Ngày hôm nay nếu cứ lặp lại tôi e rằng kết cuộc cũng thế thôi. Tôi có ý này ngài có chấp nhận được chăng?- Rồi nói:

- Chúng ta đem nghề nghiệp mà thử mới biết tài cao thấp. **Tôi nghe ngài có tài sai khiến súc vật, còn tôi biết dệt lụa**. Vậy ngài đem quật chết một con trâu rồi làm sống lại, còn tôi sẽ xé vụn tấm lụa rồi sau đó làm lại nguyên vẹn, cùng thời gian ai làm xong trước người ấy sẽ thắng cuộc, ngài nghĩ sao?

Thánh Độc Cước chấp nhận và cuộc thi bắt đầu. Vị thánh tung con trâu lên thật cao và khi con trâu rơi xuống nó nát vụn thành đống thịt. Còn Bà Triều thì xé nát tấm lụa thành trăm mảnh.

Cuộc thi bắt đầu. Bà Triều vơ lấy các mảng lụa bỏ vào lòng, còn hai tay thoăn thoắt kéo ra từng sợi, sợi kéo ra đến đâu thành từng vuông lụa tới đó. Còn thánh Độc Cước nặn hình con trâu thổi sức sống vào đó.

Sau một thời gian tấm lụa của Bà Triều đã bay phấp phới trước gió, trong khi đó Độc Cước mới nặn được cái đầu cái cổ trâu. Cuộc thi kết thúc, Bà Triều giành phần thắng. Từ đấy trong các cuộc tế lễ hội các vị thần trong hàng tổng, hàng huyện, hàng tỉnh, kiệu Bà Triều bao giờ cũng đi trước kiệu Thánh Độc Cước trong các kỳ tế cầu phúc, tế xám của làng Núi bao giờ cũng phải làm thịt trâu, đầu và cổ trâu để nguyên vẹn [69; tr.15].

(*Theo tác giả Lê Kim Lữ (1998) biên soạn cuốn "Đền Độc Cước" Nxb. Thanh Hóa - trang 17).*

2. Dị bản truyện kể về thần Độc Cước được lưu truyền ở vùng Sầm Sơn

Truyện kể rằng thời xưa có một bọn quỷ mũi đỏ đến vùng biển Sầm Sơn làm hại dân lành. Có một chú bé mồ côi cha vừa chui ra khỏi bụng mẹ đã lớn nhanh như thổi và trở thành người khổng lồ. Chàng khổng lồ đánh thắng bọn quỷ ngoài biển, quỷ tràn vào đất liền cướp phá, nếu chàng ở trong đất liền thì quỷ lại phá ở ngoài khơi. Chàng nghĩ cách lấy búa tự xẻ đôi thân mình, một nửa thân và một chân đứng ngự trên đỉnh Sầm Sơn, một nửa thân và một chân theo bè mảng ra khơi hộ vệ dân chài. Từ đó, bọn quỷ vào bờ hay ra biển đều thấy chàng khổng lồ, chúng bỏ đi nơi khác kiếm ăn, không dám bén mảng đến vùng biển này nữa. Từ đó xuất phát tên gọi thần *Độc Cước*, nghĩa là "Một chân". (*theo Bách khoa toàn thư mở Wikipedia*).

3. Dị bản truyện kể về thần Độc Cước được lưu truyền ở vùng Sầm Sơn

** Về thần Độc Cước có nhiều sự tích khác nhau.*

Có tích nói là thần là con một người đàn bà chết đuối (mà dãy Trường Lệ là hình người đàn bà này). Thần được dân làng cưu mang, nuôi nấng trở thành chàng trai khổng lồ. Thuở đó ở vùng biển này có lũ thủy quái thường làm hại dân chài. Nhưng từ khi có chàng đi đánh cá cùng thì lũ thủy quái bị chàng trừng trị. Chúng bèn âm mưu chờ chàng đi vắng thì kéo về làng làm hại dân làng. Từ đó hễ chàng ở nhà thí chúng sát hại người đi biển, hễ chàng đi biển thì chúng hại những người ở nhà. Chàng bèn quyết định đối phó bằng cách xẻ thân mình làm đôi. Nửa thân ở một chân ngoài biển, nửa chân ở trong đất liền. Từ đó bọn thủy quái đành chịu không dám phá dân làng. Chàng được nhân dân làm đền thờ và tôn làm thành hoàng. Cái tên Thần Độc Cước là thần "một chân" bắt nguồn từ sự tích đó [167].

(*Theo Bùi Công Tự (2011) Thần Độc Cước, https://omanizen.wordpress.com/category/phu-thuy*)

4. Dị bản truyện truyền thuyết về Độc Cước được lưu truyền ở vùng Sầm Sơn

Theo truyền thuyết dân gian bao đời nay còn lưu truyền trong dân chúng nơi đây thì Độc Cước - vị thần được sinh ra từ một bà mẹ bị chết đuối do sóng biển dạt vào bờ làng Núi. Lạ kỳ thay, cái thai trong bụng người mẹ xấu số ấy không chết mà sinh ra một cậu bé có sức khỏe phi thường. Cậu được sống trong tình thương yêu đùm bọc và sự giúp đỡ của bà con dân làng. Hàng ngày cậu bé khổng lồ theo người dân đi trồng trọt và ra biển đánh cá để mưu sinh. Ngoài khơi thời bấy giờ xuất hiện bọn Quỷ đỏ luôn quấy nhiễu, nhấn chìm bè mảng và ăn thịt dân chài. Chàng khổng lồ với lòng yêu thương những người dân vô tội, với sức khỏe và sự dũng cảm, chàng đã đánh đuổi, làm cho bọn Quỷ biển hồn kinh phách lạc và tháo chạy. Thế nhưng bọn Quỷ biển vốn lắm mưu, nhiều kế, mỗi khi chàng cùng dân chài đi đánh cá ngoài biển thì bọn Quỷ lại kéo vào đất liền phá hoại cây trồng và hãm hiếp dân lành. Căm giận lũ Quỷ và thương xót bà con dân làng bị Quỷ Đỏ hãm hại, chàng bèn xẻ đôi thân mình, một nửa bảo vệ dân chài đánh cá ngoài khơi, một nửa người ở lại đất liền trừng trị bọn Quỷ dữ không cho chúng gây hại. Nhớ ơn công đức của người con ưu tú và can đảm của làng Núi, dân làng và bà con trong vùng đã thờ thần ngay trên hòn Cổ Giải, mõm núi nhô ra biển của dãy Trường Lệ nơi có vết chân khổng lồ của người anh hùng còn lưu lại, quanh năm hương khói phụng thờ. Với lòng thành kính và cầu mong thần chở che, phù hộ họ bình yên và no đủ. Tục thờ thần cũng gắn liền với lễ hội cầu nước, cầu ngư, cầu mùa... một hình thức lễ hội phản ánh tín ngưỡng, tâm linh của những người dân làng biển [120].

(dẫn theo tác giả Hoàng Minh Tường trong bài viết "Tín ngưỡng thờ thần Độc Cước - Sự tiếp biến giữa các yếu tố văn hóa bản địa và ngoại sinh).

5. Dị bản truyền kể về thần Độc Cước được lưu truyền ở vùng Sầm Sơn

Truyện kể rằng: Vào thuở mới sinh ra loài người, có một người bụng mang dạ chửa bị trận đại hồng thủy cuốn trôi ra biển, rồi dạt vào bờ, bà nằm lại đây nguyện làm con đê chắn sóng. Cảm phục và thương xót tấm lòng cao cả của Bà. Nhân dân trong vùng rủ nhau đem đất đá đắp lên thi hài Bà thành dáng núi Trường Lệ ngày nay.

Có thuyết lại kể rằng: người phụ nữ ấy chết sau khi sinh con, cậu bé có khuôn mặt khôi ngô tuấn tú, lớn nhanh như thổi, sức khỏe phi thường, ngày ngày thương

mẹ, nhặt đất đá đắp lên thi hài mẹ để nấm mồ lớn dần thành núi Trường Lệ, Cậu bé đó trưởng thành như một tràng trai khổng lồ, dũng cảm xẻ đôi thân mình cùng nhân dân làng chài đánh tan loài quỷ biển, về sau trở thành thần Độc Cước, được nhân dân xây đền thờ phụng, hương khói bốn mùa [67].

(Lễ hội 100 năm du lịch Sầm Sơn (2007), (Tài liệu đánh máy, lưu tại Phòng Văn hóa Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa)

6. Dị bản: Câu chuyện thần Độc Cước

Tác giả Mạnh Lê, Nxb. Thanh Hóa 1984)

1. Sầm Sơn thuở xưa ấy

Sóng xanh màu lá cây
Mặt trời như quả bóng
Nhảy nhót ngoài biển khơi
Núi đá quanh làng chài
Cát lượn vàng chân núi
Bình yên giấc trẻ thơ
Trong tiếng hò kéo lưới
Một buổi chiều gió thổi
Nhẹ như làn khói bay
Mây vì sao nhấp nháy
Xanh biếc trên vòm cây
Tiếng cười của dân chài
Thơm thơm mùi cá nướng
Lũ trẻ đuổi theo sóng
Kèn vỏ ốc tu tu…

2. Bỗng một cơn gió độc

Từ đáy biển cuồng lên
Trời đất quay đảo điên
Hiện lên bầy quỷ dữ
Quỷ mặt người, mặt ngựa
Quỷ lòng trắng lông vàng
Mồm quỷ đỏ như máu

Mắt quỷ rực lò than
Lũ quỷ đông bạt ngàn
Cuốn vào làng như gió
Gió xô đổ mái nhà
Gió lôi cây bật gốc
Bao người không chạy kịp
Bị quỉ ác lôi đi
Chỉ còn nghe tiếng rú
Thảm thiết ngoài khơi xa !
3. Giữa đêm tối mịt mờ
Bung lên từ hốc đá
Một tiếng thét trẻ con
Rung trời như sấm nổ
Người mẹ chưa kịp bế
Đứa bé chồm dậy ngay
Sừng sững như cây lớn
Trước cửa biển làng châu
Bé giục giã mọi người
Rèn cho bé lưỡi búa
Làng chài vội đốt lửa
Rèn búa và nấu cơm
Bé ăn hết thuyền cơm
Thức ăn là muối biển
Đầu gối vách núi dựng
Chân duỗi qua sông cồn
Bé ngủ một giấc ngon
Giữa bình minh cháy đỏ

4. Đêm đêm nghe bé thở
Núi đá cũng phập phồng
Lũ quỹ sợ kinh hồn
Vội tìm nơi trú ẩn...

Vào một đêm không trăng
Lũ quỷ biển ập tới
Bé vươn vai đứng dậy
Trong tiếng làng hò reo
Bé giơ tay vẫy chào
Dân làng cùng biển cả
Rồi như hòn núi đá
Bé lao vào quỷ đen

5. Hai cánh tay của bé
Như hàng trăm lá buồm
Quạt gió vào mặt quỷ
Lộn xuống lại nhào lên
Bỗng đâu một chiếc thuyền
Nhằm ngực bé lao tới
Lưỡi lè như chó dại
Quỷ tướng phóng lao sang
Quỉ cái kéo dây cung
Lắp sẵn mũi tên độc
Bé co chân đá phốc
Cái thuyền to lật nhào
Quỷ tướng lộn đằng sau
Quỷ cái văng trước mặt
Quỷ tướng sùi bọt mép
Giục quỷ cái lui quân
Quấn ngược tóc đuôi chôn
Quỷ tướng bầy độc kế.

6. «Thằng bé này cực khỏe
Phải dàn hết quân ra
Quỷ cái ngoài khơi xa
Ta náu mình trong cát
Mình nó sao giữ được

Cả biển khơi đất liền
Cứ dưỡng sức nuôi quân
Đợi lúc thằng bé mệt
Ta thừa cơ đánh úp
Thằng bé chết tươi ngay”
Bé làng chài đêm ngày
Đứng canh trên mỏm đá
Đêm đêm nghe tiếng trẻ
Khóc thét trong làng chài
Bé vội chạy như bay
Lũ quỷ đã trốn thoát
Mình bé sao giữ hết
Cả đất liền ngoài khơi.

7. Một hôm vừa rạng sáng
Từ núi đá vang lên
Tiếng bé như sấm rền
Chuyển rung từng vách núi
« Hỡi bà con dân làng
Hãy nghe lời ta nói
Ta chịu ơn hạt muối
Chịu ơn hạt gạo thơm
Thương bà mẹ sinh con
Bao đêm ngày tần tảo
Lũ quỷ kia khát máu
Chớ cậy sức quân đông
Ta nguyện xẻ đôi thân
Đánh tan loài quỷ dữ... ».

8. Lúc ấy cả mặt trời
Sáng ngời trên lưỡi búa

Cỏ cây và trăng sao
Chớp bùng lên ngọn lửa
Biển trào cơn sóng dữ
Núi đá cũng vặn mình
Máu bé rớt xuống biển
Biển chói ánh hào quang
Làng đốt lửa sáng choang
Đón bé thần vô núi
Một khối hồng chấp chới
Bay vút qua vòm trời
Chỉ nghe tiếng bé cười
Giữa bừng bừng lửa thắp
9. Ngoài khơi xa tít tắp
Nửa thân bé khổng lồ
Lướt trên mặt sóng xô
Truy lùng quân quỉ ác
Quỉ tướng từ ụ cát
Kéo quân vô đất liền
Sừng sững trên vách đá
Bé thần đã hiện lên!
Vẫn Khổng lồ một chân
Lưỡi búa thần tóe lửa
Quỷ tướng bay hồn vía
Thúc quân rời biển xanh.

10. Từ đấy mỗi bình minh
Vạt đá hồng lấp lánh
Bé thần giữa trời xanh
Như đúc bằng ánh sáng
Mảnh trăng treo vàng thắm
Trên ngực bé đêm đêm

Làng chài lại giong thuyền
Trong niềm vui chiến thắng
Biển ngàn năm vỗ sóng
Ngợi ca mãi người con
Anh dũng xẻ đôi thân
Đánh tan loài quỉ bể
Ai say câu chuyện cổ
Xin mời đến đất này
Trên đỉnh núi mây bay
Còn dấu chân Độc Cước.
Mạnh Lê-Sầm Sơn 1983 [66].

(Thần Độc Cước) Nơi có ngôi đền thờ để ghi nhớ công lao chàng Khổng lồ một chân ngay trên núi ở bãi biển Sầm Sơn, Thanh Hóa.

7. Dị bản truyện kể dân gian về thần Độc Cước ở Bắc Ninh

Dị bản này giống truyện kể về thần Độc Cước truyện số 15

Thờ Tiêu Sơn Độc Cước (một chân) Thần tướng, thần có nửa mặt, nửa thân, một mắt, một tai, một tay, một chân. Các Triều đều phong tặng, nhiều lần linh ứng, nhà chùa hay thờ.

(*Theo sự tích xã An Sơn*, thời vua Lý Cao tông, bà Đoàn Thị Khôi vợ ông Nguyễn Lễ ở phường Phú Thứ, trại Đông Thắng huyện Phong Phú hơn 50 tuổi, chồng chết mà chưa có con vào tu ở chùa Tiêu Sơn. Một hôm bà nằm ở tảng đá dưới cây bách giữa giấc ngủ nhìn thấy một người mình dài, **mặt đen**, mồm có răng chạy vào lòng, kinh sợ mà tỉnh dậy. **Đêm lại mộng thấy Bồ tát áo trắng bảo bà rằng**: "*Tiêu Sơn thần tướng bị thượng đế giáng chức và đầy làm con bà chớ có lo".* Quả nhiên bà có thai bị nhà sư đuổi đi. Bà tìm đến khu Đông Nội, động An Sơn huyện Phượng Nhỡn, lúc bà sắp sinh, bà Thị Phượng con gái ông Hà Công là một bà đỡ, đưa bà ra cái quán bên ngoài khu. Đêm ấy, người trong trại, nằm mộng thấy thổ thần dẫn quan quân đến và nói rằng: "***Thần tướng giáng sinh, thiên binh đến hội***". Ngày 12 tháng 5 *bà đẻ ra một đứa bé dài hơn 3 thước, tiếng khóc như sấm 3 ngày không thôi,* đồng thời dân xã đều bị bệnh, ai nấy đều hoảng sợ. Không dám đến gần. Riêng con trai của bà Phượng là Hà Công Thục tư bẩm thông minh khác

thường, tài giỏi hơn người thì không sợ hãi gì, quả quyết đưa dân xã vào gọi thần tướng làm dứt được tiếng khóc. Những người bị bệnh đều khỏi quan quân địa phương biết tin tâu vua. **Vua triệu đến sân điện, tức thì nghe tiếng sét đánh, sẻ mình thành một nửa to bay lên trời mất, phần còn lại thì ở sân điện**.

Vua lấy làm lạ sai người trong trai rước về lập sinh từ (đền thờ khi còn sống) ở quán.

Mỗi bữa thương ăn 100 đấu gạo, 100 cân thịt, mọi người cho là ma quái, đem chôn ở phía sau đền.

Sau 100 ngày, bỗng biển Đông có quỷ tặc làm phép, bệnh tật tràn lan. Thần tướng đội đất đứng dậy nói lớn: "ta theo lệnh của Phật, nhận phép Phật có thể giết quỷ, nuốt tà, xa gần đều phải cầu xin". Vua được tin lại sai sứ rước thần tướng và Triệu Công Thục về triều, xin làm cho cái búa sắt. Giặc dẹp xong, thần tướng về đến Tiêu Sơn, Công Thục về đến Phượng Hoàng Sơn đều bay lên trời mà hóa.

(Trộm nghĩ, việc quỷ thần rất huyền bí, nên còn tra trong Kim Sơn Hải.

Núi có nhiều quỷ thần, *hình dạng thường một tay, một chân cũng là loại ma rừng,* như thế thì biết, hình dạng kì quái đã được ghi trong danh sách, hoặc giả 2 cái khí lương năng này đầu thai vào Đoàn Thị mà có cái lạ của thần, cũng là có lí. Nhưng trong chuyện này, ***một hình thể mà chia đôi, đã chôn lại dậy thật là rất lạ***. Chưa thấy có nói đến, *sự việc cũng là nghìn năm có một, thật khó mà giải thích*. Sự tích này của làng này, ghi chép đầy đủ để ghi lại những điều lạ kì [127; tr.213-215].

(Theo cuốn "Bắc Ninh Địa Dư Chí" của tác giả: Đỗ Trọng Vĩ (1829 – 1899), Nxb Văn hóa Thông tin 1997, Trang 213-215).

8. Câu chuyện về thần Độc Cước do tác giả luận án ghi chép được khi đi điền dã

(Thần Độc Cước được người dân kể nhiều về sự linh ứng, tác giả chỉ xin kể lại ***02 câu chuyện nói về sự linh thiêng của thần Độc Cước)***

8.1. Câu chuyện linh thiêng thứ nhất của thần Độc Cước ở Văn Quán, Hà Đông

Xưa kia tại Trang Văn Quán thuộc Phủ Hà Đông, Hà Tây (Hà Nội), nơi đây còn là một cánh đồng hoang vu, dân cư sống bên cạnh con sông Nhuệ, hàng năm người và súc vật thường bị lũ lụt, dịch bệnh gây hại khiến cuộc sống gặp khó khăn. Trước tình cảnh đó công chúa Lê Thị Ngọc Bôi là con gái của vua Lê Thái Tông và là cháu nội của vua Lê Thái Tổ, Công chúa đã đến đền thần Độc Cước ở Sầm Sơn

thỉnh cầu ngài và xin rước chân nhang về đây thờ. Từ khi ngôi đền được xây tại Văn Quán, thì cư dân và gia súc không còn bị nước lụt và dịch bệnh đe dọa nữa.

Tại đền Độc Cước ở Trang Văn Quán còn có sự linh thiêng khác: Trong một lần có chú Voi của nhà vua đi qua làng Văn Quán, chẳng may Voi khuỵn chân không thể đi được nữa, dân làng rất sợ nếu chú voi mà chết ở tại làng Văn Quán thì Làng sẽ bị nhà Vua phạt tội. Trước tình thế đó, người dân đã nghĩ đến việc cầu khẩn thần Độc Cước giúp đỡ, mong Thần có thể xua đuổi chú Voi đi sang làng khác và không được chết ở đây. Sau khi người dân vào đền thỉnh cầu thần Độc Cước, thì quả nhiên là chú Voi đứng dậy, lê bước sang làng bên rồi mới gục xuống. Dân làng rất vui vì những sự linh ứng của thần Độc Cước đã giúp dân làng khỏi bị phạt vạ. Hiện nay đền thờ Thần Độc Cước ở khu Văn Quán, phía trong bến xe cũ Hà Đông.

(Theo lời của Bác Thủ đền Văn Quán và đền Độc Cước Hà Đông kể lại, tác giả luận án ghi lại khi đi điền dã)

8.2. Câu chuyện linh thiêng thứ 2 của thần Độc Cước tại Đình làng Vẽ, xã Đông Ngạc, huyện Từ Liêm, Hà Nội

Xưa kia, ở Đông Ngạc là một vùng đất hoang vắng và thường xuyên bị nước lũ của dòng sông Hồng đe dọa, hàng năm nước sông Hồng dâng lên to, lúc thì bị vỡ đê, khi thì nước tràn qua đê gây lũ lụt cho người dân khu vực này, khiến cho người và xúc vật thường bị nước lũ tấn công, đói khổ. Trước tình hình đó, người dân đã cầu khấn đến thần Tản Viên (Sơn Tinh) và lập đền thờ thần tại đây, mong thần Tản Viên (Sơn Tinh) có thể trị được thủy, để đê điều không bị vỡ. Tuy nhiên, thì đê sông Hồng ở nơi đây vẫn bị vỡ, người dân khốn khó với cảnh nước ngập úng. Tình cảnh đó, có người mách rằng nếu cứ cầu và lập đền thờ Sơn Tinh ở đây sẽ làm mất lòng Thủy thần và khu vực này đê vẫn sẽ bị vỡ, ngập lụt. Giờ chỉ có cách là cầu khấn và lập đền thờ thần Độc Cước ở đây, bởi Thần có thể làm vừa lòng được Thủy thần và cũng là làm đẹp lòng Sơn Thần thì mọi việc sẽ ổn. Người dân đã đến đền Độc Cước ở Thanh Hóa và xin rút chân nhang về lập đền thờ. Từ đó trở đi, nước sông Hồng không tràn vào, đê điều không bị vỡ, người dân yên tâm sinh sống và hiện nay thì tại Đình làng Vẽ, xã Đông Ngạc, huyện Từ Liêm, Hà Nội vừa thờ 03 vị là Độc Cước, Lê Khôi và Thổ thần.

(theo lời kể của Thầy Triệu Thế Việt, nguyên giảng viên trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn Hà Nội, tác giả ghi lại)

IV. Thần tích

1. Thần tích về thần Độc Cước

Thần Độc Cước được thờ ở làng Dụ Tiên tổng Hà Liễu huyện Thanh Trì.

Khởi nguồn của tín ngưỡng thờ thần Độc Cước ở Thanh Hóa. Thần tích về thần có rất nhiều. Truyền thuyết lưu hành ở Thanh Hóa ghi rằng thần đánh giặc Mũi Đỏ từ ngoài biển vào để cứu dân. Để đánh chúng ở bờ lẫn ngoài biển, thần bèn tự tách mình ra làm hai nửa đón giặc hai nơi vì thế được gọi là thần Độc Cước.

Truyền thuyết vùng núi Gôi tỉnh Ninh Bình cho rằng: Thần là con một người nghèo lấy cô vợ, sinh ra thần. Thầy phù thủy biết cô vợ là yêu tinh bèn trừ yểm. Người vợ bèn xé con làm hai nửa cho chồng một nửa còn một nửa mang đi dạy dỗ thành thần Độc Cước.

Tư liệu Diên Quang Tam Muội tạo tượng kinh có tiểu sử thần Độc Cước như sau: Thần có bố là Nguyễn Lê Viễn, mẹ là Đoàn Thị Khôi. Lúc sinh ra thần có tên là Chu Văn Minh. Lớn lên theo học Quan Âm Bồ Tát được sắc phong là Tiêu Sơn Độc Cước Thần Vương.

Thần Độc Cước vốn là vị thần biển. Tích thần Độc Cước liên quan tới hiện tượng dấu chân thần xuất hiện ở nhiều nơi. Tại Hà Nội từ xưa đến nay có rất nhiều khu vực có sự xuất hiện của dấu chân thần như:

- Dấu chân xuất hiện ở thôn La Trì trên cây Lan Mộc, công chúa Minh Hoa đã 71 tuổi đi tu từ năm 9 tuổi đứng nhìn sau có mang.
- Dấu chân tại làng Gióng huyện Gia Lâm trong vườn nhà một người đàn bà nhiều tuổi sống độc thân. Bà dẫm phải dấu chân đó sau có mang sinh ra Thánh Gióng.
- Thời Lý, năm 1029, trên một ngọn núi ở phía Đông Nam kinh thành Thăng Long có vết chân thần dài rộng đến ba thước, sâu một thước (không rõ tên núi).
- Thời Lý, năm 1929 tại chùa Thắng Nghiêm, kinh thành Thăng Long xuất hiện vết chân thần.
- Thời Lý năm 1038 ở chùa Đại Thắng kinh thành Thăng Long có vết chân thần.
- Thời Lý, năm 1131, Ngự tiền chỉ huy sứ là Vương Cát có vết chân thần giáng ở Long Trì trước lầu bên tả kinh thành Thăng Long dài 9 tấc, rộng 5 phân 3 tấc [79].

(Theo tác giả Nguyễn Minh Ngọc (2000) (Biên soạn) *Bách thần Hà Nội*, Nxb.Cà Mau).

2. Thần Độc Cước theo cuốn "*Thanh Hoá tỉnh chí*"

Về thần tích thần Độc Cước: "Một hôm sau khi mưa to gió lớn thì thấy thần giáng xuống ngọn Miết Cảnh thuộc xã An Niệm in vào đất đá vết chân trái dài một trượng, rộng năm thốn, người địa phương dựng miếu ngay trên đó để thờ ngài. Việc xảy ra vào thời Lý".

Thần Độc Cước Trong cuốn "*Từ điển Văn hoá Cổ truyền Việt Nam*" Đền Độc Cước (Độc Cước = một chân):

Ở sát bãi biển Sầm Sơn Thanh Hoá trên núi đá nhỏ. Đền hiện có kết cấu "Tiền nhất hậu đinh" (tòa tiền bái chữ nhất) dựng đầu thế kỷ XX. Toàn thần điện (chữ đinh) mang dấu vết TK XVII (mái thếp, nét chạm linh thú và đao mác rất mạnh, nổi khối mập khoẻ đẹp). Đền có tượng Phật, Bồ Tát (đem từ nơi khác về). Hậu cung có các đồ thờ truyền thống, đặc biệt là tượng thần.

Tượng thần Độc Cước ở Việt Nam chưa thấy làm lớn, ít khi cao quá 40 cm, bao giờ cũng tạc nửa thân theo lối bổ dọc. Mặt ngắn, thường nhấn mạnh nét gồ ghề của các bộ phận khối tượng có phần hung dữ, mặc áo thụng, tay trong thế võ chân đi hài vân xảo. Một hệ thống mây cuộn như che khuất nửa thân kia được trải từ đầu xuống. Thần Độc Cước thường được ghép vào chùa ven biển, ven sông. Hiếm có đền thờ riêng như đền Độc Cước ở Sầm Sơn .

Thần Độc Cước gắn với con nước, là thần bảo hộ cho dân đi biển, hiện thân nhân cách hoá của mặt trăng. (Có thuyết nói thần họ Cao, tên tự Độc Cước, như vị thiền Sư đời Lý).

3. Thần Độc Cước tại Đền Thiên, Xã Lộc Sơn, Hậu Lộc, Thanh Hóa

(Tác giả luận án ghi lại khi đi điền dã tại tại Đền Thiên, Xã Lộc Sơn)

Tương truyền, nơi đây xưa là khu vực trồng rất nhiều cây cau, một buổi sớm người dân phát hiện có dấu chân khổng lồ lưu tại đây, người dân đã lập miếu thờ, miếu thờ bị phá. Hiện nay, **đền thần Độc Cước** được tu bổ lại và đền đã được công nhận là di tích văn hóa cấp tỉnh. Đền thần Độc Cước còn lưu giữ được 01 sắc phong của Vua. Đền nằm ngay tại chân cầu Lãi và bên cạnh sông Lãi.

4. Bản văn sai luyện thần Độc cước

Đệ tử tôi nay nhang phần một truyện
Thủa ban rồi tu luyện Thần binh
Chiêm Thiên nhung Quốc có danh
Kể từ hồng tạo mấy sinh kia là
Càn Khôn nhị khí sinh ra
Không không, sắc sắc hóa ra dị hình
Có Thiên tinh diệu bằng non nước núi
Dáng cao cao nghìn trượng cao mây
Phép anh Linh nào có ai tày
Động chân nở đất, ra tay động rừng
Mặt đen *tựa lửa hòn than*
Răng trắng san sát, môi hồng tựa son
Nguyên giáng sinh Sơn Tiêu núi ấy
Có uy hùng ai thấy dám đang
Hiệu là Lốc Tướng Thần Vương
Bản thân bối Phúc có danh đại Thần
Khi cơ hàn tần lao chi khổ
Đến tuần này biến thảo thành nhân
Hiện lên Mao khổng hóa thân
Đằng vân thế giới xa gần mọi nơi
Cứu nhhân gian lại thôi súc vật
Đả Tà ma, trảm diệt Tà tinh
Tả thủ cầm cờ Lôi phơi phới
Hữu thủ cầm búa sắt hăm hăm
Lại hay phương tiện cứu dân
Chữa người tật khổ, bệnh nhân mê đồ
Phá oan gia, đoạn trừ túc trái
Giết Tà thần, đẳng chúng Tà tinh
Trảm Phạm Nhan, Bá Linh phục Quốc
Tróc mẹ danh Càn sát bà Vương
Bao nhiêu tà quỷ chúng bay

Thu lại nhập ngục, đả cho tan tành
Hỡi Già Lô Lốc Tướng kia ơi
Chính thang nhất vị anh linh
Giờ Thày luyện tập về chưng bản đàn
Có uy cường đêm ngày ứng hiện
Nghe Chú, Ấn, Quyết gọi là tốc thôi
Dù chơi non núi xa xôi thời về
Chớ hoãn trì ngang đường ngang xá
Chớ cưỡng Phù, cưỡng Chú làm chi
Thầy nay Ấn, Quyết thì về
Để Thầy sai khiển việc gì cho hay
Như cờ này hóa ra cờ lệnh
Chuyển cờ này quân tướng sửa sang
Uy hùng chính đức nghiêm trang
Binh quyền kíp phá Quỷ Vương tung hoành
Khi sai hành bất phân thời khắc
Chớ lỗi lầm, thét mắng chẳng tha
Chẳng nên thét mắng đôi lời
Việc trong cấm giới, việc ngoài cấm ngăn
Nào khi cứu thế độ dân
Dẹp đường mở lối Sư nhân đi về
Ba hồi Mõ đả thì nghe
Chơi đâu kíp chóng thì về
Một là sai khiển việc gì cho hay
Trước hộ Thày tuế bằng non nhạc
Đạo quân sư chẳng khác thái sơn
Tháng ngày bổng lộc thường tuôn
Đông Tây đem lại Bắc Nam thu về
Của Thiên Khê bạc tiền vô số
Lợn cùng gà, vải vóc chứa chan
Chữ rằng dĩ đức báo Ân
Thầy toan trợ Tướng, Tướng nay giúp thầy
Gia trung này đêm ngày tuần thú

Cắt ba quân canh cổ truyền lao
Có ai xâm phạm ra vào
Đả đòn buộc trói, đem giam gia hình
Trong phép Quan đả là lệnh ước
Cứ ba hồi mõ đả thì nghe
Lưng đeo đai bạc hoa cù
Tay cầm chìa khóa kỳ khu chữa người
Hoặc ai phải khí nặng giời
Đến không cũng khỏi ngồi chơi cũng hèo
Phép xưa nay vốn vì có khác
Mõ là sai bắt nhiều điều
Một đường đường nghiệm trăm chiều chiều hay
Xưa kia xốc vác Thái sơn
Nay sao phép đã lên ngàn
Ngao du đón nguyệt chơi miền thanh cung
Nay tôi có việc thì dùng
Mời ông tốc giáng bản đàn cho mau
Là tật tốc giáng
Nhang hoa thỉnh

Sắc hỡi Sơn Tiêu Độc Cước. Hồng tao xưa sinh, vị thân mẫu không không sắc sắc. Nhất nhỡn sơn đầu thủ túc chi dị hình.

Sơn Tiêu Độc Cước A Lộc đại vương, hiệu Chu Văn Minh thần tướng. Tả tướng Độc cước, hữu tướng độc tôn, Độc Cước thiền sư, thế tôn Độc Cước đại tướng. Các đẳng tướng âm binh vạn vạn hằng hà sa số tật tốc giáng hạ bản đàn. nhang hoa thỉnh .

(Nguồn Thiên Sơn (2012*) Bản văn sai luyện thần Độc cước*
http://hatvan.vn/forum/threads/xin-ban-van-sai-luyen-than-doc-cuoc.7395/*)*

5. Tác giả Đặng Huy Trứ làm bài thơ đề trên bia đá trước đền Thượng, Sầm Sơn, ca ngợi thần Độc Cước

Yết Độc Cước Tiểu Tiêu Thần Linh Từ

Hà niên ngọc chỉ đáo Đông minh
Hương hỏa thiên thu hộ bất quynh
Khí hữu tư chung duy chính trực
Tức chung sở lý tức anh linh

Nguy nga cổ miếu sơn đồng trí
Huy hách thần công thạch khả minh
Tọa trấn hải cương xung yếu địa
Kiêm thiên kình ngạc tảo tiềm hình.

Dịch thơ:

Viếng Thăm Đền Thần Độc Cước

Gót ngọc năm nao đến biển Đông
*Nghìn năm hương khói cửa toang không **
Trui rèn cương trực nên anh khí
Đặt bước hoang liêu hỏa điện thông
Miếu cổ nguy nga non sách thế
Công ơn hiển hách đá ghi công
Biển bờ xung yếu oai nghiêm trấn
Kình ngạc dông càn lặng đáy sông.
(tác giả Hoàng Công Khanh dịch).

6. Thần Độc Cước trong cuốn "Đạo Thánh ở Việt Nam"

Theo tác giả Vũ Ngọc Khánh cho rằng: Trường hợp ông Thánh (thần) Độc Cước là một trường hợp hội tụ có nhiều vấn đề. Ở Sầm Sơn Thanh Hoá có hòn núi Độc Cước và có truyện xếp Độc Cước là một vị thần trong thần thoại. *Nhưng ở hai xã Phù Sơn, huyện Kim Bảng, Hà Nam và xã Anh Sơn huyện Vụ Bản Nam Định* ông này được gọi là một đại thần tướng có cả tên họ. Thần tích hai nơi đều ghi giống nhau: Tiêu Sơn Độc Cước Chu Văn Minh quỷ độc đại thần tướng. Tại xã Phán Thuỷ huyện Kim Động tỉnh Hưng Yên người ta lại gọi Độc Cước là một vị đại vương và cái tôn hiệu thánh Độc Cước thì phổ thông hơn cả.

(Theo Vũ Ngọc Khánh (2001), *Đạo Thánh ở Việt Nam*, Nxb *Văn hóa Thông tin*, Hà Nội, tr 254*)*

V.Tư liệu Sắc phong, Văn Bia về thần Độc Cước Thanh Hóa

1. Sắc phong thần Độc Cước ở huyện Quảng Xương, Thanh Hóa

1.1. Sắc chỉ cho thôn Phú Đa Tiền, xã Cam Trúc nội, huyện Ngọc Sơn, tỉnh Thanh Hoá theo như lệ trước phụng thờ vị thần: Cương Nghị Siêu Dũng, Cường Quả Đoàn Túc Độc Cước. Vào các kỳ tiết lễ trải ban cấp sắc phong cho phép phụng

thờ. Năm Tự Đức thứ 1 vừa đúng nhà Vua ngũ tuần (50 tuổi), làm lễ khánh tiết trải ban chiếu báu ơn sâu lễ rộng thăng lên một bậc. Đặc biệt cho phép các thôn xã trên phụng thờ như cũ, dùng theo lễ quốc khánh mà phương pháp tế tự dõi theo phép điển xưa. Vâng sắc.

Ngày 24 tháng 11 niêm hiệu Tự Đức thứ 33

1.2. Sắc chỉ cho thôn Phú Đa Tiền, phủ Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá như thường lệ trước phụng thờ bậc tôn thần: Cương Nghị Siêu Dũng, Cường Quả Đoan Túc Dực Bảo Trung Hưng Độc Cước. Giúp nước hộ dân, nghiệm thấy linh ứng, vào các kỳ tiết lễ đội ơn cấp sắc phong cho phép phụng thờ. Tới nay vừa đúng nhà Vua tứ tuần (40 tuổi), làm lễ khánh tiết trải ban chiếu báu ơn sâu lễ rộng thăng lên một bậc. Lại gia tặng thêm mỹ tự: *Các Tĩnh Thượng Đẳng Thần.* Đặc biệt cho phép các thôn xã trên phụng thờ như cũ, dùng theo lễ quốc khánh mà phương pháp tế tự dõi theo phép điển xưa. Vâng sắc.

Ngày 25 tháng 7 niên hiệu Khải Định thứ 9

1.3. Sắc chỉ cho thôn Phú Đa Tiền, huyện Ngọc sơn, tỉnh Thanh Hoá theo như lệ trước phụng thờ bậc tôn thần: Cương Nghị Siêu Dũng, Cường Quả Đoan Túc Dục Bảo Trung Hưng Độc Cước. Vào các kỳ tiết lễ trải ban cấp sắc phong cho phép phụng thờ. Năm Duy Tân mới lên ngôi, nhà vua phổ quang trải ban chiếu báu ơn sâu lễ rộng thăng lên một bậc. Đặc biệt cho phép các thôn xã trên phụng thờ như cũ, dùng theo lễ quốc khánh mà phương pháp tế tự dõi theo phép điển xưa. Vâng sắc.

Ngày 11 tháng 8 niên hiệu Duy Tân thứ 3

1.4. Sắc cho bậc thần: Cương Nghị Siêu Dũng, Cường Quả Đoan Túc. Từ trước tới nay giúp nước che chở cho dân, linh thiêng ứng nghiệm. Gặp các kỳ tiết lễ đội ơn ban cấp tặng sắc để lưu giữ việc thờ tự. Nay Vua nối trải mệnh sáng đất nước nhớ về công lao của thần trước đây đáng gia.tặng thêm: *Dục Bảo Trung Hưng* là thần. Cho phép thôn Phú Đa Tiền, xã Cam Trúc nội, huyện Ngọc Sơn, tỉnh Thanh Hoá phụng thờ thần như cũ để thần ngầm giúp dân đen của ta. Hãy vâng sắc.

Ngày 1 tháng 7 niên hiệu Đồng Khánh thứ 2

1.5. Sắc chỉ cho xã Lương Niệm, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá theo Như lệ trước phụng thờ vị thần: Cương Nghị Siêu Dũng, Cường Quả Đoàn Túc, Dục Bảo Trung Hưng Độc Cước. Vào các kỳ tiết lễ trải ban cáp sắc phong cho phép phụng thờ. Năm Duy Tân mới lên ngôi, nhà Vua phổ quang trải ban

chiếu báu ơn sâu lễ rộng thăng lên một bậc. Đặc biệt cho phép các thôn xã trên phụng thờ như cũ, dùng theo lễ quốc khánh mà phương pháp tế tự dõi theo phép điển xưa. Vâng sắc.

Ngày 11 tháng 8 niên hiệu Duy Tân thứ 3

1.6. Sắc chỉ cho xã Lương Niệm, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá phụng thờ Sơn Tiêu Độc Cước là thần. Đã có công giúp nước hộ dân nổi niềm nghiệm thấy linh ứng. Tới nay vẫn chưa được vinh dự phong sắc. Nay Vua nối trải mệnh sáng đất nước nhớ về công lao của thần trước đây đáng gia tặng thêm: *Dực Bảo Trung Hưng* là thần. Cho. phép phụng thờ thần như cũ để thần ngầm giúp dân đen của ta. Hãy vâng sắc.

Ngày 25 tháng 9 niên hiệu Duy Tân thứ 1

1.7. Sắc cho bốn thôn: Hải Thôn, Cá Lập, Lượng Trung, Sầm Sơn, xã Lương Niệm, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá theo như lệ trước phụng thờ vị thần trước đây được nguyên tặng: *Khắc Tĩnh Dục Bảo Trung Hưng Độc Cước Sơn Tiên Thương đẳng thần.* Giúp nước hộ dân nổi ngiền thấy linh ứng. Gặp các kỳ tiết lễ trải ban cấp sắc phong cho phép phụng thờ. Tới nay vừa đúng vua 40 tuổi làm lễ khánh tiết trải ban chiếu báu ơn sâu lễ rộng thăng lên một bậc. Đặc biệt cho phép các thôn xã trên phụng thờ như cũ, dùng theo lễ quốc khánh mà phương pháp tế tự dõi theo phép điển xưa. Vâng sắc.

Ngày 25 tháng 7 niên hiệu Khải Định thứ 10

2. Tư liệu sắc phong về thần Độc Cước ở thôn My Du, xã Hoằng Kim, huyện Hoằng Hóa, Thanh Hóa

2.1. Sắc 1: Sắc cho Độc Cước Sơn Tiêu với các mỹ tự: Chí nhân Hoằng Nghĩa, Phù tín Đốc huệ, Linh tín Đốc huệ, Linh ứng Hiển hựu, Hộ quốc Cứu dân, Phù tộ Tuy hưu, Quảng tế Phổ hóa, Hiển khánh Khai quốc, Chiêu minh Hậu trạc, Thần tín Dực thánh, Phụ trạch Thuần tín, Dực thánh Phù vận, Trấn quốc Cương nghị, Diễn phúc Bảo dân, Hậu đức Chí nhân, Hùng nghị Cương đoán, Tập khánh Thùy hưu, Thủ tắc Tán thành, Chương thiện Cảm quang, Phỉ linh Thi pháp, Kinh thiên Vĩ địa, Khuông tị Thủ thành, Phỉ hiến Thừa hưu, Tuyên diệu Uy túc, Tá quốc Khoan nhân, ái nhân Trợ uy, Phấn vũ Hiển ứng, Anh nghị Tuấn thải, Sùng huân vĩnh thái, Thông minh Cửu cung, Khắc hộ Chính trực, Khoan bình Huệ hòa Cung ý Thông minh, Hùng lược Cương đoán, Tích triệt Bảo trị, Vĩnh tường Trạch

dân, Nhuận vật Sùng ân, Bác nhã Khoan hậu, Chiêm dung Cao Lãng, Thánh thiện Chu văn, Khoan dụ Trung hoà, Bác đạt Chí đức, Phổ trạch Khai thái, Xiển hưu Hưng bình, Trợ lý Đại vương. Đại vương là bậc: Trời sinh thần tước, đạo gọi là Phật Sư, quét sư bốn mùa tế giao uy lực hô gọi gió mưa sấm chớp. Quyền thế tăng thêm ức năm vững như thái sơn bàn thạch. Công đức đáng được trưng hiển, cất cử lên hàng tự vương, tiến phong lên ngôi vương. Lễ có thứ bậc thích ứng gia phong mỹ tự ba chữ (Thần công, Pháp lực, Linh huống) đáng được phong: Độc Cước sơn tiêu với các mỹ tự: Chí nhan Hoằng nghĩa, Phù tín Đốc huệ, Linh tín Đốc huệ, Linh ứng Hiển hựu, Hộ quốc Cứu dân, Phù tộ Tuy hưu, Quảng tế Phổ hóa, Hiểu khánh Khai quốc, Chiêu minh Hậu trạch, Thuần tín Dực thánh, Trụ trạch Thuần tín, Dực thánh Phù vận, Trấn quốc Cương nghị, Diễn phúc Bảo dân, Hậu đức Chí nhân, Hùng nghị Cương đoán, Tập khánh Thùy hưu, Thủ tắc Tán thành, Chương thiện Cảm quang, Phỉ linh Thi pháp, Kinh thiên Vĩ địa, Khuông tỵ Thủ thành, Phỉ hiến Thừa hưu, Tuyên diệu Uy túc, Tá quốc Khoan nhân, ái nhân Trợ uy, Phấn vũ Hiển ứng, Anh nghị Tuấn thải, Sùng huân Vĩnh thái, Thông minh Cửu cung, Khắc hộ Chính trực, Khoan bình Huệ hòa, Cung ý Thông minh, Hùng lược Cương đoán, Tích triện Bảo trị, Vĩnh tường Trạch dân, Nhuận vật Sùng ân, Bác nhã Khoan hậu, Chiêm dung Cao lãng, Thánh thiện Chu văn, Khoan dụ Trung hòa, Bác đạt Chí đức, Phổ trạch Khai thái, Xiển hưu Hưng bình, Trợ lý Thần công, Pháp lực Linh huống đại vương.

Ngày 21 tháng 7 niên hiệu Minh mệnh thứ 5 (1824)

(ấn triện sắc phong chi bảo)

2.2. Sắc 1: Sắc cho bậc thần Độc Cước, giúp nước che chở cho dân nỗi niềm nghiệm thấy có công đức. Trải qua các triều có ban tặng sắc phong ngầm giúp Thế Tổ Cao Hoàng Đế ta (tức vua *Gia Long*) thống nhất bờ cõi, đẹp khắc bậc nhân thần. Tới nay Vua nối trải mệnh sáng đất nước, cơ đồ lớn lao nghĩ về công sức phù giúp của thần. Cho nên xét theo ân điển đáng gia tặng thêm mỹ tự cho thần là Cương Nghị. Cho phép thôn Mi Du, xã Sơn Trang, huyện Hoằng Hoá thờ phụng thần như cũ để thần ngầm giúp dân đen của ta.

Ngày 26 tháng 7 niên hiệu Cảnh H□ng thứ 44 (1783) đời Lê Hiển Tông

(ấn triện sắc mệnh chi bảo)

2.3. Sắc 3: Sắc cho bậc thần Cương Nghị Độc Cước, giúp nước che trở cho dân nỗi niềm nghiệm thấy linh thiêng ứng nghiệm. Vào các kỳ lễ tiết đội ơn ban cấp tặng sắc phong cho phép phụng thờ. Năm Minh Mệnh thứ 2 (1840) đúng Thánh Tổ Nhân Hoàng Đế ta ngũ tuần (40 tuổi) làm lễ khánh tiết trải ban chiếu báu ơn sâu lễ rộng thăng lên một cấp. Tới nay nối trải mệnh sáng đất nước, nhớ về công lao của thần trước đây đáng gia tăng thêm mỹ tự cho thần là: Cương Nghị Siêu Dũng. Cho phép thôn Mi Du, xã Sơn Trang, huyện Hoàng Hoá phụng thờ thần như cũ để thần ngầm giúp dân đen của ta.

Ngày 21 tháng 7 niên hiệu Thiệu Trị thứ 4 (1844)

(ấn triện sắc phong chi bảo)

2.4. Sắc 4: Sắc cho bậc thần Cương Nghị Siêu Dũng, giúp nước che chở cho dân nỗi niềm nghiệm thấy linh thiêng ứng nghiệm. Vào các kỳ lễ tiết đội ơn ban cấp tặng sắc phong cho phép phụng thờ. Tới nay vua nối trải mệnh sáng đất nước, nhớ về công lao của thần trước đây đáng gia tăng thêm mỹ tự là: Cương Nghị Siêu Dũng, Cường Quả Đa Đoan. Cho phép thôn Mi Du, xã Sơn Trang, huyện Mỹ Hoá phụng thờ thần như cũ để thần ngầm giúp dân đen của ta.

Ngày 29 tháng 4 niên hiệu Thiệu Trị thứ 4 (1844)

(ấn triện sắc phong chi bảo)

2.5. Sắc 5: Sắc cho bậc thần Cương Nghị Siêu Dũng, Cường Quả Đa Đoan giúp nước che trở cho dân nỗi niềm nghiệm thấy linh thiêng ứng nghiệm. Vào các kỳ lễ tiết đội ơn ban cấp tặng sắc phong cho phép phụng thờ. Tới nay Vua nối trải mệnh sáng đất nước, nhớ về công lao của thần trước đây đáng gia tăng thêm mỹ tự là: Cương Nghị Siêu Dũng, Cường Quả Đa Đoan. Cho phép thôn Mi Du, xã Sơn Trang, huyện Mỹ Hoá phụng thờ thần như cũ để thần ngầm giúp dân đen của ta.

Ngày 13 tháng 12 niên hiệu Tự Đức thứ 3 (188O)

(ấn triện sắc phong chi bảo)

2.6. Sắc 6: Sắc chỉ chi thôn Mi Du, xã Sơn Trang, huyện Mỹ Hoá theo như lệ trước phụng thờ bậc thần: Cương Nghị Siêu Dũng, Cường Quả Đa Đoan Túc Độc cước vào các kỳ lễ tiết đội ơn ban cấp tặng sắc phong cho phép phụng thờ. Năm Tự Đức thứ .) 1, vừa đúng vua ngũ tuần (50 tuổi) làm lễ đại khánh tiến trải ban chiếu

báu ơn sâu lễ rộng thăng thêm một bậc. Đặc biệt cho phép phụng thờ như trước, dùng theo lễ khánh tiết mà phương pháp tế tự dõi theo phép điển xưa.

Ngày 20 tháng 11 niên hiệu Tự Đức thứ 33 (1880

(ấn triện sắc phong chi bảo)

3. Tư liệu sắc phong về thần Độc Cước Ở Đình Thanh Nga, xã Hoằng Trinh, huyện Hoằng Hoá, Thanh Hóa

3.1. Sắc cho xã Thanh Nga, huyện Hoằng Hoá theo như lệ trước phụng thờ vị thần trước đây được ban tặng mỹ tự: Cương Nghị Siêu Dũng, Cường Quả Đoàn Túc, Dục Bảo Trung Hưng Độc Cước Tôn thần, giúp nước giúp dân nổi tiếng linh thiêng ứng nghiệm vào các kỳ tết lễ ban cấp tặng sắc phong cho phép phụng thờ. Tới nay vừa tròn trẫm 40 tuổi làm lê khánh tiết trải ban chiếu báu ân sâu thăng lên một cấp, lại tăng thêm mỹ tự: Các tỉnh thượng đẳng thần. Được biết cho phép thôn xã nói trên phụng thờ thần dùng theo lễ lớn quốc khánh. Phương pháp tế lễ dõi theo phép xưa. Hãy vâng sắc. Khải Định năm thứ 9 (1925 tháng 7 ngày 2)

3.2. Sắc thần Độc Cước. Trước đây được ban tặng mỹ tự Cương Nghị Siêu Dũng Cường Quả là thần giúp nước cứu dân nổi tiếng linh thiêng ứng nghiệm. Vào các kỳ tiết lễ đội ơn ban cấp tặng sắc cho phép phụng thờ. Tóc nay nối trải mệnh sáng của đất nước nỗi niềm bậc thần lớn lao đáng được tăng thêm: Cương Nghị Siêu Dũng Cương Quả Đoàn Túc là thần, cho phép xã Thanh Nga huyện Hoằng Hoá phụng thờ thần như trước cùng giúp đỡ lẫn nhau để bảo vệ dân ta. Hãy vâng sắc.

Ban ngày 13 tháng 12 năm Tự Đức thứ 3 (1880)

3.3. Sắc thần Cương Nghị Siêu Dũng Độc Cước, giúp nước hộ dân nổi tiếng linh ứng, gặp các kỳ tiết lễ ban cấp tặng sắc cho phép phụng thờ. Tới nay nối trải mệnh sáng đất nước. Nỗi niềm bậc thần lớn lao đáng được gia tặng tên đẹp là: Siêu Dũng Cương Quả là thần, cho phép xã Thanh Nga, huyện Mỹ hoá phụng thờ thần cùng tương trợ lẫn nhau để bảo hộ dân đen. Hãy vâng sắc.

Ban ngày 29 tháng 4 năm Thiệu Trị thứ 4 (1844)

3.4. Sắc thần Cương Nghị Độc Cước, giúp nước cứu dân nổi tiếng linh thiêng ứng nghiệm. Vào các kỳ tiết lễ cấp tặng sắc phong cho phép phụng thờ năm Minh Mệnh thứ 2 (1841) chính thức Thánh Tổ Nhân Hoàng đế ta ngũ tuần (50 tuổi) tức vua Minh Mệnh, làm lễ khánh tiết khắp nước vâng mang chiếu báu ân sâu lễ

rộng thăng lên một cấp. Nay nổi trải mệnh sáng đất nước nỗi niềm bậc thần lớn lao đáng được tăng thêm. Cương Nghị Siêu Dũng là thần cho phép xã Thanh Nga, huyện Mỹ hoá phụng thờ thần như trước, cùng giúp đỡ lẫn nhau bảo vệ dân ta. Hãy vâng sắc.

Ban ngày 24 tháng 3 Thiệu Trị thứ 4 (1844)

4. Văn bia đền Độc Cước thị xã Sầm Sơn tỉnh Thanh Hóa Phiên âm:

MÔN LÂU BI KÝ

Tuế Tân Dậu gia bình sức cựu hạt dân Quảng Xương, huyện Cung Thượng, tổng Lượng Niệm, xã Tân Kiến, Độc Cước Sơn Tiêu Thượng đẳng tôn thần linh từ môn lâu khánh thành thích dư tiên hành quá kỳ địa thân biện đẳng lai thỉnh dư bi dĩ thuỳ bất hủ vấn chi viết thần hữu linh tính, nhân hữu nghĩa cử bi chi thỉnh ký tích dư? Chí nghĩa cử dư viết ký linh tích nhĩ tích giả tôn thần hiển linh tích vu Sầm Sơn năm hư linh ứng đồng lễ nhân kiến môn lâu vu từ chi tả vu thị tẩm sở thâm nghiêm chiến bái giả sở ca thọ chi bi tương dĩ hiền thần chi linh tích thứ cơ ngu giả, ngoan giả, mạo giả, tham giả lăm hồ bất cảm. Phạm Thị Hương nhân chi túc chí dã. Nhược phù dĩ vi nghĩa của nhi chí hương lnhân giả cảm tất kỳ hợp ư nghìn hồ phủ giả dư viết thị nhân kỳ chi xã nội đàm viên nhan cung tiến kết chi sổ can lô liệt vu tả:

Nhất bản xã tư văn tiền tam bách quan

Nhất bản xã viên binh tiền thập quan

Nhất bản xã viên lão nhị thập quan

Nhất cai tổng Cao Từ Mã tiền nhị thập quan

Nhất thập nhị quan dĩ....Trung Thôn Trùm trưởng Hoà Đăng (một chữ mờ) Cá Lập thôn, Trùm trưởng Ngô Hữu Kỷ, cựu Lý trưởng Lê Tuấn Cảm.Hải thôn vật lực Nguyễn Hữu Vựng, Cao Văn Thạch, nhất thập quan dĩ hạ: Sơn thôn lão nhiêu Hoàng Bá Hệ. Hải thôn cựu lý trưởng Nguyễn Hữu Thi. Nhất lục quan dĩ hạ: Sơn thôn thí sinh Văn Kiên. Cá lập thôn thí sinh Trần Trí Thuận, Lý trưởng Trương Văn Điển, Trần Ngọc Lễ. Hải thôn cựu Thư lại Cao Văn Lễ, cựu Lý trưởng Đoàn Văn Chiêu, Nguyễn Hữu ích. Trung thôn vật lực Nguyễn Đình Thục nhất ngũ quan. Sơn thôn Lý trưởng Nguyễn Hữu Dịch nhất tứ quan. Trung thôn sĩ Lê Đăng Hoạt nhất tam quan dĩ hạ. Sơn thôn trùm trưởng Cao Văn Bàn, kế Lý trưởng Cao Văn Nghiệm, cựu binh Hà Tuấn Lãng, cựu Sài xã Hà Viết Thái. Thí sinh Cao Văn Bản, trung thôn cựu Lý trưởng Cao Văn Biền, Nguyễn Hữu Vanh, vật lực Lê Đăng Sâm,

thí sinh Nguyễn Văn Siêu, cựu phó lý Lê Văn Khuông. Lão hạng Nguyễn Hữu Chỉnh, Nguyễn Hữu Liên, Lê Cao Tên. Cá Lập thôn Ngô Hữu Trấn. Hải Thôn Lương Ngọc Thống, Nguyễn Hữu Kế. Nhị quan hạ: Sơn thôn cựu binh Hoàng Bá Tuý, Lão nhiêu Cao Văn quấn, cựu lý trưởng Trương Duy Quỳnh, hộ Văn Đình Sính, Nguyễn Phi Tuấn, Nguyễn Phi Ly, Văn Thế Tầm, Hoàng Bá Tính,từ chính, Cao Văn Thu. Cá Lập thôn cựu lý trưởng Trương Văn Thuận, lão hạng Lê Văn Bồi, Nguyễn Sĩ Hán, Vũ Duy Lãng. Sơn thôn sĩ Nguyễn Phi Khoát, hộ Lương Văn Tửu, Phạm Gia Khuông, Trần Chí Soạn,. Trung thôn Nguyễn Hữu Biện (Buộc, Bện), Lê Cao Song, Lê Như Biện, Cao Văn Bách. Thập nhất quan dĩ hạ: Cá Lập thôn Ngũ Lão Lê Tuấn Xích, lý trưởng Vũ Đình Côn nhất tứ quan Triều Dương xã, lý trưởng Nguyễn Hữu Liêu. Nhất hướng thượng cai cộng ngũ bách bát thập quan. Nhất tư văn cung tiến tiền tam bách quan (Tân kiến môn lâu nhị bách ngũ thập quan, trang sức phi long phi tế khí ngũ thập quan). Nhất chuyên biện dĩ hạ sơn thôn cao Trí Tuệ, Hà Tuấn Môn, Nguyễn Hữu Dịch, Cao Văn Nghiệm, Trung thôn Lê Đăng Tuân, Nguyễn Hữu Thu. Cá Lập thôn Ngô Hữu Kỷ, Lê Tuấn Cảm... Văn Điển. Hải thôn Nguyễn Hữu Vựng. Nguyễn Hữu Ích: Phạm Văn Hoạt hiệp dữ bản xã uỷ đồng hương biện. Nhất bản xã viên lão nhiêu (chữ mờ) trang sức phi long tế khí tiền thập quan hợp (1 chữ mờ) tam thập quan. Nhất bản xã công cấp tiền tam bách quan thất thị thiên bát. (chữ mờ có một số quốc ngữ xen vào). Hoàng triều Tự Đức thập thất niên tam nguyệt cát nhật cẩn ký. Thập tam niên tam nguyệt cát nhật hưng tạo. Cáo thụ Thừa vụ lang Hàn lâm viện Thừa chỉ sung Nội các Thượng bảo sở Hành tẩu Đinh Mùi khoa Giải nguyên Đặng Huy Chứ soạn. Nhất bản tổng Yên Tâm xã Trường Thọ thôn, Tú tài Lê Văn Đích phụng châm. Nhất bản xã Sơn thôn Nguyên hàm cai tổng Kê Hoạch xã sư Cao Trí Tuệ hiệp Cá Lập thôn thí sinh Trần Trí Thuận cẩn thư Nhất thạch tượng An Hoạch, xã Nhuệ Thôn Nguyễn Đình Đàn cẩn lặc.

Dịch nghĩa:

BÀI KÝ GHI TRÊN BIA VỀ CỬA LẦU

Năm Tân Dậu yên bình, sức cho dân hạt cũ huyện Quảng Xương, tổng Cung Thượng, xã Lượng Niệm được xây mới cửa lầu ở đền thiêng thờ Độc Cước Sơn Tiêu Thượng đẳng tôn thần. Việc đó khánh thành đúng vào lúc ta dạo gót tiên qua đất ấy. Các bậc thân hào đều tới xin ta văn bia về sau công bất hủ ấy. Ta hỏi về việc

đó các vị các vị đều nói là: Thần có linh tính nên người phải có nghĩa cử, bia thể hiện việc đó. Ta hỏi: vậy trước xin ghi về linh tích. Xưa nay thần hiển linh dấu vết còn để lại ở Sầm Sơn, nhiều lần tỏ rõ sự linh ứng, đều cần có nơi lễ. Nhân đó, dân xây dựng đền để thờ, có cầu đảo thì ứng nghiệm ngay. Việc đó đã trải qua mấy trăm năm ở nơi này rồi, thế nhưng đạo của thần cao quý kế tích đã có đền mà chưa cất nên của. Người ở quê hương đây chỉ lo (địa thế đền) ở chốn bến nước (ẩm thấp) nhân đó đã xây dựng cửa lầu ở bên trái đền. Đó là chốn nghỉ ngơi thâm nghiêm, để người đến chiêm bái biết mà ngợi ca công đức lâu dài ấy. Bia là để sáng rõ dấu vết linh thiêng của thần, cơ hồ như có thể làm kẻ ngu, kẻ ngoan ngạnh, kẻ ngạo mạn, kẻ tham lam phải sợ không dám phạm tội. Vì thế người dân ở đây sớm có ý chí để làm việc nghĩa mà ghi lại văn bia. Ta cho là việc ấy cần ghi thành bài ký. Trong xã các thành viên cung tiến (2 chữ mờ) số lượng bao nhiêu đều ghi ở phía trái bia:

Tư văn ở bản xã tiền 300 quan

Các binh lính của xã tiền là 10 quan

Các cụ già của bản xã tiền 20 quan

Cai tổng Cao Trí Mã tiền 20 quan

120 quan để chi phí trong thôn gồm: Trùm trưởng Hòa Đăng (một chữ mờ) thôn Cá Lập, Trùm trưởng Ngô Hữu Kỷ, cựu Lý trưởng Lê Tuấn Cảm. Vật lực của thôn biển có Nguyễn Hữu Vựng, Cao Văn Thạch đóng góp 110 quan để dưới cho thôn Núi: Lão nhiêu Hoàng Bá Huệ. Cựu lý trưởng thôn biển Nguyễn Hữu Thi, 16 quan dưới cho thí sinh thôn Núi Lê Văn Kiên. Thôn Cá Lập: Thí sinh Trần Trí Thuận, lý trưởng Trương Văn Điển, Trần Ngọc Lễ. Thôn Núi cựu thư lại Cao Văn Lễ, cựu lý trưởng Đoàn Văn Chiêu, Nguyễn Hữu Ích. Vật lực trong thôn Nguyễn Đình Thục 15 quan. Lý trưởng thôn Núi Nguyễn Hữu Dịch 14 quan. Trung thôn sĩ Lê Đăng Hoạt 13 quan để dưới cho thôn Núi, trùm trưởng Cao Văn Bàn, tiếp là lý trưởng Cao Văn Nghiệm, cựu binh Hà Tuấn Lãng, xã Cựu Sài Hà Viết Thái, thí sinh Cao Văn Bản, thôn trung cựu lý trưởng Cao Văn Bền, Nguyễn Hữu Vanh, vật lực Lê Đăng Sâm, thí sinh Nguyễn Văn Siêu, cựu phó lý Lê Văn Khuông. Lão hạng Nguyễn Hữu Chỉnh, Nguyễn Hữu Liên, Lê Cao Tên. Thôn Cá Lập Ngô Hữu Trấn. Thôn dưới Lương Ngọc Thống, Nguyễn Hữu Kế 2 quan để dưới cho thôn Núi cựu binh Hoàng Bá Tuý, lão nhiêu Cao Văn Huấn, cựu lý trưởng Trương Duy Quỳnh, Hộ Văn Đình Sính, Nguyễn Phi Tuấn, Nguyễn Phi Ly, Văn Thế Tầm, Hoàng Bá Tính, Từ Chính, Cao Văn Thu. Cá Lập thôn cựu lý

trưởng Trương Văn Thuận, lão hạng Lê Văn Bồi, Nguyễn Sĩ Hán, Vũ Duy Lãng thôn Núi: Sĩ Nguyễn Phi Khoát, hộ Lương Văn Tửu, sĩ Phạm Gia Khương, Trần Chí Soạn Thôn giữa Nguyễn Hữu Biện (có thể đọc tên nôm là *buộc, bện*), Lê Cao Song, Lê Nhữ Biện, Cao Văn Bách.11 quan dành cho thôn Cá Lập, Ngũ Lão Lê Tuấn Xích, lý trưởng Vũ Đình Côn 14 quan xã Triều Dương, lý trưởng Nguyễn Hữu Liêu. Từ đây trở lên tổng cộng 558 quan. Tả văn cung tiến tiền 300 quan (xây dựng mới của lầu 250 quan, trang sức rồng bay, đồ tế khí 50 quan).

Làm chuyên môn phân biệt ở dưới gồm: Thôn núi Cao Trí Tuệ, Hà Tuấn Môn, Nguyễn Hữu Dịch, Cao Văn Nghiệm, Trung thôn Lê Đăng Tuân, Nguyễn Hữu Thu. Thôn Cá Lập Ngô Hữu Kỷ, Lê Tuấn Cảm (chữ mờ), Văn Điển. Thôn biển: Nguyễn Hữu Vựng, Nguyễn Hữu Ích, Phạm Văn Hoát hiệp với bản xã dồn sức cùng làm cho hưng thịnh, phân biệt rõ (1 số chữ mờ).

Các thành viên bản xã gồm lão nhiêu (chữ mờ) trang sức rồng bay, làm các đồ tế khí chi tiền 10 quan hợp với (1 chữ mờ) gồm 30 quan.

Bản xã công cấp tiền 300 quan, 72 nghìn bát (chữ mờ có một số chữ quốc ngữ xen vào).

Hoàng Triều Tự Đức ngày 17 tháng 3 ngày tốt kính cẩn ghi lại

Năm thứ 13 tháng 3 ngày tốt hưng tạo.

Cáo thụ Thừa vụ lang Hàn lâm viện Thừa chỉ sung Nội các Thượng bảo sở Hành tẩu Đinh Mùi khoa (1847), Giải nguyên Đặng Huy Trứ soạn.

Bản tổng thôn Trường Thọ, xã Yên Tĩnh tú tài Lê Văn Đích phụng mệnh sửa sang.

Bản xã thôn Núi nguyên đã được hàm cai tổng ở xã Kế Hoạch là Cao Trí Tuệ, hợp với thí sinh Trần Trí Thuận thôn Cá Lập kính cẩn viết chữ.

Thợ đá xã An Hoạch, thôn Nhuệ Nguyễn đình Đàn kính cẩn khắc chữ.

Phiên âm:

Tự Đức Canh thân đông

Hà niên ngọc chỉ đáo đông minh,
Hương hỏa thiên thu hộ bất quynh.
Khí hữu tự chung duy chính trực,
Túc chi sơ lý tất thanh linh.
Nguy nga cổ miến sơn đồng trĩ,

Huy hách thần công thạch khả minh.
Tọa trấn hải cương xung yếu địa,
Kiêm thiên kình ngạc tảo tiềm hình
Tri huyện Đinh Mùi Giải Nguyên Đặng Huy Trứ cẩn thư

Dịch thơ:

Tự Đức mùa đông năm Canh Thân

Năm nao gót ngọc tới Sầm Sơn,
Hương lửa nghìn thu vẫn ấm tràn.
Hạo khí ngời ngời danh chính trực,
Vết chân chói chói tiếng thiêng thơm.
Nguy nga miếu cũ non riêng chiếm,
Hiển hách công thần đá khắc tên.
Ngồi trấn biển hùng thông đất hiểm,
Toàn trời kình - ngạc sớm chìm tan.

Tri huyện khoa Đinh Mùi Giải nguyên Đặng Huy Trứ kính cẩn đề thơ

Phiên âm:

THẠCH BI KÝ

Thành Thái Tân Mão niên phục nguyệt cát nhật Lương Niệm xã quan viên chức sắc binh dân đẳng cẩn ký bi sự.

Cái văn: Thiên cổ miếu đương tứ dân hương hỏa ngô xã Sầm Sơn

Thần hiển linh tích Quảng Xương nhất tôn thần dã, xuân tế nhân tương mưu viết: Nghi môn bức cận sổ nghi di quảng tăng lậpTiền đường ngưỡng bằng linh đức nhân dư di tà chiếu cấp nghịđịnh thiết kỳ lân nhi thạch kỳ giai ngoã kỳ ốc nhi chuyên kỳ tưởng nhân tạo thạch tượng nhị thủy dũng tam thạch bi nhất tịnh thiêm họa tam nguyệt kinh thủy phục nguyệt hoàng tuấn kỳ gian giáp đệ công hầu tân gia hắc bạch tiền cúng giả dĩ thiên báh kế hĩ. Thị nguyệt (tu từ) Vũ Đình Cốc trưng văn ư du minh thạch dĩ thọ kỳ truyền di ứng chi viết tu tạo tuy tại nhất thời chiêm ngưỡng vĩnh thùy vạn đạo trưng chi cố ghi cẩn thuật kỳ sự cu minh vu bi tự lai kỳ đảo giả đăng tư đương thị tự bi tri tu lý chi sở do vân nhất chuyên biện các hạng cúng tiến tiền văn kê hậu:

Nhất thôn mộc tiền ngũ bách bát thập nhất quan. Mộc tượng công sức tiền tứ bách tứ thập ngũ quan nhất chuyên ngõa tiền nhị bách tư thập nhất quan lục mạch;

thạch khôi nhi bách nhất quan nhị mạch; mật lục thập ngũ quan lục mạch; chỉ thập cửa quan, nên tượng công tiền ta bách quan; nhất thạch tượng lô hương tượng bàn bảng trụ thủy dũng dụng thạch tiền nhị bách ngũ thập quan, thiêm tượng họa thiên tiền đường phụng sự tế khí tiền nhất bạch tam thập bát quan; từ chính chuyên biện phù tửu hương đăng các khoản tự khởi công chi hoàn thành cộng thất thập nhất quan hựu kỳ cát đãi các tượng cập thiết định dữ khắc bi cộng thất thập cửu quan.

Hướng thượng công nhị thiên tam bách cửu thập bát quan. Kế cúng tiến dĩ hạ.

Nhất hạng nhị bách quan… xã Văn Cao Biền Nguyễn Địch (2 chữ mờ), Lê Hoạt, Lê Chính, Hà Thái, Lê Kiên, Hà Lãng, Trần (một chữ mờ), Vũ Khuông, Cao (một chữ mờ), Lê (một chữ mờ), Lê (một chữ mờ), Vũ Khoản đồng thượng hạ. Nhất hạng thập nhị quan gồm: Xã Vũ Lê Ất, Hà Lãng, Trần Biện, Phạm Thú cùng trên dưới. Trung thôn thuyền chủ (tam thập tao linh).

Nhất hạng ngũ thập quan: Sơn thôn núi hạng thượng giá: Cá Lập thuyền chủ thập tao. Nhất hạng nhị thập quan bản xã viên binh bản xã từ phú Nhất hạng tứ quan (2 chữ mờ) nam hạng. Trần Soạn đồng thượng hạ. Nhất hạng thập nhị quan sơn thôn cả hạng võng phường Trần Hưng Cao Hác, Lê Tư, Cao Kỵ đồng thượng hạ. Đồng hạng võng phường Hạ Nghi, Vũ Tháp, Cao Pháp, Phan Thế đồng thượng hạ. Lương Trung chu phiệt nhân đẳng. Nhất hạng thập quan sơn thôn truyền chủ tam tao. Cá Lập chư phiệt nhân đẳng. Bình Hòa thôn Lê Thị Lão mẫu tử. Nhất hạng đối liên trang kiêm Cá Lập Vũ Đình Thúc. Nhất hạng mộc nhất chu tiền lục quan Lương Trung Cựu (1 chữ thiếu nét) trường chính. Nhất hạng lục quan dĩ hạ: Cá Lập nguyên Phó tổng Vũ Cốc, Lê Tuyên, Ngũ Trưởng (2 chữ mờ), Trần Đàn đồng tộc điện hạ từ phu nhân đẳng: Sơn thôn nguyên Tổng giáo Lê Văn Kiên, Lương Trung, Nguyễn Thục, Văn Bến, Nguyễn Uông, Lý trưởng Nhị (một chữ mờ), Văn Vĩnh, Văn Sâm, Nguyễn Sô, Nhất Hạng tam quan dĩ hạ Triều Tấn thủ đức thừa tá nhị viên Cá Lập quyền tổng Trương Bách, phó lý Mỹ, Trần Mộc, Lương Thăng, Vũ Sâm, Nguyễn Bảo, Nguyễn Ân, Trần Dung, Vũ Nhân, phó tổng Cốc, thê Trần Thị Hồ, Lã Quy, Lã (một chữ mờ), Phạn Cứ, Sơn thôn xã chính Hà Xuân Cựu xã chính Hà Lãng, Cựu Lý Khương, Từ Chính, Nguyễn Tuy, Cao Nhự, Lệ Mậu, Hoàng (một chữ mờ), Văn Chiêng, Nguyễn Vạn, Lương Trung, Lê Lân, Ngũ trưởng Thừa, Cựu Lý Thư, Cao Ngạnh, Lê Chăn, Lê Xưng. Hải thôn cự Lý trưởng (2 chữ thiếu nét), Nguyễn Trung. Cựu lý thuần. Nhất hạng nhị quan dĩ hạ: Cá Lập ngũ lão Lê Nội, Cựu lý (mờ 1 chữ), Cựu Phó lý Lương Trần Lão, Lê Thiệu (4 chữ không đủ nét), Nguyễn Quỹ, Nguyễn Thám (1 chữ thiếu nét) Đội trưởng thú thê Vũ

Thị Phùng, Hoàng Thị Tây, Lý trưởng thê (mờ hai chữ) thê Trần Thị Khắc. Sơn thôn Lương Mắt, Cao Cương Lương Trung, Lê Đài, Lê Bật, Hải thôn Lý trưởng các, Nguyễn Long, Nguyễn Tính, Thị Minh (mất 1 chữ). Tôn vịnh Lý Thục Hoàng giang thị bộ (nhiều chổ không rõ chữ) Trường Lệ thị trạc. Nhất hạng nhất quan ngũ mạch. Sơn thôn Ngũ trưởng Tiệp, Phó lý (một chữ mờ). Nhất hạng nhất quan dĩ hạ: Sơn thôn Cựu Từ Chính Nguyễn Cử, Lê Trung, Lê Đỉnh, Lê Thịnh, Lê Bình, Lê Khang, Vũ Hoài, Trương Hoạt, Trương Huy, Hoàng Cầm, Phan Thị Sông, Cao Hãn, Hà Huệ, Nguyễn Tốt, Lương Giang (Lương Trung), Ngô Trúc, Thanh Đồng Lợi, Cá Lập, Ngô Trăm, Phạm Tố, Lương Đứng, Lê Hiên. Hải thôn Cựu Lý Dự, Lý trưởng Bóng, Cao Cương, Nguyễn Thiên, Lý trưởng Các thê Thị Việt. Nam Định Trần Đệ, Xuân Phổ Đinh Phúc đồn điền Nguyễn Bảng. Cúng tiến hiện cửu bách thập nhị quan Tồn diễn Sơn Cá các tứ bách thập nhị bát quan, hải thôn bán số từ tăng biện thập nhị quan. Thanh Đồng Trương Quỹ (Cá Lập), Văn Đình Hắc, (Sơn nhất thập) biện đồng ái Ất Dậu niên nguyệt nhật bảng ký tu lý chuyên ngoã chính ngự trung điện Phượng Lâu loan dư long cung đối liên các trụ họa tất kim ngân trang sức cộng tiền nhất thiên thất bách bát thập tứ quan nội trù cung tiến lục bách tam thập lục quan, tôn Diễm Sơn Trung Cá các tam bách nhị thập bát quan. Hải thôn bán số tư cúng tiến tự ngũ lục quan dĩ hạ dĩ hữu bảng ký. Đồng xã văn nhất bách tam thập quan, đồng xã Vũ tam thập quan. Nhị thập quan dĩ hạ: Đồng xã Binh Sơn Trung Tư văn hội xã từ phu Lương Trung Cá Lập: Thuyền hộ thập nhị quan sơn Trung Cá hương lão, Sơn thôn núi hạng bảng tấn quan Hải thôn Tư văn.

Đốc biện phụng biên nguyên Phó tổng lĩnh bản xã tu từ Vũ Đình Cộc (Cá Lập).

Nhâm Thìn niên nguyệt nhật tân tạo chiêng cổ giá tiết mao kỳ

Xã chính Hà Xuân, Từ chính, Nguyễn Văn Do, tiến cúng đối liên

Đốc công nguyên Tổng giáo Lê Kiên, Ngũ Trưởng Tài, Lý trưởng Cao Tuy, phó quản lý Nguyễn Hữu Thích (Lương Trung). Cựu lý trưởng Lê Hoán, Nguyễn Siêu, Lý trưởng Lê Văn Nhị (Lương Trung), phó tổng Vũ Đình Cốc (Cá Lập), nguyên đội trưởng Phạm Thú, quyền Tổng Trương Bách, Lý trưởng Vũ Đình Thục (Cá Lập), phó tổng trưởng Lê Văn Tuyên (Cá Lập) Cựu Lý trưởng Phạm Thuần, Lý trưởng Đoàn Các (Hải Thôn), Lý trưởng Cao Văn Dung (Sơn Thôn).

Phụng soạn bi văn tú tài Lĩnh Triều Tấn, thừa tá Lê Xuân Lãng (Đông Sơn)

Phụng tả bia văn đối liên các khoản bát khóa lĩnh Hương mục Lê Văn Tú

Phụng lặc Bình hòa tượng Lê Văn Hinh

Dịch nghĩa:

BÀI KÝ TRÊN BIA ĐÁ

Ngày tốt tháng 11 năm Tân Mão đời Thành Thái quan viên chức sắc binh dân xã Lương Niệm đều kính cẩn ghi lại việc thờ cúng trên văn bia.

Từng nghe: Từ nghìn xưa miếu đường được 4 dân (sỹ, nông, công, thương) xã ta hương hỏa phụng thờ. Ở Sầm Sơn dấu tích thiêng liêng của thần đã biểu hiện mà trong huyện Quảng Xương chỉ có một mình thần được tôn thờ. Có tế mùa xuân, nhân đó mọi người bàn rằng: Của chính chật hẹp nên phải di chuyển mở rộng thêm, lập tiền đường, đó là bằng cứ cho sự ngưỡng vọng thần thiêng. Mọi người nhân đó viết rõ nguyện vọng thành văn bản, bàn bạc định các loại gỗ cứng, xây thêm bằng đá, lợp bằng ngói, xây tường gạch, tạo tượng đá. Tháng 2 nước vọt lên, tháng 3 làm bia đá mỗi bia đều vẽ thêm. Tháng 3 kinh thủy, tháng 11 hoàn thiện. Thời gian ấy nhà cửa của các bậc công hầu quyền cao đều làm mới, trắng đen, tiến cúng rõ ràng, lấy số nghìn số trăm kê ra. Tháng ấy (sửa chữa ngôn từ) nơi đình vũ tốt lành, cần mời người làm văn. Với ta cần khắc lời văn nào vào đá để truyền lại lâu dài. Ta ứng với việc ấy, cho là phải có việc tu tạo, dẫu là công việc của một thời nhưng có thể chiêm ngưỡng mãi mãi, truyền đến muôn đời. Người được mời làm việc dó phải cẩn trọng thuật lại sự việc cụ thể, khắc vào bia, nối tiếp lại cầu phúc. Ta phải lên từ đường này làm bia này để biết mà làm rõ việc tu lý. Do vậy, phải niềm chuyên nhất phân biệt rõ các hạng tiền văn cúng tiết liệt kê ra sau:

Một thôn tiền gỗ 581 quan, công sức thợ mộc 445 quan, tiền gạch ngói 241 quan 6 mạch, đá chịu lửa 207 quan 2 mạch, mật 65 quan 6 mạch, giấy 19 quan, thợ hồ vữa công tiền là 300 quan, thợ làm lò hương bằng đá, làm tượng bàn bảng trụ để đo yết thị mực nước vọt lên, dùng đá với tiền 250 quan. Thêm công thợ vẽ, thêm việc phụng sự tiền đường phải làm đồ tế khí tốn 138 quan. Ở đền chính phải biện trầu rượu hương đèn các khoản từ lúc khởi công đến lúc hoàn thành tổng cộng là 71 quan, lại làm lễ cầu lành đợi thợ và đinh sắt với khắc bia cộng là 79 quan. Hướng tổng cộng là 2.398 quan. Còn liệt kê việc cúng tiến trở xuống.

Hạng 200 quan gồm: xã Văn Cao Biền Nguyễn Địch (2 chữ mờ), Lê Hoạt, Lê Chính, Hà Thái, Lê Kiên, Hà Lãng, Trần (một chữ mờ), Vũ Khuông, Cao (một chữ mờ), Lê (một chữ mờ), Lê (một chữ mờ), Vũ Khoản cùng trên dưới. Hạng 100 quan gồm: Xã Vũ Lê Ất, Hà Lãng, Trần Biện, Phạm Thú cùng trên dưới. Ở thôn

Trung thuyền chủ 30 chiếc lẻ. Hạng 50 quan gồm: thôn Núi, ngõ Núi trên dưới: Ở thôn Cá Lập Trung thuyền chủ 10 chiếc. Hạng 20 quan gồm: xã viên, binh lính bản xã. Phu trong đền. Hạng 14 quan (2 chữ mờ) Trần Soạn cùng trên dưới. Hạng 12 quan gồm: Thôn Núi, Ngõ Cả, phường Cương, Trần Hưng Cao Hác, Lê Lư, cao Kỵ cùng trên dưới. Cùng ngõ trong phường Cương gồm: Hạ Nghi, Vũ Tháp, Cao Pháp, Phan Thế cùng trên dưới. Các bè nứa trở người ở Lương Trung. Hạ 10 quan gồm: thôn Núi, thuyền chủ 3 chiếc. Các bè nứa trở người ở Cá Lập. Cha mẹ con của Lê Thị ở thôn Bình Hòa. Hạng làm câu đối mạ vàng gồm người của thôn Cá Lập Vũ Đình Thúc. Hạng làm gỗ tiền 6 quan gồm: Lương Trung Cựu (1 chữ thiếu nét) là chính. Hạng 6 quan trở xuống gồm: Cá Lập nguyên Phó tổng Vũ Cốc, Lê Tuyên, Ngũ Trưởng Ngô (2 chữ mờ), Trần Đàn cùng họ hàng, người dưới điện, Từ phu nhân. Thôn núi nguyên Tổng giáo Lê Văn Kiên, Lương Trung, Nguyễn Thục, Văn Bến, Nguyễn Uông, Lý trưởng Nhị (một chữ mờ), Văn Vĩnh, Văn Sâm, Nguyễn Sô, Hạng tam quan trở xuống gồm: Triều Tấn thủ đức thừa tá nhị viên Cá Lập quyền tổng Trương Bách, Phó lý Mỹ, Trần Mọc, Lương Thăng, Vũ Sâm, Nguyễn Bảo, Nguyễn Ân, Trần Dung, Vũ Nhân, Phó tổng Cốc, vợ là Trần Thị Hồ, Lã Quy, Lã (một chữ mờ), Phạn Cứ. Thôn Núi gồm: xã chính Hà Xuân, Cựu xã chính Hà Lãng, Cựu Lý Khương, Từ Chính, Nguyễn Tuy, Cao Nhự, Lê Mậu, Hoàng (một chữ mờ), Văn Chiêng, Nguyễn Vạn, Lương Trung, Lê Lân, Ngũ trưởng Thừa, Cựu Lý Thư, Cao Ngạnh, Lê Chăn, Lê Xưng. Thôn biển gồm: Cựu Lý trưởng (2 chữ thiếu nét), Nguyễn Trung. Cựu Lý thuần. Hạng 2 quan trở xuống gồm: Cá Lập ngũ lão Lê Nội, Cựu lý (mờ 1 chữ), Cựu Phó lý Lương Trần Lão, Lê Thiệu (4 chữ không đủ nét), Nguyễn Quỹ, Nguyễn Thám (1 chữ thiếu nét) đội trưởng thú vợ là Vũ Thịi Phùng, Hoàng Thị Tây, lý trưởng (mờ 2 chữ) vợ là Trần Thị Khắc. Thôn Núi gồm: Lương Mắt, Cao Cương, Lương Trung, Lê Đài, Lê Bật Thôn biển gồm: Lý trưởng Các, Nguyễn Long, Nguyễn Tính, Thị Minh (mất 1 chữ). Hạng 1 quan 5 mạch gồm: Thôn Núi Ngũ trưởng Tiệp, Phó lý (một chữ mờ). Hạng nhất quan trở xuống: Thôn Núi: Cựu Từ Chính Nguyễn Cử, Lê Trung, Lê Đỉnh, Lê Thịnh, Lê Bình, Lê Khang, Vũ Hoài, Trương Hoạt, Trương Huy, Hoàng Cẩm, Phan Thị Sông, Cao Hãn, Hà Huệ, Nguyễn Tốt, Lương Giang (Lương Trung), Ngô Trúc, Thanh Đồng Lợi, Cá Lập, Ngô Trăm, Phạm Tố, Lương Đứng, Lê Hiên. Thôn biển gồm: Cựu Lý Dự, Lý trưởng Bóng, Cao Cương, Nguyễn Thiên, Lý trưởng Các vợ là Thị Việt. Nam Định

Trần Đệ, Xuân Phổ, Đinh Phúc, đồn điền Nguyễn Bảng cúng tiến 912 quan, còn lại dùng cho diễn Sơn Trung Cá, các nơi 428 quan. Ở thôn biển: nữa số đền được tăng thêm 12 quan. Thanh Đồng Trương Quỹ thôn Cá Lập: Văn Đình Hắc, (đều phân biệt rõ ràng từng món tiền đóng góp).

Ngày tháng năm Ất Dậu đời Đồng Khánh có bảng đã ghi rõ các việc: Tu lý gạch ngói nơi chính ngự trong điện Phương lâu, làm xe loan, ghi các câu đối, vẻ sơn, mạ vàng bạc ở các trụ cột gộp lại phí tổn tiền là 1.784 quan trong đó trừ đi là 636 quan, còn lại là dùng cho Diễm Sơn Trung Cá là 328 quan. Thôn biển dùng một nửa số riêng cúng tiến từ 5 đến 6 quan trở xuống đã có bảng ghi rõ. Còn toàn xã Văn 130 quan, toàn xã Vũ 30 quan. 20 quan để lại cho Tư văn hội đền xã của Binh Sơn Trung Cá, các hộ thôn Lương Trung, Cá Lập chi phí 12 quan. Hương lão của Sơn Trung Cá, nơi căn bản của thôn Núi, quan lại ở bến Tấn, Tư văn ở thôn biển.

Đốc biện phụng biên nguyên Phó tổng lĩnh của bản xã làm việc sửa sang văn từ Vũ Đình Cộc (người thôn Cá Lập).

Ngày tháng năm Nhâm Thìn tạo mới chiêng, trống, xe cộ, cờ tiết mao. Xã chính Hà Xuân, Từ chính, Nguyễn Văn Do (ở thôn Núi), trước đã cúng tiến các câu đối.

Đốc công nguyên Tổng giáo Lê Kiên, Ngũ Trưởng Tài, Lý trưởng Cao Tuy (ở Thôn Núi), phó quản lý Nguyễn Hữu Thích, (ở thôn Lương Trung). Cựu lý trưởng Lê Hoán, Nguyễn Siêu, lý trưởng Lê Văn Nhị (ở thôn Lương Trung), phó tổng Vũ Đình Cốc (Cá Lập), nguyên Độ trưởng Phạm Thú, quyền Tổng Trưởng Bách, Lý trưởng Vũ Đình Thục (ở thôn Cá Lập), phó tổng trưởng Lê Văn Tuyên (ở thôn Cá Lập) Cựu Lý trưởng Phạm Thuần, Lý trưởng Đoàn Các (ở thôn Biển), Lý trưởng Cao Văn Dung (ở Thôn Núi).

Phụng soạn văn bia: Tú tài lĩnh Triều Tấn, thừa tá Lê Xuân Lãng (người Đông Sơn).

Phụng tả bia văn, làm đối liên các khoản, lĩnh Hương mục Lê Văn Tú.

Phụng mệnh khắc bia: Thợ khắc đá người Bình Hòa Lê Văn Hinh.

Ngày 19 tháng 8 năm 1999

Người phiên âm dịch nghĩa

TS. Sử học Đinh Công Vĩ

(Cán bộ Viện Nghiên cứu Hán - Nôm)

5. Tế lễ thần Độc Cước và hội đồng thần linh tại đền Thượng

Trước ngày vào tế kỳ phúc, dân làng làm lễ cáo yết, dắt trâu ra để chuẩn bị làm lễ tế thần. Trâu tế được chọn mua trước đó một năm, cho ăn uống cẩn thận, đàn bà con gái không được lại gần. Trước khi giết thịt phải đổ một chén rượu lên đầu trâu gọi là tỉnh sinh rồi sau đó mới chọc tiết.

Trước khi tế phải rước văn. Dân làng Núi hoặc các làng khác khi đến lượt phải đem long đình cờ quạt, tài tử đồng văn và cắt một viên chức đội mũ, mặc áo thụng đến tận nhà người điểm văn (người soạn văn tế) để rước bản văn về đình rồi sau đó rước lên đền. Người điểm văn cũng phải đội mũ, mặc áo thụng, đi theo sau long đình. Vào đến cửa đền, người làm chủ tế phải ra tận cửa ngoài để nghênh tiếp bản văn đem vào an trí trong nội hương án rồi sau đó mới tiến hành làm lễ.

Chủ tế là người có chức tước ngôi thứ cao nhất làng Núi, hoặc là người có ngôi thứ cao mà chồng vợ song toàn, con trai con gái đuề huề thì mới được chọn làm chủ tế. Ngoài chủ tế phải có hai hoặc bốn người bồi tế (đông xướng, tây xướng), hai người nội tán để dẫn người chủ tế khi ra vào và trợ xướng, cùng với mười đến mười hai người chấp sự (Những người đứng hai bên phụ trách việc dâng hương, dân rượu, chuyển chúc…).

Chánh tế, bồi tế, đông xướng tây xướng, chấp sự đều mặc áo thụng tài dài, trên đầu đội khăn xếp, chân đi hài chỉnh tề. Theo qui định xưa thì chủ tế phải mặc quần áo mới.

Sau khi những nghi thức thắp hương trên hương án và các bát hương tại các vị trí thờ tự thì buổi tế bắt đầu. Khởi sự tế, một người rung lên ba hồi trống. Người Đông xướng, xướng lên:

- Khởi chinh cổ!

Hai người chấp sự đứng hai bên lập tức đi vào chỗ giá chiêng, giá trống. Một người đánh ba hồi chiêng, người kia đánh ba hồi trống, rồi mỗi bên đánh thêm ba tiếng nữa và cùng vái một vái rồi đi ra.

Người Đông xướng lại xướng:

- Nhạc sinh tửu vị!

Phường bát âm tấu nhạc, kéo nhị, thổi sáo, gảy đàn và điểm trống. Kế đó lại xướng:

- Cú soát tế vật!

Hai người chấp sự, một người cầm nến, một người cầm cái ống để bó hương rồi dẫn chủ tế vào tận nội điện để xem xét lại các đồ tế lễ dâng thần có đầy đủ, thành kính và thiếu sót gì không. Xong, lùi ra. Khi vào bên phải, khi ra theo bên trái, bước chân cũng theo nghi thức, gọi là "Xuất á", "Nhập ất".

Lại x- ớng tiếp:

- Ế mao huyết!

Một người cầm đĩa đựng một ít huyết và ít lông trâu đổ đi. Rồi lại xướng:

- Chấp sự giả tư kỳ sự!

Những người chấp sự ai được cắt cử phụ trách việc gì thì chú tâm vào việc ấy.

Người xướng lại tiếp:

- Tế chủ giữ chấp sự giả các nghệ quán tẩy sớ!

Lúc đó người chủ tế và các chấp sự cùng đến cạnh hương án. Tại đó có một chiếc kỷ trên đặt chậu nước và treo một cái khăn. Lại xướng:

- Quán tẩy!

Người chủ tế rửa tay vào chậu nước. Lại xướng:

- Thuế cân!

Người chủ tế lấy khăn lau tay. Lại xướng tiếp:

- Bồi tế viên tựu vị!

Những người bồi tế bước và đứng vào hành chiếu quy đinh (4 chiếc chiếu đã được trải sẵn trước hương án, dùng cho việc tế, đánh số thứ tự từ 1 đến 4). Lại xướng:

- Chủ tế viên tại vị!

Lúc này chủ tế lui về chiếu quy định của mình theo đúng vị trí. Lại xướng:

- Thượng hương!

Lúc đó hai người chấp sự: một người bưng lư hương, một bưng hộp trầm đem đến trước mặt chủ tế. Chủ tế bỏ trầm vào lư hương đốt lên rồi hai tay nâng lư hương vái một vái. Tiếp đó đưa lư hương cho người chấp sự mang vào dâng đặt ở hương án giữa.

Người xướng lại xướng tiếp:

- Nghinh thần cúc cung bái!

Tất cả chủ tế và các bồi tế đều lạy thụp cả xuống. Lại xướng:

- Bái!

Chủ tế và bồi tế lại làm như trước. Xướng tiếp:

- Hưng!

Chủ tế và bồi tế lại đứng cả lên. Cứ lặp đi lặp lại như vậy đến 4 lễ. Lại xướng:

- Hành sơ hiến lễ!

Làm lễ dâng rượu lần đầu. Xướng tiếp:

- Nghệ tửu tương sở, tư tôn giả cử mịch!

Chủ tế bước tới án để rượu, lúc đó người chấp sự mở miếng vải trên mâm đài ra Rồi lại xướng:

- Chước tửu!

Rượu được rót ra. Kế đó lại xướng:

- Nghệ đại vương thần vị tiền!

Hai người nội tán chủ tế lên chiếu nhất. Lại xướng:

- Quỵ!

Chủ tế và bồi tế đều quỳ cả xuống. Lại xướng:

- Tiến tước!

Một người chấp sự dâng đài rượu đưa cho chủ tế. Chủ tế vái một vái rồi giao trả đài cho người chấp sự. Xướng tiếp:

- Hiên tửu!

Các vị chấp sự đi hai bên, hai tay nâng cao đài rượu và đi vào nội điện, xong trở ra.

Lại xướng:

- Hưng, bình thân phục vị!

Chủ tế và bồi tế cùng phục xuống rồi đứng dậy. Chủ tế lui ra chiếu ngoài.

Xướng:

- Độc chúc!

Hai người chấp sự vào bàn trong kính cẩn bưng văn tế ra.

Loại xướng:

- Nghệ đọc chúc vị!

Người chủ tế và bồi tế hai người bưng chúc, đọc chúc đều qùy cả xuống.

Lại xướng:

- Chuyển chúc!

Người bưng chúc đưa cho chủ tế. Chủ tế cầm lấy chúc vái một vái, rồi đưa cho người đọc chúc.

Xướng:

- Độc chúc!

Duy

Việt Nam quốc, Thanh Hóa tỉnh, Quảng Xương huyện, Cung Thượng tổng, Lương Niệm xã, Sầm thôn kỳ lão, sắc dịch, binh, dân thượng hạ đẳng, cẩn dụng lễ nghi cảm chiêu cáo vu.

Khắc Tĩnh Dực Bảo Trung Hưng Độc Cước Sơn Tiêu thượng đẳng thần vị tiền.

Lý Thái úy Tô Đại Liêu Thượng đẳng tôn thần vị tiền.

Hoàng Minh Tự thượng đẳng tôn thần vị tiền

Thiên Thai Thịnh Đức hộ quốc khang dân thượng đẳng tôn thần vị tiền.

Chính Trung Thiên Đức chắc giáng đế đình thượng đẳng tôn thần vị tiền

Tây Phương Thành hoàng Hiển ứng Linh tông Hàm quang Thượng đẳng tôn thần vị tiền

Đương niên Tề Vương Quản lược Hành khiển chí đức tôn thần vị tiền tấu thỉnh

Thiên Địa Thủy Phủ, Tam giới thánh hiền, nhất thiết thánh hiền, nhất thiết thánh chúng ngọc bệ hạ.

Viết: Tư phùng hạ tiết, bản làng cờ phúc khai hạ, cầu vũ cầu yên vọng bái, thượng thành chi kính hưởng hâm bách phúc sỹ nông công ngư thương khoa bách nghệ, hòa cốc phong đăng, thượng thích mãi mãi tiễn đa công lợi vũ caobệ tước lộc tam công văn hoài long y mạo vạn thượng mộc hạ hòa cờ yên thôn nội. Do thị tất tiến lễ giả.

Cung duy:

Chư tôn đức phối càn khôn, công tham tạo hóa, hộ quốc cứu dân, dương dương tại thượng, trạc trạc quyết linh, văn võ thánh thần, trừ tai hãm họa. Từ phùng trọng hạ cẩn lễ cung trần ngưỡng dám vi thành mạc thùy thần hỗ tứ tự thường hòa bách tường lai hạ. Phục duy:

Thiên địa thủy thần kỳ chư tôn chư đại đức giả kính kỵ.

Chư vị linh quan tả văn hữu vũ bộ hạ thần quan thái dám sơn thần nhạc thần đồng lai giám cách. Phục duy thượng hưởng.

Đọc xong chúc văn, chủ tế lạy hai lạy rồi ra phía ngoài. Sau đó lại lễ xướng trở lại để dâng hai tuần rượu nữa, gọi là á hiến lễ và chung hiến lễ

Sau khi xong cả ba tuần rượu lại xướng:

- ẩm phúc!

Hai người chấp sự vào nội diện bưng ra một chén rượu và một khay trầu.

Xướng

- Quy!

Chủ tế qùy xuống. Hai người đưa chén rượu, khay trầu cho chủ tế.

Xướng:

- ẩm phúc!

Chủ tế bưng lấy chén rượu, vái 1 vái, lấy tay áo che miệng uống một hơi hết ngay.

Lại xướng:

- Thụ tộ!

Chủ tế cầm khay trầu vái, rồi ăn một miếng. Sau đó chủ tế lễ hai lễ rồi lui ra chiếu ngoài.

Xướng:

- Tạ lễ cúc cung bái!

Chủ tế và bồi tế đều cùng lạy tạ 4 lạy.

Lại xướng:

- Phần trúc!

Người đọc chúc đem văn tế đi hóa (đốt đi)

Xướng:

- Lễ tất!

Dân làng, khách thập phương dự lễ theo thứ tự trước sau vào lễ.

Trong khi tế, những lúc dâng rượu, lúc phần chúc đều phải cử nhạc. Khi dân làng vào lễ thì đánh trống, gọi là trống lễ.

Lễ xong thì những đồ tế lễ được rước xuống làm cỗ ăn uống vui vẻ, thụ lộc thánh.

- *Ghi chú: Nguồn tài liệu trích dẫn tại mục V. Tư liệu Sắc phong, Văn Bia về thần Độc Cước Thanh Hóa, chúng tôi dựa trên các tác giả:*

1. Lê Kim Lữ (1998), *Đền Độc Cước*, Nxb Thanh Hóa [69]
2. Hoàng Minh Tường (2005), *Tục thờ thần Độc Cước ở làng Núi, Sầm Sơn, Thanh Hoá*, Nxb Văn hóa Dân tộc, Hà Nội [119].

3. Hoàng Bá Tường (2010), *Tục thờ thần Độc Cước ở một số làng ven sông, ven biển tỉnh Thanh Hóa*, Luận án tiến sĩ Văn hóa học, Học viện Khoa học xã hội [122].
4. Tài liệu tác giả luận án đi điền dã tại đền My Du, Hoằng Trinh, Hoằng Hóa và đền Độc Cước tại Sầm Sơn, Thanh Hóa, được Thủ đền cung cấp thông tin tư liệu.

VI. Những truyện kể có chi tiết gần với truyện thần Độc Cước

1. Truyện kể về Núi Bần ở Hậu Lộc, Thanh Hóa (có chi tiết gần với thần Độc Cước)

(truyện Hòn Nẹ là mẹ Núi Bần)

Hòn núi Nẹ ở ngoài biển trước làng Diêm Phố phía đông huyện Hậu Lộc và dãy núi Bần ở phía tây Hậu Lộc vốn xưa là hai mẹ con sống bên nhau tại vùng Bạch Thổ.

Bần là một chàng trai cao lớn, vạm vỡ, tính tình phóng khoáng không biết sợ ai. Cha mất sớm, Bần ở với mẹ. Vì ở vùng Bạch Thổ đất xấu làm không đủ ăn, hai mẹ con Bần sống rất cực khổ. Một hôm mẹ bảo con ở nhà để mẹ đi về phía đông, càng đi càng thấy đất trời rộng mở. Bà kiếm được nhiều thứ của ngon vật lạ ở vùng biển. Khi thấy nước thủy triều dâng lên, bà định quay về nhà nhưng không kịp, bà bị ngập sâu trong nước chỉ còn một cái chỏm đầu nhô lên mặt biển.

Bần ở nhà trông mẹ đỏ cả mắt vẫn không thấy mẹ về. Vừa đói vừa khát Bần tức giận chửi trời, mắng đất lung tung. Trời nghe tiếng chửi của Bần hết sức tức giận bèn sai Thiên Lôi bổ xuống đầu Bần, làm cho đầu Bần bị vỡ đôi thành hai nửa. Bần bị trời đánh càng tức giận và chửi trời, mắng đất nhiều hơn. Trời lại sai Thiên Lôi xuống đánh tiếp để trừng trị. Thiên Lôi đem theo nhiều lưỡi tầm sét bổ liên tiếp xuống đầu Bần, khiến cho Bần bị vỡ thành 99 mảnh, tạo thành 99 ngọn núi cao thấp của dãy núi Bần ngày nay.

(Núi Bần tên chữ là Bân Sơn) là dãy núi lớn và cao nhất ở Hậu lộc, tỉnh Thanh Hóa gồm nhiều ngọn núi nằm ở địa giới 4 xã (Tiến Lộc, Triệu Lộc, Đại Lộc, Thành Lộc) [113;tr. 170].

(theo Hoàng Tiến Tựu (1990) (Chủ biên), *Địa chí Hậu Lộc*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 170).

2. Truyền thuyết về Thần Sóng Pôriyak của người Chăm tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận (có chi tiết gần với thần Độc Cước)

Làng Tánh Linh (Bình Thuận) xưa kia có một chú bé tên là Eh Wa (có nghĩa là Cha – Aid -Va) thông minh, hiền hậu. Lớn lên, chú đi Mukah (Mecca) học đạo.

Sau khi đã đắc đạo, chú xin thầy cho về quê. Thầy khuyên học trò nên đợi qua năm kỵ của thầy hãy về. Nóng lòng vì nhớ nhà, Eh Wa trốn thầy vượt biển về quê. Khi biết học trò đã không nghe lời mình, ông thầy nguyền rủa: "Đi đường biển thì bị cá đớp, đi đường rừng thì bị rắn cắn, cọp tha". Và lời nguyền đó ứng nghiệm. Khi về tới gần bờ biển Phan Rí quê hương, thuyền của Eh Wa bị sóng đánh chìm. Một con cá Chúa đớp chàng trai đứt làm hai khúc. Lập tức, hồn của chàng nhập vào cá (cá Ông). Vì có phép, Eh Wa khiến hai khúc thân nhập vào làm một và chàng sống lại. Thế nhưng mất hết những phép mầu học được. Eh Wa buồn bã bỏ làng quê lên núi sống lại. Chàng lấy vợ người Kơho và có hai người con gái. Về sau, Eh Wa đi đâu không ai biết. Dân chúng lập đền thờ phụng Eh Wa và gọi là Thần Sóng. Hồn của Eh Wa nhập vào cá voi luôn cứu vớt người và thuyền gặp nạn trên biển.

(Theo Hoàng Bá Tường (2010), *Tục thờ thần Độc Cước ở một số làng ven sông, ven biển tỉnh Thanh Hóa*, Luận án tiến sĩ Văn hóa học, Học viện Khoa học xã hội).

3. Truyện chàng trai khổng lồ núi thề

Ở xã Nguyên Bình, huyện Tĩnh Gia có núi Thề, *dưới chân núi có dấu bàn chân ông khổng lồ*. Truyền thuyết kể rằng, một năm thần Biển dâng nước lên cao phá hoại mùa màng và xóm làng. Chàng trai khổng lồ đã đánh nhau với thần biển. Quân của thần Biển là ba ba, thuồng luồng bị chàng dùng đá ném chết vô kể, xác nổi đầy mặt nước. Thần biển thua, phải rút nước đi và xin giảng hòa. Chàng khổng lồ đã giẫm chân mình lên hòn đá ở chân núi và giao hẹn từ nay thần Biển không được dâng nước lên quá chỗ có dấu bàn chân. Núi Thề ở làng Nổ Giáp thuộc xã Nguyên Bình [59; tr.35].
(Theo Vũ Ngọc Khánh, Lê Sĩ Giáo, Phạm Văn Đấu (2004), *Địa chí Thanh Hoá, Tập 2, Văn hoá xã hội,* Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội).

4. Truyện cổ về con người Xứ Thanh trong thần thoại, truyền thuyết

Truyện Ông Nưa

Có lần, Ông Nưa lên trời bắt con bò thần xuống trần cày ruộng. Chỗ ông đặt chân dắt bò thần xuống nay là làng Giải. Ông đẽo lim làm cày, dạy dân cày ruộng

bò. Từ đó, dân làng Giải biết cày ruộng. Dân làng nhìn ông cày ruộng thích quá hò reo, con bò giật mình lồng lên, bắp cày văng ra hóa thành dãy núi Ống. Chiến công cuối cùng của ông Nưa là " diệt quỷ rừng Nưa". Rừng Nưa có một con quỷ độc ác. Ông nưa săn lùng và giết chết quỷ rồi chặt xác thành ba khúc. Một khúc quăng lên rừng sâu, hóa thành con vắt; một khúc quăng xuống đồng lầ hóa thành con đỉa; một khúc bỏ vào hũ sành nút lại. Khi mở hũ thì thấy từng đàn muỗi xông ra đốt người. Cả ba giống vắt, đỉa và muỗi ở vùng Nưa ai cũng khiếp hãi, nên có câu "Đỉa làng Lùng, thần làng Mon", tức là "đỉa ở vùng làng lùng" (xã Vạn Thắng) cũng ghê gớm như "thần trùng làng Mom" (huyện Quảng Xương). Ông Nưa dạy dân làng vôi trộn với thuộc lào, gói vào miếng vải vụn, buộc vào đầu que tre, nếu bị đỉa bám thì xát giẻ vào đó, đỉa sẽ co lại, không cắn nữa; dùng trấu cùng lá xoan tươi vun thành đống để xông khói, đuổi muỗi [59; tr. 23].

*(*Theo Vũ Ngọc Khánh, Lê Sĩ Giáo, Phạm Văn Đấu (2004), *Địa chí Thanh Hoá, Tập 2, Văn hoá xã hội,* Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội).

5. Truyện Ông Bưng và Ông Vồm

Một buổi sáng tinh mơ, một bà ra sông gánh nước, *thấy vết bàn chân to kì dị in trên bờ cát.* Tò mò, bà ướm thử bàn chân vào vết chân nọ thấy động trong mình. Bà thụ thai. Ở vùng làng Chè có một cây lim to hàng ngàn đời, chưa ai đốn được, ông hăm hở lên đốn. Dưới gốc cây lim có một con trâu xanh dữ tợn, tiếng thở phì phò nghe vang như sấm rền, dân quanh vùng rất kinh sợ. Ông Bưng vất vả quần đảo với nó mấy ngày trời. Con trâu có đôi sừng lợi hại và một sức mạnh phi thường. Nó phóng như bay trên các ngọn đồi và đồng lầy nhưng Ông Bưng không nản. Sau ba ngày, con trâu "chịu phép". Ông Bưng đã xâu được một đoạn song lớn vào mũi trâu và cột trâu lại. Ông đốn ba ngày cây li mới chịu đổ. Ông đẽo cây lim thành một cái cày khổng lồ, lấy song rừng làm thừng chão, thắng trâu vào và cày một đường từ bờ sông Mã về đến quê làng, lấy nước tưới cho ruộng đồng. Đường cày ấy từ Sông Mã về các làng đưa nước sông về tới quê ông, chảy sang đất Hậu Lộc thành sông Ấu. Từ đó, cả một vùng được nước sông Ấu tưới mát, đồng ruộng tốt tươi, dân trong vùng đỡ đói kém, vất vả.

Bấy giờ Ông Bưng đã luống tuổi, khi về quê hương rồi hóa.

Những năm hạn hán, dân làng rước tượng Thánh Tến (tức Ông Bưng) cao bảy thước bằng gỗ trầm hương ra sông Mã để tắm, gọi là "ngự dội". tắm chưa xong

thì trời mưa như trút. Dân gian truyền rằng: Sở dĩ ngài thiêng như vây là ngài có bình nước mưa. Có ông Hà Rò đến ăn cắp bình nước ,ưa của Ông Bưng nên cũng có phép làm mưa rất thiêng. Dân trong vùng có câu: "Cơn Hà rò đuổi bò mà chạy" là do hễ có mây vãn vũ phía Hà Rò thì sẽ có mưa to, gió giật kéo đến rất nhanh

(Theo Vũ Ngọc Khánh, Lê Sĩ Giáo, Phạm Văn Đấu (2004), *Địa chí Thanh Hoá, Tập 2, Văn hoá xã hội*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.30)

6. Chuyện chàng Go

Ngày ấy khi chưa có núi Go, núi Đồng Chài, đồi Phù Nguyên vùng Châu Sơn - Trịnh Sơn đông vui tấp nập, đất đai màu mỡ, phì nhiêu, lúa khoa xanh tốt những hiềm một nỗi có làm mà chẳng có ăn. Năm nào cứ đến vụ thu hoạch là Long Vương thủy tặc lại dâng nước lên cướp phá mùa màng, có khi cuốn cả nhà cửa sinh mệnh con người, vì thế nên cứ đến mùa mưa bão là mọi nhà phải tìm nơi tránh nạn hồng thủy, chờ khi nước rút mới trở về làm ăn sinh sống.

Bấy giờ ở làng Trịnh Sơn (tên cũ của làng Go) có một người đàn bà nghèo đã luống tuổi mà chưa có chồng. Tuy nghèo nhưng bà sống nhân từ chuyên lo bề làm phúc nên mọi người trong làng quý mến. Một đêm bà nằm chiêm bao thấy mình nuốt một ngôi sao vào bụng. Ba năm chín tháng mười bảy ngày sinh ra một chàng trai thông minh dĩnh ngộ. Người mẹ đặt tên cho con là chàng Go. Chàng Go mới sinh ra đã đòi ăn và ăn rất khỏe, mỗi bữa ăn từ một niêu, một năng đến nồi bà, nồi tư, nồi năm, nồi bảy rồi đến nồi mười mà dạ dày vẫn còn lép kẹp. Sau phải nấu mỗi bữa một nồi ba mươi cơm, chàng Go mới thấy tạm đủ no.

Thấy con ăn khỏe, người mẹ rất lo, không biết rồi kiếm đâu cho con ăn. Biết nỗi lo của bà mẹ, dân làng bảo nhau *"thằng bé ăn khỏe, chắc phải làm khỏe, chúng ta giúp đỡ mẹ con nó về sau gặp việc nặng nề sẽ được nhờ*". Từ đó mỗi ngày mỗi nhà bớt ra một thưng, một đấu lo ăn cho người con của làng. Được ăn no, chàng Go lớn nhanh và có sức khỏe phi thường. Mỗi buổi chàng cày xong ba bốn mẫu ruộng. Gặp con mương ruộng ngại đi đường vòng chàng vác trâu nhảy qua. Lúc nhỏ không biết gì nhưng lớn lên thấy bà con làng xóm năm nào cũng phải chạy lũ mà vẫn không yên, chàng bèn nghĩ ra cách gánh đất đắp đê ngăn lũ. Để cho nhanh và chắc, chàng vác rìu lên núi Nưa chặt những cây cổ thụ về làm đòn gánh. Lấy một rừng tre, một vạt mây về đan sọt, chàng bước từ núi này qua núi kia, gánh đất về đắp đê hai bờ sông Sủ. Con đê ngày một cao dần. Mùa lũ về, một đàn thủy tặc cứ tưởng

như mọi năm lên theo con nước vào cướp phá mùa màng. Gặp phải con đê cao vững chãi chúng chẳng làm gì được phải quay về tâu với Long vương về việc làm của chàng Go. Long vương nổi giận lôi đình huy động hết mọi loài thủy quái, dâng nước lên quyết cướp lấy mùa màng của con người. Lúc ấy chàng Go đang mãi mê gánh đất đắp đê thấy Long vương thủy tặc kéo đến. Chúng cố dâng nước ngập để hùa nhau vào cướp phá. Chàng Go quẳng hai sọt đất xuống dùng đòn gánh đánh vào chúng túi bụi. Lũ giặc nước không chịu thua. Một trận quyết chiến quyết liệt diễn ra suốt ngày đêm. Chàng Go thấm mệt, thân thể hẳn nhiều vết thương, máu nhỏ giọt trên đất, trên sông. Nhưng nghĩ đến nỗi khổ của nhân dân làng xóm, lòng căm thù loài thủy tặc bốc lên ngùn vùn vụt, chàng nhào lộn trên đầu Long vương, cầm đòn gánh giáng một đòn như sấm sét. Long vương choáng váng, hò hét thu quân về thủy đình. Giặc rút, mặt nước yên lặng, chàng Go kiệt sức vì máu ra nhiều. Chàng mỉm cười ngã xuống mảnh đất quê hương sau khi đuổi được giặc nước cứu dân. Hai sọt đất chàng ném xuống biến thành hai quả núi bên hai bờ sông và mấy hòn đất văng ra biến thành dải núi nhỏ.

Nhớ ơn chàng nhân dân lấy tên chàng đặt tên cho quả núi lớn gọi là núi Go, núi nhỏ bên tây – nam là núi Đồng Chài (núi Go và núi Đồng Chài ngày nay thuộc xã Thiệu Châu). Đồi đất bên tả ngạn sông Chu gọi là đồi Phù Lê (nay là Phù Nguyên thuộc xã Thiệu Nguyên, Thiệu Hóa, Thanh Hóa).

Vùng núi Go, núi Đồng Chài, đồi Phù Nguyên ngày nay có màu đất đỏ là do máu của chàng Go nhỏ xuống thấm sâu vào lòng đất trong trận chiến chống Long vương thủy tặc.

(Theo Tạ Quang, *Văn hóa truyền thống Thiệu Hóa*- Huyện ủy – HĐND-UBND huyện Thiệu Hóa tỉnh Thanh Hóa (2010), *Địa chí huyện Thiệu Hóa*, Phạm Tấn- Nguyễn Văn Tuấn, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.606-607).

VII. Phụ lục 3: THỐNG KÊ TƯ LIỆU VỀ DẤU CHÂN KHỔNG LỒ VÀ DẤU CHÂN THẦN ĐỘC CƯỚC Ở CÁC ĐỊA PHƯƠNG TRONG CẢ NƯỚC

1. **Tháp Mười**, trong Đồng Tháp Mười tỉnh Đồng Tháp ngày nay. Nơi đây phát hiện văn minh mà G. Coedès đã dịch trong đó có đoạn "Gunavarman…đã cho đặt chân lên đất này hai bàn chân của Bhagavati Gunavarman. Coedès giải thích đó là đền thờ dấu chân do nhà vua Gunavarman thuộc thế kỉ thứ 5 xây dựng ở Đồng Tháp Mười để ghi nhận sự chiếm hữu lãnh địa này. H.Parmentier khi miêu tả Tháp Mười cũng có đề cập đến **"hai chân người tự nhiên**".
2. **Núi Tiên Cước**, tỉnh Biên Hòa cũ nay thuộc tỉnh Đồng Nai. "Núi Tiên Cước ở cách huyện Phước An về phía Đông Nam, đá đội nổi đất lên, **đầu núi có một vết chân người thành ngấn trên đá**, tương truyền đấy là dấu vết của tiên, người ta phết màu son nay vẫn còn".
3. **Núi Hương Ấn** ở phía tây huyện Hòa Đa tỉnh Bình Thuận, thế núi cao dốc, có hai cấp bàn đá, cấp thứ nhất thờ Dương phu nhân, **dưới cấp thứ hai có ngấn in lõm vào đá như hình chân người, tục cho là dấu chân của Dương phu nhân**.
4. **Núi Đại Điếm** ở phía tây huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định, có người Man ở đấy, phía đông có rừng Thuận Chính, nước suối ở trong rừng rất trong, có phiến đá lớn, **mặt đá có dấu chân người to lớn**. Tương truyền đó là **vết chân của Thiền sư Không Lộ**.
5. **Hòn San Hô** ở hải phận huyện Tuy Phước tỉnh Bình Định, người địa phương hay lấy đá ở hòn này nung vôi, phía nam thuộc thôn Hội Lộc, phía bắc núi Eo Vượt, **có vết chân lớn, tương truyền Không Lộ Thiền sư lên núi**, nên có vết chân.
6. **Núi Hà Thành** tỉnh Hà Tĩnh, ở địa phận phía bắc đạo thành côn, xã Hà Hoàng, có một ngọn núi nhỏ là Quy Sơn, **trên núi có vết người to (tức dấu chân người to lớn**), người dân địa phương lập đền thờ.
7. **Núi Nhược** ở xã Quyết Nhược huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh, về phía nam có núi Nĩ Lộc, **trên núi có tảng đá to bằng phẳng, tương truyền là dấu vết của Tiên**.

8. **Núi Phật Tích** huyện Thạch Thất, Hà Tây có tấm đá bên trên **có vết chân người khổng lồ**.
9. **Cồn Chân Tiên** huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa, tại đây **trên mặt một tảng đá lớn còn để lại một vết chân được xem là chân tiên**, cũng vì vậy cồn đất này có tên là Cồn Chân Tiên.
10. **Chùa Đùng**, thuộc núi Thanh Liêm, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam **có dấu chân lớn.**
11. **Kinh đô Thăng Long** thời Lí, nay thuộc Hà Nội. Năm 1012 "**trên tảng đá** lớn ở ngọn núi phía đông nam **có vết chân thần dài rộng 3 thước, sâu 1 tấc** (không rõ núi nào).
12. **Kinh đô Thăng Long** thời Lí, nay thuộc Hà Nội. Năm 1029 **có dấu chân người thần hiện ở chùa Thắng Nghiêm**.
13. Kinh đô Thăng Long thời Lí, nay thuộc Hà Nội. Năm 1038 "**có dấu vết người thần (dấu chân thần)** hiện lên ở chùa Đại Thắng.
14. **Kinh đô Thăng Long** thời Lí, nay thuộc Hà Nội. Năm 1131 "..ngự tiện chỉ huy sứ là Vương Cát tâu là **có dấu vết thần giáng (dấu chân thần)** ở Long Trì trước lầu chuông bên tả, dấu dài 9 tấc 5 phân rộng 5 tấc.
15. **Núi Thiên Tích** huyện Thạch Thất tỉnh Hà Tây cũ **trong động có tấm đá có dấu chân người khổng lồ**. Thiền sư Từ Đạo Hạnh trút xác ở đây (sách An Nam Chí Nguyên phần cảnh vật).
16. **Chùa Phúc Thắng**, tại Luy Lâu quận Giao Chỉ nay thuộc tỉnh Bắc Ninh, phía nam thành có thờ Phật, có một vị sư từ phương Tây tới, hiệu là Già La Đô Lê trụ trì ở đây, **có phép đứng một chân**, mọi người đều kính phục gọi là tôn sư, kéo nhau tới học đạo.
17. **Núi Thụy Lôi**, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, có đền Vũ Lương Nguyên Quân. Tương truyền Thục phán An Dương Vương đắp thành Cổ Loa cùng đi với Kim Quy Giang sứ để trừ yêu quái, khi về đến núi này, **thấy vết chân người to lớn**. Vua hỏi, Kim Quy trả lời: Đây là Huyền Thiên giáng làm đệ trừ tà cho nước".

18. **Núi Yên Phú**, ở xã Bắc Lũng, huyện Phượng Nhãn, tỉnh Bắc Ninh "đề Sơn Thần Tam Vị". Tương truyền bà mẹ của thần trước ở một mình **tại chân núi, thấy có dấu chân người to lớn**, bà bước vào (nay thành giếng) nhân đó có mang, đau đẻ một bọc ba con.
19. **Núi Sài Sơn** huyện Yên Sơn, tỉnh Hà Tây cũ, cách 6 dặm về phía bắc có tên núi là Phật Tích. Phía trước là đất bằng, phía sau là sông. Chân núi có chùa Thiên Phúc (chùa Thầy), trên núi có động, **phiến đá trong động có một vết chân người to lớn**. Thiền sư Từ Đạo Hạnh trụ trì ở đây".
20. **Chùa Giải Oan** trong Chùa Hương tỉnh Hà Tây cũ tương truyền **có dấu chân Bà Chúa Ba Thành Phật** nên gọi là am Phật Tích.
21. **Chùa Hoa Long** ở bến thôn Việt Trì huyện Bạch Hạc tỉnh Vĩnh Phúc, không rõ dựng từ đời nào, bên cạnh chùa có một phiến đá nằm ở bên sông, **trên mặt đá có vết người to lớn (dấu chân người khổng lồ).**
22. **Đèo Gió,** Châu Chiêu Tấn tỉnh Sơn La, cách Châu Chiêu Tấn hơn 30 dặm về phía bắc, núi rất cao, trên núi có hang gió… trên núi có nhiều đá, **có ba vết chân người đều dài hơn 1 thước.**
23. **Cồn Chân Tiên** (Núi Đọ - Thiệu Tân – Thiệu Hóa) **có một dấu chân lớn trên đá,** người trong vùng nói rằng đó là dấu chân của bà Tiên dạy dân săn bắn, hái lượm, đánh cá. Nhớ công ơn bà nhân dân hương khói phụng thờ dấu chân nơi bà đứng truyền dạy nghề nghiệp cho dân.
24. **Hòn Cổ Giải – Đền Độc Cước** (núi Trường Lệ- Sầm Sơn) **có dấu chân thần nhân to** lớn, cầu đảo mưa nắng được linh ứng.
25. **Núi nưa** (thuộc vùng Triệu Sơn – Nông Cống) **lưu dấu chân Tu Nưa** – vị đạo sĩ đã tiên đoán về hậu vận của triều Hồ và việc Hồ Hán Thương đốt núi tìm vị đạo sĩ đã không hợp tác cho cha con Hồ quý Ly.
26. **Núi Chiếu Bạch** (Bình Lâm, Hà Trung) **thờ dấu chân ông Bưng** – Lê Phụng Hiểu in trên đá ở trong đền.
27. **Núi Linh Trường** (Hoằng Yến, Hoằng Hóa) **có dấu chân trái in trên hòn đá lớn**, tương truyền là dấu chân thần Độc Cước, cách ngôi đình và nghè thờ thần không xa về phía bắc.

28. Núi Lâm Động (Trúc Lâm, Tĩnh Gia**) nơi có dấu chân và bàn cờ tiên**, tương truyền các Tiên ông ngồi trên phiến đá đánh cờ.

29. **Phiến đá ở Ngọc Phụng** (huyện Thường Xuân, Thanh Hóa) **lưu dấu chân và hai hòn cà tương truyền của Bình Định Vương – Lê Lợi** trong lúc ngồi bên dòng Lương Giang nghĩ kế sách đánh đuổi quân Minh xâm lược.

30. **Hòn đá ở làng Hón Ói** (Quang Hiến – Lang Chánh, Thanh Hóa) cách chùa Mèo 6km về phía tây, **in hình bàn chân và vết ngồi lõm đá** của Lam Sơn động chủ.

31. **Núi Đồng Pho** (Đông Hòa – Đông Sơn) tương truyền trong làng có người đàn bà lớn tuổi. Một hôm lên núi hái củi thấy **những bàn chân to lớn kì lạ in sâu vào đá,** liền đặt chân ướm thử, sau đó mang thai sinh ra một bé trai, đó là thần Nưa.

32. **Ở khe núi bản Hang Dấu in dấu bàn chân trái rất lớn trên đá**, xã Phú Lệ, huyện Quan Hóa có kích cỡ dài 1m, rộng 80 cm, vết lõm trên đá 2,5cm, tương truyền là dấu chân của một thần nhân.

33. **Vùng văn hoá Bưng**, Ở thôn Trì Trọng (**Hoằng Quỳ** - Hoằng Hóa) nằm trong vòng ảnh hưởng của ông Bưng khổng lồ, câu chuyện được kể như sau: Có một bà nghèo, không chồng, mở hàng nước ở chợ Trọng. Một hôm đi gánh nước ở Sông Mã gần đấy, gặp cơn mưa sớm *(cũng có lời kể bà giẫm phải một bàn chân lạ khổng lồ*) về thụ thai và đẻ ra cậu bé đặt tên là Bưng. Cậu lớn lên rất khoẻ, đi nhanh như gió, bóng to che lấp cả mặt trời. [45; 78]

34. **Đức thánh Bưng** có tên là Lê phụng Hiểu người làng Băng Sơn, tỉnh Thanh Hoá, sống vào thời Lý (TK XI Lý Thái Tông 1044) Sự tích: Mẹ ông xưa kia là người ở Bưng **(nay ở xã Hoằng Sơn)** nhan sắc thua kém, không lấy được chồng. Bà di cư lên Phúc Tiên lập quán bán hàng ở chợ Trọng (thôn Trì- xã Hoằng Quỳ- Hoằng Hoá). Một hôm bà đi gặp trời mưa gió rét. Giữa đám bùn lầy lội, **bà thấy vết chân một người to lớn lạ thường in rõ mồn một, vô tình bà giẫm lên vết chân ấy và cũng từ đó bà có thai,** về sau sinh ra Lê Phụng Hiểu.[39; 356] .

35. Truyền thuyết **làng Bưng** kể rằng: Bà thân sinh vốn là người làng **Bình Lâm** thuộc huyện Hà Trung ngày nay. Cha mẹ mất sớm, năm 28 tuổi bà đến ngụ tại làng và lập ra quán bán hàng tại đây. Một buổi bà vào khu rừng rậm rạp, kiếm củi trông thấy trên một tảng đá lớn hằn rõ vết hai bàn chân lõm xuống, thấy lạ bà bước đến ***ướm thử hai bàn chân củ*a mình vào**. Bỗng rùng mình mồ hôi toát ra như tắm, sợ quá bà vội vàng bỏ củi đó, chạy vội về nhà. Từ đó, bà cảm nhận được mình có thai. Sau đó chín tháng mười ngày, bà sinh được con trai có dáng mạo lạ thường, ngày ngày lớn lên trông thấy, ăn nhiều gấp mười mấy người thường, lại năng hoạt động, mãi đến năm lên 3 tuổi mới đặt tên là Lê Phụng Hiểu, nhưng dân làng vẫn quen gọi là Ông Bưng. (tr 13 – tập 2 - *Lễ tục lễ hội truyền thống Xứ Thanh*).

36. **Thần tích thần Độc Cước** giáng linh vào nghè đất *thổ phụ* (hình vuông) thôn My Du, **xã Sơn Trang**, tổng Dương Sơn, huyện Mỹ Hoá, phủ Hà Trung (tức thôn My Du xã Hoàng Kim, huyện Hoằng Hoá ngày nay) Bậc thiên thần giáng linh xuống khu đất thổ phụ nghè thôn My Du, xã Sơn Trang, tổng Dương Sơn, huyện Mỹ Hoá, phủ Hà Trung vào giờ tý, ngày 01 tháng 12. Lúc đó trời đất gió mưa nổi lên hết đêm mà không dừng. Sáng hôm sau dân thôn đến bờ sông, đi lên gò đồi đất thổ phụ nhìn thấy **một dấu chân dài 1 thước, 2 tấc, rộng 7 thước đứng ngay trên gò đất.**

37. *Đồng bào Thái* (ở huyện **Thường Xuân**, huyện Quan Hóa tỉnh Thanh Hóa) kể rằng người mẹ một hôm vào rừng sâu gặp **những vết chân voi khổng lồ**, khát nước bà bèn uống nước mưa đọng lại ở những vết chân voi, sau đó mang thai sinh ra chàng trai khổng lồ Lúc Chạn.

38. Theo **Đại Việt Thông Sử** -Quyển I -**Đế Kỷ Đệ Nhất** -Thần Đôn soạn - Thái Tổ (Thượng) Lê Qúy Đôn-Thế Kỷ 18-(1759) [tờ 7a] Vua Thái Tổ, thụy hiệu Thống Thiên khải vận thánh đức thần công duệ văn anh vũ khoan minh dũng trí hoằng nghĩa chí nhân đại hiếu Cao Hoàng Đế. Vua họ Lê, tên húy là Lợi, người làng Lam Giang, huyện Lương Giang, phủ Thanh Hoa… *Đêm hôm sau, **[tờ 9a]** có trận mưa gió, sáng ra, thấy trong vườn rau* **có lốt chân thần in trên lá rau**, Hoàng đế sai người vẽ hình vết chân ấy. ***Ngày hôm sau, Hoàng hậu ra vườn hái rau, đến chỗ cây rau có hình bàn chân***, bỗng được một quả

ấn báu, bề dài bề rộng ngay ngắn, mặt quả ấn khắc mấy chữ lối triện, ttrên quả ấn khắc đích họ tên Hoàng đế, nhận kỹ mới rõ. Hoàng đế biết rõ bảo vật của trời đất ban cho..

39. Truyện kể dân gian **vùng Đông Sơn tỉnh Thanh Hóa**: Thần Nưa gánh núi, **vết chân chàng lún thành ao,** cho nên ngày nay ở xã Đông Hòa, Đông Sơn có nhiều ao, chuôm…

40. **Ở làng Ích Hạ** (Hoằng Quỳ, Hoằng Hóa, Thanh Hóa) còn truyền tụng câu chuyện và dấn tích **vết chân ông Bưng đuổi theo ông Vồm** biến thành hai dãy ao so le chạy dài liên tiếp từ đầu làng đến bờ Sông Mã.

41. **Giếng đền Mưng** (làng Đông Cao – Trung Chính huyện Nông Cống tỉnh Thanh Hóa) **giếng nước chính là dấu tích của bàn chân người khổng lồ để lại khắp vùng Nông Cống**, chỗ thành ao, chỗ thành giếng. Ở giếng đền Mưng hàng năm dân làng thành kính lấy nước giếng này nấu xôi làm bánh, lấy nước thờ để dâng lễ tế ông Nưa trong các ngày hội lễ mùa xuân.

42. Ở xã **Lộc Sơn** huyện Hậu tỉnh Lộc Thanh Hóa, ngay dưới **chân cầu Lãi** và Sông Lãi, xưa kia nơi đây có rất nhiều cây cau, một buổi sớm người dân phát hiện có dấu in lõm xuống đất thành **hình bàn chân rất to,** người dân cho là dấu chân thần Độc Cước và lập đền thờ tại đây (nay còn gọi là đền thờ thần Độc Cước (*nguồn tác giả luận án ghi lại khi đi điền dã*).

43. Dấu **một bàn chân to lớn ở Suối Tiên, theo** truyền thuyết **Suối Tiên** nơi ngày trước có các Chư Tiên thường xuống đây vui chơi, nghỉ ngơi ở chốn này. Phía trên Hồ Tiên lại có **một bàn chân to lớn** mà năm đầu ngón chân in vào đá thật sâu. Người dân địa phương bảo đó là bàn chân ông khổng lồ ... ông bước lên hòn đá rong rêu, lên đỉnh bị trượt chân. Chân ông bấm cũng mạnh quá, nên dấu còn lưu dấu ở Suối Tiên [62; 279]. (Theo Quách Tấn - *Xứ Trầm Hương*, Nxb Hội VHNT Khánh Hoà. 2002).

44. **Dấu chân ông khổng lồ in trên đá ở làng Sơn Dương** huyện Lâm Thao - Phú Thọ: Xưa có một vị thần do bà mẹ giẫm phải dấu chân ông khổng lồ in trên đá rồi thụ thai mà đẻ ra. Thần lớn lên như thổi và được nhà vua cho đi đánh giặc, chém xong tướng giặc định quay trở về thì bị vướng dây của quân

giặc tung ra, nên thần ngã từ trên ngựa xuống giặc chém đứt đầu nhưng thần ôm đầu chạy về. (Cốt truyện này về sau được lịch sử hoá và gắn cho nhân vật Sa Lộc một vị tướng đánh giặc Minh) [14; 39].Cao Huy Đỉnh - *Người anh hùng làng Dóng*, Nxb KHXH, H.1969

45. **Dất chân người to lớn liền ướm thử ở Đình Chèm, Từ Liêm, Hà Nội**: **Bà Kha Nương dạo chơi vườn hoa, trông thấy vết chân người to lớn liền ướm thử.** Vừa ướm xong bà thấy trong người toả hương thơm ngào ngạt lạ lùng. Sau đó bà có mang 13 tháng tới giờ dần ngày mùng 10 tháng giêng năm Bính Tuất sinh ra một cậu bé, tuy mới sinh cậu bé đã có tư thế tuấn chỉnh, thân hình cao lớn khác thường. Tại nơi sinh, mây lành rạng rỡ, hương thơm ngạt ngào. Cha mẹ cậu rất mừng rỡ cho là trời đã ban phúc nên đặt tên là Thân" (*Theo thần tích làng tài liệu dịch từ văn bản Hán Nôm viết về đình Chèm)*.

46. **Dấu chân ông khổng** ở chân núi Hòn Độc Sơn tục gọi Hòn Một thuộc xã Ninh Hưng trên Hòn Một gần chùa, (Thiền Sơn Tự) có **một hang to lớn hình như một bàn chân giẫm sâu xuống đá**. Người ta bảo đó là dấu chân ông khổng lồ [62; 256]. (Quách Tấn - *Xứ Trầm Hương*, Nxb Hội VHNT Khánh Hoà. 2002, tr 256).

47. **Vết chân do nàng Đênh để lại ở chùa Bà Đênh** còn gọi là Linh Sơn Thánh Mẫu: Cách tỉnh lỵ Tây Ninh (Nam Bộ) khoảng trên 10km một ngọn núi được xem là cao nhất Miền Nam, thường gọi là Núi Bà Đen. Núi có đền thờ, cũng được truyền thờ Bà Đen. Tương truyền là vết chân do nàng Đênh để lại…một đêm kia nàng trốn nhà đi sâu vào trong núi rồi không thấy về nữa. **Người nhà hoảng hốt tìm chỉ còn sót lại dấu chân giữa vũng máu**. Thương tiếc người con gái bất hạnh, gia đình dựng một gian nhà nhỏ chân núi thờ nàng. Người ta gọi ngọn núi Tây Ninh là núi chân bà Đênh [39; 530]. (Vũ Ngọc Khánh - *Đạo Thánh ở Việt Nam*, Nxb VHTT. 2001, tr 530).

48. **Dấu chân khổng lồ trên một tảng đá ở Dóng - Mốt** (bây giờ là thôn Đổng Duyên, xã Phù Đổng, huyện Gia Lâm, Hà Nội) dấu chân này là đầu mối truyện ông Dóng. Các cụ già kể rằng ông khổng lồ ở núi Dạm (xã Nam Sơn, huyện Quế Võ, Bắc Ninh. Trong một đêm mưa to gió lớn, sấm chớp hãi hùng, Ông Đổng "về hái cà" ở kẻ Đổng (làng Dóng Mốt). Ông đã để lại một

dấu chân to "vừa tày năm gang" trong vườn cà của một bà lão. Sáng hôm sau bà ra thăm cà vô tình *giẫm phải dấu chân* ấy, tự nhiên thấy tâm thần rung động, về nhà thì thụ thai *[14; 12]* (Cao Huy Đỉnh - *Người anh hùng làng Dóng*, Nxb KHXH, H.1969, tr.12).

49. **Dấu chân người to lớn** theo Địa chí tỉnh Bắc Ninh. Tương truyền Thục An Dương Vương đắp thành Cổ loa cùng đi với Kim Quy Giang Sứ để trừ yêu quái khi về đến núi này thấy ***có vết chân người to lớn*** Vua hỏi, Kim Quy trả lời rằng: Đây là Huyền Thiên giáng lâm để trừ tà cho nước. Ở núi Sái Ở Yên Phụ (Yên Phong, Bắc Ninh khi thần Kim Quy dẫn An Dương Vương đi dẹp yêu quỷ, lúc về thấy có một hốc đá lớn trên núi Sái, thần Kim Quy nói đó là dấu chân của đức Huyền Thiên Trấn Vũ, vì thế An Dương Vương cho lập đền thờ thần trên núi Vũ Đương này. Hình ảnh một dấu chân lớn của thần Huyền Thiên tương tự như của Cao Sơn Độc Cước. (Cao Xuân Dục (2003), *Đại Nam dư địa chí ước biên*, Nxb. Văn học, tr.107).

50. **Dấu chân kim ngưu** theo truyền thuyết vùng Hồ Tây tương truyền có ***dấu chân trâu giẫm đạp*** mà thành vùng hồ.

51. **Dấu bàn chân ông khổng lồ** ở núi Thề, xã Nguyên Bình, huyện Tĩnh Gia, dưới chân núi **có dấu bàn chân ông khổng lồ** (tr 35).

52. **Dấu chân xuất hiện ở thôn La Trì trên cây Linh Mộc**, công chúa Minh Hoa đã 71 tuổi đi tu từ năm 9 tuổi đứng nhìn sau có mang, (theo Nguyễn Minh Ngọc (Biên soạn) *Bách Thần Hà Nội*, Nxb Cà Mau 2000, tr 77) .

53. **Dấu chân thần Điểm Tước** (dấu chân chim sẻ lớn), dấu chân trên núi Tháp, Đồ Sơn Hải Phòng

54. **Dấu chân ông khổng lồ** ở ghềnh đá cửa biển Sa Kỳ, Quảng Ngãi (Nguyễn Đăng Vũ (2003), Luận án tiến sĩ lịch sử, *Văn hóa dân gian của cư dân ven biển Quảng Ngãi*, Viện nghiên cứu Văn hóa nghệ thuật, tr 134).

55. **Dấu chân ông khổng lồ** ở Gò Yàng, Quảng Ngãi (Nguyễn Đăng Vũ (2003), Luận án tiến sĩ lịch sử, *Văn hóa dân gian của cư dân ven biển Quảng Ngãi*, Viện nghiên cứu Văn hóa nghệ thuật, tr 134).

56. **Dấu chân khổng lồ** ở làng Bình - Tân (xã Thị Cầu, huyện Quế Võ như tỉnh Bắc Ninh), theo Dumoutier kể: *Bà mẹ này nhân đi qua làng Bình Tân (Võ Giàng) ướm chân vào vết chân đá mà thụ thai*. (Theo Cao Huy Đỉnh - *Người anh hùng làng Dóng*, Nxb KHXH, H.1969, tr.12).

57. **Dấu chân thiêng của Cao Biền** ở núi Long Phụng, Quảng Ngãi (Nguyễn Đăng Vũ (2003), Luận án tiến sĩ lịch sử, *Văn hóa dân gian của cư dân ven biển Quảng Ngãi,* Viện nghiên cứu Văn hóa nghệ thuật, tr.133).

58. **Dấu chân thiêng của Cao Biền** ở Sa Kỳ, Quảng Ngãi (Nguyễn Đăng Vũ (2003), Luận án tiến sĩ lịch sử, *Văn hóa dân gian của cư dân ven biển Quảng Ngãi,* Viện nghiên cứu Văn hóa nghệ thuật, tr. 133).

59. **Dấu chân ông Tài Ngào** ở đèo De, núi Hồng, Tuyên Quang. (Trung tâm khoa học xã hội và Nhân văn Quốc gia, Viện Văn học (2002), Tổng tập Văn học các dân tộc thiểu số Việt Nam, *Tập 2, Truyện cổ dân gian*, Nxb. Đà Nẵng).

60. **Dấu chân ông Tài Ngào** ở Kéo Bon, Định Hóa, Thái Nguyên. (Trung tâm khoa học xã hội và Nhân văn Quốc gia, Viện Văn học (2002), Tổng tập Văn học các dân tộc thiểu số Việt Nam, *Tập 2, Truyện cổ dân gian*, Nxb. Đà Nẵng).

61. **Dấu chân ông Tài Ngào**, ở núi Cà Quẻ, giữa huyện Định Hóa, Thái Nguyên và huyện Chợ Mới ngày nay. (Trung tâm khoa học xã hội và Nhân văn Quốc gia, Viện Văn học (2002), Tổng tập Văn học các dân tộc thiểu số Việt Nam, *Tập 2, Truyện cổ dân gian,* Nxb. Đà Nẵng).

62. **Dấu vết đầu đập và vết tay** của Vợ Bình Khương đập đầu vào đá, tại An Tôn, Thành Nhà Hồ, Vĩnh Lộc, Thanh Hóa. (Cao Xuân Dục (2003) *Đại Nam Dư địa chí ước biên*, Nxb. Văn học, tr. 288).

63. **Dấu chân thần Độc Cước** xã Vân Trai, huyện Cẩm Thủy, Thanh Hóa [Cao Xuân Dục (2003), *Đại Nam dư địa chí ước biên,* Nxb. Văn học; tr 283]

64. **Vết chân người khổng lồ** ở núi Tiên Tích, huyện Yên Thành, Nghệ An**.** (Cao Xuân Dục (2003), *Đại Nam dư địa chí ước biên,* Nxb. Văn học; tr 353)

65. **Dấu vết chân người khổng lồ** ở núi Cảm Sơn xã Đại Nại, huyện Thạch Hà, Hà Tĩnh. (Cao Xuân Dục (2003), *Đại Nam dư địa chí ước biên,* Nxb. Văn học, tr 225)

66. **Dấu chân của Thiền Sư Không Lộ** ở Khe Cống Đá, huyện Mộ Đức, Quảng Ngãi. (Cao Xuân Dục (2003), *Đại Nam dư địa chí ước biên*, Nxb. Văn học, tr. 109).

67. **Dấu vết ba bàn chân lớn in vào thân cây của Đế Thích, ở một di tích thờ Đế Thích**, tương truyền: Đến đời Hùng Vương thứ mười, hiệu là Tạo Vương, cây lạ vẫn còn. Một ngày kia, trời đất lại tối sầm, mưa gió tơi bời, chỗ cây phát ra hào quang rực rỡ. Khi trời quang mây tạnh, nhân dân địa phương ra xem thì **thấy có dấu vết ba bàn chân lớn in vào thân cây**... Dân địa phương kinh sợ lại bẩm về triều. Tạo Vương nghe tấu, lập tức xa giá đến nơi xem xét, biết là điềm lành của đất nước, báo sẽ có thánh nhân xuất hiện để phù trì xã tắc, bèn lệnh cho xây một ngôi chùa quanh năm hương hoả, cầu cúng đều có linh ứng.

** Thống kê dấu chân ngoài lãnh thổ Việt Nam*

68. "Sơn Hải kinh" Hoàng Phố Mật viết "Thái Hạo đế họ Bào Kỵ, mẹ họ Khương, tên là Hoa Tư, **vào đời Toại nhân, thấy vết chân người khổng lồ ở Lôi Trạch, giẫm phải, có mang sinh ra Phục Hy.** (Đế Vương thế kỷ), tr 593. [Theo *Dương Lực Kinh điển văn hóa 5000 năm Trung Hoa, tập 1, Nxb. Văn hóa thông tin –Hà Nội 2002, tr 1070].*

69. ***Sử Ký- Chu bản ký*** *viết*: tổ tiên của triều đại **Chu là do Khương Nguyên giẫm lên vết chân của thiên thần đã sinh ra Hậu Tắc**. Tr 566. - Tôn Tác Vân cho rằng vết chân người khổng lồ mà bà Khương Nguyên giẫm phải rồi sinh ra tộc nhà Chu là **vết chân gấu**. Tr 590. [Theo *Dương Lực Kinh điển văn hóa 5000 năm Trung Hoa, tập 1, Nxb. Văn hóa Thông tin Hà Nội 2002 (tr 1070)].*

- ***Ghi chú nguồn trích dẫn:*** Luận án đã sử dụng tư liệu thống kê về dấu chân của hai tác giả: Nguyễn Duy Hinh (theo số thứ tự từ 01 -22); Hoàng Minh Tường (theo số thứ tự từ 22-41); ngoài ra, tác giả luận án đã sưu tầm và bổ sung được 27 dấu chân khổng lồ (theo số thứ tự 42 đến 69 tác giả luận án có ghi nguồn trích dẫn).

VIII. Phụ lục 4. ĐỊA DANH THỜ THẦN ĐỘC CƯỚC

Bảng 1: Những điểm thờ thần Độc Cước ở Thanh Hóa

(Dựa theo Địa chí Thanh Hoá, Tập II, tr. 635; Vũ Ngọc Khánh, Lê Sĩ Giáo, Phạm Văn Đấu (2004), *Địa chí Thanh Hoá, Tập 2, Văn hoá xã hội,* Nxb Khoa học xã hội H, tr.635).

Thần Vị	Tên huyện xưa	Tên huyện nay	Tổng số làng
Độc Cước Tôn Thần	Nga Giang	Nga Sơn	1
	Cổ Đằng	Hoằng Hoá	9
	Thuần Lộc	Hậu Lộc	6
	Mỹ Hóa		8
	Yên Định	Yên Định	4
	Ngọc Sơn	Tĩnh Gia	14
	Duyên Giác	Quảng Xương	3
	Lạc Thuỷ	Cẩm Thuỷ	3
	Lôi Dương	Thọ Xuân	2
	Đông Cương	Đông Sơn	1
	Thuỵ Nguyên	Thiệu Hoá	1
	Tổng cộng	**Thanh Hoá**	**52**

Bảng 2. Bảng thống kê các điểm thờ cụ thể về thần Độc Cước ở Thanh Hoá
(Dựa theo Địa chí Thanh Hoá, Tập II, tr. 635-636)

Stt	Tên huyện xưa	Tên huyện nay	Tổng số	Làng xã thờ thần Độc Cước
1	Nga Giang	Nga Sơn	1	Thôn Sa loan xã Nga Văn
2	Thuần Lộc	Hậu Lộc	11	Thôn Khoan Dịch, xã Duy Tinh; xã Hà Liên; xã Uy Hổ; xã Phú Điền; xã Ngọc Đới; xã Bạch Đa; thôn Cát; thôn Xuân Thượng, xã Bái thuỷ; xã Diên Lộc; xã Trịnh Điện
3	Cổ Đằng	Hoằng Hoá	14	Xã Phùng Dục, thôn Bái; xã Ngọc Lâm, thôn Mỹ; Khê Vịnh; thôn Đôn Nghĩa; thôn Sơn Trang; thôn Xuyết; thôn Đại An; thôn My Du; thôn Long Thụy, xã Thanh Nga; xã Trinh Nga; thôn Bản Định.
4	Ngọc Sơn (bao gồm cả Nông Cống và một phần nam Quảng Xương)	Tĩnh Gia	15	Thôn Phú Đa Tiền; thôn Nga Thượng; thôn Tập Cát; thôn Du Thượng, xã Cung Hoàng; thôn Tường Loan; thôn Thịnh Lạc; thôn Tiền; thôn Hậu; thôn Hà Khẩn; thôn Xuân Phấn; thôn Trường, xã Cự Lăng; thôn Vũ An, xã Đa Lộc
5	Duyên Giác(Bắc Quảng Xương)	Quảng Xương	3	Xã Du vịnh; thôn Trường Lệ; thôn Lương Niệm
6	Lạc Thuỷ	Cẩm Thuỷ	3	Xã Quan Vịnh; xã Vân Trai; xã Phong Ý
7	Lôi Dương	Thọ Xuân	3	Thôn Hà Lũng Hạ; thôn Tiền
8	Đông Cương	Đông Sơn	1	Xã Dự Mao
9	Thuỵ Nguyên (Thiệu Hoá và một phần Yên Định)	Thiệu Hoá	1	Xã Như Lăng
52	**Tổng cộng**	**Thanh Hoá**	**52**	

Bảng 3. Những địa danh thờ thần Độc Cước ở ngoài tỉnh Thanh Hóa

(Nguồn tác giả luận án sưu tầm và tổng hợp)

STT	Đền thờ, Chùa	Vùng thờ	Nơi thờ
1	Đình thôn Đặng Xá thờ vọng Thiên Thần Độc cước.	Đặng Xá đã có dòng sông Nghĩa Giang, tổ tiên người việt cổ có mặt ở nơi đây ngay từ buổi đầu dựng nước.	Gia Lâm –Hà Nội
2	Đền Chúa ngự cạnh ngôi chùa mang tên Non Xuân thờ thần Độc Cước.	Thôn Khánh, xã Lương Phong, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.	Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang
3	Đình Phán Thủy thờ Độc Cước	Thờ hai vị thành hoàng làng là Nguyệt Lãng Đại vương và Trung Quốc Đại vương. Phối thờ cùng với hai ngài là Độc Cước Đại vương	Phán Thủy (xã Song Mai, Kim Động, Hưng Yên
4	Đình Vẽ Đông Ngạc	Nơi đây thờ ba bị thành hoàng: Độc Cước sơn tiên đại thánh; Lê Khôi (nhân thần); cháu của Lê Thái Tổ; Bảo vệ Chương Hoà (thổ thần)	Xã Đông Ngạc, huyện Từ Liêm, Hà Nội
5	Tượng thần Độc Cước	Tượng thần Độc Cước ở Linh Tiên Quán (Hoài Đức, Hà Nội).	Hoài Đức, Hà Nội
6	Đền thần Độc Cước	Đinh Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội thờ Thành Hoàng Làng Công Chúa Lê Thị Kim Bôi và thần Độc Cước (gần Sông Nhuệ)	Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
7	Đền Hiển Linh Từ	Đền thờ Mẫu, Quan lớn Tuần Tranh và thờ 4 vị thánh sư chuyên về bùa chú và ma thuật; Trương Đạo Lăng và Thái Thượng Lão Quân; tượng thần Độc Cước và Trần Hưng Đạo	Phường Khương Thượng, phố Tôn Thất Tùng, Đống Đa, Hà Nội
8	Chùa Phúc Khành	Tượng thần Độc Cước thờ ở Tổ đình Chùa Phúc Khành, Đống Đa, Hà Nội (phối thờ).	Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội
9	Đền thờ thần Độc Cước	Điểm di tích thờ thần Độc Cước ở vùng Việt Yên	Xã Tiên Sơn, Việt Yên, Bắc Giang

10	Thờ thần Độc Cước	Lạng Giang, Bắc Giang	Thị trấn Vôi-Lạng Giang, Bắc Giang
11	Chùa Non Xuân,	Lương Phong, Hiệp Hòa.	Lương Phong, Hiệp Hòa.
12	Thờ thần Độc Cước chùa Vĩnh Nghiêm,	huyện Yên Dũng, Bắc Giang	Xã Trí Yên, huyện Yên Dũng, Bắc Giang
13	Tượng thần Độc Cước ở đình Nội Đông,	huyện Lục Nam, Bắc Giang	Xã Yên Sơn, huyện Lục Nam, Bắc Giang
14	Tượng thần Độc Cước ở chùa Kiên Lao	Xã Xuân Kiên, huyện Xuân Trường, Nam Định	Xã Xuân Kiên, huyện Xuân Trường, Nam Định
15	Sự tích thần Tiêu Sơn Độc Cước	ở trại Bông Thắng, phường Phú Thứ, làng Yên Sơn, huyện Phong Phú, Yên Phong	Xã Yên Sơn, huyện Phong Phú, Bắc Giang
16	Đền thờ Tiêu Sơn Độc Cước. Đền thờ này nằm cạnh chùa Tư Ân (Bổ Đà)	Làng Thổ Hà còn có ngôi đền nhỏ gọi là đền Núi Lùn (thôn Lát Thượng, xã Tiên Sơn).	Xã Tiên Sơn, huyện Việt Yên, Bắc Giang
17	Nghè và chùa Hà Phú	huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng	Xã Hòa Bình, huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng
18	Vùng Núi Gôi, tỉnh Ninh Bình (theo truyền thuyết được Nguyễn Duy Hinh sưu tầm)	Vùng Núi Gôi, tỉnh Ninh Bình	Vùng Núi Gôi, tỉnh Ninh Bình
19	Đền Cô Tiên, dãy núi Trường Lệ, Sầm Sơn	(thần tích đền Cô Tiên, thần Độc Cước xuất thân ở thôn Triều Đông, huyện Bảo An, Phủ Lạng Sơn)	dãy núi Trường Lệ, Sầm Sơn, Thanh Hóa Thôn Triều

20	Thần Độc Cước thờ ở làng Dụ Tiên, tổng Hà Liễu,	Thanh Trì, Hà Nội	Tổng Hà Liễu, huyện Thanh Trì, Hà Nội
21	Thần tích đình Mỗ Xá,	Thần tích đình Mỗ Xá, xã Phú Nam An, Chương Mỹ, Hà Nội	Mỗ Xá, xã Phú Nam An, Chương Mỹ, Hà Nội
22	Thần Độc Cước	huyện Kim Bảng, Hà Nam	xã Phù Sơn, huyện Kim Bảng, Hà Nam
23	Thần Độc Cước	sự tích Tiêu Sơn Độc Cước Chu Văn Minh Quỉ Độc Đại Thần Tướng, Thần tích đình xã Phù Lưu, huyện Kim Bảng, Phủ Lý Nhân, tỉnh Hà Nam	Xã Phù Lưu, huyện Kim Bảng, Phủ Lý Nhân, tỉnh Hà Nam
24	thờ thần Độc Cước, huyện Kim Động, Hưng Yên	thờ thần Độc Cước, huyện Kim Động, Hưng Yên	huyện Kim Động, Hưng Yên
25	Sơn Tiêu Độc Cước Chu Văn Minh Quỷ Hải Đại Thần Tướng	huyện Vụ Bản Nam Định	xã Anh Sơn, huyện Vụ Bản Nam Định

Bảng 4. Thống kê một số lễ hội tiêu biểu ở trong và ngoài tỉnh thờ thần Độc Cước
(Theo Hoàng Minh Tường (2010), Tục thờ thần Độc Cước ở một số làng ven sông biển tỉnh thanh Hóa, luận án tiến sĩ văn hóa học, tr. 254-255)

STT	Tên lễ hội	Thời gian tổ chức (AL)	Địa điểm	Phần lễ	Phần hội
1	Lễ hội làng Núi, TX Sầm Sơn	12-14/2	Đền Thượng	-Tế Sơn Tiêu Độc Cước - Tế Tô Hiến Thành -Tế Hoàng Minh Tự	-Thi bánh chưng, bánh dày, - Đua thuyền, lắc thúng, đu tiên
2	Lễ hội cầu Ngư làng Diêm Phố, Hậu Lộc	22-24/2	-Nghè Cả - Đàn Lễ	-Lễ Phật -Tế lễ thần Độc Cước - Tế lễ các Thủy thần	-Hát trống quân - Bơi thuyền -Đánh Túm
3	Lễ hội làng Duy Tinh, Hậu Lộc	20-22/2	-Chùa -Nghè	--Lễ Phật -Tế lễ thần Độc Cước -Tế lễ Lý Thường Kiệt	- Hát trống quân - Bơi thuyền - Chơi đu
4	Lễ hội làng Phú Điền, Hậu Lộc	20-22/2	-Đình -Đền -Nghè -Lăng	-Tế lễ Bà Triệu -Tế lễ thần Độc Cước -Tế lễ Lục bộ triều đình	-Trò hội trận -Chơi đu - Đánh cờ người
5	Lễ hội làng My Du, Hoằng Hóa	07-09 tháng giêng	-Đình -Nghè	-Tế lễ Tiêu Sơn Độc Cước	-Hát thờ -Hát tuồng, chèo - Đua thuyền
6	Hội làng Nhân Cao, Thiệu Hóa	09-12 tháng giêng	-Nghè Thượng - Nghè Hạ	-Chàng Vược tứ linh đại vương -Quản Gia Đô Bác - Sơn Tiêu Độc Cước	- Đua thuyền - Hát giao chân sào - Múa đèn
7	Hội làng Vân Trai, Cẩm Thủy	12-14 tháng giêng	-Đình - Đền -Làng chạ	-Tế lễ Sơn Tiêu Độc Cước	- Hát tuồng -Hát xường - Hát đúm
8	Hội làng Tỵ thôn, Nông Cống	05-08 tháng ba	-Đình - Đền -Làng chạ	-Tế lễ Sơn Tiêu Độc Cước - Tế lễ Thánh Lưỡng	- Hát chèo thờ -Hát Séc bùa - Đua thuyền -Đánh cá thờ
9	Lễ hội làng Văn Quán, Hà Nội	15-17 tháng giêng	-Đình - Miếu	- Thần Độc Cước - Công chúa Lê Thị Ngọc Bội	-Chơi đu -Hát chèo - Bơi thuyền
10	Lễ hội làng Mỗ Xá, Hà Nội	22-25 tháng giêng	-Đình	-Đỗ lưỡng chi thần - Tuấn Lương chi thần -Độc Cước chi thần đại vương - Ý Chính phu nhân - Nhân lộc công chúa	- Hát chèo - Hát Chầu văn - Đống cây bông - Đập niu - Bắt vịt

IX. PHỤ LỤC TƯ LIỆU ẢNH

1. *Ảnh do tác giả luận án chụp khi đi điền dã đền thờ Độc Cước ở Sầm Sơn*

 Tượng thần Độc Cước ở Sầm Sơn	 Tượng thần Độc Cước ở Sầm Sơn
 Lễ hội Bánh Dày, tại Sầm Sơn	 Lễ hội Bánh Dày, tại Sầm Sơn
 Tập cờ trong lễ hội thần Độc Cước ở Sầm Sơn	 Lễ hội thần Độc Cước, tại Sầm Sơn

 Thi làm Bánh Dày ở Sầm Sơn	 Thi nấu bánh Dày ở Sầm Sơm
  Kiệu thần Độc Cước ở Sầm Sơn	 Bánh Dày làm xong chuẩn bị dâng cúng lên thần Độc Cước ở Sầm Sơn
 Đoàn rước Kiệu đến dưới chân đền Độc Cước ở Sầm Sơn	 Thi văn nghệ giữa các làng trong lễ hội thần Độc Cước làng ở Sầm Sơn

 Ngôi đền thần Độc Cước ở Sầm Sơn	 Trong cung cấm đền thần Độc Cước ở Sầm Sơn
 Bia đá tại đền Độc Cước ở Sầm Sơn	 Cổng lên đền Độc Cước ở Sầm Sơn Du khách đến tham quan đền
 Thuyền bè cập bến trên bãi biển Sầm Sơn, làng chài ngay sát chân đền Độc Cước	 Thuyền bè cập bến dưới chân đền Độc Cước ở Sầm Sơn

2.Ảnh tác giả luận án chụp khi đi điền dã đền thờ Độc Cước ở một số nơi khác

 Miếu thờ thần Độc Cước ở Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội (Ảnh tác giả chụp)	 Miếu thờ thần Độc Cước ở Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
 Bằng công nhận di tích tại đền thần Độc Cước ở Lộc Sơn, Hậu Lộc (Ảnh tác giảchụp)	 Tượng thần Độc Cước ở xã Lộc Sơn, Hậu Lộc
 Bằng công nhận di tích tại đền thần Độc Cước ở Nghè Mi Du, Hoằng Kim, Hoằng Hóa, Thanh Hóa	 Thần Độc Cước thờ ở Nghè Mi Du, Hoằng Kim, Hoằng Hóa, Thanh Hóa

 Chùa Vĩnh Nghiêm, Hậu Lộc, Thanh Hóa Ảnh tác giả chụp	 Miếu thờ vọng thần Độc Cước ở chùa Vĩnh Nghiêm, Hậu Lộc, thanh Hóa

3. Ảnh tư liệu do tác giả luận án sưu tầm trên Internet

 Tượng thần Độc Cước chùa Non Xuân Hiệp, Hòa, Bắc giang *(Ảnh, nguồn Internet)*	 Tượng thần Độc Cước ở Linh Tiên Quán (Hoài Đức, Hà Nội) *(Ảnh, nguồn Internet)*
 Tượng Thần Độc Cước (TK 18-19): thần đứng trên bệ tạo sóng nước.	 Lễ hội Thần Độc Cước 2017, dâng Bánh Dày nặng 2 tấn ở Sầm Sơn

Thần Độc Cước được thờ ở Đình Làng Vẽ, Đông Ngạc, Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Thần Độc Cước được thờ ở Đình Phán Thủy, xã Song Mai, Kim Động, Hưng Yên

Thần Độc Cước được thờ ở Chùa Kiên Lao, Xuân Kiên, Xuân Trường, Nam Định

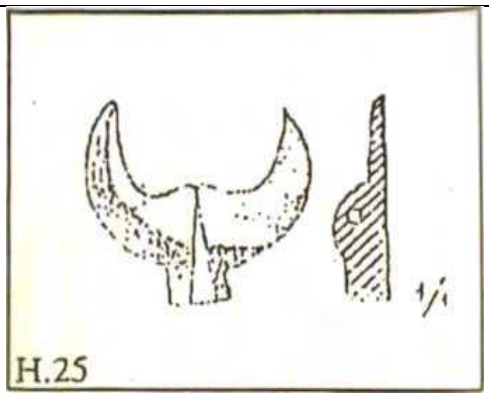

Tượng đầu trâu Đình Chàng

Bè mảng Sầm Sơn(Ảnh, Internet)
(Ảnh chụp, nguồn Internet)

Bè mảng Sầm Sơn (Ảnh, Internet)

Kéo lưới rùng trên bè mảng ở Sầm Sơn
(Ảnh, nguồn Internet)

Chiếc bè Sầm Sơn đang trên đường đi ngang Thái Bình Dương
(Ảnh, nguồn Internet)

DẤU BÀN CHÂN PHẬT

Hình trái: Dấu chân Phật bằng đá ở Gandhara, Hồi Quốc xuất hiện vào thế kỷ thứ 1 đến 2 sau Tây Lịch
Hình giữa: Dấu chân ở Loka-hteik-pan, Bagan, Miến Điện, năm 1157, với 108 hình tướng.
Hình phải: Dấu chân ở Tích Lan trang trí theo truyền thống sơ khai.

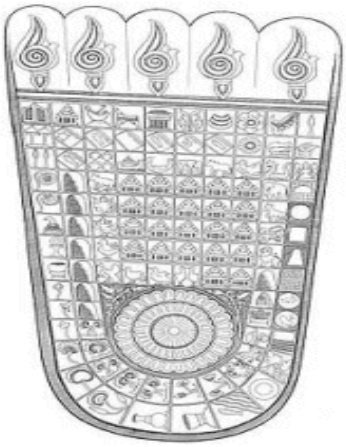

Bức vẽ phác bàn chân Phật bên trái tìm thấy ở Pakhan-gyi, Miến Điện, được coi là dấu chân Phật lớn nhất thế giới (Ảnh, nguồn Internet)

Dấu chân đá trên núi Cậu, núi Bà Đen
(Ảnh, nguồn Internet)

 Vòi rồng tại Kiên Giang. Ảnh: Internet (2003)	 Vòi rồng khổng lồ quét qua khu vực Moore, ngoại ô Oklahoma, Mỹ, (20/5/2013Internet**)**
 Các vòng thế hoàn lưu bão, Internet	 *Các vòng xoáy nước trên biển,Internet*
 Hình 1- Khúc cây và người tiền-sử. Nguồn Internet	 *Hình 2- Người tiền sử đi bè đang bị một con sấu đuổi theo, Nguồn Internet*

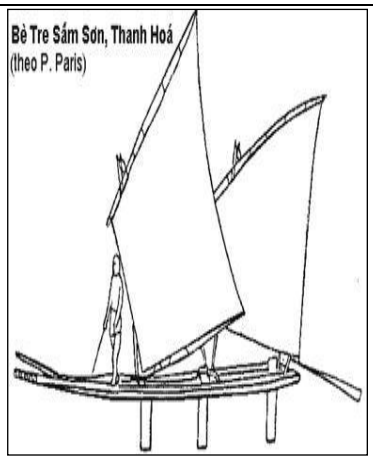

Hình 3: Bè Sầm Sơn, Thanh-Hoá
Nguồn Internet

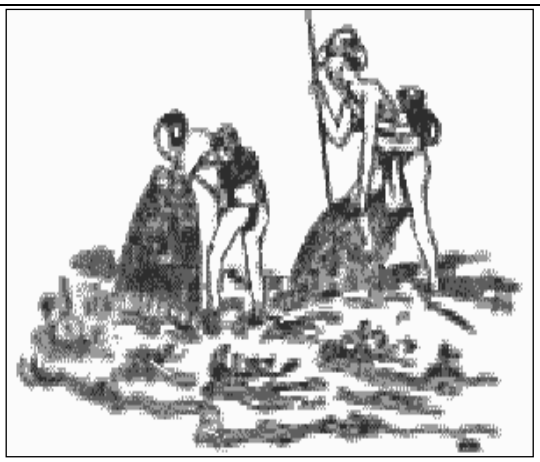

Hình 4: Cảnh bắt cá. Nguồn Internet

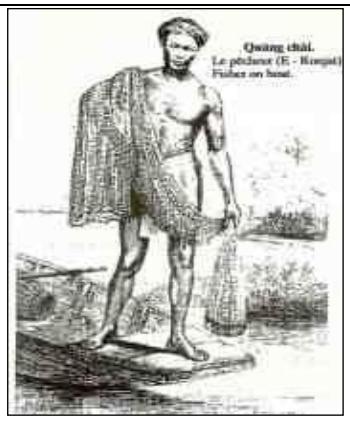

Hình 1 *Người lưới cá Việt-Nam*
Nguồn Internet

Hình 2*: Cách bắt cá Nguồn Internet*
Các phương tiện đánh bắt cá thời xưa

Hình 3.1. Nữ thần Mặt trăng La Mã
(*Nguồn Internet*)

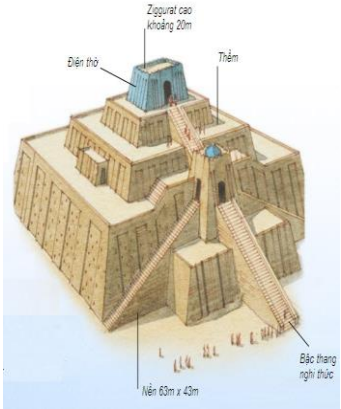

Thành phố Ur (*nguồn Internet)*